

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG  
PHÂN HIỆU HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP HỌC VIỆN**

**“NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC  
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU  
CỰC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ  
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC”**

**TP. HỒ CHÍ MINH - 2025**

## MỤC LỤC

### **BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO “NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC”**

*TS. Nguyễn Thị Phương – Phó Giám đốc Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh*

#### **PHẦN 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ**

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1. | <b>GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VÀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG - TỪ LUẬT HỒI TÝ ĐẾN NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH TRONG QUẢN LÝ CÔNG HIỆN ĐẠI</b><br><i>PGS.TS. Huỳnh Văn Thới – Nguyên Q. Giám đốc Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i> | 2  |
| 2. | <b>TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ – NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ HIỆN ĐẠI</b><br><i>ThS. Hà Mai Anh - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                           | 11 |
| 3. | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</b><br><i>ThS. Lâm Quang Thơ - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                         | 20 |
| 4. | <b>SỰ TÁC ĐỘNG CỦA THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b><br><i>TS. Phạm Thành Vao - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                            | 32 |
| 5. | <b>TÁC ĐỘNG CỦA THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Trần Hùng Phi - Học viện Chính trị khu vực II</i>                                                                                       | 47 |
| 6. | <b>VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG TRONG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>                                                                                                                                            | 57 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <i>ThS. Nguyễn Thị Linh Nhâm - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                                                                                                               |     |
| 7.  | <b>TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b><br><i>TS. Dương Huy Đức - Phó Vụ trưởng, Cơ quan TT miền Nam, Tạp chí Cộng sản</i>                                                                                                                              | 63  |
| 8.  | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG – MỘT YÊU CẦU CẤP THIẾT TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</b><br><i>Lê Văn Phúc - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                         | 73  |
| 9.  | <b>NHẬN DIỆN TÍNH NHÂN VĂN TRONG XỬ LÝ THAM NHŨNG</b><br><i>Phan Quốc Bảo – Thành ủy TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                                                                                                            | 84  |
| 10. | <b>VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>TS. Nguyễn Huy Phương - Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu</i>                                                                                                                                                                                          | 95  |
| 11. | <b>GIÁM SÁT CỦA CÔNG DÂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG</b><br><i>PGS.TS. Tạ Thị Thanh Tâm - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                    | 106 |
| 12. | <b>CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI - HƯỚNG ĐI CHIẾN LƯỢC TRONG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b><br><i>ThS. Đặng Thị Mai Dung - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                            | 119 |
| 13. | <b>CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA VÀ CÔNG CUỘC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>Lương Thị Thanh Thảo - Giảng viên Khoa Kiến thức cơ bản Trường CD Văn hóa Nghệ thuật</i><br><i>Trần Thị Diễm Trinh - Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Thái Bình Dương</i><br><i>Dương Quyền Trân - Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND phường</i> | 126 |

|                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|                                                                                    | <i>Thanh Mỹ Tây</i>                                                                                                                                                                                                                                             |     |
| 14.                                                                                | <b>PHÒNG, CHỐNG “THAM NHỮNG TINH THẦN” Ở VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Nguyễn Viết Bình &amp; ThS. Lâm Quang Thơ - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                             | 150 |
| 15.                                                                                | <b>GIÁO DỤC LIÊM CHÍNH CHO THANH NIÊN – CHIẾN LƯỢC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG TỪ GỐC</b><br><i>Võ Phước Lộc – Trường Đại học An ninh Nhân dân</i>                                                                                                                  | 159 |
| 16.                                                                                | <b>LỢI ÍCH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ TRONG NGĂN NGỪA, PHÒNG CHỐNG THAM NHỮNG</b><br><i>ThS. Phạm Thị Quỳnh Nga - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                  | 171 |
| 17.                                                                                | <b>PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG XUYỀN TẠC CUỘC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>TS, Trung tá Lê Hà Ninh - Phó Trưởng khoa, Khoa An ninh chính trị nội bộ Trường Đại học An ninh nhân dân</i> | 182 |
| 18.                                                                                | <b>TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA TRẦN THỦ ĐỘ VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG</b><br><i>Mai Viết Cường – Ban Tuyên giáo tỉnh Tây Ninh</i>                                                                                                   | 191 |
| <b>PHẦN 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |
| 19.                                                                                | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG Ở KHU VỰC CÔNG-THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP</b><br><i>TS. Lê Văn Quyển - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                           | 203 |
| 20.                                                                                | <b>ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG VÀ TIÊU CỰC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                              | 213 |
| 21.                                                                                | <b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC BẰNG CÁC BIỆN PHÁP TRÁCH NHIỆM HIẾN PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI GIỮ CHỨC VỤ NHÀ NƯỚC</b>                                                                                                                | 224 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <i>ThS. Lưu Đức Quang – Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)</i>                                                                                                                                                                                                                      |     |
| 22. | <b>MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP</b><br><i>TS. Đặng Thị Thu Phương - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i><br><i>ThS. Võ Văn Lượng - Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh</i> | 237 |
| 23. | <b>NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b><br><i>ThS. Phạm Văn Năm - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                           | 243 |
| 24. | <b>NHẬN DIỆN VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC BIỂU HIỆN MỚI CỦA THAM NHŨNG TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA</b><br><i>ThS. Dương Thị Lan Chi - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                         | 251 |
| 25. | <b>XÂY DỰNG CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC HIỆU QUẢ TRONG HÀNH CHÍNH CÔNG NHẪM NGĂN CHẶN THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM</b><br><i>Phan Hồng Thắm - Trung tâm Cung ứng Dịch vụ Văn hóa – Thể thao xã Tân An Hội, TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                            | 260 |
| 26. | <b>LIÊM CHÍNH KHOA HỌC – GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐỂ NGĂN CHẶN THAM NHŨNG TRI THỨC</b><br><i>Trần Thành Ân - Trường Đại học Khoa học sức khỏe (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh)</i>                                                                                                                                       | 271 |
| 27. | <b>TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ MINH BẠCH HÓA TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH – GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG HIỆU QUẢ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</b><br><i>ThS. Nguyễn Việt Bình - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                      | 283 |
| 28. | <b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC</b>                                                                                                                                                                                                                                                           | 295 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC - KINH NGHIỆM Ở MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Phạm Hồng Đạc - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                   |     |
| 29. | <b>THỰC HÀNH LIÊM CHÍNH CÔNG VỤ GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b><br><i>Dương Cao Tâm - Chuyên viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp</i>                                 | 302 |
| 30. | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG BẰNG VĂN HÓA</b><br><i>Lê Văn Phúc - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                       | 319 |
| 31. | <b>GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY</b><br><i>Th.S Đại úy Đặng Anh Tuấn - Trường Đại học An ninh Nhân dân</i>                                                                                       | 329 |
| 32. | <b>PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>ThS. Nguyễn Ngọc Bình - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i><br><i>TS. Nguyễn Thị Thúy Ngân – Trường Đại học Sài Gòn</i>                    | 338 |
| 33. | <b>GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ GIÁM SÁT CỦA CÔNG DÂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b><br><i>Lê Thị Tuyết Nhung – Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh</i><br><i>Phan Lê An – Sinh viên Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh</i> | 347 |
| 34. | <b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NHẪM PHÒNG CHỐNG LÃNG PHÍ, THAM NHŨNG KHI THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP</b><br><i>TS. Mai Đình Lâm - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                               | 357 |
| 35. | <b>CÔNG CỤ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM SOÁT LIÊM CHÍNH VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM- GÓC NHÌN NĂM</b>                                                                                                                                                                                      | 362 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <b>2025</b><br><i>ThS. GVC. Nguyễn Chi Mai - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                  |     |
| 36. | <b>ÁP DỤNG QUẢN TRỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỪ SỚM, TỪ XA</b><br><i>ThS. Châu Tiến Lộc - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                      | 370 |
| 37. | <b>NHẬN DIỆN VÀ KHẮC PHỤC CHỦ NGHĨA THÂN HỮU – GIẢI PHÁP CĂN CỐT ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>Lê Văn Phúc &amp; Trần Thị Huế - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                    | 380 |
| 38. | <b>GIẢI PHÁP SỐ HÓA CÔNG TÁC KÊ KHAI VÀ GIÁM SÁT TÀI SẢN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>ThS. Lê Thị Phương Thảo - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                        | 396 |
| 39. | <b>NHẬN DIỆN VÀ KHẮC PHỤC THAM NHŨNG KINH TẾ</b><br><i>Thiếu tá Huỳnh Minh Tiến – Công an TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                        | 404 |
| 40. | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG LĨNH VỰC THỂ THAO</b><br><i>ThS. Giáp Văn Thang - Sở Văn hóa Văn hóa – Thể thao TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                 | 413 |
| 41. | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ</b><br><i>Thiếu úy Phan Hồng Tươi – Bệnh viện Công an TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                             | 424 |
| 42. | <b>ĐỀ XUẤT MỘT SỐ MÔ HÌNH PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC VÀ LÃNG PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b><br><i>ThS. Bùi Thị Phương Lan - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                   | 433 |
| 43. | <b>TỪ CHỈ SỐ CORRUPTION PERCEPTIONS INDEX (CPI) Ở VIỆT NAM BÀN VỀ NHỮNG NỖ LỰC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b><br><i>ThS. Lê Thị Hoài Thương - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i> | 441 |
| 44. | <b>ĐÁNH GIÁ ĐỘ MẠNH CỦA CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY</b>                                                                                                                                                         | 450 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <i>ThS. Nguyễn Ngọc Toán - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
| 45. | <b>TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM, THAM NHŨNG VÀ HOẠT ĐỘNG TỰ PHÁP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2024</b><br><i>TS.GVC. Vũ Thế Hoài - Phó Trưởng khoa Luật, Trường Đại học Sài Gòn</i><br><i>ThS. Dương Thị Ngọc Thương - Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh</i><br><i>ThS. Đinh Bá Cường - Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh</i> | 462 |
| 46. | <b>KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG LÃNG PHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY</b><br><i>ThS. Vũ Thị Thu Hoàng - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                                       | 472 |
| 47. | <b>NHỮNG “ĐIỂM NGHỀN” TRONG THỰC THI LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ: ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b><br><i>Nguyễn Trần Khánh Hà – Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                   | 481 |
| 48. | <b>GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC LÃNG PHÍ VÀ THAM NHŨNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC NGUỒN LỰC CÔNG</b><br><i>Nguyễn Thị Thảo Nguyên – Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                          | 492 |
| 49. | <b>NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ LÃNG PHÍ TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b><br><i>Lê Nguyễn Minh Thư &amp; Đào Nguyễn Trúc Linh - Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                       | 501 |
| 50. | <b>SỰ CẦN THIẾT TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ ĐOÀN, ĐOÀN VIÊN PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TỪ SỚM, TỪ XA</b><br><i>Nguyễn Phạm Yến Vy &amp; Trần Nguyễn Hải Đăng - Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                     | 513 |
| 51. | <b>VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG TRONG CÔNG CUỘC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 522 |



|                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|                                                                                       | <i>Phan Gia Huy, Nguyễn Thị Hồng Nhân - Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                                                       |     |
| 52.                                                                                   | <b>ĐỀ XUẤT CÁC MÔ HÌNH VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH MỚI TRONG VIỆC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC HIỆN NAY</b><br><i>Phạm Minh Nguyên &amp; Nguyễn Phương Uyên &amp; Nguyễn Văn Đạt - Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>             | 534 |
| 53.                                                                                   | <b>ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH TRA TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TIÊU CỰC HIỆN NAY</b><br><i>Trần Thanh Phú - Sinh viên Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                               | 545 |
| <b>PHẦN 3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |     |
| 54.                                                                                   | <b>PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TỪ GÓC ĐỘ CHỐNG RỦA TIỀN: KINH NGHIỆM TỪ HOA KỲ, QUẦN ĐẢO CAYMAN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Hồ Bảo &amp; ThS. Huỳnh Dương Trí &amp; Võ Thị Thu Diễm – Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh</i>                                                            | 558 |
| 55.                                                                                   | <b>MẠNG XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM THAM KHẢO CHO VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                                                                          | 571 |
| 56.                                                                                   | <b>KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b><br><i>TS. Đặng Thị Thu Phương - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i><br><i>SV Nguyễn Quang Bình - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i> | 580 |
| 57.                                                                                   | <b>KINH NGHIỆM NHẬT BẢN VỀ TỰ CHỦ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GẮN VỚI KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC: BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</b><br><i>TS. Đặng Thanh Tuấn – Học viện Chính trị KV II</i><br><i>ThS. Bùi Thị Bình - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP.</i>                     | 590 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                    |     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <i>Hồ Chí Minh</i>                                                                                                                                                                                                                                 |     |
| 58. | <b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TỔ CẢO THAM NHỮNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Nguyễn Thị Kim Chi – Trường Cao đẳng Vĩnh Long</i><br><i>TS. Phan Văn Thành – Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh</i> | 598 |
| 59. | <b>PHÒNG CHỐNG THAM NHỮNG Ở SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC - BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                                                     | 606 |
| 60. | <b>PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG – KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM</b><br><i>ThS. Nguyễn Minh Lý - Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh</i>                       | 620 |

**BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO**  
**“NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC”**

***TS. Nguyễn Thị Phương***

***Phó Giám đốc Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công  
tại Thành phố Hồ Chí Minh***

*Kính thưa Quý vị đại biểu, Quý thầy cô, các nhà khoa học và toàn thể Hội thảo!*

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí không chỉ là một yêu cầu quản lý hành chính đơn thuần, mà còn là thước đo của sự minh bạch, tính liêm chính và niềm tin xã hội đối với bộ máy công quyền. Đây chính là nền tảng để củng cố lòng tin của Nhân dân, bảo đảm sự ổn định chính trị – xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững.

Đặc biệt, trong bối cảnh cả nước đang triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) với nhiều đổi mới về phân cấp, phân quyền, cơ quan hành chính nhà nước vừa trực tiếp vận hành quyền lực công, vừa giữ trọng trách phân bổ, quản lý và giám sát nguồn lực xã hội. Chính vì vậy, mọi lỗ hổng trong thể chế, mọi hạn chế trong cơ chế kiểm soát quyền lực, hay những biểu hiện suy thoái về đạo đức công vụ của một bộ phận cán bộ, công chức đều không chỉ gây lãng phí nguồn lực, cản trở phát triển, mà còn đe dọa niềm tin chính trị, văn hóa và xã hội.

Với sứ mệnh đào tạo, nghiên cứu và tư vấn chính sách, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định vai trò tiên phong trong việc chuẩn hóa hành vi công vụ, xây dựng văn hóa liêm chính và đóng góp cơ sở lý luận – thực tiễn cho quản trị công hiện đại. Hội thảo hôm nay chính là một diễn đàn khoa học – thực tiễn, nơi hội tụ tiếng nói của các nhà khoa học, nhà quản lý và sinh viên nhằm cùng trao đổi, phản biện, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Ban Tổ chức đã nhận được hơn 90 bài tham luận, trong đó 60 bài tiêu biểu được tuyển chọn đưa vào Kỷ yếu. Đây là nguồn tư liệu quý giá, vừa góp phần bổ sung, phát triển lý luận, vừa phản ánh thực tiễn sinh động trong quản lý, nhất là những vấn đề mới nảy sinh trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí gắn với quá trình đổi mới mô hình chính quyền địa phương.

Hội thảo được tổ chức theo hai phiên thảo luận chính: 1) Phiên thứ nhất: Tập trung phân tích cơ sở lý luận, bối cảnh lịch sử, kinh nghiệm quốc tế và trong nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; 2) Phiên thứ hai: Đi sâu nhận diện thực trạng, thách

thức hiện nay và đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả trong cơ quan hành chính nhà nước.

Các tham luận, ý kiến thảo luận sẽ xoay quanh bốn trục chủ đề trọng tâm: 1) Nhận diện hình thức, biểu hiện của tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính công, gắn với biến đổi trong cơ chế thực thi quyền lực; 2) Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, nâng cao trách nhiệm công vụ và xây dựng hệ thống liêm chính trong hành chính nhà nước; 3) Vai trò của đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và giáo dục liêm chính công vụ như một giải pháp căn cơ phòng ngừa tham nhũng có tính hệ thống; 4) Ứng dụng công nghệ hiện đại và đổi mới mô hình quản trị công để ngăn chặn, giảm thiểu các hành vi tiêu cực.

*Kính thưa Quý vị!*

Từ tinh thần đổi mới – liêm chính – trách nhiệm công vụ, chúng tôi kỳ vọng Hội thảo sẽ tạo nên những trao đổi học thuật sâu sắc, những đề xuất thực tiễn khả thi, góp phần hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng một nền hành chính trong sạch – hiện đại – hiệu quả.

Xin trân trọng cảm ơn sự hiện diện và những đóng góp quý báu của Quý đại biểu, Quý thầy cô và các nhà khoa học!

*Kính chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!*

**PHẦN 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ**  
**PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG,**  
**TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ**

# **GIÁ TRỊ TRUYỀN THÔNG VÀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG - TỪ LUẬT HỒI TỶ ĐẾN NGUYÊN TẮC KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH TRONG QUẢN LÝ CÔNG HIỆN ĐẠI**

***PGS.TS. Huỳnh Văn Thới<sup>1</sup>***

## **1. Đặt vấn đề**

Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí từ lâu đã là vấn đề vừa mang tính thời sự, vừa mang ý nghĩa chiến lược đối với mọi quốc gia. Đảng và Nhà nước đã kiên định xác định đây là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, gắn liền với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong nhiều năm qua, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước đã được đặt ở vị trí trung tâm của cải cách thể chế, gắn liền với yêu cầu xây dựng một nền hành chính liêm chính, minh bạch và hiệu quả. Hệ thống pháp luật đã có những bước hoàn thiện đáng kể: Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực ngoài nhà nước; cơ chế kê khai tài sản, thu nhập được luật hóa và từng bước triển khai; các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức được cụ thể hóa; thiết chế kiểm tra, giám sát được tăng cường.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, mặc dù biện pháp xử lý vi phạm ngày càng nghiêm khắc và quyết liệt, song tình trạng tham nhũng, tiêu cực vẫn diễn biến phức tạp, có xu hướng tinh vi hơn, khó phát hiện hơn. Điều này đặt ra câu hỏi về tính tương quan giữa “phòng” và “chống” trong chính sách công hiện hành. Trong luật thực định và thực tiễn thực hiện, trọng tâm thường đặt vào xử lý nghiêm minh các hành vi đã xảy ra, trong khi chưa chú tâm đúng mức tới cơ chế ngăn ngừa từ gốc rễ, xử lý ngay từ căn nguyên – nơi nảy sinh mọi nguy tham nhũng, tiêu cực và xung đột lợi ích.

Bối cảnh này càng trở nên phức tạp khi môi trường quản trị công ngày nay phải đối diện với sự gia tăng của các quan hệ lợi ích đa tầng, đan xen giữa công và tư, tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, cùng với yêu cầu cấp bách về nâng cao năng lực điều hành chính sách quốc gia trong những vấn đề xuyên biên giới như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, dịch bệnh. Nếu thiếu một khung pháp lý ngăn ngừa sớm, bộ máy công quyền sẽ luôn ở thế bị động – “chạy theo” để xử lý hậu quả, thay vì “đi trước” để kiểm soát rủi ro.

---

<sup>1</sup> Nguyễn Q. Giám đốc Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh đó, việc kế thừa, phát huy những giá trị pháp lý tinh túy truyền thống để bổ trợ cho cơ chế hiện đại không chỉ mang tính học thuật, mà còn là yêu cầu chiến lược. Lịch sử trị nước của tiền nhân để lại cho chúng ta cả một kho tiền lệ quý báu về áp dụng luật hồi tỵ như một công cụ kiểm soát quyền lực mềm dẻo nhưng hiệu quả, phòng ngừa tình trạng lạm dụng chức vụ để trục lợi hoặc thiên vị. Kết nối luật hồi tỵ của giá trị thông dân tộc với nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích trong quản trị công hiện đại, một hướng tiếp cận kết hợp sẽ mở ra khả năng bổ sung, bù đắp những khoảng trống mà cơ chế hiện tại kẻ hở.

Đây chính là một điểm nghẽn thể chế, nơi mà chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng chưa tạo lập được sự hài hòa giữa phòng ngừa và xử lý, giữa giá trị truyền thống và nguyên tắc hiện đại. Việc tháo gỡ điểm nghẽn này gắn liền với yêu cầu hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi, theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, nhằm tạo nền tảng cho một hệ thống quản lý công minh định, hiệu quả và bền vững.

## **2. Luật hồi tỵ trong truyền thống pháp luật Việt Nam và nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích trong quản lý công hiện đại**

### **2.1. Luật hồi tỵ trong truyền thống pháp luật Việt Nam**

Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, Luật hồi tỵ (迴避) là một trong những chế định đặc trưng phản ánh tư duy chính trị – pháp lý của nhà nước quân chủ tập quyền về việc ngăn ngừa sự thiên lệch, bảo đảm sự công minh trong trị nước. “Hồi tỵ”, xét theo nghĩa gốc, là hành vi “tránh đi để khỏi vướng mắc”. Trong ý nghĩa pháp lý, đó là cơ chế buộc quan lại phải rút lui, không tham gia xử lý vụ việc hoặc đảm nhiệm chức vụ nếu có mối liên hệ lợi ích hoặc quan hệ thân tộc có thể làm phương hại đến sự công minh. Chế định này xuất hiện từ thời Lý, được hệ thống hóa dưới triều Lê sơ và được tiếp nối trong pháp luật triều Nguyễn, trở thành một nét đặc thù của truyền thống pháp luật Việt Nam<sup>2</sup>.

Ngay từ thời Lê sơ, bộ *Quốc triều hình luật* (còn gọi là Bộ luật Hồng Đức) đã có những quy định rõ ràng về hồi tỵ. Luật định quan lại khi xét xử vụ án hoặc giải quyết việc công mà liên quan đến thân nhân, quê quán hay người quen thân thì phải “tỵ chức”, tức rút khỏi việc đó để tránh tình trạng thiên vị hay tư lợi. Một điều khoản tiêu biểu nêu rõ, những quan lại nào mà xử kiện có quan hệ đến thân thích từ hàng thân thuộc trở xuống,

---

<sup>2</sup> Vũ Văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam và tư pháp sử*, Sài Gòn: Bộ Quốc gia Giáo dục, 1961, tr. 143–150

thì phải bẩm báo để giao cho quan khác xử; nếu không khai báo mà vẫn xử, thì bị tội biếm.

Trong *Hoàng Việt luật lệ* (Bộ Luật Gia Long), thiết chế hồi ty tiếp tục được kế thừa và quy định chặt chẽ hơn. Bộ luật Gia Long quy định quan lại không được xử lý công việc ở quê hương mình hoặc liên quan tới cha mẹ, anh em ruột, con cái; đồng thời, những vụ án có liên quan đến bạn bè thân thiết cũng nằm trong diện phải hồi ty. Đây chính là sự thể chế hóa nguyên tắc công bằng trong quản trị, nhằm ngăn ngừa từ gốc rễ nguy cơ tư lợi và bảo đảm “công chính vô tư” – giá trị nền tảng của nền pháp quyền.

Tư tưởng hồi ty không chỉ hiện diện trong các bộ luật chính thức, mà còn trở thành thông lệ hành chính xuyên suốt nhiều triều đại. Luật hồi ty phản ánh ý thức sớm về trách nhiệm công vụ và cơ chế phòng ngừa xung đột lợi ích trong văn hóa chính trị Việt Nam. Ở đây, có thể thấy tiền nhân ta đã không chỉ chú trọng đến việc trừng trị tham nhũng sau khi xảy ra, mà còn quan tâm tới biện pháp ngăn chặn nguy cơ từ trước, bảo vệ sự liêm chính của bộ máy.

Ngoài ra, luật hồi ty còn có tác dụng giáo hóa, định hướng đạo đức cho quan lại. Khi một viên quan bị buộc phải rút lui khỏi việc xử lý công việc có liên quan đến gia đình hoặc người quen, điều đó nhắc nhở họ rằng lợi ích công phải đặt lên trên lợi ích cá nhân, và sự công tâm, khách quan là chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp không thể bị xâm phạm. Từ góc độ này, hồi ty là sự kết hợp hài hòa giữa pháp luật và đạo lý, vừa răn đe, vừa giáo dục.

Từ góc độ khoa học hành chính và pháp luật công hiện đại, luật hồi ty của Việt Nam chứa đựng những giá trị bền vững:

Một là, phòng ngừa rủi ro từ gốc (*ex ante prevention*), loại bỏ điều kiện phát sinh xung đột lợi ích trước khi hành vi tiêu cực có cơ hội xảy ra.

Hai là, bảo vệ tính liêm chính của bộ máy công vụ, tránh tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”.

Ba là, gắn kết pháp luật với chuẩn mực đạo đức, quy định hồi ty không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là yêu cầu đạo đức quan lại.

Như thế, bài học quan trọng cho quản lý công hiện đại là phòng ngừa phải được đặt ngang hàng, thậm chí đặt lên trên xử lý vi phạm, và cần kết hợp giữa chế tài pháp lý và xây dựng văn hóa liêm chính.



## 2.2. Nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích trong quản lý công hiện đại

Trong quản trị công hiện đại, khái niệm xung đột lợi ích được hiểu là tình huống mà lợi ích cá nhân của người thực thi công vụ có thể ảnh hưởng hoặc dường như ảnh hưởng đến tính khách quan, liêm chính trong việc thực hiện nhiệm vụ công<sup>3</sup>. Kiểm soát xung đột lợi ích vì thế trở thành một nguyên tắc quản trị công quan trọng, được thừa nhận rộng rãi trên phạm vi toàn cầu.

*Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC, 2003)*, mà Việt Nam là thành viên từ năm 2009, nhấn mạnh các quốc gia phải áp dụng biện pháp phòng ngừa, bao gồm quy định về xung đột lợi ích trong tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, công chức. UNCAC coi việc kiểm soát xung đột lợi ích là yếu tố không thể thiếu để phòng ngừa tham nhũng một cách chủ động<sup>4</sup>.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) trong *Guidelines for Managing Conflict of Interest in the Public Service* (2003) đã đưa ra khung hướng dẫn chi tiết, trong đó nhấn mạnh rằng xung đột lợi ích không phải lúc nào cũng đồng nghĩa với hành vi tham nhũng, nhưng nếu không được kiểm soát, nó sẽ tạo điều kiện cho tham nhũng nảy sinh<sup>5</sup>. Theo OECD, có nhiều loại xung đột lợi ích: xung đột lợi ích thực tế, xung đột lợi ích tiềm ẩn và xung đột lợi ích đã được nhận thức. Do đó, giải pháp không chỉ là xử lý khi vi phạm xảy ra, mà là thiết lập một cơ chế phòng ngừa hiệu quả, bao gồm minh bạch tài sản, kê khai thu nhập, cơ chế luân chuyển cán bộ, và cơ chế giám sát độc lập.

Ở Việt Nam, nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích đã được thể chế hóa trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 có một số điểm mới liên quan đến xung đột lợi ích, tập trung vào việc làm rõ khái niệm, các trường hợp xung đột, và các biện pháp kiểm soát. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng hướng dẫn chi tiết hơn về kiểm soát xung đột lợi ích, đặc biệt là các trường hợp cụ thể có thể xảy ra xung đột lợi ích trong thực tế; thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích; xử lý thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích. Có thể nói, đây là bước tiến quan trọng

---

<sup>3</sup> World Bank, *Conflicts of Interest: Quick Reference Guide*, Washington D.C.: World Bank, 2010, p. 2.

<sup>4</sup> United Nations, *United Nations Convention against Corruption (UNCAC)*, New York: UN, 2003, Articles 7–8.

<sup>5</sup> OECD, *Managing Conflict of Interest in the Public Service: OECD Guidelines and Country Experiences*, Paris: OECD Publishing, 2003, pp. 24–25.

trong việc tiếp cận chuẩn mực quản trị hiện đại, đồng thời tạo nền tảng pháp lý để triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

Thực tiễn gần đây ở Việt Nam cũng cho thấy tầm quan trọng của kiểm soát xung đột lợi ích. Nhiều vụ việc tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm bị xử lý nghiêm minh, như trong lĩnh vực đất đai, tài chính, y tế, giáo dục, đều xuất phát từ sự thiếu minh bạch và không kiểm soát chặt chẽ xung đột lợi ích. Các báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhấn mạnh cần hoàn thiện thể chế và tăng cường các biện pháp phòng ngừa mang tính hệ thống, trong đó kiểm soát xung đột lợi ích là một nội dung trọng tâm.

### **2.3. Sự tương đồng và khác biệt giữa luật hồi ty và nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích**

Khi đặt luật hồi ty của truyền thống pháp luật Việt Nam bên cạnh nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích của quản trị công hiện đại, có thể nhận thấy nhiều điểm tương đồng về tư tưởng, nhưng cũng có sự khác biệt về phạm vi và mức độ thể chế hóa.

Điểm tương đồng rõ rệt nhất là mục tiêu chung: cả hai đều nhằm ngăn ngừa sự chi phối của quan hệ cá nhân, lợi ích tư đối với việc thực thi công vụ. Trong hồi ty, sự ngăn ngừa tập trung vào quan hệ huyết thống, hương lý và bằng hữu, còn trong quản trị hiện đại, nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích mở rộng hơn, bao gồm cả quan hệ kinh tế, lợi ích tài chính, và các mối quan hệ xã hội phức tạp khác.

Về cơ chế, luật hồi ty thiên về quy định mang tính mệnh lệnh, áp dụng trực tiếp, gắn với chuẩn mực đạo đức quan lại. Trong khi đó, nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích hiện đại được triển khai đa tầng: vừa có chế định pháp lý bắt buộc, vừa có biện pháp quản lý mềm dẻo như kê khai tài sản, cơ chế minh bạch, quy tắc ứng xử nghề nghiệp.

Sự khác biệt quan trọng khác nằm ở nền tảng xã hội. Luật hồi ty tồn tại trong bối cảnh xã hội phong kiến, dựa vào cơ chế kiểm soát quyền lực tập trung của triều đình và chuẩn mực Nho giáo. Nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích hiện nay đặt trong bối cảnh nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và xã hội dân chủ, nơi quyền lực nhà nước phải được kiểm soát bởi nhiều thiết chế độc lập, và trách nhiệm giải trình được coi là nguyên tắc cốt lõi.

Chính sự tương đồng và khác biệt ấy cho phép ta nhận thấy một mối liên hệ xuyên thời gian: luật hồi ty là tiền đề tư tưởng và là minh chứng cho tinh thần “phòng ngừa từ gốc” trong truyền thống, còn nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích là sự phát triển hiện đại, toàn diện và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

### 3. Giá trị kế thừa và gợi mở chính sách

Khi nhìn lại dòng chảy lịch sử, có thể khẳng định rằng luật hồi ty trong truyền thống pháp luật Việt Nam không chỉ là một hiện tượng lập pháp mang tính thời kỳ, mà là minh chứng cho tư duy trị quốc của tiền nhân, trong đó “công” luôn được đưa lên trên “tư”, và “liêm” trở thành chuẩn mực bất biến trong hoạt động công vụ. Đặt trong bối cảnh hiện nay, khi quản trị công phải đối diện với nhiều thách thức như tham nhũng, lợi ích nhóm, lạm quyền, thì việc nghiên cứu, kế thừa và phát triển tinh thần của luật hồi ty để làm giàu thêm cho nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích là một yêu cầu vừa mang tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn cấp bách.

#### 3.1. Giá trị kế thừa từ luật hồi ty

*Giá trị đầu tiên và rõ ràng nhất chính là tư duy phòng ngừa.* Luật hồi ty thể hiện một cơ chế kiểm soát từ gốc, tức là không chờ đợi sai phạm xảy ra mới xử lý, mà chủ động ngăn chặn những khả năng dẫn đến thiên lệch và tư lợi. Đây là điểm trùng hợp đáng chú ý với triết lý “prevention is better than cure” (phòng bệnh hơn chữa bệnh) trong quản trị công hiện đại mà OECD và Ngân hàng Thế giới thường nhấn mạnh<sup>6</sup>. Điều này quả quyết, mặc dù ra đời trong bối cảnh phong kiến, luật hồi ty vẫn mang trong mình một hạt nhân hợp lý vượt biên, có thể soi sáng cho những thảo luận đương đại về cải cách thể chế.

*Giá trị thứ hai là sự nhấn mạnh đến tính liêm chính của công vụ.* Khi buộc quan lại phải rút lui khỏi các vụ việc liên quan đến gia đình hay người quen, luật hồi ty ngầm định rằng sự công tâm là nguyên tắc không thể bị thương lượng. Liêm chính, trong truyền thống Nho giáo, là “gốc của trị quốc” (liêm chính vi trị bản); Trong quản trị hiện đại, liêm chính là chuẩn mực toàn cầu, được UNCAC khẳng định như một yêu cầu cơ bản đối với công chức. Như vậy, từ luật hồi ty cho tới các nguyên tắc quốc tế, có thể thấy một sự nối dài liên tục của tinh thần liêm chính trong quản trị nhà nước.

*Giá trị thứ ba là bài học về tính khả thi và sự răn đe.* Luật hồi ty trong các bộ luật cổ không chỉ mang tính hình thức mà có chế tài cụ thể: quan lại vi phạm sẽ bị biếm chức, giáng cấp hoặc xử phạt. Điều này cho thấy tiền nhân ta đã viển kiến, để một nguyên tắc có hiệu lực, cần phải có cơ chế bảo đảm thực thi. Trong quản lý công hiện đại, đây cũng chính là yêu cầu then chốt đặt ra: cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích sẽ trở nên vô nghĩa nếu chỉ dừng lại ở tuyên ngôn, mà không gắn liền với công cụ pháp lý, chế tài rõ ràng và cơ chế giám sát độc lập.

---

<sup>6</sup> OECD, *Preventing Corruption in Public Procurement* (Paris: OECD Publishing, 2016), p. 12.

### 3.2. Gợi mở chính sách cho quản trị công hiện đại

Việc kế thừa tinh thần minh triết của luật hồi ty để củng cố nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích trong bối cảnh Việt Nam hiện nay có thể được định hướng theo một số gợi mở chính sách sau.

*Thứ nhất, thể chế hóa triệt để hơn các tình huống xung đột lợi ích.* Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã bước đầu liệt kê các trường hợp điển hình, song phạm vi còn chưa đầy đủ so với chuẩn mực quốc tế. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của Singapore, nơi các quy định về kê khai và xử lý xung đột lợi ích rất chi tiết, từ việc tham gia đấu thầu, hợp đồng công, cho đến nhận quà tặng và quan hệ tài chính...<sup>7</sup>. Việc cụ thể hóa sẽ giúp giảm khoảng trống pháp lý, đồng thời tăng tính răn đe và minh bạch.

*Thứ hai, kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật cứng và cơ chế mềm.* Nếu như luật hồi ty truyền thống thiên về mệnh lệnh – cấm đoán, thì quản trị công hiện đại cần bổ sung thêm cơ chế mềm, như các bộ quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, cơ chế tự giám sát của các hiệp hội nghề. OECD nhấn mạnh rằng, kết hợp giữa “hard law” và “soft law” sẽ tạo nên một mạng lưới đa tầng, gia tăng hiệu quả quản trị<sup>8</sup>.

*Thứ ba, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.* Hồi ty trong thời phong kiến chủ yếu dựa trên sự tự giác khai báo của quan lại. Trong bối cảnh hiện nay, khi mối quan hệ lợi ích trở nên phức tạp và khó nhận diện, cần có cơ chế minh bạch hóa bắt buộc, như kê khai tài sản, thu nhập, công khai thông tin về lợi ích liên quan và thiết lập cơ chế giải trình trước công chúng. Đây là biện pháp quan trọng để xây dựng niềm tin xã hội, vốn là “vốn chính trị” thiết yếu của mọi chính quyền hiện đại<sup>9</sup>.

*Thứ tư, thiết lập cơ chế luân chuyển và tách bạch chức năng.* Một số quy định về hồi ty thời phong kiến đã thực hiện điều này, như không để quan lại xử việc ở quê hương mình, hoặc tránh xử lý những vụ án liên quan đến họ hàng. Tinh thần ấy có thể được vận dụng trong bối cảnh hiện nay thông qua luân chuyển cán bộ, giới hạn thời gian đảm nhiệm chức vụ, hoặc tách bạch chức năng giữa các cơ quan có khả năng chồng lấn lợi ích. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc xoay vòng cán bộ kiểm toán và thanh tra định kỳ đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc giảm nguy cơ móc nối lợi ích<sup>10</sup>.

<sup>7</sup> Quah, Jon S. T., *Curbing Corruption in Asian Countries: An Impossible Dream?* (Bingley: Emerald Group Publishing, 2011), pp. 189–195.

<sup>8</sup> OECD, *Managing Conflict of Interest in the Public Service*, Paris: OECD Publishing, 2003, p. 48.

<sup>9</sup> Fukuyama, Francis, *Political Order and Political Decay*, New York: Farrar, Straus and Giroux, 2014, pp. 371–373.

<sup>10</sup> Kim, Pan Suk, “Administrative Reform in South Korea: New Public Management and the Bureaucracy,” *International Review of Administrative Sciences* 65, no. 2 (1999): 303–318.

*Thứ năm, củng cố vai trò giám sát xã hội.* Trong truyền thống, hội ty chủ yếu dựa trên cơ chế nhà nước, ít có yếu tố giám sát xã hội. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, báo chí, tổ chức xã hội, và công dân có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện và phản ánh các tình huống xung đột lợi ích. Kinh nghiệm của các nước Bắc Âu cho thấy, sự tham gia tích cực của xã hội dân sự là một trong những “lá chắn” hiệu quả nhất chống lại sự lạm dụng quyền lực<sup>11</sup>.

### **3.3. Ý nghĩa đối với tiến trình cải cách quản trị công hiện đại ở Việt Nam**

Việc kế thừa tinh thần luật hội ty không chỉ có giá trị biểu tượng chứng minh rằng trong truyền thống pháp luật Việt Nam đã có hạt nhân của quản trị minh bạch, mà còn góp phần tạo dựng cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện pháp luật hiện đại. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập sâu vào hệ thống quản trị toàn cầu.

Trong cải cách quản lý công, nếu chỉ du nhập rập khuôn các chuẩn mực quốc tế mà đứt đoạn với giá trị truyền thống, thì pháp luật sẽ dễ trở nên xa lạ và khó bén rễ trong đời sống xã hội. Ngược lại, nếu biết phát huy những giá trị đã sáng giá qua thời gian, như luật hội ty, thì pháp luật hiện đại sẽ có nền tảng vững chắc hơn, được cộng đồng chấp nhận hơn, và từ đó, khả năng thực thi sẽ cao hơn.

### **Kết luận**

Trong dòng chảy phát triển của tư tưởng pháp luật và quản trị nhà nước Việt Nam, luật hội ty nổi lên như một minh chứng đặc biệt về sự nhạy bén và minh triết của tổ tiên ta trong việc xây dựng cơ chế bảo đảm liêm chính công vụ. Dù xuất hiện trong bối cảnh xã hội phong kiến, luật hội ty đã sớm soi đường cho tư duy quản trị hiện đại: không đợi sai phạm xảy ra mới xử lý, mà chủ động phòng ngừa từ gốc, bằng cách hạn chế tối đa khả năng quan chức bị chi phối bởi quan hệ huyết thống, thân hữu hay lợi ích cá nhân. Ở điểm này, luật hội ty không chỉ mang tính lịch sử, mà còn cho thấy một tầm nhìn vượt thời đại, có giá trị gợi mở sâu sắc cho quản trị công đương đại.

Nếu như luật hội ty trong quá khứ đặt nền móng cho nguyên tắc công tâm và vô tư trong quản lý, thì trong hiện tại, nó cung cấp cơ sở văn hóa – pháp lý để củng cố nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Truyền thống và hiện đại không phải là hai dòng chảy tách biệt, mà là hai nhánh hợp lưu, nơi tinh thần quốc túy

---

<sup>11</sup> Rothstein, Bo, *The Quality of Government: Corruption, Social Trust, and Inequality in International Perspective*, Chicago: University of Chicago Press, 2011, pp. 142–145.

tiếp sức cho cải cách thể chế đương đại, đồng thời giúp các chuẩn mực quốc tế bén rễ sâu hơn trong lòng xã hội. Chính sự giao thoa này sẽ làm cho quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vừa có tính phổ quát, vừa có bản sắc riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi những vấn đề như tham nhũng, lợi ích nhóm, và sa sút niềm tin công chúng đang trở thành thách thức lớn, việc kế thừa tinh thần hội tụ để phát triển các cơ chế kiểm soát quyền lực và bảo đảm liêm chính công vụ mang ý nghĩa vừa khoa học, vừa thực tiễn. Đây không chỉ là sự trở về với truyền thống, mà còn là cách để củng cố nền móng cho cải cách quản trị, nhằm xây dựng một nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả và phục vụ nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, luật hội tụ và nguyên tắc kiểm soát xung đột lợi ích là bản lề nối quá khứ với hiện tại, đồng thời mở ra con đường hướng tới tương lai. Sự kết hợp giữa giá trị truyền thống với các chuẩn mực tiến bộ của quản trị toàn cầu sẽ giúp Việt Nam từng bước hiện thực hóa mục tiêu “xây dựng nền công vụ liêm chính, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả” mà Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần khẳng định trong các văn kiện chiến lược về cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Việc nghiên cứu và phát huy di sản pháp lý truyền thống sẽ trở thành nguồn lực tinh thần và trí tuệ quan trọng, góp phần làm giàu thêm cho khoa học pháp lý Việt Nam, đồng thời phục vụ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững đất nước trong thế kỷ XXI.

# **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

## **– NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ HIỆN ĐẠI**

**ThS. Hà Mai Anh<sup>12</sup>**

**Tóm tắt:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm, chống lãng phí không chỉ là một nguyên tắc đạo đức cách mạng mà còn là định hướng quan trọng trong quản lý nhà nước và thực thi công vụ. Trong bối cảnh hiện nay, khi cải cách hành chính và xây dựng nền công vụ liêm chính, hiệu quả đang là yêu cầu cấp thiết, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để hình thành và củng cố đạo đức công vụ mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Bài viết tập trung làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm, chống lãng phí và phân tích vai trò định hướng của tư tưởng đó trong việc xây dựng đạo đức công vụ hiện đại.

**Từ khóa:** Hồ Chí Minh, tiết kiệm, chống lãng phí, đạo đức công vụ, công chức.

### **1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm, chống lãng phí**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, đạo đức và xã hội. Trong đó, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí là một nội dung nổi bật, gắn liền với đạo đức cách mạng, với phẩm chất của người cán bộ, đảng viên, và với hiệu quả của bộ máy nhà nước. Theo Hồ Chí Minh, tiết kiệm và chống lãng phí luôn gắn bó mật thiết với nhau, có ý thức tiết kiệm mới có tinh thần chống lãng phí. Tiết kiệm, chống lãng phí không chỉ là một yêu cầu kinh tế mà còn là biểu hiện của tinh thần trách nhiệm đối với dân, với nước và với sự nghiệp cách mạng.

#### ***Về tiết kiệm***

Tiết kiệm, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, là một đức tính cần thiết, là biểu hiện cụ thể của lối sống giản dị, liêm khiết và chính trực. Trong bài viết “*Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*” được đăng trên Báo Cứu quốc vào năm 1949, Người đã làm rõ thế nào là tiết kiệm: tiết kiệm không phải keo kiệt, mà là không xa xỉ, không lãng phí, không bừa bãi, và tiết kiệm được xem như đức tính đạo đức đầu tiên của người cách mạng, phục vụ lợi ích đất nước và nhân dân. Cách hiểu này cho thấy tiết kiệm là một chuẩn mực đạo đức, một phương thức tổ chức và quản lý nguồn lực hiệu quả. Ngược lại với tiết kiệm là lãng phí – mà theo Hồ Chí Minh, đó là biểu hiện của chủ nghĩa

---

<sup>12</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

cá nhân, của lối sống quan liêu, hình thức, là căn nguyên làm suy yếu sức mạnh của cách mạng.

Hồ Chí Minh đề cập đến nội dung tiết kiệm trên rất nhiều bình diện: tiết kiệm về thời gian, tiết kiệm về công sức lao động, tiết kiệm về tiền của và ai phải tiết kiệm, đều được Người giải thích rất cụ thể. Người luôn nhắc nhở mọi người phải biết tiết kiệm thời giờ của mình và tiết kiệm thời gian của người khác. Thời giờ cũng cần phải tiết kiệm như của cải “Của cải nếu hết, còn có thể làm thêm. Khi thời giờ đã qua rồi, không bao giờ kéo nó trở lại được. Có ai kéo lại ngày hôm qua được không?”<sup>13</sup>. Người yêu cầu các cơ quan hành chính phải tránh mọi hình thức chi tiêu xa hoa, hội họp kéo dài, làm việc kém hiệu quả. Người từng nhấn mạnh: nếu lãng phí một giờ là một tội ác đối với nhân dân lao động. Điều này thể hiện rõ quan điểm tiết kiệm thời gian và hiệu quả làm việc là trách nhiệm công vụ. Tiết kiệm thời gian không chỉ là chuyện quản lý công việc, mà còn phản ánh tư cách đạo đức, ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự chủ động trong sắp xếp công việc và thời gian. Người đưa ra lời khuyên là làm việc gì cũng phải có kế hoạch, phải đúng giờ, đúng lúc, không chậm trễ, không lười biếng. Ai biết tiết kiệm thời gian, biết quý trọng giờ giấc là người biết tôn trọng tập thể, tôn trọng xã hội.

Hồ Chí Minh cũng đặt vấn đề tiết kiệm gắn liền với công sức lao động, một nội dung quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển đất nước một cách bền vững. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng muốn tiết kiệm sức lao động cần phải tổ chức lao động hợp lý, khoa học, chống lãng phí, làm cho sức lao động bỏ ra thu được hiệu quả cao nhất. Tư tưởng này phản ánh tầm nhìn tiến bộ, coi trọng vai trò của con người trong sản xuất và khuyến khích ứng dụng kỹ thuật, cải tiến quy trình lao động nhằm giảm thiểu sự tiêu tốn không cần thiết về nhân lực.

Bên cạnh đó cũng cần phải biết sử dụng hợp lý ngân sách, tài sản công và phân bổ nguồn lực cho phát triển. Người nhắc nhở: “Tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô”<sup>14</sup>. Tư tưởng này thể hiện rõ tính nghiêm khắc của Người trong việc xử lý các hành vi lãng phí trong bộ máy công quyền. Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn sau chiến tranh, việc tiết kiệm sức lao động được Hồ Chí Minh xem như một giải pháp chiến lược để tăng năng suất mà không cần tăng đầu tư lớn. Điều này đòi hỏi phải cải tiến công

---

<sup>13</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, H, 2011, t.6, tr. 123

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr. 356



cụ sản xuất, tổ chức lại lao động theo hướng khoa học, kết hợp giữa lao động thủ công và cơ giới hóa. Quan điểm này cũng đặt nền móng cho việc xây dựng một nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững – những mục tiêu mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

### ***Về chống lãng phí***

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng vững chắc cho tư tưởng tiết kiệm và chống lãng phí, xem đó là một trong những phẩm chất đạo đức hàng đầu của người cán bộ cách mạng. Tác phẩm “*Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*” (1952) là văn kiện tiêu biểu thể hiện sâu sắc quan điểm của Người về vấn đề này. Người từng nêu rõ quan điểm phải thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu và coi các căn bệnh này như giặc nội xâm. Sự ví von này cho thấy Hồ Chí Minh coi lãng phí là một thứ “giặc” làm xói mòn đạo đức, phá hoại tài sản của nhân dân, gây mất lòng tin vào bộ máy công quyền.

Hồ Chí Minh coi chống lãng phí không chỉ là biện pháp quản lý kinh tế, mà còn là hành động đạo đức và yêu nước. Người đã chỉ rõ những biểu hiện của lãng phí: Lãng phí vật chất: Sử dụng sai mục đích hoặc vượt mức cần thiết trong chi tiêu công, xây dựng, tiếp khách, hội họp...; Lãng phí thời gian và nhân lực: Làm việc không khoa học, kéo dài quy trình, hội họp không hiệu quả; Lãng phí cơ hội phát triển: Thiếu đổi mới, trì trệ trong quản lý và cải tiến kỹ thuật khiến năng suất lao động thấp. Hồ Chí Minh đặc biệt phê phán bệnh phô trương, hình thức và tiếp khách xa hoa. Người viết: “Hiện nay, có những cuộc khai hội, những lễ kỷ niệm, những đám yến tiệc tốn hàng vạn, hàng chục vạn. Cần phải chấm dứt nạn phô trương, lãng phí ấy”<sup>15</sup>. Lãng phí là một trong những căn bệnh nguy hiểm, diễn ra âm thầm, từ nhỏ cho đến lớn và khi gộp lại sẽ gây thiệt hại lớn về công sức và tài sản của nhân dân, của Chính phủ.

Bên cạnh việc nêu ra những biểu hiện lãng phí, Người cũng chỉ ra nguyên nhân của bệnh lãng phí “Lãng phí có nhiều nguyên nhân. Hoặc vì lập kế hoạch không chu đáo. Hoặc vì trong khi thực hiện kế hoạch tính toán không cẩn thận. Hoặc vì bệnh hình thức xa xỉ, phô trương. Hoặc vì thiếu tinh thần bảo vệ của công. Nói tóm lại là vì thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu ý thức quý trọng sức của, sức người của Nhà nước và của nhân dân”<sup>16</sup>. Nguyên nhân của bệnh lãng phí là từ bệnh quan liêu, hay sâu xa hơn là từ chủ nghĩa cá nhân. Người đã chỉ rõ căn bệnh chủ nghĩa cá nhân, đó là luôn đặt lợi ích của bản thân lên

---

<sup>15</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr. 367

<sup>16</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.14, tr. 141

trên lợi ích chung, chỉ muốn vơ vét làm lợi cho bản thân. Tác hại của lãng phí cũng rất nghiêm trọng: “Lãng phí tuy khác với tham ô ở chỗ người gây ra lãng phí không trực tiếp trộm cắp của công làm của riêng. Nhưng kết quả thì làm tổn hại rất nghiêm trọng cho Nhà nước, cho nhân dân”<sup>17</sup>. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở mọi người cần phải kiên quyết chống nạn lãng phí không chỉ ở các cơ quan nhà nước mà cả trong thói quen sinh hoạt của mỗi người dân, cán bộ và chiến sĩ.

Trên cơ sở nhìn nhận sự nguy hại của căn bệnh lãng phí, Người chỉ ra việc chống lãng phí cần được xây dựng trên ba trụ cột chính: (1) ý thức cá nhân về tiết kiệm – mỗi người dân, đặc biệt là cán bộ, phải coi việc tiết kiệm là nghĩa vụ công dân và biểu hiện của lòng yêu nước; (2) chống hình thức, phô trương trong hoạt động công quyền – coi đó là căn bệnh dễ dẫn đến lãng phí tài lực và mất lòng dân; (3) thiết lập cơ chế giám sát và tự phê bình nghiêm túc – làm nền tảng để xây dựng một nền hành chính trong sạch, hiệu quả. Người nêu rõ: “Nếu chúng ta không dùng chế độ rất nghiêm ngặt để ngăn ngừa các cơ quan tiêu dùng bừa bãi, thì chúng ta tiết kiệm được bao nhiêu tiền của cũng bị lãng phí hết bấy nhiêu..”<sup>18</sup>. Vì vậy, trong vai trò Chủ tịch nước, Người đã ban hành Hiến pháp 1946 và 1959 cùng nhiều sắc lệnh, đạo luật, văn bản dưới luật, trong đó có những văn bản hướng tới việc xử lý lãng phí, quan liêu ... Bên cạnh đó, Người nhấn mạnh cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Người nhắc nhở: “Đảng viên và cán bộ cũng là người. Ai cũng có tính tốt và tính xấu. Song đã hiểu biết, đã tình nguyện vào một Đảng vì dân, vì nước, đã là một người cách mạng thì phải cố gắng phát triển những tính tốt, loại bỏ những tính xấu. Vì tính xấu của một người thường chỉ có hại cho người đó; còn tính xấu của một đảng viên, một cán bộ, sẽ có hại đến Đảng, có hại đến nhân dân”<sup>19</sup>. Đồng thời, Người cho rằng: “Chúng ta phải phát động tư tưởng của quần chúng làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp mọi nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu còn chỗ ẩn nấp. Với sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương, với quyết tâm của cán bộ và sự hăng hái tham gia của quần chúng, cuộc vận động này nhất định sẽ có kết quả tốt”<sup>20</sup>. Hồ Chí Minh cũng phát động phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan

---

<sup>17</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.14, tr. 141

<sup>18</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr. 367

<sup>19</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr. 295.

<sup>20</sup> Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.13, tr. 419.

liêu; phong trào thi đua ái quốc...coi đó là một hình thức tuyên truyền giáo dục nhằm chống lãng phí.

Trong thực tiễn, tư tưởng tiết kiệm và chống lãng phí được Hồ Chí Minh thể hiện sinh động qua chính phong cách sống và làm việc của Người. Từ việc sử dụng vật dụng cá nhân đến tổ chức hội họp, tiếp khách, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu triệt để tiết kiệm thời gian, ngân sách và nhân lực. Người từng phê phán những biểu hiện như hội họp hình thức, sử dụng phương tiện công vào việc riêng, làm việc kém hiệu quả... là những biểu hiện điển hình của sự lãng phí cần bị loại bỏ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm và chống lãng phí là một hệ thống chặt chẽ, vừa có tính nguyên tắc vừa có tính linh hoạt, phản ánh sâu sắc tư duy biện chứng, thực tiễn và đạo đức cách mạng của Người. Người đã để lại những giá trị sâu sắc về đạo đức, đặc biệt là vấn đề đạo đức công vụ:

*Thứ nhất*, giá trị đầu tiên và cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh là đề cao vai trò của cán bộ, công chức trong thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Người nhấn mạnh “cán bộ phải gương mẫu”, đồng thời coi đây là thước đo phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm. Điều này đặt ra yêu cầu nâng cao ý thức tự giác, kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp trong đội ngũ công vụ hiện đại;

*Thứ hai*, xây dựng văn hóa tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực công. Tinh thần tiết kiệm và chống lãng phí của Hồ Chí Minh được vận dụng như một chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các cơ quan nhà nước. Việc này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm ngân sách và nguồn lực quốc gia mà còn tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và bền vững;

*Thứ ba*, định hướng cải cách hành chính và tăng cường kiểm soát xã hội. Được thể hiện qua yêu cầu đổi mới, cải cách quản lý công theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được xem như một tiêu chí đánh giá sự thành công của cải cách hành chính và chất lượng đạo đức công vụ. Bên cạnh đó, tư tưởng của Người cũng nhấn mạnh vai trò của kiểm tra, giám sát và sự tham gia của nhân dân trong việc phát hiện, phòng chống lãng phí và tiêu cực. Đây là cơ sở để phát triển các cơ chế giám sát xã hội, tăng cường trách nhiệm giải trình của công chức, góp phần xây dựng nền công vụ trong sạch, vững mạnh.

*Thứ tư*, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển bền vững. Trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hiện nay, tư tưởng tiết kiệm, chống lãng phí của Hồ Chí Minh giúp định hướng các chính sách và hành động nhằm sử dụng nguồn lực một cách bền vững, tiết

giảm tối đa lãng phí tài nguyên và năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm, chống lãng phí không chỉ là nền tảng đạo đức trong thời kỳ cách mạng mà còn mang ý nghĩa định hướng quan trọng đối với xây dựng đạo đức công vụ trong bối cảnh hiện đại. Trong thời đại ngày nay, khi yêu cầu về một nền hành chính công minh bạch, hiệu quả và phục vụ nhân dân ngày càng cao, những giá trị này càng trở nên thiết yếu và có tính ứng dụng sâu rộng.

## **2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công vụ hiện nay và giải pháp nâng cao**

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm, chống lãng phí đã được Đảng và Nhà nước ta khẳng định là nguyên tắc quan trọng trong xây dựng và chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, công chức, cũng như trong cải cách hành chính. Nhiều chủ trương, chính sách về nâng cao đạo đức công vụ, thực hành tiết kiệm trong sử dụng ngân sách và tài sản công đã được ban hành và triển khai. Hội nghị Trung ương 3 khóa X, đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21-8-2006 “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; ngày 21-12-2012, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 21- CT/TW về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ngày 25-12-2023, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 27-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội ban hành Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 và 2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2544/QĐ-TTg về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2020 và ban hành hàng loạt các văn bản pháp quy về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; ngày 23-01-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định 166/QĐ-TTg ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Gần đây trong bài viết "Chống lãng phí" của Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: Chống lãng phí không chỉ là yêu cầu kinh tế, mà còn là nhiệm vụ chính trị, đạo đức và văn hóa của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong bài viết cũng đã phân tích rõ lãng phí không chỉ giới hạn ở vật chất mà còn bao gồm lãng phí thời gian, công sức, cơ hội và năng lực. Đó là sự vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm và chống lãng phí ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn không ít biểu hiện tiêu cực, lãng phí và thiếu ý thức tiết kiệm trong một số cơ quan, đơn vị. Các hành vi như sử dụng tài sản công sai mục đích, hội họp tràn lan, chi tiêu không hợp lý, thiếu trách nhiệm trong công việc vẫn

tồn tại và ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước cũng như uy tín của bộ máy công quyền. Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan chức năng, tình trạng lãng phí trong đầu tư công và quản lý tài sản công vẫn là vấn đề nhức nhối, gây thất thoát lớn tài sản nhà nước.

Ngoài ra, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đạo đức công vụ còn gặp nhiều thách thức do sự đa dạng và phức tạp của bộ máy hành chính hiện đại, cũng như do chưa đồng bộ trong công tác giáo dục chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức.

Để phát huy giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn công vụ hiện nay, cần thiết triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tăng cường giáo dục, tuyên truyền về tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh đến nhiệm vụ: Phải đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Trong công tác tuyên truyền cần nhấn mạnh vai trò nêu gương của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Việc này phải được thể hiện cụ thể thông qua các cam kết, kế hoạch hành động với chỉ tiêu rõ ràng, thực hiện thường xuyên và gắn với từng nhiệm vụ cụ thể. Bên cạnh đó cũng cần triển khai các phong trào thi đua, cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí một cách thiết thực, tạo không khí thi đua sôi nổi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng những tấm gương điển hình nhằm tạo động lực lan tỏa mạnh mẽ, góp phần xây dựng phong trào thực hành tiết kiệm sâu rộng và hiệu quả. Mục đích của hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao chuyển biến về nhận thức cho mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân hiểu được sâu sắc nội dung căn bệnh lãng phí, tác hại của nó và nguyên nhân dẫn đến lãng phí, từ đó mới có thể tự giác hành động, quyết tâm chống bệnh lãng phí và thực hành tiết kiệm có hiệu quả.

*Thứ hai*, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy định rõ ràng. Thiết lập các quy định cụ thể, minh bạch về sử dụng ngân sách, tài sản công và thực hiện công vụ, đồng thời áp dụng nghiêm các chế tài xử lý vi phạm để ngăn chặn các hành vi lãng phí và tham nhũng. Cần ban hành hướng dẫn cụ thể của Đảng, Nhà nước về nhận diện những biểu hiện lãng phí trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, đồng thời xác định rõ vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và người đứng đầu trong công tác phòng, chống lãng phí. Nghiên cứu, sửa đổi các quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống

lãng phí theo hướng bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và đồng bộ. Bên cạnh đó cũng cần thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả với sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi lãng phí.

*Thứ ba*, đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin. Trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc của cán bộ, công chức nhằm tối ưu hóa quy trình làm việc, giảm thủ tục hành chính phức tạp, tránh lãng phí thời gian và nhân lực, đồng thời nâng cao minh bạch qua các công cụ số.

*Thứ tư*, tăng cường kiểm tra, giám sát và sự tham gia của xã hội. Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, các phương tiện truyền thông đại chúng trong việc tuyên truyền, cổ vũ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Phát huy vai trò của các cơ quan thanh tra, kiểm toán trong việc phát hiện và xử lý hành vi lãng phí. Xây dựng cơ chế, chế tài bảo đảm cho việc giám sát, phản biện xã hội có hiệu lực trên thực tế. Đặc biệt là đảm bảo sự giám sát của người dân đối với cán bộ, công chức trong việc phát hiện các hành vi lãng phí, góp phần xây dựng nền công vụ liêm chính.

*Thứ năm*, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Khi bộ máy nhà nước được sắp xếp hợp lý, giảm thiểu các cấp trung gian không cần thiết, sẽ giúp tăng cường hiệu quả làm việc, tiết kiệm ngân sách chi cho bộ máy hành chính và hạn chế tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, việc tinh gọn cũng tạo điều kiện để tuyển chọn, sử dụng đội ngũ cán bộ có năng lực thực sự, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị. Nhờ vậy, tài nguyên, thời gian và ngân sách được sử dụng đúng mục, hiệu quả hơn, góp phần thiết thực vào công cuộc phòng, chống lãng phí trong khu vực công.

Những giải pháp này nếu được thực hiện đồng bộ và kiên trì sẽ góp phần nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đạo đức công vụ, từ đó xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và hiệu quả hơn.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, H, 2011,t5.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, H, 2011, t.6.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, H, 2011, t.7.
4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, H, 2011, t.13.
5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, H, 2011, t.14.

6. Đào Thu Huyền: Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sự vận dụng hiện nay. <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-va-su-van-dung-hien-nay-6832.html>

## PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

*ThS. Lâm Quang Tho<sup>21</sup>*

**Tóm tắt:** Bài tham luận tập trung nhận diện những biểu hiện mới của tham nhũng trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống và công nghệ cao nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả. Về chuyển đổi số, các hình thức tham nhũng ẩn danh, lợi dụng dữ liệu cá nhân, công nghệ số hóa để rút ngân sách hoặc “rửa” hành vi tham nhũng ngày càng gia tăng. Bài viết đề xuất các nhóm giải pháp chính: tăng cường năng lực phát hiện tham nhũng thông qua AI, dữ liệu lớn, blockchain; hoàn thiện khung pháp lý cho tài sản số và hợp tác quốc tế về tư pháp; và xây dựng văn hóa liêm chính số, nâng cao đạo đức công vụ trong môi trường kỹ thuật số.

**Từ khóa:** Phòng, chống tham nhũng; chuyển đổi số.

### 1. Đặt vấn đề

Tham nhũng, xét về bản chất, là hiện tượng tha hóa quyền lực công vì lợi ích tư – một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, gắn liền với những bất cập trong cơ chế phân phối quyền lực, sự thiếu vắng kiểm soát và suy thoái đạo đức công vụ. Trong tiến trình phát triển của nhà nước hiện đại, tham nhũng không đơn thuần là “hành vi sai trái cá biệt” mà là biểu hiện của một cấu trúc quyền lực bị tổn thương – nơi tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo lý công quyền không còn giữ vai trò định hướng.

Tại Việt Nam, công cuộc phòng, chống tham nhũng thời gian qua đã đạt được những kết quả mang tính đột phá, với quyết tâm chính trị cao và sự đồng thuận rộng rãi trong xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa – nơi các ranh giới truyền thống về không gian, thời gian và quyền lực đang bị xóa nhòa – thì tham nhũng cũng “chuyển hóa” về hình thái, phương thức và tác nhân. Nó không còn chỉ là “xin – cho”, “phong bì” hay “quyền – tiền” theo lối cũ, mà ngày càng trở nên ẩn danh, xuyên biên giới, và ẩn sâu trong hệ thống kỹ thuật số, dữ liệu lớn và những kẽ hở pháp lý toàn cầu.

Chuyển đổi số, với tất cả tính hai mặt của nó, đang đặt ra một thách thức kép: vừa mở ra cơ hội xây dựng một nền hành chính hiện đại, minh bạch hơn; vừa tạo điều kiện cho sự sinh sôi những hình thức tham nhũng mới – phi vật thể, phi truyền thống nhưng

---

<sup>21</sup> *Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh*



không kém phần nguy hại. Tham nhũng trong thời đại số không chỉ là sự xâm phạm các giá trị pháp lý, mà còn là sự phá vỡ trật tự đạo đức, làm rạn nứt niềm tin xã hội và cản trở quá trình phát triển bền vững.

Vì thế, nhận diện đúng và kịp thời các biểu hiện mới của tham nhũng trong bối cảnh hiện nay không chỉ là yêu cầu cấp thiết về mặt kỹ thuật quản trị, mà còn là một nhiệm vụ có ý nghĩa triết lý chính trị sâu sắc: làm trong sạch quyền lực, khôi phục niềm tin xã hội, và khẳng định bản lĩnh văn hóa – pháp trị của một quốc gia hiện đại.

## **2. Một số biểu hiện mới của tham nhũng trong bối cảnh chuyển đổi số**

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số không chỉ tái cấu trúc phương thức quản trị công mà còn làm biến đổi cấu trúc quyền lực và đạo đức trong đời sống xã hội hiện đại. Công nghệ, tự thân nó, không mang giá trị đạo đức; nhưng khi gắn với con người – chủ thể sử dụng quyền lực – thì nó trở thành công cụ mang tính chính trị và đạo lý. Chính vì thế, cùng với việc mở rộng khả năng minh bạch hóa và tăng cường hiệu quả quản lý, chuyển đổi số cũng vô hình trung tạo ra “không gian khả thể” cho những dạng thức tham nhũng mới – phi vật thể, phi truyền thống, nhưng mang sức công phá ngày càng lớn đối với hệ thống công quyền.

Tham nhũng thời công nghệ số không còn là hành vi mang dấu ấn cá nhân hữu hình, mà đã dịch chuyển sang trạng thái vô hình – ẩn danh trong hệ thống, ẩn khuất sau những dòng mã và dữ liệu. Nhận diện các biểu hiện mới này không chỉ là yêu cầu thực tiễn cấp bách, mà còn là một bước tiến trong tư duy phản tư về quyền lực, kỹ thuật và trách nhiệm công.

### ***Thứ nhất, tham nhũng ẩn danh qua nền tảng số***

Theo Báo cáo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2023, có đến 29% người dân tham gia khảo sát cho rằng dịch vụ công trực tuyến có nguy cơ bị lợi dụng để “hợp thức hóa” các quyết định thiếu minh bạch mà không để lại dấu vết trực tiếp<sup>22</sup>. Chuyển đổi số giúp giảm tiếp xúc trực tiếp giữa công dân và cán bộ, tưởng như là liều thuốc hữu hiệu chống lại “tham nhũng vật”. Nhưng ngược lại, nó đang tạo ra những “vùng xám” giữa công khai và che giấu, giữa minh bạch bề mặt và thao túng ẩn sâu. Sự thiếu đồng bộ, liên thông giữa các hệ thống quản trị nhà nước không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà phản ánh một khiếm khuyết cơ bản trong tư duy thiết kế thể chế: đó là thiếu một triết lý liên chính trong kiến trúc công nghệ công.

---

<sup>22</sup> Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) – UNDP Việt Nam, *Báo cáo PAPI 2023: Quản trị địa phương và chuyển đổi số*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 68.

Trong bối cảnh ấy, danh tính ảo, hồ sơ giả, chữ ký số không xác thực trở thành công cụ để vô hiệu hóa truy vết, làm rạn nứt mối quan hệ nhân - trách (người chịu trách nhiệm) vốn là nền tảng của hành vi công vụ. Tham nhũng, vì thế, không còn hiện diện như một “con người sai phạm”, mà như một “bóng ma” lẩn khuất trong hệ thống – phi nhân hình, nhưng đầy quyền lực.

### ***Thứ hai, lợi dụng dữ liệu số để trục lợi cá nhân***

Theo Báo cáo phòng, chống tham nhũng quốc gia năm 2022 của Thanh tra Chính phủ, việc để lộ, lọt thông tin trong hệ thống dữ liệu hành chính là một trong những nguy cơ hàng đầu dẫn đến hình thức tham nhũng số, nhưng chưa có cơ chế xử lý kịp thời, hiệu quả<sup>23</sup>.

Nếu trong thời đại công nghiệp, tài sản tham nhũng thường mang hình thái vật chất – tiền bạc, nhà đất – thì trong thời đại số, “dữ liệu” trở thành tài sản quyền lực mới. Dữ liệu không chỉ là nguồn lực kỹ thuật mà là công cụ chính trị: ai nắm dữ liệu, người đó kiểm soát dòng chảy thông tin, định hình hành vi và thao túng quyết định.

Khi cán bộ công quyền dùng quyền truy cập dữ liệu để bán thông tin, điều chỉnh báo cáo, hoặc thao túng kết quả hồ sơ, thì vấn đề không còn chỉ là vi phạm pháp luật, mà là sự tha hóa triệt để đạo lý công vụ – nơi lợi ích riêng bị ngụy trang dưới ngôn ngữ của hiệu quả, kỹ thuật và quy trình. Đây là dạng tham nhũng “phi vật thể” nhưng tác động trực tiếp đến chất lượng dân chủ, tính công bằng và niềm tin của công chúng vào nhà nước.

### ***Thứ ba, tham nhũng dưới dạng công nghệ – kỹ thuật số***

Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International) đã cảnh báo rằng: “Các công nghệ mới có thể tạo ra cả công cụ chống tham nhũng và cơ hội mới cho tham nhũng, đặc biệt là qua các giao dịch tài chính phi tập trung, thiếu giám sát”<sup>24</sup>.

Sự kết hợp giữa kỹ thuật số và quyền lực nhà nước có thể sản sinh ra một tầng lớp “kỹ trị tham nhũng” – những người hiểu rõ hệ thống và thao túng nó từ bên trong. Từ việc “thôi phòng” chi phí các dự án CNTT, lập dự án ảo để rút ngân sách, cho đến việc dùng tiền điện tử và công nghệ blockchain để rửa tiền – tất cả đều cho thấy: tham nhũng đang “số hóa”, trở nên vô hình, phức hợp và khó kiểm soát hơn bao giờ hết.

---

<sup>23</sup> Thanh tra Chính phủ, Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022, trình Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 4, tháng 10.2022, tr. 34.

<sup>24</sup> Transparency International, “Corruption in the Digital Age”, 2022 Report, [www.transparency.org](http://www.transparency.org).

Tham nhũng công nghệ không còn là sự kiện cá biệt mà là biểu hiện của một dạng quyền lực kỹ thuật bị bóp méo bởi mục tiêu lợi ích cá nhân. Nó đòi hỏi phải thay đổi cách tiếp cận: từ xử lý hậu quả sang thiết lập hệ sinh thái liên chính, từ đối phó sự vụ sang xây dựng kiến trúc đạo đức và pháp lý có năng lực “tự phòng vệ” trong không gian số.

### **3. Nguyên nhân và điều kiện xuất hiện tham nhũng mới trong thời đại số**

Sự xuất hiện của các dạng thức tham nhũng mới trong thời đại số không chỉ là hậu quả ngẫu nhiên của tiến bộ công nghệ, mà là hệ quả tất yếu của mối quan hệ giữa quyền lực, kỹ thuật và đạo đức công trong một xã hội đang chuyển mình mạnh mẽ từ mô hình quản trị hành chính sang mô hình quản trị số. Ở đây, công nghệ không đơn thuần là công cụ trung lập, mà chính là môi trường cấu trúc lại hành vi, xác lập lại ranh giới giữa công – tư, giữa trách nhiệm và quyền hạn, giữa cá nhân và hệ thống.

#### ***Thứ nhất, sự mất cân đối giữa tốc độ phát triển công nghệ và tiến trình hoàn thiện thể chế***

Một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến tham nhũng số là khoảng trống thể chế – nơi mà tốc độ phát triển công nghệ vượt xa tốc độ phản ứng của pháp luật và đạo đức công vụ. Khi chưa có quy định rõ ràng về quản lý dữ liệu, bảo mật hệ thống, giám sát các giao dịch kỹ thuật số, thì “kỹ năng sử dụng hệ thống” trở thành công cụ để che giấu trách nhiệm và chuyển hóa sai phạm.

Theo tinh thần triết học chính trị của Jürgen Habermas, đây là biểu hiện của “sự thuộc địa hóa thế giới sống” bởi hệ thống – tức là khi hệ thống công nghệ vận hành theo logic công cụ, tách rời khỏi các giá trị đạo lý, thì hành vi con người dễ bị cuốn vào tính toán lợi ích hơn là trách nhiệm công dân.

#### ***Thứ hai, tính vô hình và phi nhân hình của quyền lực trong không gian số***

Trong các xã hội tiền công nghệ, quyền lực thường mang tính cá nhân – dễ nhận diện, dễ truy cứu. Nhưng trong thời đại số, quyền lực vận hành qua hệ thống, qua thuật toán, qua dữ liệu – nghĩa là quyền lực trở nên ẩn danh, phân tán và khó truy vết. Điều này làm suy yếu cơ chế kiểm soát truyền thống vốn dựa trên minh định cá nhân chịu trách nhiệm.

Từ góc nhìn triết học Michel Foucault, không gian số đã tạo ra một hình thái mới của quyền lực: quyền lực giám sát phi trung tâm, nơi mà kẻ thực hiện hành vi sai trái có thể ẩn mình trong vô số tầng lớp kỹ thuật, khiến việc định danh chủ thể vi phạm trở nên vô cùng khó khăn. Tham nhũng, vì thế, không còn là vấn đề của “con người tha hóa” mà là sự tha hóa của hệ thống không được thiết kế với nguyên lý liên chính ngay từ đầu.

### ***Thứ ba, sự lệch pha giữa văn hóa công vụ và đạo đức kỹ thuật số***

Chuyển đổi số trong khu vực công diễn ra nhanh nhưng không đồng đều, trong khi văn hóa công vụ – vốn quen với các thủ tục hành chính truyền thống – lại chưa thích nghi kịp với đạo đức số. Nhiều cán bộ, công chức thiếu hiểu biết về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư, trách nhiệm kỹ thuật, hoặc không nhận thức được hậu quả đạo lý của việc can thiệp vào hệ thống số một cách tùy tiện.

Điều này dẫn đến hiện tượng mà triết gia Hannah Arendt gọi là “sự tầm thường của cái ác” – tức là các hành vi sai trái không xuất phát từ ác tâm, mà từ sự thiếu tư duy phản tỉnh, thiếu năng lực đánh giá hậu quả hành vi trong một môi trường kỹ thuật quá phức tạp. Sự “vô tri đạo đức” này tạo điều kiện cho các hành vi vụ lợi nảy sinh mà không đi kèm với mặc cảm tội lỗi.

### ***Thứ tư, sức ép thành tích và tâm lý “số hóa hình thức”***

Trong môi trường hành chính số, nhiều tổ chức, cá nhân chịu sức ép phải “số hóa nhanh”, “chuyển đổi sâu rộng”, nhưng lại thiếu nguồn lực thực chất và thiếu hiểu biết nền tảng. Điều này dẫn đến tâm lý chạy theo hình thức, dễ bị thao túng bởi các nhóm lợi ích công nghệ – từ đó mở đường cho các hành vi tham nhũng thông qua dự án ảo, chi ngân sách sai mục đích, hoặc “mượn danh đổi mới” để rút ruột ngân sách nhà nước.

Ở đây, tham nhũng không còn là hành vi “ngoại lai” với hệ thống, mà trở thành hệ quả nội sinh của một nền quản trị thiếu triết lý – thiếu sự cân bằng giữa tiến bộ kỹ thuật và tính minh triết chính trị.

## **4. Một số hàm ý chính sách và khuyến nghị nhằm kiểm soát tham nhũng trong kỷ nguyên số**

Để kiểm soát hiệu quả các dạng thức tham nhũng mới trong bối cảnh chuyển đổi số, cần không chỉ cải tiến công cụ quản lý, mà còn xây dựng một nền tảng tư duy quản trị minh bạch, đạo đức công vụ kỹ thuật số và hệ sinh thái thể chế đồng bộ. Dưới đây là một số hàm ý chính sách thiết yếu:

### ***Thứ nhất, thiết lập nền tảng “thiết kế liêm chính” (Integrity by design)***

Để kiểm soát hiệu quả các dạng thức tham nhũng mới trong bối cảnh chuyển đổi số, việc cải tiến công cụ quản lý truyền thống là chưa đủ. Cốt lõi là phải xây dựng một nền tảng tư duy quản trị mới dựa trên nguyên tắc minh bạch, đạo đức công vụ kỹ thuật số, và hệ sinh thái thể chế đồng bộ. Trong đó, khái niệm “thiết kế liêm chính” (Integrity by Design) trở thành kim chỉ nam, không chỉ ứng dụng trong công nghệ mà còn thể hiện chiều sâu triết lý về trách nhiệm và quyền lực trong xã hội số.

*- Phòng ngừa tham nhũng từ giai đoạn thiết kế hệ thống*

Thay vì tiếp cận vấn đề tham nhũng theo lối phản ứng - nghĩa là “chống” tham nhũng sau khi nó xảy ra, quản trị công trong kỷ nguyên số cần chuyển sang tư duy phòng ngừa từ thiết kế. Điều này đồng nghĩa với việc: 1) Xây dựng hệ thống CNTT ngay từ đầu phải đảm bảo tính minh bạch và không thể thao túng; 2) Mọi hành vi can thiệp vào dữ liệu số phải được ghi lại, minh bạch và có thể truy nguyên trách nhiệm cá nhân.

Nguyên tắc này đòi hỏi phải luật hóa nghiêm ngặt nguyên tắc “không thể chỉnh sửa mà không để lại dấu vết” (immutable audit trail), nhằm bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu và khả năng truy vết khi xảy ra sai phạm. Đây chính là một bước tiến quan trọng từ quản trị truyền thống sang quản trị số có trách nhiệm (accountable digital governance)<sup>25</sup>.

*- Ứng dụng công nghệ tiên tiến để đảm bảo liêm chính số*

Để thực thi nguyên tắc trên, các công nghệ tiên tiến như blockchain, log định danh, và các công cụ truy vết hành vi cần được ứng dụng rộng rãi trong hệ thống quản lý công. Blockchain, với đặc điểm phân tán và bất biến, cung cấp nền tảng kỹ thuật đảm bảo: 1) Không thể thay đổi hay xóa bỏ dữ liệu đã ghi mà không bị phát hiện; 2) Tăng cường sự minh bạch trong mọi giao dịch và quyết định hành chính; 3) Đảm bảo trách nhiệm cá nhân trong môi trường số, giảm thiểu nguy cơ thao túng hệ thống bởi cá nhân hay nhóm lợi ích<sup>26</sup>.

Việc áp dụng các công nghệ này không chỉ là bước tiến kỹ thuật, mà còn là biểu hiện của một tư duy quản trị phản biện và phát triển bền vững, trong đó quyền lực kỹ thuật được kiểm soát chặt chẽ để phục vụ lợi ích chung.

*- Triết lý “đạo đức của trách nhiệm” trong thiết kế quản trị số*

Về mặt triết học, khái niệm thiết kế liêm chính gắn liền với đạo đức của trách nhiệm mà triết gia Hans Jonas đã đề xuất. Theo Jonas, trong bối cảnh công nghệ hiện đại với sức mạnh tác động sâu rộng và hệ quả khó lường, người thiết kế và vận hành hệ thống cần: 1) Tiên liệu được hậu quả dài hạn và toàn diện của hành động của mình; 2) Nhận thức rằng trách nhiệm không chỉ là tuân thủ pháp luật, mà còn là nghĩa vụ đạo đức để bảo vệ quyền lợi và sự an toàn của cộng đồng trước những rủi ro tiềm tàng; 3) Từ đó, phát triển các chuẩn mực, quy trình và công cụ quản trị nhằm ngăn ngừa nguy cơ tham nhũng

---

<sup>25</sup> World Bank Group (2021). Digital Governance and Anti-Corruption. Washington, DC: World Bank. Truy cập tại: <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/xxxx>

<sup>26</sup> Nakamoto, S. (2008). Bitcoin: A Peer-to-Peer Electronic Cash System. <https://bitcoin.org/bitcoin.pdf>

và sai phạm ngay từ giai đoạn thiết kế<sup>27</sup>. Khái niệm này vượt lên trên tư duy pháp lý đơn thuần, nó đặt nền móng cho một nền quản trị số không chỉ hiệu quả mà còn nhân văn, đạo đức và bền vững.

### ***Thứ hai, xây dựng “năng lực đạo đức số” cho đội ngũ công vụ***

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra với tốc độ chóng mặt, sự hội tụ giữa kỹ thuật số và quản trị công đòi hỏi không chỉ năng lực kỹ thuật, mà còn cần thiết lập một năng lực đạo đức số cho đội ngũ cán bộ, công chức. Nếu chỉ chú trọng năng lực kỹ thuật mà thiếu vắng đạo đức, nguy cơ tham nhũng công nghệ trở nên hiện hữu; ngược lại, đạo đức mà thiếu kỹ năng số lại dẫn đến sự bị động, dễ bị thao túng trong không gian số phức tạp và đầy rẫy những cạm bẫy thông tin.

#### ***- Bộ tiêu chuẩn đạo đức công vụ trong môi trường số***

Đạo đức công vụ truyền thống phải được mở rộng để thích ứng với đặc thù của môi trường số, với các nội dung chủ yếu sau: 1) Bảo vệ dữ liệu công dân: Dữ liệu cá nhân không chỉ là thông tin mà còn là tài sản tinh thần của mỗi người dân, do đó, việc bảo vệ quyền riêng tư và an toàn dữ liệu phải trở thành nguyên tắc cốt lõi; 2) Bảo mật hệ thống: Hành vi bảo vệ hệ thống trước các nguy cơ xâm nhập, can thiệp trái phép là biểu hiện của đạo đức và trách nhiệm công vụ; 3) Trung thực số (digital honesty): Trung thực không chỉ được thể hiện qua lời nói và hành động trong thế giới thực mà còn trong việc xử lý, báo cáo, và sử dụng dữ liệu số một cách minh bạch, đúng đắn; 4) Trách nhiệm trong không gian ảo: Trách nhiệm công vụ cần được hiểu rộng hơn, bao gồm cả việc chịu trách nhiệm về hậu quả các hành động kỹ thuật số trong môi trường phi vật thể<sup>28</sup>.

Bộ tiêu chuẩn này không đơn thuần là quy phạm hành chính, mà phải trở thành một hệ giá trị đạo đức được thấm nhuần sâu sắc, tạo thành nền tảng cho nhận thức và hành vi của từng cá nhân trong hệ thống công.

#### ***- Đưa “đạo đức kỹ thuật số” và “triết lý dữ liệu công” vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý***

Việc trang bị cho cán bộ, công chức không chỉ kiến thức kỹ thuật mà còn kiến thức về đạo đức số và triết lý quản trị dữ liệu là một bước tiên quan trọng trong chuyển đổi tư duy quản trị hiện đại. Đạo đức kỹ thuật số giúp nhận thức rõ trách nhiệm trong việc phát triển, vận hành và sử dụng công nghệ số một cách minh bạch và có trách nhiệm; Triết lý

<sup>27</sup> Jonas, H. (1984). *The Imperative of Responsibility: In Search of an Ethics for the Technological Age*. University of Chicago Press, Chicago.

<sup>28</sup> Floridi, L. (2013). *The Ethics of Information*. Oxford University Press, Oxford. Truy cập tại: <https://global.oup.com/academic/product/the-ethics-of-information-9780199641320>

dữ liệu công nhân mạnh rằng dữ liệu không phải là tài sản cá nhân mà là tài sản công, phục vụ lợi ích chung, do đó việc quản lý, sử dụng phải dựa trên các nguyên tắc công bằng, minh bạch và bền vững<sup>29</sup>.

Quá trình đào tạo này cần gắn chặt lý luận với thực tiễn, xây dựng các bài học tình huống, mô phỏng và trải nghiệm thực tế nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng hành xử phù hợp trong môi trường số.

*- Tái định nghĩa trách nhiệm công vụ trong thế giới phi vật thể*

Thế giới số ngày nay là một thực thể phi vật thể, nơi mà sự minh bạch, trách nhiệm và niềm tin trở thành tài sản vô hình quan trọng bậc nhất của quản trị công. Do đó, trách nhiệm công vụ cần được tái định nghĩa không chỉ là “giải quyết công việc” theo chức năng nhiệm vụ, mà là: 1) Bảo vệ và củng cố niềm tin công trong xã hội số, nơi mà niềm tin là chất keo gắn kết các quan hệ xã hội và thể chế; 2) Chịu trách nhiệm về những tác động đạo đức và xã hội từ việc quản lý, vận hành các hệ thống số và dữ liệu công; 3) Đóng vai trò như những người giữ gìn “cánh cửa đạo đức” trong thế giới phi vật thể, chống lại sự tha hóa và tham nhũng công nghệ<sup>30</sup>.

***Thứ ba, tăng cường kiểm soát quyền lực qua công nghệ thay vì để công nghệ tạo quyền lực không kiểm soát***

Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, công nghệ không chỉ là công cụ mà còn trở thành môi trường sinh tồn của quyền lực trong quản trị công. Tuy nhiên, một nghịch lý sâu sắc hiện hữu là việc sử dụng công nghệ để minh bạch và kiểm soát tham nhũng song lại chưa đồng bộ với cơ chế kiểm soát quyền lực dựa trên chính công nghệ đó. Điều này tạo ra nguy cơ quyền lực công nghệ trở nên phi kiểm soát, thậm chí có thể bị lạm dụng để thao túng, thao tác dữ liệu nhằm phục vụ mục tiêu cá nhân hoặc nhóm lợi ích.

*- Cơ chế kiểm soát quyền lực công nghệ*

Điều kiện tiên quyết để đảm bảo công nghệ là công cụ kiểm soát tham nhũng chứ không trở thành nguồn sinh ra tham nhũng, đó là xây dựng các cơ quan kiểm toán số độc lập có quyền truy cập toàn diện vào dữ liệu giao dịch, log hệ thống và các hoạt động điều hành số. Những cơ quan này cần được bảo đảm quyền hạn và tính độc lập về mặt tổ chức để: 1) Chủ động kiểm tra, giám sát các luồng dữ liệu số và giao dịch; 2) Phát hiện kịp thời

---

<sup>29</sup> Kitchin, R. (2014). *The Data Revolution: Big Data, Open Data, Data Infrastructures and Their Consequences*. SAGE Publications, London.

<sup>30</sup> Jonas, H. (1984). *The Imperative of Responsibility: In Search of an Ethics for the Technological Age*. University of Chicago Press, Chicago.

các hành vi bất thường, can thiệp trái phép hoặc sai phạm trong môi trường số; 3) Báo cáo minh bạch cho các cơ quan chức năng và công luận<sup>31</sup>.

*- Áp dụng cơ chế “giám sát phân quyền”*

Triết lý quyền lực trong xã hội dân sự hiện đại nhấn mạnh nguyên tắc phân quyền và kiểm soát quyền lực (separation of powers and checks and balances). Nguyên tắc này phải được áp dụng nghiêm túc trong môi trường công nghệ số thông qua cơ chế “giám sát phân quyền” (distributed oversight): 1) Không để một cá nhân hay đơn vị duy nhất có toàn quyền truy cập, chỉnh sửa, phê duyệt dữ liệu liên quan đến các lĩnh vực nhạy cảm như tài chính, đầu tư công, đấu thầu; 2) Áp dụng công nghệ quản lý phân quyền, phân tán trách nhiệm rõ ràng và kiểm soát đa chiều đối với mọi thao tác trong hệ thống công nghệ thông tin; 3) Kết hợp các công cụ kỹ thuật như blockchain, chữ ký số đa chiều, các log truy vết tự động để đảm bảo mọi hành vi đều được ghi nhận và có thể truy nguyên<sup>32</sup>.

Nguyên tắc này không chỉ bảo vệ hệ thống khỏi các hành vi lạm dụng quyền lực mà còn củng cố lòng tin xã hội đối với tính minh bạch và công bằng trong quản trị công.

*- Thúc đẩy sự tham gia của xã hội – công dân như “cảm biến xã hội”*

Quyền lực công nghệ dù có mạnh mẽ đến đâu cũng không thể kiểm soát triệt để nếu thiếu sự giám sát từ bên ngoài. Do đó, việc thúc đẩy sự tham gia của xã hội dân sự, báo chí và người dân trong giám sát là yếu tố then chốt: 1) Mở dữ liệu công khai (open data) và minh bạch thông tin để tạo điều kiện cho công dân, tổ chức xã hội dân sự và báo chí tiếp cận, phân tích và phản biện các hoạt động của chính quyền; 2) Xây dựng và ứng dụng các nền tảng kỹ thuật số tương tác, cho phép người dân phản ánh, góp ý và tố giác các hành vi tham nhũng, tiêu cực một cách nhanh chóng và bảo mật; 3) Người dân và báo chí không chỉ là đối tượng phục vụ mà còn là “cảm biến xã hội” chủ động phát hiện và cảnh báo sớm các rủi ro, tiêu cực trong quản trị số<sup>33</sup>. Như vậy, quyền lực công nghệ sẽ được “kiểm soát bởi công nghệ và kiểm soát bởi xã hội” – tạo thành một hệ sinh thái minh bạch, trách nhiệm và bền vững.

***Thứ tư, phát triển tư duy triết học chính trị về quản trị số liên chính***

---

<sup>31</sup> OECD (2020). Digital Government Strategies for Transforming Public Services in the Welfare Areas. OECD Publishing. Truy cập: <https://www.oecd.org/digital-government/>

<sup>32</sup> Lessig, L. (1999). Code and Other Laws of Cyberspace. Basic Books, New York. Tác phẩm nhấn mạnh về việc luật pháp và các cơ chế kiểm soát quyền lực phải đi đôi với kiến trúc kỹ thuật của môi trường số.

<sup>33</sup> Fung, A., Graham, M., & Weil, D. (2007). Full Disclosure: The Perils and Promise of Transparency. Cambridge University Press, Cambridge.



Trong bối cảnh chuyển đổi số, phòng, chống tham nhũng không thể chỉ được giải quyết bằng những công cụ kỹ thuật hay quy định pháp luật thuần túy mà cần một nền tảng triết học chính trị sâu sắc, minh triết và nhân bản. Việc xây dựng một triết lý quản trị công minh triết và đạo đức trở thành điều kiện tiên quyết để đảm bảo rằng công nghệ số phục vụ con người, chứ không thay thế hay triệt tiêu sự phản tư đạo đức vốn là cốt lõi của nền công quyền liêm chính.

*- Dữ liệu công – tài sản cộng đồng, không phải tài nguyên bí mật*

Cần thiết lập một triết lý về dữ liệu công như tài sản chung của cộng đồng, gắn liền với quyền của công dân được tiếp cận, kiểm soát và sử dụng dữ liệu một cách minh bạch và có trách nhiệm. Điều này đối nghịch hoàn toàn với cách hiểu dữ liệu như một “tài nguyên bí mật” bị chiếm hữu và kiểm soát độc quyền bởi bộ máy công quyền, gây ra sự thiếu tin cậy và tạo cơ hội cho tham nhũng ngấm ngầm phát triển<sup>34</sup>. Philosopher Michel Foucault từng nhấn mạnh về “quyền lực tri thức” – quyền kiểm soát thông tin và dữ liệu chính là quyền lực, do đó cần được đặt dưới sự giám sát của xã hội dân sự và luật pháp chặt chẽ<sup>35</sup>.

*- Chính trị của minh bạch: đặt câu hỏi đạo đức cho mọi thiết kế công nghệ*

Phát triển một nền “chính trị của minh bạch” (politics of transparency) là cần thiết trong quản trị số. Điều này đòi hỏi mọi thiết kế hệ thống hành chính điện tử phải luôn đặt ra các câu hỏi đạo đức căn bản: Hệ thống này phục vụ cho ai? Ai kiểm soát quyền lực đằng sau các thuật toán và quy trình số? Làm thế nào để công dân có thể tham gia phản biện và chất vấn những quyết định được đưa ra từ hệ thống này? Một hệ thống không minh bạch sẽ trở thành “hộp đen” tạo điều kiện cho thao túng, tham nhũng và bất công, trong khi minh bạch là tiền đề cho sự tin tưởng và tính hợp pháp của quản trị công<sup>36</sup>.

*- Triết lý xã hội mở của Karl Popper trong quản trị số*

Quan điểm của Karl Popper về “xã hội mở” (open society) là nền tảng triết học sâu sắc cho quản trị số minh bạch và liêm chính. Popper khẳng định rằng xã hội phải luôn mở cho sự công khai, phản biện, và sửa sai thay vì đóng kín, bất khả kiểm chứng.

---

<sup>34</sup> Janssen, M., Charalabidis, Y., & Zuiderwijk, A. (2012). Benefits, adoption barriers and myths of open data and open government. *Information Systems Management*, 29(4), 258-268.

<sup>35</sup> Foucault, M. (1980). *Power/Knowledge: Selected Interviews and Other Writings, 1972–1977*. Pantheon Books, New York.

<sup>36</sup> Heald, D. (2006). Varieties of transparency. In: *Transparency: The Key to Better Governance?* Oxford University Press.

Áp dụng vào quản trị số, điều này có nghĩa là: 1) Các hệ thống số phải được thiết kế để cho phép truy cập, phản hồi, và cập nhật liên tục từ nhiều nguồn, bao gồm cả xã hội dân sự và chuyên gia độc lập; 2) Chính quyền phải chủ động tạo điều kiện cho sự tham gia của công dân và các bên liên quan trong quá trình ra quyết định và giám sát; 3) Thay vì bảo vệ quyền lực và dữ liệu dưới dạng “bí mật” và “độc quyền”, nhà nước số phải kiến tạo môi trường mở, linh hoạt để điều chỉnh và sửa sai nhanh chóng khi có sai phạm hoặc lỗi hệ thống<sup>37</sup>.

*- Kiến tạo nền tảng đạo lý mới cho nhà nước số*

Phòng chống tham nhũng trong kỷ nguyên số không đơn thuần là nâng cấp phần mềm, xây dựng thêm tường lửa hay các giải pháp kỹ thuật đơn lẻ. Thách thức thực sự là kiến tạo một nền tảng đạo lý mới cho nhà nước số, nơi: 1) Công nghệ và đạo đức đồng hành song hành, cùng phát triển chứ không xung đột hay triệt tiêu nhau; 2) Quyền lực công nghệ luôn đi kèm với trách nhiệm và sự kiểm soát minh bạch, tránh việc công nghệ trở thành công cụ của tham nhũng quyền lực; 3) Minh bạch không chỉ là kỹ thuật mà được thể chế hóa sâu sắc từ tư duy quản trị đến hành động cụ thể, là triết lý cốt lõi của nền quản trị số hiện đại, bền vững và công bằng<sup>38</sup>.

## **5. Kết luận**

Tham nhũng trong thời đại số không chỉ biểu hiện dưới những hình thức truyền thống mà còn được tái cấu trúc, mở rộng phạm vi và gia tăng mức độ phức tạp cùng nguy cơ đe dọa đến sự phát triển bền vững của xã hội. Sự chuyển đổi số vừa là cơ hội, vừa là thách thức đòi hỏi công tác phòng, chống tham nhũng phải luôn được đổi mới, không chỉ về mặt công cụ kỹ thuật mà còn về nhận thức và phương thức quản trị. Việc kịp thời nhận diện và xử lý các dạng thức tham nhũng mới là bước đi nền tảng và quyết định để giữ vững thành quả xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời củng cố và nâng cao niềm tin vững chắc của nhân dân vào bộ máy công quyền.

Chỉ khi quản trị công minh, minh bạch, và có trách nhiệm gắn liền với nền tảng đạo đức số được phát triển đồng bộ trong toàn bộ hệ thống, Việt Nam mới có thể tạo ra sức đề kháng mạnh mẽ với các nguy cơ tham nhũng số trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa sâu rộng.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Floridi, L. (2016). *The Ethics of Information*. Oxford University Press.

<sup>37</sup> Popper, K. (1945). *The Open Society and Its Enemies*. Routledge.

<sup>38</sup> Floridi, L. (2016). *The Ethics of Information*. Oxford University Press.

2. Foucault, M. (1980). *Power/Knowledge: Selected Interviews and Other Writings, 1972–1977*. Pantheon Books, New York.
3. Fung, A., Graham, M., & Weil, D. (2007). *Full Disclosure: The Perils and Promise of Transparency*. Cambridge University Press, Cambridge.
4. Heald, D. (2006). Varieties of transparency. In: *Transparency: The Key to Better Governance?* Oxford University Press.
5. Janssen, M., Charalabidis, Y., & Zuiderwijk, A. (2012). Benefits, adoption barriers and myths of open data and open government. *Information Systems Management*, 29(4), 258-268.
6. Jonas, H. (1984). *The Imperative of Responsibility: In Search of an Ethics for the Technological Age*. University of Chicago Press, Chicago.
7. Kitchin, R. (2014). *The Data Revolution: Big Data, Open Data, Data Infrastructures and Their Consequences*. SAGE Publications, London.
8. Lessig, L. (1999). *Code and Other Laws of Cyberspace*. Basic Books, New York.
9. S. (2008). Bitcoin: A Peer-to-Peer Electronic Cash System. Truy cập tại: <https://bitcoin.org/bitcoin.pdf>
10. OECD (2020). *Digital Government Strategies for Transforming Public Services in the Welfare Areas*. OECD Publishing. Truy cập tại: <https://www.oecd.org/gov/digital-government/>
11. Popper, K. (1945). *The Open Society and Its Enemies*. Routledge.
- World Bank Group (2021). *Digital Governance and Anti-Corruption*. Washington, DC: World Bank. Truy cập tại: <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/xxxx>
12. Transparency International (2022). *Corruption and Technology: Risks and Opportunities*. Transparency International Global Report.

# SỰ TÁC ĐỘNG CỦA THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

**TS. Phạm Thành Vao<sup>39</sup>**

**Tóm tắt:** Tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực đã và đang trở thành những trở ngại lớn, cản trở hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, làm suy yếu hiệu lực quản lý, giảm chất lượng phục vụ người dân và tổn hại đến uy tín của bộ máy công quyền. Bài viết tập trung phân tích tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng và tiêu cực trong bối cảnh hiện nay, đồng thời làm rõ những ảnh hưởng tiêu cực gây ra đối với nền hành chính. Trên cơ sở nhận diện các nguyên nhân sâu xa, bài viết đưa ra những giải pháp mang tính tổng thể, nhằm tăng cường hiệu quả phòng, chống tham nhũng và tiêu cực hướng tới xây dựng nền hành chính minh bạch, liêm chính, vận hành hiệu quả, hiệu lực, hiệu năng và thực sự phục vụ lợi ích của người dân.

**Từ khóa:** Tham nhũng tiêu cực, hiệu quả hoạt động, hành chính nhà nước

## 1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước giữ vai trò then chốt. Tuy nhiên, tham nhũng và tiêu cực đang trở thành lực cản nghiêm trọng, làm giảm uy tín, hiệu lực và hiệu quả thực thi chính sách. Những hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, bao che sai phạm hay làm ngơ trước vi phạm đang bóp méo quy trình hành chính, đẩy chi phí xã hội tăng cao và làm suy giảm lòng tin công chúng. Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu, công tác phòng chống tham nhũng và tiêu cực không những là yêu cầu pháp lý mà còn là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

## 2. Vai trò công tác phòng chống tham nhũng và tiêu cực của các cơ quan hành chính nhà nước

**Thứ nhất, thể chế hóa và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

Các cơ quan hành chính nhà nước giữ vai trò ban hành và cụ thể hóa quy định pháp luật thành một hệ thống quy trình, thủ tục rõ ràng, minh bạch, dễ tiếp cận và thuận tiện

---

<sup>39</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

cho việc giám sát. Việc công khai thủ tục hành chính, thông tin ngân sách, các khoản chi tiêu công cùng các quyết định về tuyển dụng, bổ nhiệm, khen thưởng hoặc kỷ luật đối với cán bộ, công chức là giải pháp quan trọng để ngăn chặn nguy cơ tham nhũng ngay từ gốc. Khi nguyên tắc minh bạch được áp dụng nghiêm túc và nhất quán, trách nhiệm giải trình sẽ được nâng cao, đồng thời niềm tin của người dân vào bộ máy công quyền cũng được củng cố.

### ***Thứ hai, thực hiện thanh tra, kiểm tra nội bộ có hiệu quả***

Các cơ quan hành chính phát huy vai trò chủ động trong hoạt động thanh kiểm tra nội bộ nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi sai phạm ngay trong hệ thống nội bộ. Ngoài ra, việc xử lý hậu quả, hoạt động thanh kiểm tra còn đóng vai trò trong việc phòng ngừa, cảnh báo, giúp khắc phục những chông chéo trong cơ chế vận hành. Để đạt hiệu quả thực chất, hoạt động thanh kiểm tra nội bộ được thực hiện một cách độc lập, minh bạch và không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân, nhóm hay can thiệp hành chính bởi các thành phần vì lợi ích.

### ***Thứ ba, xây dựng và lan tỏa văn hóa công vụ liêm chính***

Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ khó đạt kết quả bền vững nếu chỉ dựa vào các biện pháp chế tài pháp luật, mà cần song hành với việc nuôi dưỡng văn hóa liêm chính trong đội ngũ cán bộ, công chức. Nội dung về đạo đức công vụ, trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần liêm chính cần được đưa vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cũng như quy trình đánh giá cán bộ, công chức nhằm hình thành chuẩn mực ứng xử chuẩn mực trong thi hành công vụ. Đồng thời, cơ chế tuyển dụng và bổ nhiệm phải dựa trên tiêu chí năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, bảo đảm loại bỏ nguy cơ “chạy chức, chạy quyền” ngay từ gốc, tránh việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi tham ô, tham nhũng.

### ***Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế cơ hội phát sinh tiêu cực***

Việc thúc đẩy số hóa trong cung cấp dịch vụ công, xây dựng chính quyền điện tử và triển khai chuyển đổi số trong hoạt động hành chính là giải pháp quan trọng nhằm thu hẹp

các “điểm nóng” dễ phát sinh tham nhũng. Các dịch vụ công trực tuyến không chỉ giúp nâng cao hiệu quả phục vụ mà còn giảm thiểu những tương tác trực tiếp không cần thiết giữa cán bộ, công chức và người dân – vốn tiềm ẩn nguy cơ nảy sinh tiêu cực, giúp cho người dân tiết kiệm được thời gian đi lại. Ngoài ra, công nghệ còn mở rộng khả năng theo dõi, giám sát, lưu trữ và phân tích dữ liệu, phục vụ hoạt động quản lý và kiểm soát nội bộ đạt hiệu quả, hiệu năng.

### **3. Những tác động ảnh hưởng của tham nhũng và tiêu cực đến hiệu quả của các cơ quan hành chính nhà nước**

#### ***Thứ nhất, làm thất thoát và tiêu hao nguồn lực ngân sách nhà nước***

Tham nhũng gây thất thoát và lãng phí nguồn lực ngân sách nhà nước. Những hành vi tham nhũng như khai khống chi phí, lập quỹ ngoài sổ sách, thiếu minh bạch trong đấu thầu, và việc sử dụng ngân sách không đúng mục đích dẫn đến việc chi tiêu không hiệu quả, làm giảm khả năng đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng như y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng. “Từ năm 2012 đến nay, qua công tác thanh tra, kiểm toán, đã xử lý, thu hồi được hơn 975 nghìn tỷ đồng, gần 76 nghìn héc-ta đất; xử lý trách nhiệm gần 44.700 tập thể, cá nhân”<sup>1</sup>.

Tham nhũng và tiêu cực không những làm ảnh hưởng đến năng lực tài chính của quốc gia mà còn là lực cản các mục tiêu phát triển bền vững và công bằng xã hội của đất nước. “Từ năm 2013-2020, các cơ quan tiến hành tố tụng Trung ương và địa phương đã khởi tố, điều tra 14.300 vụ/24.410 bị can, xét xử sơ thẩm hơn 11.700 vụ/22.600 bị cáo về tham nhũng, kinh tế, chức vụ. Riêng Ban Chỉ đạo đã đưa hơn 800 vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện theo dõi, chỉ đạo”<sup>2</sup>. Trong năm 2023, “Các Cơ quan điều tra trong Công an Nhân dân đã thụ lý điều tra 1.103 vụ án/2.951 bị can phạm tội về tham nhũng; trong đó khởi tố mới 732 vụ án/2.106 bị can. Đã kết luận điều tra, đề nghị truy tố 499 vụ án/1.205 bị can”<sup>3</sup>.” Công tác thi hành án liên quan đến việc thu hồi tài sản tham nhũng: tổng số phải thi hành có 4.879 việc, với số tiền hơn 97.261 tỷ đồng; đã thi hành xong 2.264 việc đã thi hành xong hơn 20.405 tỷ đồng”<sup>3</sup>.

### ***Thứ hai, làm suy yếu hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước***

Tham nhũng làm suy yếu hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước theo nhiều khía cạnh. Trước hết, nó làm méo mó chức năng cốt lõi của bộ máy hành chính. Thay vì dựa trên pháp luật và lợi ích công cộng, các quyết định lại bị chi phối bởi động cơ cá nhân hoặc lợi ích nhóm. Sự thiên vị trong việc phục vụ những cá nhân theo cảm tính, mối quan hệ làm cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách trở nên thiếu công bằng. Bác Hồ đã nói về bệnh tham ô, “tham ô là “Ăn cắp của công làm của tư”, là “Đục khoét nhân dân”, tham ô là bệnh quan liêu, nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta, nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính”<sup>4</sup>.

Hệ quả trực tiếp là các chính sách có thể bị thiết kế sai lệch, không đáp ứng được nhu cầu thực tế của người dân. Việc triển khai các chính sách này cũng thiếu sự đồng bộ và hiệu quả. Điều này làm xói mòn lòng tin của công chúng vào tính chính danh của Nhà nước. Cuối cùng, tham nhũng, tiêu cực gây ra lãng phí nguồn lực, làm suy đồi đạo đức công vụ và làm giảm năng lực điều hành của hệ thống hành chính công. “Cán bộ nào tham ô, hủ hóa là có tội to với Đảng và Chính phủ, có tội to với nhân dân và có tội to cả với anh chị em cán bộ khác”<sup>5</sup>.

### ***Thứ ba, làm suy giảm chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp***

Tham nhũng và tiêu cực làm giảm chất lượng phục vụ cho người dân và doanh nghiệp. Môi trường hành chính bị thâm canh vì tham nhũng, tiêu cực không chỉ tạo ra áp lực và chi phí cho người dân và doanh nghiệp mà còn làm giảm niềm tin, sự công bằng trong quy trình giao dịch với cơ quan hành chính.

Tham nhũng là hành vi vi phạm pháp luật và nguyên nhân trực tiếp làm thoái hóa chất lượng cung ứng dịch vụ công, tác động tiêu cực đến đời sống người dân và môi trường đầu tư, kinh doanh. Do đó, các quyết định hành chính bị chi phối bởi lợi ích cá nhân hoặc nhóm, thay vì căn cứ vào pháp luật và nhu cầu thực tiễn, quá trình phục vụ công trở nên thiên lệch, thiếu công bằng và thiếu minh bạch. Người dân và doanh nghiệp thay vì được phục vụ dựa trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng thì phải đối mặt với tình trạng “xin – cho”, làm tăng chi phí tuân thủ và chi phí giao dịch, mà còn kéo

dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính, khiến người dân cảm thấy mệt mỏi, mất niềm tin hệ thống chính quyền. Về phía doanh nghiệp, một môi trường hành chính bị tham nhũng, tiêu cực sẽ làm suy giảm động lực đổi mới, hạn chế khả năng cạnh tranh, và cản trở quá trình phát triển bền vững. Tham nhũng và tiêu cực làm biến dạng quy trình cấp phép, quản lý thuế, tiếp cận đất đai, đấu thầu công đối với các doanh nghiệp như việc án giao đất cho doanh nghiệp chưa đúng quy định như ở Đồng Nai <sup>6</sup>.

Ở tầm vĩ mô, hệ quả là một bộ máy hành chính vận hành kém hiệu quả, thiếu chuyên nghiệp, thiếu tính trách nhiệm và dần đánh mất vai trò là công cụ phục vụ lợi ích công. Điều này tạo ra khoảng cách ngày càng lớn giữa chính quyền và người dân, giữa lời hứa cải cách và thực tiễn thi hành, từ đó gây tổn hại nghiêm trọng đến niềm tin xã hội và hiệu lực quản lý nhà nước. Điều này dẫn đến sự bất công trong tiếp cận dịch vụ, làm giảm niềm tin của người dân vào công chức và bộ máy hành chính.

#### ***Thứ tư, làm gia tăng chi phí xã hội và cản trở phát triển kinh tế***

Tham nhũng tạo ra chi phí ngoài lề cho doanh nghiệp và người dân, làm tăng chi phí sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, việc ưu ái doanh nghiệp có quan hệ lợi ích thay vì dựa trên năng lực thực sự cản trở cạnh tranh lành mạnh và gây tổn hại đến phát triển kinh tế. Trong bài “Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu”, Người đã có nêu “Trộn cấp tiền bạc của nhân dân, tổn hại kinh tế của Chính phủ”<sup>7</sup>.

Khi tham nhũng len lỏi vào hệ thống hành chính, các cá nhân và tổ chức kinh doanh thường phải gánh chịu những khoản chi phí ngoài lề để hoàn tất thủ tục hoặc tiếp cận dịch vụ công. Những chi phí ngoài luồng này không chỉ làm đội giá sản xuất, kinh doanh mà còn tạo ra tâm lý e dè trong đầu tư đối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, hiện tượng ưu ái các doanh nghiệp có quan hệ lợi ích thay vì lựa chọn dựa trên năng lực thực sự khiến thị trường bị bóp méo, cạnh tranh lành mạnh bị triệt tiêu. Hậu quả là nền kinh tế bị vận hành bởi những toan tính cá nhân hơn là hiệu quả tổng thể, dẫn đến sự phân bổ nguồn lực thiếu công bằng, làm giảm hiệu suất và trì trệ tiến trình tăng trưởng.



Về lâu dài, tham nhũng và tiêu cực không chỉ là lực cản kinh tế, mà còn là một chi phí xã hội khổng lồ mà mọi công dân, mọi thế hệ phải cùng gánh chịu, dưới dạng thuế cao hơn, dịch vụ công kém chất lượng hơn, và một môi trường kinh doanh thiếu ổn định.

### ***Thứ năm, làm mất uy tín của thể chế công quyền và suy giảm niềm tin xã hội***

Khi bộ máy hành chính bị biến thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân hay nhóm lợi ích, thay vì phục vụ lợi ích công cộng, niềm tin của người dân vào tính liêm chính và công bằng của Nhà nước sẽ dần mai một. Sự tha hóa đạo đức công vụ khiến cán bộ, công chức bị nhìn nhận như những kẻ mưu cầu đặc quyền hơn là người thi hành sứ mệnh phục vụ nhân dân. Trong môi trường đó, tính chính danh và sự đồng thuận xã hội đối với các quyết sách công bị xói mòn nghiêm trọng.

Niềm tin xã hội là nền tảng vô hình nhưng thiết yếu của một hệ thống quản trị hiệu quả sẽ không thể được duy trì nếu người dân cảm thấy luật pháp bị bóp méo, công lý bị mặc cả, và nhà nước không còn là chỗ dựa đáng tin cậy. Khi niềm tin bị rạn nứt, không chỉ hiệu lực của chính sách bị suy yếu, mà còn kéo theo những hệ lụy sâu xa như giảm sự tuân thủ pháp luật, gia tăng thái độ thờ ơ chính trị, và rạn nứt mối liên kết giữa Nhà nước với cộng đồng.

### ***Thứ sáu, kìm hãm đổi mới và sáng tạo trong hệ thống hành chính***

Tham nhũng thường gắn liền với lợi ích nhóm, cơ chế xin–cho và tâm lý thủ cựu trong bộ máy công quyền. Trong môi trường như vậy, các sáng kiến cải cách hành chính nhằm tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả hoạt động thường không nhận được sự ủng hộ, thậm chí bị cản trở hoặc làm chệch hướng. Lý do là vì những cải cách này có nguy cơ làm lộ ra sai phạm, ảnh hưởng đến quyền lợi cá nhân hoặc nhóm đang hưởng lợi từ cơ chế cũ.

Hệ quả là hệ thống hành chính trở nên trì trệ, thiếu tinh thần cải tiến, ngại thay đổi và không còn năng lực thích ứng với các yêu cầu mới của xã hội, doanh nghiệp và người dân. Tham nhũng vì thế không chỉ làm tha hóa đạo đức công vụ mà còn triệt tiêu động lực đổi mới từ bên trong, khiến bộ máy công quyền mất dần tính linh hoạt và khả năng dẫn dắt quá trình phát triển.

Tóm lại, để giảm thiểu tác động của tham nhũng và tiêu cực cần có sự chấp hành nghiêm ngặt, kiểm soát từ các cấp tổ chức và chính trị để đảm bảo tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

#### **4. Nguyên nhân của tham nhũng và tiêu cực trong cơ quan hành chính nhà nước**

*Một là*, một số đơn vị, tổ chức cơ quan hành chính quản lý chưa sâu sát, thiếu minh bạch và giám sát tạo điều kiện cho tham nhũng xảy ra.

*Hai là*, một số cá nhân, đối tượng lách luật hoặc không được thực thi công việc được giao một cách nghiêm túc dẫn đến lợi dụng quyền lực để thực hiện các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

*Ba là*, ý thức văn hóa và đạo đức của một số người cán bộ, công chức chưa cao, nhiều nơi vẫn thờ ơ, xem nhẹ việc chống tham nhũng và tiêu cực.

*Bốn là*, quyền lực tập trung vào cán bộ, công chức có vị trí lãnh đạo quản lý mà không có cơ chế soát chặt chẽ dễ làm phát sinh lợi ích nhóm và trục lợi cá nhân.

*Năm là*, nguồn thu nhập thấp khiến cho cán bộ, công chức dễ bị cám dỗ, có những hành vi tham nhũng, tiêu cực để cải thiện cuộc sống.

*Sáu là*, tuyên truyền, giáo dục và ý thức của xã hội về chống tham nhũng, tiêu cực làm vấn đề chưa được xem trọng trong việc lồng ghép đào tạo, bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên, cũng như đội ngũ cán bộ, công chức về tinh thần trách nhiệm “dưỡng liêm”.

#### **5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng và tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước**

***Thứ nhất, tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng về phòng, chống tham nhũng và tiêu cực trong hệ thống hành chính nhà nước***

(1) Nội dung tuyên truyền giáo dục cần được tập trung, cụ thể và phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Trước hết, cần làm rõ bản chất, hậu quả nghiêm trọng và các dạng thức ngày càng tinh vi của tham nhũng trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là tham nhũng vật trong cung ứng dịch vụ công, tham nhũng chính sách trong quá trình hoạch định và ban hành văn bản pháp luật, cũng như lợi ích nhóm làm méo mó các quyết sách quản lý. Việc

nhận diện rõ các hành vi này giúp cán bộ, công chức nâng cao khả năng nhận thức, đề kháng, chủ động phòng ngừa, không bị cuốn vào những hành vi tiêu cực.

(2) Giáo dục dưỡng liêm, đạo đức công vụ và ý thức trách nhiệm là nền tảng cốt lõi của công tác phòng, chống tham nhũng. Tuyên truyền, giáo dục cần tập trung nuôi dưỡng lý tưởng phụng sự nhân dân, nhấn mạnh vai trò trung thực, khách quan, công tâm trong hành xử công vụ. Cán bộ, công chức phải được đào tạo, bồi dưỡng để trang bị nhận thức vững vàng về nghĩa vụ đạo đức giúp hình thành động cơ trong sáng, trách nhiệm với công việc và thái độ phục vụ tận tụy trong nhiệm vụ được giao phó.

(3) Cần phân tích các vụ việc tham nhũng, tiêu cực điển hình một cách thẳng thắn, có chọn lọc, từ đó rút ra bài học nhận thức sâu sắc từ thực tiễn. Hoạt động tổ chức trao đổi, nghiên cứu về các vụ án cụ thể không chỉ giúp đội ngũ cán bộ, công chức hiểu rõ con đường dẫn đến vi phạm mà còn làm rõ hệ quả pháp lý, xã hội và danh dự mà hành vi tham nhũng phải gánh chịu khi gây ra. Đây là phương pháp giáo dục có hiệu quả thực tiễn cao, tác động trực tiếp vào nhận thức và hành vi của cán bộ, công chức.

(4) Cần tuyên truyền mạnh mẽ về vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Hành vi, thái độ và bản lĩnh của lãnh đạo cấp cao trong việc “nói không với tiêu cực”, dám từ chối lợi ích không chính đáng, dám xử lý cán bộ, công chức sai phạm có sức lan tỏa rất lớn trong toàn hệ thống cơ quan hành chính nhà nước. Việc phát động các phong trào “nêu gương liêm chính”, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị tổ chức, lãnh đạo tiên phong trong hoạt động phòng chống tham nhũng, tiêu cực sẽ tạo dựng khí thế chính trị tư tưởng tích cực và củng cố niềm tin vào tổ chức.

(5) Về phương thức tổ chức tuyên truyền giáo dục, cần đổi mới mạnh mẽ theo hướng thiết thực, chuyên sâu và linh hoạt. Nội dung giáo dục về phòng, chống tham nhũng và tiêu cực phải được lồng ghép có hệ thống vào chương trình bồi dưỡng, tập huấn công chức theo từng vị trí việc làm, đặc biệt là các chức danh lãnh đạo, quản lý, nơi có nhiều quyền lực và khả năng tác động đến quyết định hành chính. Điều này giúp nội dung phòng chống tham nhũng và tiêu cực trở thành một phần không thể thiếu trong năng lực hành chính của mỗi cá nhân.

(6) Tăng cường tổ chức các diễn đàn đối thoại, tọa đàm chuyên đề, thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tiêu cực để khuyến khích tinh thần chủ động, đối thoại đa chiều và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ quan hành chính. Đây là hình thức sinh hoạt chính trị, pháp lý thiết thực, tạo điều kiện để cán bộ, công chức được thể hiện chính kiến, nâng cao năng lực nhận diện các hành vi sai trái, từ đó xây dựng ý thức phòng ngừa từ bên trong.

***Thứ hai, cải cách thể chế theo hướng tăng cường trách nhiệm giải trình, minh bạch hóa và kiểm soát quyền lực***

(1) Trách nhiệm giải trình cần được luật hóa rõ ràng, gắn với nghĩa vụ giải thích và chịu trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ, nhất là ở các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như đầu tư công, đất đai, tài chính. Cần thiết lập hệ thống quản lý hồ sơ minh bạch, truy vết được trách nhiệm, đồng thời có cơ chế giám sát độc lập từ bên ngoài.

(2) Minh bạch hóa phải được thực hiện thực chất, không hình thức, với trọng tâm là công khai các quy trình hành chính, tài sản công, tài sản cá nhân có liên quan đến cán bộ, công chức và các quyết định quản lý. Kê khai tài sản, thu nhập một cách minh bạch, có xác minh độc lập và xử lý nghiêm các trường hợp không trung thực. Việc này cần được hỗ trợ bởi công nghệ số, đảm bảo thông tin dễ tiếp cận, kiểm chứng được và có cơ chế phản hồi.

(3) Kiểm soát quyền lực cần triển khai trên cả ba chiều: nội bộ (tự kiểm tra), bên ngoài (giám sát của người dân, báo chí, tổ chức xã hội) và từ cấp trên (thanh tra, kiểm toán). Đồng thời, cần hoàn thiện pháp luật về kiểm soát xung đột lợi ích và cơ chế giám sát quyền lực độc lập, hiệu quả.

***Thứ ba, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hệ thống hành chính nhà nước***

Thanh tra và kiểm tra là công cụ trọng yếu nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy hành chính. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả, cần cải tiến đồng bộ cả về thể chế, phương pháp và công nghệ.

(1) Hoạt động thanh tra cần chuyển từ bị động sang chủ động, có trọng điểm, trọng tâm nhằm phát hiện sớm rủi ro để phòng ngừa từ sớm thay vì chỉ xử lý hậu quả. Cơ quan thanh tra cần được nâng cao năng lực chuyên môn và tính độc lập trong thực thi nhiệm vụ.

(2) Kiểm tra hành chính cần triển khai linh hoạt, đột xuất và tránh hình thức; đồng thời, kết quả thanh tra, kiểm tra phải được công khai, gắn với trách nhiệm cá nhân và xử lý nghiêm minh.

(3) Cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để phân tích dữ liệu, phát hiện bất thường và nâng cao tính minh bạch trong toàn bộ quy trình.

(4) Phải có cơ chế bảo vệ cán bộ, công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra, tạo dựng môi trường liêm chính, khuyến khích phát hiện sai phạm.

***Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để minh bạch hóa quy trình hành chính***

(1) Triển khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 trên diện rộng, giảm thiểu tối đa tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân, giúp người dân giảm thiểu thời gian đi lại.

(2) Xây dựng nền tảng số quản lý cán bộ và công việc theo thời gian thực, hỗ trợ theo dõi quy trình xử lý văn bản, hồ sơ và đo lường hiệu suất công vụ một cách khách quan. Các hệ thống về thông tin quản lý nội bộ như phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, phần mềm quản lý văn bản, hệ thống kiểm soát công việc và đánh giá hiệu suất cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc nắm thông tin theo dõi, truy vết và kiểm tra hành vi trách nhiệm đối với từng đơn vị, cá nhân,

(3) Cần mở rộng triển khai các nền tảng số trong hoạt động hỗ trợ giám sát xã hội như cổng phản ánh hiện trường, App phản hồi dịch vụ công nhằm giúp người dân tham gia trực tiếp vào quá trình kiểm tra, giám sát và phản biện chính sách xã hội nhằm nâng cao tính trách nhiệm, công khai và năng lực phục vụ của tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

***Thứ năm, nâng cao năng lực chuyên môn và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức***

(1) Đội ngũ cán bộ, công chức là chủ thể trực tiếp thực thi quyền lực nhà nước cần hội đủ phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tức vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, vừa tinh thông nghiệp vụ hành chính. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về “cần - kiệm - liêm - chính - chí công vô tư” trong thực thi nhiệm vụ. Do đó việc tăng cường năng lực chuyên môn và rèn luyện phẩm chất đạo đức có ý nghĩa then chốt trong phòng, chống tham nhũng và tiêu cực. Về chuyên môn, cần đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực tiễn, sát với vị trí việc làm, trang bị kiến thức pháp luật, kỹ năng quản trị rủi ro, nhận diện hành vi vi phạm và quy trình xử lý vi phạm. Ngoài ra, đối với những vị trí nhạy cảm, phải có tiêu chuẩn năng lực và cơ chế hoạt động đánh giá định kỳ rõ ràng.

(2) Về đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, cần xây dựng môi trường hành chính dựa trên các giá trị trách nhiệm, liêm chính, công tâm và thượng tôn pháp luật. Cần có việc lồng ghép giáo dục đạo đức trong đào tạo, bồi dưỡng gắn với cơ chế nêu gương, khen thưởng, kỷ luật công minh nhằm tạo động lực tích cực, nuôi dưỡng lý tưởng phục vụ Nhân dân và nâng cao sức đề kháng trước những cám dỗ từ quyền lực, lợi ích nhóm trong quá trình công tác của đội ngũ cán bộ, công chức.

### ***Thứ sáu, phát huy vai trò giám sát của người dân, báo chí và tổ chức xã hội***

(1) Người dân cần được bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, đối với các dữ liệu liên quan đến hoạt động công quyền, quy hoạch, ngân sách, đầu tư công và tài sản cán bộ, công chức. Minh bạch thông tin là tiền đề để xã hội có thể thực hiện giám sát hiệu quả và kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường.

(2) Báo chí giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc phòng, chống tham nhũng và tiêu cực với tư cách là một thiết chế phản biện xã hội, bảo vệ công lý và phơi bày những hành vi tiêu cực, lợi ích nhóm. Nhà nước cần ban hành, thực thi nghiêm cơ chế bảo vệ người tố cáo, phóng viên điều tra, đảm bảo họ không bị trù dập, trả đũa hay gây áp lực dưới mọi hình thức. Điều này giúp khơi thông dòng chảy thông tin trung thực và tạo động lực cho xã hội tham gia giám sát.

(3) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ cần được trao quyền tham gia giám sát một cách thực chất, từ phản biện chính sách đến theo dõi thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tiêu cực. Cần thiết lập các cơ chế chính thức để lắng nghe kiến nghị từ người dân, tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương.

(4) Cần xây dựng các kênh phản ánh trực tuyến an toàn cùng với cơ chế xử lý thông tin tố cáo rõ ràng, minh bạch và có trách nhiệm. Khi công dân được khuyến khích lên tiếng, và tiếng nói ấy được lắng nghe một cách công bằng, xã hội sẽ hình thành “lá chắn mềm” nhưng bền bỉ chống lại tham nhũng từ gốc. Cần “Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng”<sup>8</sup>.

#### ***Thứ bảy, xây dựng chính sách đãi ngộ và tiền lương đối với cán bộ, công chức***

Xây dựng chính sách về chế độ tiền lương và đãi ngộ về thu nhập cho cán bộ, công chức, đảm bảo đời sống cho bản thân và gia đình của cán bộ, công chức thì mức độ tham nhũng tiêu cực sẽ giảm đi. Bởi vì khi cuộc sống đảm bảo thì họ sẽ tập trung toàn tâm, toàn ý vào công việc trách nhiệm được giao, không bị những suy nghĩ tiêu cực tác động đến công việc. Do vậy, việc hoàn thiện chính sách về tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, công chức hết sức cần thiết khi Nhà nước hướng đến bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh.

#### ***Thứ tám, học hỏi và ứng dụng có chọn lọc các kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam***

Tóm tắt các mô hình phòng chống tham nhũng tiêu biểu ở một số nước tiêu biểu:

| <b>Quốc gia /<br/>Vùng lãnh<br/>thổ</b> | <b>Tên mô hình /<br/>Phương thức đặc<br/>trung</b> | <b>Cơ quan chủ<br/>lực</b>             | <b>Đặc điểm nổi bật</b>                                              | <b>Thành tựu /<br/>Ưu điểm</b>                      |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>Singapore</b>                        | Mô hình “Không khoan nhượng” (Zero tolerance)      | CPIB – Cục điều tra hành vi tham nhũng | -Luật nghiêm minh<br>- Lương công chức cao<br>- Chính phủ liêm chính | - CPI cao nhất châu Á<br>- Tham nhũng gần như không |

| Quốc gia /<br>Vùng lãnh thổ                                  | Tên mô hình /<br>Phương thức đặc<br>trung             | Cơ quan chủ<br>lực                              | Đặc điểm nổi bật                                                                                   | Thành tựu /<br>Ưu điểm                                                                     |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                              |                                                       |                                                 |                                                                                                    | Có                                                                                         |
| <b>Hàn Quốc</b>                                              | Mô hình tích hợp<br>pháp luật – xã hội<br>– công nghệ | ACRC, CIO,<br>BAI                               | -Luật chống xung đột<br>lợi ích<br>-Bảo vệ người tố cáo<br>-Đào tạo đạo đức công                   | -Tăng chỉ số<br>CPI nhanh<br>-Xử lý nhiều<br>vụ tham nhũng<br>lớn                          |
| <b>Hồng Kông</b>                                             | Mô hình ICAC –<br>Điều tra – Giáo<br>dục – Phòng ngừa | ICAC – Ủy<br>ban độc lập<br>chống tham<br>nhũng | -Tổ chức độc lập<br>- Tuyên truyền và giáo<br>dục thường xuyên<br>-Điều tra minh bạch              | -Hạ thấp mức<br>độ tham nhũng<br>mạnh trong<br>một thế hệ<br>-Được quốc tế<br>đánh giá cao |
| <b>New<br/>Zealand</b><br>( <i>hình mẫu<br/>cho châu Á</i> ) | Mô hình "văn hóa<br>đạo đức công"                     | Public<br>Service<br>Commission,<br>SFO         | -Tích hợp đạo đức vào<br>giáo dục công vụ<br>-Luật bảo vệ người tố<br>cáo<br>-Đào tạo thường xuyên | -Hệ thống<br>phòng ngừa<br>mạnh mẽ<br>-Công chức<br>liêm chính, xã<br>hội tin tưởng        |
| <b>Trung Quốc</b>                                            | Mô hình kiểm<br>soát nội bộ trong<br>Đảng             | CCDI, Ủy<br>ban Giám sát<br>Quốc gia            | -Kỷ luật nội bộ Đảng<br>-Đả hổ diệt ruồi<br>-Giám sát hành chính<br>mạnh                           | - Xử lý nhiều<br>vụ đại án<br>-Củng cố lòng<br>tin chính trị từ<br>trung ương              |

Có thể thấy Singapore, Hồng Kông và New Zealand là các mô hình tiêu biểu theo hướng thể chế hóa – minh bạch – phòng ngừa từ gốc, phù hợp với nhà nước pháp quyền hiện đại. Đối với Hàn Quốc là mô hình lai ghép giữa pháp lý mạnh – công nghệ – xã hội dân sự, điển hình cho quốc gia chuyển đổi thành công từ nạn tham nhũng nghiêm trọng.



Còn Trung Quốc có phương pháp mạnh mẽ nhưng thiên về kiểm soát nội bộ, phụ thuộc lớn vào ý chí chính trị.

Việt Nam cần lựa chọn mô hình phù hợp, linh hoạt điều chỉnh theo đặc thù thể chế, văn hóa và trình độ phát triển. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, công nghệ và kỹ thuật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xuyên biên giới trong bối cảnh toàn cầu hóa.

## **6. Kết luận**

Tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực không chỉ là sự vi phạm chuẩn mực pháp lý, mà còn là dấu hiệu cảnh báo sự xuống cấp trong văn hóa công vụ và năng lực vận hành của hệ thống hành chính. Việc đấu tranh chống tham nhũng, do đó, không nên chỉ được nhìn nhận như một hoạt động cưỡng chế pháp luật, mà cần được xem là một chiến lược cốt lõi để tái thiết niềm tin xã hội, tăng cường hiệu quả điều hành và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, các cơ quan hành chính phải giữ vai trò dẫn dắt trong việc định hình một nền công vụ hiện đại, dựa trên các trụ cột “minh bạch, công khai thông tin, và trách nhiệm giải trình rõ ràng”. Liêm chính không thể chỉ là một khẩu hiệu tuyên truyền, mà phải trở thành nguyên tắc sống và hành động trong toàn bộ hệ thống từ tư duy quản lý đến ứng xử cá nhân của mỗi cán bộ, công chức.

Thực chất, nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và tiêu cực chính là đang đầu tư vào chất lượng quản trị quốc gia, một yêu cầu tất yếu trong quá trình chuyển mình của nhà nước kiến tạo phát triển, đặc biệt trong thời đại hội nhập sâu rộng và chuyển đổi thể chế mạnh mẽ như hiện nay.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Nhìn lại 10 năm qua; định ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới*. [https://tapchicongsan.org.vn/tin-tieu-diem/-/asset\\_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-nhin-lai-10-nam-qua-dinh-ra-phuong-huong-nhiem-vu-cho-thoi-gian-toi](https://tapchicongsan.org.vn/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-nhin-lai-10-nam-qua-dinh-ra-phuong-huong-nhiem-vu-cho-thoi-gian-toi).

2. Nguyễn Xuân Trường (2022), *Thách thức và giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta hiện nay*. <https://noichinh.vn/nguyen-xuan-truong/202202/thach-thuc-va-giai-phap-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-o-nuoc-ta-hien-nay-310641/>.
3. Chính phủ (2023), *Báo cáo tóm tắt Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023 số 565/BC-CP ngày 18/10/2023*.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.355-358.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.210.
6. Đức Cường (2022), *Nhiều sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai ở tỉnh Đồng Nai*. <https://cand.com.vn/Vu-an-noi-tieng/nhieu-sai-pham-trong-quan-ly-su-dung-dat-dai-o-tinh-dong-nai-i647134/>.
7. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.369.
8. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018.

# TÁC ĐỘNG CỦA THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM

*ThS. Trần Hùng Phi<sup>40</sup>*

## 1. Giới thiệu tổng quan

Bộ máy hành chính nhà nước giữ vai trò trung tâm trong quản lý kinh tế - xã hội và phục vụ người dân. Tham nhũng (lợi dụng chức vụ để trục lợi cá nhân) và các biểu hiện tiêu cực (như lãng phí, trì trệ, ưu ái thân quen) đang lan rộng, trở thành thử thách lớn đối với hiệu quả công vụ. Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định tham nhũng là “mối nguy hiểm và thách thức rất lớn” đối với hệ thống chính trị. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gọi tham nhũng là “đối tượng nguy hiểm nhất đối với sự tồn tại của chế độ”.

Quan điểm kinh tế học cho thấy, tham nhũng trực tiếp làm thất thoát tài sản công và đồng thời tạo ra môi trường bất ổn, kém minh bạch. Các nghiên cứu kinh tế thống nhất rằng, tham nhũng dẫn đến phân bổ nguồn lực kém hiệu quả, giảm năng suất và làm suy yếu niềm tin vào thể chế<sup>41</sup>. Trong bối cảnh Việt Nam, TS. Đinh Văn Minh (nguyên Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ) phân biệt: tham nhũng là công chức lợi dụng chức vụ trục lợi, còn lãng phí thường xuất phát từ “thiếu trình độ, thiếu trách nhiệm, hoặc cách làm việc hời hợt”<sup>42</sup>. Ông cũng cảnh báo rằng, cả tham nhũng lẫn lãng phí đều làm mất lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Điều này cho thấy, ngay trong nhận thức xã hội, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác đã khiến người dân nghi ngờ tính công bằng và hiệu quả của bộ máy nhà nước.

Báo cáo PAPI 2024 cho thấy, tham nhũng đã vượt nghèo đói trở thành vấn đề được người dân quan tâm nhất (22,58% chọn, tăng mạnh so với 5,25% năm 2023). Trong cùng khảo sát, 56 - 61% người dân tin rằng mối quan hệ cá nhân quyết định khả năng được tuyển dụng vào bộ máy nhà nước<sup>43</sup>; con số này gần bằng mức 56 - 62% công bố trong báo cáo PAPI 2023. Như vậy, ngay lập tức từ nhận thức của xã hội đã thấy rõ sự hoài nghi vào

---

<sup>40</sup> Học viện Chính trị khu vực II

<sup>41</sup> ThS. Lê Anh, Đẩy lùi tham nhũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/07/16/day-lui-tham-nhung-gop-phan-thuc-day-tang-truong-kinh-te-o-viet-nam/>

<sup>42</sup> TS Đinh Văn Minh: 'Lãng phí phổ biến và có thể gây hại hơn tham nhũng', <https://vnexpress.net/ts-dinh-van-minh-lang-phi-pho-bien-va-co-the-gay-hai-hon-tham-nhung-4807683.html>

<sup>43</sup> Fewer bribes reported as Vietnam steps up public sector transparency, <https://vietnamnet.vn/en/fewer-bribes-reported-as-vietnam-steps-up-public-sector-transparency-2391436.html>

tính công bằng trong tuyển chọn công chức, phản ánh thực tế “xin - cho” trong bộ máy và các hình thức “tham nhũng vặt” vẫn phổ biến.

## **2. Tác động của tham nhũng và tiêu cực**

### **2.1. Tác động đến quản lý và sử dụng ngân sách công**

Tham nhũng và tiêu cực gây ra lãng phí lớn nguồn lực công và làm giảm hiệu quả đầu tư công qua nhiều kênh:

*Thứ nhất, lãng phí tài chính trực tiếp:* Nhiều dự án công bị đội vốn hoặc không hoàn thành vì kinh phí bị tham nhũng “ăn mòn”. Ở khâu đấu thầu và mua sắm, các khoản “hoa hồng” hoặc gian lận thường bơm thổi vào giá trị dự án, nên tổng chi ngân sách tăng cao mà chất lượng công trình lại kém đi. Chuyên gia cho biết mỗi năm có hàng trăm nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công không được giải ngân đúng hạn; nguyên nhân chính là thủ tục hành chính rườm rà và khả năng triển khai hạn chế<sup>44</sup>. Hệ quả là chi ngân sách thực tế giảm và Nhà nước phải bố trí thêm nguồn lực dự phòng cho thanh tra, kiểm toán.

*Thứ hai, dự án đầu tư công chậm tiến độ:* Khi chi tiêu công kém hiệu quả, nhiều công trình cơ bản bị kéo dài hoặc bỏ dở, gây lãng phí thêm chi phí quản lý và cơ hội phát triển. Thủ tục phức tạp và động cơ vụ lợi của nhóm lợi ích dẫn đến tiến độ dự án thường xuyên bị điều chỉnh, gia tăng chi phí nhân công và vật liệu. Ví dụ, các dự án giao thông trọng điểm, như đường cao tốc, thường xuyên phải điều chỉnh thiết kế hoặc tạm dừng thi công để thẩm tra lại, do nghi ngại về tiêu cực. Kết quả là thời gian hoàn thành dự án có thể kéo dài gấp đôi so với dự kiến. Trong giai đoạn này, chi phí nhân công và lãi vay vốn phát sinh, làm tăng tổng chi cho dự án. Hệ lụy rõ ràng khi hàng loạt công trình cơ sở hạ tầng công, như bệnh viện, trường học quy mô lớn sau khi khánh thành một vài năm đã xuống cấp hoặc hư hỏng nghiêm trọng, từ đó càng gia tăng gánh nặng bảo trì cho ngân sách.

*Thứ ba, chất lượng công trình kém:* Nguồn lực đầu tư bị phân bổ không hiệu quả và thất thoát lớn dẫn đến chất lượng dự án giảm sút. Công trình có thể thi công ẩu, sử dụng vật liệu kém chất lượng hoặc thiết kế sơ sài để tiết kiệm chi phí cho nhóm lợi ích. Từ đó, Nhà nước phải chi thêm chi phí bảo trì, nâng cấp hoặc thậm chí xây mới sau một thời gian ngắn. Chẳng hạn, nhiều dự án trường học, bệnh viện ở các địa phương đã phải đầu tư bổ sung nhiều tỷ đồng sau vài năm đưa vào sử dụng do hư hỏng. Các công trình giao thông

---

<sup>44</sup> TS Đinh Văn Minh: 'Lãng phí phổ biến và có thể gây hại hơn tham nhũng', <https://vnexpress.net/ts-dinh-van-minh-lang-phi-pho-bien-va-co-the-gay-hai-hon-tham-nhung-4807683.html>

và cấp thoát nước cũng thường gặp sự cố như sụt lún, vỡ ống. Những thiệt hại này dần khẳng định tham nhũng không chỉ làm thất thoát ngân sách một lần mà còn gây hao mòn tài sản công về lâu dài.

*Thứ tư, phân bổ nguồn lực kém hợp lý:* Nạn tiêu cực còn biểu hiện ở việc ưu tiên dự án hay địa bàn có “quan hệ” dẫn đến sự mất cân đối trong phân bổ ngân sách. Các nghiên cứu kinh tế chỉ ra rằng, tham nhũng làm nguồn lực quốc gia bị phân bổ sai hướng (inefficient allocation), giảm chất lượng tăng trưởng<sup>45</sup>. Nhiều địa phương bị cáo buộc đổ tiền công vào các dự án phục vụ lợi ích nhóm, như khu công nghiệp không phù hợp quy hoạch, rồi để hoang tàn; trong khi các nhu cầu xã hội thiết yếu khác (y tế cơ sở, giáo dục vùng sâu, hỗ trợ người nghèo) thì bị ưu tiên ít. Hệ quả là lợi ích xã hội chung không được phục vụ tối ưu, và sự chênh lệch phát triển giữa các vùng ngày càng tăng.

*Thứ năm, chi phí tuân thủ gia tăng:* Tham nhũng tạo ra gánh nặng cho doanh nghiệp và người dân dưới dạng chi phí ngầm. Để hoàn thành thủ tục công, rất nhiều doanh nghiệp và công dân phải chi thêm các khoản “không chính thức” (hối lộ, “phí môi giới”), tăng tổng chi phí của dịch vụ công. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam phản ánh họ phải chuẩn bị thêm ngân sách cho các khoản không nằm trong pháp luật để được cấp giấy phép xây dựng, đấu thầu hoặc hoàn thuế. Kết quả là chi phí kinh doanh tăng, giảm lợi nhuận và tính cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mức độ chi phí này dù đã giảm đáng kể sau cải cách, nhưng vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực, và thậm chí gây chênh lệch thu nhập ngầm.

*Thứ sáu, lãng phí nhân lực và tài sản công:* Ngoài tài chính, nhiều dạng lãng phí khác cũng xảy ra. Nhiều khu đất “vàng” công cộng (như trụ sở hành chính, khu đô thị chưa triển khai) bị bỏ hoang hoặc sử dụng sai mục đích, trong khi nhu cầu phát triển xã hội đang rất cao. Việc sắp xếp lại đơn vị hành chính khiến hàng loạt trụ sở huyện, xã sau sáp nhập bị bỏ trống hoặc kém hiệu quả, gây lãng phí tài sản quốc gia<sup>46</sup>. Thêm vào đó, việc tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ không tương xứng với năng lực là một dạng lãng phí nguồn nhân lực đáng kể. Khi nhiều vị trí lãnh đạo được giao cho người thiếu kinh nghiệm hoặc thiếu chuyên môn, hoặc phải dồn cán bộ đi “làm công tác đoàn thể”, bộ máy công quyền mất đi lực lượng tinh nhuệ và hiệu năng thấp hơn. Những tình trạng trên khiến chi

---

<sup>45</sup> ThS. Lê Anh, Đẩy lùi tham nhũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/07/16/day-lui-tham-nhung-gop-phan-thuc-day-tang-truong-kinh-te-o-viet-nam/>

<sup>46</sup> TS. Đinh Văn Minh: Lãng phí phổ biến và có thể gây hại hơn tham nhũng, <https://vnexpress.net/ts-dinh-van-minh-lang-phi-pho-bien-va-co-the-gay-hai-hon-tham-nhung-4807683.html>

phí cơ hội đội lên: nguồn lực tài chính, vật chất và con người lẽ ra để phục vụ đầu tư, phát triển đã bị tiêu hao cho tiêu cực và bất cập, giảm hiệu suất tổng thể của nền kinh tế.

Tóm lại, tham nhũng và tiêu cực trong hành chính công gây thất thoát lớn về ngân sách và tài sản công, kéo dài dự án, và làm suy giảm chất lượng công trình. Về mặt kinh tế, chúng biến phần vốn công ra thành “chi phí mất mát” và tăng thêm chi phí công tác quản lý, trong khi lẽ ra phải trở thành công suất sản xuất và cơ sở hạ tầng chất lượng cao.

## ***2.2. Tác động đến hiệu quả hoạt động và dịch vụ hành chính***

Những biểu hiện tiêu cực nêu trên làm giảm năng suất lao động và chất lượng công việc của đội ngũ công chức, đồng thời làm kém đi hình ảnh và sự tin cậy của chính quyền trong mắt người dân:

*Một là, thủ tục hành chính trì trệ:* Tham nhũng lan rộng tạo ra tâm lý dè dặt và chần chừ trong đội ngũ công chức. Nhiều cán bộ lo ngại bị thanh tra, nên cố tình trì hoãn ký duyệt hồ sơ hoặc “đùn đẩy” trách nhiệm cho cơ quan khác. Chẳng hạn, khi có thông tin lãnh đạo cấp cao có thể bị xử lý vì sai phạm, công chức ở cấp dưới thường do dự trong việc phê duyệt dự án hoặc triển khai các chương trình mới. Kết quả là quy trình công việc chậm hơn; sự chông chéo trách nhiệm khiến nhiều thủ tục giấy tờ phải xác minh lại nhiều lần. Thống kê cho thấy, năm 2023 tỷ lệ giải ngân đầu tư công của Việt Nam chỉ đạt 73,5% kế hoạch<sup>47</sup>; thậm chí trong năm 2022 tỷ lệ này chỉ đạt 68%<sup>48</sup>. Đáng chú ý, ISEAS ghi nhận chiến dịch phòng, chống tham nhũng mạnh tay cũng đã làm chậm trễ hệ thống quan liêu và gián đoạn một số dịch vụ thiết yếu (như y tế, đăng ký phương tiện) do công chức né tránh trách nhiệm<sup>49</sup>. Tất cả tạo ra vòng luẩn quẩn “sợ sai thì đùn đẩy làm quy trình ngày càng rối, còn quy trình rối lại khiến công chức càng muốn né tránh”.

*Hai là, giảm chất lượng và tốc độ phục vụ công:* Khi cán bộ hành chính bị chi phối bởi tiêu cực, chất lượng dịch vụ công bị suy giảm. Người dân phải mất nhiều thời gian và chi phí ngoài dự tính để hoàn thành thủ tục hành chính. Việt Nam hiện ở nhóm cuối về tốc độ và hiệu quả giải quyết thủ tục trong khu vực Đông Nam Á. Báo cáo PAPI 2024 ghi nhận dù số người phải trả phí ngoài đã giảm so với trước<sup>50</sup>, nhưng vẫn có tới 56 - 61%

<sup>47</sup> <https://www.csis.org/blogs/new-perspectives-asia/diverging-blazing-furnace-vietnams-opportunity-attract-more-us>

<sup>48</sup> <https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2023-41-vietnams-anti-corruption-campaign-economic-and-political-impacts-by-nguyen-khac-giang/>

<sup>49</sup> <https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2023-41-vietnams-anti-corruption-campaign-economic-and-political-impacts-by-nguyen-khac-giang/>

<sup>50</sup> Fewer bribes reported as Vietnam steps up public sector transparency, <https://vietnamnet.vn/en/fewer-bribes-reported-as-vietnam-steps-up-public-sector-transparency-2391436.html>

người dân cho rằng, mỗi quan hệ cá nhân quyết định khả năng hoàn thành thủ tục. Thực tế, người dân tại nhiều địa phương thường phản ánh phải “nộp hộ” các khoản ngoài quy định để được làm sổ đỏ, đăng ký kinh doanh, hoặc chuyển quyền sử dụng đất. Doanh nghiệp thì nhận xét quy trình cấp phép đầu tư, khai thác tài nguyên kéo dài và không nhất quán, buộc họ phải chi các khoản môi giới để được duyệt nhanh. Hậu quả là uy tín của bộ máy nhà nước giảm sút, niềm tin của xã hội vào khả năng phục vụ của các cơ quan bị giảm đáng kể.

*Ba là, bất ổn nội bộ, gián đoạn công việc:* Khi phát hiện tham nhũng ở cấp lãnh đạo, toàn bộ cơ quan có thể bị xáo trộn. Lãnh đạo cơ quan bị kỷ luật hoặc thay thế đột ngột khiến việc bàn giao, chuyển giao nhiệm vụ vội vàng. Trong thời gian đó, nhân viên còn lại thường phải tạm thay thế nhiều vị trí, dẫn đến tình trạng quá tải và giảm sự tập trung. Theo thống kê, cứ mỗi đại án tham nhũng bị phanh phui là nhiều cán bộ phụ trách liên quan phải tạm đình chỉ để phục vụ điều tra. Từ đó, nhiều dự án, kế hoạch đang triển khai bị ngưng trệ hoặc phải hoãn chờ bố trí lãnh đạo mới. Trong các cơ quan nhà nước, việc bị “giật ghế” đột ngột còn gây tâm lý lo sợ, làm giảm tinh thần làm việc và sáng tạo.

*Bốn là, lãng phí nhân lực:* Tình trạng bỏ nhiệm cán bộ không tương xứng với năng lực (theo mối quan hệ hay tiêu cực) làm giảm hiệu quả tổ chức. Những cán bộ yếu chuyên môn nhưng nắm vị trí quan trọng sẽ làm công việc cấp dưới phải kiêm nhiệm thêm, trong khi khả năng hoàn thành công việc chung giảm. Điều này dẫn đến các nhiệm vụ bị chậm trễ, còn lực lượng nhân sự thực sự có năng lực lại không được phát huy tối đa. Năng suất lao động của cả bộ máy vì thế suy giảm so với tiềm năng. Đồng thời, các công chức chân chính và có tâm huyết càng dễ nản lòng khi thấy người yếu kém được ưu ái.

*Năm là, chi phí cơ hội giảm:* Năng lực, thời gian và tài chính mà bộ máy nhà nước bỏ ra cho tham nhũng đều là cơ hội làm việc khác bị mất đi. Ví dụ, nếu một công chức phải dành phần lớn thời gian cho việc “xử lý quan hệ” hoặc đối phó với thủ tục tham nhũng, thì số hồ sơ chính thức được giải quyết sẽ ít đi. Như vậy, tổng năng suất của các cơ quan công vụ giảm sút. Tính toán sơ bộ cho thấy, chỉ số hiệu quả quản lý công (ví dụ số thủ tục hoàn thành theo hạn mức thời gian) của nhiều tỉnh, thành đang thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu đề ra - một phần do bộ máy bị phân tán vào các việc không chính thức. Vì vậy, các dự án công cộng lẽ ra được hoàn tất nhanh chóng giờ bị đình trệ, giảm lợi ích xã hội thu được từ chúng.

*Sáu là, suy giảm đạo đức và văn hóa công vụ:* Môi trường nhiễu loạn do tham nhũng và tiêu cực đã xói mòn chuẩn mực đạo đức trong đội ngũ công chức. Tham nhũng

xảy ra khi cán bộ trục lợi cá nhân, còn lãng phí do thiếu trình độ và trách nhiệm<sup>51</sup>. Trong thực tế, kiểu “ăn vặt” (như nhận phong bì hoặc những nhiễu nhỏ) dần được một bộ phận coi là bình thường, hình thành văn hóa “xin - cho” trong công vụ. Cả tham nhũng và lãng phí đều làm mất lòng tin của dân vào chính quyền và điều này đã phản ánh vào tâm lý ỉ lại hay thờ ơ của cán bộ. Kết quả, nhiều công chức liêm chính cảm thấy mệt mỏi, động lực làm việc giảm sút khi thấy bất công diễn ra. Văn hóa làm việc thiếu minh bạch, thiếu trách nhiệm ngày càng ngấm vào nếp nghĩ, làm giảm sự chủ động, sáng tạo và nghiêm túc trong từng công vụ.

Tất cả những điều đó làm cho năng suất và chất lượng chung của hệ thống hành chính Việt Nam bị sụt giảm nghiêm trọng. Các thủ tục công vụ mà lẽ ra được xử lý nhanh gọn giờ phải chờ đợi lâu; các quyết định quản lý lẽ ra nên kịp thời giờ luôn bị trì hoãn. Hệ thống dịch vụ công (y tế, giáo dục, hành chính...) vì thế cũng kém chất lượng hơn: người dân chịu phí tổn cao hơn, doanh nghiệp bị gián đoạn hoạt động, và niềm tin vào hiệu quả công quyền liên tục giảm qua các khảo sát xã hội.

### ***2.3. Hệ quả xã hội và niềm tin vào thể chế***

Hệ lụy của tham nhũng và tiêu cực vượt ra khỏi bộ máy hành chính, gây suy giảm niềm tin của người dân và doanh nghiệp, đồng thời tạo ra nhiều hệ quả xã hội tiêu cực:

*Thứ nhất, mất niềm tin vào chính quyền:* Khi tham nhũng phổ biến, lòng tin của người dân và doanh nghiệp vào các cơ quan nhà nước bị xói mòn nghiêm trọng. Theo khảo sát nội bộ, chỉ có khoảng 13% người dân Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) và 35% người Hà Nội tin rằng, tham nhũng đã giảm trong năm qua (2022)<sup>52</sup>. Tín hiệu này cho thấy, mức độ thất vọng công chúng rất cao. Tổng Bí thư Tô Lâm từng dẫn lời Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng “tham ô có hại, nhưng lãng phí có khi còn hại nhiều hơn”, gợi ý rằng suy thoái đạo đức và quản trị sẽ hủy hoại uy tín của Đảng và Nhà nước<sup>53</sup>. Thực tế, mỗi khi một vụ tham nhũng lớn bị phanh phui, công luận lại đặt câu hỏi về trách nhiệm của lãnh đạo và tính minh bạch chung, khiến nhiều người nghi ngờ vào chiến lược và quyết sách của chính quyền.

---

<sup>51</sup> TS. Đinh Văn Minh: Lãng phí phổ biến và có thể gây hại hơn tham nhũng, <https://vnexpress.net/ts-dinh-van-minh-lang-phi-pho-bien-va-co-the-gay-hai-hon-tham-nhung-4807683.html>

<sup>52</sup> <https://www.csis.org/blogs/new-perspectives-asia/diverging-blazing-furnace-vietnams-opportunity-attract-more-us>

<sup>53</sup> TS Đinh Văn Minh: 'Lãng phí phổ biến và có thể gây hại hơn tham nhũng', <https://vnexpress.net/ts-dinh-van-minh-lang-phi-pho-bien-va-co-the-gay-hai-hon-tham-nhung-4807683.html>



*Thứ hai, giảm thu hút đầu tư và cản trở kinh tế vĩ mô:* Tham nhũng làm tăng chi phí kinh doanh và tạo môi trường bất ổn, ảnh hưởng đến các chỉ số kinh tế vĩ mô. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài coi Việt Nam là thị trường tiềm năng, nhưng vẫn dè dặt do rủi ro tham nhũng và sự không nhất quán trong chính sách. Báo cáo của CSIS ghi nhận việc chính sách cứng rắn chống tham nhũng (dù cần thiết) đã phần nào làm dừng giải ngân vốn đầu tư và cản trở quy trình cấp phép<sup>54</sup>. Các xung đột pháp lý (văn bản quy phạm chồng chéo) cũng làm tăng chi phí tuân thủ. Chính phủ thừa nhận hàng nghìn văn bản hiện bị trùng lặp, mâu thuẫn, nên doanh nghiệp phải mất thêm thời gian giải thích và tuân thủ. Kết quả là nhiều nhà đầu tư nội địa lẫn ngoại giữ tiền ở tài chính đen hoặc ngồi chờ thay vì mở rộng đầu tư, khiến tăng trưởng GDP và việc làm giảm sút.

*Thứ ba, phá vỡ công bằng xã hội:* Tham nhũng củng cố sự bất bình đẳng trong xã hội. Khi quyền lợi và cơ hội nhiều phần dựa vào quan hệ hoặc khả năng chi trả hối lộ, trong khi người dân bình thường ít tiếp cận, chênh lệch giàu nghèo càng giãn rộng. Nhiều người có kết nối và tiền bạc dễ dàng tiếp cận các dịch vụ công, còn người dân ở vùng sâu, vùng khó khăn phải chịu chi phí chính thức lẫn phi chính thức, trong khi chính sách hỗ trợ họ bị lu mờ. Từ đó làm cho lòng bất mãn, nghi ngờ vào công bằng ngày càng tăng. Những bất ổn này tiềm ẩn nguy cơ khiến một bộ phận người dân giảm niềm tin vào công cuộc cải cách, thậm chí có xu hướng “xa lánh” dịch vụ công.

*Thứ tư, biến dạng chính sách và chất lượng quản trị:* Tham nhũng có thể dẫn đến sai lệch mục tiêu và ưu tiên của chính sách công. Khi các nhà hoạch định và thực thi chính sách bị chi phối bởi lợi ích nhóm, các chính sách đầu tư công hoặc cải cách thể chế có thể bị suy yếu. Các nghiên cứu cho thấy, quốc gia nào tham nhũng cao thường có các chính sách kinh tế thiếu hiệu quả. Ở Việt Nam, điều này đã phần nào lộ diện, nhiều chính sách (như quy hoạch sử dụng đất, ưu đãi đầu tư) đôi khi được sửa đổi liên tục vì áp lực nhóm lợi ích, khiến hiệu lực chính sách bị giảm. Mô hình quản trị vì thế kém cởi mở hơn, nhà nước mất dần khả năng kiểm soát phân bổ nguồn lực hiệu quả.

*Thứ năm, tác động tâm lý và xã hội dài hạn:* Tham nhũng làm xói mòn niềm tin chính trị và tinh thần hợp tác trong xã hội. Khi tổn thương lòng tin, người dân ít tham gia tích cực vào các chương trình xây dựng, e ngại đóng thuế hoặc tuân thủ pháp luật. Hiện tượng “chung sống với tham nhũng” có thể hình thành: nghĩa là một số người dân chấp nhận tính những nhiễu như là quy luật không thể thay đổi. Đây là hậu quả xã hội khôn

---

<sup>54</sup> <https://www.csis.org/blogs/new-perspectives-asia/diverging-blazing-furnace-vietnams-opportunity-attract-more-us>

lường, khi nó ảnh hưởng đến cả sự phát triển nguồn nhân lực (những người sáng tạo có thể ra nước ngoài làm việc) và tính ổn định chính trị - xã hội. Về dài hạn, dư địa phát triển của đất nước bị cản trở: các chuyên gia kinh tế nhấn mạnh rằng những quốc gia giảm được tham nhũng thường đạt mức tăng trưởng cao hơn, nên tình hình tham nhũng dai dẳng ở Việt Nam có thể đã làm chậm khả năng hiện đại hóa nền kinh tế.

### **3. Dẫn chứng và ví dụ thực tế**

*Một là, gia tăng số vụ án tham nhũng:* Chỉ trong 12 tháng (10/2021 - 9/2022), cả nước phát hiện 523 vụ phạm tội về tham nhũng và chức vụ (tăng khoảng 40% so cùng kỳ) với 501 vụ án và 1.211 bị can bị khởi tố<sup>55</sup>. Đây là con số kỷ lục, cho thấy số vi phạm trong bộ máy rất lớn. Trong số này có nhiều “đại án” liên quan đến tài chính và đầu tư công, gây thất thoát cực lớn. Ví dụ, vụ phát hành trái phiếu Tân Hoàng Minh đã lừa đảo hơn 8.000 tỷ đồng của nhà đầu tư; các vụ gian lận đấu thầu ở Viet-A (kit xét nghiệm Covid), Bệnh viện Thanh Nhàn, Bắc Giang... có thiệt hại chục tỷ đến hàng trăm tỷ<sup>56</sup>. Những vụ án này không chỉ đánh giá thiệt hại trực tiếp mà còn tạo tiền lệ cảnh báo về cách thức tham nhũng tinh vi trong mua sắm công và thị trường vốn.

*Hai là, xử lý cán bộ quy mô lớn:* Hàng loạt cán bộ chủ chốt bị xử lý cũng cho thấy tác động dây chuyền. Đơn cử, trong 2 năm gần đây đã có nhiều Phó Thủ tướng, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải chịu kỷ luật hoặc khởi tố do liên quan đến các đại án. Mỗi khi một lãnh đạo bị cách chức, toàn bộ hệ thống cơ quan của họ phải bố trí nhân sự mới và tạm dừng nhiều hoạt động kiểm toán nội bộ. Số liệu cho thấy có đến khoảng 12% vụ án tham nhũng ở địa phương liên quan cả tới cấp ủy hoặc lãnh đạo chủ chốt. Tác động là rất lớn, sau một đại án, việc chạy theo ổn định nhân sự khiến nhiều dự án, chương trình đang triển khai bị gián đoạn.

*Ba là, thu hồi tài sản tham nhũng quy mô lớn:* Cơ quan tố tụng đã thu hồi rất nhiều tài sản bị thất thoát. Trong 133 vụ án tham nhũng cấp đặc biệt do Ban Chỉ đạo Trung ương theo dõi, đã thu hồi được hơn 75.000 tỷ đồng<sup>57</sup>. Những con số khổng lồ này cho

---

<sup>55</sup> Tội phạm về tham nhũng và chức vụ bị phát hiện tăng gần 41%, <https://bacninh.tv.vn/tin-tuc/16/136137/toi-pham-ve-tham-nhung-va-chuc-vu-bi-phat-hien-tang-gan-41>

<sup>56</sup> Tội phạm về tham nhũng và chức vụ bị phát hiện tăng gần 41%, <https://bacninh.tv.vn/tin-tuc/16/136137/toi-pham-ve-tham-nhung-va-chuc-vu-bi-phat-hien-tang-gan-41>

<sup>57</sup> Thu hồi trên 19.000 tỷ đồng trong các vụ án tham nhũng, kinh tế, <https://thanhtra.com.vn/ho-so-tu-lieu-5BB56E560/thu-hoi-tren-19-000-ty-dong-trong-cac-vu-an-tham-nhung-kinh-te-1350850F.html>

thấy mức độ thiệt hại kinh tế do tham nhũng gây ra, đồng thời minh chứng nỗ lực truy thu của Nhà nước. Tuy nhiên, số tiền thu hồi chỉ là phần rất nhỏ so với quy mô thiệt hại ước tính hằng năm (có thể gấp hàng chục lần), nên tác động lan tỏa tiêu cực vẫn rất lớn.

*Bốn là, hậu quả cho người dân và doanh nghiệp:* Nhiều bằng chứng hằng ngày cho thấy thiệt hại của tham nhũng. Người dân liên tục phản ánh phải nộp các khoản “phí ngoài” khi làm sổ đỏ, khám bệnh, nộp hồ sơ thủ tục, đây là gánh nặng chi trả thêm. Doanh nghiệp thì phàn nàn về việc thủ tục cấp phép kéo dài và không minh bạch, làm dự án bị chậm trễ, tăng chi phí vốn. Các tổ chức xã hội dân sự từng phản ánh có tình trạng doanh nghiệp nhỏ không thể cạnh tranh vì phải chịu chi phí cơ hội quá lớn. Tất cả những ví dụ đó cho thấy khoản thiệt hại tổng thể không chỉ tính bằng đồng tiền thiệt hại trực tiếp, mà còn là chi phí cơ hội (niềm tin giảm, cơ hội kinh doanh mất) mà quốc gia phải trả.

PAPI 2023 cho thấy một số tín hiệu tích cực ở cấp vĩ mô. Người dân báo cáo 5/8 loại hình tham nhũng (như biển thủ ngân sách, hối lộ đất đai, hối lộ y tế, hối lộ giáo dục...) đã giảm so với năm 2021. Điều này chứng minh phần nào các nỗ lực chống tham nhũng của chính phủ có hiệu quả nhất định.

Trong ASEAN, Việt Nam thường xếp sau các nước phát triển, như Singapore, Malaysia và gần bằng Thái Lan về hiệu quả quản trị. Dù xếp trên Lào, Campuchia, các đánh giá cho thấy Việt Nam còn nhiều khoảng cách với các nước có hệ thống minh bạch. Theo khảo sát môi trường kinh doanh, doanh nghiệp ở Việt Nam đánh giá tính ổn định và minh bạch thấp hơn đáng kể so với nhiều nước láng giềng. Điều này phản ánh rõ hậu quả của vấn đề tham nhũng trong nội bộ, và gợi ý những lĩnh vực còn cần cải cách.

*Năm là, chi phí phát triển dài hạn:* Tham nhũng còn gây thiệt hại cho tăng trưởng dài hạn của đất nước. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, tham nhũng cao gắn liền với tăng trưởng kinh tế thấp, vì nó làm giảm đầu tư hiệu quả và giảm năng lực cạnh tranh. Đối với Việt Nam, dù chưa có ước tính đầy đủ, có thể thấy tham nhũng đã góp phần làm giảm lượng đầu tư thực (vốn FDI vào các ngành công nghệ cao, dịch vụ...) và làm chậm quá trình chuyển đổi kinh tế. Tham nhũng làm giảm niềm tin của nhà đầu tư và làm giảm đầu tư nước ngoài, dẫn đến tăng trưởng kinh tế bị hạn chế.

#### **4. Kết luận**

Tham nhũng và các hình thức tiêu cực khác đã và đang tạo ra những tác động tiêu cực đa chiều tới hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam. Về kinh tế - tài chính, tham nhũng làm tăng thất thoát ngân sách, giảm hiệu suất đầu tư công và hạ thấp chất lượng công trình, dẫn tới lãng phí lớn về nguồn lực. Về quản lý - hành

chính, tham nhũng gây trì trệ trong quy trình giải quyết công việc, giảm năng suất lao động và chất lượng dịch vụ công, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân và doanh nghiệp. Về xã hội, tham nhũng làm xói mòn niềm tin vào thể chế, phá vỡ công bằng và gia tăng khoảng cách giàu - nghèo. Tất cả hệ lụy này đều được phản ánh qua số liệu thực tế và khảo sát: các vụ án nghiêm trọng tăng nhanh, nhiều cán bộ cấp cao bị xử lý, chỉ số tín nhiệm và môi trường kinh doanh không cải thiện nhiều.

Các kết quả phân tích trên cho thấy, tham nhũng và tiêu cực khiến bộ máy hành chính Việt Nam hoạt động kém hiệu quả và thiếu công bằng. Ảnh hưởng đó không chỉ là thiệt hại trước mắt về tài chính, mà còn đọng lại như một lực cản lớn đối với cải cách thể chế và phát triển bền vững. Để khôi phục niềm tin và nâng cao hiệu quả điều hành, cần tiếp tục đẩy mạnh minh bạch, giám sát chặt chẽ và cải cách thủ tục hành chính./.

# VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG TRONG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỤC TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

*ThS. Nguyễn Thị Linh Nhâm<sup>58</sup>*

**Tóm tắt:** Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu cầu phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hệ thống hành chính nhà nước ngày càng trở nên vừa cấp bách, vừa lâu dài. Một giải pháp mang tính nền tảng và bền vững là tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Công tác này giữ vai trò then chốt trong việc hình thành bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, hướng tới nền hành chính liêm chính, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

**Từ khóa:** giáo dục chính trị tư tưởng; tham nhũng; tiêu cực; hành chính nhà nước.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam đã đạt nhiều kết quả quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng và Nhà nước. Nhiều vụ việc nghiêm trọng được phát hiện, xử lý nghiêm minh; cơ chế kiểm tra, giám sát từng bước được hoàn thiện. Tuy nhiên, tình trạng cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, thiếu trách nhiệm, gây thất thoát, lãng phí tài sản công vẫn còn diễn biến phức tạp, tinh vi hơn, thậm chí có xu hướng “liên kết lợi ích nhóm”.

Tham nhũng và tiêu cực không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật mà còn là biểu hiện điển hình của suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống – một trong ba nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” mà Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đã chỉ rõ cần nhận diện và kiên quyết đấu tranh. Hậu quả của nó là làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, phá vỡ kỷ cương hành chính, cản trở sự phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức càng trở nên cấp thiết, không chỉ ở năng lực chuyên môn mà còn ở bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ. Bên cạnh giải pháp về thể chế, pháp luật và kiểm tra – giám sát, giáo dục chính

---

<sup>58</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

trị tư tưởng nổi lên như một giải pháp mang tính nền tảng, lâu dài và phòng ngừa từ gốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Cán bộ là gốc của mọi công việc. Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”<sup>59</sup>.

Từ nhận thức đó, bài viết này phân tích vai trò, tác động và định hướng phát huy hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong phòng, chống tham nhũng và tiêu cực, nhằm củng cố lập trường, đạo đức công vụ và văn hóa liêm chính trong hệ thống hành chính nhà nước.

## **2. Nội dung cơ bản của giáo dục chính trị tư tưởng trong phòng chống tham nhũng và tiêu cực**

### **2.1. Vai trò của giáo dục chính trị tư tưởng trong phòng, chống tham nhũng và tiêu cực**

Giáo dục chính trị tư tưởng là quá trình trang bị, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức thế giới quan khoa học và phương pháp luận cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; đồng thời rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức phục vụ nhân dân và tinh thần trách nhiệm công vụ. Trong bối cảnh chống tham nhũng, tiêu cực, giáo dục chính trị tư tưởng đảm nhiệm những vai trò cơ bản sau:

#### **(1) Củng cố nền tảng nhận thức và bản lĩnh chính trị**

Một cán bộ nếu chỉ giỏi nghiệp vụ nhưng thiếu lập trường tư tưởng vững vàng thì dễ bị lung lay trước cám dỗ vật chất. Ngược lại, người có niềm tin chính trị và lý tưởng cách mạng vững chắc sẽ tỉnh táo trong hành động, phân biệt rõ đúng – sai, kiên quyết từ chối tiêu cực. Việc học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở tính hình thức, mà cần triển khai sâu qua tập huấn, tọa đàm, sinh hoạt chính trị để thấm nhuần giá trị liêm chính, công tâm, phụng sự.

#### **(2) “Lá chắn” chống suy thoái và nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”**

Suy thoái đạo đức, lối sống là mảnh đất cho tham nhũng và tiêu cực phát sinh. Giáo dục chính trị tư tưởng giúp cán bộ nhận diện và đề kháng trước những tác động tiêu cực từ kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và môi trường mạng. Đây là “cơ chế miễn dịch tinh thần” – ngăn chặn từ gốc các nguy cơ biến chất, phản bội lý tưởng, tiếp tay cho lợi ích nhóm.

#### **(3) Định hướng và nuôi dưỡng văn hóa công vụ liêm chính**

---

<sup>59</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr. 269

Văn hóa công vụ gồm hệ thống giá trị, chuẩn mực và hành vi của cán bộ khi thực thi nhiệm vụ. Giáo dục chính trị tư tưởng định hướng cán bộ hành xử minh bạch, công bằng, tôn trọng nhân dân; đặt lợi ích tập thể, cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân. Một nền văn hóa công vụ lành mạnh sẽ là “hàng rào mềm” nhưng bền vững, ngăn chặn hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật.

#### (4) Kết hợp hài hòa giữa giáo dục và kiểm tra – giám sát

Giáo dục giúp cán bộ “tự soi, tự sửa”, còn kiểm tra – giám sát tạo ràng buộc pháp lý và kỷ luật. Nếu chỉ giáo dục mà không giám sát thì hiệu quả thấp; nếu chỉ giám sát mà thiếu giáo dục thì dễ dẫn đến tâm lý đối phó. Do đó, cần thực hiện đồng bộ: một mặt giáo dục để nuôi dưỡng động lực và ý thức tự giác, mặt khác giám sát công khai, minh bạch với sự tham gia của nhân dân và các tổ chức xã hội.

#### (5) Khơi dậy động lực cống hiến và ý thức phục vụ nhân dân

Một bộ phận cán bộ hiện nay làm việc cầm chừng, thiếu đam mê, dễ bị chi phối bởi lợi ích cá nhân. Giáo dục chính trị tư tưởng khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào nghề nghiệp, tinh thần “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” như Hồ Chí Minh căn dặn. Khi coi trọng danh dự và nhân cách, cán bộ sẽ không dễ dàng đánh đổi vì lợi ích tầm thường.

### **2.2. Tình hình tham nhũng, tiêu cực và nguyên nhân từ suy thoái tư tưởng chính trị**

Trong nhiều năm qua, mặc dù Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo quyết liệt công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với nhiều chủ trương, giải pháp cụ thể, nhưng đây vẫn là một trong những vấn nạn nhức nhối, gây bức xúc trong xã hội và đe dọa sự trong sạch, vững mạnh của hệ thống chính trị. Tình trạng này diễn ra đặc biệt nghiêm trọng ở các lĩnh vực nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến quản lý và phân bổ nguồn lực công như: quản lý, sử dụng đất đai; đầu tư công và đầu thầu; thuế và hải quan; cấp phép kinh doanh; bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ; y tế và giáo dục.

Các vụ án nghiêm trọng được đưa ra ánh sáng trong thời gian qua cho thấy mức độ tinh vi, có tổ chức, thậm chí mang tính hệ thống của các hành vi tham nhũng. Đáng chú ý, không ít trường hợp liên quan đến cán bộ lãnh đạo cấp cao ở cả Trung ương và địa phương, trong đó nhiều người thuộc diện Trung ương quản lý đã bị kỷ luật, truy tố và xử lý hình sự. Báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho thấy, chỉ trong vài năm gần đây, hàng trăm cán bộ ở cấp này đã bị xử lý, phản ánh nỗ lực làm trong sạch bộ máy nhưng đồng thời cũng cho thấy mức độ phổ biến, dai dẳng và phức tạp của vấn đề.

Tham nhũng và tiêu cực là những hiện tượng xã hội nguy hiểm không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, làm thất thoát tài sản công, mà còn tác động phá hoại niềm tin chính trị của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cải cách hành chính, đây không chỉ là thách thức về quản trị quốc gia mà còn là vấn đề sinh tử đối với uy tín và sự tồn vong của chế độ.

Nghiên cứu nguyên nhân cho thấy, bên cạnh các yếu tố thể chế, pháp luật và giám sát chưa thực sự hiệu quả, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên là nguyên nhân sâu xa và trực tiếp. Khi bản lĩnh chính trị không vững vàng, lý tưởng cách mạng mờ nhạt, cán bộ dễ bị cuốn vào vòng xoáy tha hóa trước cám dỗ quyền lực, tiền tài, vật chất. Một số trường hợp thậm chí giảm sút lòng tin vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng, xa rời con đường xã hội chủ nghĩa mà toàn Đảng, toàn dân đã lựa chọn. Cùng với đó là biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, vụ lợi, thâm độc lợi ích, gây mất đoàn kết nội bộ, áp đặt độc đoán, thiếu dân chủ trong điều hành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>60</sup>.

Do đó, phòng, chống tham nhũng và tiêu cực không thể chỉ dựa vào cơ chế kiểm tra, giám sát và chế tài xử lý, mà phải bắt đầu từ giải pháp gốc rễ – giáo dục, bồi dưỡng và xây dựng con người. Nếu thiếu nền tảng chính trị – tư tưởng vững chắc, mọi biện pháp pháp lý đều mang tính đối phó và chỉ giải quyết phần ngọn. Chính vì vậy, giáo dục chính trị tư tưởng trở thành yếu tố chiến lược, mang tính phòng ngừa từ gốc, giúp hình thành lớp cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng và văn hóa công vụ liêm chính, góp phần xây dựng một nền hành chính trong sạch, hiệu lực, hiệu quả.

### **2.3. Một số giải pháp**

Giáo dục chính trị, tư tưởng là bộ phận cốt lõi trong công tác xây dựng Đảng, giữ vai trò then chốt trong việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Hoạt động này tác động trực tiếp đến nhận thức, tình cảm, thái độ và hành vi của cán bộ, đảng viên; giúp họ thấm nhuần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hình thành thế giới

---

<sup>60</sup> Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr. 612



quan và phương pháp luận khoa học; củng cố bản lĩnh chính trị và niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực từ gốc rễ, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cần tập trung vào các giải pháp sau:

*Một là*, tăng cường tuyên truyền, quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Đây là nền tảng của sự thống nhất trong nhận thức và hành động, đồng thời là lá chắn tư tưởng chống lại những biểu hiện sai lệch, cực đoan hoặc lệch chuẩn đạo đức công vụ. Hoạt động này cần được tiến hành thường xuyên, bằng nhiều hình thức linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, giữa học tập lý luận chính trị với thảo luận tình huống thực tiễn.

*Hai là*, đề cao trách nhiệm nêu gương của cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu chi bộ, đơn vị. Bản thân cán bộ lãnh đạo, chủ chốt phải thực sự gương mẫu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, nói đi đôi với làm, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Cùng với đó, cần duy trì nền nếp sinh hoạt chi bộ chất lượng, coi trọng phê bình và tự phê bình, coi đây là “cơ chế tự thanh lọc” thường xuyên để ngăn chặn biểu hiện suy thoái từ sớm, từ xa.

*Ba là*, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các chi bộ, khoa, phòng trong toàn Đảng bộ trong thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và đánh giá hiệu quả từng hoạt động, đồng thời xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng đơn vị, tạo sự lan tỏa tinh thần liêm chính, trách nhiệm, phục vụ nhân dân.

*Bốn là*, chủ động nắm bắt và kịp thời xử lý tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên. Đây là khâu dự báo và phòng ngừa quan trọng, giúp phát hiện sớm những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, đạo đức, lối sống. Cần kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, bồi dưỡng với quản lý cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ, đồng thời thường xuyên giáo dục chuẩn mực văn hóa công vụ, đạo đức nghề nghiệp, lối sống trong sạch, lành mạnh.

*Năm là*, đổi mới phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục và tính hiệu quả. Cần kết hợp công tác này với công tác cán bộ, thi đua – khen thưởng, kỷ luật Đảng theo tinh thần Quy định số 69-QĐ/TW (06/7/2022) và đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 01-KL/TW (18/5/2021) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW. Trọng tâm là thực hiện nghiêm trách nhiệm nêu gương, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

### **3. Kết luận**

Giáo dục chính trị, tư tưởng là nền tảng bền vững và lâu dài trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt trong hệ thống hành chính nhà nước – nơi quyền lực luôn song hành với trách nhiệm. Một nền hành chính liêm chính, minh bạch chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng và tinh thần phụng sự nhân dân.

Việc đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ là nhiệm vụ trọng yếu của công tác xây dựng Đảng, mà còn là yêu cầu tất yếu của cải cách hành chính, hiện đại hóa quản trị nhà nước, hướng đến một nền công vụ chuyên nghiệp, hiệu quả và giàu tính nhân văn. Trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, kết hợp giữa rèn luyện đạo đức cách mạng và nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng công tác; đặc biệt chú trọng bồi dưỡng lý tưởng, bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ.

Cần tiếp tục quán triệt, thực hiện hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gắn với các nghị quyết và kết luận của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Quan trọng hơn hết, mỗi cán bộ, đảng viên phải tự giác rèn luyện, tự phê bình, giữ vững lý tưởng cách mạng và phẩm chất của người đảng viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Chính trị, *Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST,
3. Đặng Ngọc Dinh (2020), *Phòng chống tham nhũng từ góc độ văn hóa công vụ*, Tạp chí Quản lý nhà nước.
4. Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia.
5. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.
6. Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII
7. Nguyễn Phú Trọng, *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb CTQG-ST.
8. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

# **TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

***TS. Dương Huy Đức<sup>61</sup>***

## **1. GIỚI THIỆU**

Trong bối cảnh đất nước hội nhập và phát triển, tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy nhà nước vẫn tiếp tục là một thách thức nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của nhân dân và uy tín của Đảng, Nhà nước. Tham nhũng không chỉ làm suy giảm niềm tin xã hội, cản trở quá trình cải cách mà còn đe dọa đến sự phát triển bền vững của cả hệ thống chính trị và kinh tế đất nước. Chính vì vậy, việc đề cập đến mối quan hệ giữa nhận thức chính trị, tư tưởng và hành vi tham nhũng, tiêu cực là rất cần thiết. Các nhà lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước nhiều lần khẳng định, nguyên nhân cơ bản dẫn đến tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực chủ yếu bắt nguồn từ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Theo Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trong nhiệm kỳ vừa qua có hàng chục vạn tổ chức đảng và hàng triệu đảng viên đã bị kiểm tra, giám sát; hơn một nghìn tổ chức đảng và hơn 87.000 đảng viên bị kỷ luật, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo cấp cao và tướng lĩnh thuộc lực lượng vũ trang<sup>62</sup>. Kết quả này phần nào phản ánh mức độ phổ biến của tình trạng suy giảm ý thức chính trị, dẫn đến sai phạm và tiêu cực.

Trong bối cảnh trên, giáo dục chính trị, tư tưởng được xác định là nguyên tắc nền tảng, tiền đề quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, nâng cao bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng. Đảng ta luôn khẳng định, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải đi trước, mở đường cho việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Suy cho cùng, để đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, công chức là một biện pháp có ý nghĩa then chốt. Bài viết này sẽ trình bày cơ sở lý luận, thực trạng, cơ chế tác động, thực tiễn cùng các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng trong phòng, chống tham nhũng và tiêu cực ở Việt Nam.

---

<sup>61</sup> Phó Vụ trưởng, Cơ quan TT miền Nam, Tạp chí Cộng sản

<sup>62</sup> Quỳnh Hoa, Nhìn lại nhiệm kỳ XII: Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, <https://daihoidang.vn/nhin-lai-nhiem-ky-xii-siet-chat-ky-luat-ky-cuong-trong-dang/1166.vnp>

## **2. NỘI DUNG**

### **2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng trong bộ máy nhà nước**

Từ góc độ lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức và tư tưởng đúng đắn được xem là “kim chỉ nam” cho mọi hành động của cách mạng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tư tưởng không đúng thì ắt sai lầm” và “trong Đảng và ngoài Đảng có nhận rõ tình hình mới, hiểu rõ nhiệm vụ mới thì tư tưởng mới thống nhất, tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất”<sup>63</sup>. Điều này cho thấy việc trang bị cho cán bộ, đảng viên một nền tảng tư tưởng vững chắc, bản lĩnh chính trị vững vàng là vô cùng quan trọng. Trên thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta luôn đề cao công tác giáo dục chính trị, tư tưởng như tiền đề căn bản và rất quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đất nước. Cụ thể, giáo dục chính trị, tư tưởng giúp cán bộ, đảng viên hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học theo quan điểm Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhờ đó, mỗi cán bộ có thể nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, từ đó củng cố niềm tin, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và tác phong làm việc. Bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ chính là sự hiểu biết sâu sắc, niềm tin và sự kiên định đối với nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng trong mọi hoàn cảnh. Đảng ta khẳng định công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải đi trước, mở đường cho việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là trong những nhiệm vụ khó khăn hay bước ngoặt của cách mạng.

Trong thực tiễn điều hành của bộ máy nhà nước, giáo dục chính trị tư tưởng là công cụ then chốt để xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cán bộ, công chức được giáo dục tư tưởng chính trị nhằm định hướng giá trị, nâng cao đạo đức cách mạng và trách nhiệm xã hội; từ đó tạo thành “lá chắn” tinh thần, ngăn ngừa nguy cơ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” vốn là mầm mống phát sinh tham nhũng và tiêu cực. Ví dụ, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ tăng cường lòng trung thành với lý tưởng cách mạng, mà còn góp phần tạo ra bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định trước mọi thử thách, giúp cán bộ quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chấp hành nghiêm kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp của mình.

Có thể nói, về lý luận cũng như thực tiễn, giáo dục chính trị, tư tưởng được xem là một biện pháp quan trọng hàng đầu để xây dựng bộ máy nhà nước chính quy, vững mạnh

---

<sup>63</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.554-555

về chính trị, từ đó làm nền tảng vững chắc cho mọi nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước. Việc thường xuyên nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa là yêu cầu tất yếu, vừa là giải pháp căn cơ bảo đảm cho cán bộ, công chức giữ vững bản lĩnh, chống lại mọi biểu hiện suy thoái, tiêu cực, tạo môi trường thuận lợi cho phòng, chống tham nhũng hiệu quả.

## **2.2. Thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay ở Việt Nam**

Giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được Đảng ta xác định là nhiệm vụ then chốt trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đảng ủy Bộ Nội vụ nhấn mạnh: “Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng” trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Đảng, góp phần hình thành ở cán bộ, đảng viên bản lĩnh chính trị vững vàng, niềm tin vào con đường phát triển của đất nước và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ vậy, trong nhiều năm qua, ý thức chính trị của phần lớn cán bộ, công chức, viên chức đã được nâng cao, tạo điều kiện ổn định tư tưởng, giữ vững niềm tin của đội ngũ vào đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên khá ổn định, luôn tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, việc duy trì thường xuyên việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với quán triệt các Nghị quyết Trung ương đã tạo “sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên”. Có thể thấy, những nỗ lực đổi mới hình thức tuyên truyền chính trị (hội thảo, sinh hoạt chi bộ gắn chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa kết hợp tham quan di tích lịch sử, các cuộc thi tìm hiểu...) đã đem lại hiệu quả tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực, thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị - hành chính vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại. Công tác này thời gian qua vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Cụ thể, một số cấp ủy cơ sở và đơn vị còn biểu hiện công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị trên danh nghĩa, hình thức; việc quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh “hiệu quả chưa cao”. Trong thực tế sinh hoạt, nhiều nơi chất lượng sinh hoạt chi bộ, tinh thần tự phê bình phê bình còn kém, chưa kịp thời xử lý những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, dẫn đến có đảng viên “thiếu gương mẫu, sống thực dụng” như Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới” đã cảnh báo. Bên cạnh đó, giáo dục đạo đức cách mạng cũng bộc lộ nhiều bất cập. Chính vì vậy, Nghị quyết số 21-NQ/TW thẳng thắn nhìn nhận: “vẫn còn một bộ phận đảng viên

phai nhạt lý tưởng cách mạng, thiếu bản lĩnh chính trị, tinh thần phê bình và tự phê bình yếu”<sup>64</sup>. Đây là thách thức nghiêm trọng bởi, như Đảng ta nhiều lần cảnh báo, suy thoái tư tưởng, tự diễn biến có thể dẫn cán bộ, đảng viên tiếp tay cho luận điệu sai trái, phá hoại sự nghiệp của Đảng và dân tộc.

Một nguyên nhân sâu xa được chỉ ra là chưa có sự đổi mới đồng bộ cả về tư duy và phương thức tuyên truyền. Ở nhiều nơi, nội dung giáo dục chính trị vẫn dạy học theo lối cũ, nặng nề lý thuyết mà thiếu sinh động, cụ thể. Trong khi đó, môi trường thông tin ngày càng phức tạp với “bùng nổ thông tin” trên mạng xã hội, các thế lực thù địch gia tăng tấn công tư tưởng, yêu cầu của tình hình mới đối với công tác tư tưởng cũng đòi hỏi cao hơn. Trong bối cảnh luồng thông tin độc hại ngày càng đa dạng, việc trang bị cho cán bộ, chiến sĩ “bản lĩnh vững vàng, đủ sức đề kháng đối chọi” là đòi hỏi cấp bách. Tuy nhiên, trên thực tế, không ít cấp ủy địa phương vẫn tập trung truyền đạt thông tin một chiều, thiếu tổ chức các diễn đàn đối thoại, chưa chú trọng đến kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ. Trình độ và năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác tư tưởng còn hạn chế, chưa theo kịp các xu hướng tư tưởng mới, dẫn đến kết quả thực thi còn ít đạt yêu cầu. Vì vậy, mặc dù đã triển khai hàng loạt nghị quyết, chỉ thị của Đảng, hiệu quả và độ sâu của công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong một số bộ phận còn là vấn đề đáng lo ngại.

Tóm lại, thực trạng giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị - hành chính hiện nay là sự pha trộn giữa những mặt tích cực và những hạn chế rõ nét. Ở chiều tích cực, phải khẳng định rằng nhờ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, môi trường tư tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên tương đối ổn định, tin tưởng cao vào sự lãnh đạo của Đảng; nhiều biện pháp tuyên truyền, như sinh hoạt chuyên đề, thi đua học tập, đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị. Cùng với đó, tình hình hiện nay đòi hỏi hệ thống chính trị phải thẳng thắn đối diện với hạn chế, như cán bộ một số tổ chức cơ sở đảng còn buông lỏng giáo dục tư tưởng, chủ nghĩa Mác - Lênin chưa được phổ biến một cách thiết thực, và kết quả tự sửa lỗi của đảng viên còn hình thức. Nhìn một cách tổng thể, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã đạt được kết quả nhất định, nhưng cũng đang phải đối mặt với thách thức từ bên ngoài (luận điệu xấu, sự thay đổi nhanh chóng của tình hình) lẫn bên trong (một bộ phận cán bộ thiếu tự giác, những khâu yếu của hệ thống tuyên truyền). Yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải tiếp tục giữ vững nền tảng tư tưởng nhưng đồng thời

---

<sup>64</sup> Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”

không để công tác này trở nên máy móc, hình thức, nhằm tránh nguy cơ “tự diễn biến” trong nội bộ đảng và bộ máy nhà nước.

### **2.3. Giáo dục chính trị, tư tưởng như một công cụ phòng, chống tham nhũng và tiêu cực**

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, giáo dục chính trị, tư tưởng luôn giữ vai trò trung tâm trong chiến lược xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trải qua các giai đoạn kháng chiến, kiến quốc và đổi mới, giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ là công cụ truyền bá lý luận cách mạng, mà còn là nền tảng định hình hệ giá trị, đạo đức và bản lĩnh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong giai đoạn hiện nay, khi cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trở thành một nhiệm vụ mang tính sống còn đối với uy tín và sự tồn vong của Đảng, thì giáo dục chính trị, tư tưởng không đơn thuần là phương tiện nhận thức, mà còn là vũ khí tinh thần sắc bén nhằm ngăn chặn từ gốc rễ các biểu hiện suy thoái đạo đức, lệch chuẩn giá trị trong hệ thống chính trị - hành chính nhà nước. Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ giúp cán bộ, đảng viên nhận diện đúng sai, thật giả, mà còn góp phần tạo ra sức đề kháng trước cám dỗ vật chất và tha hóa quyền lực (những nguyên nhân sâu xa của tham nhũng và tiêu cực).

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã chỉ ra ba biểu hiện suy thoái trong nội bộ cán bộ, đảng viên: suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trong đó, suy thoái tư tưởng chính trị được xác định là nguồn gốc khởi phát, là mảnh đất cho các biểu hiện tha hóa khác nảy sinh. Khi cán bộ, đảng viên không còn giữ vững lý tưởng, không còn tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì những chuẩn mực đạo đức, pháp luật, quy tắc hành xử sẽ dần bị phá vỡ, dẫn đến hành vi vụ lợi cá nhân, tham ô, lạm quyền, và tiếp tay cho các lợi ích nhóm. Vì thế, vai trò phòng ngừa của giáo dục chính trị, tư tưởng thể hiện ở chỗ: nó không chỉ trang bị tri thức lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, mà còn giúp hình thành bản lĩnh chính trị, sự kiên định lập trường, và lòng trung thành tuyệt đối với lợi ích của nhân dân, của chế độ. Giáo dục tư tưởng là tuyến phòng ngự đầu tiên và quan trọng nhất, giữ cho cán bộ, đảng viên không rơi vào trạng thái phai nhạt lý tưởng, thiếu niềm tin, vốn là những tiền đề của tha hóa đạo đức và hành vi sai trái.

Thực tiễn những năm gần đây cho thấy, nhiều cán bộ, kể cả ở cấp cao, đã bị xử lý kỷ luật, thậm chí truy tố, không đơn thuần vì sai phạm hành chính hay pháp lý, mà trước hết

là vì suy thoái về tư tưởng chính trị, không còn giữ được đạo đức cách mạng và lý tưởng phụng sự nhân dân. Từ vụ án “chuyến bay giải cứu” cho đến các đại án liên quan đến Tập đoàn FLC, Vạn Thịnh Phát, hay sai phạm trong ngành y tế, giáo dục..., điểm chung nổi bật là một bộ phận cán bộ đã đánh mất phẩm chất người cán bộ cách mạng, thay vào đó là tâm lý thực dụng, hưởng thụ, đánh đổi lợi ích công vì tư lợi cá nhân. Trong bối cảnh đó, giáo dục chính trị, tư tưởng trở thành công cụ nhận diện và điều chỉnh lệch chuẩn đạo đức, từ đó giúp ngăn chặn hành vi tham nhũng ngay từ trong ý thức. Đó là lý do vì sao Đảng ta nhấn mạnh, phải làm cho “mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc nguy cơ suy thoái đạo đức, thấy rõ trách nhiệm nêu gương”, thông qua quá trình rèn luyện tư tưởng liên tục và thường xuyên trong sinh hoạt Đảng, trong học tập lý luận chính trị, trong thực hành đạo đức cách mạng.

Một đặc điểm nổi bật của tham nhũng và tiêu cực trong hệ thống chính trị là tính âm thầm, len lỏi, diễn ra trong các mối quan hệ quyền lực - vật chất - lợi ích nhóm. Những hành vi đó, nếu chỉ chờ đến khi phát hiện bằng thanh tra, kiểm toán, hay điều tra, thì thường đã muộn, hậu quả đã xảy ra và uy tín của Đảng, Nhà nước đã bị tổn hại. Do đó, phòng ngừa từ sớm, từ xa, từ gốc chính là yêu cầu cốt lõi. Trong khi “gốc” ở đây chính là tư tưởng, đạo đức và phẩm chất chính trị của người cán bộ. Trong điều kiện hiện nay, việc trang bị “đức” thông qua giáo dục tư tưởng, chính trị không thể dừng ở khẩu hiệu, mà phải trở thành quá trình tự giác của từng cá nhân, gắn với cơ chế kiểm soát và ràng buộc từ tổ chức Đảng. Bởi, chỉ khi cán bộ, đảng viên có nền tảng tư tưởng vững chắc, mới có thể đứng vững trước những cám dỗ, áp lực và sự tác động của môi trường xã hội đầy biến động.

Trong thời gian qua, công cuộc phòng, chống tham nhũng đã đạt được nhiều kết quả đột phá. Tuy nhiên, chính cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nhấn mạnh rằng, không chỉ chống mà phải ngăn. Không chỉ trừng trị người có hành vi sai phạm, mà phải xây dựng hàng rào tư tưởng vững chắc để không ai, không tổ chức nào dám và muốn tham nhũng. Giáo dục chính trị, tư tưởng chính là công cụ để thực hiện điều đó. Nó định hình cho cán bộ một “vùng cấm tinh thần”, ở đó hành vi tiêu cực không chỉ bị pháp luật ngăn cấm, mà còn bị hệ giá trị của bản thân, niềm tin vào Đảng, vào nhân dân và vào chính mình khước từ. Một khi cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có nhận thức sâu sắc về hậu quả của tham nhũng và hậu vận chính trị của người làm chính trị, thì họ sẽ chủ động tránh xa những nguy cơ, thay vì chờ bị phát hiện và xử lý.



Nhìn từ thực tiễn, giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay đã được Đảng chỉ đạo toàn diện thông qua các nghị quyết, chỉ thị, như Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Quy định số 08-QĐi/TW về trách nhiệm nêu gương. Các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên đều lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng, đấu tranh với biểu hiện suy thoái tư tưởng đạo đức. Tổ chức cơ sở đảng các cấp cũng đưa nội dung này vào sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề, thi đua gương mẫu. Nhờ đó, nhận thức về tham nhũng không còn là vấn đề xa vời, mà trở thành nội dung cốt lõi trong tự phê bình, phê bình và rèn luyện đạo đức công vụ. Các khảo sát nội bộ trong Đảng cho thấy đa số cán bộ đều cho rằng giáo dục tư tưởng có vai trò thiết thực trong việc “giữ mình”, “giữ đạo đức nghề nghiệp” và “giữ bản lĩnh chính trị” trong môi trường đầy cám dỗ.

Tuy vậy, vẫn còn tồn tại không ít bất cập trong công tác này. Một bộ phận không nhỏ cán bộ tiếp cận giáo dục tư tưởng dưới hình thức đối phó, hình thức, chưa gắn với tự soi, tự sửa. Một số cấp ủy địa phương tổ chức học tập nghị quyết, lý luận một cách chiếu lệ, nặng về hình thức, thiếu chiều sâu, thiếu sự gắn kết với thực tiễn công tác. Hệ quả là, dù tham gia học tập đầy đủ, nhưng khi đứng trước cám dỗ quyền lực và vật chất, không ít người vẫn “trượt ngã” vì tư tưởng không đủ mạnh để kháng cự. Bên cạnh đó, trong một bộ phận cán bộ trẻ, xu hướng thực dụng, lệch chuẩn giá trị nghề nghiệp có chiều hướng gia tăng, do sự lỏng lẻo trong giáo dục chính trị từ ban đầu, cũng như môi trường xã hội tác động tiêu cực. Khi lý tưởng công vụ bị thay thế bằng mục tiêu vị kỷ, giáo dục chính trị tư tưởng không còn là “màng lọc” giá trị đủ mạnh, mà chỉ tồn tại như một hình thức trừu tượng, xa rời thực tiễn.

Đảng ta nhiều lần nhấn mạnh rằng, tham nhũng là một “giặc nội xâm”, một hình thức phản bội lý tưởng cách mạng. Chính vì thế, phòng, chống tham nhũng không thể chỉ bằng luật lệ, mà phải bằng văn hóa, bằng nhận thức, bằng lý tưởng sống. Giáo dục chính trị tư tưởng giúp tạo ra lớp cán bộ “biết xấu hổ khi làm sai”, “biết sợ trước quần chúng”, “biết kiềm chế trước danh lợi”, và “biết chọn lựa lẽ phải”. Đó là những giá trị không thể hình thành trong một sớm một chiều, mà chỉ có thể được xây dựng thông qua quá trình giáo dục tư tưởng liên tục, bền bỉ và tự giác. Nếu không có công cụ này, luật pháp sẽ chỉ có tác dụng sau khi hành vi đã xảy ra, còn môi trường tư tưởng bị buông lỏng sẽ là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa cơ hội trỗi dậy.

Nhìn ở chiều sâu hơn, giáo dục tư tưởng chính trị còn góp phần điều chỉnh và tái cấu trúc hệ giá trị trong công vụ. Nó đặt ra tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử, tinh thần phụng sự trong mỗi cán bộ, qua đó làm rõ ranh giới giữa hành vi vì lợi ích công và hành vi lợi dụng quyền lực. Trong bối cảnh chuyển đổi số, minh bạch hóa và yêu cầu quản trị công hiện đại, giáo dục tư tưởng càng cần đi sâu vào các giá trị mới: trung thực, minh bạch, trách nhiệm, chính trực, những yếu tố có thể làm “miễn dịch” cho hệ thống trước virus tham nhũng. Chính trị học hiện đại cũng chỉ ra rằng, nơi nào ý thức chính trị công bị xói mòn, nơi đó tham nhũng hoành hành. Ngược lại, ở nơi nào mà hệ thống giáo dục chính trị được thực thi một cách thực chất, đi vào nhận thức và hành vi của cán bộ, nơi đó tạo ra sức đề kháng mạnh mẽ với tiêu cực.

Tóm lại, trong bức tranh tổng thể của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng hiện nay, giáo dục chính trị tư tưởng giữ vai trò như một “hệ miễn dịch” tinh thần cho cả hệ thống chính trị. Nó không chỉ cung cấp tri thức lý luận, mà quan trọng hơn, tạo ra chuẩn mực hành vi, đạo đức và giá trị sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bằng cách xây dựng và củng cố bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng, tinh thần phụng sự và đạo đức nghề nghiệp, giáo dục chính trị tư tưởng góp phần ngăn chặn tham nhũng ngay từ trong ý thức, từ trong nhân cách và từ trong hành vi tiềm tàng. Khi tư tưởng đã “sáng”, thì hành động sẽ “đúng”, và hệ thống sẽ “vững”.

#### **2.4. Giải pháp tăng cường hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống hành chính nhà nước**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và tính cấp thiết của giáo dục chính trị, tư tưởng, một số giải pháp sau đây cần được triển khai đồng bộ để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy nhà nước:

*Thứ nhất, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục:* Cần tích hợp cập nhật những nội dung thời sự về chống tham nhũng, đạo đức công vụ vào chương trình học. Nội dung phải gần gũi với thực tiễn công tác cụ thể của từng đối tượng, tránh khuôn sáo lý thuyết. Phương pháp giảng dạy cần sáng tạo, kết hợp bài giảng truyền thống với thảo luận tình huống, diễn đàn trao đổi để nâng cao tương tác. Công tác giáo dục nên gắn chặt với bồi dưỡng kỹ năng thực tiễn, như giải quyết xung đột lợi ích, xử lý tình huống phi đạo đức, để cán bộ hình thành phương pháp làm việc khoa học, biết “tự soi, tự sửa” khi thấy mình lệch lạc.

*Thứ hai, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ chính trị:* Cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cho giảng viên và phụ trách chính trị tại các

cơ quan, đơn vị. Đảm bảo mỗi cơ quan có cán bộ chuyên trách am hiểu chủ trương, có khả năng truyền đạt sinh động, kịp thời định hướng cho đảng viên, công chức. Đồng thời, các cấp ủy phải coi việc học tập, bồi dưỡng chính trị là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ, gắn với chính sách đãi ngộ, khuyến khích người có thành tích. Việc tổ chức tập huấn theo chuyên đề, kết hợp với sinh hoạt chuyên môn cần được thực hiện thường xuyên hơn, tạo thói quen nghiên cứu, trao đổi về tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp.

*Thứ ba, tăng cường giáo dục đạo đức, hình thành nhân cách liêm chính:* Cùng với giáo dục chính trị, cần đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ. Các nội dung như “bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức” được quy định tại Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị cần được cụ thể hóa thành bài giảng, diễn đàn, hay các buổi sinh hoạt chuyên đề định kỳ. Khi cán bộ nhận thức sâu sắc giá trị của liêm chính và tôn trọng danh dự người cán bộ Đảng, họ sẽ nỗ lực tu dưỡng bản thân, giảm thiểu hành vi tiêu cực.

*Thứ tư, tổ chức bài bản kết hợp với kiểm tra, giám sát:* Mỗi năm, cấp ủy các cấp phải xây dựng kế hoạch cụ thể về giáo dục chính trị tư tưởng, đưa vào chương trình công tác thường niên. Việc quán triệt các nghị quyết, chỉ thị và cam kết tu dưỡng phẩm chất đạo đức phải được giám sát chặt chẽ. Đồng thời cần phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị-xã hội trong tuyên truyền, nêu gương cho cán bộ; khuyến khích tố cáo những biểu hiện suy thoái tư tưởng, tham nhũng và bảo vệ người đấu tranh chính trực. Các cơ quan cấp trên phải kiểm tra, đánh giá định kỳ việc tổ chức giảng dạy chính trị ở cơ sở, xử lý nghiêm những trường hợp lơ là, thờ ơ để cán bộ sa vào tiêu cực.

*Thứ năm, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và toàn dân:* Ngoài Đảng, các cơ quan Nhà nước và đoàn thể cần tích cực phối hợp tuyên truyền nội dung chống tham nhũng, liêm chính trên các phương tiện thông tin đại chúng và mạng xã hội. Gia đình, nhà trường cũng phải giáo dục thế hệ trẻ về tinh thần trách nhiệm, liêm chính ngay từ khi bước vào trường phổ thông. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, đặc biệt là quy định về giáo dục, tuyên truyền phòng, chống tham nhũng trong trường học, cơ quan công quyền. Điều này sẽ tạo ra dư luận xã hội trong sạch, không dung túng tiêu cực và góp phần củng cố niềm tin của dân với Đảng, Nhà nước.

Những giải pháp trên cần được triển khai đồng bộ với sự thống nhất cao từ Trung ương đến cơ sở, dựa trên cơ sở các nghị quyết, kết luận của Đảng như Nghị quyết số 21-

NQ/TW của Bộ Chính trị. Bằng cách đó, công tác giáo dục chính trị tư tưởng sẽ thực sự trở thành “yếu tố quan trọng” để xây dựng hệ thống hành chính trong sạch, vững mạnh, từ đó đẩy lùi tham nhũng và tiêu cực trong các cơ quan nhà nước.

### **3. KẾT LUẬN**

Giáo dục chính trị, tư tưởng có vai trò then chốt trong công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Đây chính là nền tảng để cán bộ, công chức giữ vững lập trường chính trị, tin tưởng sâu sắc vào lý tưởng cách mạng và con đường phát triển của đất nước. Chỉ khi nhận thức chính trị, tư tưởng của đội ngũ cán bộ thật sự vững vàng, nhất quán với quan điểm của Đảng, thì mọi chủ trương, chính sách đúng đắn mới được thực hiện một cách thống nhất và có hiệu quả, từng bước đẩy lùi mọi biểu hiện tham nhũng, tiêu cực. Trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh nỗ lực hoàn thiện thể chế và tăng cường kiểm tra, giám sát, công tác tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng gắn liền với giáo dục đạo đức cách mạng chính là một trong những giải pháp hàng đầu bảo đảm cho sự thành công của công cuộc phòng, chống tham nhũng và xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

# PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG – MỘT YÊU CẦU CẤP THIẾT TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

*Lê Văn Phúc*<sup>65</sup>

**Tóm tắt:** *Tham nhũng, theo đúng bản chất của nó, không chỉ là một hành vi sai trái về mặt pháp lý mà còn là sự tha hóa quyền lực, là sự đứt gãy về đạo lý và niềm tin. Trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phòng, chống tham nhũng không thể chỉ là nhiệm vụ đơn tuyến, mà phải là một quá trình “tự thân vận động” của chính hệ thống quyền lực nhà nước. Trong đó, phòng, chống tham nhũng ngay trong các cơ quan làm nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng là một yêu cầu mang tính nguyên lý, đảm bảo cho hệ thống chống tham nhũng có thể vận hành minh bạch, liêm chính và bền vững. Bài tham luận này xin góp một số góc nhìn lý luận và kiến nghị thực tiễn nhằm làm rõ: (1) Tại sao cần phải chống tham nhũng trong chính cơ quan chống tham nhũng; (2) Những hệ quả chính trị – đạo đức nếu không thực hiện điều đó; và (3) Một số giải pháp mang tính thiết chế, văn hóa và xã hội trong việc phòng, chống sự tha hóa nội tại của quyền lực chống tha hóa.*

**Từ khóa:** *Phòng, chống tham nhũng; cơ quan phòng, chống tham nhũng.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng chính trị, quyền lực luôn là một vấn đề vừa thiết yếu, vừa nguy hiểm. Nó thiết yếu vì là công cụ duy nhất để tổ chức công lý, duy trì trật tự và điều phối lợi ích công; nhưng cũng nguy hiểm vì bản chất quyền lực, như từng được Montesquieu và Madison cảnh báo, có xu hướng lạm dụng nếu không bị kiểm soát. Trong nhà nước pháp quyền, vấn đề trung tâm không phải là quyền lực nên mạnh hay yếu, mà là quyền lực phải chịu trách nhiệm và có thể bị giới hạn.

Ở đây, câu hỏi lớn không còn là “làm sao để chống tham nhũng”, mà là: làm sao để cơ quan có quyền chống tham nhũng không trở thành nơi phát sinh và che giấu tham nhũng? Khi những người được trao sứ mệnh trấn áp tha hóa lại trở thành hiện thân của tha hóa, thì vấn đề không chỉ nằm ở hành vi cá nhân, mà là một khủng hoảng cấu trúc, đe dọa tính chính danh của toàn bộ thể chế công quyền.

---

<sup>65</sup> Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Chính vì vậy, phòng, chống tham nhũng trong chính cơ quan phòng, chống tham nhũng không còn là một vấn đề kỹ thuật quản trị, mà là một yêu cầu bản thể của một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa – nơi quyền lực chỉ được công nhận nếu nó được kiểm soát, minh bạch và gắn liền với đạo lý công vụ. Một thiết chế có thể xét xử cái sai mà không tự xét mình, có thể điều tra cái ác mà không thể bị điều tra, sẽ không bao giờ được xem là chính đáng trong mắt công luận.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang kiên quyết xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với nền tảng “*Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”, thì việc chống tham nhũng trong chính cơ quan có chức năng trấn áp tham nhũng trở thành thuốc thử bản lĩnh cải cách, chứng chỉ đạo đức thể chế, và thước đo năng lực tự điều chỉnh của quyền lực công. Đây không phải là hành động “*tự phơi bày điểm yếu*”, mà là một bước đi quyết định nhằm củng cố lại niềm tin xã hội, minh định ranh giới giữa quyền lực phục vụ và quyền lực lạm dụng, giữa công lý đích thực và công lý nguy trang.

## **2. Tham nhũng trong cơ quan phòng, chống tham nhũng – một nghịch lý mang tính hệ thống**

Trong chiều sâu của triết học chính trị, quyền lực không chỉ là công cụ tổ chức xã hội, mà là một thực thể có xu hướng tự nhân lên, tự bảo vệ và – nếu không bị giới hạn – sẽ tự hợp thức hóa chính sự lệch chuẩn của mình. Như Montesquieu từng khẳng định trong *Tinh thần pháp luật*: “*Quyền lực có khuynh hướng lạm dụng; quyền lực tuyệt đối dẫn đến sự suy đồi tuyệt đối*”<sup>66</sup> – một chân lý không chỉ đúng với quyền lực hành pháp hay lập pháp, mà càng đúng với quyền lực kiểm soát quyền lực. James Madison, trong *The Federalist Papers*, cũng nhấn mạnh rằng: “*Muốn kiểm soát quyền lực, bản thân quyền lực phải bị kiểm soát bởi chính nó*”<sup>67</sup> – một tuyên bố mở đầu cho khái niệm kiểm soát quyền lực lồng ghép trong các nền cộng hòa hiện đại.

Vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn khi quyền lực được trao để ngăn chặn sự tha hóa lại trở thành nơi trú ngụ an toàn nhất cho sự tha hóa. Trong những cơ quan có quyền năng đặc biệt như thanh tra, kiểm toán, kiểm sát, điều tra – nơi được xem là “*gác cổng của công lý*” – nếu thiếu vắng các cơ chế đối trọng độc lập từ bên ngoài, thì quyền năng ở đó dễ dàng biến tướng thành quyền lực bất khả truy xét, quyền lực tự miễn trừ. Khi ấy, điều

---

<sup>66</sup> Montesquieu. (1995). *Tinh thần pháp luật* (Nguyễn Văn Dương dịch). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1748).

<sup>67</sup> Madison, J. (2003). *The Federalist Papers* (No. 51). New York: Signet Classics. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1788).

nguy hiểm không chỉ là hành vi tham nhũng, mà là khả năng hợp pháp hóa tham nhũng dưới vỏ bọc công lý – một thứ nghịch lý mang tính bản thể, nơi “quyền lực chống tha hóa” tự nó bị tha hóa và vẫn được xem là hợp pháp.

Ở cấp độ cấu trúc, đây không còn là hiện tượng lệch chuẩn cá nhân, mà là một loại nghịch lý quyền lực mang tính hệ thống: quyền lực được tạo ra để kiểm soát lại trở thành một thiết chế không thể bị kiểm soát. Nó tạo ra “vùng xám”, nơi chuẩn mực pháp quyền bị lật ngược, và nơi đó cái ác có thể được thực hiện nhân danh cái đúng. Không khó để thấy các hệ thống công quyền hiện đại – kể cả ở các quốc gia theo mô hình tư bản hay xã hội chủ nghĩa – đều từng lâm vào tình trạng này. Vụ án cựu Tổng thanh tra Trung Quốc Lưu Thiệu Kỳ bị kết án vì tham nhũng hàng triệu USD, hay những bê bối trong chính ngành kiểm sát, thanh tra ở nhiều quốc gia – bao gồm cả Việt Nam – là minh chứng sống động cho một hiện thực: khi “người canh cửa” không bị giám sát, họ có thể trở thành người mở toang cánh cửa cho cái ác đi qua, mà không ai phát hiện, thậm chí còn được vỗ tay vì đúng quy trình.

Vì vậy, chống tham nhũng trong chính các cơ quan chống tham nhũng không phải là một hành động kỹ thuật hành chính, mà là một hành vi bản thể luận – một sự đối mặt triệt để giữa quyền lực và giới hạn của nó. Nó đặt ra câu hỏi nền tảng: quyền lực có thể chống lại sự tha hóa của chính mình không? Và nếu không thể, thì ai có thể kiểm soát những người kiểm soát? Chính ở đây, vấn đề giám sát quyền lực phải vượt ra khỏi phạm vi nội bộ, vươn đến xã hội dân sự, báo chí, nhân dân và các thiết chế siêu quyền lực như đạo đức công lý, lương tri cộng đồng.

Khi quyền lực không thể tự kiểm soát, nó cần bị soi chiếu bởi những gì không thể bị đồng hóa vào quyền lực: lý trí phê phán, ánh sáng công luận, sự minh bạch, và cuối cùng là khả năng tự cải cách mang tính thể chế. Nói như Karl Popper: “*Vấn đề không phải là làm sao để có những nhà lãnh đạo tốt, mà là làm sao để những kẻ xấu không thể làm hại quá nhiều khi họ nắm quyền*”<sup>68</sup>.

### **3. Tính tất yếu của phòng, chống tham nhũng trong chính cơ quan phòng, chống tham nhũng**

**Thứ nhất**, bởi các cơ quan phòng, chống tham nhũng chính là nơi tập trung quyền lực đặc biệt – thứ quyền lực phản quyền lực, với khả năng điều tra, truy tố, thanh tra và kiểm soát hành vi của những thiết chế quyền lực khác. Trong kết cấu của nhà nước hiện

---

<sup>68</sup> Popper, K. (2011). *The Open Society and Its Enemies*. Princeton University Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1945).

đại – nơi các thiết chế được “lồng ghép” và liên kết trong một hệ sinh thái quyền lực tương hỗ – những cơ quan này không chỉ thực thi pháp luật, mà còn góp phần định hình không gian biểu tượng của công lý và giữ gìn trật tự chính trị – pháp lý cho toàn hệ thống.

Tuy nhiên, khi những công cụ đó bị thao túng bởi lợi ích cá nhân hoặc nhóm lợi ích cấu kết, hậu quả không chỉ là thất thoát tài sản quốc gia, mà còn nghiêm trọng hơn: làm đổ vỡ biểu tượng của công lý, khiến cho tính chính danh của quyền lực nhà nước bị xói mòn từ gốc rễ. Như Michel Foucault từng phân tích, quyền lực không chỉ vận hành qua bạo lực hay luật pháp, mà còn thông qua các thiết chế “*nói thay cho sự thật*” – *như tòa án, thanh tra, kiểm sát – nơi định nghĩa cái đúng và cái sai được thực thi qua thực tiễn thể chế*<sup>69</sup>.

Chính vì vậy, phòng, chống tham nhũng trong chính các cơ quan chống tham nhũng không chỉ là hành vi làm sạch một bộ phận của bộ máy, mà là một biện pháp tái khẳng định tính chính đáng cho toàn bộ trật tự công lý. Đó là điều kiện để duy trì lòng tin công dân, bảo vệ hình ảnh của Nhà nước pháp quyền, và tránh để quyền lực phản quyền lực bị hoán đổi thành vô bực cho sự tha hóa có hệ thống.

**Thứ hai**, bởi niềm tin của nhân dân không đặt nền trên những lời hứa chính trị hay khẩu hiệu hành chính, mà được hình thành từ sự nhất quán giữa mục tiêu công và hành vi quyền lực thực tế. Trong một nhà nước pháp quyền hiện đại, niềm tin công dân là thứ tài sản vô hình nhưng sống còn – và nó chỉ có thể được duy trì nếu những thiết chế mang biểu tượng công lý thực sự đáng tin cậy. Các cơ quan chống tham nhũng – như thanh tra, kiểm sát, điều tra – được xem là “người gác cửa” cuối cùng của hệ thống đạo lý công, nắm giữ vai trò định chuẩn giữa đúng và sai, giữa pháp lý và phi pháp, giữa công bằng và bất công. Khi chính những người gác cửa đó bị mua chuộc, bị đồng hóa bởi lợi ích nhóm hoặc bị tha hóa từ bên trong, thì tính chính danh của toàn bộ thể chế quyền lực sẽ sụp đổ âm thầm nhưng triệt để.

Người dân không mất niềm tin vì có tham nhũng – bởi họ hiểu rằng quyền lực luôn mang trong mình nguy cơ tha hóa – mà họ mất niềm tin khi sự tha hóa được bao che, được hợp thức hóa bởi chính những người được giao phó trách nhiệm triệt tiêu nó. Đây là

---

<sup>69</sup> Foucault, M. (1991). *Discipline and Punish: The Birth of the Prison* (A. Sheridan, Trans.). Vintage Books. (Tác phẩm gốc xuất bản 1975), xem Chương 3: Panopticism.



điều Hannah Arendt từng gọi là “*cái ác hành chính*” – khi cái sai không còn là sự lệch chuẩn cá nhân, mà trở thành một cơ chế vận hành trơn tru bên trong thể chế<sup>70</sup>.

**Thứ ba**, bởi trong kỷ nguyên của truyền thông mạng và sự tỉnh thức chính trị ngày càng tăng, một cú sụp đổ niềm tin mang tính biểu tượng có thể kéo theo sự đổ vỡ tâm thế công dân trên diện rộng. Một vụ án tham nhũng xảy ra trong ngành kiểm sát hay thanh tra không còn chỉ là “một điểm đen kỹ thuật” trong quản trị, mà có thể trở thành vết rạn đạo đức tập thể, dẫn tới chủ nghĩa hoài nghi chính trị, tâm thế vỡ vụn trước quyền lực, hoặc tệ hơn, khơi dậy phản ứng xã hội cực đoan, nơi niềm tin bị thay thế bằng giận dữ, định kiến hoặc thờ ơ.

Nhà nước pháp quyền không thể kiến tạo trên một nền đá đã rạn nứt – bởi nền pháp quyền đích thực không chỉ yêu cầu hiến pháp, luật pháp và tòa án độc lập, mà còn đòi hỏi một không gian đạo đức công nơi lòng tin công dân được nuôi dưỡng liên tục. Như Habermas đã khẳng định, “*tính chính đáng của quyền lực hiện đại không thể chỉ dựa vào tính hợp pháp thủ tục, mà phải dựa vào năng lực tự tái sinh lòng tin qua đối thoại, minh bạch và tự sửa sai*”<sup>71</sup>.

#### **4. Một số giải pháp phòng, chống tham nhũng trong nội bộ cơ quan phòng, chống tham nhũng**

*Thứ nhất, thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực nội bộ đa tầng, độc lập*

Một trong những nguyên lý nền tảng của triết học chính trị hiện đại là: quyền lực chỉ trở nên chính đáng khi nó bị giới hạn. Không thể tồn tại thứ quyền lực “vô giới hạn” mà vẫn giữ được tính liêm chính. Bởi vậy, để phòng, chống tham nhũng hiệu quả trong chính các cơ quan có quyền năng đặc biệt như điều tra, kiểm sát, thanh tra, điều tiên quyết là phải kiến tạo một cơ chế kiểm soát quyền lực nội bộ đa tầng, độc lập và có khả năng tự điều chỉnh thường xuyên.

Trước hết, cần tổ chức lại hệ thống thanh tra nội bộ và hội đồng liêm chính như những “thiết chế phản tỉnh”, không chỉ giám sát hành vi vi phạm, mà còn có nhiệm vụ kiến tạo các chuẩn mực đạo đức công vụ, đưa ra cảnh báo sớm và can thiệp vào những nguy cơ lệch chuẩn ngay từ bên trong. Không thể trông đợi vào “liêm chính tự phát” của từng cá nhân trong một hệ thống có quyền lực lớn, mà cần thiết kế các cơ chế kiểm tra định kỳ, khách quan, có thực quyền và không phụ thuộc vào cấp bị kiểm tra.

---

<sup>70</sup> Arendt, H. (2006). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Penguin Books. (Tác phẩm gốc xuất bản 1963), xem Chương 8: Duties of a Law-Abiding Citizen.

<sup>71</sup> Habermas, J. (1996). *Between Facts and Norms: Contributions to a Discourse Theory of Law and Democracy* (W. Rehg, Trans.). MIT Press.

Song song đó, cần xây dựng mô hình giám sát chéo nội bộ giữa các đơn vị chức năng – không chỉ là sự kiểm tra mang tính hành chính thuần túy, mà là các thiết chế phản biện có tính cấu trúc, giúp triệt tiêu nguy cơ “kết cấu lợi ích ngầm” giữa các trung tâm quyền lực. Mọi quyền lực cần được đặt trong thế tương đối hóa lẫn nhau, tương tự như mô hình “tam quyền phân lập mềm” trong nội bộ các cơ quan hành pháp hiện đại – nơi không một bộ phận nào có thể độc quyền quyền năng kiểm soát.

Quan trọng hơn cả, là phải mở rộng cơ chế giám sát từ bên ngoài, với các thiết chế thực sự độc lập và không đồng nhất lợi ích với đối tượng bị giám sát. Các cơ quan như Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Kiểm toán Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo chí, tổ chức xã hội và đại biểu dân cử cần được trao quyền tiếp cận thông tin, quyền điều tra độc lập và công cụ pháp lý rõ ràng để thực thi chức năng kiểm tra các thiết chế chống tham nhũng. Ở đây, chức năng “kiểm tra người kiểm tra” không phải là một vòng lặp hình thức, mà là cơ chế miễn dịch thể chế – thứ mà mọi nhà nước hiện đại đều cần để ngăn chặn nguy cơ tha hóa từ bên trong.

Chỉ khi nào hệ thống kiểm soát quyền lực nội bộ được thiết kế như một hệ sinh thái giám sát đa tầng, với các điểm quan sát phân tán, độc lập, tương hỗ và không đồng tâm lợi ích, thì quyền lực mới thôi là chốn ẩn náu của tha hóa. Như Karl Popper từng chỉ ra: *“Chúng ta không cần những nhà lãnh đạo hoàn hảo, chúng ta cần một hệ thống khiến những người không hoàn hảo không thể làm quá nhiều điều xấu khi lên nắm quyền”*<sup>72</sup>. Đó cũng là nguyên lý cốt lõi khi nói về cải cách thể chế phòng, chống tham nhũng – nơi sự tốt đẹp không đến từ hy vọng, mà đến từ cấu trúc biết ngăn ngừa cái xấu.

*Thứ hai, minh bạch hóa tài sản, thu nhập và công khai kết quả xử lý cán bộ vi phạm*

Minh bạch không chỉ là một công cụ kỹ thuật trong quản trị nhà nước, mà là một nguyên lý đạo đức của quyền lực hiện đại. Trong bối cảnh các thiết chế phòng, chống tham nhũng nắm giữ những quyền năng đặc biệt – như điều tra, truy tố, xét xử, thanh tra – thì việc tự buộc mình vào khuôn khổ minh bạch và công khai không phải là một lựa chọn, mà là điều kiện tiên quyết để duy trì tính chính danh và năng lực tự điều chỉnh của hệ thống.

Các cán bộ trong lĩnh vực thanh tra, kiểm sát, điều tra, tòa án – những người được giao quyền “cầm cân nảy mực” trong nền tư pháp quốc gia – phải là những người đầu tiên

---

<sup>72</sup> Popper, K. (1966). *The Open Society and Its Enemies* (Vol. 1). Princeton University Press.

chịu sự soi rọi của các chuẩn mực công lý mà chính họ đại diện. Việc kê khai tài sản, thu nhập không thể là hình thức, mà phải trở thành một thiết chế ràng buộc pháp lý và đạo lý, được thực hiện theo nguyên tắc: bắt buộc, định kỳ, đối sánh dữ liệu liên ngành, và công khai ở mức độ phù hợp trước tổ chức Đảng, cơ quan chủ quản và nhân dân.

Quan trọng không kém là cách thức xử lý cán bộ vi phạm. Không thể có một nền công lý đáng tin cậy nếu những người thực thi công lý lại được bao che trong bóng tối của những vỏ bọc nội bộ. Mọi hành vi sai phạm – nếu bị phát hiện – phải được xử lý công khai, minh bạch, dứt khoát. Việc này không chỉ mang tính răn đe hành chính, mà còn là một thông điệp thể chế mạnh mẽ: rằng không có “vùng cấm” nào tồn tại trong một không gian pháp quyền đích thực.

Như Jürgen Habermas từng phân tích, *“tính chính đáng của quyền lực chỉ được duy trì khi nó luôn có khả năng tự phơi bày ra trước lý tính công cộng, và sẵn sàng được phản biện bằng diễn ngôn dân chủ”*<sup>73</sup>. Mỗi hành vi công khai xử lý vi phạm trong các thiết chế quyền lực là một lần Nhà nước tự thanh lọc mình, là một bước đi từ “nền công lý hành chính” sang “nền công lý khai sáng” – nơi ánh sáng của lý trí, sự thật và trách nhiệm giải trình trở thành nền tảng điều hành chính quyền, thay cho những thỏa hiệp chính trị trong bóng tối.

Chỉ khi các thiết chế quyền lực – đặc biệt là trong ngành phòng, chống tham nhũng – tự nguyện sống dưới ánh sáng của minh bạch, thì mới có thể tạo dựng lại niềm tin xã hội vào công lý, vào nhà nước, và vào chính khả năng tự cải cách của quyền lực công. Đó không chỉ là yêu cầu chính trị, mà là một chuẩn mực đạo lý không thể né tránh trong quá trình xây dựng và bảo vệ nền pháp quyền hiện đại.

#### *Thứ ba, tạo dựng văn hóa liêm chính trong ngành chống tham nhũng*

Không thể chiến thắng tham nhũng nếu chỉ dựa vào luật lệ, kỷ cương hay thiết chế cưỡng chế từ bên ngoài. Bởi tham nhũng không chỉ là hành vi sai phạm pháp lý, mà trước hết là biểu hiện của sự thoái hóa đạo đức nơi con người nắm giữ quyền lực. Chính vì vậy, nền tảng sâu xa và bền vững nhất của công cuộc phòng, chống tham nhũng là kiến tạo văn hóa liêm chính – như một hệ giá trị nội tâm sống động, thấm sâu vào tư duy, hành vi và môi trường tổ chức của các thiết chế quyền lực.

Văn hóa liêm chính, khác với các chuẩn mực cưỡng chế, là sự cam kết đạo lý tự nguyện của người cán bộ với chân lý, với công bằng, với nhân dân. Đó là một động lực

---

<sup>73</sup>Habermas, J. (1996). *Between Facts and Norms: Contributions to a Discourse Theory of Law and Democracy* (W. Rehg, Trans.). MIT Press, xem Chương 7: Legitimacy through Public Discourse.

đến từ bên trong, không phải vì sợ bị trừng phạt, mà vì cảm thấy không thể làm khác trước lương tâm, trước cộng đồng, và trước sứ mệnh phụng sự công lý. Vì vậy, xây dựng đội ngũ ngành chống tham nhũng không thể chỉ dừng lại ở việc “tuyển chọn người có năng lực”, mà phải chú trọng đến bồi dưỡng con người có đạo lý công, có khả năng tự phản tỉnh và sống liêm chính như một lựa chọn hiện sinh.

Muốn vậy, cần đổi mới chương trình đào tạo cán bộ ngành chống tham nhũng theo hướng tích hợp giữa lý luận chính trị – pháp lý với đạo đức công vụ, triết lý phụng sự và trách nhiệm xã hội. Những nội dung như quyền lực và nghĩa vụ công dân, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, triết học công lý của Rawls, hay nguyên lý đạo đức thực hành của Kant, phải trở thành hành trang nhận thức thường trực trong mọi hoạt động nghề nghiệp<sup>74</sup>. Ở đây, học không chỉ để thi, để qua đợt tuyển chọn, mà học để trở thành người liêm chính có chiều sâu nhận thức và đạo lý công dân.

Đồng thời, cần khuyến khích quá trình “tự diễn biến tích cực” – tức là quá trình tự soi, tự sửa, tự thanh lọc liên tục trong nội tâm mỗi cán bộ. Đây không phải là “tự diễn biến” theo nghĩa tiêu cực, mà là sự trưởng thành có ý thức trong đạo đức nghề nghiệp, là quá trình sống trong ánh sáng lương tâm chứ không bị kéo vào vùng tối của quyền lực tha hóa. Như triết gia Immanuel Kant từng nói: *“Luật pháp có thể khiến tôi hành xử đúng, nhưng chỉ đạo đức mới khiến tôi muốn làm điều đúng”*<sup>75</sup>. Nếu không kiến tạo được một nền văn hóa “muốn làm điều đúng”, thì mọi quy định, dù nghiêm khắc đến đâu, cũng chỉ như lớp vỏ mỏng manh che đậy cho dòng chảy tha hóa ngầm ngấm từ bên trong.

Vì vậy, xây dựng văn hóa liêm chính không phải là một hoạt động phụ trợ, mà phải trở thành trục đạo lý xuyên suốt trong chiến lược phòng, chống tham nhũng, nơi mỗi cán bộ cảm thấy rằng, liêm chính không chỉ là nghĩa vụ, mà là căn tính nghề nghiệp, là cách sống tự do trong một nền pháp quyền khai sáng.

*Thứ tư, trao quyền cho nhân dân, báo chí và xã hội dân sự*

Không có một cơ chế kiểm soát và phòng, chống tha hóa quyền lực nào thực sự hiệu quả nếu thiếu đi sự tham gia chủ động, có tổ chức và có sức ép mang tính xây dựng từ xã hội công dân. Trong cuộc chiến chống tham nhũng – đặc biệt là trong chính các cơ quan nắm giữ quyền năng đặc biệt như thanh tra, kiểm sát, điều tra – thì nhân dân, báo chí và xã hội dân sự chính là “lực lượng đối trọng mềm” nhưng có sức mạnh nền tảng, đóng

<sup>74</sup> Hồ Chí Minh. (2009). *Đạo đức cách mạng*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

<sup>75</sup> Kant, I. (1993). *Groundwork for the Metaphysics of Morals* (M. Gregor, Trans.). Cambridge University Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1785).

vai trò như những “ánh sáng ngoài hệ thống” – giúp chiếu rọi những góc tối mà các thiết chế nội bộ không thể hoặc không muốn nhìn thấy.

Từ góc nhìn của Jürgen Habermas, một nhà nước dân chủ thực chất chỉ tồn tại khi có một không gian công cộng phê phán – nơi nhân dân không còn là đối tượng quản lý, mà trở thành chủ thể giám sát quyền lực, và nơi lý tính truyền thông được vận hành như một hình thức kiểm soát quyền lực phi chính thức nhưng đầy hiệu quả<sup>76</sup>. Trong không gian đó, báo chí tự do, các tổ chức xã hội, các mạng lưới nhân dân có tổ chức – nếu được trao quyền, tạo điều kiện và được bảo vệ đúng mức – sẽ trở thành “mắt thần của cộng đồng”, giúp phát hiện, cảnh báo và thậm chí buộc quyền lực phải tự điều chỉnh từ rất sớm.

Vì vậy, cần khẩn trương hoàn thiện và thể chế hóa các cơ chế tiếp nhận, bảo vệ và xử lý thông tin phản ánh từ nhân dân và xã hội – đặc biệt khi thông tin ấy liên quan đến các hành vi tiêu cực trong chính cơ quan chống tham nhũng. Những mô hình như đường dây nóng ản danh, cơ chế tố cáo có thưởng, bảo vệ người tố giác, và thẩm tra độc lập do bên thứ ba thực hiện – vốn đã được triển khai thành công tại Hàn Quốc, Singapore, Phần Lan, Chile – hoàn toàn có thể được nghiên cứu, thí điểm và nội luật hóa phù hợp với bối cảnh Việt Nam<sup>77</sup>.

Quan trọng hơn, cần gỡ bỏ tâm lý đóng kín, nỗi sợ “bị nhìn thấy” trong nội bộ các cơ quan quyền lực. Một thiết chế càng có quyền năng lớn, càng cần chủ động sống trong điều kiện “được nhìn thấy” – đó không phải là biểu hiện của sự yếu thế, mà là sức mạnh của một thể chế trưởng thành, nơi quyền lực biết tự giới hạn mình trước ánh nhìn của nhân dân và lý tính cộng đồng. Đây là nguyên tắc tối thượng của bất kỳ nền dân chủ khai phóng nào.

Như Jean-Jacques Rousseau từng nói: “*Chính quyền là đại diện của nhân dân, nhưng không bao giờ là chủ của nhân dân*”<sup>78</sup>. Do đó, trao quyền giám sát cho nhân dân và xã hội không phải là một sự “nhượng bộ chính trị”, mà là sự trở về đúng bản chất của quyền lực công trong một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: quyền lực thuộc về nhân dân, được nhân dân ủy quyền, và phải luôn chịu sự giám sát của nhân dân – không chỉ trên văn bản, mà trong thực tiễn quyền lực hằng ngày.

## 5. Kết luận

---

<sup>76</sup> Habermas, J. (1989). *The Structural Transformation of the Public Sphere: An Inquiry into a Category of Bourgeois Society* (T. Burger & F. Lawrence, Trans.). MIT Press. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1962).

<sup>77</sup> OECD. (2016). *Committing to Effective Whistleblower Protection*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264252639-en>

<sup>78</sup> Rousseau, J. J. (1762/1978). *The Social Contract* (M. Cranston, Trans.). Penguin Books.

Trong mọi hệ thống quyền lực, mâu thuẫn giữa đạo lý chính trị và cái đồ lợi ích không bao giờ có thể triệt tiêu tuyệt đối. Đó là “trường nội tại” của chính trị hiện đại – nơi quyền năng và trách nhiệm luôn giằng co, nơi cái thiện và cái lợi không ngừng thách thức nhau trong mỗi quyết định thực thi quyền lực. Vì thế, vấn đề không phải là làm sao để xóa sạch hoàn toàn tham nhũng – một lý tưởng viễn vông – mà là làm sao kiến tạo được một hệ thống có khả năng tự kiểm soát, tự soi xét và tự thanh lọc. Chính khả năng “phản tư hệ thống” này làm nên tính chính nghĩa của quyền lực trong một nhà nước pháp quyền đích thực<sup>79</sup>.

Phòng, chống tham nhũng trong chính các cơ quan chống tham nhũng không phải là “vạch áo cho người xem lưng”, mà là một hành vi đạo đức và chính trị cao nhất – hành vi dám quay lưỡi gươm về phía chính mình. Đây là biểu tượng của một nền quản trị trưởng thành, của bản lĩnh cải cách thể chế và tinh thần tự trị công quyền. Hành vi ấy không làm tổn hại uy tín của quyền lực, mà làm mới lại tính chính danh, tái định vị niềm tin công dân, và củng cố năng lực tự điều chỉnh của bộ máy công lý.

Như V.I. Lênin từng nói: “*Sự kiểm tra là thước đo của lòng trung thực cách mạng*”<sup>80</sup> – một câu nói không chỉ hàm nghĩa kỹ thuật giám sát, mà là một tuyên ngôn triết học về lòng can đảm thể chế: dám để chính mình sống dưới ánh sáng phê phán, dám để sự thật đi qua thiết chế, dám để cái nhìn công luận trở thành một phần cấu trúc quyền lực. Chúng ta chỉ có thể nói đến “kiểm soát quyền lực” một cách chân thực khi dám nhìn thẳng vào nguy cơ tha hóa nằm ngay trong chính hệ thống kiểm soát, và từ đó, thiết lập những giới hạn đạo lý cho quyền lực thông qua lương tri, nhân dân và ánh sáng công luận<sup>81</sup>.

Chỉ khi nào những thiết chế có quyền trừng trị cái sai biết tự trừng trị cái sai của chính mình, thì lúc ấy nhà nước mới thực sự là pháp quyền, quyền lực mới thực sự là liêm chính, và nhân dân mới thực sự là chủ thể của quyền lực công. Đó không chỉ là đích đến chính trị, mà là đạo lý của mọi nỗ lực xây dựng nhà nước liêm chính và dân chủ.

### **Tài liệu tham khảo**

---

<sup>79</sup> Foucault, M. (1991). *Governmentality*. In G. Burchell, C. Gordon & P. Miller (Eds.), *The Foucault Effect: Studies in Governmentality* (pp. 87–104). University of Chicago Press.

<sup>80</sup> Lenin, V.I. (1920/1977). *Collected Works*, Vol. 31. Progress Publishers. (Trích bài phát biểu tại Đại hội X, năm 1921).

<sup>81</sup> Habermas, J. (1996). *Between Facts and Norms: Contributions to a Discourse Theory of Law and Democracy*. MIT Press.

1. Foucault, M. (1991). *Governmentality*. In G. Burchell, C. Gordon, & P. Miller (Eds.), *The Foucault Effect: Studies in Governmentality* (pp. 87–104). University of Chicago Press.
2. Habermas, J. (1989). *The Structural Transformation of the Public Sphere: An Inquiry into a Category of Bourgeois Society* (T. Burger & F. Lawrence, Trans.). MIT Press. (Original work published 1962)
3. Habermas, J. (1996). *Between Facts and Norms: Contributions to a Discourse Theory of Law and Democracy*. MIT Press.
4. Kant, I. (1785/1996). *Groundwork of the Metaphysics of Morals* (M. Gregor, Trans.). Cambridge University Press.
5. Lenin, V. I. (1920/1977). *Collected Works* (Vol. 31). Progress Publishers.
6. Montesquieu. (1748/1989). *The Spirit of the Laws* (A. M. Cohler, B. C.
7. OECD. (2016). *Committing to Effective Whistleblower Protection*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264252639-en>
8. Popper, K. (1945/2002). *The Open Society and Its Enemies* (Vol. 1 & 2). Routledge.
9. Rousseau, J. J. (1762/1978). *The Social Contract* (M. Cranston, Trans.). Penguin Books.

## NHẬN DIỆN TÍNH NHÂN VĂN TRONG XỬ LÝ THAM NHƯNG

Phan Quốc Bảo<sup>82</sup>

**Tóm tắt:** Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đấu tranh phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, cần nhận thức sâu sắc rằng việc xử lý tham nhũng không chỉ là sự trừng phạt mang tính pháp lý mà còn là một quá trình có chiều sâu nhân văn, gắn với mục tiêu cải hóa con người, khôi phục niềm tin của nhân dân và củng cố tính chính danh của Nhà nước. Bài viết đề xuất cách tiếp cận nhân văn trong xử lý tham nhũng, qua đó góp phần làm sâu sắc thêm quan điểm xây dựng nền tư pháp công minh, nhân đạo và phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Tham nhũng; xử lý tham nhũng; tính nhân văn.

### 1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam – một mô hình nhà nước đặt trên nền tảng của sự kết hợp giữa pháp quyền và chủ nghĩa xã hội, giữa kỷ cương pháp lý và giá trị nhân văn – tham nhũng không đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật, mà còn là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực, làm đứt gãy mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân. Từ góc nhìn triết học chính trị, tham nhũng là hiện thân của tha hóa quyền lực – một khái niệm mà K. Marx từng cảnh báo “*khi nhà nước không còn là công cụ phục vụ con người, mà bị lạm dụng để phục vụ lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân*”<sup>83</sup>.

Tham nhũng, bởi vậy, không chỉ là nguy cơ đạo đức hay vấn đề kỷ trị, mà là thách thức mang tính hệ thống, đe dọa nền tảng chính trị, pháp lý và đạo lý của chế độ. Nhận thức được điều đó, Đảng và Nhà nước ta đã xác định công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, thể hiện rõ trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và các quyết sách sau này, đặc biệt là việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trực thuộc Bộ Chính trị<sup>84</sup>.

Tuy nhiên, trong khi phát huy tính nghiêm khắc của pháp luật nhằm bảo vệ kỷ cương và công lý, cần phải đặc biệt lưu ý một nguy cơ khác: đó là khuynh hướng cực đoan hóa biện pháp xử lý, khiến việc phòng, chống tham nhũng bị lệch hướng, chỉ còn mang tính trừng phạt thuần túy, phi nhân văn. Điều này không chỉ đối lập với bản chất

<sup>82</sup> Thành ủy TP. Hồ Chí Minh.

<sup>83</sup> Karl Marx, *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1982, tr. 123.

<sup>84</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 Khóa XII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.



của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang kiến tạo – một nhà nước “của dân, do dân và vì dân”<sup>85</sup>, mà còn có thể tạo ra hiệu ứng ngược: làm gia tăng sợ hãi, triệt tiêu niềm tin, và biến cuộc đấu tranh chống tham nhũng thành cuộc đấu loại đầy khốc liệt, không còn khả năng cảm hóa con người.

Bởi vậy, cần nhìn nhận rằng, xử lý tham nhũng không thể tách rời nguyên lý nhân văn – một nguyên lý gắn liền với bản chất nhân đạo của chủ nghĩa xã hội. Con người – theo tư tưởng Hồ Chí Minh – không phải là “*phương tiện để thực hiện mục tiêu chính trị*”, mà là “*mục tiêu cao nhất*” của mọi thiết chế, chính sách và hành động của Nhà nước”<sup>86</sup>. Xử lý tham nhũng vì thế không chỉ để loại trừ cái ác, mà còn để khôi phục cái thiện, tái lập công lý, và khơi dậy niềm tin vào sự chính danh và công minh của Nhà nước.

Trong điều kiện hiện nay, khi Đảng ta nhấn mạnh xây dựng một nền tư pháp liêm chính, công bằng, chuyên nghiệp, hiện đại, thì việc xử lý tham nhũng cũng phải được tiếp cận từ cả hai chiều: pháp lý và đạo lý; kỷ cương và nhân đạo; trừng phạt và giáo hóa. Đây không phải là sự nhượng bộ, mà là chiều sâu văn hóa – chính trị cần thiết để cuộc đấu tranh chống tham nhũng không đi chệch khỏi tinh thần nhân văn của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

## **2. Nhân diện tính nhân văn trong xử lý tham nhũng**

Trong nền pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xử lý tham nhũng không chỉ là hoạt động cưỡng chế pháp lý, mà còn là biểu hiện của trình độ văn minh chính trị – pháp lý của một chế độ. Xử lý như thế nào để vừa giữ nghiêm kỷ cương, vừa thể hiện được bản chất nhân đạo của nhà nước vì dân, chính là thước đo bản lĩnh cầm quyền và năng lực thể chế của một Đảng lãnh đạo. Đặt trong nền tảng triết học chính trị Mác-xít, con người không phải là công cụ mà là chủ thể lịch sử, có khả năng tự giáo dục, tự cải hóa và phát triển. Do đó, xử lý tham nhũng mang tính nhân văn không đồng nghĩa với dung túng, mà là sự hài hòa giữa công lý và lòng nhân ái, giữa sự trừng phạt và mục tiêu phục thiện, phát triển con người.

*Thứ nhất*, tính nhân văn trong xử lý tham nhũng không đồng nghĩa với nhân nhượng hay bao che cho cái sai, mà là sự đánh giá khách quan, toàn diện và cụ thể đối với mỗi hành vi vi phạm. Triết lý pháp quyền đặt cơ sở trên việc cá thể hóa trách nhiệm, phân tích động cơ, hoàn cảnh, mức độ vi phạm và năng lực khắc phục hậu quả – đó là phương

---

<sup>85</sup> Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, Điều 2.

<sup>86</sup> Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 278.

pháp luận phản ánh đúng bản chất biện chứng của đời sống pháp lý. Việc đánh giá hành vi phạm tội không thể tách rời bối cảnh xã hội – chính trị trong đó con người hành động<sup>87</sup>. Đây chính là điểm cốt lõi để tránh chủ nghĩa cực đoan trong thi hành pháp luật, đảm bảo công lý không bị biến thành sự trừng phạt mù quáng. Như Hegel từng nhấn mạnh, “*pháp luật cần kết hợp “tinh thần công lý với lý trí sống động của thời đại”*”<sup>88</sup>.

*Thứ hai*, nhân văn là sự kết hợp giữa tính nghiêm khắc và tinh thần cải hóa – không chỉ xử lý để răn đe mà còn để cảm hóa, giúp người vi phạm có cơ hội quay về với cộng đồng. Nguyên tắc này không chỉ được thể chế hóa trong pháp luật hình sự Việt Nam, thông qua các quy định về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khoan hồng có điều kiện nếu người phạm tội tự giác khai báo, khắc phục hậu quả, mà còn phản ánh tư tưởng giáo dục pháp quyền của Hồ Chí Minh – coi “*mỗi con người đều có khả năng tự sửa chữa nếu được đối xử bằng lòng nhân và trí tuệ*”<sup>89</sup>. Xét cho cùng, sự nhân văn trong xử lý không chỉ cứu một con người, mà còn giữ gìn đạo lý và ổn định cho xã hội.

*Thứ ba*, xử lý tham nhũng nhân văn phải bảo đảm không làm tổn hại đến nhân phẩm, danh dự và quyền con người của người bị xử lý – từ giai đoạn điều tra, truy tố đến xét xử và thi hành án. Sự tôn trọng nhân phẩm “*không chỉ là yêu cầu đạo lý, mà còn là nguyên lý hiến định trong một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*”<sup>90</sup>. Trong thực tiễn, nếu để việc xử lý trở thành cuộc “*bêu riếu công khai*”, dễ dẫn đến hệ quả nghiêm trọng: làm tổn thương cả gia đình, cộng đồng, phá vỡ sự tái hòa nhập sau án phạt, và tạo ra không khí xã hội nặng nề, thù hận. Do đó, cần một chiến lược truyền thông thận trọng, tinh tế, tránh “*truy bức dư luận*” và bảo đảm quyền được đối xử công bằng cho mọi công dân, kể cả khi họ phạm lỗi.

*Thứ tư*, xử lý tham nhũng mang tính nhân văn không thể dừng lại ở biện pháp hậu kiểm, mà cần tiếp cận một cách hệ thống – hướng đến cải thiện thể chế, xây dựng văn hóa chính trị trong sạch và tinh thần phụng sự công. Triết học chính trị chỉ ra rằng: “*không có cái ác nào tự nhiên sinh ra, mà thường là hệ quả của một hệ thống thiếu kiểm soát và giáo dục*”<sup>91</sup>. Trong nhiều trường hợp, cán bộ sa vào tham nhũng không vì bản chất xấu xa, mà vì lỗ hổng quyền lực, thiếu cơ chế giám sát và môi trường hành chính dễ bị tha hóa.

---

<sup>87</sup> Trần Đức Cường (chủ biên), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020, tr. 57–59.

<sup>88</sup> G.W.F. Hegel, *Triết học pháp quyền*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2000, tr. 114–116.

<sup>89</sup> *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 10*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 215.

<sup>90</sup> Nguyễn Trọng Chuẩn, *Triết học Mác – Lênin và những vấn đề xã hội hiện đại*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2013, tr. 163.

<sup>91</sup> *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013*, Điều 14–16.

Do vậy, nhân văn ở đây là sự chuyển hóa triệt để từ “trừng phạt cá nhân” sang “chữa lành hệ thống”. Phòng hơn chống, giáo dục hơn cưỡng chế – chính là nguyên lý sâu xa của xử lý tham nhũng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Tóm lại*, tính nhân văn trong xử lý tham nhũng không làm giảm hiệu lực pháp lý mà ngược lại, nâng cao sức mạnh chính trị – đạo đức của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa trừng phạt trong nhà nước tư bản và cải hóa trong chế độ xã hội chủ nghĩa – nơi mà con người không bao giờ là đối tượng bị loại trừ vĩnh viễn, mà luôn có cơ hội được phục hồi nhân cách và tiếp tục đóng góp cho xã hội.

### **3. Khuyến nghị các giải pháp**

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, một trong những yêu cầu cấp thiết là xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng – vốn được coi là “khuyết tật hệ thống” của quyền lực, đồng thời vẫn phải thể hiện tính nhân văn, vì con người, của một nhà nước phục vụ và phát triển<sup>92</sup>. Tính nghiêm minh là biểu hiện của thượng tôn pháp luật, còn tính nhân văn là bản chất cốt lõi của một nhà nước lấy nhân dân làm trung tâm. Hai yếu tố tưởng chừng mâu thuẫn này, khi được đặt trong cấu trúc của một nền pháp quyền hiện đại, lại là hai trụ cột bổ sung, điều chỉnh và nâng đỡ lẫn nhau.

Từ thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, có thể đưa ra một số khuyến nghị mang tính hệ thống như sau:

*Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm tính thống nhất, công bằng và loại bỏ chồng chéo trong xử lý tham nhũng*

Một hệ thống pháp luật phòng, chống tham nhũng hiệu quả đòi hỏi phải đạt ba tiêu chí cơ bản: minh bạch, nhất quán và khả thi. Thực tiễn cho thấy, mặc dù Việt Nam đã ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và nhiều văn bản hướng dẫn thi hành, nhưng vẫn còn tình trạng xung đột, chồng chéo giữa các quy định pháp luật trong lĩnh vực hình sự, tố tụng, quản lý tài sản, và công vụ – điều này làm giảm hiệu lực pháp luật và tạo ra “vùng xám pháp lý” cho các hành vi tham nhũng có thể len lỏi.

Do đó, cần tiếp tục rà soát tổng thể hệ thống pháp luật hiện hành để: 1) Bổ sung các quy định còn thiếu, như hành vi làm giàu bất hợp pháp (theo điều 20 Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên từ năm 2009); 2) Xóa bỏ

---

<sup>92</sup> Nguyễn Ngọc Hiến (2021), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 156–160.

những quy định mâu thuẫn, ví dụ giữa Luật Cán bộ, công chức với Luật Phòng, chống tham nhũng trong việc xử lý tài sản không rõ nguồn gốc; 3) Đồng bộ hóa các khung hình phạt để bảo đảm nguyên tắc xử lý bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt chức vụ, cấp bậc hay “đặc quyền chính trị”; 4) Đặc biệt, để tránh tình trạng “pháp luật hình thức” – tức pháp luật chỉ tồn tại trên văn bản mà không được thực thi hiệu quả – cần cụ thể hóa Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 bằng các nghị định và thông tư có tính ràng buộc cao trong tổ chức thực hiện. Ví dụ, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP hướng dẫn kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn là một bước tiến, nhưng vẫn cần chế tài xử lý nghiêm với hành vi kê khai gian dối hoặc không trung thực<sup>93</sup>. Như Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần khẳng định, công tác phòng, chống tham nhũng phải “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”, nguyên tắc này cần được pháp chế hóa rõ ràng, chặt chẽ trong toàn bộ hệ thống pháp luật.

*Thứ hai, nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật*

Trong nền tảng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một nguyên lý bất di bất dịch là quyền con người không chỉ là mục tiêu mà còn là giới hạn của mọi quyền lực nhà nước. Điều đó có nghĩa, dù trong bối cảnh xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng – một yêu cầu mang tính sinh tử đối với sự tồn vong của chế độ – thì vẫn không thể và không được phép làm tổn hại đến các giá trị pháp lý – đạo đức tối cao như nguyên tắc suy đoán vô tội, quyền được xét xử công bằng, quyền được bảo vệ bởi pháp luật và quyền được đối xử như một con người<sup>94</sup>.

Chính trong mối quan hệ này, bản chất triết học của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện rõ nhất: pháp luật không chỉ là công cụ cưỡng chế mà còn là biểu tượng của công lý – nơi nhân phẩm, lý trí và trách nhiệm được hòa quyện. Do đó, nâng cao chất lượng các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật tố tụng mà còn là biểu hiện của đạo lý pháp quyền – nơi quyền lực bị ràng buộc bởi nguyên tắc và luật pháp phục vụ sự thật khách quan chứ không phải bất kỳ ý chí chủ quan nào.

Cụ thể, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

---

<sup>93</sup> Chính phủ (2020), *Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*

<sup>94</sup> Nguyễn Minh Tuấn (2022), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 174–180.

*Một là, tăng cường năng lực và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ điều tra, kiểm sát, thẩm phán và chấp hành viên. Một đội ngũ thiếu bản lĩnh chính trị, yếu năng lực nghiệp vụ hoặc bị chi phối bởi lợi ích nhóm có thể làm biến dạng toàn bộ quá trình thực thi công lý, từ đó gây tổn thương không thể cứu vãn đối với lòng tin của nhân dân vào hệ thống tư pháp.*

*Hai là, tăng cường kiểm soát hoạt động tố tụng, bao gồm kiểm tra chéo giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và giám sát xã hội – đặc biệt là vai trò của báo chí, tổ chức nghề luật và người dân. Việc công khai quy trình điều tra, xét xử (trong giới hạn pháp luật cho phép) không chỉ tạo ra áp lực khách quan giúp nâng cao trách nhiệm mà còn là công cụ thực hành dân chủ trong tư pháp.*

*Ba là, tăng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý hồ sơ, số hóa chứng cứ, định dạng lịch sử tố tụng, và điều hành phiên tòa là hướng đi mang tính cách mạng trong minh bạch hóa hệ thống tư pháp. Theo Báo cáo của Tòa án nhân dân tối cao, trong giai đoạn 2021–2023, việc thí điểm xét xử trực tuyến không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tăng tốc độ xử lý án mà còn mở rộng khả năng giám sát của xã hội, tạo nền tảng công khai hóa hoạt động xét xử đối với các vụ án tham nhũng – lĩnh vực luôn cần ánh sáng của công luận để tránh “án bỏ lọt” hay “án bị lái”<sup>95</sup>.*

Như vậy, đảm bảo “đúng người, đúng tội, đúng pháp luật” không chỉ là kỹ năng nghề nghiệp, mà là nguyên tắc chính trị – pháp lý sống còn của một Nhà nước xã hội chủ nghĩa vì dân, bởi nếu thiếu công lý, pháp quyền sẽ trở thành vỏ rỗng và nguy cơ tha hóa sẽ trở thành hiện thực.

*Thứ ba, khuyến khích và áp dụng cơ chế khoan hồng, tự thú, hợp tác trong điều tra nhằm khơi dậy động lực cải hóa và phục thiện của người vi phạm*

Một trong những biểu hiện sâu sắc nhất của tinh thần nhân văn trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là khả năng kết hợp giữa nghiêm trị và khoan dung – tức khả năng nhận diện con người như một chủ thể đạo đức, chứ không chỉ là đối tượng của cưỡng chế pháp luật. Điều này có nghĩa, nhà nước không chỉ hành xử như một cơ quan trừng phạt, mà còn như một thể chế phục hồi – nơi ngay cả người vi phạm cũng được đối xử như một công dân còn khả năng cải hóa, phục thiện và tái hòa nhập xã hội. Triết gia

---

<sup>95</sup> Tòa án Nhân dân Tối cao (2023), *Báo cáo kết quả thí điểm xét xử trực tuyến trong hệ thống Tòa án nhân dân*, Hà Nội, tr. 12–17.

pháp luật Ronald Dworkin từng viết: “*Luật pháp công bằng là thứ pháp luật không chỉ nói về nghĩa vụ, mà còn nói về hy vọng*”<sup>96</sup>.

Xuất phát từ nền tảng đó, cần xây dựng và thực thi một cơ chế khoan hồng có điều kiện, trong đó người phạm tội tham nhũng được giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm hình sự nếu họ chủ động tự thú, hợp tác điều tra và khắc phục hoàn toàn hậu quả. Cơ chế này không chỉ thúc đẩy hiệu quả phát hiện và điều tra, mà quan trọng hơn, còn đánh thức lương tri và trách nhiệm đạo đức nơi người đã từng vi phạm – từ đó nuôi dưỡng khả năng tự làm sạch từ bên trong hệ thống quyền lực.

*Một số hướng triển khai cơ chế này gồm:*

*Một là*, xây dựng hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch để đảm bảo người tự thú được bảo vệ quyền lợi chính đáng, đồng thời tránh việc lạm dụng chính sách khoan hồng như một “lối thoát chiến thuật”. Cần có tiêu chí pháp lý cụ thể về mức độ hợp tác, thành khẩn và khắc phục thiệt hại để làm căn cứ định lượng trong giảm nhẹ hình phạt.

*Hai là*, xem xét áp dụng các hình thức xử phạt thay thế hình phạt tù trong những trường hợp đặc biệt, nơi người vi phạm có thái độ ăn năn, không còn nguy cơ tái phạm và đã khắc phục đầy đủ hậu quả. Những biện pháp như lao động công ích, giáo dục tại cộng đồng, hoặc quản chế có điều kiện có thể vừa mang tính răn đe, vừa thể hiện triết lý nhân đạo pháp quyền.

*Ba là*, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, trong đó mô hình Singapore là một ví dụ tiêu biểu. Ủy ban Bài trừ Tham nhũng Singapore (CPIB) cho phép người phạm tội được hưởng khoan hồng nếu họ tự nguyện khai báo, hoàn trả đầy đủ tài sản tham nhũng và tích cực hợp tác với cơ quan chức năng. Chính sách này không những làm tăng tỉ lệ thu hồi tài sản, mà còn góp phần tạo dựng văn hóa “tự làm sạch” trong khu vực công quyền<sup>97</sup>.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng nền tư pháp liên chính và Nhà nước pháp quyền hiện đại, thì chính những chính sách khơi dậy lương tâm và trách nhiệm – chứ không đơn thuần cưỡng chế – mới là yếu tố làm nên chiều sâu và tính bền vững của pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bởi như Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “*Pháp luật không phải để trị dân, mà để giúp dân sống tốt hơn*”<sup>98</sup>.

*Thứ tư, chú trọng yếu tố giáo dục – phòng ngừa và xây dựng văn hóa liên chính trong khu vực công và toàn xã hội*

---

<sup>96</sup> Ronald Dworkin (1977), *Taking Rights Seriously*, Harvard University Press, p. 160.

<sup>97</sup> Corrupt Practices Investigation Bureau (CPIB) Singapore (2020), *Anti-Corruption Framework and Enforcement Statistics*, Government of Singapore.

<sup>98</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 6*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 174.

Một Nhà nước pháp quyền hiện đại không chỉ trừng trị cái xấu mà còn có trách nhiệm nuôi dưỡng cái tốt. Nói cách khác, chống tham nhũng hiệu quả không thể chỉ dựa vào sức mạnh cưỡng chế của pháp luật, mà cần song hành với việc bồi dưỡng ý thức pháp lý, tinh thần liêm chính và văn hóa đạo đức công vụ như một hệ miễn dịch đạo đức trong nội tại bộ máy công quyền. Trong tinh thần đó, phòng ngừa bằng giáo dục trở thành tuyến phòng thủ đầu tiên và sâu sắc nhất của một nền hành chính liêm chính.

Từ góc nhìn triết học chính trị, Hannah Arendt từng cảnh báo rằng: “Nguồn gốc sâu xa của sự tha hóa quyền lực là sự đứt gãy giữa cá nhân và trách nhiệm đạo đức”<sup>99</sup>. Điều đó cho thấy, việc xây dựng nền tảng văn hóa liêm chính không chỉ là chuyện “dạy đạo đức”, mà còn là quá trình phục hồi tính chủ thể đạo đức của người cán bộ, khơi dậy trách nhiệm đối với cộng đồng và cam kết tự thân đối với công lý.

Cần triển khai đồng bộ một số hướng sau:

*Một là*, đưa giáo dục về đạo đức công vụ, văn hóa liêm chính và pháp quyền thành nội dung xuyên suốt trong toàn bộ quá trình tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá cán bộ, công chức. Không chỉ dừng lại ở kiến thức pháp lý khô cứng, mà phải nhấn mạnh tính phản tư đạo đức, sự dẫn thân vì công lý và thái độ phụng sự nhân dân.

*Hai là*, xây dựng các bộ chuẩn mực ứng xử trong khu vực công, gắn liền với cơ chế giám sát công khai – minh bạch và các giá trị nền tảng như chính trực, trách nhiệm, trung thực. Các bộ quy tắc này không nên chỉ mang tính hình thức mà cần có tính khả thi, đi liền với cơ chế khuyến khích và chế tài rõ ràng.

*Ba là*, lan tỏa tinh thần liêm chính ra toàn xã hội thông qua giáo dục phổ thông và truyền thông đại chúng. Đặc biệt, cần lồng ghép giáo dục công dân, giáo dục pháp luật với nội dung đạo đức xã hội, từ cấp tiểu học đến đại học, để hình thành một thể hệ công dân có bản lĩnh và phẩm hạnh pháp lý.

Kinh nghiệm từ các nước Bắc Âu cho thấy, nền hành chính liêm chính bền vững không chủ yếu dựa vào hình phạt, mà trước hết dựa trên niềm tin xã hội vào nhà nước và nền đạo đức công mạnh mẽ. Ở Thụy Điển, từ thế kỷ 18, nguyên tắc “chính phủ vì nhân dân” đã được thể chế hóa bằng luật minh bạch hóa thông tin công tạo điều kiện cho công dân giám sát chính quyền, qua đó nuôi dưỡng đạo đức công dựa trên trách nhiệm xã hội

---

<sup>99</sup> Hannah Arendt (1971), *Crises of the Republic*, Harcourt Brace Jovanovich, p. 137.

hơn là nỗi sợ hình phạt<sup>100</sup>. Đây là mô hình mà Việt Nam có thể học hỏi, trên cơ sở điều chỉnh phù hợp với truyền thống văn hóa và thể chế chính trị đặc thù của mình.

Tóm lại, chỉ khi văn hóa liêm chính trở thành thói quen sống, chứ không chỉ là yêu cầu pháp lý, thì công cuộc phòng, chống tham nhũng mới thật sự có chiều sâu, bền vững và mang tính tự sinh của một xã hội dân chủ – pháp quyền – nhân văn.

*Thứ năm, tăng cường sự tham gia và giám sát của nhân dân, báo chí và các tổ chức xã hội dân sự trong quá trình xử lý tham nhũng*

Một đặc trưng cốt lõi của nhà nước pháp quyền hiện đại là khả năng tự điều chỉnh thông qua các cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài, đặc biệt là từ phía xã hội – nhân dân. Trong mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng, tính dân chủ và tính pháp quyền không tách rời mà gắn bó hữu cơ, trong đó, dân chủ phải được hiện thực hóa thông qua quyền giám sát và phản biện của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy công quyền.

Việc tăng cường vai trò của báo chí, các tổ chức xã hội và cộng đồng dân cư trong phòng, chống tham nhũng không chỉ là biểu hiện của tính dân chủ mà còn là minh chứng cho bản chất nhân văn của nhà nước – vì con người và phục vụ con người. Như Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Muốn chống tham ô, lãng phí, phải dựa vào lực lượng to lớn của nhân dân. Nhân dân là tai, mắt, tay, chân của Chính phủ”<sup>101</sup>.

Sự tham gia của nhân dân và báo chí có vai trò như một “phanh hãm mềm”, không mang tính cưỡng chế pháp lý thuần túy, nhưng tạo ra sức mạnh đạo đức – xã hội có thể răn đe hiệu quả hơn cả hình phạt, bởi nó dựa trên nguyên tắc minh bạch hóa và công khai hóa – hai yếu tố làm suy giảm môi trường dung dưỡng tham nhũng. Như Pierre Rosanvallon nhận định, xã hội minh bạch là nơi quyền lực không thể tự che giấu chính nó, và chính khả năng bị giám sát liên tục từ công chúng là điều kiện căn bản để quyền lực trở nên có trách nhiệm<sup>102</sup>.

Để thực hiện được điều này, cần:

*Một là*, thể chế hóa quyền tiếp cận thông tin, quyền tố cáo và phản ánh hành vi tham nhũng của người dân bằng các kênh chính thức, tiện lợi, dễ tiếp cận và được pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt khỏi các hành vi trả đũa.

---

<sup>100</sup> OECD (2017), *Preventing Corruption in Public Procurement*, OECD Publishing, Paris.

<sup>101</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 270.

<sup>102</sup> Rosanvallon, Pierre (2008), *La Légitimité démocratique: Impartialité, réflexivité, proximité*, Éditions du Seuil, Paris.



*Hai là, bảo vệ quyền tự do báo chí, nhất là trong điều tra, đưa tin và bình luận về các vụ việc tiêu cực. Báo chí không chỉ là kênh thông tin mà còn là thiết chế kiểm soát xã hội đặc biệt quan trọng trong thời đại số.*

*Ba là, khuyến khích và tạo điều kiện pháp lý cho các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp và tổ chức quần chúng tham gia vào các chương trình giám sát, giáo dục liên chính, cũng như góp ý chính sách về phòng, chống tham nhũng.*

Tại nhiều quốc gia có nền quản trị minh bạch cao, như Hàn Quốc hay New Zealand, các cơ chế tổ giác nặc danh được bảo vệ pháp lý nghiêm ngặt đã giúp nhân dân trở thành “cảm biến xã hội” nhạy bén, kịp thời phát hiện các dấu hiệu vi phạm đạo đức công vụ, qua đó bổ sung cho hệ thống pháp lý chính thức.

Kết luận lại, xử lý tham nhũng trong nhà nước pháp quyền không thể chỉ dựa vào các thiết chế cưỡng chế hình phạt, mà cần được mở rộng thành một hệ sinh thái đạo đức – pháp lý – xã hội, trong đó nhân dân là chủ thể tích cực và báo chí, xã hội dân sự là các “đôi tác kiểm soát” không thể thiếu. Chỉ trong sự cộng hưởng giữa tính nghiêm minh và tinh thần nhân văn, giữa quyền lực nhà nước và quyền lực xã hội, công cuộc chống tham nhũng mới đạt được hiệu quả thực chất, bền vững và phù hợp với mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

#### **4. Kết luận**

Sự nhân văn trong xử lý tham nhũng không đơn thuần là sự khoan dung hay cảm thông chủ quan, mà chính là biểu hiện của một lý trí nghiêm minh được soi rọi bởi tinh thần công bằng và mục tiêu cải tạo con người trên nền tảng giáo dục đạo đức. Đây là cách tiếp cận mang tính triết lý sâu sắc, khẳng định rằng trong mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật là tối thượng nhưng không thể tách rời con người – vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu của mọi chính sách và biện pháp pháp lý.

Việc duy trì nguyên tắc nghiêm minh trong phòng, chống tham nhũng đồng thời với tinh thần nhân văn vừa phản ánh tính dân chủ tiến bộ của chế độ, vừa góp phần làm tăng sức thuyết phục và tính bền vững của cuộc đấu tranh này. Nhân văn không phải là sự nhân nhượng yếu đuối mà là phương thức chiến thắng bằng sự giáo dục và phục thiện, giúp tái hòa nhập và biến người vi phạm thành lực lượng xây dựng xã hội, từ đó góp phần làm cho xã hội không chỉ trong sạch mà còn phát triển lành mạnh về mọi mặt.

Do đó, sự kết hợp hài hòa giữa nghiêm minh và nhân văn trong xử lý tham nhũng chính là biểu tượng của một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vừa mạnh mẽ, vừa

nhân bản, đặt con người làm trung tâm và khẳng định giá trị bền vững của công lý và đạo đức xã hội.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 270.
3. Nguyễn Đăng Dung (2020), *Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. OECD (2017), *Integrity Framework for Public Sector*, OECD Publishing, Paris.
5. Pierre Rosanvallon (2008), *La Légitimité démocratique: Impartialité, réflexivité, proximité*, Éditions du Seuil, Paris.
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự*, Luật số 101/2015/QH13.
7. Quốc hội (2015, sửa đổi 2017), *Bộ luật Hình sự*, Luật số 100/2015/QH13.
8. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Luật số 36/2018/QH14, ban hành ngày 20/11/2018.
9. Tòa án nhân dân tối cao (2023), *Báo cáo tổng kết thi điểm xét xử trực tuyến và đề xuất hoàn thiện cơ chế xét xử minh bạch*, Hà Nội.
10. Transparency International (2023), *Corruption Perceptions Index Report*, Berlin.
11. Trần Ngọc Đường (2015), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia.
12. UNODC (2021), *Country Review Report of Singapore – United Nations Convention Against Corruption (UNCAC)*, Vienna.

# VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Nguyễn Huy Phương<sup>103</sup>

**Tóm tắt:** *Đất nước đang đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nên cần phát huy sức mạnh tổng hợp, trong đó coi trọng vai trò của người dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng là rất cần thiết; hiện nay, người dân có điều kiện thuận lợi và tham gia nhiều hơn vào công tác này và đã đạt được một số kết quả nổi bật, nhưng cũng còn không ít khó khăn, hạn chế cần có giải pháp để thực hiện hiệu quả. Từ thực tiễn nêu trên, bài viết, phân tích làm rõ các nhân tố, vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng; một số kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong phòng, chống tham nhũng có sự tham gia của người dân; đề xuất giải pháp phát huy vai trò của người dân trong công tác này.*

**Từ khóa:** *Vai trò của người dân; phòng, chống tham nhũng; Việt Nam hiện nay.*

## 1. Đặt vấn đề

Đất nước đang đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, CNH, HĐH, “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [4, tr.36] cần phát huy sức mạnh tổng hợp, trong đó coi trọng vai trò của người dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng là rất cần thiết, bởi vì người dân “biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà... những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [10, tr.335].

Hiện nay, người dân có điều kiện thuận lợi tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tạo khí thế mới trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; việc bảo vệ người dân phát hiện, tố giác tham nhũng được coi trọng; sự vào cuộc của cơ quan báo chí, dư luận xã hội, tạo nên các làn sóng tấn công dồn dập vào cá nhân, tổ chức tham nhũng; thực tiễn, người dân đã tham gia nhiều hơn vào công tác này, như góp ý kiến hoàn thiện văn bản pháp luật; phát hiện, tố cáo; giám sát giải quyết các vụ việc tham nhũng. Công tác này của Đảng, Nhà nước đã đạt được một số kết quả nổi bật, tuy nhiên còn không ít khó khăn, hạn chế cần có giải pháp hiệu quả.

---

<sup>103</sup> Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

Bài viết, phân tích làm rõ các nhân tố, vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng; một số kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong phòng, chống tham nhũng có sự tham gia của người dân; đề xuất giải pháp phát huy vai trò của người dân trong công tác này.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Một số nhân tố và vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng**

#### **2.1.1. Một số nhân tố tác động đến người dân trong phòng, chống tham nhũng**

Người dân có vai trò là chủ thể, trung tâm trong quá trình phát triển mọi mặt của đất nước. Điều này đã trở thành bài học được Đảng đúc rút và cả hệ thống chính trị thực hiện suốt quá trình lãnh đạo đất nước của Đảng. Đại hội lần thứ XIII của Đảng (01/2021), nhấn mạnh: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [4, tr.27]. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đều xuất phát từ “cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” [4, tr.28]. Quan điểm này là sự tiếp nối truyền thống hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và được tiếp nối trong thời đại Hồ Chí Minh: “Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [10, t.6, tr.232].

Người dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị thông qua thể chế dân chủ, công khai trong thực hiện chính sách, pháp luật ngày càng tăng. Đại hội XIII của Đảng xác định cần “phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng” [10, t.2, tr.229-230].

Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tạo khí thế mới trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ khóa VII (01/1994), Đảng xác định “nạn tham nhũng và tệ quan liêu” [1, tr.25] là một trong bốn nguy cơ cản trở thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó đến nay, Đảng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (01/2012) về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, đưa ra bốn nhóm

giải pháp để thực hiện phòng, chống tham nhũng, trong đó về cơ chế, chính sách: “ban hành quy chế giám sát (trực tiếp và gián tiếp) của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và chính quyền các cấp” [3, tr.5]. Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (5/2012), tiếp tục khẳng định, phải kiên trì và đẩy mạnh nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI; thực hiện nghiêm, đồng bộ mục tiêu, quan điểm, chủ trương, giải pháp trong Nghị quyết Trung ương 3 khóa X (8/2006) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, trong đó tiếp tục xác định vai trò của người dân về công tác này: “Nâng cao hiệu quả thanh tra nhân dân, khắc phục bệnh hình thức” [2, tr.8]; đồng thời, Hội nghị này đã quyết định chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư làm Trưởng ban (*Quyết định số 162-QĐ/TW, ngày 01/02/2013*). Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XII, khóa XIII về tăng cường xây dựng chính đồn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trong đó Đảng xác định phải dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: “Hoàn thiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở để thực hiện có hiệu quả phương châm *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” [7, tr.8]; quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên (*Quy định số 08-QĐi/TW, ngày 25/10/2018*); quy định miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ (*Quy định số 41-QĐi/TW, ngày 03/11/2021*), theo đó có 6 căn cứ để xem xét miễn nhiệm, trong đó có “cán bộ bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm được chức vụ được giao” [5, tr.2], chỉ thị của Bộ Chính trị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (*Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019*), theo đó “cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trước hết là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ người tố cáo thuộc phạm vi mình phụ trách” [6, tr.1], Quy định của Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công (*Quy định số 189-QĐi/TW, ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương*), theo đó Đảng xác định cần: “Phát huy vai trò của Nhân dân trong giám sát, phát hiện, đề xuất xử lý việc lạm dụng, lợi dụng quyền lực để tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng

tài chính, tài sản công” [8, tr.4]; Nhà nước đã ban hành Hiến pháp năm 2013, xác định “các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức... phải kiên quyết, đấu tranh phòng, chống tham nhũng”, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, quy định “công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ” [11, tr.4], Chính phủ ban hành quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng (*Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019*) v.v... tạo khung khổ pháp lý đầy đủ để thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng của cơ quan nhà nước, người dân.

Cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước quy định rõ bảo vệ người tố cáo, đấu tranh với tham nhũng đã tạo cho người dân sự mạnh dạn hơn trong hoạt động này. Như Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật tiếp công dân năm 2013, Luật Tố cáo năm 2018; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 18/02/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của công dân...

Sự vào cuộc của các cơ quan báo chí tạo nên các làn sóng tấn công dồn dập vào cá nhân, tổ chức tham nhũng. Các cơ quan báo chí đã tích cực vào cuộc, đồng hành cùng với Đảng, Nhà nước và người dân; tuyên truyền quan điểm, chủ trương, pháp luật của Đảng, Nhà nước, phản bác các luận điệu xuyên tạc của thế lực thù địch đối với hoạt động này; thực hiện giám sát các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, gây nhiều bức xúc trong nhân dân; việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức của cán bộ, đảng viên... như xây dựng các phòng sự, tọa đàm, trên các chuyên mục: Xây dựng Đảng, Đảng trong cuộc sống hôm nay, Đối diện... tạo sự lan tỏa khí thế, quyết tâm, quyết liệt và những nỗ lực của hệ thống chính trị, mỗi người dân tham gia công tác này.

*Điều đó, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại, góp phần lấy lại và củng cố niềm tin của nhân dân, bác bỏ luận điệu sai trái của các thế lực thù địch xuyên tạc công tác phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước và nhân dân.*

### ***2.1.2. Chủ trương của Đảng và vai trò của người dân trong công tác phòng, chống tham nhũng***

Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi [11, tr.2] và người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc

không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó [11, tr.2].

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là quá trình lâu dài, phải làm kiên quyết, kiên trì, sử dụng nhiều phương thức, biện pháp để đấu tranh bởi tính phức tạp và khó khăn của nhiệm vụ này. Bởi vì, như sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Quan liêu, tham ô, lãng phí là tội ác. Phải tẩy sạch nó để thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, để đẩy mạnh thi đua sản xuất và tiết kiệm, để đưa kháng chiến đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công, để xây dựng thuần phong mỹ tục trong toàn dân, toàn quốc” [10, t.7, tr.351]. Để thực hiện có hiệu quả công tác này phải phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, cơ quan báo chí tham gia, trong đó có vai trò của người dân là chủ trương xuyên suốt của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Nâng cao vai trò phát huy tính tích cực, chủ động và phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân, doanh nghiệp, báo chí trong phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng” [4, t.1, tr.146]; đồng thời, nêu rõ việc tạo cơ chế, chính sách để bảo vệ, khen thưởng người dân tham gia, tránh việc trả thù, trù dập, thanh tra, giám sát để phòng chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội: “Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, làm tốt chức năng hỗ trợ thúc đẩy phát triển” [4, t.1, tr.146].

Vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng, thể hiện: Tham gia xây dựng, đóng góp hoàn thiện văn bản pháp luật về công tác phòng chống tham nhũng; giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức; phát hiện, tố cáo và theo dõi việc giải quyết các vụ việc tham nhũng của các cơ quan chức năng.

Như vậy, Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách phòng, chống tham nhũng; có cơ chế chính sách để bảo vệ người dân tham gia hoạt động này; cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cơ quan báo chí, nhất là sự tham tích cực của người dân đã thúc đẩy công tác phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước đạt được một số kết quả nổi bật.

## **2.2. Thực trạng đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam**

### **2.2.1. Một số kết quả**

Việc phát hiện, xử lý tham nhũng đã được chỉ đạo và thực hiện một cách bài bản, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả, tạo bước đột phá, khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong cuộc đấu tranh này với tinh thần “không có vùng cấm, không có

ngoại lệ, bất kể người đó là ai và không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào”. Năm 2012-2022, “Đảng, Nhà nước đã thi hành kỷ luật 2.740 tổ chức đảng, hơn 167.700 cán bộ, đảng viên, trong đó có 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, đã thi hành kỷ luật 50 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (cao hơn gấp 4 lần so với nhiệm kỳ khóa XI và bằng gần một nửa số cán bộ cấp cao bị xử lý của nhiệm kỳ khóa XII)” [13, tr.3-4], trong đó có nhiều cá nhân liên quan đến tham nhũng. Từ năm 2012 đến nay, đã “xử lý, thu hồi được hơn 975 nghìn tỷ đồng, gần 76 nghìn ha đất” [13, tr.3-4]; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế hơn 2.000 văn bản, trong đó có nhiều văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng được chú trọng đẩy mạnh, từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ từ trong suy nghĩ đến hành động của người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi. Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp, quy định mới, mạnh mẽ, ngày càng quyết liệt về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, hoàn thiện thể chế về kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Nhiều quy định, nghị quyết được quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đi vào cuộc sống; khắc phục được một bước những sơ hở, bất cập trước đây làm phát sinh tiêu cực, tham nhũng. Có thể khẳng định, cho đến nay, các chủ trương, quy định của Đảng, các văn bản pháp luật về công tác này cơ bản đầy đủ; cần nhất là sự tự giác, thống nhất cao về ý chí, hành động của cả hệ thống chính trị và mỗi người dân.

Công tác cán bộ, cải cách hành chính bảo đảm tính công khai, minh bạch. Công tác cán bộ đã có nhiều đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch hơn; đúng nguyên tắc, đúng quy trình, bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng. Nhiều quy định được ban hành đồng bộ, khả thi, đã giải quyết được không ít vấn đề tồn tại trước đây trong công tác cán bộ; tình trạng chạy chức, chạy quyền, cục bộ, địa phương, “thân quen”, “cánh hẩu”, “lợi ích nhóm” đã giảm hẳn. Công tác tiếp nhận, xử lý, giải đáp, phản hồi những ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân và đối thoại với các tầng lớp nhân dân cũng được quan tâm. Tăng cường việc kiểm soát tài sản, thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác, xử lý trách nhiệm người đứng đầu; thanh toán không dùng tiền mặt; sửa đổi, ban hành chế độ, định mức, tiêu chuẩn; cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức... cũng đã góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.



Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng được tăng cường và có nhiều đổi mới; sự giám sát của các cơ quan dân cử, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, nhân dân và báo chí, truyền thông trong công tác này được phát huy tốt hơn. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh; nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác này được nâng lên. Việc công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế; chủ động cung cấp thông tin về những vấn đề nhạy cảm, dư luận quan tâm, cũng đã góp phần định hướng tốt dư luận xã hội và thể hiện sự công khai, minh bạch trong xử lý tham nhũng.

Các cơ quan thông tấn, báo chí đã tích cực vào cuộc, đồng hành cùng Đảng, Nhà nước, các cơ quan chức năng và người dân trong công tác này; vừa tuyên truyền, vừa tích cực đấu tranh phản bác những luận điệu xuyên tạc của các thế lực xấu, thù địch về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

### **2.2.2. Hạn chế và nguyên nhân**

Công tác phòng, chống tham nhũng mặc dù đã huy động cả xã hội, báo chí và người dân vào cuộc, nhưng vẫn còn một số cơ quan, địa phương chưa có quyết tâm cao, chưa có sự chuyển biến mạnh; một số người dân còn đứng ngoài, thờ ơ với công tác này, cho đó là nhiệm vụ của các cơ quan ban hành, giám sát thực thi pháp luật. “Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng, thất thoát còn thấp, trung bình mới đạt 34,7%” [13, tr.5]; việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng trong nội bộ, cơ quan, đơn vị còn là khâu yếu. Việc phát hiện, tố giác tham nhũng của công chức, viên chức, người dân trong trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Do một số cấp uỷ đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa nhận thức thật đầy đủ và sâu sắc tính chất nghiêm trọng của tham nhũng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, lĩnh vực mình quản lý; chưa thực sự gương mẫu, quyết liệt, nói chưa đi đôi với làm; thiếu bản lĩnh, “đĩ hoà vi quý”, nể nang, né tránh, thậm chí còn bao che cho người vi phạm.

Một bộ phận không nhỏ công chức, viên chức, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ cấp cao, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, sa vào chủ nghĩa cá nhân, thậm chí suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Cơ chế kiểm soát quyền lực, công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn chưa được quan tâm đúng mức; luật pháp, cơ chế, chính sách còn nhiều kẽ hở, dễ bị lợi dụng; chưa đồng bộ trong bảo vệ người dân tố cáo tham

những; việc thực thi pháp luật và các quy định của Đảng, Nhà nước trong công tác này ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nghiêm.

Tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn, phương tiện, điều kiện làm việc của các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ này vẫn còn hạn chế, bất cập; năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu; thậm chí có trường hợp còn sa vào suy thoái, mắc vào tiêu cực, không dám đấu tranh hoặc tiếp tục tiếp tay cho tham nhũng.

### **2.3. Một số giải pháp đẩy mạnh sự tham gia của người dân trong phòng, chống tham nhũng**

Hiện nay, tham nhũng trên một số lĩnh vực vẫn nghiêm trọng, phức tạp, ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

*Một là*, thống nhất nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của người dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Người dân có vị trí trung tâm trong mỗi bước phát triển của đất nước thời kỳ đổi mới. Bởi vì, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn, người dân “biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [10, t.5, tr.335] và “mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của người dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu” [12]. Vì vậy, trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, cần thống nhất nhận thức trong hệ thống chính trị các cấp, từ Trung ương đến cơ sở vị trí, tầm quan trọng của người dân trong công tác phòng, chống tham nhũng; làm cơ sở để hoàn thiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo vệ, khen thưởng... và phát huy vai trò chủ động của người dân trong hoạt động này.

*Hai là*, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phát huy vai trò của người dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội và phòng chống tham nhũng, không để những “kẻ hở”, “khoảng trống” về cơ chế, chính sách, pháp luật để các đối tượng lợi dụng chính sách nhằm trục lợi, tham nhũng; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng về thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật để nhân dân thực hiện và giám sát; bảo vệ, tuyên dương, khen thưởng người dân phát hiện, tố cáo, đấu tranh với tham nhũng, tránh việc trù dập, trả thù của người bị tố cáo.

*Thứ ba*, cần tạo nhiều phương thức thuận tiện để người dân cung cấp thông tin về tham nhũng và công khai việc xác minh, giải quyết vụ việc tham nhũng. Ngoài đơn thư và phản ánh trực tiếp theo quy định, cần mở rộng các phương thức khác như qua số điện thoại đường dây nóng, email, các trang mạng xã hội của cơ quan tiếp nhận thông tin tố cáo

và phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, xác minh thông tin của người dân phản ánh. Các thông tin do người dân cung cấp qua kiểm tra xác định là đúng thì công khai kết quả xử lý để người dân giám sát nhằm khích lệ, động viên người dân trong công tác này và để răn đe, giáo dục.

*Bốn là*, người dân cần nâng cao trình độ; có tinh thần trách nhiệm xây dựng chính sách, pháp luật trong phòng, chống tham nhũng. Trình độ của người dân, sự am hiểu, kinh nghiệm giám sát và tinh thần trách nhiệm của người dân đối với công tác quản lý nhà nước có vai trò rất quan trọng đối với công tác phòng chống tham nhũng. Vì vậy để phát huy vai trò người dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, một mặt các cơ quan quản lý nhà nước phải bảo đảm công khai, minh bạch trong xây dựng, tổ chức thực chính sách để nhân dân góp ý và giám sát thực hiện, mặt khác, mỗi người dân cần nâng cao hiểu biết chính sách, pháp luật thông qua sinh hoạt trong các đoàn thể nhân dân tại tổ, khu phố, thôn ấp, tiếp nhận thông tin từ báo chí, phát thanh - truyền hình, mạng xã hội... để cùng giám sát phòng, chống tham nhũng.

*Năm là*, coi trọng công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, trong đó chú trọng công tác cán bộ, bởi vì “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [9, tr.269], là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, để nâng cao công tác phòng, chống tham nhũng cần phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác này; thực hiện, giám sát thực hiện kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên nhất là những vị trí quan trọng dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực; có cơ chế cụ thể nhằm nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong kiểm tra, phát hiện và xử lý tham nhũng nội bộ cơ quan, đơn vị; gắn trách nhiệm người đứng đầu trong bảo vệ người phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị.

### **3. Kết luận**

Nhân dân là chủ thể, có vị trí trung tâm trong quá trình phát triển mọi mặt của đất nước. Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tạo khí thế mới trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Cơ chế, chính sách bảo vệ người dân phát hiện, tố giác tham nhũng. Sự vào cuộc của các cơ quan báo chí, dư luận xã hội tạo nên các làn sóng dồn dập vào cá nhân, tổ chức tham nhũng...

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã đạt được một số kết quả nổi bật. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng đã được chỉ đạo và thực hiện một cách bài bản, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả, tạo bước đột phá trong công tác công này; công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng cũng được chú

trọng đẩy mạnh, từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa; công tác cán bộ, cải cách hành chính bảo đảm tính công khai, minh bạch; xác định rõ trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các giải pháp phòng ngừa tham nhũng cũng đã được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một cách quyết liệt và đạt kết quả tốt; công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống tham nhũng được tăng cường và có nhiều đổi mới.

Tuy nhiên công tác này cũng còn một số hạn chế: Một số người dân còn đứng ngoài, thờ ơ với công tác này, cho đó là nhiệm vụ của các cơ quan ban hành, giám sát thực thi pháp luật; việc phát hiện, tố giác tham nhũng của công chức, viên chức, người dân trong trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng cần thực hiện đồng bộ các giải pháp. Thống nhất nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của người dân trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng; hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, trong đó phát huy vai trò của người dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; người dân cần nâng cao trình độ, nêu cao tinh thần trách nhiệm xây dựng chính sách, pháp luật phòng, chống tham nhũng; coi trọng công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, trong đó chú trọng công tác cán bộ.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Nghị quyết Trung ương 3 Khóa X của Đảng về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Quy định số 41-QĐi/TW, ngày 03/11/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ*, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”*, Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Quy định số 189-QĐi/TW, ngày 08/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công*, Hà Nội.

9. Hồ Chí Minh (2004), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5.

10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5, 6, 7.

11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.

12. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 16/5/2021.

13. Nguyễn Phú Trọng (2022), “Bài phát biểu tại Hội nghị Tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực”, *Cổng Thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 30/6/2022.

14. Lâm Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Phương Chi (2022), “Vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 10/3/2022.

15. Nguyễn Xuân Trường (2022), “Thách thức và giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta hiện nay”, *Trang Điện tử Ban Nội chính Trung ương*, ngày 06/02/2022.

# GIÁM SÁT CỦA CÔNG DÂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

*PGS.TS. Tạ Thị Thanh Tâm<sup>104</sup>*

**Tóm tắt:** Trong mỗi quốc gia đang phát triển, tham nhũng luôn là một trong những thách thức lớn nhất đối với sự đi lên bền vững. Để tăng cường quản lý nhà nước và công tác phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả, sự giám sát của công dân và các tổ chức xã hội đóng vai trò hết sức quan trọng, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các chủ thể có liên quan. Bài viết này phân tích thực trạng và những thách thức trong hoạt động giám sát của công dân và các tổ chức xã hội ở Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hoạt động giám sát này trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Tham nhũng, giám sát, công dân, tổ chức xã hội, minh bạch, trách nhiệm giải trình.

## 1. Đặt vấn đề

Song hành với việc triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, công tác đấu tranh chống tham nhũng được thực hiện quyết liệt, không ngừng, không nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể họ là ai, đã và đang đảm nhiệm chức vụ gì, dù nghỉ hưu hay đang đương nhiệm. Phòng, chống tham nhũng được xem là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ vai trò trung tâm của người dân và các tổ chức xã hội trong phòng, chống tham nhũng thông qua hoạt động giám sát. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động này vẫn chưa được phát huy tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của công cuộc cải cách. Việc nghiên cứu sâu về giám sát của công dân và các tổ chức xã hội là cần thiết để đưa ra các giải pháp hiệu quả, phù hợp với bối cảnh của đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của sự phát triển và phồn thịnh.

## 2. Khái quát về giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng

### 2.1. Khái niệm giám sát xã hội

---

<sup>104</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Giám sát xã hội không chỉ là một khái niệm pháp lý – hành chính, mà còn là một phạm trù quản trị công hiện đại, gắn với quá trình thực thi dân chủ, minh bạch và kiểm soát quyền lực. Giám sát xã hội được quan tâm nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Theo Nguyễn Hồng Thao (2012), “giám sát xã hội là một hình thức phát huy quyền làm chủ của nhân dân, qua đó các tầng lớp trong xã hội tham gia vào việc kiểm tra, đánh giá và phản hồi đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước, nhằm đảm bảo sự minh bạch và liêm chính trong quản lý công” [17].

Theo Trần Ngọc Đào (2020), “giám sát xã hội cần được hiểu là một cơ chế phi chính thức, nhưng có hiệu quả thực tế cao, góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài bộ máy công quyền” [7].

Dù được tiếp cận từ nhiều cách khác nhau, nhưng nhìn chung, có thể hiểu, *giám sát xã hội là quá trình công dân, các tổ chức xã hội, báo chí, theo dõi, phản ánh, đánh giá hoạt động của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức, tổ chức kinh tế và các thiết chế công quyền, nhằm đảm bảo sự minh bạch, tuân thủ pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý.*

Hiến pháp của Việt Nam đã quy định quyền công dân, trong đó có một số quyền như quyền tiếp cận thông tin, quyền phản ánh, khiếu nại, tố cáo, biểu đạt ý kiến... Việc giám sát xã hội được công dân thực hiện chính là dựa trên những quyền ấy. Giám sát xã hội không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm của công dân trong quản lý nhà nước và xã hội. Đây là hình thức thực hành quyền lực nhân dân, qua đó công dân không chỉ bầu chọn đại diện mà còn trực tiếp tác động đến quá trình thực thi chính sách và ngăn chặn lạm quyền, tham nhũng. Giám sát xã hội thể hiện tính chủ động từ xã hội, xuất phát từ người dân, cộng đồng, tổ chức độc lập với bộ máy công quyền.

Trong quản trị công hiện đại, giám sát xã hội được xem là một thành tố quan trọng bảo đảm **"tính minh bạch"** (transparency) và **"trách nhiệm giải trình"** (accountability). Sự tham gia giám sát của người dân và tổ chức xã hội giúp tạo ra cơ chế kiểm soát "từ dưới lên", bổ sung cho cơ chế giám sát "từ trên xuống", thường dễ mang tính hình thức.

Có thể nói, giám sát xã hội là một trong ba trụ cột của kiểm soát quyền lực nhà nước, bên cạnh giám sát nội bộ (giữa các cơ quan nhà nước) và giám sát của các cơ quan dân cử (như quốc hội, hội đồng nhân dân).

## **2.2. Vai trò của giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng**

*(i) Giám sát xã hội giúp phát hiện và ngăn chặn hành vi tham nhũng ngay từ sớm, từ xa*

Một trong những vai trò trực tiếp và quan trọng nhất của giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng là phát hiện các dấu hiệu, hành vi, biểu hiện của tham nhũng ngay từ khâu thực hiện chính sách, quản lý tài sản công, đầu tư công hoặc trong các mối quan hệ hành chính – công vụ. Một trong những “mắt xích đầu tiên” để nhận diện các bất thường trong quản lý và chi tiêu công thường là công dân, tổ chức xã hội và báo chí.

*(ii) Giám sát xã hội tạo áp lực dư luận, thúc đẩy trách nhiệm giải trình của chính quyền và cán bộ công chức*

Dưới tác động của giám sát xã hội, đặc biệt là từ báo chí và mạng xã hội, các cơ quan nhà nước và cán bộ buộc phải cung cấp thông tin, có trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa hoạt động trước công chúng. Trách nhiệm giải trình (accountability) là yếu tố cốt lõi để phòng ngừa tham nhũng mang tính hệ thống.

Khi một vụ việc được truyền thông rộng rãi, cơ quan chức năng buộc phải ra quyết định minh bạch hơn, tránh né hoặc trì hoãn sẽ bị công chúng phê phán, từ đó, trách nhiệm giải trình được thúc đẩy, cán bộ, công chức buộc phải công khai, trả lời câu hỏi của báo chí và người dân; hành động hoặc quyết định của họ được soi xét kỹ lưỡng. Bên cạnh đó, dư luận xã hội tạo “áp lực mềm” nhưng mạnh mẽ, góp phần tạo hiệu ứng răn đe và phòng ngừa. Ngoài ra, khi nhiều trường hợp bị dư luận lên án, các cơ quan khác sẽ cảnh giác hơn, tuân thủ quy định tốt hơn để tránh trở thành “tâm điểm” tiếp theo.

*(iii) Giám sát xã hội góp phần hoàn thiện chính sách và pháp luật về phòng, chống tham nhũng*

Các ý kiến, phản ánh của công dân và từ xã hội dân sự thường đóng vai trò phản biện, giúp nhận diện những “lỗ hổng” chính sách, sự bất cập trong chính sách hoặc thực thi chính sách. Trên cơ sở đó, Nhà nước có thể sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định để phòng ngừa rủi ro tham nhũng.

*(iv) Giám sát xã hội giúp tăng cường phòng, chống hiệu ứng “bình thường hóa tham nhũng” và gia tăng lòng tin của người dân vào thể chế*

Khi công dân cảm thấy họ có thể lên tiếng, phản ánh tiêu cực và thấy rằng ý kiến của mình có giá trị, khi ấy, lòng tin vào thể chế và pháp quyền trong họ sẽ hình thành. Ngược lại, nếu trong xã hội không có kênh để phản hồi, công dân dễ rơi vào trạng thái thờ ơ hoặc chấp nhận tham nhũng như một “chuẩn mực xã hội”, điều này rất nguy hiểm.



Trong thực tiễn, những chương trình công dân giám sát đầu tư công tại địa phương (do Mặt trận Tổ quốc hoặc tổ chức dân sự triển khai) đã giúp người dân thấy được vai trò và hiệu quả của sự tham gia.

Với các vai trò vừa nhắc, giám sát xã hội không chỉ là một kênh kiểm soát quyền lực, mà còn là nền tảng để kiến tạo một nền quản trị liên chính, dân chủ và vì dân. Việc phát huy giám sát xã hội chính là phát huy sức mạnh của nhân dân – điều mà Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

### **3. Các phương diện cần giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng**

Để giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng, người dân và các tổ chức xã hội tham gia theo dõi, phản biện, phát hiện và thúc đẩy xử lý sai phạm trong hoạt động của cơ quan nhà nước, nhằm phòng ngừa và hạn chế tham nhũng. Trong phòng, chống tham nhũng, việc giám sát của công dân, tổ chức thường hướng đến các phương diện sau.

#### *(i) Giám sát việc sử dụng tài chính – ngân sách công*

Đây là lĩnh vực dễ bị "rút ruột", nâng không chi phí, chi định thầu sai quy định, do đó, công dân, tổ chức cần giám sát việc thu, chi ngân sách nhà nước (từ Trung ương đến cấp xã), giám sát các dự án đầu tư công, công trình xây dựng cơ bản, mua sắm công, hay giám sát việc quyết toán tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

#### *(ii) Giám sát việc cấp phép, phê duyệt dự án, đất đai, tài nguyên*

Tham nhũng “chính sách” trong đất đai là dạng nghiêm trọng nhất, gây hậu quả xã hội lớn. Do đó, công dân, tổ chức cần giám sát việc cấp giấy phép đầu tư, xây dựng, môi trường, việc phân bổ đất công, cho thuê đất rừng, đất đô thị; việc thực hiện chính sách đền bù, tái định cư... để phòng, chống tham nhũng.

#### *(iii) Giám sát việc cung ứng dịch vụ công*

Tình trạng “tham nhũng vặt” diễn ra nhiều ở cấp cơ sở, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của dân. Do vậy, để ngăn ngừa tình trạng này, công dân, tổ chức cần giám sát việc thực hiện các thủ tục “một cửa” ở phường/xã; thủ tục cấp sổ đỏ, giấy phép kinh doanh; dịch vụ giáo dục, y tế, trợ cấp xã hội.

#### *(iv) Giám sát việc tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ*

Đây là một vấn đề sống còn của mỗi cơ quan, tổ chức. Cán bộ, công chức được tuyển dụng, bổ nhiệm sai quy trình dễ tạo “nhóm lợi ích”, phục vụ cá nhân hơn phục vụ tổ chức. Do vậy, để phòng, chống tham nhũng, cần giám sát việc quy hoạch và xét tuyển công chức, viên chức; giám sát việc bổ nhiệm lãnh đạo để chống việc thiếu minh bạch,

“chạy chức chạy quyền”; giám sát việc luân chuyển cán bộ, không để lợi dụng việc luân chuyển để né tránh thanh tra, giám sát.

*(v) Giám sát hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý kỷ luật*

Nếu không có sự giám sát của công dân/ cơ quan giám sát, việc tham nhũng có thể khiến cho việc thanh tra, kiểm tra, xử lý kỷ luật bị “làm lơ” hoặc xử nhẹ cho có hình thức. Do vậy, cần giám sát xem việc thanh tra có khách quan hay "làm cho có"; việc xử lý kỷ luật có công khai và nghiêm minh không; cán bộ vi phạm có bị xử lý đúng trách nhiệm không.

#### **4. Thực trạng giám sát của công dân và tổ chức xã hội trong phòng, chống tham nhũng**

##### **4.1. Về giám sát việc sử dụng tài chính – ngân sách công**

Theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), kết quả xếp hạng công khai ngân sách (Open Budget Survey - OBS) năm 2023 cho thấy, tất cả các trụ cột gồm *Minh bạch (Transparency)*, *Tham gia của công chúng (Public participation)*, và *Giám sát ngân sách (Budget Oversight)* đều cao hơn mức trung bình toàn cầu và tăng điểm so với năm 2021. Theo đó, trụ cột minh bạch ngân sách đạt 51/100 điểm (mức trung bình toàn cầu là 45/100 điểm, tăng 7 điểm so với năm 2021); trụ cột Tham gia của công chúng đạt 19/100 điểm (mức trung bình toàn cầu là 15/100 điểm, tăng 2 điểm so với năm 2021); trụ cột Giám sát Ngân sách đạt 82/100 điểm (mức trung bình toàn cầu là 62/100 điểm, tăng 2 điểm so với năm 2021) [21]. Tuy nhiên, nhìn chung, mức độ tham gia giám sát của nhân dân vẫn rất thấp do nhiều bộ chưa cập nhật tài liệu, minh bạch thông tin.

Ngoài ra, theo Oxfam in Vietnam, Chỉ số Ngân sách Công khai Tỉnh (Provincial Open Budget Index - POBI) năm 2021 cho thấy, nhiều tỉnh còn hạn chế về khả năng tạo điều kiện cho công dân tham gia, chẳng hạn, 15/63 tỉnh không có thư mục Q&A trên website, 07 tỉnh có nhưng không sử dụng được.

Thực tế đã cho thấy, khi báo chí và cộng đồng mạng lên tiếng về tình trạng lãng phí trong đầu tư các công trình công cộng, tượng đài..., nhiều địa phương đã buộc phải xem xét lại quy trình thẩm định, công khai hóa ngân sách đầu tư.

Vụ việc tại Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (Centers for Disease Control and Prevention – CDC) Hà Nội năm 2020 liên quan đến sai phạm trong mua sắm thiết bị y tế được báo chí và dư luận phát hiện sớm, tạo áp lực buộc các cơ quan chức năng vào cuộc và kịp thời ngăn chặn.

Như vậy, có thể thấy, có sự tiến bộ rõ rệt trong minh bạch và giám sát ngân sách, tuy nhiên, mức độ "tham gia trực tiếp" của công dân còn rất thấp, đây là điểm nghẽn chính cho giám sát xã hội hiệu quả.

#### **4.2. Về giám sát việc cấp phép, phê duyệt dự án, đất đai, tài nguyên**

Theo Điều 231 Luật Đất đai năm 2024, “Công dân có quyền giám sát, phản ánh và đề nghị xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến việc lập quy hoạch, cấp phép, thu hồi đất, đền bù, đăng ký quyền sử dụng, thuế đất... Hệ thống giám sát, bao gồm dữ liệu từ phản ánh của công dân và tổ chức, được tích hợp vào hệ thống thông tin đất đai quốc gia, đảm bảo minh bạch và truy cập thông tin”.

Việc thực hiện quy định "dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát" ở nhiều địa phương như Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh từng bước được triển khai thông qua việc công khai quy hoạch đất đai, các dự thảo kế hoạch kinh tế – xã hội và các quyết định lớn với cộng đồng thông qua phát thanh, dán tại trụ sở hoặc họp nhân dân định kỳ.

Trong thực tiễn, nhân dân thường dùng báo chí và mạng xã hội để giám sát việc thi hành chính sách đất đai, nhất là khi quy trình bồi thường không minh bạch hoặc mức đền bù quá thấp. Vụ đền bù đất Thủ Thiêm, Tp. Hồ Chí Minh vài năm trước là một ví dụ.

Hay, kế hoạch chặt hạ và thay thế hơn 6.700 cây xanh ở Hà Nội gây phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng. Người dân, các nhóm bảo vệ môi trường, báo chí và mạng xã hội cùng tạo áp lực dư luận mạnh mẽ. Một cuộc vận động *"6.700 người vì 6.700 cây xanh"* ra đời trên fanpage và được cộng đồng mạng hưởng ứng. UBND thành phố Hà Nội buộc phải tạm dừng kế hoạch, công khai thông tin dự án, kiểm điểm trách nhiệm nhiều cán bộ liên quan và sửa đổi cách thức quản lý cây xanh [19].

#### **4.3. Về giám sát việc cung ứng dịch vụ công**

Tháng 11/2024, UBND Tp. Hồ Chí Minh triển khai Ứng dụng Công dân số Tp. Hồ Chí Minh (App Công dân số) nhằm kết nối công dân và chính quyền Thành phố. Thông qua ứng dụng này, người dân có thể tra cứu thủ tục hành chính, hồ sơ hành chính và nắm bắt tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính ở các lĩnh vực, đồng thời, có thể đánh giá, góp ý về dịch vụ của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính. App Công dân số cung cấp 12 nhóm tính năng chính, trong đó có tính năng phản ánh kiến nghị, giúp người dân có thể gửi phản ánh kiến nghị tới hệ thống 1022 về các vấn đề như sự cố hạ tầng kỹ thuật; các vấn đề phát sinh về kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng an ninh [2]. Có thể nói, Tp. Hồ Chí Minh là địa phương đi đầu trong cả nước triển khai ứng dụng Công dân số, góp phần

cải thiện, tạo thuận lợi cho việc giám sát của người dân trong việc cung ứng dịch vụ công trên địa bàn. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được nhân rộng trong cả nước.

Trong khi đó, cấp xã là cấp gần dân nhất và chịu trách nhiệm cung cấp rất nhiều dịch vụ công. Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 cho thấy, có chiều hướng tiến bộ trong triển khai thực hiện chính phủ điện tử và kiểm soát tham nhũng tại cấp xã, tương ứng với cải thiện về cung ứng dịch vụ công thông qua nền tảng số. Dù vậy, vẫn tồn tại các rào cản kỹ thuật và kỹ năng số như chỉ có khoảng 08–09% người dân sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc cổng dịch vụ cấp tỉnh [20]. Điều này cho thấy, số người tham gia giám sát qua kênh trực tuyến còn rất hạn chế, từ đó ảnh hưởng đến việc tạo áp lực cải cách hành chính.

Đối với vụ Việt Á, nhà thầu cung cấp bộ xét nghiệm COVID-19, bị báo chí và mạng xã hội phát hiện, công ty này đã nâng giá sản phẩm, bán cho các bệnh viện và cơ quan y tế với mức giá cao gấp nhiều lần thực tế và chi hơn 35 triệu USD tiền hối lộ để trúng gói thầu. Bộ trưởng Y tế Nguyễn Thanh Long cùng nhiều lãnh đạo địa phương đã bị bắt và truy tố.

Như vậy, từ phản hồi của người dân qua mạng xã hội, từ báo chí điều tra đến áp lực của dư luận trong các vụ tham nhũng lớn, có thể thấy, giám sát của công dân và xã hội đã góp phần tạo ra sự chuyển biến và khắc phục sai phạm trong cung ứng dịch vụ công.

#### **4.4. Về giám sát việc tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ**

Theo kết quả khảo sát của PAPI, 56–61% người dân vẫn lo ngại về "quan hệ", dù có cải thiện trong nhận thức công bằng [22]. Ngoài ra, theo báo cáo của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, các cơ quan đã kiểm tra gần 100.000 trường hợp và thu hồi hơn 1.200 quyết định tuyển dụng/bổ nhiệm sai lệch từ năm 2020 đến giữa năm 2022 [4]. Điều này cho thấy, một dạng giám sát chính thức, tuy không trực tiếp từ cộng đồng, nhưng dựa trên hệ thống thanh tra, kiểm soát đã phát hiện và xử lý những sai phạm.

Bên cạnh đó, ngày 20/10/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ. Chỉ thị này nhấn mạnh yêu cầu tăng cường giám sát tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, xử lý kỷ luật cán bộ; khuyến khích các cơ quan truyền thông, tổ chức xã hội và người dân tham gia giám sát công vụ, đồng thời yêu cầu báo chí phản ánh công khai những cá nhân có thành tích nổi bật hoặc có vi phạm thời gian qua [18].

Tại thành phố Vũng Tàu, năm 2023, cử tri, người cao tuổi ở Phường 12 đã phát hiện và phản ánh trên địa bàn có nhiều cán bộ dễ xảy ra sai phạm trong công tác đề bạt cán bộ, đề bạt người chưa phải là cán bộ chuyên trách, chưa có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý Nhà nước về ngạch chuyên viên và trung cấp lý luận chính trị để giới thiệu bầu vào chức danh Phó Chủ tịch UBND phường [5]. Như vậy, việc phản ánh từ cử tri về các sai phạm trong đề bạt cán bộ đã góp phần thúc đẩy việc rà soát xử lý.

#### **4.5. Về giám sát hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý kỷ luật**

Qua công tác kiểm tra, giám sát và tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, trong năm 2024, cấp ủy các cấp ở Trung ương đã thi hành kỷ luật 410 tổ chức Đảng và hơn 17.560 đảng viên. Trong đó, Ban Chấp hành Trung ương kỷ luật 10 đảng viên, Bộ Chính trị thi hành kỷ luật 17 tổ chức Đảng và 16 đảng viên; Ban Bí thư kỷ luật 9 tổ chức Đảng và 45 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật gần 300 tổ chức Đảng và 6535 đảng viên. Riêng tại Gia Lai, cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp, trong năm 2024, đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 33 tổ chức Đảng và 151 đảng viên; giám sát đối với 672 tổ chức Đảng và 2.731 đảng viên; thi hành kỷ luật 10 tổ chức Đảng và 531 đảng viên [3].

Ngoài ra, ở Trung ương, Ủy ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng (CCAC) với thành phần từ các cơ quan trung ương (Quốc hội, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước...) đã trực tiếp chỉ đạo xử lý các vụ tham nhũng lớn. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, năm 2021, đã xử lý kỷ luật nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm trong các vụ án "nóng", bao gồm nhiều cán bộ cấp cao, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào hiệu quả cơ chế kiểm tra nội bộ [14].

Ở địa phương, tại các buổi tiếp xúc cử tri, người dân thường trực tiếp phản ánh những tiêu cực trong quy trình kiểm tra, bổ nhiệm và kỷ luật. Chẳng hạn, tại phường 12, thành phố Vũng Tàu, cử tri phản ánh việc đề bạt cán bộ chưa đủ tiêu chuẩn, thậm chí có dấu hiệu bao che sai phạm, khiến chính quyền địa phương phải có động thái rà soát lại quy trình bổ nhiệm [5].

Hiện nay, việc buông lỏng quản lý của lãnh đạo một số địa phương vẫn diễn ra, chẳng hạn vẫn để tồn tại các công trình xây dựng trái phép, việc xây dựng nhà và các công trình tư trên đất công do Nhà nước quản lý, không được xử lý dứt điểm. Trách nhiệm này thuộc về các cá nhân được giao nhiệm vụ kiểm tra, tham mưu, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng, trong đó có lãnh đạo UBND xã/ phường. Chỉ đến khi có ý kiến của cử

tri thì lãnh đạo địa phương cấp trên mới ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả [5].

Có thể thấy, nếu người làm công tác thanh tra, kiểm tra không vững về bản lĩnh, họ có thể dễ dàng bị "chạy duyệt" hoặc kết luận hời hợt do bị tác động bởi áp lực hoặc lợi ích bên ngoài.

Nhìn chung, thực trạng giám sát của công dân và tổ chức xã hội trong phòng, chống tham nhũng thời gian qua đã đạt được một số kết quả như hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng ngày càng hoàn thiện như Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã bổ sung quy định về vai trò của công dân, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức xã hội, Luật Đất đai năm 2024 đã quy định quyền và công cụ giám sát. Ngoài ra, hoạt động báo chí, mạng xã hội, một số tổ chức xã hội tích cực như Trung tâm Minh bạch và Liêm chính (TI Việt Nam), Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam... đã góp phần phát hiện và đưa ra ánh sáng nhiều vụ việc tham nhũng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giám sát của công dân và tổ chức xã hội trong phòng, chống tham nhũng thời gian qua vẫn còn một số hạn chế nhất định. Nguyên nhân của những hạn chế này có thể do thiếu cơ chế bảo vệ người tố cáo tham nhũng dẫn đến tâm lý e ngại, không dám lên tiếng; thiếu thông tin và minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, khiến người dân khó giám sát hiệu quả; năng lực và nguồn lực của các tổ chức xã hội, đặc biệt ở cấp cơ sở vẫn còn hạn chế; phân tán đầu mối tiếp nhận thông tin giám sát khiến cho công dân khó biết địa chỉ gửi phản ánh, đối tượng chịu trách nhiệm xử lý, thời hạn xử lý. Một số trường hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân còn biểu hiện hình thức, thiếu thực chất.

## **5. Một số giải pháp nhằm tăng cường sự giám sát của công dân và các tổ chức xã hội trong công tác phòng chống tham nhũng**

Để khắc phục những hạn chế trong thực trạng giám sát của công dân và các tổ chức xã hội trong công tác phòng chống tham nhũng, nhằm tăng cường công tác này, bài viết xin đề xuất một số giải pháp sau.

### **5.1. Hoàn thiện khung pháp lý**

Mặc dù Việt Nam đã có một số văn bản pháp luật cho phép và khuyến khích giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng gồm: Hiến pháp năm 2013 – Điều 28, 32, 34, 43 khẳng định quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 – Điều 5, 6, 8, 12 quy định về vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và nhân dân; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 – Chương III về giám

sát và phản biện xã hội; Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định quyền yêu cầu, nhận thông tin từ cơ quan nhà nước; Luật Thanh tra năm 2022 đã mở rộng phạm vi thanh tra nhân dân; hay một số Nghị định và Thông tư hướng dẫn cơ chế tiếp nhận, xử lý tố cáo, phản ánh. Tuy nhiên, khung pháp lý vẫn còn rời rạc, chưa tạo thành một cơ chế tổng thể để công dân, tổ chức xã hội có thể thực sự chủ động, độc lập trong giám sát. Vì vậy, việc hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động này là rất cần thiết.

Trước hết, cần cụ thể hóa quyền giám sát và yêu cầu giải trình thông qua việc bổ sung vào Luật Phòng chống tham nhũng một chương riêng về “Giám sát xã hội phòng, chống tham nhũng”. Trong đó cần quy định rõ, đối tượng giám sát là mọi cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước hoặc thực hiện dịch vụ công; hình thức giám sát bao gồm yêu cầu thông tin, tham dự phiên họp công khai, kiểm tra hồ sơ, khảo sát độc lập...; nghĩa vụ giải trình cần chỉ rõ cơ quan nhà nước phải trả lời bằng văn bản trong thời hạn nhất định, chẳng hạn từ 05-10 ngày làm việc.

Tiếp theo, cần có cơ chế bảo vệ giám sát viên và người tố cáo. Sửa đổi, bổ sung Luật Tố cáo và Luật Phòng chống tham nhũng để mở rộng phạm vi bảo vệ sang người giám sát, phản ánh tiêu cực, không chỉ người tố cáo theo mẫu đơn; áp dụng cơ chế ẩn danh hoặc mã số định danh cho người phản ánh; tăng chế tài xử lý hành vi đe dọa, trù dập.

Ngoài ra, cần bổ sung trong Luật Phòng chống tham nhũng hoặc Bộ luật Hình sự quy định về xử lý một số hành vi như không giải trình theo yêu cầu giám sát hợp pháp; cản trở quyền giám sát xã hội; cố ý che giấu thông tin về tham nhũng.

## **5.2. Thúc đẩy minh bạch và tiếp cận thông tin**

Cần tăng quyền tiếp cận dữ liệu công thông qua việc sửa đổi Luật Tiếp cận thông tin để mở rộng danh mục thông tin công khai bắt buộc (hồ sơ đấu thầu, ngân sách, báo cáo thanh tra, kết luận kỷ luật...); cho phép tổ chức xã hội được truy cập dữ liệu mở (open data) phục vụ nghiên cứu, phân tích tham nhũng. Tích hợp vào Cổng thông tin quốc gia về Phòng chống tham nhũng một hệ thống tiếp nhận, theo dõi công khai: mỗi phản ánh có mã theo dõi; công khai tình trạng xử lý và kết quả.

Ngoài ra, cần tích hợp nguyên tắc minh bạch vào các luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Cán bộ, công chức..., đồng thời, quy định chế tài rõ ràng, cơ quan, cá nhân không công khai hoặc trì hoãn cung cấp thông tin sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc phạt hành chính.

Bên cạnh đó, cần phát triển Công dữ liệu quốc gia, trong đó có kết nối dữ liệu giữa các lĩnh vực như đầu tư công, ngân sách, cấp phép, thanh tra, xử phạt, các dữ liệu quan trọng phải được cập nhật hàng quý hoặc theo thời gian thực.

### **5.3. Nâng cao vai trò, năng lực giám sát cho báo chí, tổ chức xã hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và công dân trong phòng chống tham nhũng**

Để nâng cao vai trò giám sát của báo chí, cần bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của nhà báo, chẳng hạn, nâng cao mức bảo vệ pháp lý để phóng viên điều tra không bị cản trở khi khai thác dữ liệu công, đồng thời, cần thiết lập cơ chế phản hồi bắt buộc cơ quan nhà nước phải trả lời khi báo chí, Mặt trận Tổ quốc hoặc tổ chức xã hội nêu kiến nghị, phát hiện sai phạm.

Để Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể thực hiện giám sát phòng chống tham nhũng, cần cụ thể hóa quyền giám sát, xác định rõ phạm vi giám sát trong Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Mặt trận Tổ quốc và các văn bản dưới luật. Cho phép Mặt trận Tổ quốc được ưu tiên tiếp cận hồ sơ, dữ liệu liên quan đến các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng. Ngoài ra, để cho các tổ chức xã hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và công dân có thể giám sát trực tuyến, các địa phương cần triển khai các nền tảng “Dân biết – Dân bàn – Dân kiểm tra” nhằm cho phép công dân, tổ chức theo dõi tiến độ dự án, báo cáo vi phạm kèm hình ảnh, video, bình chọn mức độ hài lòng với dịch vụ công... Thiết lập đường dây nóng và cổng phản ánh điện tử do Mặt trận Tổ quốc quản lý, để tiếp nhận tố giác tham nhũng 24/7. Tăng cường đối thoại định kỳ giữa Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể với người dân và chính quyền để công khai kết quả giám sát. Để gia tăng áp lực từ dư luận, cần tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể, báo chí, cộng đồng dân cư để công khai kết quả giám sát trên báo chí, mạng xã hội. Cùng với đó, cơ chế tố giác ẩn danh cũng cần được khuyến khích nhằm bảo mật danh tính người cung cấp thông tin để tránh bị trả thù.

## **6. Kết luận**

Giám sát của công dân và các tổ chức xã hội là một trong những trụ cột quan trọng trong phòng, chống tham nhũng. Trong thời gian qua, hoạt động giám sát của công dân và các tổ chức xã hội đối với các phương diện hoạt động của Nhà nước đã ít nhiều góp phần vào việc phòng chống tham nhũng. Tuy nhiên, trong giai đoạn tiếp theo, kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, để phát huy hiệu quả hoạt động này, đòi hỏi có sự cam kết mạnh mẽ từ phía Nhà nước, Chính phủ, các bộ ngành và chính quyền địa phương trong việc đảm bảo quyền giám sát, thúc đẩy minh bạch, bảo vệ người tố cáo và tăng cường năng lực giám sát cho báo chí, tổ chức xã hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và công dân trong



phòng chống tham nhũng. Đó là con đường để xây dựng một nền hành chính công khai, minh bạch và liêm chính ở Việt Nam./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, *Nghị quyết số 04/NQ-TW ngày 30/10/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ*.

2. Báo Điện tử Chính phủ, chuyên trang Tp. Hồ Chí Minh, *Ra mắt ứng dụng tương tác giữa chính quyền và người dân Thành phố*, ngày 14/11/2024.

3. Báo Gia Lai online, *Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa sai phạm*, ngày 20/12/2024.

4. Báo Lào Cai, ngày 11/5/2023.

5. Báo Thanh tra, *Cần tăng cường kiểm tra, giám sát, kỉ luật nghiêm cán bộ vi phạm*, ngày 28/11/2023.

6. Bộ Chính trị, *Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.

7. Trần Ngọc Đào (2020), *"Giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay"*, Tạp chí Khoa học Chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 9.

8. Quốc hội, *Hiến pháp năm 2013*.

9. Quốc hội, *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015*.

10. Quốc hội, *Luật Tiếp cận thông tin năm 2016*.

11. Quốc hội, *Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018*.

12. Quốc hội, *Luật Thanh tra năm 2022*.

13. Quốc hội, *Luật Đất đai năm 2024*.

14. Trần Tiến Hưng, *Phát huy vai trò của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, góp phần đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong giai đoạn mới*, Tạp chí Cộng sản, ngày 28/11/2022.

15. Tạ Thị Thanh Tâm, *Chiến lược chống tham nhũng trong nền hành chính phục vụ của Hoa Kỳ và tham chiếu tại Việt Nam*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, Số 10, 2022.

16. Tạ Thị Thanh Tâm, *The role of supervision and social criticism of the Vietnam Fatherland Front in public governance*, State Management Review, Volume 30, number 9, October 2023.

17. Nguyễn Hồng Thao (2012), *"Giám sát xã hội và phòng chống tham nhũng"*, Tạp chí Luật học, số 5.
18. Thủ tướng Chính phủ, *Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ*.
19. Tuổi trẻ online ngày 19/3/2015.
20. UNDP, *Sự tiến bộ trong nhận thức của người dân về các nỗ lực chống tham nhũng tại địa phương và chính quyền điện tử trong bối cảnh lo ngại về tính minh bạch và nền kinh tế*, ngày 02/4/2024.
21. VCCI, *Kết quả xếp hạng công khai ngân sách (Open Budget Survey - OBS) năm 2023*, ngày 08/7/2024.
22. Vietnamnet Global, *Ít báo cáo hối lộ hơn khi Việt Nam tăng cường minh bạch khu vực công*, ngày 15/4/2025.

# CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI - HƯỚNG ĐI CHIẾN LƯỢC TRONG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG

*ThS. Đặng Thị Mai Dung<sup>105</sup>*

## 1. MỞ ĐẦU

Trong quá trình xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu quả và minh bạch, một trong những thách thức lớn nhất mà các quốc gia phải đối mặt là tham nhũng và lạm dụng quyền lực. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển công nghệ nhanh chóng, đòi hỏi quản trị Nhà nước không chỉ dừng lại ở cải cách thể chế, mà còn phải chuyển mình mạnh mẽ theo hướng ứng dụng công nghệ số để kiểm soát quyền lực và phòng ngừa các hành vi tiêu cực trong hệ thống công vụ.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong khu vực công đã được xác định là một định hướng chiến lược trong các nghị quyết của Đảng và Chính phủ, với mục tiêu xây dựng Chính phủ số, nền hành chính số và xã hội số. Tuy nhiên, để chuyển đổi số thực sự trở thành công cụ kiểm soát quyền lực và phòng ngừa tham nhũng thì không phải chỉ cần hạ tầng công nghệ, mà còn cần một mô hình quản trị công hiện đại, nơi dữ liệu – minh bạch – giám sát – trách nhiệm giải trình gắn kết với nhau một cách hệ thống.

Trong bối cảnh đó, bài viết này nhằm phân tích vai trò của chuyển đổi số trong việc nâng cao hiệu quả quản trị công, làm rõ mối liên hệ giữa số hóa hành chính và kiểm soát quyền lực, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tiềm năng của chuyển đổi số như một hướng đi chiến lược trong phòng ngừa tham nhũng và tiêu cực trong quản lý hành chính Nhà nước.

## 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN

### 2.1. Khái niệm và tiếp cận

Chuyển đổi số trong quản lý hành chính Nhà nước là quá trình ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và nền tảng số vào hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát quyền lực công.

Quản trị hiện đại (modern governance) trong bối cảnh chuyển đổi số được hiểu là phương thức điều hành dựa trên nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và có sự tham gia của người dân, trong đó vai trò của dữ liệu, công nghệ và sự tương tác theo thời gian thực tế của các chủ thể đóng vai trò trung tâm. Quản trị hiện đại đòi hỏi không chỉ cải tiến

---

<sup>105</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

thủ tục hành chính mà còn đổi mới cách thức thiết kế, vận hành và kiểm soát bộ máy hành chính Nhà nước.

Kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng là một cấu phần cốt lõi trong quản trị công, bao gồm việc ngăn chặn hành vi lạm dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân, thiết lập các cơ chế pháp lý và kỹ thuật để giám sát hoạt động công vụ và xử lý vi phạm một cách minh bạch, công bằng.

Chuyển đổi số, nếu được triển khai đồng bộ và hiệu quả, có thể trở thành một “công cụ thể chế hóa quyền kiểm soát” – nơi dữ liệu, nền tảng công nghệ và hệ thống giám sát số hoạt động như một hệ sinh thái phòng ngừa tham nhũng và tiêu cực trong toàn bộ chu trình hoạt động của cơ quan công quyền.

## **2.2. Chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước**

Chuyển đổi số và phòng chống tham nhũng là hai định hướng lớn, được đặt song song trong nhiều văn kiện quan trọng. Tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã nhấn mạnh việc xây dựng Chính phủ số và đổi mới mô hình quản trị công hiện đại, lấy công nghệ làm nền tảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy hành chính. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực ngoài Nhà nước, đồng thời nhấn mạnh các yêu cầu về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính. Là cơ sở pháp lý để triển khai giám sát điện tử, kê khai tài sản số hóa, tăng cường trách nhiệm giải trình. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021–2025, định hướng đến 2030 đã xác định chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, với trọng tâm là: Liên thông dữ liệu hành chính, tự động hóa quy trình công vụ, thúc đẩy chuyển đổi mô hình quản trị từ thủ công sang số hóa toàn diện. Khẳng định chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà còn là cách thức tổ chức lại quyền lực công.

Như vậy, trong định hướng phát triển quốc gia, chuyển đổi số và phòng chống tham nhũng không chỉ đồng hành mà còn bổ trợ cho nhau: chuyển đổi số giúp giám sát và đo lường hiệu quả quản lý công, trong khi kiểm soát tham nhũng là điều kiện để chuyển đổi số phát huy giá trị bền vững.

## **3. VAI TRÒ CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ PHÒNG NGỪA THAM NHƯỠNG**

### **3.1. Thúc đẩy minh bạch và công khai thông tin**

Một trong những trụ cột của quản trị hiện đại là minh bạch thông tin – điều kiện tiên quyết để ngăn chặn sự tùy tiện trong thực thi công vụ. Chuyển đổi số giúp nâng cao khả năng công khai, truy cập và giám sát thông tin trên diện rộng, đồng thời loại bỏ các khâu trung gian dễ phát sinh tiêu cực.

Việc triển khai Cổng Dịch vụ công Quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia (về dân cư, đất đai, cán bộ công chức, tài sản...) và các hệ thống quản lý điện tử đã giúp tăng cường sự minh bạch trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính, giảm tình trạng "xin-cho", đồng thời tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp giám sát quá trình xử lý công vụ một cách thực chất.

### **3.2. Tăng cường trách nhiệm giải trình**

Chuyển đổi số tạo ra các dấu vết số (digital footprints) trong toàn bộ hoạt động công vụ. Thông qua các nền tảng xử lý công việc số, quy trình ra quyết định, luồng thông tin, thời gian xử lý hồ sơ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ... đều được lưu trữ có hệ thống, cho phép các cấp quản lý kiểm soát và truy cứu trách nhiệm một cách rõ ràng.

Các hệ thống thông tin như phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử, hệ thống đánh giá cán bộ theo kết quả thực hiện nhiệm vụ... đã bước đầu giúp nâng cao hiệu quả giám sát nội bộ và phòng ngừa vi phạm.

### **3.3. Nâng cao hiệu lực giám sát và thanh tra**

Thông qua dữ liệu số, các cơ quan kiểm tra – thanh tra có thể:

- Phân tích rủi ro (risk-based inspection),
- Phát hiện bất thường trong quá trình thực thi nhiệm vụ,

Đặc biệt, các công nghệ như big data và trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về nguy cơ tham nhũng trong các lĩnh vực có nguy cơ cao như đấu thầu, đầu tư công, mua sắm tài sản công, quản lý đất đai...

### **3.4. Tăng cường sự tham gia của công dân và xã hội**

Chuyển đổi số cũng mở rộng không gian giám sát của công dân. Thông qua các ứng dụng phản ánh kiến nghị, cổng thông tin trực tuyến, mạng xã hội hoặc các nền tảng dữ liệu mở, người dân có thể phản ánh các hành vi vi phạm, chậm trễ, phiền hà của cán bộ, công chức, từ đó tạo ra áp lực xã hội đối với việc duy trì kỷ luật hành chính.

Ở một số địa phương, các ứng dụng như "Đô thị thông minh", "Hành trình công lý", hay hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh trực tuyến đã cho thấy hiệu quả nhất định trong việc tiếp nhận thông tin, xác minh và xử lý sai phạm từ cơ sở.

## **4. ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM**

#### 4.1. Những kết quả bước đầu

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc triển khai chuyển đổi số trong khu vực công, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và phòng ngừa tham nhũng. Một số sáng kiến nổi bật có thể kể đến:

- Hệ thống e-Cabinet giúp giảm đáng kể thời gian họp, văn bản giấy tờ và minh bạch hóa quá trình ra quyết định ở cấp cao.

Cổng dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) tích hợp hơn 4.000 thủ tục hành chính, công khai quy trình và kết quả xử lý, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình.<sup>106</sup>

- Việt triển khai hệ thống đấu thầu qua mạng góp phần giảm thất thoát, nâng cao tính cạnh tranh và minh bạch trong mua sắm công.<sup>107</sup>

- Một số địa phương như Quảng Ninh, TP.HCM, Đà Nẵng đã chủ động triển khai mô hình chính quyền số, đô thị thông minh, tạo nền tảng cho giám sát hành chính số hóa.

Những kết quả này cho thấy chuyển đổi số không chỉ góp phần cải cách hành chính mà còn trở thành phương tiện hữu hiệu trong việc phòng ngừa tham nhũng ngay từ khâu thiết kế hệ thống và quy trình vận hành.

#### 4.2. Một số tồn tại và thách thức

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, quá trình chuyển đổi số trong kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế:

- Thiếu đồng bộ về hạ tầng dữ liệu: Việc xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu giữa các ngành, địa phương còn rời rạc, cục bộ, gây khó khăn trong việc khai thác và giám sát liên thông.

- Tâm lý né tránh chia sẻ thông tin: Một số cơ quan hành chính vẫn chưa sẵn sàng công khai dữ liệu hoạt động, đặc biệt là các thông tin dễ gây nhạy cảm như ngân sách, tài sản công, quyết định nhân sự...

- Năng lực số của cán bộ, công chức còn yếu: Việc sử dụng công nghệ mới chưa đồng đều, nhiều nơi triển khai hình thức, chưa thực sự gắn với thay đổi tư duy quản trị.

- Thiếu cơ chế đánh giá hiệu quả số hóa trong PCTN: Hiện chưa có chỉ số đo lường mức độ đóng góp của chuyển đổi số vào hiệu quả kiểm soát quyền lực và liêm chính công vụ.

---

<sup>106</sup> Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4,5 nghìn dịch vụ công trực tuyến, [https://tcnn.vn/news/detail/63521/Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-da-cung-cap-45-nghin-dich-vu-cong-truc-tuyen.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://tcnn.vn/news/detail/63521/Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-da-cung-cap-45-nghin-dich-vu-cong-truc-tuyen.html?utm_source=chatgpt.com)

<sup>107</sup> <https://muasamcong.mpi.gov.vn/web/guest>

## **5. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC**

### **5.1. Xây dựng hạ tầng dữ liệu và kết nối hệ thống số**

Để kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng hiệu quả thông qua chuyển đổi số, điều kiện tiên quyết là xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông, đồng bộ và có khả năng tích hợp cao giữa các ngành, cấp và lĩnh vực. Cần ưu tiên:

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia trọng điểm (dân cư, đất đai, tài sản công, ngân sách, cán bộ công chức...),
- Thiết lập hệ thống định danh điện tử và xác thực liên ngành,
- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu mở theo chuẩn kỹ thuật chung giữa các cơ quan.

Đây là nền tảng để giám sát hoạt động công vụ theo thời gian thực và phát hiện sai phạm sớm hơn.

### **5.2. Tăng cường giám sát thông qua công nghệ số**

Ứng dụng các công cụ số trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra giúp giảm tính thủ công, chủ quan và phụ thuộc cá nhân. Một số giải pháp cần triển khai gồm:

- Phát triển hệ thống giám sát thông minh sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện bất thường trong quy trình xử lý hồ sơ, giải ngân ngân sách, đầu tư công...
- Áp dụng mô hình "quản trị dữ liệu chủ động" – trong đó hệ thống không chỉ lưu trữ, mà còn cảnh báo sớm rủi ro vi phạm.
- Tích hợp các ứng dụng phản ánh trực tuyến vào hệ thống xử lý hành chính.

### **5.3. Nâng cao năng lực số và đạo đức công vụ**

Chuyển đổi số không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà còn là bài toán về năng lực tổ chức và phẩm chất con người. Vì vậy, cần:

- Tổ chức đào tạo định kỳ về chuyển đổi số gắn với trách nhiệm liêm chính công vụ,
- Bồi dưỡng cán bộ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về phân tích dữ liệu số và giám sát điện tử,
- Xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực số và minh bạch hóa hành vi công vụ cho cán bộ công chức.

### **5.4. Phát huy vai trò của xã hội và công dân số**

Giám sát xã hội đóng vai trò thiết yếu trong kiểm soát quyền lực. Để tăng hiệu quả, cần:

- Thiết lập các nền tảng số để người dân tham gia giám sát, góp ý chính sách và phản ánh tiêu cực,
- Tạo điều kiện cho báo chí dữ liệu và các tổ chức xã hội có thể truy cập, khai thác thông tin công khai về ngân sách, dự án đầu tư, tuyển dụng công chức...
- Hỗ trợ cộng đồng phát triển ứng dụng mã nguồn mở phục vụ kiểm tra, giám sát hoạt động công.

### **5.5. Học hỏi và điều chỉnh theo kinh nghiệm quốc tế**

Việt Nam có thể học hỏi các mô hình đã thành công như:

- Singapore với hệ thống dữ liệu tập trung, minh bạch tài chính công và văn hóa liêm chính mạnh mẽ,
- Estonia với nền tảng "X-Road" kết nối dữ liệu toàn quốc cho phép theo dõi mọi tương tác công vụ,
- Hàn Quốc với hệ thống đấu thầu điện tử minh bạch và quản lý hiệu quả tài sản công.

Điều quan trọng là cần điều chỉnh linh hoạt theo thực tiễn thể chế, trình độ công nghệ và văn hóa hành chính Việt Nam.

## **6. KẾT LUẬN**

Chuyển đổi số đang mở ra những cơ hội to lớn để đổi mới mô hình quản trị Nhà nước theo hướng hiện đại, minh bạch và có trách nhiệm. Không chỉ đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động hành chính, chuyển đổi số thực chất là một phương thức tổ chức lại quyền lực công theo nguyên tắc dữ liệu điều hành, minh bạch hóa quy trình và gia tăng năng lực giám sát – cả từ bên trong lẫn từ bên ngoài hệ thống công quyền.

Trong bối cảnh tham nhũng và lạm dụng quyền lực vẫn là thách thức dai dẳng, chuyển đổi số có thể trở thành “hệ sinh thái phòng ngừa” – nơi mà các hành vi tiêu cực được nhận diện sớm, bị hạn chế khả năng che giấu, và được kiểm soát bằng cả công nghệ lẫn sự tham gia chủ động của xã hội.

Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng đó, cần có cam kết chính trị mạnh mẽ, chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu đồng bộ, cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả và một đội ngũ công chức được đào tạo bài bản về năng lực số và đạo đức công vụ. Đồng thời, sự tham gia của người dân – với vai trò công dân số – cần được nhìn nhận như một lực lượng giám sát tích cực và có giá trị lâu dài.



Chuyển đổi số không phải là đích đến, mà là một quá trình liên tục. Trong hành trình đó, việc kiểm soát quyền lực và phòng ngừa tham nhũng cần được xem như một chỉ số cốt lõi phản ánh chất lượng của một nền quản trị hiện đại và liêm chính

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
2. Chính phủ. (2021). Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030.
3. Quốc hội. (2018). Luật Phòng, chống tham nhũng. Luật số 36/2018/QH14, ngày 20 tháng 11 năm 2018.
4. Thanh tra Chính phủ. (2022). Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021.
5. Ngân hàng Thế giới. (2020). Enhancing Government Effectiveness and Transparency: The Fight Against Corruption. World Bank Publications.
6. UNDP. (2022). Digital transformation and public integrity: Global practices and future prospects. United Nations Development Programme.

## CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA VÀ CÔNG CUỘC PHÒNG, CHỐNG THAM NHỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Lương Thị Thanh Thảo*<sup>108</sup>

*Trần Thị Diễm Trinh*<sup>109</sup>

*Dương Quyền Trân*<sup>110</sup>

**Tóm tắt:** Trong thời kỳ cách mạng số 4.0, chuyển đổi số đã trở thành một xu thế mới, tất yếu của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Chuyển đổi số mang lại những lợi ích, giá trị to lớn đối với cả quốc gia, doanh nghiệp và người dân. Chuyển đổi số góp phần nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và rút ngắn khoảng cách phát triển, đồng thời đóng góp nhiều nguồn lực và giá trị mới cho sự phát triển đất nước. Không chỉ giới hạn ở việc hiện đại hóa nền hành chính công và nâng cao hiệu quả điều hành, chuyển đổi số còn mở ra những cơ hội mới trong việc phòng, chống tham nhũng thông qua tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng giám sát trong hoạt động của bộ máy nhà nước.

**Abstracts:** In the era of the Fourth Industrial Revolution, digital transformation has emerged as a new and inevitable global trend, including in Vietnam, to foster socio-economic development in the new stage. Digital transformation brings substantial benefits and values to the State, enterprises, and citizens alike. It contributes to enhancing productivity, competitiveness, and narrowing the development gap, while providing new resources and added value for national development. Beyond merely modernizing public administration and improving governance efficiency, digital transformation also opens up

---

<sup>108</sup> Giảng viên Khoa Kiến thức cơ bản Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật|Email: luongthanhthao0203@gmail.com

<sup>109</sup> Trung tâm Trọng tài Thương mại Quốc tế Thái Bình Dương|Email: trinhhttd.masterlaw@gmail.com

<sup>110</sup> Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND phường Thạnh Mỹ Tây|Email: duongquyentran2801@gmail.com

*new opportunities for combating corruption by strengthening transparency, accountability, and the capacity for oversight in the operations of state institutions.*

**Từ khoá:** *chuyển đổi số, tham nhũng, thực trạng, pháp lý*

**Keywords:** *Digital transformation, corruption, reality, legal*

## **1. Đặt vấn đề**

Trong kỷ nguyên số, khi công nghệ thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số đã trở thành xu thế toàn cầu và là động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới quản trị quốc gia và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Chuyển đổi số không chỉ mang lại ý nghĩa to lớn về mặt kinh tế mà còn cả về chính trị và xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò là lãnh đạo duy nhất đối với Nhà nước và xã hội Việt Nam, đã sớm nhận thấy được tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với quốc gia. Năm bất xu thế toàn cầu, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52/NQ-TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết đã nêu ra một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025 trong đó có “Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội”<sup>111</sup>. Sau đó, chuyển đổi số đã được chính thức hóa thành chương trình hành động từ năm 2020 thông qua Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, và đưa vào chiến lược quốc gia từ Đại hội XIII năm 2021. Văn kiện đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước đến năm 2030 “*Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế*”, từ đó, Đảng ta cũng

---

<sup>111</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

đã chỉ ra định hướng mang tính chiến lược là chú trọng phát triển hạ tầng viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số và xã hội số<sup>112</sup>.

Thực tiễn cho thấy, chuyển đổi số đã góp phần nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thúc đẩy xây dựng chính phủ số, qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch hóa hoạt động công quyền và tăng cường sự tham gia, giám sát của người dân. Chuyển đổi số tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế. Nhờ vào công nghệ số, doanh nghiệp có thể tối ưu hóa quy trình, mở rộng thị trường, cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đồng thời, chuyển đổi số còn là công cụ hữu hiệu để giảm thiểu hành vi tiêu cực, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ. Tuy nhiên, quá trình này vẫn đang đối mặt với không ít thách thức. Tiến trình chuyển đổi số không chỉ là một quá trình áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, mà còn là sự chuyển biến sâu rộng về tư duy quản trị, cơ cấu tổ chức, năng lực vận hành hệ thống, cũng như yêu cầu đổi mới đồng bộ về thể chế pháp lý và khung chính sách. Trong bối cảnh đó, việc lồng ghép chuyển đổi số vào chiến lược phòng, chống tham nhũng đặt ra nhiều thách thức đa chiều. Cụ thể, các vấn đề như bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu; xây dựng hạ tầng số đồng bộ; năng lực phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; cũng như việc tránh nguy cơ "số hóa hình thức", đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai về công cuộc chuyển đổi số quốc gia này. Do vậy, chúng ta cần có cách tiếp cận toàn diện, liên ngành và thực chất để chuyển đổi số thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho công cuộc phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả, bền vững.

## **2. Khái quát một số lý luận về chuyển đổi số quốc gia và biểu hiện của tham nhũng**

### ***2.1. Khái niệm về chuyển đổi số và chuyển đổi số quốc gia***

---

<sup>112</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Hiện nay, chưa có sự thống nhất chung về định nghĩa của chuyển đổi số (digital transformation), tùy theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, mỗi tổ chức lại có những định nghĩa về chuyển đổi số khác nhau.

Theo Gartner, chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới<sup>113</sup>.

Theo quan điểm của FPT, chuyển đổi số là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới, như: dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud),...làm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa tổ chức<sup>114</sup>. Mục tiêu của chuyển đổi số là nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh và tạo ra giá trị mới cho khách hàng. Các công nghệ số giúp chuyển hóa thông tin từ thế giới thực thành thế giới ảo vật lý với dung lượng thông tin rất lớn, tốc độ cao và đa dạng tới đời sống của mọi mặt xã hội.

Theo Cẩm nang chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông, chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức. Đối với mỗi cá nhân, chuyển đổi số làm thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và giao dịch với nhau. Còn đối với nhà nước, chuyển đổi số dùng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi trải nghiệm người dùng với các dịch vụ do nhà nước cung cấp, thay đổi quy trình nghiệp vụ, thay đổi mô hình và phương thức hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước.<sup>115</sup>

Tóm lại, Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

---

<sup>113</sup> Rob van der Meulen (2016), Five stages define a CIOs journey from e-government to digital government, Truy cập tại: <https://www.gartner.com/smarterwithgartner/when-less-becomes-more-the-journey-to-digital-government>, Ngày truy cập 15/8/2025.

<sup>114</sup> Lê Trọng Vĩnh (2021), Xu thế chuyển đổi số toàn cầu, Truy cập tại: <https://kinhtedothi.vn/xu-huong-xu-the-chuyen-doi-so-toan-cau.html>, Ngày truy cập 15/8/2025.

<sup>115</sup> Chuyên đề số 12 Quản lý chuyển đổi số quốc gia, “Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương ban hành kèm theo Quyết định số 3421/QĐ-HCQG ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia), [https://chuyendoiso.cantho.gov.vn/baiviet/chuyen\\_de\\_12\\_quan\\_ly\\_chuyen\\_doi\\_so\\_quoc\\_gia](https://chuyendoiso.cantho.gov.vn/baiviet/chuyen_de_12_quan_ly_chuyen_doi_so_quoc_gia), Ngày truy cập 01/8/2025.

Vậy chuyển đổi số quốc gia là một khái niệm chỉ quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của một quốc gia về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số quốc gia bao gồm ba lĩnh vực chính là chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Mục tiêu của chuyển đổi số quốc gia là nâng cao năng lực cạnh tranh, sự phát triển bền vững và hạnh phúc của người dân.

**Vậy ta có thể hiểu “Chuyển đổi số quốc gia”** (National Digital Transformation) là một quá trình mang tính hệ thống, toàn diện và liên ngành, trong đó mỗi quốc gia ứng dụng sâu rộng các công nghệ số hiện đại như trí tuệ nhân tạo(AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), chuỗi khối (Blockchain), Internet vạn vật (IoT),... nhằm tái cấu trúc mô hình phát triển kinh tế, phương thức quản trị nhà nước, tổ chức xã hội và phương thức tương tác giữa công dân với cơ quan nhà nước.

Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc “số hóa” các dịch vụ hay quy trình hành chính, mà còn bao hàm sự thay đổi về thể chế, hành vi, năng lực tổ chức, và tư duy quản trị. Chuyển đổi số quốc gia hướng đến việc xây dựng một **nền kinh tế số, xã hội số và chính phủ số**, nơi công nghệ trở thành động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao hiệu quả quản trị công, đảm bảo tính minh bạch, liêm chính và trách nhiệm giải trình, đồng thời tăng cường sự tham gia và hài lòng của người dân.

Về mặt khoa học quản trị, chuyển đổi số quốc gia là một tiến trình phức hợp, trong đó chính phủ đóng vai trò trung tâm trong việc kiến tạo môi trường pháp lý, điều phối chính sách, đầu tư hạ tầng số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và quản trị rủi ro số. Thành công của chuyển đổi số quốc gia phụ thuộc vào mức độ liên kết chính sách đa ngành, khả năng tích hợp dữ liệu và năng lực thích ứng thể chế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).

## ***2.2. Mục tiêu chuyển đổi số***

Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia tập trung vào 03 mục tiêu cơ bản là phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; phát triển Kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển Xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Mục tiêu cơ bản của chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 gồm một số chỉ số cơ bản cụ thể như sau.

*Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động*, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

*Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*, Kinh tế số chiếm 30% GDP; Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%; Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI); Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII).

*Trong phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, phổ cập dịch vụ mạng Internet* băng rộng cáp quang; Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%; Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).<sup>116</sup>

Các mục tiêu đề ra đã bao phủ toàn diện ba trụ cột quan trọng bao gồm Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số, cho thấy một tầm nhìn chiến lược dài hạn, đồng bộ với các xu hướng phát triển toàn cầu như: Cách mạng công nghiệp 4.0, tăng trưởng xanh và bền vững và quản trị công một cách hiệu quả, minh bạch. Việc đưa ra các chỉ số định lượng

---

<sup>116</sup> Mục II Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.

cụ thể (như tỷ lệ hồ sơ công việc tại các cấp, GDP từ kinh tế số, tỷ lệ người dân có tài khoản thanh toán điện tử...) giúp đánh giá hiệu quả các chính sách, tạo áp lực chuyển biến thực chất tại các bộ, ngành, địa phương. Mặc dù có lộ trình rõ ràng, nhưng khả năng đạt được các mục tiêu này đến năm 2030 vẫn còn phụ thuộc vào sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, năng lực triển khai thực tế tại cấp địa phương vốn còn chênh lệch lớn về hạ tầng, nhân lực và kỹ thuật và khả năng thích ứng của doanh nghiệp và người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi, nơi còn thiếu điều kiện tiếp cận công nghệ.

Trong quá trình chuyển đổi số, vấn đề về an toàn thông tin và nhân lực số là một thách thức lớn. Khi dữ liệu, giao dịch và quản trị chuyển dịch sang môi trường số, những rủi ro về an ninh mạng, lộ lọt thông tin cá nhân, tội phạm công nghệ cao sẽ gia tăng đáng kể. Trong khi đó, nguồn nhân lực số chất lượng cao còn thiếu, nhất là trong khu vực công và giáo dục. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của Chính phủ nói riêng và cả hệ thống chính trị nói chung cùng sự tham gia của doanh nghiệp và người dân, chương trình chuyển đổi số quốc gia có tiềm năng tạo ra đột phá lớn cho nền kinh tế và xã hội, tạo nên bước ngoặt lớn cho năng lực cạnh tranh quốc gia, cải cách hành chính, và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đưa Việt Nam trở thành một quốc gia số thịnh vượng, tiên phong trong khu vực.

### **2.3. Khái niệm về tham nhũng**

Tham nhũng là hiện tượng xã hội tiêu cực tồn tại ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tham nhũng gây thiệt hại nghiêm trọng đến các nguồn lực công, xâm hại đến hoạt động đúng đắn của bộ máy nhà nước, làm sai lệch công lý, công bằng xã hội, làm suy giảm niềm tin, cản trở các nỗ lực giảm nghèo và phát triển đất nước, xã hội. Các quốc gia ở các trình độ phát triển khác nhau, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau sẽ có quan điểm về tham nhũng khác nhau

Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng xác định: tham nhũng là sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng, bao gồm các hành vi người có chức vụ, quyền hạn lấy cắp, tham ô tài sản nhà nước; lợi dụng địa vị công tác để trục lợi riêng; tạo sự xung đột về thứ tự quan tâm giữa trách nhiệm đối với xã hội và lợi ích cá nhân để



mưu cầu trục lợi<sup>117</sup>. Ngân hàng thế giới (WB – World Bank) đưa ra quan điểm về “Tham nhũng là việc lợi dụng quyền lực công nhằm trục lợi cá nhân”<sup>118</sup>, định nghĩa này nhấn mạnh tác động của tham nhũng trong khu vực công. Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế (TI - Transparency International) thì: “Tham nhũng là hành vi của quan chức trong khu vực công, có thể là nhà chính trị hay công chức, qua đó họ làm giàu cho bản thân hoặc những người thân cận một cách không chính đáng và trái pháp luật bằng cách lạm dụng quyền lực công được giao phó”<sup>119</sup>, định nghĩa này mang tính toàn diện, nhấn mạnh cả khía cạnh công và tư, đồng thời tập trung vào tác động của tham nhũng như làm xói mòn niềm tin, suy yếu dân chủ, và gia tăng bất bình đẳng. Nó được sử dụng rộng rãi trên toàn cầu và là cơ sở cho Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI).

Ở Việt Nam, Luật Phòng chống, tham nhũng năm 2018 quy định tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.<sup>120</sup>

Trong đó, người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức; Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức; Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó<sup>121</sup>. Định nghĩa này tập trung vào khu vực công, nhấn mạnh vai trò của những người có chức vụ, quyền hạn. Nó phản ánh bối cảnh

---

<sup>117</sup> “Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở một số nước trên thế giới”, Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, số 1/2006, tr.3.

<sup>118</sup> ADB, Khuôn khổ chiến lược và chính sách, Chống tham nhũng và sự liêm chính, 05/2010, tr.32.

<sup>119</sup> Transparency International. 1996. The TI Sourcebook, edited by Jeremy Pope. Berlin: TI, tr.1.

<sup>120</sup> Khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

<sup>121</sup> Khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

pháp lý và văn hóa của Việt Nam, nơi tham nhũng thường liên quan đến việc lạm dụng quyền lực trong bộ máy nhà nước.

Như vậy, các định nghĩa về tham nhũng đều nhấn mạnh bản chất lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân và tác động tiêu cực đến xã hội. Những yếu tố như hối lộ, biển thủ, và gian lận được xem là cốt lõi của tham nhũng. Sự khác biệt chủ yếu nằm ở phạm vi áp dụng: Tổ chức minh bạch quốc tế mở rộng sang khu vực tư nhân, trong khi Việt Nam và Ngân hàng Thế giới tập trung vào khu vực công.

#### **2.4. Vai trò của chuyển đổi số quốc gia trong công cuộc phòng chống tham nhũng**

Nhận thức được tác động to lớn của chuyển đổi số quốc gia đối với công cuộc phòng, chống tham nhũng, Chính phủ chỉ đạo ở Nghị quyết 168/NQ-CP năm 2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 tại các nhóm nhiệm vụ, giải pháp có nêu: *“Thực hiện chuyển đổi số và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong các hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;”*<sup>122</sup> theo đó, việc thực hiện chuyển đổi số là một trong các nhiệm vụ giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trong chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng.

Tại Phiên họp thứ 8, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ngày 24 tháng 4 năm 2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính tiếp tục khẳng định *“Chuyển đổi số là một nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời góp phần giảm phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, chống tham nhũng, tiêu cực”*.

Thời gian vừa qua, việc đẩy mạnh chuyển đổi số (digital transformation) đã cho thấy những tác động tích cực sâu sắc đối với công tác phòng, chống tham nhũng.

Một trong những tác động tích cực nổi bật là việc tăng cường minh bạch và công khai thông tin. Chuyển đổi số giúp chính phủ và các tổ chức công khai thông tin về ngân

---

<sup>122</sup> Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030

sách, đấu thầu, tài sản công, quy hoạch,... và các hoạt động quản lý hành chính trên các nền tảng số, khi những thông tin này được công khai, bất kỳ người dân nào cũng có thể giám sát, báo chí có thể kiểm tra và các cơ quan thanh tra, kiểm toán có thể dễ dàng phát hiện dấu hiệu bất thường, từ đó làm khó khăn hóa các hành vi che giấu tham nhũng.

Chuyển đổi số còn nâng cao hiệu quả dịch vụ công và tăng sự hài lòng của người dân. Các dịch vụ công trực tuyến (e-services) như cấp phép, nộp thuế, hoặc đăng ký kinh doanh qua cổng dịch vụ công quốc gia giúp giảm thời gian chờ đợi và chi phí, giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa người dân/doanh nghiệp và cán bộ từ đó giảm cơ hội cho các hành vi đưa/nhận hối lộ để xử lý thủ tục nhanh chóng.

Nhiều địa phương trên cả nước đã triển khai phần mềm quản lý văn bản nhằm theo dõi tiến độ xử lý công việc, qua đó mỗi văn bản, mỗi yêu cầu của người dân đều được ghi nhận thời gian xử lý, người chịu trách nhiệm. Điều này góp phần giảm thiểu tình trạng kéo dài thời gian làm hồ sơ, đồng thời tạo áp lực trách nhiệm lên cán bộ thực thi. Qua đó, chuyển đổi số còn giúp truy vết trách nhiệm một cách dễ dàng, khi đó một công việc trễ hạn sẽ biết rõ ai là người chậm trễ, từ đó xử lý cán bộ yếu kém hoặc cố tình gây phiền hà, sách nhiễu cho người dân.

Ngoài ra, các nền tảng số như ứng dụng di động hoặc cổng thông tin cho phép người dân báo cáo hành vi tham nhũng một cách an toàn, ẩn danh, từ đó tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc giám sát.

Cuối cùng, chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả quản lý và thực thi pháp luật. Các hệ thống quản lý hành chính điện tử giúp giảm thiểu sự can thiệp của con người, hạn chế sai sót hoặc cố ý làm sai lệch dữ liệu. Việc lưu trữ hồ sơ số hóa cũng giúp việc tra cứu, kiểm tra và đối chiếu thông tin một cách dễ dàng hơn.

Tóm lại, chuyển đổi số là công cụ mạnh mẽ để phòng, chống tham nhũng, mang lại lợi ích tiết kiệm chi phí và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc giảm lãng phí từ tham nhũng giúp tăng niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, hỗ trợ kinh tế số và chống tội phạm liên quan.

### **3. Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam**

#### **3.1. Một số kết quả nổi bật trong giai đoạn chuyển đổi số quốc gia**

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số được xác định là trụ cột quan trọng trong cải cách nền hành chính quốc gia và phòng, chống tham nhũng. Từ năm 2020 đến 2023, Việt Nam đã ghi nhận sự tiến bộ rõ rệt trong việc triển khai các nền tảng công nghệ hỗ trợ công khai, minh bạch hóa hoạt động công vụ. Theo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 do UNDP công bố, mức độ kiểm soát tham nhũng ở cấp địa phương đã được cải thiện, khi chỉ số “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” tăng nhẹ từ 6,71 lên 6,77 so với năm trước. Đáng chú ý, vấn đề tham nhũng không còn nằm trong top 5 mối quan tâm lớn nhất của người dân như các năm trước mà đã giảm xuống vị trí thứ 6, phản ánh một bước tiến tích cực trong niềm tin của xã hội đối với hiệu quả phòng, chống tham nhũng cấp cơ sở.[1]

Tuy mức tăng chỉ số “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” trong báo cáo PAPI năm 2023 là khiêm tốn (từ 6,71 lên 6,77), song sự chuyển biến về nhận thức xã hội được thể hiện qua việc tham nhũng không còn nằm trong nhóm năm mối quan ngại hàng đầu của người dân. Điều này mang lại giá trị phản ánh sâu sắc hơn về mức độ cải thiện trong quản trị công cấp địa phương. Diễn biến này cho thấy không chỉ hiệu quả thực thi chính sách phòng, chống tham nhũng đang có dấu hiệu được cải thiện, mà còn phản ánh sự dịch chuyển niềm tin xã hội vào năng lực liêm chính của chính quyền cơ sở. Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy chuyển đổi số như một cấu phần trung tâm của cải cách hành chính, sự gia tăng niềm tin xã hội này có thể được xem là hệ quả tích cực của việc tăng cường công khai, minh bạch và truy xuất trách nhiệm trong hoạt động công vụ thông qua các nền tảng số. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc duy trì và củng cố đà cải thiện hiện tại bằng các chính sách đồng bộ, đặc biệt là hoàn thiện thể chế giám sát số và nâng cao năng lực phân tích dữ liệu ở cấp địa phương nhằm đảm bảo rằng sự cải thiện chỉ số là bền vững, không mang tính nhất thời hoặc cảm tính.

Bên cạnh các chỉ số đánh giá định tính, Việt Nam đã đạt được những kết quả định lượng ấn tượng trong xây dựng hạ tầng số phục vụ dịch vụ công và giám sát hành chính. Theo thống kê từ Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến cuối năm 2023, Cổng dịch vụ công quốc gia đã tích hợp hơn 4.600 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, với trên 170 triệu hồ sơ được xử lý điện tử và hơn 80 triệu giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt.[2] Việc số hóa quy trình hành chính và hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa công dân với cán bộ công quyền được xem là một trong những yếu tố hiệu quả nhằm giảm thiểu nguy cơ “tham nhũng vặt”, thông qua việc giảm cơ hội mặc cả, xin - cho trong xử lý hồ sơ hành chính.

Hạ tầng định danh điện tử là một bước đột phá khác trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, phục vụ minh bạch hóa hoạt động công. Theo thống kê của Bộ Công an tại giữa tháng 2 năm 2024, đã có hơn 52,7 triệu tài khoản VNeID kích hoạt, trong đó có 8 triệu lượt sử dụng đúng để đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia. Trung bình mỗi ngày có gần 1 triệu lượt truy cập bằng tài khoản VNeID (từ nguồn báo cáo của Bộ Công an, trích dẫn trong bài viết trang LSVN, tháng 2/2024).[3] Sự gia tăng mạnh mẽ số lượng tài khoản VNeID kích hoạt và được sử dụng thường xuyên không chỉ phản ánh mức độ phổ cập định danh số trong xã hội, mà còn cho thấy bước tiến quan trọng trong việc xây dựng nền tảng xác thực thống nhất cho các dịch vụ công. Với trung bình gần 1 triệu lượt truy cập mỗi ngày, VNeID đang dần trở thành công cụ lõi trong kiến trúc chính phủ số, hỗ trợ việc hình thành “dấu vết số” cho mọi tương tác giữa công dân và nhà nước. Đây là điều kiện cần để phát triển các cơ chế giám sát hành vi dựa trên dữ liệu lớn, từ đó nâng cao khả năng phát hiện giao dịch bất thường và phòng ngừa tham nhũng. Tuy nhiên, tính hiệu quả của hệ thống còn phụ thuộc vào khả năng tích hợp liên thông dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước và mức độ đầu tư cho năng lực phân tích dữ liệu tại tuyến cơ sở, nhằm chuyển hóa dữ liệu định danh thành công cụ hỗ trợ ra quyết định và kiểm soát quyền lực một cách minh bạch, có trách nhiệm.

Việc mở rộng phạm vi sử dụng VNeID không chỉ giới hạn ở thủ tục hành chính mà còn được ứng dụng trong khai báo y tế, tra cứu bảo hiểm xã hội qua ứng dụng VssID, nơi

đã ghi nhận hơn 10 triệu lượt đăng nhập VNeID kể từ khi tích hợp vào cuối năm 2023.[4] Những con số ấn tượng này khẳng định hiệu quả việc tích hợp tính năng định danh số trong các hành vi tương tác với hệ thống công, góp phần xây dựng “dấu vết số” trong mọi giao dịch, từ khai báo đến thanh toán và kiểm tra quyền lợi công dân, qua đó tăng cường khả năng giám sát và phát hiện hành vi bất thường. Việc có hàng chục triệu tài khoản VNeID được kích hoạt và sử dụng hàng ngày đã tạo nên hạ tầng xác thực thống nhất và có độ bảo mật cao cho các dịch vụ công. Dấu vết số được tạo ra mỗi khi công dân tương tác với hệ thống (ví dụ như nộp hồ sơ, thanh toán, truy vấn thông tin) là cơ sở để phân tích hành vi và phát hiện các giao dịch bất thường thông qua các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và AI. Nhờ đó, chồng chéo giấy tờ, tình trạng giả danh hoặc gian lận hành chính có thể bị ngăn chặn ngay từ ban đầu, góp phần giảm thiểu rủi ro tham nhũng và minh bạch hóa hoạt động công vụ.

Không chỉ trong lĩnh vực hành chính, quá trình chuyển đổi số còn mở rộng sang các hoạt động đấu thầu, mua sắm công, nơi có nguy cơ cao phát sinh tham nhũng. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ([muasamcong.mpi.gov.vn](http://muasamcong.mpi.gov.vn)) đã công khai toàn bộ thông tin đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và tiến độ thực hiện. Điều này giúp các cơ quan thanh tra, kiểm toán dễ dàng theo dõi dòng tiền và phát hiện các hành vi gian lận.

Ngoài ra, theo báo cáo của Chính phủ tại Hội nghị sơ kết chuyển đổi số năm 2023, chỉ số chuyển đổi số quốc gia (DTI) đã tăng từ 0,48 năm 2020 lên 0,71 năm 2022, và dự kiến đạt 0,75 vào cuối năm 2023, với điểm nhấn là chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tăng trưởng nhanh nhất.[5] Mức tăng trưởng này cho thấy quyết tâm của Nhà nước trong việc hình thành hệ thống chính phủ số phục vụ người dân, hướng đến mô hình quản trị dữ liệu mở, minh bạch và có khả năng giám sát tự động.

Từ những kết quả trên, có thể khẳng định rằng chuyển đổi số không chỉ là công cụ cải cách hành chính, mà còn đóng vai trò chiến lược trong ngăn ngừa và phát hiện tham nhũng. Việc từng bước tích hợp các nền tảng công nghệ như hệ thống quản lý tài sản công, định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến và dữ liệu mở đang góp phần tạo ra một

môi trường hành chính “khó tham nhũng”, nơi mọi giao dịch được giám sát bằng dấu vết số, và mọi hành vi bất thường có thể được phát hiện và xử lý kịp thời thông qua hệ thống phân tích tự động.

### **3.2. Một số bất cập trong hoạt động chuyển đổi số quốc gia**

Mặc dù hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam đã có những bước phát triển đáng ghi nhận, đặc biệt với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực ngoài nhà nước kể từ khi Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được ban hành, song việc ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực này vẫn còn ở mức độ sơ khai và chưa mang tính hệ thống. Hiện nay, các quy định pháp luật chủ yếu mới dừng lại ở việc khuyến khích nâng cao tính minh bạch tài chính và kiểm soát nội bộ, mà chưa có hướng dẫn cụ thể nhằm triển khai các công nghệ hiện đại như chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI) hay hệ thống giám sát tự động vào các quy trình phòng ngừa và phát hiện tham nhũng trong cả khu vực công và tư.

Một trong những rào cản lớn hiện nay trong việc thúc đẩy hiệu quả phòng, chống tham nhũng thông qua chuyển đổi số là sự thiếu liên kết và đồng bộ giữa các quy định pháp luật điều chỉnh hai lĩnh vực này. Cụ thể, Luật Công nghệ thông tin năm 2006 và Luật Giao dịch điện tử năm 2023 tuy đã tạo dựng nền tảng pháp lý cho việc xây dựng chính phủ điện tử và phát triển môi trường giao dịch số, song vẫn còn khoảng trống pháp lý đáng kể trong việc điều chỉnh cơ chế phối hợp, chia sẻ và tích hợp dữ liệu giữa các hệ thống thông tin công. Các văn bản này chưa quy định cụ thể quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan trong việc kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống trọng yếu như: hệ thống quản lý tài sản công, hệ thống đấu thầu điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, hay Cổng dịch vụ công quốc gia. Sự thiếu vắng các quy định bắt buộc về chia sẻ dữ liệu, cũng như chưa có cơ chế phân định rõ trách nhiệm pháp lý khi xảy ra xung đột hoặc trì hoãn chia sẻ thông tin, đã và đang dẫn đến tình trạng “cục bộ thông tin” giữa các cơ quan ngang cấp và liên ngành, làm suy giảm nghiêm trọng khả năng phát hiện hành vi bất thường thông qua phân tích dữ liệu chéo (cross-data analysis). Vụ án Việt Á là một

minh chứng rõ nét cho điểm nghẽn này, khi việc thiếu kết nối dữ liệu giữa Bộ Y tế và Bộ Tài chính đã cản trở quá trình giám sát và kịp thời phát hiện sai phạm.

Tương tự, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, dù đã có bước tiến trong việc mở rộng phạm vi điều chỉnh sang khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là doanh nghiệp và tổ chức ngoài công lập, nhưng vẫn chưa có cơ chế cụ thể nhằm tận dụng công nghệ số trong hoạt động giám sát, cảnh báo sớm và đánh giá rủi ro tham nhũng. Nghị định này chưa quy định rõ nghĩa vụ công khai thông tin qua nền tảng số đối với doanh nghiệp, cũng như chưa đưa ra yêu cầu bắt buộc liên quan đến báo cáo minh bạch tài chính, quản trị rủi ro hoặc các công cụ quản trị số như định danh điện tử cho pháp nhân. Việc chỉ dừng lại ở mức “khuyến khích” áp dụng công nghệ trong khu vực tư khiến cơ chế giám sát không phát huy hiệu quả thực tế, nhất là trong bối cảnh số lượng doanh nghiệp ngày càng gia tăng nhưng nguồn lực kiểm tra, thanh tra nhà nước còn hạn chế.

Trong khi đó, dù các định hướng chiến lược quan trọng như Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 đã nhấn mạnh vai trò của công nghệ số như một công cụ đổi mới phương thức phòng, chống tham nhũng, nhưng đến nay các mục tiêu này vẫn chưa được cụ thể hóa thành quy định pháp lý khả thi và có tính ràng buộc. Việc chậm thể chế hóa các định hướng chính sách thành hành lang pháp lý rõ ràng không chỉ cản trở quá trình số hóa hoạt động phòng, chống tham nhũng mà còn bỏ lỡ cơ hội nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm soát quyền lực, đặc biệt là trong khu vực tư nhân và các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như đầu tư công, y tế, giáo dục và đất đai.

Hệ quả là phần lớn doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là trong khối tư nhân, mới chỉ dừng lại ở việc ứng dụng các phần mềm kế toán, hệ thống hóa đơn điện tử hoặc công cụ quản lý tài chính cơ bản, trong khi chưa khai thác được tiềm năng từ các công nghệ tiên tiến như phân tích dữ liệu lớn (Big Data), hệ thống phát hiện giao dịch bất thường (fraud detection) hay nền tảng giám sát tích hợp. Điều này cho thấy cần thiết phải có sự bổ sung, hoàn thiện khung pháp lý theo hướng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đồng thời tạo hành lang



pháp lý rõ ràng để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia sâu hơn vào công cuộc phòng, chống tham nhũng thông qua chuyển đổi số.

Một hệ quả quan trọng từ sự thiếu cụ thể hóa trong các quy định pháp luật là việc triển khai ứng dụng công nghệ số trong phòng, chống tham nhũng đang thiếu định hướng thống nhất và phụ thuộc lớn vào ý chí chủ quan của từng cơ quan, tổ chức. Nhiều bộ, ngành và địa phương vẫn đang loay hoay trong việc xác định phạm vi áp dụng, lựa chọn công nghệ phù hợp cũng như xây dựng hệ thống dữ liệu có khả năng phục vụ công tác phát hiện và xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, do chưa có khung hướng dẫn mang tính bắt buộc, việc đầu tư vào các nền tảng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI) hoặc hệ thống cảnh báo sớm các rủi ro tham nhũng (early warning systems) gần như chưa xuất hiện trong các cơ quan công quyền, ngoài một số mô hình thí điểm nhỏ lẻ.[6]

Thực tiễn tại các địa phương cho thấy, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến dù đạt được một số kết quả nhất định về mặt số lượng thủ tục được số hóa, song hiệu quả sử dụng thực tế và khả năng hỗ trợ phòng, chống tham nhũng vẫn còn nhiều hạn chế. Tại tỉnh Bắc Giang, tính đến giữa năm 2025, địa phương này có tổng cộng 478 thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện ở mức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4). Tuy nhiên, chỉ có 108 thủ tục được cung cấp thực chất trên Cổng dịch vụ công quốc gia, tương đương khoảng 22,6%, một tỷ lệ còn thấp so với mục tiêu chuyển đổi số toàn diện đã đề ra.[7] Việc triển khai dịch vụ công ở mức độ cao nhưng tỷ lệ thủ tục thực sự tích hợp lên nền tảng quốc gia còn hạn chế cho thấy, hệ thống vẫn chủ yếu dừng lại ở khâu hình thức, chưa đáp ứng được yêu cầu về chia sẻ dữ liệu, truy xuất hồ sơ điện tử và minh bạch hóa quá trình xử lý. Điều này khiến cho khả năng sử dụng dữ liệu từ hệ thống để phân tích rủi ro tham nhũng gần như không khả thi, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao như đất đai, đầu tư xây dựng, hay cấp phép kinh doanh. Báo cáo của tỉnh thừa nhận một trong những nguyên nhân là do chưa có quy định về phân tích dữ liệu phục vụ phòng ngừa tiêu cực, cũng như thiếu hướng dẫn cụ thể từ trung ương.

Thêm vào đó, vấn đề bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư trong quá trình số hóa hồ sơ, đặc biệt trong các vụ việc có dấu hiệu sai phạm, vẫn chưa được xử lý đầy đủ trong các

văn bản pháp luật hiện hành. Tình trạng lộ lọt thông tin tố cáo nội bộ khiến nhiều cán bộ, nhân viên e ngại việc sử dụng các nền tảng số để phản ánh hành vi tham nhũng. Báo cáo của Thanh tra Chính phủ năm 2023 cho biết đã tiếp nhận 37[8] trường hợp tố cáo bị lộ danh tính qua hệ thống điện tử, trong đó có 12 trường hợp dẫn đến việc người tố cáo bị điều chuyển công tác hoặc bị gây khó dễ. Tình trạng này không chỉ làm suy giảm niềm tin vào tính an toàn, hiệu quả của các công cụ chuyển đổi số trong phòng, chống tham nhũng, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực của các quy định pháp luật bảo vệ người tố giác.

Theo quy định tại Điều 53 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo. Trong đó, Luật Tố cáo năm 2018 quy định rõ tại Điều 31 về các biện pháp bảo vệ người tố cáo, bao gồm: bảo vệ bí mật thông tin, bảo vệ vị trí công tác, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người tố cáo và người thân của họ. Điều 32 và 33 của Luật Tố cáo cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc áp dụng biện pháp bảo vệ, và xử lý hành vi tiết lộ thông tin hoặc trả thù, trù dập người tố cáo. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chủ yếu hướng đến môi trường truyền thống, chưa bao quát đầy đủ các tình huống bảo mật thông tin trong môi trường số.

Đặc biệt, trong quá trình tiếp nhận, xử lý tố cáo qua nền tảng điện tử, vấn đề bảo mật hệ thống, mã hóa dữ liệu, xác thực truy cập, và xác định trách nhiệm của các chủ thể vận hành hạ tầng số chưa được luật hóa cụ thể. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý đáng kể, dẫn đến hệ quả là việc bảo vệ người tố cáo không hiệu quả trong thực tế.

Vì vậy, để đảm bảo việc tố cáo tham nhũng qua nền tảng số thực sự trở thành một công cụ hiệu quả và an toàn, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành theo hướng cập nhật các tình huống mới trong môi trường công nghệ số; tăng cường chế tài xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân làm lộ lọt thông tin người tố cáo; đồng thời quy định rõ trách nhiệm bảo mật dữ liệu, quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân của người tố cáo và cơ chế phục hồi danh dự, quyền lợi khi bị xâm phạm.

Bên cạnh những thách thức về thể chế và kỹ thuật, năng lực con người – đặc biệt là trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ phụ trách chuyển đổi số tại cơ sở cũng đang là

một rào cản lớn đối với việc tích hợp hiệu quả công nghệ số vào công tác phòng, chống tham nhũng. Theo Báo cáo tổng hợp về kết quả chuyển đổi số quốc gia năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, phần lớn cán bộ làm công tác chuyển đổi số tại cấp huyện và xã chưa được đào tạo bài bản về công nghệ thông tin hoặc chỉ được đào tạo kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu phục vụ công tác quản lý.[9] Mặc dù các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ công chức đã được triển khai theo Quyết định số 1580/QĐ-BTTTT năm 2023, nhưng tiến độ phổ cập còn chậm và chưa đồng đều giữa các địa phương. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng triển khai các phần mềm nghiệp vụ như hệ thống quản lý tài sản công, quản lý ngân sách, giám sát đấu thầu hay tố cáo trực tuyến, mà còn trực tiếp làm giảm hiệu quả của quá trình phân tích dữ liệu nhằm phát hiện các hành vi bất thường hoặc dấu hiệu sai phạm. Ở nhiều địa phương, cán bộ tiếp nhận tố cáo qua hệ thống điện tử chưa thể vận hành thành thạo các công cụ phân tích rủi ro, dẫn đến tình trạng lệ thuộc vào quy trình xử lý thủ công, kéo dài thời gian và tăng nguy cơ bỏ lọt hành vi vi phạm. Do đó, để chuyển đổi số thực sự trở thành công cụ hữu hiệu trong phòng, chống tham nhũng, cần đồng bộ hóa chính sách phát triển nguồn nhân lực với các chiến lược ứng dụng công nghệ, trong đó ưu tiên đầu tư cho đào tạo chuyên sâu, tập huấn định kỳ và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ năng lực thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong môi trường pháp lý ngày càng phức tạp.

Một bất cập khác mang tính hệ thống là việc thiếu sự chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Đây là yếu tố quan trọng để phân tích chéo và phát hiện dấu hiệu bất thường trong quản lý công. Một ví dụ tiêu biểu là vụ án tại Công ty Việt Á về gian lận đấu thầu và nâng khống giá sinh phẩm xét nghiệm COVID-19 năm 2020–2021. Mặc dù mọi thông tin về gói thầu đều được công bố trên Hệ thống Mua sắm công quốc gia, nhưng do thiếu kết nối dữ liệu giữa Bộ Y tế và các cơ quan tài chính, lực lượng chức năng không thể phát hiện sớm hành vi sai phạm này.[10] Tình trạng này cho thấy nhu cầu cấp thiết về một hệ thống dữ liệu liên thông, hỗ trợ cảnh báo tự động và cho phép giám sát phản ứng nhanh trước các dấu hiệu bất thường.

Từ các phân tích trên có thể thấy rằng, trong khi công nghệ số có tiềm năng lớn trong việc hiện đại hóa hoạt động quản lý công và nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, thì những khoảng trống pháp lý và gặp khó khăn trong quá trình thực thi dẫn đến làm chậm quá trình hiện thực hóa tiềm năng đó. Do đó, một chiến lược cải cách pháp luật toàn diện cần được ưu tiên xây dựng trong thời gian tới. Chiến lược này không chỉ bao gồm việc bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ cụ thể, mà còn cần chú trọng đến các vấn đề về bảo mật, đào tạo nhân lực, cơ chế phối hợp liên ngành và cơ chế giám sát độc lập nhằm đảm bảo rằng chuyển đổi số thực sự trở thành trụ cột trong công cuộc phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam.

#### **4. Một số kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật trong chuyển đổi số quốc gia và nâng cao hiệu quả trong công cuộc phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay**

**Thứ nhất, chúng ta cần hoàn thiện khung pháp luật nhằm thể chế hóa định hướng chính sách về ứng dụng công nghệ số trong phòng, chống tham nhũng.** Các mục tiêu, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 cần được cụ thể hóa thành quy định pháp lý có tính ràng buộc, bảo đảm tính khả thi và áp dụng đồng bộ trong cả khu vực công và tư. Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ ràng về việc ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), và hệ thống cảnh báo sớm vào các quy trình kiểm soát nội bộ, công khai minh bạch tài sản, đấu thầu, tuyển dụng và đánh giá cán bộ. Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể nghĩa vụ của doanh nghiệp và tổ chức ngoài công lập trong việc số hóa báo cáo tài chính, minh bạch hóa quản trị và sử dụng hệ thống công nghệ nhằm phòng ngừa tham nhũng.

**Thứ hai, chúng ta nên nghiên cứu và xây dựng cơ chế liên thông, chia sẻ và tích hợp dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước có liên quan.** Để khai thác hiệu quả tiềm năng của phân tích dữ liệu chéo, chúng ta cần có một cơ chế pháp lý bắt buộc và rõ ràng về chia sẻ thông tin giữa các hệ thống như: Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống đấu

thầu điện tử, cơ sở dữ liệu tài sản công, cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức. Luật Giao dịch điện tử và Luật Công nghệ thông tin cần được rà soát và sửa đổi để bổ sung quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, phân quyền truy cập, trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cũng như xử lý vi phạm trong trường hợp từ chối chia sẻ thông tin hoặc cố tình gây chậm trễ. Việc thiết lập nền tảng dữ liệu liên thông sẽ là tiền đề cho việc giám sát, phát hiện các hành vi bất thường như kê khai tài sản không trung thực, chuyển nhượng đất công trái pháp luật, hay gian lận đầu thầu.

**Thứ ba, nhà nước cần ban hành quy định pháp luật về bảo vệ người tố cáo trên môi trường số.** Luật Tố cáo 2018 cần được sửa đổi để bổ sung các quy định cụ thể về bảo mật dữ liệu cá nhân, mã hóa thông tin người tố cáo khi tiếp nhận qua nền tảng điện tử, cũng như trách nhiệm của các chủ thể quản lý hệ thống công nghệ trong việc đảm bảo an toàn thông tin. Đồng thời, cần tăng cường chế tài xử lý đối với hành vi làm lộ danh tính người tố cáo, trù dập hoặc trả thù thông qua dữ liệu bị khai thác trái phép. Việc bảo vệ hiệu quả người tố giác trên nền tảng số không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là yếu tố then chốt để nâng cao niềm tin và khuyến khích sự tham gia tích cực của công dân vào công tác phòng, chống tham nhũng.

**Thứ tư, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ thực thi và xây dựng hệ thống giám sát công nghệ số thống nhất.** Chúng ta cần đẩy mạnh thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ thông tin và kỹ năng phân tích dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác chuyển đổi số, đặc biệt ở cấp cơ sở. Việc chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm hoặc chưa qua đào tạo chuyên môn đã làm giảm hiệu quả ứng dụng các nền tảng công nghệ, khiến quy trình xử lý tố cáo, giám sát ngân sách hay quản lý tài sản công vẫn phụ thuộc chủ yếu vào quy trình thủ công. Chính phủ cần xây dựng các trung tâm giám sát dữ liệu tham nhũng cấp vùng hoặc quốc gia, ứng dụng hệ thống phát hiện giao dịch bất thường (fraud detection), giám sát hành vi ra quyết định, và phân tích xu hướng rủi ro từ các hệ thống thông tin công.

**Thứ năm, thúc đẩy chuyển đổi số trong khu vực tư và nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.** Hướng đến quy định rõ trách nhiệm pháp lý của doanh

nghiệp trong việc áp dụng công nghệ số phục vụ quản trị minh bạch và phòng ngừa tham nhũng nội bộ. Việc báo cáo tài chính định kỳ, công khai thông tin lợi ích liên quan, và thực hiện kiểm toán nội bộ nên được thực hiện qua nền tảng số có tính xác thực và truy vết rõ ràng. Ngoài ra, chúng ta nên khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng định danh điện tử cho pháp nhân và triển khai hệ thống quản lý tuân thủ (compliance management system), qua đó kết nối với cơ quan quản lý nhà nước để phục vụ giám sát rủi ro từ xa.

**Thứ sáu, chúng ta nên nghiên cứu và xây dựng các cơ chế kiểm tra, giám sát độc lập và minh bạch hóa kết quả đánh giá hiệu quả chuyển đổi số trong phòng, chống tham nhũng.** Việc công bố định kỳ các báo cáo đánh giá mức độ áp dụng công nghệ số trong phòng, chống tham nhũng tại từng bộ, ngành, địa phương là cần thiết để tạo động lực cải cách và tăng cường trách nhiệm giải trình. Các tiêu chí đánh giá cần rõ ràng, dựa trên số liệu thực tế và mức độ tích hợp dữ liệu liên thông. Có thể tham khảo mô hình của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International) về các chỉ số liên chính số (digital integrity index) để xây dựng hệ thống đánh giá phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

#### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
3. Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14.
4. Nghị quyết 168/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.
5. Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030.

6. Lê Trọng Vĩnh (2021, Xu thế chuyển đổi số toàn cầu, Truy cập tại: <https://kinhthedoithi.vn/xu-huong-xu-the-chuyen-doi-so-toan-cau.html>, Ngày truy cập 15/8/2025.

7. Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương ban hành kèm theo Quyết định số 3421/QĐ-HCQG ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia, [https://chuyendoiso.cantho.gov.vn/baiviet/chuyen\\_de\\_12\\_quan\\_ly\\_chuyen\\_doi\\_so\\_quoc\\_gia](https://chuyendoiso.cantho.gov.vn/baiviet/chuyen_de_12_quan_ly_chuyen_doi_so_quoc_gia), Ngày truy cập 01/8/2025.

8. “Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở một số nước trên thế giới”, Viện Thông tin khoa học, Học viện Chính trị Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, số 1/2006, tr3;

9. ADB, Khuôn khổ chiến lược và chính sách, Chống tham nhũng và sự liêm chính, 05/2010, tr.32.

10. UNDP (2023), *Chỉ số PAPI Việt Nam năm 2023 – Báo cáo đầy đủ*, Truy cập tại: <https://www.undp.org/vietnam/publications/bao-cao-papi-2023>, ngày 12/7/2025.

11. UNDP (2024), *E-governance performance in 2023 and the need to close the digital divide*, Truy cập tại: <https://www.undp.org/vietnam/blog/e-governance-performance-2023-and-need-close-digital-divide>, ngày 12/7/2025.

12. Vnmedia (2024), *Đã có hơn 52 triệu tài khoản định danh điện tử kích hoạt*, Truy cập tại: [13. Phí Văn Thanh, Nguyễn Thành Lợi \(2024\), \*VNeID - Cách mạng về thủ tục hành chính: Mang lại lợi ích thiết thực cho người dân\*, Truy cập tại: <https://baoquocte.vn/vneid-cach-mang-ve-thu-tuc-hanh-chinh-mang-lai-loi-ich-thiet-thuc-cho-nguoi-dan-273022.html>, ngày 12/7/2025.](https://cafef.vn/da-co-hon-52-trieu-tai-khoan-dinh-danh-dien-tu-kich-hoat-18824022309380313.chn#:~:text=T%C3%ADnh%20%C4%91%E1%BA%BFn%20trung%20tu%E1%BA%A7n%20th%C3%A1ng,n%C3%A0o%20thi%20c%C3%B4ng%20m%E1%BA%B7t%20%C4%91%C6%B0%E1%BB%9Dng?&text=T%E1%BB%AB%20Kh%C3%B3a; ngày 12/7/2025.</a></p></div><div data-bbox=)

14. Vietnam News (2023), *PM affirms digital transformation progress in 2023*, Truy cập tại: <https://vietnamnews.vn/politics-laws/1638649/pm-affirms-digital-transformation-progress-in-2023.html>, ngày 12/7/2025.

15. Lê Ngọc Hưng (2024), *Vai trò của công dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng*, Truy cập tại: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/07/25/vai-tro-cua-cong-dan-trong-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung/#:~:text=M%E1%BA%B7c%20d%C3%B9%20vi%E1%BB%87c%20quy%20C4%91%E1%BB%8Bnh,k%C3%AA%20khai%20kh%C3%B4ng%20minh%20b%E1%BA%A1ch,> ngày 12/7/2025.

16. Văn phòng Chính phủ (2025), *Báo cáo số 4980/BC-VPCP về kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia*, Truy cập tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Bao-cao-4980-BC-VPCP-2025-cung-cap-dich-vu-cong-truc-tuyen-toan-trinh-Cong-Dich-vu-cong-quoc-gia-660332.aspx>, ngày 12/7/2025.

17. Thanh tra Chính phủ (2023), *Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2023*, Truy cập tại: <file:///C:/Users/Pro%20X/Downloads/2-2023-cq-1703.PDF>, ngày 12/7/2025.

18. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Báo cáo tổng hợp kết quả chuyển đổi số quốc gia năm 2023*, Truy cập tại: <https://chuyendoiso.thaibinh.gov.vn/AppFile/data/53AE7E537DE3E8B47E13D1D99E680FDD.pdf>, ngày 12/7/2025.

19. Trần Mai Hương (2024), *Sắp xếp, tinh gọn bộ máy Chính phủ: Việc rất khó nhưng khó mấy cũng phải làm*, Truy cập tại: <https://nhandan.vn/sap-xep-tinh-gon-bo-may-chinh-phu-viec-rat-kho-nhung-kho-may-cung-phai-lam-post849934.html#:~:text=%20C%E1%BB%AD%20tri%20k%E1%BB%B3%20v%E1%BB%8Dng%20s%E1%BA%AFp%20x%E1%BA%BFp%2C,t%E1%BB%95%20ch%E1%BB%A9c%20b%E1%BB%99%20m%C3%A1y%20c%E1%BB%A7a%20Ch%C3%A4nh%20ph%E1%BB%A7>, ngày 12/7/2025.



20. Rob van der Meulen (2016), Five stages define a CIOs journey from e-government to digital government, Truy cập tại: <https://www.gartner.com/smarterwithgartner/when-less-becomes-more-the-journey-to-digital-government>, Ngày truy cập 15/8/2025.

21. Transperancy International. 1996. The TI Sourcebook, edited by Jeremy Pope. Berlin: TI, tr.1.

## PHÒNG, CHỐNG “THAM NHƯNG TINH THẦN” Ở VIỆT NAM

*ThS. Lâm Quang Thơ & ThS. Nguyễn Viết Bình*<sup>123</sup>

**Tóm tắt:** *Tham nhũng tinh thần là sự tha hóa về tư tưởng, đạo đức, lối sống và quyền lực, biểu hiện qua các hành vi như vụ lợi chính trị, chạy chức, xu nịnh, làm méo mó giá trị đạo đức công vụ. Ở Việt Nam, hiện tượng này bắt nguồn từ sự suy thoái đạo đức cách mạng, giáo dục tư tưởng chưa sâu sắc và cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hiệu quả. Tham nhũng tinh thần gây hậu quả nghiêm trọng: làm xói mòn niềm tin, tha hóa đội ngũ cán bộ, lệch chuẩn mục tiêu phụng sự nhân dân. Do đó, cần tăng cường giáo dục chính trị, phát huy văn hóa liêm chính, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, loại bỏ “chạy chọt”, “cánh hẩu” và thực hiện nghiêm công tác cán bộ. Đấu tranh với tham nhũng tinh thần là quá trình lâu dài, gắn với xây dựng Đảng trong sạch, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bài viết trên cơ sở luận giải bản chất, nguyên nhân và thực trạng sẽ đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục tham nhũng tinh thần ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.*

**Từ khóa:** *Tham nhũng; tham nhũng tinh thần.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách và lâu dài. Tuy nhiên, bên cạnh tham nhũng vật chất – vốn đã được nhận diện và xử lý mạnh mẽ – thì một hình thái tinh vi hơn, khó phát hiện hơn nhưng để lại hậu quả sâu sắc hơn chính là tham nhũng tinh thần. Đây là loại “tham nhũng vô hình”, diễn ra trong tư duy, nhận thức, lối sống và quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, thể hiện qua sự suy thoái về đạo đức, xu nịnh, cơ hội chính trị, chạy chức, chạy quyền, và bóp méo các giá trị phục vụ nhân dân.

Tham nhũng tinh thần không chỉ phá hoại nền tảng đạo đức công vụ mà còn làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào bộ máy chính trị. Do đó, việc nhận diện đúng bản chất, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phòng, chống hiệu quả tham nhũng tinh thần ở Việt Nam là vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết hiện nay.

### 2. Nhận diện bản chất tham nhũng tinh thần

#### 2.1. Khi sự tha hóa không chỉ là vật chất

Trong trường quyền lực – đạo đức của đời sống chính trị, tham nhũng không chỉ biểu hiện dưới dạng chiếm đoạt tài sản công hay trục lợi vật chất, mà còn hiện hữu như

---

<sup>123</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

một hiện tượng tha hóa vô hình: tham nhũng tinh thần – sự rạn nứt trong lý tưởng, suy đồi trong niềm tin, lệch chuẩn trong trách nhiệm công vụ và sự hoang phế trong tư duy phản biện. Đây là dạng tha hóa nguy hiểm hơn, bởi nó không chỉ phá hủy niềm tin xã hội mà còn làm biến dạng cấu trúc đạo đức và mục tiêu chính trị.

Ở Việt Nam, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không thể tách rời tiến trình phục hồi và phát triển một nền đạo đức công – nơi cán bộ là “công bộc của dân”, và quyền lực được chế ước bằng lý tưởng phục vụ thay vì những hình thức hình nhi hóa quyền lực. Nếu cải cách thể chế chỉ nhắm đến luật hóa các hành vi tham nhũng vật chất, mà bỏ qua sự tha hóa trong cấu trúc tư tưởng và lối sống chính trị, thì cải cách ấy rốt cuộc chỉ là vệ sinh bề mặt một hệ thống đã mục ruỗng từ bên trong.

Tham nhũng tinh thần biểu hiện ở việc sử dụng ý thức hệ như lớp vỏ đạo đức để bảo vệ đặc quyền, ở việc đánh tráo “trung thành với lý tưởng” bằng “trung thành với vị trí quyền lực”, và ở việc né tránh trách nhiệm chính trị bằng ngôn ngữ chính danh. Đây là hình thái tha hóa mà triết gia chính trị Vaclav Havel gọi là “*sống trong dối trá*”, tức là khi con người chấp nhận những biểu tượng rỗng như một phần của đời sống thường nhật, và tự đánh mất năng lực phản tư đạo đức – năng lực nền tảng của đời sống chính trị đích thực”<sup>124</sup>.

Tương tự, Hannah Arendt từng cảnh báo rằng “*cái ác tầm thường*” không sinh ra từ chủ ý độc ác, mà từ sự mất khả năng suy nghĩ – khi con người hành động theo lệnh, theo thể thức, nhưng không còn khả năng đối diện với sự thật và lương tri”<sup>125</sup>. Tham nhũng tinh thần, dưới ánh sáng đó, là kết quả của sự hư vô hóa lý tưởng, khi lý tưởng bị rút ruột khỏi nội dung nhân văn, chỉ còn lại hình thức tượng trưng để duy trì quyền lực.

Trong thực tiễn Việt Nam hiện nay, nếu không chủ động nhận diện và phòng ngừa tham nhũng tinh thần – từ trong giáo dục tư tưởng, công tác cán bộ, các thiết chế phản biện và đời sống trí thức – thì nguy cơ lớn nhất không chỉ là mất lòng tin của nhân dân, mà là sự rỗng hóa chính nghĩa cách mạng. Khi khẩu hiệu “vì nhân dân” bị lặp lại như một thói quen nghi thức, trong khi thực tế đi ngược với tinh thần phụng sự, thì tha hóa tinh thần đã trở thành một cấu trúc thường trực chứ không còn là hiện tượng cá biệt.

## **2.2. Bản chất của tham nhũng tinh thần**

Nếu tham nhũng tài chính là hành vi chiếm đoạt của cải vật chất hữu hình, thì tham nhũng tinh thần chính là sự chiếm đoạt những giá trị biểu tượng và thiêng liêng của đời

---

<sup>124</sup> Havel, V. (1978). *The Power of the Powerless*. Mladá fronta.

<sup>125</sup> Arendt, H. (1963). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Viking Press.

sống chính trị – đạo đức để phục vụ cho các mục tiêu vị kỷ và quyền lợi nhóm. Nó không để lại dấu vết trên sổ sách kế toán hay trong những gói quà phi pháp, mà tồn tại như một quá trình xâm chiếm không gian biểu tượng, làm méo mó các chuẩn mực, lật ngược ý nghĩa của các giá trị cốt lõi thông qua ngôn từ, diễn ngôn và nghi lễ quyền lực.

Tham nhũng tinh thần biểu hiện ở việc chiếm dụng các giá trị lớn như lòng yêu nước, chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh hay đạo đức công vụ, biến chúng thành vỏ bọc chính danh để bao che cho sự bất tài, duy trì lợi ích cục bộ hoặc trì hoãn cải cách. Khi cán bộ sử dụng “ngôn ngữ đạo đức” như một hình thức trình diễn – phát biểu hoa mỹ nhưng vô cảm với thực tế, hành xử nghi thức nhưng thờ ơ với dân – thì đó không còn là đạo đức, mà là một dạng đạo đức giả có tổ chức. Như Zygmunt Bauman từng phân tích, trong xã hội hiện đại, cái ác không nhất thiết phải thô bạo, mà có thể “*mặc áo công chức*” – *được hợp thức hóa qua thủ tục, văn bản, lễ nghi và cơ chế vận hành hành chính*<sup>126</sup>.

Không dừng lại ở tầng lớp quyền lực, tham nhũng tinh thần còn lan rộng trong giới trí thức, nhà giáo, nhà báo, và những người làm công tác tư tưởng – văn hóa, khi họ từ bỏ vai trò phản biện xã hội, chấp nhận “sống trong dối trá”<sup>127</sup>, hoặc tệ hơn, dùng tri thức để biện minh cho hiện thực sai lệch, làm đẹp cho cái trì trệ bằng ngôn từ hoa mỹ. Đó là khi tri thức đánh mất lương tri, và người trí thức không còn là người dám nói sự thật, mà trở thành “người làm thuê cho ngôn từ”, phục vụ cho hệ thống hơn là phục vụ cho công lý.

Bản chất sâu xa của tham nhũng tinh thần là sự tha hóa quyền lực ở tầng biểu tượng và nhận thức. Ở đó, quyền lực không chỉ sai khiến hành vi mà còn định hình khả năng suy nghĩ, làm lu mờ ranh giới giữa đúng – sai, thật – giả trong tâm thức cá nhân. Montesquieu từ thế kỷ XVIII đã cảnh báo: “Bất kỳ người nào nắm quyền lực đều có xu hướng lạm dụng nó”<sup>128</sup>. Hannah Arendt đi xa hơn khi mô tả “*cái ác tầm thường*” (*banality of evil*) như hậu quả của sự tê liệt của tư duy đạo đức, nơi con người hành động mà không còn khả năng tự hỏi về tính chính đáng của hành động ấy<sup>129</sup>.

Vì thế, tham nhũng tinh thần không chỉ là sự suy thoái cá nhân, mà là triệu chứng của một cấu trúc xã hội đang đánh mất khả năng phản tỉnh, một nền hành chính bị lệ thuộc vào hình thức, và một hệ thống chính trị đang rỗng hóa các giá trị khai sáng. Nó làm cho cái giả trở thành thường nhật, cái sai được hợp lý hóa, và cái ác – tuy không bạo

<sup>126</sup> Bauman, Z. (1989). *Modernity and the Holocaust*. Cornell University Press.

<sup>127</sup> Havel, V. (1978). *The Power of the Powerless*. Mladá fronta.

<sup>128</sup> Montesquieu (1748). *De l'esprit des lois* [Tinh thần pháp luật].

<sup>129</sup> Arendt, H. (1963). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Viking Press.

lực – lại lan rộng như một thói quen đạo đức học tập được. Nếu không được nhận diện và khắc phục bằng cả lý luận và hành động, xã hội sẽ rơi vào trạng thái “bình thường hóa sự giả dối”, nơi mà cải cách chỉ còn là khẩu hiệu, và lý tưởng chỉ còn là vỏ rỗng của quyền lực.

### **3. Một số biểu hiện tham nhũng tinh thần ở Việt Nam**

Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam đã thể hiện một quyết tâm chính trị rõ rệt trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng tài chính, với nhiều kết quả có thể định lượng: hàng loạt vụ án lớn được đưa ra ánh sáng, nhiều cán bộ cấp cao bị xử lý, và các nỗ lực cải cách thể chế từng bước được triển khai. Tuy nhiên, phía sau những “con số” và “án điểm” được công bố rộng rãi ấy, vẫn tồn tại một trận tuyến âm thầm hơn – trận tuyến của cuộc chiến chống tham nhũng tinh thần: cuộc chiến với sự giả dối có tổ chức, với sự tha hóa của đạo đức công vụ, và với sự mục ruỗng về đời sống tư tưởng ngay trong chính hàng ngũ những người mang sứ mệnh phụng sự công.

Nếu tham nhũng vật chất là biểu hiện dễ thấy, có thể định lượng, xử lý bằng các công cụ pháp luật; thì tham nhũng tinh thần lại như một dạng “hoại sinh” lan tỏa trong vô hình, phá vỡ cấu trúc đạo đức chính trị từ bên trong. Nó tồn tại như một *vết nứt đạo lý trong nền tảng công quyền*, nhưng thường bị xem nhẹ vì không để lại chứng cứ kinh tế trực tiếp. Một số biểu hiện dễ nhận diện, tuy chưa dễ gọi tên trong hệ quy chiếu pháp lý hiện hành, bao gồm:

*Thứ nhất*, là giả dối có hệ thống trong báo cáo và thi đua hành chính, nơi các con số được “điều chỉnh” để phục vụ các “mệnh lệnh chính trị về thành tích”. Hiện tượng này tạo ra những “ảo ảnh tư tưởng” – khiến cấp lãnh đạo bị dẫn dắt bởi dữ liệu sai lệch, ra quyết sách xa rời thực tiễn, rơi vào chủ nghĩa duy ý chí quản trị. Trong ngôn ngữ của Jürgen Habermas, đây là lúc “hành động chiến lược” lấn át “hành động giao tiếp chân thực”, làm mất khả năng đối thoại giữa nhà nước và đời sống xã hội<sup>130</sup>.

*Thứ hai*, là lạm dụng ý thức hệ như công cụ trấn áp phản biện. Khi lý tưởng – lẽ ra phải là nguồn cảm hứng khai phóng – bị biến thành hàng rào loại trừ đối thoại và dập tắt tư duy độc lập, thì ý thức hệ không còn là “tinh thần của dân tộc trong vận động lịch sử” (Hồ Chí Minh), mà bị tha hóa thành tấm khiên chính danh bảo vệ cho các bất cập, trì trệ, và đặc quyền nhóm. Đó là lúc tư tưởng bị đóng khung thành khẩu hiệu, không còn khả năng tự đổi mới và đối thoại với thực tại.

---

<sup>130</sup> Habermas, J. (1984). *The Theory of Communicative Action*, Vol. 1. Beacon Press.

*Thứ ba*, là sự suy thoái đạo đức công vụ gắn với lối sống hai mặt, nơi một bộ phận cán bộ vẫn nghiêm trang phát biểu, trích dẫn tư tưởng, vẫn “học tập và làm theo” bằng hình thức, nhưng trong thực tế hành xử thì xa rời dân chúng, thỏa hiệp với lợi ích nhóm, và ưu tiên an toàn quyền lực hơn là phụng sự lợi ích công. Đây là hiện tượng “đạo đức hình thức hóa”, nơi ngôn ngữ đạo đức không còn phản ánh thực hành đạo đức, mà trở thành một nghi lễ quyền lực rỗng.

*Thứ tư*, là sự im lặng có tính toán trong giới trí thức và học thuật – nơi lẽ ra phải là không gian của tự do tư tưởng và phản biện xã hội. Khi các giảng đường, diễn đàn, hội thảo bị đồng hóa thành nơi lặp lại “đúng định hướng”, trung thực học thuật bị thay thế bởi tính phục tùng, thì tinh thần đại học – vốn là nơi sinh thành chân lý – bị biến thành cỗ máy tái sản xuất khuôn mẫu tư tưởng. Trong bối cảnh ấy, giới trí thức không còn là lương tâm của thời đại, mà chỉ là kỹ thuật viên của diễn ngôn chính thống.

Hệ quả lớn nhất của tham nhũng tinh thần không nằm ở sự hao tổn tài sản quốc gia, mà là ở sự xói mòn niềm tin công – nền móng chính đáng của một trật tự chính trị bền vững. Khi sự giả dối được hợp thức hóa, khi hình thức lên ngôi thay cho thực chất, khi đạo đức trở thành một ngôn ngữ trống rỗng trong các nghị quyết, thì người dân dần mất đi khả năng tin tưởng vào năng lực tự cải cách của hệ thống. Tình trạng *vô cảm chính trị* dần lan rộng – biểu hiện qua sự rút lui khỏi đời sống công, qua thái độ hoài nghi trước các thông điệp chính sách, và sự thờ ơ trước những biến động của quốc gia. Đây không chỉ là một vấn đề văn hóa hành vi, mà là một biểu hiện sâu sắc của khủng hoảng chính trị về tính chính danh.

Ở tầng sâu hơn, tham nhũng tinh thần còn phá vỡ những động lực nội sinh của cải cách. Những người tử tế, trung thực và dũng cảm – thay vì được nâng đỡ – lại dễ bị đặt ra ngoài cuộc chơi quyền lực hoặc tự chọn lối im lặng như một cơ chế sinh tồn. Trong hoàn cảnh ấy, đạo đức không còn là sức mạnh làm nên phẩm giá công quyền, mà trở thành *rào cản thẳng tiến* trong một môi trường mà sự khéo léo giả tạo được tưởng thưởng bằng an toàn thể chế.

Tham nhũng tinh thần, vì thế, không chỉ là “kẻ đồng lõa” với tham nhũng vật chất, mà còn là “cội nguồn sâu kín” làm cho mọi nỗ lực cải cách trở nên hình thức. Cuộc chiến chống nó không thể chỉ là một chiến lược quản trị, mà đòi hỏi một chấn hưng đạo lý chính trị, một cuộc phục hưng văn hóa công, nơi mà sự thật, lương tri và năng lực phản biện phải được khôi phục như nền tảng của mọi cải cách.

#### **4. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến tham nhũng tinh thần**

Tham những tinh thần, xét về bản chất, không chỉ là kết quả của sự suy đồi đạo đức cá nhân, mà là hệ quả của một cấu trúc xã hội – chính trị – văn hóa mang tính chất hệ thống, trong đó các giá trị chân thực bị che khuất bởi hình thức, phản biện bị thay thế bởi tuân phục, còn quyền lực vận hành mà không gặp đối trọng cần thiết từ phía xã hội dân sự hay cơ chế pháp quyền.

Trước hết, sự độc quyền tư tưởng khi không đi kèm các cơ chế tự hiệu chỉnh và phản biện thực chất, sẽ làm nghèo đi đời sống tinh thần của cộng đồng và dần làm tê liệt năng lực phán đoán phê phán – vốn là nền tảng của một lý tính khai phóng. Trong bối cảnh đó, hệ tư tưởng – thay vì là không gian mở để kiến tạo ý nghĩa và định hướng hành động – lại bị định chế hóa thành thực thể khép kín, nơi mà mọi khác biệt bị quy kết là sai trái, còn đối thoại bị thay thế bởi sự tuân phục câm lặng. Điều này dẫn tới quá trình mà Jürgen Habermas gọi là “thuộc địa hóa thế giới sống” – khi diễn ngôn bị điều kiện hóa bởi chiến lược quyền lực và kỹ thuật hành chính, thay vì xuất phát từ đồng thuận lý tính<sup>131</sup>.

Hệ quả, là những giá trị ban đầu dù đúng đắn và mang ý nghĩa giải phóng con người, vẫn có nguy cơ bị “cơ giới hóa” trong tính chính thống, trở thành vỏ bọc để bảo vệ đặc quyền, hợp thức hóa sự bất cập thể chế, và tái sản xuất một trật tự xã hội dựa trên sự loại trừ dị biệt. Như Habermas cảnh báo, “khi diễn ngôn bị cắt rời khỏi tính khai phóng và rơi vào tay quyền lực định chế, thì ngay cả chân lý cũng có thể bị thao túng bởi các chiến lược hợp thức hóa dối trá”<sup>132</sup>.

Đặt trong bối cảnh Việt Nam, nếu không cởi mở hệ tư tưởng theo hướng khai phóng, xây dựng cơ chế phản biện độc lập và phát triển một nền đạo đức công mang tính tự do nội tại, thì tham nhũng tinh thần sẽ không chỉ là một biểu hiện ngẫu nhiên, mà sẽ trở thành hệ quả tất yếu của một thiết chế thiếu khả năng tự điều chỉnh.

*Thứ hai*, một nền văn hóa hành chính duy hình thức – nơi các hình thức báo cáo, nghi lễ, khẩu hiệu được nâng tầm hơn cả hiệu quả thực chất – không chỉ làm trì trệ bộ máy, mà còn bào mòn đạo đức công vụ từ bên trong. Trong môi trường đó, sự phục tùng bề mặt được xem như đức tính, còn bản lĩnh hành động có trách nhiệm lại bị xem là mạo hiểm. Trung thực trở thành một hành vi mang tính rủi ro đạo đức, trong khi giả dối – nếu được ‘đúng quy trình’ và ‘đúng hình thức’ – lại được tưởng thưởng bằng sự an toàn thể chế và lối đi quan lộ. Đây là quá trình “tự nhiên hóa sự giả tạo” – một kiểu tha hóa của

---

<sup>131</sup> Habermas, J. (1987). *The Theory of Communicative Action*, Vol. 2: Lifeworld and System: A Critique of Functionalist Reason. Trans. Thomas McCarthy. Beacon Press.

<sup>132</sup> Habermas, J. (1987). *The Theory of Communicative Action*, Vol. 2: Lifeworld and System: A Critique of Functionalist Reason. Trans. Thomas McCarthy. Beacon Press.

tinh thần, trong đó hình thức không còn là phương tiện biểu đạt của nội dung, mà trở thành vỏ bọc thay thế nội dung, khiến lương tri bị làm câm bởi nghi thức, còn chân lý bị bóp méo bởi yêu cầu ‘phù hợp khuôn mẫu’. Như Václav Havel từng mô tả về chủ nghĩa hình thức toàn trị, đó là thế giới nơi con người sống 'trong dối trá', không vì họ không biết sự thật, mà vì hệ thống buộc họ phải hành xử như thể cái giả là điều đúng đắn.

*Thứ ba*, sự thiếu vắng một cơ chế tuyển chọn và sử dụng cán bộ thực sự *minh bạch, mở và dựa trên phẩm chất khai phóng* là một nguyên nhân căn bản làm xói mòn năng lực tự đổi mới của bộ máy. Khi chuẩn mực đánh giá cán bộ bị quy định bởi tiêu chí “phù hợp hệ thống” hơn là “năng lực phản biện hệ thống”, thì những cá nhân có tư duy độc lập, đạo đức chính trực và tinh thần cải cách sẽ bị xem là yếu tố rủi ro thay vì nguồn lực đổi thay. Trong môi trường như vậy, quyền lực không vận hành như một cơ chế lựa chọn tinh hoa, mà như một bộ lọc loại trừ những gì khác biệt. Cái “ổn định hình thức” được bảo toàn bằng cách vô hiệu hóa mọi mầm mống dissent khí đạo đức và trung thực trí tuệ – hai yếu tố vốn là hàng rào nội sinh để ngăn quyền lực tha hóa từ bên trong. Cơ chế lựa chọn cán bộ không còn là một tiến trình chính trị có tính khai minh, mà trở thành *nghi thức bảo tồn tính nguyên trạng của quyền lực*.

*Thứ tư*, sự trì trệ của nền giáo dục trong việc hình thành tư duy phản biện, năng lực phán đoán đạo đức và tinh thần công dân khai phóng đã góp phần sâu sắc vào việc “tự nhiên hóa” những hành vi phục tùng mù quáng. Một nền giáo dục chủ yếu hướng vào học thuộc lòng, chuẩn hóa đáp án và rèn luyện sự “không sai” hơn là khả năng tranh biện với cái sai, sẽ không tạo ra con người có đủ phẩm chất để đối diện với sự dối trá. Người học trở thành sản phẩm của một cơ chế tri thức khép kín, nơi “vâng lời là tốt” được nâng lên thành hệ giá trị đạo đức – chính trị chủ đạo. Trong bối cảnh đó, nền giáo dục đánh mất vai trò như một *không gian hình thành bản lĩnh tự trị*, thay vào đó, nó phục vụ như một công cụ tái sản xuất sự tuân phục có trật tự. Điều này dẫn tới một thế hệ công dân mà nơi đó, lòng can đảm nói sự thật – một nhân tố tối cần để phòng ngừa sự tha hóa quyền lực – gần như không còn đất sống.

## **5. Giải pháp phòng, chống tham nhũng tinh thần**

Tham nhũng tinh thần là căn bệnh không thể chữa lành bằng các biện pháp hành chính, kỹ thuật hay hình sự đơn thuần, bởi nó không chỉ tồn tại trong hành vi, mà còn ẩn sâu trong tư duy quyền lực, cấu trúc tổ chức và văn hóa chính trị – xã hội. Do đó, điều trị tham nhũng tinh thần là một cuộc cải cách mang tính triết học – chính trị, đòi hỏi sự chuyển hóa từ căn nguyên tư tưởng đến thiết kế thể chế.



*Thứ nhất, thay đổi căn bản tư duy về quyền lực – từ quyền lực thống trị sang quyền lực trách nhiệm*

Trong mô hình truyền thống, quyền lực thường được hiểu như công cụ kiểm soát, áp đặt, và buộc phục tùng. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, quyền lực phải được tái định nghĩa như khả năng phục vụ, giải trình và chịu trách nhiệm. Michel Foucault từng nhấn mạnh: “Quyền lực không nằm ở chỗ nó được sử dụng, mà ở chỗ nó được duy trì và tái lập thông qua diễn ngôn và thực hành”. Nghĩa là, chỉ khi quyền lực được phơi bày, bị chất vấn liên tục và buộc phải minh định đạo đức, thì nó mới không bị tha hóa. Điều đó đòi hỏi phải hạ thấp tính thiêng liêng của quyền lực để nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

*Thứ hai, xây dựng cơ chế phản biện xã hội mạnh mẽ, nuôi dưỡng không gian của sự thật*

Phản biện xã hội không phải là biểu hiện của chống đối, mà là dòng chảy sinh lực của tiến bộ. Báo chí, học thuật, giáo dục cần được bảo vệ như những thiết chế canh gác đạo đức xã hội, nơi tiếng nói độc lập và trung thực được khuyến khích thay vì bị đe dọa. Một thể chế dân chủ không phải là nơi mọi người nghĩ giống nhau, mà là nơi sự khác biệt được coi trọng như biểu hiện của tự do và khả năng học hỏi tập thể.

*Thứ ba, phát triển năng lực tư duy chính trị – triết học cho cán bộ, đảng viên và đội ngũ công quyền*

Giữ vững lập trường tư tưởng không có nghĩa là loại trừ phản biện, mà là phân biệt được giữa kiên định và giáo điều, giữa bảo vệ nguyên tắc và bảo thủ trì trệ. Điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ am hiểu đường lối, mà còn có khả năng tư duy độc lập, nhận diện được các mâu thuẫn nội tại, và biết lắng nghe phản hồi từ thực tiễn. Năng lực triết học – chính trị giúp họ không rơi vào trạng thái “bất khả tư duy”, như cách Hannah Arendt mô tả về sự vô cảm đạo đức trong hệ thống hành chính bị tha hóa.

*Thứ tư, cải cách giáo dục theo hướng khai phóng, trọng lý trí đạo đức và tinh thần phản biện*

Giáo dục không chỉ tạo ra người có tri thức, mà phải tạo ra người có khả năng đứng về phía sự thật ngay cả khi điều đó gây bất lợi cho bản thân. Một nền giáo dục nặng về điểm số, thiếu tự do học thuật, sẽ không thể hình thành nên công dân dũng cảm, càng không thể sản sinh ra lớp trí thức dẫn dắt cải cách. Đổi mới giáo dục cần tập trung vào năng lực tư duy độc lập, bản lĩnh đạo đức và tinh thần phụng sự công ích, thay vì chỉ đào tạo những cá nhân "an toàn trong hệ thống".

*Thứ năm, tăng cường giám sát quyền lực một cách thực chất, dựa trên ba trụ cột: Đảng – Nhân dân – Xã hội*

Chống tham nhũng tinh thần không thể là cuộc chiến một chiều từ trên xuống. Nó cần đến sự đồng hành của các thiết chế kiểm soát lẫn nhau, nơi mà Đảng giữ vai trò lãnh đạo bằng nêu gương và kỷ luật đảng, Nhà nước tạo điều kiện thể chế minh bạch, còn Nhân dân và các tổ chức xã hội là mắt xích không thể thiếu trong việc phát hiện, ngăn chặn, và bảo vệ sự thật. Giám sát không thể chỉ là hình thức kiểm điểm, mà phải là cơ chế đối thoại chính trị liên tục giữa các cấp độ quyền lực và người dân.

## **6. Kết luận**

Chống tham nhũng tinh thần là chống lại sự giả dối, cơ hội, và đạo đức giả – những thứ làm xói mòn khả năng sáng tạo và đổi mới của một xã hội. Nó không chỉ là một nhiệm vụ chính trị, mà còn là một cuộc cách mạng tinh thần, cần sự tỉnh thức của mỗi công dân, sự dũng cảm của giới trí thức và sự quyết liệt của những nhà lãnh đạo.

Phòng, chống tham nhũng tinh thần không chỉ để trong sạch Đảng và bộ máy Nhà nước, mà còn để cứu lấy niềm tin của xã hội, khơi dậy nội lực đổi mới của dân tộc và bảo vệ chân lý khỏi sự tha hóa ngay trong chính tên gọi của nó.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Arendt, H. (1963). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Viking Press.
2. Bauman, Z. (1989). *Modernity and the Holocaust*. Cornell University Press.
3. Gramsci, A. (1971). *Selections from the Prison Notebooks*. International Publishers.
4. Habermas, J. (1973). *Legitimation Crisis*. Beacon Press.
5. Habermas, J. (1984). *The Theory of Communicative Action* (Vol. 1). Beacon Press.
6. Habermas, J. (1987). *The Theory of Communicative Action* (Vol. 2): *Lifeworld and System: A Critique of Functionalist Reason* (T. McCarthy, Trans.). Beacon Press.
7. Havel, V. (1978). *The Power of the Powerless*. Mladá fronta.
8. Hồ Chí Minh. (2000). *Toàn tập* (Tập 11). Nxb. Chính trị Quốc gia.
9. Montesquieu. (1748). *De l'esprit des lois* [Tinh thần pháp luật].
10. Nguyễn Trọng Phúc (Ch.b.). (2022). *Một số vấn đề về đạo đức công vụ trong điều kiện hiện nay*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

## GIÁO DỤC LIÊM CHÍNH CHO THANH NIÊN – CHIẾN LƯỢC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TỪ GỐC

Võ Phước Lộc<sup>133</sup>

**Tóm tắt:** Tham nhũng không đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật, mà sâu xa hơn, nó là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và suy đồi đạo đức công vụ – một dạng “giặc nội xâm” âm thầm nhưng nguy hiểm, làm xói mòn lòng tin của nhân dân, triệt tiêu động lực phát triển và đe dọa trực tiếp đến sự bền vững của thể chế. Nhận thức rõ tính chất nguy hại đó, Đảng và Nhà nước ta đã xác định phương châm “kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống”, trong đó “xây” giữ vai trò then chốt, bao gồm việc giáo dục đạo đức công vụ, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng và đặc biệt là giáo dục liêm chính cho thế hệ trẻ. Bài viết nhấn mạnh vai trò thiết yếu của giáo dục liêm chính cho thanh niên – lực lượng kế thừa và kiến tạo tương lai đất nước – như một chiến lược dài hạn, toàn diện và căn cơ nhằm phòng ngừa, triệt tiêu mầm mống của tham nhũng từ gốc rễ.

**Từ khóa:** Giáo dục thanh niên; Liêm chính; Phòng, chống tham nhũng.

### 1. Đặt vấn đề

Tham nhũng là hiện tượng không chỉ vi phạm pháp luật mà còn phản ánh sự khủng hoảng của các giá trị đạo đức – chính trị trong đời sống xã hội. Khi lòng tham được nguy trang bằng quyền lực, khi công vụ bị đồng hóa với tư lợi, thì bản chất của nhà nước – vốn được hình dung như công cụ phục vụ lợi ích công – bị bóp méo, tha hóa. Trong dòng chảy ấy, tham nhũng không đơn thuần là những hành vi cá nhân lệch chuẩn, mà là biểu hiện của sự suy thoái văn hóa quyền lực và sự tan rã của niềm tin vào các thiết chế chính trị – pháp lý. Điều ấy không chỉ là một cảnh báo về cơ chế kiểm soát quyền lực, mà còn gợi mở một câu hỏi căn bản: *Làm thế nào để từ bên trong, con người – đặc biệt là những người giữ vai trò công quyền – có thể tự điều chỉnh và kháng cự trước cám dỗ của quyền lực?* Câu trả lời không nằm chỉ ở luật pháp, mà còn ở nền tảng đạo đức và văn hóa chính trị, nơi giáo dục liêm chính trở thành nhân tố gốc rễ.

Trong bối cảnh đó, thanh niên – những người đang trong quá trình hình thành nhân cách chính trị, đạo đức nghề nghiệp và lý tưởng sống – chính là đối tượng chiến lược của quá trình phòng, chống tham nhũng một cách bền vững. Không thể kỳ vọng một xã hội liêm chính nếu thế hệ trẻ lớn lên trong sự thờ ơ với đạo đức công vụ và coi việc “*linh hoạt tiêu cực*” là lối thoát trong hệ thống. Vì vậy, giáo dục liêm chính không chỉ là truyền

---

<sup>133</sup> Trường Đại học An ninh nhân dân

dạy một phẩm chất cá nhân, mà là gieo cấy một nền triết lý đạo đức chính trị trong lòng thế hệ tương lai – nơi trí tuệ, bản lĩnh, và niềm tin vào công lý được hình thành như một sức đề kháng nội tại chống lại tha hóa quyền lực.

Việc đặt giáo dục liêm chính cho thanh niên vào trung tâm chiến lược phòng, chống tham nhũng không phải là một giải pháp ngắn hạn, mà là sự đầu tư cho tương lai đạo đức của quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề của ngành giáo dục, mà là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị – xã hội trong kiến tạo một thể hệ công dân có khả năng tự chủ về đạo đức, kiên định với chân lý và không khoan nhượng với bất công. Giáo dục liêm chính, nếu được triển khai đúng hướng, sẽ góp phần kiến tạo con người công dân hiện đại – người không chỉ biết tuân thủ luật pháp, mà còn dám lên tiếng trước sai trái, dám từ chối sự thỏa hiệp đạo đức, và dám hành động vì lợi ích công. Đây chính là hình mẫu công dân mà tư tưởng Hồ Chí Minh luôn hướng tới: “*phải có đạo đức cách mạng, vì thiếu nó thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân*”<sup>134</sup>.

## **2. Cơ sở lý thuyết về giáo dục liêm chính cho thanh niên nhằm phòng chống tham nhũng**

***Liêm chính*** là một giá trị đạo đức cốt lõi, phản ánh sự trung thực, chính trực và kiên định với chuẩn mực đạo lý, bất chấp hoàn cảnh hay áp lực từ lợi ích cá nhân, nhóm hoặc quyền lực bên ngoài. Một cá nhân liêm chính không chỉ nhận thức được điều đúng – sai, mà còn có đủ bản lĩnh để thực hành điều đúng, ngay cả khi không có sự giám sát. Trong xã hội hiện đại, liêm chính không còn là một phạm trù đạo đức cá nhân đơn lẻ, mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu đối với cán bộ, đảng viên, công chức và toàn bộ thiết chế nhà nước.

***Giáo dục liêm chính***, xét từ bản chất, là một quá trình mang tính chiến lược nhằm hình thành và phát triển ý thức đạo đức, thái độ chính trị và hành vi xã hội lành mạnh cho cá nhân – đặc biệt là giới trẻ. Không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ lý thuyết hay nội dung chương trình học, giáo dục liêm chính phải được tổ chức trong một môi trường lấy giá trị thật làm trung tâm, thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm xã hội và tinh thần phản biện mang tính xây dựng. Điều quan trọng là giáo dục liêm chính phải được triển khai từ sớm, xuyên suốt quá trình trưởng thành về nhận thức – từ học đường đến đời sống cộng đồng – nhằm hình thành một hệ giá trị sống động, bền vững.

---

<sup>134</sup> Hồ Chí Minh (2000). *Toàn tập*, Tập 11. Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 613.

Từ góc độ lý luận chính trị – xã hội, có thể thấy rằng nguồn gốc sâu xa của tham nhũng chính là sự tha hóa của quyền lực, của đạo đức và của trách nhiệm công. Nhiều nhà tư tưởng chính trị cổ điển đã chỉ rõ nguy cơ này: **Montesquieu**, một triết gia người Pháp đầu thế kỷ 18 đã đúc kết trong *Tinh thần pháp luật*: “Muốn cho quyền lực không bị lạm dụng, thì cần phải tổ chức sao cho quyền lực có thể ngăn chặn quyền lực”<sup>135</sup>. Đây là cơ sở lý luận nền tảng cho nguyên lý phân quyền, kiểm soát quyền lực và chống lạm quyền – những tiền đề không thể thiếu để phòng ngừa tham nhũng. **Jean-Jacques Rousseau**, trong *Khế ước xã hội*, nhấn mạnh rằng quyền lực nhà nước chỉ chính đáng khi phản ánh “ý chí chung” của cộng đồng. Khi quyền lực bị chiếm đoạt bởi một nhóm đặc quyền và phục vụ lợi ích riêng, thì khế ước xã hội bị phản bội – và tham nhũng là hệ quả tất yếu. Do đó, việc kiểm soát xã hội và phản biện công dân là điều kiện để bảo vệ tính chính danh của quyền lực<sup>136</sup>. **Niccolò Machiavelli**, trong *Quân vương*, với lối tư duy chính trị hiện thực, thẳng thắn chỉ ra rằng người nắm quyền thường có xu hướng sử dụng mọi phương tiện để duy trì và củng cố quyền lực. Nếu thiếu thiết chế kiểm soát từ bên ngoài, quyền lực sẽ tự động trượt dài vào lạm quyền và tha hóa. Dù bị đánh giá là phi đạo đức, Machiavelli thực tế cung cấp một cái nhìn tỉnh táo và thiết thực về bản chất quyền lực – nền tảng để hiểu rõ cơ chế phát sinh tham nhũng<sup>137</sup>.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng tham nhũng là hệ quả của ba thiếu hụt mang tính cấu trúc: **thiếu kiểm soát quyền lực, thiếu văn hóa liêm chính, và thiếu môi trường giáo dục đạo đức chính trị bền vững**. Bản chất của tham nhũng trong hệ thống chính trị chính là sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống và niềm tin cách mạng của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Nó làm biến chất các thiết chế công thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm – phá vỡ nguyên tắc “công quyền vì công ích”. Về mặt xã hội, tham nhũng dẫn đến sự suy đồi văn hóa: chuẩn mực đạo đức công vụ bị lu mờ bởi chủ nghĩa cá nhân vị lợi; cái sai bị “bình thường hóa” trong tâm thức cộng đồng; và sự hoài nghi vào công lý ngày càng lan rộng. Khi niềm tin của người dân vào nhà nước bị xói mòn, thì sự chính danh của quyền lực bị đe dọa từ bên trong.

---

<sup>135</sup> Montesquieu (1748), *Spirit of the Laws* (Tinh thần pháp luật). Bản dịch tiếng Việt của Hoàng Thanh Đạm, Nxb. Thế Giới.

<sup>136</sup> Rousseau, J.-J. (1762). *Du contrat social* (Khế ước xã hội). Bản dịch tiếng Việt của Trương Hữu Quỳnh, Nxb. Sự Thật, 1995, tr. 153–156.

<sup>137</sup> Niccolò Machiavelli (1532), *Le Prince* (Quân Vương). Bản dịch tiếng Việt của Vũ Thái Hà, Nxb. Thế Giới.

Bản chất của giáo dục liêm chính không phải để “dạy thanh niên không tham nhũng”, mà là hình thành năng lực đề kháng trước tham nhũng, xây dựng bản lĩnh đạo đức chính trị, lòng yêu nước chân chính và ý thức phục vụ công lý. Đó là nền tảng để thanh niên không chỉ không tham nhũng, mà còn dám chống lại tham nhũng, góp phần xây dựng một xã hội minh bạch, công bằng và phát triển bền vững.

Vì vậy, phòng, chống tham nhũng không thể chỉ dừng ở xử lý vi phạm sau khi đã xảy ra, mà phải chống từ gốc – xây từ nền. Mà nền vững chắc nhất chính là giáo dục liêm chính cho thanh niên – lực lượng sẽ đảm đương trọng trách lãnh đạo và kiến tạo tương lai đất nước. Đây không chỉ là yêu cầu đạo đức, mà còn là một chiến lược chính trị, một đầu tư phát triển thể chế lâu dài và bền vững.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu về giáo dục liêm chính cho thanh niên với tư cách là một chiến lược phòng, chống tham nhũng từ gốc đòi hỏi phải được tiếp cận một cách toàn diện, đa chiều và có cơ sở lý luận – thực tiễn vững chắc. Trong quá trình thực hiện bài viết, nhóm tác giả đã vận dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học.

**Trước hết** là phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu, nhằm thu thập, chọn lọc và hệ thống hóa các tài liệu lý luận liên quan đến khái niệm liêm chính, giáo dục đạo đức – chính trị cho thanh niên, cơ chế phòng, chống tham nhũng cũng như các mô hình giáo dục liêm chính ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Các nguồn tư liệu bao gồm: văn kiện của Đảng, pháp luật hiện hành, các công trình nghiên cứu khoa học, sách chuyên khảo, báo cáo quốc tế từ Transparency International, UNDP, OECD, UNESCO.

**Tiếp theo** là phương pháp lịch sử – logic, được sử dụng để tái hiện quá trình hình thành và phát triển các quan niệm về liêm chính trong lịch sử tư tưởng chính trị – đạo đức, từ đó làm rõ tính tất yếu của việc giáo dục liêm chính trong bối cảnh hiện nay. Việc phân tích logic các chuỗi phát triển – từ khủng hoảng giá trị, suy thoái đạo đức đến tha hóa quyền lực – giúp nhận diện rõ nguyên nhân sâu xa của tham nhũng và khẳng định vai trò chiến lược của giáo dục liêm chính như một giải pháp mang tính gốc rễ.

**Đồng thời**, bài viết cũng sử dụng phương pháp so sánh – đối chiếu để phân tích các mô hình giáo dục liêm chính hiệu quả tại các nước như Hàn Quốc, Singapore, Thụy Điển... từ đó đối chiếu với điều kiện thực tiễn của Việt Nam để rút ra các bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất những định hướng chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức công vụ và ý thức liêm chính trong thanh niên.

**Song song với đó** là phương pháp phân tích nội dung chính sách, được sử dụng để xem xét các văn bản quy phạm pháp luật và chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, các chương trình giáo dục đạo đức trong nhà trường, cũng như các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục giá trị và phẩm chất công dân. Việc phân tích này giúp đánh giá mức độ lồng ghép nội dung liêm chính trong hệ thống giáo dục hiện hành, đồng thời xác định những khoảng trống cần bổ sung.

**Cuối cùng**, bài viết vận dụng phương pháp tư duy biện chứng – hệ thống như một phương pháp nền tảng. Trên cơ sở thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận duy vật lịch sử, vấn đề giáo dục liêm chính được tiếp cận như một hệ thống liên kết giữa các yếu tố đạo đức – chính trị – văn hóa – pháp lý trong tương quan với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Phương pháp này giúp bảo đảm tính logic, khách quan và toàn diện trong quá trình phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp.

#### **4. Nội dung nghiên cứu**

##### **4.1. Giáo dục liêm chính cho thanh niên trong phòng chống tham nhũng là tất yếu**

Từ góc nhìn triết học chính trị và đạo đức học, giáo dục liêm chính cho thanh niên trong phòng chống tham nhũng không phải là lựa chọn tùy nghi, mà là một tất yếu khách quan, phản ánh đòi hỏi nội tại của một xã hội chính nghĩa và một thể chế bền vững.

**Thứ nhất**, tham nhũng là biểu hiện điển hình của sự tha hóa quyền lực và suy đồi đạo đức công vụ. Nó không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật, mà sâu xa hơn, là sự sụp đổ của mối liên kết đạo đức giữa cá nhân và cộng đồng. Như Marx từng phân tích, quyền lực khi không được chế ngự bởi thiết chế và đạo đức sẽ chuyển hóa thành công cụ phục vụ tư lợi, phản lại chính mục tiêu vì nhân dân mà nó vốn được thiết lập. Trong hoàn cảnh đó, liêm chính không chỉ là một đức tính cá nhân, mà là một nguyên lý tổ chức đời sống chính trị – xã hội, bảo đảm cho sự minh bạch, công bằng và chính đáng của quyền lực. Giáo dục liêm chính cho thanh niên – lực lượng kế thừa quyền lực tương lai – vì vậy, trở thành biện pháp phòng ngừa từ gốc rễ.

**Thứ hai**, giáo dục là con đường duy nhất để hình thành chủ thể đạo đức có khả năng kháng cự với sự tha hóa. Aristotle từng nhấn mạnh rằng công dân tốt không chỉ là người tuân thủ pháp luật, mà còn là người được huấn luyện để yêu cái thiện và hành động vì lợi ích công. Trong bối cảnh đó, giáo dục liêm chính không thể dừng lại ở việc tuyên truyền khẩu hiệu hay truyền đạt chuẩn mực luân lý, mà phải được tổ chức như một quá

trình nuôi dưỡng năng lực phản tư, dũng khí phê phán và tinh thần công chính trong thanh niên. Khi thể hệ trẻ hiểu được bản chất của quyền lực, học cách phân biệt giữa phục vụ công lý và phục vụ tư lợi, họ mới có thể làm chủ được chính mình khi đứng trước cám dỗ và lợi ích ngắn hạn.

**Thứ ba**, giáo dục liêm chính chính là một chiến lược chính trị – văn hóa lâu dài để xây dựng hệ sinh thái đạo đức của thể chế. Không một cơ chế chống tham nhũng nào có thể thành công nếu không có con người liêm chính làm trung tâm vận hành. Bởi vậy, giáo dục liêm chính không nên được nhìn như một nội dung phụ của chương trình học, mà cần trở thành xuyên suốt trong triết lý giáo dục công dân, từ nhà trường đến xã hội. Thanh niên – khi được trang bị đầy đủ lý tưởng, bản lĩnh và nhận thức – sẽ không chỉ là người không tham nhũng, mà còn là người tự giác phản kháng lại cái xấu, góp phần kiến tạo văn hóa không dung dưỡng cho sự tha hóa.

**Thứ tư**, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, thanh niên Việt Nam vừa đứng trước nhiều cơ hội, vừa đối mặt với những nguy cơ về lệch chuẩn giá trị, chủ nghĩa thực dụng và lối sống cá nhân hóa. Giáo dục liêm chính vì vậy còn là cách để bảo vệ nhân cách dân tộc trong thế giới toàn cầu, tạo nên những công dân có khả năng hội nhập mà không bị hòa tan, biết sử dụng tự do một cách có trách nhiệm, và biết đấu tranh để bảo vệ cái đúng. Đó chính là chiều sâu văn hóa – chính trị của giáo dục liêm chính trong thời đại ngày nay.

#### **4.2. Những vấn đề đặt ra của việc giáo dục liêm chính cho thanh niên hiện nay**

Hiện nay, việc giáo dục các giá trị đó đã và đang được cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị triển khai bằng nhiều hình thức đổi mới, sáng tạo. Nhiều chương trình tọa đàm, nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, về đạo đức công vụ; các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, giúp đỡ người yếu thế, gia đình có công với cách mạng, hay hỗ trợ thanh niên có hoàn cảnh khó khăn đã tạo môi trường để rèn luyện đạo đức thực tế. Tổng Bí thư Tô Lâm từng đánh giá: *“Nhiều thanh niên, sinh viên tình nguyện, không quản khó khăn, gian khổ đến vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng để dạy học, sửa chữa nhà cửa, khám chữa bệnh giúp dân”*<sup>138</sup>.

Tuy đạt được những thành quả đáng ghi nhận, công cuộc giáo dục các phẩm chất *cần, kiệm, liêm, chính* cho thanh niên vẫn bộc lộ nhiều khoảng trống cả về nội dung lẫn

---

<sup>138</sup> Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2024 – 2029. <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-hoi-lien-hiep-thanh-nien-viet-nam-lan-thu-ix-102241218204130301.htm>.



phương pháp. Tổng Bí thư Tô Lâm đã cảnh báo một cách thẳng thắn và đầy trách nhiệm về thực trạng này: “*Còn một bộ phận giới trẻ sống thiếu lý tưởng và hoài bão, thực dụng, ích kỷ, xa rời truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, chấp hành pháp luật không nghiêm, xa vào chủ nghĩa cá nhân, khả năng hội nhập hạn chế, yếu kém cả về thể chất lẫn tinh thần, để phí hoài tuổi trẻ*”<sup>139</sup>.

Từ góc nhìn, triết học chính trị, có nhiều vấn đề đặt ra cho giáo dục liên chính của thanh niên hiện nay.

### **Cụ thể:**

**Thứ nhất**, sự đứt gãy giữa lời dạy và thực hành đạo đức. Trong nhiều trường hợp, giáo dục liên chính vẫn còn thiên về hình thức, thiếu chiều sâu triết lý và chưa gắn liền với thực tiễn đời sống xã hội. Khi người học chứng kiến những nghịch lý giữa những điều được giảng dạy và thực tế xã hội – nơi gian dối, vụ lợi đôi khi lại thành công – họ dễ rơi vào tâm lý hoài nghi, thậm chí phủ định giá trị đạo đức.

**Thứ hai**, giáo dục liên chính chưa thực sự chạm tới nội tâm người học. Việc truyền thụ còn nặng tính áp đặt, thiếu tính gợi mở và phản tư đạo đức. Trong khi đó, liên chính không thể được “truyền đạt” như kiến thức thuần túy, mà cần được khơi gợi từ bên trong bằng phương pháp giáo dục nhân văn, giàu cảm xúc và dựa trên trải nghiệm cá nhân – điều mà phần lớn môi trường giáo dục hiện nay vẫn còn thiếu.

**Thứ ba**, ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng và khủng hoảng giá trị trong giới trẻ. Trong bối cảnh xã hội thị trường và văn hóa tiêu dùng lên ngôi, không ít thanh niên có xu hướng chạy theo thành công nhanh chóng, thiếu lý tưởng và dễ bị lôi kéo bởi các giá trị lệch chuẩn. Điều này làm suy yếu động lực nội tại của hành vi liên chính, vốn đòi hỏi sự kiên định, hy sinh và niềm tin vào cái đúng.

**Thứ tư**, thiếu hình mẫu đạo đức sống động và thiết chế giáo dục hiệu quả. Thanh niên cần được “truyền cảm hứng” từ chính những người thầy, người lãnh đạo, người đi trước... sống có liên chính và dũng cảm chống lại cái sai. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, môi trường giáo dục lại thiếu những tấm gương đáng tin cậy, làm suy giảm sức lan tỏa của giá trị đạo đức.

**Thứ năm**, chưa khai thác đầy đủ tiềm năng của không gian mạng trong giáo dục liên chính. Dù mạng xã hội và công nghệ số đang là môi trường sống thứ hai của giới trẻ,

---

<sup>139</sup> Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2024 – 2029. <https://baohinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quo-hoi-lien-hiep-thanh-nien-viet-nam-lan-thu-ix-102241218204130301.htm>.

nhưng giáo dục liên chính vẫn chủ yếu diễn ra theo lối truyền thống, chưa tạo được hệ sinh thái giá trị trong không gian số. Trong khi đó, chính mạng xã hội lại là nơi mà các biểu hiện giả dối, khoe khoang, chạy theo hình thức có thể dễ dàng làm xói mòn nhận thức đạo đức.

**Thứ sáu**, thiếu gắn kết giữa giáo dục liên chính và các chiến lược phòng chống tham nhũng quốc gia. Giáo dục hiện chưa thực sự trở thành “chân trụ” trong phòng ngừa tham nhũng từ gốc. Việc thiếu liên thông giữa giáo dục, pháp luật, quản trị công và truyền thông khiến liên chính chưa được xây dựng như một giá trị xã hội tổng thể.

#### **4.3. Một số giải pháp giáo dục liên chính cho thanh niên hiện nay**

Trong thế giới hiện đại – nơi ranh giới giữa đúng/sai, thật/giả, công/lợi trở nên mờ nhạt – giáo dục liên chính phải vượt qua vai trò truyền dạy luân lý thông thường để trở thành một hành trình xây dựng con người đạo đức như một chủ thể chính trị – xã hội. Đó là con người không chỉ có kiến thức, mà còn có khả năng sống đúng, phản tư đúng và dần thân vì điều đúng. Giải pháp giáo dục liên chính, do đó, không chỉ là kỹ thuật sư phạm, mà là một *dự án nhân văn vĩ mô* – nơi triết lý, thể chế và đạo đức gặp nhau trong sứ mệnh kiến tạo tương lai.

##### **Cụ thể:**

*Thứ nhất, khắc phục sự đứt gãy giữa lý thuyết và thực hành đạo đức trong giáo dục liên chính bằng cách gắn liền triết lý với hành động, lời nói với đời sống*

Từ lâu, triết học đã chỉ ra mối nguy của “tính hình thức đạo đức” – nơi các giá trị bị đông cứng thành mệnh lệnh, không còn được kiểm chứng và chuyển hóa trong hành vi cụ thể. Ở đây, liên chính không thể được hiểu như một khẩu hiệu trừu tượng, mà phải là một *thực tại sống động* – nơi đạo đức được “hiện thân” qua hành vi, lựa chọn và dần thân. Vì vậy, việc khắc phục sự đứt gãy giữa lý thuyết và thực hành đòi hỏi giáo dục phải chuyển từ “giảng giải đạo đức” sang “diễn trình hóa đạo đức”, từ mô tả cái đúng sang sống trong cái đúng. Điều đó chỉ khả thi khi người học được đặt vào các tình huống thực tiễn – nơi họ đối mặt với mâu thuẫn giá trị, và từ đó hình thành năng lực phản tư, lựa chọn và hành động.

*Thứ hai, khơi gợi nội tâm đạo đức nơi người học bằng giáo dục nhân văn, trải nghiệm và đối thoại nội tâm*

Theo triết học hiện sinh, đạo đức đích thực không đến từ bên ngoài, mà phải được khai sinh từ nội tâm tự do. Trong giáo dục liên chính, điều cốt lõi không phải là “dạy” đạo đức như những công thức có sẵn, mà là khơi dậy nơi người học khả năng tự chất vấn,

tự hình thành phán đoán đạo đức của chính mình. Giáo dục nhân văn, giàu tính cảm xúc và trải nghiệm, giúp người học không chỉ “hiểu” về liêm chính, mà “cảm” và “sống” với liêm chính như một phần cấu thành bản ngã. Ở đây, người thầy không còn là “người chuyển giao giá trị” mà là người đồng hành trong hành trình xây dựng bản lĩnh đạo đức.

*Thứ ba, phản công chủ nghĩa thực dụng và củng cố hệ giá trị công dân trong thời đại thị trường bằng việc tái định vị lý tưởng sống và trách nhiệm xã hội*

Chủ nghĩa thực dụng, khi trở thành chủ đạo trong đời sống xã hội, làm xói mòn nền tảng đạo đức công. Thanh niên, nếu không có năng lực đề kháng về mặt giá trị, dễ bị cuốn theo logic “thành công bằng mọi giá”. Giáo dục liêm chính cần đóng vai trò như một “nội lực kháng thể giá trị”, giúp thanh niên hình thành thế giới quan phản biện, đủ sức truy vấn lại các “giá trị nổi bật” của xã hội thị trường. Việc củng cố hệ giá trị công dân – như công bằng, trách nhiệm, sự thật và dân thân – chính là nền móng để thanh niên không bị tha hóa giữa một thế giới đầy mời gọi vật chất, mà vẫn giữ được bản lĩnh đạo đức và lý tưởng phục vụ công.

*Thứ tư, tạo dựng hình mẫu liêm chính sống động và môi trường giáo dục giàu tính truyền cảm để khơi dậy tính ngưỡng mộ và cảm hứng dân thân đạo đức*

Triết học đạo đức nhấn mạnh vai trò của “tấm gương đạo đức” như một lực hấp dẫn có tính hình mẫu. Con người không chỉ học bằng lý trí, mà còn học qua ngưỡng mộ, qua cảm xúc và sự bắt chước tích cực. Trong giáo dục liêm chính, sự hiện diện của những người thầy – người sống một đời liêm chính, dám chống lại cái sai, kiên định với sự thật – chính là *thân thể sống của chân lý đạo đức*. Đồng thời, môi trường giáo dục cũng cần trở thành “không gian truyền cảm” – nơi các giá trị đạo đức được chia sẻ, lan tỏa, và không bị bóp nghẹt bởi sợ hãi, nghi ngờ hay hoài nghi tập thể.

*Thứ năm, xây dựng hệ sinh thái giáo dục liêm chính trong không gian mạng, nhằm định hình lại địa hình giá trị trong thế giới số*

Trong thời đại số, mạng xã hội là không gian chính của sự hình thành bản ngã đạo đức – nơi mỗi hành động, phát ngôn đều được công khai, phản hồi, và đôi khi bóp méo. Nếu bỏ trống không gian này, giáo dục liêm chính sẽ thất bại trong việc định hình thói quen sống trung thực và trách nhiệm của giới trẻ. Việc xây dựng các nền tảng truyền thông đạo đức, chiến dịch “sống thật”, các cộng đồng phản biện giá trị trên mạng... chính là cách tái tạo “cấu trúc đạo đức” cho thế giới số. Không gian mạng không thể là vùng trắng đạo đức, mà phải trở thành *mặt trận giá trị*, nơi liêm chính được lan tỏa bằng cả hình ảnh, câu chuyện, hành vi và tương tác.

*Thứ sáu, liên kết giáo dục liêm chính với phòng, chống tham nhũng và xây dựng thể chế minh bạch như một cấu phần của đạo đức thể chế*

Từ góc nhìn triết học chính trị, không thể có công dân liêm chính trong một thể chế tha hóa. Do đó, giáo dục liêm chính không thể chỉ dừng ở nhà trường, mà phải được đặt trong một *kết cấu đạo đức thể chế* – nơi pháp luật, quản trị công, truyền thông và giáo dục cùng vận hành theo nguyên lý minh bạch và trách nhiệm giải trình. Việc tích hợp giáo dục liêm chính vào các chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, cải cách hành chính, phát triển công vụ... không chỉ nâng tầm vai trò của giáo dục, mà còn giúp người học nhận thức rằng liêm chính không chỉ là đức tính cá nhân, mà còn là nền tảng vận hành của một xã hội công bằng và đáng sống.

*Thứ bảy, kiến tạo môi trường xã hội – văn hóa – thể chế nuôi dưỡng và bảo vệ liêm chính như một giá trị sống*

Liêm chính không thể lớn lên trong một môi trường thiếu sự phản tư, thiếu không gian đạo đức và thiếu những hình mẫu truyền cảm. Cần phát triển “hệ sinh thái phản tư đạo đức” trong trường học và xã hội – với các diễn đàn, câu lạc bộ, tòa án sinh viên – để thanh niên được thực hành phán đoán giá trị. Song song, xã hội phải có cơ chế tôn vinh và bảo vệ những người sống liêm chính, dám nói thật, đồng thời truyền thông đại chúng cần tái định nghĩa lại “thành công” như là sự đóng góp chân chính cho cộng đồng. Khi liêm chính được bảo vệ và lan tỏa bằng văn hóa và thể chế, nó mới có thể trở thành lẽ sống chứ không chỉ là khẩu hiệu.

*Thứ tám, thể chế hóa giáo dục liêm chính như một năng lực công dân nền tảng trong toàn bộ hệ thống giáo dục và đào tạo công vụ*

Giáo dục liêm chính cần được nâng tầm từ một nội dung phụ thành một trục đạo đức – chính trị xuyên suốt trong chương trình giáo dục quốc dân. Điều này đòi hỏi xây dựng các học phần chuyên biệt về “liêm chính và đạo đức công dân”, từ phổ thông đến đại học, đồng thời tích hợp triết học đạo đức ứng dụng vào đào tạo cán bộ, công chức trẻ. Mục tiêu không chỉ là truyền đạt giá trị, mà là hình thành năng lực hành động đạo đức, khả năng phán đoán và bản lĩnh trước xung đột giá trị – tức là đào tạo nên những công dân có trách nhiệm, có lý tưởng và có khả năng sống đúng trong không gian công.

## **5. Kết luận**

Giáo dục liêm chính cho thanh niên không thể tách rời khỏi nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và triết lý đạo đức cách mạng – vốn coi con người không chỉ là thực thể sinh học – xã hội, mà là chủ thể tự do mang trong mình

trách nhiệm lịch sử. Liêm chính, trong chiều sâu của nó, không chỉ là một đức tính cá nhân, mà là một lựa chọn tồn tại – nơi con người quyết định sống trung thực, công bằng, và có trách nhiệm giữa một thế giới đầy biến động, giả trá và tha hóa. Vì thế, giáo dục liêm chính không thể giản lược thành những bài giảng luân lý đơn tuyến, mà phải được triển khai như một chiến lược văn hóa – chính trị toàn diện và lâu dài, gắn kết giữa tư duy lý luận, hành vi thực tiễn và thiết chế xã hội.

Đây chính là quá trình kiến tạo một hình mẫu con người mới – con người tự do về tinh thần, kiên định về lý tưởng, và dẫn thân trong hành động, biết vượt lên những cám dỗ vị kỷ để lựa chọn sống vì cộng đồng, vì Tổ quốc, và vì những giá trị phổ quát của nhân loại tiến bộ. Nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh, đó là mẫu người mà “trí tuệ, đạo đức và thể lực cùng phát triển hài hòa”, là công dân của thời đại mới – thời đại mà liêm chính không còn là ngoại lệ, mà trở thành nền tảng văn hóa sống.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2008). *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập 1 & 2). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (Tập 5, 6, 10). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Habermas, J. (1990). *Moral Consciousness and Communicative Action* (C. Lenhardt & S. W. Nicholsen, Trans.). Cambridge, MA: MIT Press.
5. Kant, I. (1993). *Grounding for the Metaphysics of Morals* (J. W. Ellington, Trans.). Indianapolis, IN: Hackett Publishing Company. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1785)
6. Arendt, H. (1998). *The Human Condition* (2nd ed.). Chicago: University of Chicago Press.
7. Rousseau, J.-J. (1979). *Emile, or On Education* (A. Bloom, Trans.). New York: Basic Books. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1762)
8. Dewey, J. (1916). *Democracy and Education*. New York: Macmillan.
9. Montesquieu (1748), *Spirit of the Law*. Bản dịch tiếng Việt của Hoàng Thanh Dạm, Nxb. Thế Giới.

10. Niccolò Machiavelli (1532), *Le Prince*. Bản dịch tiếng Việt của Vũ Thái Hà, Nxb. Thế Giới.

11. Tô Lâm. (2024). Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc về công tác thanh niên. Truy cập từ Cổng Thông tin điện tử Chính phủ: <https://www.chinhphu.vn>

# LỢI ÍCH CỦA CHÍNH PHỦ SỐ TRONG NGĂN NGỪA, PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG

*ThS. Phạm Thị Quỳnh Nga<sup>140</sup>*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích thực trạng phòng chống tham nhũng (PCTN) tại Việt Nam giai đoạn 2015-2025 và đánh giá tiềm năng của chính phủ số trong việc nâng cao hiệu quả PCTN. Thông qua phương pháp tổng quan tài liệu, nghiên cứu xác định những kết quả đáng khích lệ trong hoàn thiện thể chế, tăng cường thực thi pháp luật và thu hồi tài sản tham nhũng và những bước tiến quan trọng với chỉ số Cảm nhận tham nhũng (Corruption Perceptions Index – CPI) của Việt Nam tăng từ 31 điểm năm 2015 lên 42 điểm năm 2022, tuy nhiên gặp thách thức khi giảm còn 40 điểm vào năm 2024 do những hạn chế trong thực thi và ứng dụng công nghệ. Nghiên cứu đề xuất khai thác năm trụ cột chính của chính phủ số để tăng lợi ích liêm chính, qua đó đẩy lùi và ngăn chặn tham nhũng: tăng cường minh bạch và công khai; nâng cao trách nhiệm giải trình; giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp; cải thiện hiệu quả quản lý; và thúc đẩy sự tham gia của người dân. Nghiên cứu khuyến nghị cần có chiến lược đồng bộ kết hợp giữa cải cách thể chế và ứng dụng công nghệ số để đạt mục tiêu duy trì tăng điểm CPI trong các năm tiếp theo.

**Từ khóa:** Chính phủ số, quản trị công, phòng chống tham nhũng, liêm chính, Việt Nam

## 1. Giới thiệu

Tham nhũng được Việt Nam xác định là "quốc nạn" đe dọa làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa (Ban Nội chính Trung ương, 2025). Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra cơ hội to lớn trong cải thiện PCTN do áp dụng chính phủ số cùng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và phân tích dữ liệu lớn đang định hình lại cách thức chính phủ hoạt động và tương tác với người dân (OECD, 2020).

---

<sup>140</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Giai đoạn 2015-2025 đánh dấu một thập kỷ quan trọng trong công tác PCTN tại Việt Nam, thể hiện ý chí chính trị mạnh mẽ thông qua phương châm "không có vùng cấm, không có ngoại lệ" (Tùng Mai, 2021). Tuy nhiên, việc phân tích một cách hệ thống các cơ chế cụ thể mà qua đó chính phủ số làm tăng "lợi ích liên chính" nhằm đẩy lùi tham nhũng vẫn còn hạn chế tại Việt Nam.

Nghiên cứu này nhằm mục đích phân tích cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa chính phủ số và liên chính; đánh giá thực trạng PCTN tại Việt Nam giai đoạn 2015-2025; xác định các cơ chế mà chính phủ số tác động tích cực đến liên chính và PCTN; đồng thời phân tích thách thức và hạn chế trong ứng dụng chính phủ số tại Việt Nam; cuối cùng đề xuất khuyến nghị chính sách phù hợp với điều kiện Việt Nam.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

Theo OECD (2017), liên chính được định nghĩa là "sự nhất quán giữa các giá trị được công bố và các hành động thực tế, thể hiện qua việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức cao, sự trung thực và minh bạch". Liên chính bao gồm bốn khía cạnh cơ bản: minh bạch (transparency), trách nhiệm giải trình (accountability), công bằng (fairness) và đạo đức công vụ (public service ethics).

Tại Việt Nam, việc công khai, minh bạch thông tin gắn với quyền tiếp cận thông tin của công dân và được xem là "liều thuốc đặc trị" chống tham nhũng, tạo điều kiện để người dân và toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước (Báo Điện tử Chính phủ, 2023). Quan điểm này khá gần với khái niệm "liên chính", nhấn mạnh vai trò của công khai, minh bạch, công bằng tiếp cận thông tin nêu trên.

Chính phủ số được Ngân hàng thế giới (2023) định nghĩa là việc chuyển đổi toàn diện cách thức chính phủ hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ số tiên tiến (dữ liệu mở, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ chuỗi khối (blockchain)...) tạo các nền tảng số hóa và hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến. Theo mô hình Khung chính phủ số (Digital Government Framework) của Vụ Kinh tế và Xã hội của Liên Hợp quốc (UN DESA) (2020) chính phủ số được xây dựng dựa trên ba trụ cột: hạ tầng số (digital infrastructure);



năng lực số (digital capacity); và dịch vụ số (digital services) được kỳ vọng sẽ góp phần tác động tích cực tới liên chính, PCTN.

Nhà khoa học Klitgaard (2015) cho rằng tham nhũng hình thành do sự kết hợp giữa độc quyền, quyền tự do quyết định cùng với thiếu trách nhiệm giải trình. Nhằm khắc phục tình trạng này, nghiên cứu của Transparency International (2021) chỉ ra rằng công nghệ số có thể tạo ra "lợi ích liên chính" (integrity benefits) thông qua việc: tăng cường minh bạch, giảm thiểu can thiệp trực tiếp của con người, tự động hóa quy trình và tạo ra hệ thống theo dõi không thể thay đổi, nhờ vậy phá bỏ độc quyền thông tin, hạn chế quyền tự do quyết định và tăng cường trách nhiệm giải trình.

### **3. Cơ chế chính phủ số tăng liên chính, giảm tham nhũng**

#### **Tăng cường minh bạch và công khai thông tin**

Chính phủ số tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc thúc đẩy minh bạch thông qua số hóa và chuẩn hóa dữ liệu; giảm thiểu bất cân xứng thông tin và tăng cường khả năng giám sát.

Estonia là minh chứng điển hình khi xây dựng chính phủ điện tử toàn diện với 99% dịch vụ công được số hóa, giúp nâng chỉ số CPI từ 54 điểm năm 2012 lên 74 điểm năm 2023 (Transparency International, 2024). Tương tự, nghiên cứu của Pathak et al. (2020) chỉ ra rằng việc công khai thông tin đấu thầu trực tuyến tại Ấn Độ đã giúp giảm 23% chi phí đấu thầu và tăng 34% số lượng nhà thầu tham gia.

#### **Nâng cao trách nhiệm giải trình**

Chính phủ số tạo ra "cách mạng về trách nhiệm giải trình" bằng cách sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thực hiện truy vết (Hệ thống truy vết số - Digital Audit Trail), phân tích hành vi thông minh (Behavioral Analytics) và quản lý hiệu suất theo thời gian thực.

Bằng chứng là hệ thống Portal da Transparência của Brazil cho phép công dân theo dõi việc sử dụng ngân sách công từ cấp liên bang đến địa phương và việc công khai thông tin tài chính này đã giảm 8% tỷ lệ tái cử của các thị trường có dấu hiệu tham nhũng (Ferraz & Finan, 2021).

### **Giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp**

Chính phủ số cách mạng hóa mối quan hệ giữa công chức và người dân bằng cách chuyển đổi tương tác cá nhân trực tiếp (person-to-person) sang tương tác thông qua hệ thống (person-to-system), xóa đi hầu hết các rào cản tâm lý, khoảng cách địa lý.

Nghiên cứu của Andersen (2009) tại Đan Mạch cho thấy việc triển khai dịch vụ công trực tuyến giúp giảm 47% các báo cáo về tham nhũng trong cung cấp dịch vụ hành chính công. Tương tự, Georgia đã cải thiện đáng kể chỉ số CPI từ 20 điểm năm 2003 lên 56 điểm năm 2023 nhờ số hóa toàn diện các dịch vụ công (Transparency International, 2024).

### **Cải thiện hiệu quả quản lý**

Chính phủ số thúc đẩy hiệu quả quản lý thông qua tự động hóa quy trình, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn. Nghiên cứu của UN DESA (2020) cho thấy việc số hóa quy trình giảm thiểu sự can thiệp trực tiếp của con người, từ đó hạn chế các cơ hội phát sinh tham nhũng.

Trong báo cáo của Ngân hàng thế giới (2019) chỉ ra rằng các quốc gia áp dụng hệ thống quản lý tài chính tích hợp (IFMIS) có chỉ số minh bạch tài chính cao hơn 23% so với các quốc gia sử dụng phương pháp truyền thống.

### **Thúc đẩy sự tham gia của người dân**

Chính phủ số tạo ra môi trường thuận lợi bằng cách mở rộng "không gian" để người dân tham gia vào quản lý nhà nước thông qua các kênh tương tác đa dạng và dễ tiếp cận (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tuyến và trực tiếp).

Năm 2022, một nghiên cứu của Ngân hàng thế giới ghi nhận các quốc gia có hệ thống phản hồi trực tuyến tích hợp có Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) về Tiếng nói và Trách nhiệm giải trình cao hơn 31% so với nhóm chưa triển khai.

## **4. Thực trạng phòng chống tham nhũng tại Việt Nam giai đoạn 2015-2025 và khuyến nghị**

Giai đoạn 2015-2025 chứng kiến những cải cách sâu rộng trong khung pháp lý và thể chế PCTN tại Việt Nam. Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ

Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng đã tạo khung pháp lý quan trọng. Tiếp theo đó, Luật Phòng, chống tham nhũng do Quốc hội thông qua năm 2018 với nhiều điểm mới nổi bật, mở rộng phạm vi điều chỉnh và siết chặt quy định về kê khai, kiểm soát tài sản. Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 và gần đây nhất là Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2025 về Chương trình hành động cụ thể nhằm thực hiện Quy định 178-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

Đồng thời, giai đoạn này chứng kiến sự gia tăng đáng kể về số vụ án và bị can được phát hiện, khởi tố, truy tố, xét xử liên quan đến tham nhũng. Từ năm 2013 đến 2020, các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố, điều tra 14.300 vụ/24.410 bị can, xét xử sơ thẩm hơn 11.700 vụ/22.600 bị cáo về tham nhũng, kinh tế, chức vụ (Ban Nội chính Trung ương, 2022). Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 30 tháng 09 năm 2023, số vụ phạm tội về tham nhũng và chức vụ được phát hiện tăng 51,63% (Báo Nhân Dân, 2023). Trong 6 tháng đầu năm 2025, Bộ Công an đã khởi tố 370 vụ án tham nhũng, chức vụ với 1.042 bị can.

Một số vụ tham nhũng nghiêm trọng được phát hiện và xử lý như vụ án tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) với thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng; vụ án Ngân hàng Xây dựng Việt Nam (VietinBank); vụ án tại Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong 6 tháng đầu năm 2025, đã có 243 bị cáo nộp lại 30.321 tỷ đồng. Tổng số tiền thu hồi từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (trực thuộc Bộ Chính trị) đạt 103.854 tỷ đồng (51,57%) (Ban Nội chính Trung ương, 2025).

Những nỗ lực cùng kết quả PCTN của Việt Nam được phản ánh khách quan qua Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI): Năm 2015, Việt Nam đạt 31/100 điểm, xếp hạng 112/168 quốc gia. Năm 2022, chỉ số này tăng lên 42/100 điểm, xếp hạng 77/180, thuộc nhóm các quốc gia có tiến bộ nổi bật. Tuy nhiên, năm 2024 chứng kiến sụt giảm xuống 40/100 điểm, xếp hạng 88/180 (Transparency International, 2025).

Thực trạng PCTN cho thấy Việt Nam đang đối diện với những thách thức, hạn chế sau:

**Minh bạch thông tin và công khai quyết định:** Kết quả khảo sát PAPI 2023 cho thấy người dân đánh giá thấp hiệu quả thực hiện công khai, minh bạch trong việc ra quyết định tại địa phương. Ba vấn đề quan ngại lớn nhất của người dân năm 2023 là nghèo đói (22,39%), việc làm (12,79%) và tăng trưởng kinh tế (9,2%), cho thấy sự thiếu tin cậy vào khả năng giải quyết vấn đề của cơ quan quản lý nhà nước.

**Năng lực và tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức:** Một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ, thiếu kỹ năng số và tư duy đổi mới trong ứng dụng công nghệ. Vẫn có những cán bộ duy trì thói quen làm việc truyền thống, dẫn đến tình trạng "có công nghệ nhưng chưa có văn hóa số".

**Hạ tầng công nghệ và khả năng kết nối liên thông:** Vấn đề tích hợp và liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, các cấp chính quyền vẫn còn nhiều rào cản. Hiện tượng "cát cứ thông tin" vẫn phổ biến khi mỗi cơ quan xây dựng hệ thống riêng biệt mà chưa đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu.

**Cơ chế tham gia của người dân:** Mặc dù có những đánh giá tích cực, mức độ tham gia thực chất vào các hoạt động giám sát vẫn còn thấp. Kết quả PAPI 2023 cho thấy mức chênh lệch điểm tổng hợp giữa điểm thấp nhất (38,97 điểm) và điểm cao nhất (46,04 điểm), phản ánh sự thiếu đồng đều trong chất lượng quản trị giữa các địa phương.

**Khung pháp lý và cơ chế quản lý dữ liệu cá nhân:** Việc thiếu các quy định cụ thể về bảo mật, quyền riêng tư và sử dụng dữ liệu cá nhân trong môi trường số tạo ra nhiều lo ngại cho người dân khi tham gia các hoạt động tương tác trực tuyến.

**Văn hóa và nhận thức xã hội:** Một phần không nhỏ người dân vẫn chưa tin tưởng hoàn toàn vào khả năng của công nghệ số trong việc cải thiện tình hình tham nhũng. Tâm lý "quen với cách làm cũ" của cả người dân và cán bộ tạo ra sức cản đối với việc áp dụng các giải pháp số.

Từ phân tích nêu trên cùng bài học của các quốc gia tận dụng tốt lợi thế của chính phủ số trong thúc đẩy liên chính, ngăn chặn tham nhũng, có thể đưa ra những khuyến nghị đối với Việt Nam như sau:

### **Xây dựng nền tảng công khai thông tin quốc gia**

Cần tăng cường minh bạch và công khai thông tin bằng cách xây dựng nền tảng công khai thông tin quốc gia. Đây là cổng thông tin tập trung, công bố tất cả các quyết định của chính quyền.

Estonia và Georgia là hai ví dụ điển hình: Estonia đã xây dựng hệ thống e-Estonia, một nền tảng số hóa toàn diện giúp công khai thông tin và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Thông qua e-Estonia, người dân có thể truy cập các báo cáo ngân sách, quy hoạch đô thị và nhiều thông tin quan trọng khác, từ đó tăng cường tính minh bạch và sự giám sát của cộng đồng. Còn tại Georgia, cổng thông tin mua sắm công được vận hành giúp minh bạch hóa các dự án đầu tư công. Mọi quy trình đấu thầu, từ công bố dự án đến kết quả, đều được công khai hoàn toàn trên nền tảng này, giúp loại bỏ các hành vi thông đồng, hối lộ.

### **Nâng cao năng lực và tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức**

Cần thúc đẩy việc nâng cao năng lực và tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc về đạo đức công vụ trong môi trường số.

Singapore và Phần Lan đã có những bài học quý báu trong vấn đề này: Chính phủ Singapore thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về đạo đức và trách nhiệm công chức. Các khóa học không chỉ trang bị kiến thức pháp luật mà còn rèn luyện tư duy liên chính, đặc biệt là trong bối cảnh công nghệ phát triển, nhằm ngăn ngừa các hình thức tham nhũng mới. Tương tự Singapore, chính phủ Phần Lan luôn chú trọng đầu tư vào giáo dục, đào tạo cán bộ công chức với các tiêu chuẩn cao về liên chính và năng lực. Các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ số và quản lý dữ liệu được tổ chức thường xuyên, giúp đội ngũ cán bộ luôn cập nhật và sẵn sàng đối phó với những thách thức mới.

### **Cải thiện hạ tầng công nghệ và khả năng kết nối liên thông**

Cần cải thiện hạ tầng công nghệ và khả năng kết nối liên thông, phá vỡ tình trạng "cát cứ thông tin" bằng cách áp dụng một kiến trúc hệ thống dữ liệu thống nhất, liên thông và an toàn.

Quyết định táo bạo thiết kế và vận hành hệ thống X-Road khoảng năm 2000 của chính phủ Estonia đã mang lại kết quả khả quan. Hệ thống cho phép các cơ sở dữ liệu của các cơ quan chính phủ khác nhau có thể "giao tiếp" và trao đổi thông tin một cách an toàn và hiệu quả mà không cần phải tích hợp thành một hệ thống duy nhất. Điều này đã giúp tiết kiệm chi phí và thời gian, đồng thời tăng cường sự minh bạch trong quản lý.

Tương tự, Hàn Quốc đã xây dựng một hệ thống chính phủ điện tử rất mạnh mẽ, với các cơ sở dữ liệu được kết nối chặt chẽ. Điều này giúp người dân có thể thực hiện nhiều thủ tục hành chính chỉ với một lần khai báo thông tin, giảm thiểu tương tác trực tiếp với cán bộ, từ đó hạn chế cơ hội tham nhũng.

### **Tăng cường cơ chế tham gia của người dân**

Cần tạo ra các kênh tham gia thực chất của người dân. Ví dụ nền tảng giám sát cộng đồng cho phép người dân dễ dàng gửi phản ánh và đánh giá dịch vụ công. Điển hình như nền tảng ProZorro của Ukraina (<https://prozorro.gov.ua>) ban đầu là một hệ thống mua sắm công điện tử, sau đó đã được phát triển thành một hệ thống giám sát mua sắm công. Người dân có thể theo dõi toàn bộ quá trình đấu thầu và đóng góp ý kiến. Kenya đã triển khai dự án Ushahidi (<https://www.ushahidi.com>) - một nền tảng công nghệ cho phép người dân gửi các báo cáo, thông tin về các vấn đề xã hội, bao gồm cả tham nhũng, thông qua tin nhắn văn bản, email, hoặc trang web.

### **Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý dữ liệu cá nhân**

Cần hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế quản lý dữ liệu cá nhân nhằm giải quyết những lo ngại về bảo mật thông tin, đặc biệt khi tố cáo hành vi tham nhũng. Liên minh Châu Âu (EU) đã sớm ban hành Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (General Data Protection Regulation – GDPR), trong đó đặt ra các quy tắc nghiêm ngặt về việc thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu cá nhân, đảm bảo quyền riêng tư của người dân và tạo ra một cơ chế pháp lý rõ ràng để bảo vệ họ. Đạo luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (PDPA) của Singapore

được đánh giá là khung pháp lý hiệu quả. PDPA yêu cầu các tổ chức phải có sự đồng ý của người dân trước khi thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân, đồng thời đặt ra các tiêu chuẩn bảo mật cao.

### **Xây dựng văn hóa và nhận thức xã hội chống tham nhũng**

Cần xây dựng văn hóa và nhận thức xã hội chống tham nhũng, thay đổi tâm lý "quen với cách làm cũ" bằng cách lồng ghép nội dung PCTN vào chương trình giáo dục. Đan Mạch - một trong những quốc gia ít tham nhũng nhất thế giới, đã xây dựng được một nền văn hóa "không hối lộ". Điều này đạt được thông qua sự kết hợp của giáo dục, sự tin tưởng vào chính phủ và một hệ thống tư pháp công bằng, nơi người dân tin rằng việc làm đúng đắn sẽ được ủng hộ và các hành vi sai trái sẽ bị xử lý nghiêm minh.

### **5. Kết luận**

Giai đoạn 2015-2025 đánh dấu những bước tiến quan trọng trong công tác PCTN tại Việt Nam với việc hoàn thiện thể chế, tăng cường thực thi và đạt được những kết quả tích cực trong thu hồi tài sản tham nhũng. Chỉ số CPI của Việt Nam đã cải thiện từ 31 điểm năm 2015 lên mức cao nhất 42 điểm năm 2022. Tuy nhiên, việc sụt giảm xuống 40 điểm năm 2024 cho thấy những thách thức trong việc duy trì thành quả và cần có những giải pháp đồng bộ hơn, đặc biệt là tận dụng lợi thế của công nghệ số.

Nghiên cứu cho thấy chính phủ số có tiềm năng to lớn trong việc tạo ra "lợi ích liên chính" thông qua năm cơ chế cốt lõi: tăng cường minh bạch và công khai thông tin; nâng cao trách nhiệm giải trình; giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp; cải thiện hiệu quả quản lý; và thúc đẩy sự tham gia của người dân. Các minh chứng từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam đều khẳng định tác động tích cực của chính phủ số đến công tác PCTN.

Tuy nhiên, để tối đa hóa lợi ích liên chính và đạt mục tiêu duy trì tăng CPI vào các năm tiếp theo, Việt Nam cần giải quyết đồng bộ các thách thức về năng lực con người, hạ tầng công nghệ, khung pháp lý và văn hóa tổ chức. Cần có cách tiếp cận tích hợp, kết hợp chặt chẽ giữa cải cách thể chế và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, đồng thời học hỏi và áp dụng các mô hình thành công nêu trên một cách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Andersen, T. B. (2009). E-Government as an anti-corruption strategy. *Information Economics and Policy*, 21(3), 201-210.
2. Ban Nội chính Trung ương. (2022). *Báo cáo tổng kết công tác phòng chống tham nhũng giai đoạn 2013-2020*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Ban Nội chính Trung ương. (2025). *Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2025*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
4. Báo Điện tử Chính phủ. (2023). *Công khai, minh bạch thông tin - Liều thuốc đặc trị chống tham nhũng*. Truy cập ngày 15/8/2025, từ <https://baochinhphu.vn>
5. Báo Nhân Dân. (2023). *Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong tình hình mới*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
6. Ferraz, C., & Finan, F. (2021). Motivating politicians: The impacts of monetary incentives on quality and performance. *American Economic Review*, 111(2), 615-663.
7. Klitgaard, R. (2015). *Addressing corruption together*. OECD Publishing.
8. Ngân hàng thế giới. (2019). *Integrated Financial Management Information Systems: A practical guide*. World Bank Publications.
9. Ngân hàng thế giới. (2022). *Digital engagement evaluation toolkit*. World Bank Publications.
10. Ngân hàng thế giới. (2023). *Digital government transformation: A structural equation modeling analysis*. World Bank Publications.
11. OECD. (2017). *OECD recommendation on public integrity*. OECD Publishing.
12. OECD. (2020). *Digital transformation in the age of COVID-19: Building resilience and bridging divides*. OECD Publishing.
13. Pathak, R., Singh, G., Belwal, R., & Smith, R. F. I. (2020). E-governance and transparency in public procurement: Evidence from India. *International Journal of Public Administration*, 43(7), 580-594.
14. Transparency International. (2021). *The impact of digitalisation on corruption and the rule of law*. Transparency International Press.



15. Transparency International. (2024). *Corruption Perceptions Index 2023*. Transparency International Press
16. Transparency International. (2025). *Corruption Perceptions Index 2024*. Transparency International Press.
17. Từ Mai. (2021). Cuộc chiến chống tham nhũng ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 15(8), 45-52.
18. UN DESA. (2020). *Digital government in the decade of action for sustainable development*. United Nations Publications.

# PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG XUYÊN TẠC CUỘC ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY

*TS, Trung tá Lê Hà Ninh<sup>141</sup>*

**Tóm tắt:** *Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng không gian mạng tiến hành hoạt động xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Việt Nam. Đây là một thủ đoạn hết sức nguy hiểm. Trong bài viết, tác giả khẳng định tính đúng đắn, chính nghĩa của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng được Đảng, Nhà nước ta phát động thời gian qua, phản bác luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực thù địch. Đồng thời, nêu định hướng trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng.*

**Từ khóa:** *Đấu tranh phản bác; quan điểm sai trái, thù địch; không gian mạng; phòng, chống tham nhũng.*

1. Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động, chống đối vẫn không từ bỏ âm mưu, ý đồ xóa bỏ vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Hướng tấn công được các đối tượng tập trung thực hiện là tấn công trực diện, phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong đó một nội dung được chúng thực hiện thời gian qua là xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng được Đảng, Nhà nước ta phát động, qua đó “bôi nhọ”, hạ uy tín Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Thời gian qua, các tổ chức phản động lưu vong, trung tâm phá hoại tư tưởng bên ngoài, đối tượng phản động, chống đối triệt để lợi dụng không gian mạng thúc đẩy, gia tăng hoạt động truyền bá các quan điểm sai trái, thù địch, lan truyền thông tin xấu, độc xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta.

Các hình thức được các đối tượng sử dụng để truyền bá các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng là: <sup>(1)</sup> Lập mới, duy trì hàng ngàn trang website, blog, fanpage,

---

<sup>141</sup> Phó Trưởng khoa, Khoa An ninh chính trị nội bộ Trường Đại học An ninh nhân dân

tài khoản mạng xã hội Facebook, X, Instagram, Youtube, Tik tok...; <sup>(2)</sup> Lập các hội, nhóm công khai, nhất là các hội, nhóm “kín” để bàn luận, chia sẻ thông tin xấu, độc, sai trái, thù địch. <sup>(3)</sup> Lợi dụng các KOLs để tuyên truyền, phổ biến thông tin sai sự thật, xấu, độc. <sup>(4)</sup> Đẩy lượng lớn tin, bài có nội dung xấu độc, sai trái, thù địch vào email, tài khoản mạng xã hội của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, trí thức... có chủ đích. <sup>(5)</sup> Phỏng vấn đối tượng phản động, chống đối chính trị trong nước hoặc xuống “hiện trường” các vụ việc, vấn đề chính trị, xã hội nhạy cảm để tin, bài; <sup>(6)</sup> Soạn thảo, biên tập bài viết, hình ảnh, clip phóng sự, bình luận...

Nguy hiểm hơn, các đối tượng lợi dụng Internet, mạng xã hội kết hợp đa dạng các hình thức với mức độ dồn dập, “ồ ạt” trong một khoảng thời gian nhất định ở cấp độ “chiến dịch phá hoại tư tưởng”, “chiến dịch xuyên tạc” làm gia tăng tính chất, mức độ nguy hiểm của hoạt động lan truyền thông tin giả, xấu, độc hại, truyền bá các quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc, chống phá cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã và đang được Đảng, Nhà nước ta khởi xướng, phát động.

Khảo sát trên môi trường không gian mạng cho thấy, các thế lực thù địch đã tung ra nhiều luận điệu thể hiện các quan điểm sai trái, thù địch hòng xuyên tạc, chống phá cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta, nổi lên một số luận điệu như:

- “*Chống tham nhũng là cuộc đấu đá nội bộ, thanh trừng phe phái*”. Đây là luận điệu khá phổ biến của các đối tượng phản động, chống đối, phân tử cơ hội. Chúng cố tình đánh đồng giữa kỷ luật cán bộ, xử lý sai phạm với câu chuyện “đấu đá, thanh trừng nội bộ”, hòng “đánh lạc hướng” sự chú ý của dư luận, mưu đồ chia rẽ, phá hoại sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, trong Đảng, gây hoài nghi trong quần chúng nhân dân.

- “*Chống tham nhũng nhưng càng ngày càng phát hiện nhiều vụ việc hơn, vụ sau phức tạp hơn vụ trước, hậu quả, thiệt hại nặng nề hơn - Chứng tỏ không hiệu quả*”. Luận điệu này cho rằng, càng ngày càng nhiều cán bộ, đảng viên tham nhũng và rồi “chụp mũ”, quy kết bản chất của chế độ, bộ máy hành chính nhà nước, việc chống tham nhũng không đạt hiệu quả thực chất. Luận điệu này rất nguy hiểm, dễ khiến cho người tiếp nhận thông tin bị lôi kéo, dẫn dắt bởi thông tin xấu, độc được “ăn nấp” dưới lớp vỏ “thực tế”. Cần hết

sức cảnh giác trước luận điệu xảo biện này.

- “*Chống tham nhũng chỉ để “mị dân”*”. Luận điệu này được đưa ra với ý đồ thâm độc cho rằng, Đảng, Nhà nước ta làm “chiều lệ”, làm “hình thức”, làm cho có, xử lý một vài vụ việc, cá nhân để xoa dịu dư luận.

- “*Nhân danh chống tham nhũng để làm chậm quá trình cải cách, đổi mới, phát triển*”. Các đối tượng cho rằng, chống tham nhũng gây tâm lý sợ trách nhiệm, cán bộ sợ sai, không dám thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, làm chậm quá trình giải ngân, cản trở sự phát triển của các chương trình, dự án. Luận điểm này rất nguy hiểm, ở chỗ kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, chịu sự ảnh hưởng lớn bởi suy thoái kinh tế thế giới và nhiều yếu tố khách quan, chủ quan khác nhau. Song các đối tượng “đổ thừa” nguyên nhân là do “chống tham nhũng”. Đây là điều bất hợp lý, luận điểm được đưa ra với ý đồ xấu.

- “*Chống tham nhũng nhưng chưa đụng đến gốc rễ, “lợi ích nhóm” vẫn tồn tại, ngày càng phức tạp hơn*”. Các đối tượng cho rằng, những kẻ “chủ mưu, cầm đầu”, “trùm cuối” của “lợi ích nhóm”, tham nhũng chưa bị xử lý hoặc có sự xử lý chọn lọc.

Có thể khẳng định, các luận điệu thể hiện quan điểm sai trái, thù địch nêu trên được các thế lực thù địch, đối tượng phản động, chống đối, cơ hội đưa ra trong thời gian qua là hết sức nguy hiểm, để lại những hậu quả, tác hại không lường hết được. Bởi lẽ, mưu đồ thật sự của chúng là nhằm xuyên tạc mục đích tốt đẹp của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng; phủ nhận thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta; gây phân tâm xã hội, làm giảm sút ý chí, quyết tâm chống tham nhũng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, hệ thống chính trị và lòng tin của quần chúng nhân dân vào Đảng, Nhà nước, đặc biệt là với giới trẻ, trí thức. Trên thực tế, một bộ phận cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân do chưa hiểu đúng, hiểu rõ về cuộc đấu tranh của Đảng, Nhà nước, thiếu thông tin, chủ quan mất cảnh giác, mơ hồ về chính trị, hời hợt trong nhìn nhận, đánh giá, thiếu “bộ lọc thông tin” được tiếp nhận cho nên dễ bị lung lạc tư tưởng, mất niềm tin, bị “dắt mũi” bởi những thông tin xấu, độc, thậm chí có phát ngôn lệch chuẩn, hoặc bị lôi kéo tham gia

hoạt động xâm phạm an ninh, trật tự, như: Lợi dụng danh xưng chống tham nhũng để thành lập hội, nhóm trái pháp luật; soạn thảo, chia sẻ, lan truyền tin giả, tin sai sự thật gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, đi ngược lại đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về chống tham nhũng; bị kích động, lôi kéo tham gia biểu tình, phá rối an ninh, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố lớn. Nguy hiểm hơn, hoạt động của các đối tượng còn gây nguy cơ suy giảm lòng tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước, nguy cơ “phá vỡ” thế trận lòng dân, nhất là trong tình hình hiện nay.

2. Thực tiễn cho thấy, Đảng, Nhà nước ta có quan điểm nhất quán, coi tham nhũng, lãng phí là thứ “giặc nội xâm”, tham nhũng, lãng phí là một trong những biểu hiện của suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nội bộ. Công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tiếp tục được đẩy mạnh, có chiều sâu, bám sát thực tế, với phương châm: “không ngừng, không nghỉ”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, lĩnh vực nào”; đồng thời, khẩn trương làm rõ các trường hợp cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm trong các vụ án, vụ việc liên quan đến công tác nhân sự Đại hội đảng bộ, tham gia cấp ủy các cấp với tinh thần nghiêm túc, thận trọng, khách quan, kiên quyết, không để lọt vào khóa mới những cán bộ suy thoái, tham nhũng, tiêu cực. Nhiều vụ án, vụ việc được đưa ra xét xử theo đúng kế hoạch với mức án rất nghiêm khắc nhưng cũng rất nhân văn, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao. Tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan chức năng trong triển khai nhiệm vụ, tháo gỡ khó khăn, tiếp tục được nâng lên, *càng làm càng thấy rõ* những vấn đề của thực tiễn, *càng làm càng trúng* những yêu cầu đề ra, có chuyển biến rõ rệt. Đi cùng với đó, công tác thu hồi tài sản đạt được nhiều kết quả. Trong các phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước cùng những con số thực tế được các cơ quan chức năng công bố cho thấy quyết tâm “kiên quyết”, “kiên trì” của toàn Đảng, cả hệ thống chính trị và kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên thực tế đã góp phần phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngày càng củng cố niềm tin, sự đồng tình, ủng hộ của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Không những vậy, việc Trung ương kịp thời bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, trong đó bổ sung cho Ban Chỉ đạo nhiệm vụ phòng, chống lãng phí với nhiệm vụ trọng tâm là phòng, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công là việc rất hợp lý, đúng thời điểm, hợp lòng dân.

Theo thống kê, trong 10 năm, tính từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2022, đã có 170 cán bộ cấp cao thuộc diện Trung ương quản lý bị kỷ luật, trong đó có 33 ủy viên, nguyên ủy viên Trung ương Đảng, hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang; cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 2.700 tổ chức đảng, gần 168.000 đảng viên, trong đó có hơn 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng. Cũng trong 10 năm qua, các cơ quan tiến hành tố tụng cả nước đã khởi tố, điều tra 19.546 vụ/33.868 bị can, truy tố 16.699 vụ/33.037 bị can, xét xử sơ thẩm 15.857 vụ/30.355 bị cáo về các tội tham nhũng, chức vụ, kinh tế; trong đó, tội tham nhũng đã khởi tố, điều tra 2.567 vụ/5.841 bị can, truy tố 2.628 vụ/6.199 bị can, xét xử sơ thẩm 2.439 vụ/5.647 bị cáo. Qua công tác thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 44.700 tập thể, cá nhân sai phạm; kiến nghị thu hồi, xử lý tài chính hơn 975.000 tỷ đồng, gần 76.000ha đất; chuyển cơ quan điều tra gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế hơn 2.000 văn bản pháp luật. Cơ quan thi hành án dân sự các cấp đã thu hồi 61.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 34,7%, riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã thu hồi 50.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 41,3% [3]. Chỉ trong năm 2022, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật đối với 38 tổ chức đảng, 166 đảng viên và đề nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thi hành kỷ luật 19 tổ chức đảng và 43 đảng viên thuộc diện quản lý; riêng thành phố Hà Nội, năm 2022 đã kỷ luật 1.142 đảng viên cho thấy mức độ nghiêm trọng đến mức báo động đỏ về sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Đặc biệt, từ đầu năm 2024 cho đến tháng 4/2025, các cơ quan tố tụng cả nước đã tiến hành khởi tố, điều tra hơn 6.000 vụ án và trên 13.000 bị can, đã truy tố 5.040 vụ và 13.519 bị can; xét

xử sơ thẩm 5.134 vụ, 11.718 bị cáo về các tội tham nhũng, kinh tế. Trong đó, các cơ quan chức năng đã khởi tố mới 1.197 vụ án, 4.811 bị can về tội tham nhũng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 107 tổ chức đảng, 3.209 đảng viên. Đáng lưu ý, trong số 70 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý bị kỷ luật, có 28 ủy viên Trung ương, nguyên ủy viên Trung ương, gồm 03 lãnh đạo chủ chốt; 03 Phó Thủ tướng; 10 Bộ trưởng; 10 Bí thư, nguyên Bí thư các thành, tỉnh ủy; 11 Thứ trưởng, nguyên Thứ trưởng; 26 Chủ tịch, nguyên Phó Chủ tịch, 04 Phó Bí thư, nguyên Phó Bí thư cấp tỉnh [1].

Hơn nữa, người đứng đầu Đảng ta - Tổng Bí thư Tô Lâm tiếp tục khẳng định, quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: *“Bộ Chính trị, Ban Bí thư thống nhất cao chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đã quyết định bổ sung nội hàm phòng, chống lãng phí, tạo ra “bộ ba” cần phải loại bỏ là tham nhũng, lãng phí và tiêu cực”*. [1]. Như vậy, có thể khẳng định, với những dẫn chứng, số liệu, cùng những vấn đề khẳng định nhất quán lập trường, quan điểm chính trị và thực tiễn cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được Đảng, Nhà nước phát động, thực sự “tiền hô, hậu ủng”, “nhất hô, bá ứng”, “dọc ngang thông suốt”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn hết sức thuyết phục, bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch của các đối tượng hòng xuyên tạc tính chính luận, chính nghĩa, chính danh, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong mỗi thời kỳ của Đảng nhằm xây dựng, chỉnh đốn, củng cố Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

3. Thời gian tới, đất nước ta đứng thời cơ, vận hội mới, nhất là bước vào “Kỷ nguyên mới” - “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Điều này đòi hỏi sự quyết tâm, đồng lòng, “dọc ngang, thông suốt”, “tiền hô, hậu ủng” của toàn bộ hệ thống chính trị, toàn đảng, toàn quân, toàn dân dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, không ngừng tăng cường pháp chế Xã hội chủ nghĩa. Trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của công tác tư tưởng, với nhiệm vụ hướng dẫn, cổ vũ, động viên, lôi cuốn toàn bộ hệ thống chính trị, toàn đảng, toàn quân, toàn dân tạo sự đồng thuận xã hội, tập hợp lực lượng, thống nhất hoạt động dưới sự lãnh

đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành thống nhất của Chính phủ. Khi đó, trăm triệu người dân Việt Nam, từ cán bộ, đảng viên đến quần chúng nhân dân, từ trên xuống dưới, từ trong nội bộ đến ngoài xã hội, “muôn người như một”, “đọc ngang thông suốt”, “đồng tâm hiệp lực”, “chung sức đồng lòng”, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức sẽ góp phần quyết định thắng lợi của công cuộc phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Trong tình hình hiện nay và thời gian tới, nhiệm vụ công tác tư tưởng đang tập trung thực hiện chính là bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Trong đó, một trong những yêu cầu bức thiết thực tiễn đang đặt ra là tăng cường đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước. Theo đó, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung theo hướng sau:

**Một là, phát huy vai trò của các cơ quan chuyên trách làm chủ mặt trận tư tưởng văn hóa, nhất là trên không gian mạng.** Cần đặc biệt coi trọng, phát huy cao độ vai trò của Ban Tuyên giáo và Dân vận các cấp, đội ngũ cán bộ tuyên giáo và dân vận, Ban Chỉ đạo 35 các bộ, ban, ngành, các lực lượng đấu tranh trên không gian mạng. Trong đó, cần chủ động nắm chắc tình hình, phân tích, đánh giá sát, đúng để từ đó kịp thời phát hiện, đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Khẩn trương định hướng thông tin, làm rõ tính xảo biện, xuyên tạc trong của các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch; âm mưu, ý đồ, bản chất của đối tượng truyền bá các thông tin sai trái, xấu, độc, thù địch. Cung cấp thông tin chính thống đảm bảo tính chính xác, khách quan, kịp thời để định hướng dư luận, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, tránh để bị lôi kéo, ảnh hưởng bởi những luận điệu xấu, độc. Coi trọng phủ xanh thông tin tích cực với phương châm “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”, “lấy cái tích cực đẩy lùi cái tiêu cực”. Củng cố, phát huy vai trò quan trọng của đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội, lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, định hướng thông tin. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, vai trò của hệ thống cơ quan báo chí, thông tin, truyền thông trong tham gia bảo vệ vững



chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch. Nhất là, tăng cường trách nhiệm, giữ nghiêm kỷ luật thông tin về các vấn đề như chính trị, đối ngoại, vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn, kết hợp chặt chẽ và đồng bộ các loại hình báo chí truyền thông.

*Hai là, mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, đi đầu trong tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.* Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” xác định quan điểm thứ hai là: “Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn...; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân... của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu” [2]. Như vậy, mỗi cán bộ, đảng viên giữ vai trò rất quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Để đấu tranh phản bác các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng của Đảng, Nhà nước ta, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cần rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng, tích cực học tập lý luận chính trị về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tích cực học tập, quán triệt Cương lĩnh chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng, chiến lược, chính sách của Nhà nước trên các lĩnh vực, nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi dưỡng nền tảng tri thức chính trị - xã hội đúng đắn, khoa học, cách mạng để từ đó có khả năng nhận diện, đấu tranh phản bác những luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, đi đầu, đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, nhân dân, “thấy đúng tích cực bảo vệ, thấy sai kiên quyết đấu tranh”, “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”; có tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và dám từ chức khi thấy mình không đủ điều kiện, năng lực, uy tín hoàn thành nhiệm vụ.

*Ba là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chính trị đối*

với các tầng lớp nhân dân, cảnh giác và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhằm bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước, trách nhiệm với Tổ quốc, lòng tự hào dân tộc, xây dựng niềm tin khoa học vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta lựa chọn; tạo sự đồng thuận của quần chúng nhân dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao hiểu biết về âm mưu, ý đồ, phương thức, thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch, phản động, chống đối truyền bá các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu, độc; tăng cường khả năng “tự bảo vệ”, “sức đề kháng”, biết khai thác, sử dụng Internet một cách hiệu quả, thiết thực, lành mạnh và tích cực tham gia đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch trên Internet. Cần gắn kết hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng với các cuộc vận động, sinh hoạt chính trị lớn của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền. Qua đó góp phần thực hiện chủ trương “đại chúng”, “bình dân học vụ” trong học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo Thanh tra (2025), *Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại cuộc gặp mặt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước với cán bộ lão thành cách mạng, người có công, gia đình chính sách tiêu biểu khu vực miền Bắc, chiều ngày 15/4/2025 tại Hà Nội, Hà Nội*. Địa chỉ: <https://thanhtra.com.vn/doi-noi-52FA82FBF/tong-bi-thu-to-lam-quyet-loai-bo-bo-ba-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc.html> Thứ ba, 15/4/2025 - 19:19
2. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị (Khóa XII) về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Hà Nội*.
3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2022), *Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012 - 2022 tại Hà Nội, Hà Nội*. Địa chỉ: <http://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-tong-ket-10-nam-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-giai-doan-2012-2022.html> Thứ năm, 30/6/2022 - 16:14.

# TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA TRẦN THỦ ĐỘ VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Mai Viết Cường<sup>142</sup>

**Tóm tắt bài viết:** Bài viết phân tích tư tưởng pháp trị của Trần Thủ Độ, người tiên phong đặt nền móng cho truyền thống pháp quyền Đại Việt. Ông thể hiện sự thượng tôn pháp luật, xử lý công bằng và nghiêm minh, không phân biệt quyền lực hay quan hệ thân quen, khẳng định nguyên tắc pháp trị vượt trên mọi lợi ích cá nhân. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, những giá trị này vẫn giữ nguyên sức sống, làm cơ sở quan trọng cho công tác phòng, chống tham nhũng nhằm củng cố niềm tin nhân dân. Bài viết nhấn mạnh cần loại bỏ tâm lý “nể nang”, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực và minh bạch xử lý vi phạm. Đặc biệt, vai trò của đội ngũ cán bộ gương mẫu, liêm chính, nhất là người đứng đầu, được xem như chuẩn mực bắt buộc, góp phần xây dựng văn hóa chính trị liêm chính trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Việc vận dụng tư tưởng pháp trị của Trần Thủ Độ không nhằm phục cổ mà để phục hưng giá trị pháp quyền truyền thống, nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng hiện nay.

**Từ khóa:** Phòng, chống tham nhũng; Tư tưởng pháp trị; Trần Thủ Độ.

## 1. Trần Thủ Độ – Hình mẫu tiêu biểu của tư tưởng pháp trị thời Trần

Trần Thủ Độ (1194–1264) là một trong những nhân vật có vai trò đặc biệt trong lịch sử Việt Nam, không chỉ với tư cách là nhà kiến thiết thể chế triều Trần, mà còn là người đặt nền móng cho tư tưởng pháp trị – một cách tiếp cận quản lý xã hội bằng pháp luật nghiêm minh, đặt lợi ích quốc gia – dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, dòng tộc.

Trần Thủ Độ không phải là nhà tư tưởng pháp trị, mà là người *thực hành pháp trị*. Ở một đất nước như Đại Việt, nơi mà hoà bình chỉ là những chặng nghỉ giữa những cuộc chiến chống ngoại xâm, thì tính quyết đoán, dứt khoát trong xử lý tình huống chính trị không chỉ cần thiết, mà còn cấp bách, vì nó góp phần cứu vãn cả cơ đồ dân tộc một cách có hiệu quả. Trần Thủ Độ, theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, được phú bẩm một tố chất đặc biệt. Ông “không có học vấn cao, nhưng tài lược hơn người”<sup>143</sup>. Tài lược trong những hoàn cảnh đặc biệt không cần được đào luyện một cách căn bản, chính quy, không cần

<sup>142</sup> Ban Tuyên giáo thành Ủy Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

<sup>143</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 32.

được chuẩn bị theo một lộ trình định sẵn. Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh điều đó qua các hình tượng huyền thoại lần hiện thực, từ Thánh Gióng đến các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần và thời đại Hồ Chí Minh.

Pháp trị của Trần Thủ Độ không thể giản lược như một sự mô phỏng hay phái sinh từ tư tưởng Pháp gia Trung Hoa, đặc biệt là từ học thuyết của Hàn Phi. Nếu pháp trị của Hàn Phi là một hệ thống tư tưởng đầy tính duy lý, sắt lạnh và tuyệt đối hóa quyền lực nhà vua – nơi pháp luật được xem như công cụ thuần túy nhằm duy trì trật tự thông qua trừng phạt và kiểm soát – thì pháp trị của Trần Thủ Độ, trái lại, lại biểu hiện một sự dung hòa mang tính bản địa cao độ giữa luật pháp và đạo lý, giữa uy quyền và nhân nghĩa, giữa kỷ cương và dân sinh.

Khác với Hàn Phi, người chủ trương “thường phạt nghiêm minh, vô tình như pháp”, Trần Thủ Độ vận dụng pháp luật không như một cơ chế cưỡng chế thuần túy, mà như một phương tiện tổ chức lại trật tự xã hội trên cơ sở phục vụ lợi ích căn cơ của quốc gia – dân tộc, tức là “an dân”, “dưỡng dân”, “giáo dân” và “bảo dân”. Từ đây có thể thấy rằng pháp trị của Trần Thủ Độ mang dáng dấp của một hình thức trị quốc linh hoạt, thực dụng, nhưng không vô nguyên tắc; là sự kết tinh giữa tinh thần pháp quyền và bản năng bảo tồn cộng đồng của người Việt – vốn đã được hun đúc từ hàng nghìn năm trước trong các cộng đồng làng xã tự quản.

Cần nhấn mạnh rằng cả Nho gia lẫn Pháp gia, một khi du nhập vào Việt Nam, đều không giữ nguyên bản thể lý luận như trong không gian văn hóa Hán, mà luôn phải đi qua quá trình “khúc xạ bản địa” – tức bị điều chỉnh, cắt gọt, tiếp biến để phù hợp với đạo lý, thực tiễn và tâm thế của người Việt. Trong lịch sử trị quốc của Đại Việt, không có học thuyết ngoại lai nào được tiếp nhận nguyên vẹn như một thứ giáo điều. Người Việt tiếp thu Nho gia nhưng không trọng tôn ti cứng nhắc, tiếp nhận Pháp gia nhưng không tuyệt đối hóa hình phạt, cảm thụ Lão – Trang nhưng không đắm chìm trong vô vi, quy ngưỡng Phật giáo nhưng không bỏ quên thế tục. Tư tưởng trị quốc của Trần Thủ Độ là biểu hiện cụ thể của tinh thần tổng hợp đó.

*Điều quan trọng hơn cả là:* Trần Thủ Độ không phải là một “độc giả” của Hàn Phi hay Khổng Tử theo nghĩa học thuật, mà là một “thực hành gia” của chính trị – người hành động dựa trên hoàn cảnh lịch sử cụ thể và yêu cầu vận mệnh quốc gia. Pháp trị của ông không dựa trên hệ thống lý thuyết sẵn có, mà hình thành từ yêu cầu sống còn của một xã hội đang trải qua khủng hoảng chuyển tiếp – nơi sự sụp đổ của nhà Lý và sự thiết lập của

triều Trần đòi hỏi một bàn tay cứng rắn nhưng không mù quáng, một quyền lực vừa hiệu quả vừa không xa rời đạo lý dân tộc.

Tư tưởng “dân là gốc” trong pháp trị Trần Thủ Độ, do đó, không nên được hiểu giản đơn như một sự kế thừa từ Nho gia Khổng – Mạnh. Ngược lại, chính truyền thống dân chủ tự phát trong cấu trúc làng xã Việt Nam – nơi cộng đồng là thiết chế tối cao, nơi lý lẽ sống chung vượt lên trên mệnh lệnh áp đặt – mới là nền tảng sâu xa hình thành quan niệm trị nước của Trần Thủ Độ. Quan hệ giữa người cai trị và người bị trị trong xã hội Đại Việt chưa bao giờ là quan hệ tuyệt đối hóa như mô hình “quân – thần” cổ điển của Trung Hoa. Nó là một quan hệ tương tác phức tạp, mang tính cộng sinh giữa vua và dân, giữa triều đình và thôn xã.

Từ đó, có thể khẳng định rằng pháp trị của Trần Thủ Độ là một biểu hiện đặc sắc của tinh thần trị quốc Đại Việt: không rập khuôn theo mô hình ngoại lai, không thần thánh hóa học thuyết, mà luôn gắn liền với thực tiễn đất nước và vận mệnh dân tộc. Trần Thủ Độ, cùng với các vị vua đầu triều Trần như Thái Tông, Thánh Tông và Trần Hưng Đạo, đã kế thừa và nâng tầm tinh thần trị quốc này, kết tinh thành một dạng lý tính chính trị đặc thù, mà ngày nay ta có thể gọi là “pháp trị nhân bản” – pháp trị đặt con người, dân tộc, quốc gia làm trung tâm, thay vì chỉ phục vụ một quyền lực độc tôn.

Tư duy này sau này còn được Hồ Chí Minh tiếp nối một cách sâu sắc. Người cũng dùng ngôn ngữ và điển tích Nho giáo, nhưng tuyệt nhiên không bị Nho giáo hóa. Người vận dụng Nho gia như một phương tiện văn hóa, chứ không như một khuôn mẫu tư tưởng. Cũng như Trần Thủ Độ trước kia, Hồ Chí Minh thực hành trị quốc không từ những sách lược giáo điều, mà từ những nguyên tắc sống động của hiện thực lịch sử Việt Nam – nơi dân tộc là điểm tựa, và nhân dân là chủ thể.

Trong thời điểm đầy biến động khi quyền lực chuyển giao từ triều Lý sang triều Trần, Trần Thủ Độ không chỉ đóng vai trò như một kiến trúc sư chính trị bảo đảm sự chuyển tiếp êm thấm của vương quyền, mà còn đặt nền móng cho một hình thức pháp trị mang bản sắc Đại Việt: thực tiễn, linh hoạt nhưng nghiêm minh; hướng đến an dân, ổn định quốc gia, và tạo dựng trật tự chính trị bền vững. Pháp trị của Trần Thủ Độ vì thế không thể hiểu một cách đơn giản như kỹ thuật chính trị, mà phải được nhìn nhận như một phương thức trị quốc tổng hợp, đi trước tư tưởng pháp quyền hiện đại hàng thế kỷ ở nhiều khía cạnh cốt lõi.

## **2. Nội dung cốt lõi trong tư tưởng pháp trị của Trần Thủ Độ**

Tư tưởng pháp trị của Trần Thủ Độ thể hiện qua năm điểm nổi bật:

**Thứ nhất**, Trần Thủ Độ nhận thức rõ rằng ổn định chính trị và thống nhất quốc gia không chỉ là vấn đề quyền lực triều đình, mà là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển kinh tế, xã hội, và văn hóa. Ông đặt ra một ưu tiên có tính chiến lược: dẹp loạn, định ngôi, củng cố trật tự – xem đó như điều kiện nền tảng để phục hồi và phát triển đất nước sau một thời kỳ suy thoái cuối thời Lý. Như vậy, pháp trị ở đây không tách rời khỏi mục tiêu phát triển tổng thể, mà chính là công cụ để hiện thực hóa nó.

**Thứ hai**, Trần Thủ Độ hiểu rõ rằng không thể có sự ổn định quốc gia nếu triều đình không vững mạnh. Do đó, ông đề cao việc củng cố vương quyền và tạo sự đoàn kết nội bộ như một điều kiện để củng cố lòng dân. Đây là điểm nổi bật cho thấy pháp trị của Trần Thủ Độ không mang tính áp đặt từ trên xuống, mà là sự kết nối giữa quyền lực trung ương và cảm thức cộng đồng, giữa “trị thiên hạ” và “thu phục nhân tâm”.

**Thứ ba**, pháp trị dưới tay Trần Thủ Độ luôn gắn với tinh thần thượng tôn pháp luật và kỷ cương nghiêm minh. Tuy nhiên, điều làm nên tính nhân văn của mô hình pháp trị này là sự kết hợp với phương pháp nêu gương – một hình thức lãnh đạo bằng đạo đức thực hành hơn là diễn ngôn giáo huấn. Ông xử lý cả người trong dòng tộc, thân thích, quan lại hay dân thường bằng một chuẩn mực chung, tạo ra hình ảnh một chính quyền “có luật mà dân phục, có kỷ cương mà không hà khắc”.

**Thứ tư**, pháp trị của Trần Thủ Độ thể hiện tính uyển chuyển và biện chứng cao độ – điều mà ông từng thể hiện rõ qua quan điểm “thời biến, pháp biến”. Khác với lối tư duy pháp trị cứng nhắc kiểu Hàn Phi, Trần Thủ Độ không tuyệt đối hóa văn bản luật, mà vận dụng pháp luật như một công cụ được điều chỉnh theo thời cuộc, để thích ứng với bối cảnh lịch sử và nhu cầu tồn vong của quốc gia. Đây là sự linh hoạt đầy tinh tế, giúp chính quyền không rơi vào bế tắc giáo điều, mà vẫn duy trì được tính chính danh và hiệu lực.

**Thứ năm**, ông đề cao tính thực tiễn và hiệu quả như là thước đo tối hậu của mọi chính sách trị quốc. Đường lối pháp trị của Trần Thủ Độ không được xây dựng từ những lý thuyết viển vông, mà được định hình bởi yêu cầu thực tế của xã hội, bởi khát vọng ổn định quốc gia và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Chính vì vậy, nhân dân Đại Việt thời bấy giờ “vừa kính vừa sợ” – kính vì đạo lý và sự công minh, sợ vì kỷ cương nghiêm minh và hiệu lực xử lý.

Từ những nội dung trên, có thể thấy Trần Thủ Độ không chỉ là một nhà tổ chức chính trị lỗi lạc, mà còn là người đặt nền tảng cho truyền thống pháp quyền của Việt Nam – một truyền thống không tách rời khỏi bối cảnh lịch sử – văn hóa bản địa, không giáo

điều theo mô hình ngoại nhập, mà là sự kết hợp giữa nguyên tắc và linh hoạt, giữa pháp luật và đạo lý, giữa quyền lực và trách nhiệm với dân. Mô hình pháp trị của ông, xét về nhiều mặt, đã chứa đựng những yếu tố của tư duy pháp quyền hiện đại: thượng tôn pháp luật, công bằng xã hội, tính minh bạch và trách nhiệm chính trị.

Do đó, nói rằng Trần Thủ Độ “đi trước thời đại” không chỉ là sự ca ngợi mang tính tu từ, mà phản ánh một sự thật lịch sử: rằng trong điều kiện và giới hạn thời trung đại, ông đã sáng tạo ra một phương thức trị quốc mang tinh thần pháp trị hiện đại, phù hợp với bản sắc Đại Việt và nhu cầu sinh tồn của dân tộc.

### **3. Giá trị tư tưởng pháp trị của Trần Thủ Độ trong công cuộc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay**

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, công cuộc phòng, chống tham nhũng không chỉ là yêu cầu cấp bách về mặt quản trị quốc gia, mà còn là một sứ mệnh chính trị – đạo đức mang tính nền tảng để khôi phục và củng cố niềm tin của nhân dân vào chính thể<sup>144</sup>. Ở bình diện này, tư tưởng và thực tiễn pháp trị của Trần Thủ Độ – với vai trò là người đặt nền móng cho truyền thống pháp quyền Đại Việt – vẫn còn nguyên giá trị như một tấm gương lịch sử để suy ngẫm và vận dụng<sup>145</sup>

#### ***Thứ nhất, thượng tôn pháp luật và nguyên tắc bình đẳng pháp lý***

Tham nhũng, xét đến cùng, không chỉ là sự tha hóa đạo đức cá nhân mà còn là biểu hiện của sự lệch chuẩn trong thực thi pháp luật – nơi mà quyền lực bị sử dụng tùy tiện, luật pháp bị vô hiệu hóa bởi các “ngoại lệ chính trị”, “vùng cấm đặc quyền” hay các thỏa hiệp nhóm lợi ích<sup>146</sup>. Nó là hiện thân sống động của một trạng thái “pháp luật yếu vì quyền lực mạnh”<sup>147</sup>. Trong bối cảnh đó, tư tưởng của Trần Thủ Độ – người kiên quyết đặt mọi cá nhân, kể cả thân thích hay công thần, dưới sự chi phối của pháp luật – là một minh triết trị quốc đáng để kế thừa<sup>148</sup>.

Trần Thủ Độ đã từng tuyên bố không khoan dung với bất kỳ ai vi phạm phép nước, dù đó là người trong họ Trần. Ông xử lý công minh những trường hợp vượt chuẩn mực pháp lý – kể cả hoàng tộc – như một thông điệp về sự nghiêm cần và bất khả xâm phạm của luật pháp. Tư tưởng ấy không chỉ là biểu hiện của tính cách cứng rắn, mà là lựa chọn

<sup>144</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr. 170–172.

<sup>145</sup> Nguyễn Tài Thư (chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2001, tr. 230–235.

<sup>146</sup> Ban Nội chính Trung ương, *Phòng, chống tham nhũng: Vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019, tr. 56–60.

<sup>147</sup> Montesquieu, *The Spirit of the Laws*, 1748.

<sup>148</sup> Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học, 2005, tr. 287–290.

chiến lược nhằm tạo dựng niềm tin xã hội vào công lý, vào chính thể mới. Điều đó cho thấy: pháp trị, muốn có hiệu lực, phải vượt lên mọi thứ tình cảm, vị nể, ân huệ – nó phải trở thành nguyên lý phổ quát, chi phối toàn bộ không gian quyền lực.

Việt Nam muốn phòng, chống tham nhũng một cách căn cơ thì phải kiên quyết triệt tiêu tâm lý “nể nang”, “giơ cao đánh khẽ” trong xử lý sai phạm. Luật pháp không thể bị biến thành một thứ “đạo đức mềm” có thể điều chỉnh tùy tiện theo thân phận hay địa vị chính trị<sup>149</sup>. Phải thừa nhận một cách thẳng thắn rằng: việc xử lý nội bộ, “phê bình rút kinh nghiệm”, hay “giơ cao đánh khẽ” chính là hình thức làm xói mòn tính nghiêm minh của pháp luật – và từ đó, gián tiếp nuôi dưỡng tham nhũng.

Vì thế, bài học then chốt từ Trần Thủ Độ là: xây dựng một hệ thống pháp luật có khả năng kháng cự với quyền lực, và bảo đảm nguyên tắc bình đẳng pháp lý tuyệt đối – nơi không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có thỏa hiệp nào có thể vượt lên trên pháp luật. Đó là điều kiện tiên quyết để luật pháp thực sự trở thành “thanh gươm công lý”, chứ không phải là thứ công cụ hành chính có thể “uốn nắn theo ý chí của lãnh đạo”.

*Muốn như vậy, Việt Nam cần tiếp tục:* 1) Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, đặc biệt là cơ chế giám sát quyền lực trong nội bộ các thiết chế quyền lực; 2) Thực thi triệt để nguyên tắc minh bạch và công khai trong xử lý vi phạm, đưa mọi hành vi ra trước công luận như một cách khôi phục niềm tin của dân; 3) Loại bỏ tư duy “nội bộ hóa sai phạm”, vì đó chính là vùng tối làm mất đi hiệu lực răn đe và công lý.

Tư tưởng “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” không thể chỉ là khẩu hiệu trong các văn bản hiến định, mà phải được biến thành hành động cụ thể, từ lời nói đến cách hành xử của từng cán bộ. Và nếu Trần Thủ Độ – một nhân vật trung đại – đã có thể làm được điều ấy trong hoàn cảnh khốc liệt của một triều đại mới hình thành, thì điều đó lại càng phải là chuẩn mực bắt buộc trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện đại hôm nay.

***Thứ hai, xây dựng đội ngũ cán bộ gương mẫu, liêm chính – khởi đầu từ đạo đức chính trị của người đứng đầu.***

Không thể xây dựng một nền pháp trị vững chắc nếu thiếu một đội ngũ cán bộ gương mẫu về đạo đức, kiên định về lập trường, và liêm chính trong hành động. Trong lịch sử Việt Nam, Trần Thủ Độ nổi lên không chỉ như một nhà thiết kế quyền lực, mà sâu xa hơn, như một biểu tượng của *đạo đức chính trị*: cương trực, liêm khiết, dám làm

---

<sup>149</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 354.



gương, dám chịu trách nhiệm và dám từ bỏ quyền lực đúng thời điểm. Ông thể hiện rõ quan điểm: người trị quốc trước hết phải tự trị bản thân, bởi quyền lực không phải là đặc quyền để hưởng thụ, mà là công cụ để phục vụ đất nước.

Điểm đáng chú ý trong tư tưởng của Trần Thủ Độ là sự nhất quán giữa lời nói và hành động – “nói đi đôi với làm” không phải là khẩu hiệu, mà là nguyên lý hành xử. Khi ông từ chối ưu đãi cho người thân, không bao che cho sai phạm của dòng tộc, và không lợi dụng địa vị để kéo dài ảnh hưởng cá nhân, ông đã thiết lập một thứ “kỷ luật chính trị” thâm lặng nhưng đầy sức nặng. Đó không chỉ là cách trị nước, mà là cách giáo hóa nhân tâm.

Từ đó, có thể rút ra một nguyên lý cốt lõi cho Việt Nam hiện nay: phòng, chống tham nhũng không thể bắt đầu từ các mệnh lệnh hành chính hay từ các văn bản khô cứng, mà phải bắt đầu từ việc xây dựng một hệ quy chiếu đạo đức – chính trị vững vàng trong từng người cán bộ, nhất là người đứng đầu. Trong hệ quy chiếu ấy, “nêu gương” không phải là khuyến nghị đạo đức tùy nghi, mà là một chuẩn mực cư xử mang tính chế định chính trị, là phần không thể tách rời của cấu trúc quyền lực Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

*Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ các biện pháp sau:* 1) Thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá liêm chính và trách nhiệm giải trình rõ ràng, có thể đo lường được, gắn liền với kết quả công việc và tác động xã hội, không chỉ đánh giá bằng báo cáo hành chính mà cần lắng nghe đánh giá từ nhân dân, các tổ chức xã hội và cơ quan kiểm tra độc lập; 2) Áp dụng chế tài mạnh mẽ và đồng bộ đối với cán bộ vi phạm, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo. Việc “kỷ luật nêu gương” phải trở thành một cơ chế thực thi pháp trị, chứ không chỉ là thông điệp đạo đức; 3) Chống bao che, dung túng trong nội bộ bằng cách xây dựng cơ chế phản biện nội bộ và bảo vệ người tố cáo tham nhũng; phá vỡ “vòng tròn im lặng” vốn là môi trường dung dưỡng tha hóa quyền lực; 4) Thúc đẩy minh bạch tài sản và thu nhập của cán bộ như một công cụ phòng ngừa chứ không phải đối phó, đi kèm với các biện pháp xác minh độc lập, xử lý nghiêm các trường hợp kê khai gian dối.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay, yêu cầu đặt ra không chỉ là “có cán bộ liêm chính”, mà là thiết lập một văn hóa chính trị liêm chính, nơi người lãnh đạo được nhìn nhận và đánh giá không chỉ bằng tài năng, mà còn bằng *sức nặng đạo đức* và *gương mẫu của họ trước nhân dân*. Và đó chính là một trong những bài học lớn nhất mà Trần Thủ Độ – một nhà chính trị từ thế kỷ XIII – đã để lại cho thời đại hôm nay.

***Thứ ba, gắn pháp trị với đạo trị***

Một nền pháp trị chỉ có thể bền vững khi không tách rời khỏi nền tảng đạo lý. Nếu pháp luật là biểu hiện khách quan của ý chí Nhà nước nhằm điều chỉnh hành vi xã hội, thì đạo đức công vụ là nội lực bên trong dẫn dắt hành vi của người cán bộ – công chức đi vào quỹ đạo đúng đắn, không phải vì sợ bị trừng phạt, mà vì ý thức được trách nhiệm và danh dự của mình trước nhân dân. Trong lịch sử, Trần Thủ Độ chính là người thể hiện rõ nhất nguyên tắc “pháp trị không tách rời đạo trị” – trị quốc bằng pháp luật, nhưng cảm hóa nhân tâm bằng gương mẫu, tiết chế dục vọng cá nhân, và tinh thần công chính.

Triết lý chính trị của Trần Thủ Độ không dừng lại ở việc áp dụng nghiêm minh các chế tài, mà còn cho thấy chiều sâu của một tư duy biện chứng: kỷ cương pháp lý phải đi cùng sự nuôi dưỡng nội lực đạo đức. Ông không hành xử pháp quyền như một cơ chế lạnh lùng, mà như một sự thực hành chính trị gắn chặt với nhân cách người lãnh đạo. Sự kết hợp giữa “pháp lý” và “giáo hóa” ấy là điểm vượt thời đại, đi trước các lý thuyết hiện đại về quản trị nhà nước ít nhất vài thế kỷ.

*Bài học quan trọng cho Việt Nam hôm nay là:* trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phòng, chống tham nhũng, không thể chỉ dựa vào công cụ cưỡng chế hoặc các bộ luật hoàn chỉnh. Luật pháp cần được “thấm” vào hành vi hằng ngày của cán bộ, mà điều này chỉ đạt được khi giá trị đạo đức công vụ được khơi dậy như một “niềm tin nội tại” chứ không chỉ như một “nghĩa vụ hành chính”.

*Vì vậy, gợi mở cho hiện tại là:* 1) Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục chính trị – tư tưởng và đạo đức cách mạng trong toàn hệ thống chính trị, nhất là trong khối cán bộ lãnh đạo, quản lý. Việc học tập lý luận không thể dừng ở hình thức mà cần gắn với các tình huống thực tiễn, nhấn mạnh tính phản tỉnh đạo đức và trách nhiệm công vụ; 2) Xây dựng văn hóa công vụ gắn với các giá trị như liêm chính, phục vụ, minh bạch và công tâm, không chỉ qua quy chế, mà qua các chuẩn mực được củng cố bằng thực tiễn nêu gương và truyền thông chính trị tích cực; 3) Tăng cường hiệu quả của các công cụ kiểm tra, giám sát, nhưng đồng thời cần kết hợp với các cơ chế “tự kiểm”, khuyến khích cán bộ tự soi, tự sửa, tự giác nâng cao phẩm chất đạo đức như một phần trong đánh giá năng lực chính trị; 4) Tạo dựng không gian đạo lý trong bộ máy công quyền, nơi mà hành vi tốt được ghi nhận, gương mẫu được lan tỏa, và các giá trị đạo đức được định vị như nền móng tạo nên sự chính danh cho quyền lực nhà nước.

Trong một xã hội pháp quyền, pháp luật là tối thượng. Nhưng trong một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đạo đức – đặc biệt là đạo đức công vụ – chính là linh hồn của pháp luật. Trần Thủ Độ, bằng hành động và tư tưởng, đã cho thấy một kiểu mẫu lãnh

đạo mà Việt Nam hôm nay vẫn có thể học hỏi: nghiêm khắc về luật pháp, nhưng đầy nhân bản trong thực thi, dùng đạo lý để bồi đắp kỷ cương, và dùng nhân cách để củng cố niềm tin của dân vào công quyền.

***Thứ tư, kiến tạo hệ thống pháp luật minh bạch, ổn định và khả kiểm***

Trong nền trị quốc của Trần Thủ Độ, pháp luật không phải là một tập hợp các điều khoản hình thức, mà là công cụ điều hòa quyền lực và ổn định xã hội, bảo đảm cho quốc gia vượt qua cơn chuyển giao quyền lực đầy biến động từ nhà Lý sang nhà Trần. Ông hiểu rằng pháp luật chỉ có sức mạnh thực tiễn khi nó rõ ràng, ổn định, có thể tiên liệu và thi hành được, chứ không phải là một hệ thống mơ hồ để kẻ có quyền tùy tiện diễn giải. Trong di sản của ông, pháp trị không đồng nghĩa với cưỡng chế đơn thuần, mà là sự thiết lập một trật tự công lý bền vững, làm nền móng cho sự phục hưng đất nước sau biến loạn.

Đó là bài học đầy giá trị cho Việt Nam hôm nay, khi công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ dừng ở việc ban hành luật, mà quan trọng hơn là kiến tạo một hệ thống pháp lý minh bạch, khả thi và dễ giám sát. Trong bối cảnh hiện đại, thách thức không chỉ đến từ những hành vi vi phạm luật pháp, mà nguy hiểm hơn là từ “tham nhũng chính sách” – khi pháp luật trở thành công cụ phục vụ lợi ích nhóm, bị lách, bị uốn cong hoặc cố tình thiết kế mập mờ để mở đường cho hành vi trục lợi chính danh.

Bài học từ Trần Thủ Độ cho thấy: muốn pháp trị có hiệu quả, thì luật pháp không được biến thành đặc quyền, không để lại “kẽ hở cho sự khôn vặt”; nó phải thể hiện công lý một cách minh bạch, thống nhất và có tính ổn định để người dân có thể tin tưởng và dựa vào.

*Gợi mở cho Việt Nam hiện nay là:* 1) Hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ tiếp cận và dễ thực thi. Điều này đòi hỏi không chỉ kỹ thuật lập pháp tốt, mà còn yêu cầu tư duy thể chế phải thay đổi: từ điều tiết quyền lực sang kiểm soát quyền lực; từ phục vụ bộ máy sang phục vụ nhân dân; 2) Thể chế hóa mạnh mẽ các thiết chế giám sát quyền lực một cách độc lập, đặc biệt là vai trò của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan tư pháp. Những thiết chế này phải có năng lực thực chất, không bị vô hiệu hóa bởi sự can thiệp hành chính hay ảnh hưởng chính trị; 3) Tăng cường vai trò giám sát xã hội – bao gồm báo chí, người dân, trí thức và các tổ chức xã hội dân sự – như một thành phần cấu thành của kiến trúc pháp quyền hiện đại. Đó không phải là sự “đổi đầu” với chính quyền, mà là cơ chế phản hồi dân chủ, giúp quyền lực được soi rọi, điều chỉnh và minh bạch hóa; 4) Xây dựng cơ sở dữ liệu pháp lý

mở, truy cập công khai, để người dân không chỉ biết luật mà còn giám sát được việc thực thi luật. Minh bạch hóa chính là điều kiện tiên quyết để phòng ngừa từ gốc các hành vi “luật tùy người”, “chính sách hai mặt”.

Nói cách khác, pháp trị hiện đại không dừng lại ở việc ban hành luật, mà là thiết lập một hệ sinh thái công lý vận hành trơn tru, có thể kiểm chứng và bị giám sát thường xuyên. Trần Thủ Độ đã khởi dựng nền tảng cho điều đó từ thế kỷ XIII – một tinh thần pháp quyền “vừa cứng rắn vừa hợp lý”, “vừa nghiêm minh vừa hiệu quả”. Việt Nam hôm nay có thể kế thừa di sản ấy để thiết lập một Nhà nước thực sự vì dân, của dân và do dân – nơi không ai đứng trên luật, và mọi hành vi đều có thể được soi sáng dưới ánh sáng của công lý và minh bạch.

### **3. Kết luận**

Tư tưởng pháp trị của Trần Thủ Độ không chỉ là những biện pháp hành chính nghiêm khắc trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, mà là sự kết tinh của trí tuệ trị quốc, đạo lý chính trị và tinh thần khai sáng vượt thời đại. Ông đặt nền móng cho một hình thái pháp quyền mang bản sắc Việt – nơi luật pháp không chỉ là công cụ cai trị, mà là trật tự đạo lý và nguyên tắc công bằng để ổn định xã hội và điều tiết quyền lực.

Trong bối cảnh hiện nay, khi công cuộc phòng, chống tham nhũng trở thành trận tuyến chính trị – đạo đức sống còn của Đảng và Nhà nước, thì những bài học từ Trần Thủ Độ càng trở nên cấp thiết. Đó là bài học về thượng tôn pháp luật không có vùng cấm, về trách nhiệm nêu gương từ người đứng đầu, về sự kết hợp giữa trị luật và trị tâm, cũng như tính thực tiễn, minh bạch và hiệu quả trong quản trị quốc gia.

Học tập Trần Thủ Độ không có nghĩa là phục cổ hay tuyệt đối hóa những mô hình xưa cũ, mà là phục hưng một tinh thần pháp quyền đã từng hiện diện sớm trong lịch sử Việt Nam – mạnh mẽ, sáng suốt và nhất quán với lợi ích của quốc gia, dân tộc. Đó chính là cơ sở để Việt Nam hiện nay tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững chắc, hành chính minh bạch, và một nền công vụ lấy đạo đức – pháp trị làm trụ cột bền vững.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, *Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng năm 2022*, Hà Nội, 2023.
2. Ban Nội chính Trung ương, *Phòng, chống tham nhũng: Vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019.

3. Ban Nội chính Trung ương, *Vấn đề kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng*, 2021.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội XIII, Tập I*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.
5. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2013, Điều 14.
6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 9*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
7. Lê Văn Hưu, *Đại Việt sử ký toàn thư* (biên soạn lại), Nxb. Giáo dục, 1999.
8. Max Weber, *Economy and Society*, University of California Press, 1978.
9. Montesquieu, *The Spirit of the Laws*, 1748.
10. Nguyễn Minh Thuyết, *Tư tưởng pháp trị trong lịch sử Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 12, 2018.
11. Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.
12. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2001.
13. Trần Đình Thảo, *Tư tưởng pháp quyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, 2017.
14. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học, 2005.
15. Vũ Khiêu, *Đạo đức học và pháp trị*, Nxb. Khoa học xã hội, 1995.

**PHẦN 2**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**  
**PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG,**  
**TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ**

## PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở KHU VỰC CÔNG-THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Lê Văn Quyến<sup>150</sup>

**Tóm tắt:** Tham nhũng từ lâu đã được ví như một “căn bệnh” mãn tính gắn liền với quá trình vận hành của bất kỳ xã hội nào có tổ chức nhà nước. Trong mọi thể chế chính trị, cuộc chiến chống tham nhũng luôn là ưu tiên hàng đầu, nhằm bảo vệ công bằng xã hội, tăng cường niềm tin công chúng và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Ở Việt Nam, tham nhũng vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức, len lỏi trong không ít lĩnh vực của đời sống xã hội. Trước thực trạng đó, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ then chốt, lâu dài và được triển khai một cách quyết liệt, đồng bộ và toàn diện. Những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng, công cuộc này đã ghi nhận những bước chuyển mạnh mẽ cả về tư duy lẫn hành động.

Đặc biệt, công tác phòng, chống tham nhũng đã được gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó có việc xử lý nghiêm minh các sai phạm trong đội ngũ cán bộ. Nhiều trường hợp đã bị miễn nhiệm, từ chức, khởi tố, điều tra và xét xử theo đúng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. công cuộc phòng, chống tham nhũng không chỉ thể hiện tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, những biện pháp này còn phản ánh rõ tính nhân văn trong quá trình thực thi pháp luật – nghiêm khắc nhưng công bằng, minh bạch nhưng đầy trách nhiệm.

Những kết quả tích cực từ công tác phòng, chống tham nhũng không chỉ góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống chính trị mà còn tạo dựng lại niềm tin của nhân dân với Đảng – một nền tảng không thể thiếu cho sự nghiệp phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

**Abstract:** Corruption has long been characterized as a chronic "disease" inherently associated with the functioning of any society governed by a state apparatus. Across all political systems, the prevention and combat of corruption constitute a paramount priority, with the objectives of safeguarding social justice, reinforcing public confidence, and promoting sustainable socio-economic development.

---

<sup>150</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh

*In Vietnam, corruption continues to persist in various forms, infiltrating multiple sectors of social life. In light of this situation, the Communist Party and the State have identified anti-corruption and the prevention of negative phenomena as strategic, long-term tasks, to be implemented in a resolute, coordinated, and comprehensive manner. In recent years, under the direct leadership of the Party, this endeavor has witnessed significant shifts in both perception and practice.*

*Notably, anti-corruption efforts have been closely integrated with the work of Party building and rectification, including the strict and lawful handling of violations committed by officials. Numerous individuals have been dismissed, compelled to resign, prosecuted, investigated, and brought to trial in accordance with the Party's regulations and the laws of the State. The anti-corruption campaign not only embodies the principle of "no forbidden zones, no exceptions," but also reflects a humanistic approach in the application of law—rigorous yet equitable, transparent yet accountable.*

*The positive outcomes achieved in the anti-corruption effort have contributed not only to strengthening discipline and order within the political system, but also to restoring the public's trust in the Party—an indispensable foundation for national development in the new period.*

**Từ khóa:** Tham nhũng, tiêu cực, phòng, chống

### **1. Cơ sở lý luận về tham nhũng ở khu vực công**

Tham nhũng là hành vi lợi dụng quyền lực, chức vụ được giao để mưu lợi cá nhân một cách trái pháp luật, và đây là một trong những hiện tượng tiêu cực phổ biến, đặc biệt trong bộ máy nhà nước. Khi quyền lực không được kiểm soát chặt chẽ, một số cá nhân có thể lợi dụng vị trí của mình để thu vén lợi ích riêng, làm tổn hại đến lợi ích chung. Tình trạng tham nhũng không còn là sự hiểm họa của một quốc gia, mà đã trở thành thách thức toàn cầu.

Theo khoản 1 Điều 3, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định đây là một nhiệm vụ trọng tâm, thể hiện quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trong các kỳ Đại hội, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực luôn được nhấn mạnh như một nội dung cốt lõi trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Điều đó không chỉ cho thấy Đảng ta ngày càng nhận diện rõ hơn bản chất, nguyên nhân, cũng như những nguy cơ và tác hại nghiêm trọng mà tham nhũng, tiêu



cực gây ra đối với sự nghiệp cách mạng, mà còn phản ánh nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, ý nghĩa của cuộc đấu tranh này trong việc bảo vệ nền tảng đạo đức, chính trị của chế độ. Trên cơ sở đó, Đảng đã không ngừng đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo, đề ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý tham nhũng một cách đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả.

Để công tác phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển bền vững của đất nước. Từ năm 2005, Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTP) được ban hành, Luật PCTN đã được hoàn thiện qua các thời kỳ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Hiện nay, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 được ban hành là một bước đi trong công tác phòng, chống tham nhũng mang tính chiến lược và cần thiết trong điều kiện hiện nay. Luật PCTN năm 2018 đã xác định rõ ràng các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; đồng thời quy định cụ thể thẩm quyền xử lý và hệ thống chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm. Nhờ đó, việc xử lý các vụ án tham nhũng được thực hiện một cách khách quan, minh bạch, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bên cạnh đó, pháp luật còn đóng vai trò như một "hàng rào pháp lý" quan trọng trong việc kiểm soát quyền lực, ngăn chặn tình trạng lạm quyền, lợi dụng chức vụ vì mục đích cá nhân. Các quy định về minh bạch tài sản, kê khai thu nhập, cơ chế giám sát cán bộ, công chức đã góp phần hạn chế nguy cơ phát sinh tham nhũng, củng cố nền hành chính công liêm chính, hiệu quả.

Như vậy, từ quy định của pháp luật cho thấy tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ đó để vụ lợi. Do vậy, phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ hết sức quan trọng để bảo vệ sự công bằng và liêm chính trong quản lý xã hội. Tham nhũng nói chung và khu vực công nói riêng có rất nhiều hệ lụy cho hệ thống chính trị cũng như xã hội như:

**Thứ nhất**, gây ra những tác hại khôn lường, nghiêm trọng, làm suy yếu nền kinh tế, kìm hãm sự phát triển xã hội và, quan trọng hơn, làm mất lòng tin của nhân dân vào chính quyền. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến tham nhũng có thể bắt nguồn từ sự yếu kém trong quản lý nhà nước, sự thao túng của các nhóm lợi ích và thậm chí từ việc lạm dụng truyền thống văn hóa vào mục đích cá nhân.

Do đó, để đẩy lùi tham nhũng, cần có những giải pháp toàn diện từ việc hoàn thiện pháp luật, tăng cường giám sát quyền lực đến việc nâng cao nhận thức đạo đức và xây dựng văn hóa liêm chính trong xã hội, tham nhũng gây tác hại lớn cho nền kinh tế-chính trị, xã hội của đất nước.

**Thứ hai**, tham nhũng sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế:

Tình trạng tham nhũng sẽ làm thất thoát ngân sách nhà nước, tham nhũng làm hao hụt nguồn lực công thông qua các hành vi như chiếm đoạt tài sản, rút ruột công trình, khai khống dự án, gây thất thu thuế...Ngân sách nhà nước bị sử dụng sai mục đích, làm giảm khả năng đầu tư cho các lĩnh vực thiết yếu như y tế, giáo dục, hạ tầng.

Làm suy giảm hiệu quả đầu tư công, các dự án đầu tư công thường bị đội vốn, kéo dài thời gian thực hiện, nguyên nhân có thể do hiện tượng “bôi trơn” các công trình, lợi ích nhóm. Làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình do công trình bị “cắt xén, rút ruột”, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và gây lãng phí nguồn lực quốc gia.

Tham nhũng còn làm cản trở các hoạt động kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh, trong quá trình hoạt động doanh nghiệp muốn tồn tại phải chi trả các khoản “chi phí không cần thiết” từ cách thức quản lý hành chính chưa minh bạch.

### ***Thứ ba, tác hại của tham nhũng trong lĩnh vực văn hóa – xã hội***

Điều nguy hiểm ở đây là sự suy thoái đạo đức, sự xói mòn niềm tin của người dân vào các giá trị chuẩn mực trong xã hội. Khi các hành vi tham nhũng trở nên phổ biến và không bị xử lý nghiêm minh, chúng sẽ làm đảo lộn các chuẩn mực đạo đức, dẫn đến sự tha hóa trong bộ máy công quyền và làm giảm sút chất lượng sống, chất lượng làm việc trong xã hội. Chính vì vậy, cuộc chiến phòng, chống tham nhũng không chỉ là vấn đề quản lý tài chính công, mà còn là cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng đạo đức và sự ổn định của xã hội.

### ***Thứ tư, tác hại của tham nhũng ảnh hưởng đến hệ thống chính trị quốc gia***

Tham nhũng làm ảnh hưởng đến hệ thống chính trị của quốc gia, tham nhũng, tiêu cực là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Nếu như chiến lược “Diễn biến hoà bình” do các thế lực thù địch tiến hành được xác định là một nguy cơ, thách thức lớn từ bên ngoài, trực tiếp nhằm vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thì tình trạng tham nhũng, tiêu cực lại là mối đe dọa nội tại, phát sinh từ bên trong bộ máy hệ thống chính trị. Đây là nguy cơ đặc biệt nghiêm trọng, mang tính chất “kẻ thù nội sinh”, bởi liên quan trực tiếp đến một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức vụ, quyền hạn – những người mà hành vi sai phạm của họ gây ra sự suy giảm niềm tin trong nội bộ Đảng và trong nhân dân, làm tổn hại đến uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Khi các yếu tố bên ngoài kết hợp với những biểu hiện suy thoái từ bên trong, xã hội sẽ rơi vào tình trạng rối ren, Đảng dần suy yếu và có thể đánh mất vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

## **2.Thực trạng phòng, chống tham nhũng khu vực công**

Có thể khẳng định, phòng, chống tham nhũng đã và đang là một yêu cầu tất yếu, không thể đảo ngược trên hành trình xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và liêm chính.

Cuộc đấu tranh với phòng, chống tham nhũng giờ đây không chỉ dừng lại ở các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn hay các chiến dịch cao điểm, mà đã lan tỏa thành ý thức, hành động cụ thể trong từng cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư. Thực trạng công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay như sau:

**Thứ nhất**, trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giai đoạn 2012–2022, các cấp ủy đảng và Ủy ban Kiểm tra (UBKT) các cấp đã xem xét, xử lý kỷ luật đối với hơn 2.700 tổ chức đảng và gần 168.000 đảng viên; trong số này, có trên 7.390 đảng viên bị xử lý kỷ luật do có hành vi tham nhũng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và UBKT Trung ương, đã tiến hành kỷ luật trên 170 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 33 đồng chí là Ủy viên hoặc nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đến nay, đã có 50 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý bị thi hành kỷ luật, bao gồm 8 Ủy viên hoặc nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và 20 sĩ quan cấp tướng trong các lực lượng vũ trang.[3]

Trong suốt 10 năm qua, công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ đã đạt được nhiều bước tiến đột phá, thể hiện tinh thần kiên quyết "không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai". Đây là thông điệp mạnh mẽ từ các cấp lãnh đạo, được cụ thể hóa bằng những con số biết nói.

Ngoài ra, việc điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng trên toàn quốc đã khởi tố, điều tra 19.546 vụ án với 33.868 bị can; truy tố 16.699 vụ với 33.037 bị can; và xét xử sơ thẩm 15.857 vụ với 30.355 bị cáo về các tội danh liên quan đến tham nhũng, chức vụ và kinh tế. Riêng về tội phạm tham nhũng, đã có 2.657 vụ án với 5.841 bị can bị khởi tố, điều tra; 2.628 vụ với 6.199 bị can bị truy tố; và 2.439 vụ với 5.647 bị cáo đã được đưa ra xét xử sơ thẩm. [3]

Đặc biệt, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã trực tiếp đưa vào diện theo dõi, chỉ đạo 977 vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm. Trong số này, có 180 vụ án và 133 vụ việc được Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi. Đến nay, các cơ quan chức năng đã hoàn tất điều tra, truy tố và xét

xử sơ thẩm 120 vụ án với 1.083 bị cáo — trong đó có 37 bị cáo nguyên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. [3]

Trong năm 2023, Theo Báo cáo số 564/BC-CP ngày 18 tháng 10 năm 2023 về công tác phòng, chống tham nhũng, cụ thể: Các Cơ quan điều tra đã thụ lý điều tra 1.103 vụ án/2.951 bị can phạm tội về tham nhũng; trong đó khởi tố mới 732 vụ án/2.106 bị can. Đã kết luận điều tra, đề nghị truy tố 499 vụ án/1.205 bị can.

Năm 2024, đánh dấu những bước tiến mạnh mẽ trong công tác phòng, chống tham nhũng dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng và sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Thời gian qua, cơ quan chức năng đã phát hiện, xử lý nhiều vụ án nghiêm trọng liên quan đến các cơ quan Trung ương và địa phương. Nhiều vụ án có dấu hiệu cấu kết giữa cán bộ, công chức nhà nước với doanh nghiệp trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như: quản lý đất đai, khai thác tài nguyên – khoáng sản, đầu tư xây dựng cơ bản, năng lượng điện, xăng dầu.

Lực lượng Cảnh sát kinh tế toàn quốc đã khởi tố mới 825 vụ án, 1.646 bị can về hành vi tham nhũng, tăng 16% so với năm 2023. Trong đó, có bị can là cán bộ cấp cao, từng giữ chức vụ Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh.

Công tác thu hồi tài sản tham nhũng cũng đạt kết quả nổi bật, với gần 1.400 tỷ đồng và nhiều tài sản giá trị được thu hồi, đạt tỷ lệ gần 80%, vượt chỉ tiêu do Quốc hội giao – một thành tích được Đảng, Nhà nước và nhân dân đánh giá cao.

Số liệu từ Bộ Công an cho thấy, tổng số vụ án tham nhũng và chức vụ được phát hiện, điều tra, xử lý trong năm 2024 tăng 20,55% so với năm trước, đạt gần 1.000 vụ. [3] Cùng thời điểm, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao cũng ghi nhận 1.027 vụ án tham nhũng, chức vụ được khởi tố mới trong giai đoạn từ 1/10/2023 đến 30/9/2024 – tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước. [2]

Tổng hợp từ nhiều nguồn chính thống, có thể khẳng định: Năm 2024, công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam đã phát hiện, điều tra và xử lý gần 1.000 vụ án với hàng nghìn bị can, bị cáo – một con số phản ánh sự kiên quyết của hệ thống chính trị trong việc làm trong sạch bộ máy, củng cố niềm tin của nhân dân.

### ***Thứ hai, Thực tiễn về hệ thống pháp luật***

Một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng tham nhũng, tiêu cực vẫn diễn biến phức tạp là do cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật trên một số lĩnh vực còn tồn tại nhiều sơ hở, bất cập, dễ bị lợi dụng. Những lỗ hổng này không chỉ làm suy

giảm hiệu lực của công tác phòng, chống tham nhũng mà còn gây khó khăn trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi vi phạm.

Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tội phạm tham nhũng vẫn còn tồn tại bất cập, thiếu đồng bộ và chưa thống nhất. Điển hình là sự khác biệt giữa quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Cụ thể, Chương XXIII Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ quy định 07 hành vi tham nhũng có chế tài hình sự, trong khi Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 liệt kê 12 hành vi. Như vậy, 05 hành vi còn lại chưa được hình sự hóa, chưa có chế tài xử lý cụ thể, đồng thời thiếu hướng dẫn thi hành, gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật trên thực tế.

Bên cạnh đó, việc thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết về tình tiết định khung hình phạt đối với một số tội danh trong nhóm tội phạm tham nhũng cũng là vấn đề đáng lưu ý. Chẳng hạn, tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 353 (Tội tham ô tài sản) và điểm d khoản 3 Điều 355 (Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản) chưa có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến sự không thống nhất trong đánh giá và áp dụng trong thực tế.

#### ***Thứ ba, công tác kiểm soát thu nhập và tài sản cá nhân***

Việc kiểm soát thu nhập cá nhân đặc biệt đối với người có chức vụ, quyền hạn, còn nhiều hạn chế. Mặc dù Nghị định 130/2020/NĐ-CP đã được triển khai tương đối nghiêm túc, nhưng vẫn tồn tại tình trạng kê khai thiếu đầy đủ, không đúng hạn, thiếu công khai và còn phụ thuộc vào ý thức tự giác. Cơ chế giám sát nguồn gốc tài sản chưa khoa học, trong khi hoạt động xác minh, kiểm tra tài sản thu nhập của cá nhân còn mờ nhạt, gây khó khăn cho việc phát hiện, thu hồi tài sản không minh bạch, đặc biệt là tài sản liên quan đến hành vi tham nhũng.

### **3. Giải pháp phòng chống tham nhũng ở khu vực công**

Trong tiến trình đổi mới toàn diện đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập sâu rộng với thế giới, công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực giữ vai trò đặc biệt quan trọng về chính trị, xã hội và pháp lý. Đây không chỉ là nhiệm vụ cấp bách mà còn là yếu tố then chốt góp phần khôi phục kỷ cương trong Đảng, củng cố sức mạnh của bộ máy Nhà nước, tăng cường niềm tin của Nhân dân, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức và hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, minh bạch. Để công tác PCTN, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay, cần triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều giải pháp:

### ***Thứ nhất, công tác tư tưởng, chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên***

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên là yêu cầu cấp thiết. Tư tưởng và đạo đức cách mạng đóng vai trò nền tảng, định hướng hành vi, góp phần xây dựng lối sống liêm chính, đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng và các tệ nạn xã hội.

Phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống không chỉ là tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên mà còn là "hệ miễn dịch" hiệu quả trước nguy cơ suy thoái, biến chất. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 các khóa XI và XII đã chỉ rõ những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cũng như nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đồng thời, các Nghị quyết cũng đưa ra những nhóm giải pháp cơ bản nhằm khắc phục và phòng ngừa tình trạng này.

Tuy nhiên, trong tình hình mới, đòi hỏi phải có những cách làm sáng tạo và thiết thực hơn trong việc đổi mới công tác quản lý, kê khai tài sản của cán bộ, lãnh đạo quản lý. Cùng với đó, cần tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Việc kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện lệch chuẩn trong đạo đức, lối sống ngay từ cấp cơ sở, nơi cán bộ, đảng viên đang công tác, chính là hành động thiết thực nhằm ngăn chặn nguy cơ tha hóa, suy thoái và tham nhũng từ trong trứng nước. Chỉ khi mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng về đạo đức, thì niềm tin của nhân dân vào Đảng mới được củng cố vững chắc.

### ***Thứ hai, Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến PCTN, lãng phí, tiêu cực***

Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trên các lĩnh vực để phát sinh tiêu cực như tài chính - ngân hàng, quản lý đất đai, quy hoạch xây dựng, đấu thầu, định giá, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến việc kiểm thu nhập, tài sản của cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức của những người có chức vụ quyền hạn trong bộ máy nhà nước... là yêu cầu cấp thiết, nhằm bịt kín những kẽ hở và nâng cao tính răn đe của pháp luật.

### ***Thứ ba, vai trò giám sát xã hội cần được phát huy mạnh mẽ hơn***

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở các cấp cần tăng cường hoạt động chất vấn, giám sát chuyên đề đối với các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện

các quy định về PCTN, tiêu cực, từ đó tạo sức ép xã hội tích cực trong việc minh bạch hóa hoạt động công vụ.

#### ***Thứ tư, phát huy vai trò của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng***

Việc nâng cao nhận thức, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và tạo điều kiện để người dân tích cực phát hiện, tố giác hành vi tham nhũng sẽ góp phần xây dựng một môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh hơn.

Chống tham nhũng không phải là nhiệm vụ nhất thời, mà là quá trình lâu dài, bền bỉ và toàn diện. Khi hệ thống chính trị, pháp luật và xã hội cùng đồng lòng hành động, công tác PCTN sẽ ngày càng đạt hiệu quả thực chất, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

#### **4.Kết luận:**

Tham nhũng là một hiện tượng tất yếu nảy sinh trong lòng xã hội có phân chia giai cấp và tồn tại thiết chế nhà nước, bởi nó luôn gắn liền với việc lạm dụng quyền lực nhà nước. Một bộ phận cán bộ, công chức có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy nhà nước đã lợi dụng vị trí công tác để trục lợi cá nhân, mang lại lợi ích bất chính cho bản thân, gia đình và người thân.

Hệ lụy của tham nhũng không chỉ gây tổn thất nặng nề cho nền kinh tế quốc dân mà còn làm suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào bộ máy công quyền. Nguy hiểm hơn, tham nhũng làm suy yếu hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, thậm chí có thể làm mục ruỗng cấu trúc tổ chức, đe dọa đến sự tồn vong của chế độ và sự phát triển bền vững của quốc gia.

Từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế còn tồn tại, có thể khẳng định rằng phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, cần được triển khai đồng bộ, liên tục và quyết liệt. Công tác này phải đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị. Cần phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời đẩy mạnh giám sát của xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và tiêu cực trong giai đoạn hiện nay

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Việt Nam không ngừng đấu tranh với tham nhũng - Báo Công an Nhân dân điện tử
2. <https://thanhnien.vn/1-nam-khoi-to-1027-vu-ve-toi-tham-nhung-chuc-vu->

3. <https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-10-nam-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-giai-doan-2012-2022.html>
4. Ban chấp hành trung ương đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XI
5. Ban chấp hành trung ương đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XII
6. Ban chấp hành trung ương đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, khóa XIII
7. Quốc hội (2018), Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (số 36/2018/QH14)
8. Chính phủ (2018), *Nghị định số 115/2018/NĐ-CP* ngày 04/9/2018 quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
9. Chính phủ (2019) *Nghị định số 59/2019/NĐ-CP*, ngày 01 tháng 7 năm 2019 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về phòng ngừa tham nhũng.
10. Thanh tra chính phủ (2024) *Thông tư số 04/2024/TT-TTCP* ngày 01 tháng 7 năm 2024 quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.



# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TẠI VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh<sup>151</sup>*

**Tóm tắt:** Tham nhũng và tiêu cực là một trong những thách thức lớn nhất đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, suy giảm niềm tin xã hội và cản trở cải cách. Ba năm gần đây, chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam liên tục giảm, trong khi chiến dịch phòng, chống tham nhũng - tiêu cực được triển khai quyết liệt, đưa ra ánh sáng nhiều vụ án nghiêm trọng. Bài tham luận phân tích thực trạng công tác phòng, chống tham nhũng và tiêu cực trong hệ thống hành chính nhà nước tại Việt Nam giai đoạn gần đây. Từ việc khái quát bối cảnh, nhận diện đặc điểm và nguyên nhân, bài viết chỉ ra những thành tựu quan trọng, đồng thời nêu lên tồn tại, hạn chế và thách thức. Trên cơ sở đó, bài tham luận đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, phát hiện, xử lý và nâng cao tính liêm chính trong bộ máy hành chính nhà nước.

**Từ khóa:** Hành chính nhà nước; phòng, chống tham nhũng; cải cách.

## 1. Mở đầu

Tham nhũng và tiêu cực từ lâu đã được xem là một trong những thách thức lớn nhất đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Không chỉ gây ra những thiệt hại to lớn về kinh tế, tham nhũng còn làm suy yếu nền tảng chính trị, xói mòn niềm tin của nhân dân, tạo ra rào cản đối với tiến trình hội nhập quốc tế. Đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, tham nhũng trong lĩnh vực hành chính nhà nước đặc biệt nguy hiểm bởi đây là bộ phận trực tiếp quản lý và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Mọi biểu hiện tiêu cực trong bộ máy hành chính đều tác động trực tiếp đến đời sống xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Nhận thức rõ điều này, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định phòng, chống tham nhũng và tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với

---

<sup>151</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

quá trình xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Sự ra đời của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, sự kiện nhiều cán bộ cấp cao bị xử lý nghiêm minh theo phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” đã khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong công tác này.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy tham nhũng, đặc biệt là tham nhũng vặt và các hành vi tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính, vẫn còn diễn ra phổ biến ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực. Người dân và doanh nghiệp vẫn phản ánh tình trạng nhũng nhiễu, gây khó dễ, đòi hỏi “chi phí ngoài luồng” để được giải quyết nhanh chóng công việc. Điều này không chỉ tạo gánh nặng tài chính mà còn làm giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, gây tâm lý bức xúc, mất niềm tin trong xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, khi Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do và các cam kết quốc tế về minh bạch, liêm chính, công tác phòng, chống tham nhũng và tiêu cực càng trở nên cấp thiết. Việc đánh giá thực trạng công tác này trong các cơ quan hành chính nhà nước không chỉ giúp nhận diện đúng những thành tựu và hạn chế, mà còn tạo cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp khả thi, phù hợp với yêu cầu xây dựng một nền hành chính công khai, minh bạch, liêm chính, phục vụ nhân dân.

Do đó, tham luận này được xây dựng nhằm:

Phân tích thực trạng tham nhũng và tiêu cực trong hệ thống hành chính nhà nước tại Việt Nam; Đánh giá kết quả công tác phòng, chống trong thời gian qua; Chỉ ra những nguyên nhân, hạn chế còn tồn tại; Đề xuất một số khuyến nghị cải cách nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy hành chính nhà nước là hiện tượng tồn tại ở nhiều quốc gia, đặc biệt tại các nước đang phát triển. Ở Việt Nam, với vai trò "công bộc của dân", hệ thống hành chính nhà nước giữ chức năng tổ chức và thực thi chính sách, pháp luật, trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp. Do đó, mọi hành vi tham nhũng,

tiêu cực trong lĩnh vực này đều tác động trực tiếp đến niềm tin xã hội, chất lượng dịch vụ công và hiệu quả quản trị quốc gia.

Trong nhiều năm qua ở Việt Nam, tham nhũng được xác định là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, với nhiều giải pháp mạnh mẽ như: thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; hoàn thiện khung pháp lý; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Các văn kiện Đại hội Đảng, đặc biệt từ khóa XII (2016–2020) đến nay, liên tục nhấn mạnh yêu cầu “chống tham nhũng như chống giặc nội xâm”. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, người được mệnh danh “người đốt lò” đã lãnh đạo một chiến dịch phòng chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN-TC) quy mô chưa từng có. Tuy vậy, thực tiễn cho thấy công tác này vẫn đứng trước nhiều thách thức cần được nhận diện và giải quyết.

## **2. Thực trạng công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan hành chính nhà nước**

### ***2.1. Thành tựu đạt được***

Khung pháp lý được hoàn thiện: Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, tăng cường minh bạch tài sản, thu nhập, quản lý xung đột lợi ích.

Cơ chế giám sát, kiểm tra được siết chặt: Các vụ việc vi phạm trong hệ thống hành chính, kể cả cán bộ lãnh đạo cấp cao, đều được xử lý nghiêm theo phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”.

Chỉ số quốc tế có cải thiện: Chỉ số Cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam giai đoạn 2018–2022 có xu hướng tăng nhẹ, phản ánh sự ghi nhận từ cộng đồng quốc tế.

Tăng cường minh bạch và số hóa: Một số dịch vụ công trực tuyến đã góp phần giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân, hạn chế nguy cơ phát sinh tiêu cực.

### ***2.2. Hạn chế và tồn tại***

Tham nhũng vặt vẫn phổ biến: Hiện tượng nhũng nhiễu trong cấp giấy tờ, thủ tục hành chính còn tồn tại, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Tình trạng lợi ích nhóm: Một số cán bộ lợi dụng chức vụ để can thiệp vào đấu thầu, dự án, quản lý đất đai, gây thất thoát ngân sách.

Khâu giám sát nội bộ chưa hiệu quả: Nhiều cơ quan hành chính chưa phát huy vai trò của thanh tra nội bộ, kiểm soát quyền lực còn hình thức.

Văn hóa công vụ chưa thật sự chuyên nghiệp: Tình trạng *"xin - cho"*, *"nể nang"*, *"né tránh"*, *"thiếu trách nhiệm"* vẫn diễn ra.

### **2.3. Một số vụ việc điển hình**

#### **Vụ án Vạn Thịnh Phát – Trương Mỹ Lan / SCB**

Vụ án Trương Mỹ Lan – Chủ tịch Tập đoàn Vạn Thịnh Phát – được đánh giá là vụ án kinh tế nghiêm trọng nhất trong lịch sử tư pháp Việt Nam tính đến nay. Cốt lõi của vụ việc là hành vi thao túng toàn diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) trong suốt hơn một thập kỷ, thông qua một mạng lưới phức tạp gồm hàng trăm công ty “sân sau” và cá nhân đứng tên hộ cổ phần.

Cơ chế thao túng này cho phép bà Lan và các đồng phạm phê duyệt hàng loạt khoản vay giá trị lớn không có tài sản bảo đảm hoặc được định giá sai lệch nghiêm trọng. Nhiều khoản vay được rút ra để phục vụ mục đích đầu tư bất động sản hoặc tái đầu tư vào các công ty cùng nhóm lợi ích, tạo thành một vòng xoáy khép kín khó kiểm soát.

Hậu quả: Thiệt hại trực tiếp: 304.000 tỷ đồng (khoảng 12,4 tỷ USD), tương đương hơn 3% GDP Việt Nam năm 2022. Tác động hệ thống: SCB mất thanh khoản nghiêm trọng, buộc Ngân hàng Nhà nước phải đặt ngân hàng này vào diện kiểm soát đặc biệt; niềm tin của hàng chục nghìn người gửi tiền bị lung lay. Hệ lụy dài hạn: Rủi ro lan truyền trong hệ thống ngân hàng; thị trường bất động sản cao cấp chịu tác động do nhiều dự án của Vạn Thịnh Phát bị đình trệ. Do đó, sự cần thiết của việc siết chặt giám sát nội bộ trong ngân hàng, tăng cường kiểm toán độc lập và thiết lập hệ thống cảnh báo sớm đối với các khoản tín dụng bất thường. Ngoài ra, vụ việc cũng cho thấy hạn chế của cơ chế phát hiện sớm: dù quy mô vi phạm kéo dài nhiều năm, thông tin tố cáo từ bên ngoài gần như không có hoặc không được xử lý kịp thời.

**Vụ án Việt Á – Kit xét nghiệm Covid-19:** Vụ Việt Á nổi lên giữa bối cảnh đại dịch Covid-19, khi nhu cầu xét nghiệm y tế tăng đột biến và Chính phủ phải áp dụng nhiều cơ chế mua sắm khẩn cấp. Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Á đã lợi dụng tình hình này để nâng không giá bộ kit xét nghiệm lên gấp nhiều lần chi phí sản xuất, thu lợi bất chính hơn 800 tỷ đồng.

Thủ đoạn của Việt Á gồm: Cấu kết với một số cán bộ lãnh đạo Bộ Y tế và các trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tại 62 tỉnh, thành phố. Lợi dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn, bỏ qua các bước thẩm định giá độc lập. Chi “hoa hồng” trực tiếp cho cán bộ, lãnh đạo đơn vị mua sắm để được ưu tiên hợp đồng. Tác động tiêu cực của vụ án không chỉ dừng lại ở thiệt hại tài chính: Niềm tin xã hội vào hệ thống y tế công bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nguy cơ y tế: bộ kit không được cạnh tranh về giá và chất lượng, có thể tác động đến hiệu quả phòng chống dịch. Hệ quả chính trị: dẫn tới việc một số lãnh đạo cấp cao, trong đó có Ủy viên Trung ương Đảng và Bộ trưởng, bị khởi tố và xử lý kỷ luật. Vụ việc phản ánh một thực tế: trong những tình huống khẩn cấp, nếu thiếu cơ chế giám sát minh bạch, nguy cơ tham nhũng và trục lợi ngân sách tăng mạnh. Đây là bài học để cải thiện các quy định mua sắm công, đặc biệt trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh.

**Vụ án Đinh La Thăng – PVN / OceanBank:** Vụ án liên quan đến ông Đinh La Thăng - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, nguyên Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), đánh dấu một bước ngoặt trong công tác PCTN-TC khi lần đầu tiên một Ủy viên Bộ Chính trị đương thời bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Sai phạm chính bao gồm: Chỉ đạo góp vốn 800 tỷ đồng của PVN vào Ngân hàng Đại Dương (OceanBank) trái thẩm quyền, không đánh giá rủi ro, vi phạm các quy định quản lý vốn nhà nước. Tiếp tục góp vốn lần hai dù Ngân hàng Nhà nước đã kết luận OceanBank yếu kém. Chỉ định thầu trái quy định tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, ưu ái cho Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí (PVC) dù đơn vị này không đủ năng lực. Hệ quả để lại là: Mất trắng 800 tỷ đồng vốn góp vào OceanBank. Thất thoát hơn 6,6 triệu USD và gần 1.312 tỷ đồng tại dự án Thái Bình 2. Tác động dây chuyền: chậm tiến độ các

dự án năng lượng trọng điểm, gây lãng phí nguồn lực quốc gia. Đây là vụ án thể hiện rõ sự quyết tâm “không có vùng cấm” trong xử lý cán bộ cấp cao, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong quản lý tài sản và vốn nhà nước.

**Vụ án Trịnh Văn Quyết – Tập đoàn FLC:** Tổng thiệt hại ước tính hơn 8.000 tỷ đồng, hàng chục nghìn nhà đầu tư bị ảnh hưởng. Vụ án phơi bày lỗ hổng trong giám sát giao dịch chứng khoán bất thường và chế tài xử lý hành vi thao túng. Thúc đẩy Quốc hội, Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tăng cường quy định về minh bạch thông tin, nâng cấp hệ thống giám sát điện tử (SMARTS), và siết chặt kỷ luật công bố thông tin của lãnh đạo doanh nghiệp niêm yết. Thực tiễn cho thấy: Tham nhũng lan rộng ở nhiều lĩnh vực (ngân hàng, y tế, chứng khoán, dầu khí, đất đai...). Các vụ việc có giá trị thiệt hại từ hàng trăm tỷ đến hàng trăm nghìn tỷ đồng, ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định tài chính, tiến độ đầu tư công, uy tín quốc gia. Điều này khẳng định công tác PCTN-TC là cấp thiết, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu phải gia cố tuyến phòng ngừa xã hội nơi tổ cáo của công dân có thể trở thành “chuông báo động sớm” để giảm thiểu thiệt hại.

Từ các vụ án được coi là trọng điểm nêu trên ta có thể thấy điểm chung:

Về Quy mô thiệt hại là rất lớn không chỉ ảnh hưởng nhiều lĩnh vực trọng yếu mà còn liên quan cả cán bộ quản lý nhà nước cấp cao và các doanh nghiệp tư nhân. Thiếu cảnh báo sớm từ cơ chế tố cáo của công dân. Điểm yếu này cho thấy nếu tuyến phòng ngừa xã hội được phát huy thông qua kênh tố cáo bảo mật, an toàn và khuyến khích có thể giảm đáng kể quy mô thiệt hại và thời gian vi phạm kéo dài.

### **So sánh chỉ số CPI của Việt Nam trong khu vực ASEAN**

Bảng số liệu (CPI 2022 –Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) của Việt Nam so với một số nước ASEAN (2022)

| <b>Quốc gia</b> | <b>Điểm CPI (0–100)</b> | <b>Thứ hạng toàn cầu<br/>(trên 180)</b> |
|-----------------|-------------------------|-----------------------------------------|
| Singapore       | 83                      | 5                                       |
| Malaysia        | 47                      | 61                                      |
| Thái Lan        | 36                      | 101                                     |

|             |    |     |
|-------------|----|-----|
| Indonesia   | 34 | 110 |
| Việt Nam    | 42 | 77  |
| Philippines | 33 | 116 |
| Campuchia   | 24 | 150 |
| Lào         | 31 | 126 |
| Myanmar     | 23 | 157 |

(CPI 2022 – Transparency International)

### **Phân tích bảng số liệu:**

Theo báo cáo của Transparency International, điểm số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) năm 2022 của Việt Nam đạt 42/100, xếp thứ 77/180 quốc gia toàn cầu. Nếu so sánh trong khu vực ASEAN, số liệu cho thấy:

Việt Nam (42 điểm) cao hơn nhiều quốc gia có điều kiện phát triển tương đồng như: Thái Lan (36 điểm, hạng 101/180); Indonesia (34 điểm, hạng 110/180); Philippines (33 điểm, hạng 116/180); Lào (31 điểm, hạng 126/180); Myanmar (23 điểm, hạng 157/180); Campuchia (24 điểm, hạng 150/180). Điều này phản ánh những chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam trong những năm gần đây, nhất là sau khi triển khai quyết liệt các chiến dịch chống tham nhũng với nhiều vụ án lớn được xử lý nghiêm minh, đồng thời đẩy mạnh minh bạch trong quản lý hành chính.

Tuy nhiên, nếu đặt trong tương quan với Singapore (83 điểm, hạng 5/180) - quốc gia dẫn đầu ASEAN về minh bạch và liêm chính, khoảng cách giữa Việt Nam và Singapore vẫn còn 41 điểm. Khoảng cách này cho thấy Việt Nam mới chỉ dừng ở mức trung bình trong khu vực, chưa thể tiệm cận nhóm các quốc gia có nền hành chính công khai, minh bạch hàng đầu. Điều này cho thấy, Việt Nam đã vượt lên trên nhóm các quốc gia có mức tham nhũng nghiêm trọng trong khu vực như Campuchia, Myanmar, Philippines, Indonesia. Mặc dù vậy, việc khoảng cách lớn với Singapore chứng tỏ công tác phòng, chống tham nhũng của Việt Nam tuy đã cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở các lĩnh vực: hành chính công, quản lý đất đai, y tế, đầu tư công. Số điểm 42/100 cũng cho

thấy Việt Nam chưa đạt ngưỡng an toàn về minh bạch (các quốc gia được coi là có mức tham nhũng thấp thường đạt  $\geq 70$  điểm).

### **3. Nguyên nhân chính**

Mặc dù đã đạt được những kết quả quan trọng, tham nhũng và tiêu cực trong cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp. Một số nguyên nhân cơ bản có thể chỉ ra như sau:

#### *Thứ nhất: Khoảng trống và sự chồng chéo trong pháp luật*

Hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng đã được xây dựng tương đối đầy đủ, bao gồm Luật Phòng, chống tham nhũng (2018), Luật Tố cáo (2018), cùng nhiều văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, thực tế cho thấy: Một số quy định còn chồng chéo, thiếu thống nhất, gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Nhiều quy định thiếu tính khả thi, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn ở các ngành, địa phương. Cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức còn hình thức, việc kê khai chưa gắn với cơ chế xác minh, giám sát hiệu quả. Do đó, mặc dù quy định pháp lý nhiều, nhưng việc thực thi chưa nghiêm và chưa tạo ra hiệu quả phòng ngừa mạnh mẽ.

#### *Thứ hai: Thiếu minh bạch và trách nhiệm giải trình*

Một số lĩnh vực nhạy cảm như quản lý đất đai, đầu tư công, ngân sách nhà nước và tuyển dụng công chức chưa được công khai, minh bạch đầy đủ. Điều này tạo ra khoảng trống thông tin và môi trường thuận lợi cho các hành vi tham nhũng, nhũng nhiễu. Tính giải trình của cán bộ, công chức đối với người dân và doanh nghiệp còn hạn chế, làm giảm hiệu quả giám sát xã hội.

#### *Thứ ba: Hạn chế trong bảo vệ người tố cáo*

Luật Tố cáo 2018 đã có quy định về bảo vệ người tố cáo, nhưng thực tế việc áp dụng chưa đầy đủ. Không ít trường hợp người tố cáo tham nhũng phải đối mặt với áp lực, sự trả thù hoặc trù dập, cô lập, dẫn đến tâm lý e ngại, sợ tố cáo. Điều này làm giảm hiệu quả của cơ chế giám sát xã hội và khiến tham nhũng khó bị phát hiện kịp thời.

#### *Thứ tư: Văn hóa “xin - cho” và tập quán xã hội*



Một nguyên nhân có tính chất sâu xa là cơ chế quản lý mang tính “xin - cho” trong nhiều lĩnh vực hành chính công. Khi quyền cấp phép, phê duyệt, phân bổ ngân sách tập trung quá nhiều vào cơ quan công quyền mà thiếu cơ chế kiểm soát, dễ nảy sinh tình trạng những nhiễu. Bên cạnh đó, tập quán xã hội về “quà cáp”, “bôi trơn” vẫn còn tồn tại khá phổ biến. Nhiều người dân, doanh nghiệp coi đây là “lệ thường” để công việc được giải quyết nhanh chóng. Chính môi trường này đã vô tình dung dưỡng tham nhũng vặt, khiến hành vi tiêu cực khó bị xóa bỏ triệt để.

#### **4. Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và tiêu cực tại Việt Nam**

Thứ nhất: Hoàn thiện thể chế và cơ chế kiểm soát quyền lực: Rà soát, loại bỏ các quy định chồng chéo; tăng trách nhiệm giải trình của cán bộ, nhất là người đứng đầu.

Thứ hai: Đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số: Mở rộng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp.

Thứ ba: Bảo vệ và khuyến khích người tố cáo: Ban hành luật chuyên biệt về bảo vệ người tố cáo tham nhũng, có cơ chế hỗ trợ về pháp lý, tài chính.

Thứ tư: Phát huy vai trò xã hội: Tăng cường giám sát của báo chí, tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Xây dựng văn hóa công vụ liêm chính: Đưa tiêu chí đạo đức, trách nhiệm công vụ vào tiêu chuẩn đánh giá, khen thưởng, bổ nhiệm cán bộ. Học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có chỉ số liêm chính cao (Singapore, Đan Mạch, New Zealand), đồng thời thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

#### **5. Kết luận**

Tham nhũng và tiêu cực trong các cơ quan hành chính nhà nước là một trong những thách thức lớn đối với sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Dù trong thời gian qua, công tác phòng, chống tham nhũng đã đạt được những kết quả quan trọng, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước, nhưng thực tế vẫn cho thấy tình trạng tham nhũng vặt, lợi ích nhóm, những nhiễu trong giải quyết thủ tục

hành chính vẫn tồn tại dai dẳng và gây tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, niềm tin của nhân dân cũng như uy tín của bộ máy hành chính.

Có thể khẳng định rằng, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và tiêu cực là quá trình lâu dài, phức tạp và đầy thách thức. Nhưng với quyết tâm chính trị cao của Đảng và Nhà nước, cùng với sự đồng hành của toàn xã hội, Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để từng bước xây dựng một nền hành chính trong sạch, minh bạch, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và củng cố niềm tin của nhân dân.

### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Quốc hội (2018). *Luật Tố cáo*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
3. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (2022). *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022*. Hà Nội.
4. Thanh tra Chính phủ (2021). *Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng*. Hà Nội.
5. Transparency International (2023). *Corruption Perceptions Index 2022*. Truy cập từ: <https://www.transparency.org/en/cpi/2022>.
6. Ngân hàng Thế giới (World Bank) (2020). *Enhancing Government Effectiveness and Transparency: The Fight Against Corruption*. Washington D.C. UNDP Việt Nam (2021). *Báo cáo thường niên về quản trị và phòng chống tham nhũng tại Việt Nam*. Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Hậu (2020). “Phòng, chống tham nhũng trong cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 297, tr. 25–31.
8. Trần Ngọc Dũng (2022). “Cải cách thể chế gắn với phòng, chống tham nhũng và tiêu cực trong bối cảnh hội nhập quốc tế”. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 15, tr. 44–51.

9. OECD (2021). *OECD Anti-Corruption & Integrity Outlook*. Paris: OECD Publishing.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC BẰNG CÁC BIỆN PHÁP TRÁCH NHIỆM HIẾN PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI GIỮ CHỨC VỤ NHÀ NƯỚC

ThS. Lưu Đức Quang<sup>152</sup>

## Đặt vấn đề

Xét từ góc độ thực hiện pháp luật, theo chúng tôi, công cuộc phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chỉ có thể đạt được hiệu quả cao thông qua việc quy định và thực thi một cách đồng bộ các biện pháp trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, so với các loại hình trách nhiệm pháp lý thông thường như trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm kỷ luật nhà nước<sup>153</sup>, trách nhiệm Hiến pháp (TNHP) thường chưa được các nhà khoa học lẫn các nhà chức trách nước ta quan tâm đúng mức. Bài viết này phân tích các quy định pháp luật, thực tiễn áp dụng và nhu cầu hoàn thiện một số biện pháp TNHP đối với người giữ chức vụ nhà nước (miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước) cũng như việc bỏ phiếu tín nhiệm những người được Quốc hội bầu và phê chuẩn.

## 1. Khái quát về trách nhiệm Hiến pháp

Trách nhiệm Hiến pháp với tư cách là *những hậu quả bất lợi mà chính quyền buộc các chủ thể vi phạm Hiến pháp phải gánh chịu*<sup>154</sup> hầu như chỉ được đề cập trong một số chuyên khảo hoặc tạp chí khoa học. Có lẽ, lý do của sự kém phổ biến của loại hình trách nhiệm pháp lý này xuất phát từ chính đặc trưng của nó<sup>155</sup>: (1) Cơ sở của TNHP là vi phạm Hiến pháp; (2) Chủ thể tham gia quan hệ TNHP chủ yếu là cơ quan nhà nước và người giữ chức vụ nhà nước; bên cạnh đó là các tổ chức quyền lực xã hội khác (đảng phái chính

<sup>152</sup> Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG-HCM).

<sup>153</sup> Xem thêm: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2018, tr. 430-432; Viên Thế Giang – Bùi Hữu Toàn (đồng chủ biên), *Giáo trình Nhập môn Luật học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020, tr. 267-271 v.v...

<sup>154</sup> Trần Thúy Vân, *Trách nhiệm pháp lý Hiến pháp Nga và gợi mở hướng nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý Hiến pháp Việt Nam*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2022/10/13/trach-nhiem-phap-ly-hien-phap-nga-va-goi-mo-huong-nghien-cuu-ve-trach-nhiem-phap-ly-hien-phap-viet-nam/>, truy cập ngày 13/10/2022.

<sup>155</sup> Xem chi tiết: Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan nhà nước ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 84-89; Mai Văn Thắng, *Trách nhiệm Hiến pháp trong bối cảnh cải cách pháp luật và nhu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí Luật học*, số 5/2019, tr. 70-73.

trị, tổ chức chính trị - xã hội...); công dân (trong mối quan hệ với Nhà nước về việc thực thi chủ quyền quốc gia đối với dân cư). Khía cạnh này thường ít được chú ý hơn so với việc thực thi chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ. (3) TNHP đồng thời là một loại trách nhiệm chính trị vì TNHP có thể phát sinh trong quá trình các chủ thể luật Hiến pháp (chủ yếu là các thiết chế quyền lực công) thực hiện hoạt động chính trị. (4) Cơ sở áp dụng TNHP là nguồn của luật Hiến pháp, bao gồm Hiến pháp và các đạo luật mang tính Hiến pháp (luật tổ chức, luật bầu cử, luật quốc tịch...). (5) Biểu hiện của TNHP là việc áp dụng các chế tài của luật Hiến pháp, nếu không thì chỉ là trách nhiệm chính trị được tuyên bố bằng Hiến pháp. Hiến pháp năm 2013 quy định TNHP đối với các chức danh cao cấp của Quốc hội và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập, thẩm phán, tướng lĩnh các lực lượng vũ trang, quan chức ngoại giao, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh<sup>156</sup>.

## **2. Miễn nhiệm**

Hiến pháp năm 2013 quy định về miễn nhiệm như sau: (1) Quốc hội có quyền miễn nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Điều 70). (2) Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyền đề nghị Quốc hội miễn nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước; phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 74). (3) Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội miễn nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, miễn nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; đề nghị Quốc hội miễn nhiệm Chánh án Tòa án

---

<sup>156</sup> Xem thêm: Nguyễn Cảnh Hợp (chủ biên), *Trách nhiệm Hiến pháp – Lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2025, tr. 7-25.

nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, miễn nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; miễn nhiệm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; miễn nhiệm Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 88). (4) Thủ tướng Chính phủ có quyền trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; miễn nhiệm Thứ trưởng, chức vụ tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; phê chuẩn việc miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 98).

Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, miễn nhiệm là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm (Điều 7). Theo Từ điển Luật học, miễn nhiệm là cho thôi chức vụ do không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, do yêu cầu của nhiệm vụ hoặc theo đề nghị của cán bộ, công chức vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác. Miễn nhiệm là thuật ngữ pháp lý được quy định trong Hiến pháp năm 1992 và 2013. Các bản Hiến pháp trước đó chưa phân biệt giữa miễn nhiệm với bãi nhiệm mà chỉ quy định chung bằng thuật ngữ bãi miễn<sup>157</sup>.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành: (1) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp, Hội thẩm nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình (khoản 2 Điều 15). (2) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền phê chuẩn kết quả miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã (khoản 8 Điều 31). (3) Hội đồng nhân dân cấp xã có quyền miễn nhiệm có quyền miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình (khoản 2 Điều 21).

---

<sup>157</sup> Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa – Tư pháp, Hà Nội, tr. 536-537.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phê chuẩn kết quả miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 17 Điều 17); (2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình (khoản 10 Điều 23).

### **3. Bãi nhiệm và cách chức**

Hiến pháp năm 2013 quy định về bãi nhiệm và cách chức như sau: (1) Quốc hội có quyền bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Điều 70). (2) Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyền đề nghị Quốc hội bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước (Điều 74). (3) Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; đề nghị Quốc hội bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (Điều 88). (4) Thủ tướng Chính phủ có quyền trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ; cách chức Thứ trưởng, chức vụ tương đương thuộc bộ, cơ quan

ngang bộ; quyết định cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 98).

Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, bãi nhiệm là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ; cách chức là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm (Điều 7). Từ điển Luật học đưa ra định nghĩa như sau: (1) Bãi nhiệm là (chế tài kỷ luật) buộc thôi giữ chức vụ do bầu cử trước khi hết nhiệm kỳ đối với người được giao giữ chức vụ có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm về phẩm chất đạo đức, không còn xứng đáng giữ chức vụ được giao ở các cơ quan nhà nước. (2) Cách chức là việc người có thẩm quyền ra quyết định cho người được bổ nhiệm đang giữ một chức vụ nhất định thôi không giữ chức vụ đó nữa do vi phạm pháp luật thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của người đó, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm và trách nhiệm được giao<sup>158</sup>. Như vậy, điểm giống nhau giữa hai loại TNHP này là cơ sở truy cứu (do người giữ chức vụ có vi phạm pháp luật), điểm khác biệt là đối tượng áp dụng (bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do được bầu, cách chức đối với người giữ chức vụ do được bổ nhiệm).

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành: (1) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp, Hội thẩm nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình (khoản 2 Điều 15). (2) Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền phê chuẩn kết quả bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã (khoản 8 Điều 31). (3) Hội đồng nhân dân cấp xã có quyền bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình (khoản 2 Điều 21).

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phê chuẩn kết quả bãi nhiệm và quyết định cách chức Chủ tịch, Phó

---

<sup>158</sup> Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa – Tư pháp, Hà Nội, tr. 20, 92.



Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 17 Điều 17); (2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình (khoản 10 Điều 23)<sup>159</sup>.

#### **4. Xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước**

Thực tiễn truy cứu TNHP bằng hình thức miễn nhiệm, bãi nhiệm và cách chức đối với người giữ chức vụ cao cấp của nhà nước những năm qua cho thấy một số vấn đề bất cập như vấn đề xử lý kỷ luật đối với một số người từng giữ chức vụ nhà nước nhưng bị phát hiện sai phạm nghiêm trọng khi đã hết nhiệm kỳ hoặc về hưu cũng như vấn đề lựa chọn hình thức TNHP... Tình huống dưới đây là một ví dụ điển hình.

Ngày 23/11/2016, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIV. Theo đó, lần đầu tiên Quốc hội đưa vào Nghị quyết việc phê phán nghiêm khắc đối với một cán bộ cấp cao và công khai trước nhân dân cả nước: *“Quốc hội phê phán nghiêm khắc ông Vũ Huy Hoàng, Bộ trưởng Bộ Công Thương nhiệm kỳ 2011-2016 trước Quốc hội và cử tri cả nước do đã có những vi phạm về công tác cán bộ trong thời gian đảm nhiệm chức vụ nêu trên, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước, Bộ Công Thương, gây bức xúc trong xã hội, được nhiều đại biểu Quốc hội quan tâm chất vấn. Giao Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan bảo vệ pháp luật tiếp tục làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, tăng cường công tác giám sát, quản lý cán bộ, làm tốt việc thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu; khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để xử lý công bằng và nghiêm minh các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.”* (Điều 2).

---

<sup>159</sup> Xem thêm: Lưu Đức Quang, *Trách nhiệm Hiến pháp của người giữ chức vụ nhà nước*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 10 (182)/2024, tr. 01-13.

Ngày 21/01/2017, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 344/NQ-UBTVQH14 về việc xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng. Theo đó, căn cứ Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014, Nghị quyết số 33/2016/QH14, văn bản số 2726-CV/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng; đồng thời trên cơ sở Tờ trình số 27/TTr-CP của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 314/BC-UBPL14 của Ủy ban Pháp luật và ý kiến của các thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 6, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 344/NQ-UBTVQH14 về việc xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng. Nghị quyết số 344/NQ-UBTVQH14 quyết nghị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách nguyên Bộ trưởng Bộ Công thương nhiệm kỳ 2011- 2016 đối với ông Vũ Huy Hoàng do đã có những vi phạm về công tác cán bộ khi giữ chức vụ Bộ trưởng trong nhiệm kỳ này và Ban Bí thư Trung ương Đảng đã thi hành kỷ luật tại Nghị quyết số 388-QĐNS/TW ngày 03/11/2016. Nghị quyết giao Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng; giao Chính phủ khẩn trương nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định của luật về cán bộ, công chức, viên chức, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để xử lý công bằng, nghiêm minh các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, kể cả khi đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra khỏi bộ máy nhà nước<sup>160</sup>.

Ngày 21/01/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định về việc thi hành kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng bằng hình thức xóa tư cách nguyên Bộ trưởng Bộ Công thương nhiệm kỳ 2011 – 2016. Đây là lần đầu tiên một cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách giữ chức vụ nhà nước (tư cách nguyên Bộ trưởng) sau khi đã nghỉ hưu. Từ tiền lệ này, Thủ tướng Chính phủ sau đó đã ban hành nhiều quyết định thi hành kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông nhiệm kỳ 2011-2016 đối với ông Nguyễn Bắc Sơn (Quyết định số 1433/QĐ-TTg ngày 26/10/2018); xóa tư cách nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Quân chủng Hải quân đối với ông Nguyễn Văn Hiến (Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 03/9/2019)...

---

<sup>160</sup> Cổng TTĐT Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc xử lý kỷ luật đối với ông Vũ Huy Hoàng, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=32575>, truy cập ngày 15/4/2023.

Điểm b khoản 5 Điều 84 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định: “Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật”. Một người đã nghỉ việc, nghỉ hưu thì không còn là cán bộ, công chức bởi họ cũng không còn giữ chức vụ, không còn trong biên chế và cũng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Do đó, TS. Cao Vũ Minh đã đặt ra vấn đề về tính phù hợp về hình thức xử lý kỷ luật đối với người không còn là cán bộ, công chức cũng như phạm vi điều chỉnh của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019)?<sup>161</sup>. Theo chúng tôi, điều này chỉ có thể được giải quyết một cách thấu đáo nếu chúng ta **áp dụng TNHP đối với những trường hợp này**<sup>162</sup>.

## 5. Bỏ phiếu tín nhiệm tại Quốc hội

Bỏ phiếu tín nhiệm<sup>163</sup> là một thủ tục để Quốc hội thực hiện quyền miễn nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn khi người

---

<sup>161</sup> Xem thêm: Cao Vũ Minh, *Xử lý kỷ luật đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 08 (138)/2020.

<sup>162</sup> Ngày 12/8/2025, Thủ tướng đã quyết định xóa tư cách chức vụ nguyên Chủ tịch UBND TP HCM và các chức vụ nhà nước khác với ông Lê Thanh Hải, do có vi phạm, khuyết điểm trong công tác. Trước đó, ngày 15/5/2024, Ban chấp hành trung ương Đảng đã quyết định cách tất cả chức vụ trong Đảng với ông Lê Thanh Hải, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Thành ủy TP HCM. Theo đánh giá của các cơ quan có thẩm quyền, ông Hải đã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật; quy định những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương; thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo để xảy ra nhiều vi phạm, khuyết điểm tại Đảng bộ, chính quyền thành phố. Những vi phạm này gây hậu quả nghiêm trọng, nguy cơ thiệt hại, thất thoát rất lớn tiền, tài sản của Nhà nước, để xảy ra các vụ án hình sự nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như vụ án Vạn Thịnh Phát, vụ việc tại khu đô thị mới Thủ Thiêm... Nhiều tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên bị kỷ luật, xử lý hình sự, gây dư luận bức xúc, làm giảm uy tín của tổ chức đảng và chính quyền thành phố. Đây có thể được xem là một ví dụ điển hình về sự đồng bộ giữa việc áp dụng hình thức kỷ luật Đảng với truy cứu trách nhiệm Hiến pháp. (<https://vnexpress.net/ong-le-thanh-hai-bi-xoa-tu-cach-nguyen-chu-tich-tp-hcm-4925926.html>, truy cập ngày 12/8/2025)

<sup>163</sup> Điều 2 Nghị quyết số 85/2014/QH13 giải thích như sau:

1. *Lấy phiếu tín nhiệm* là việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát, đánh giá mức độ tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn để làm cơ sở cho việc xem xét đánh giá cán bộ.

2. *Bỏ phiếu tín nhiệm* là việc Quốc hội, Hội đồng nhân dân thể hiện sự tín nhiệm hoặc không tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn để làm cơ sở cho việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người không được Quốc hội, Hội đồng nhân dân tín nhiệm.

đó không xứng đáng với trọng trách được trao<sup>164</sup>. Tuy không phải là một hình thức TNHP nhưng việc thể chế hóa hoạt động này góp phần quan trọng để truy cứu TNHP.

Theo TS. Vũ Đức Khiển (nguyên Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội), kể từ khi Nghị quyết số 51/2001/QH10 bổ sung quy định về việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn được ban hành đến năm 2009, thực tiễn nghị trường cho thấy Quốc hội chưa lần nào thực hiện quyền bỏ phiếu tín nhiệm. Bên cạnh đó, Quốc hội đã áp dụng một hình thức miễn nhiệm đối với cả ba trường hợp: một người được thôi giữ chức vụ này để giữ một chức vụ khác cao hơn; người thôi giữ một chức vụ đã kiêm nhiệm nhưng vẫn giữ chức vụ cao hơn và người không được Quốc hội tín nhiệm giao giữ chức vụ đó nữa vì đã có sai lầm, khuyết điểm. Việc Quốc hội chỉ áp dụng chung một hình thức miễn nhiệm đối với những người thuộc các trường hợp trên đây là bất hợp lý<sup>165</sup>. Khoản 8 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn”. Hiến pháp năm 1946 gọi là biểu quyết không tín nhiệm. Thông lệ quốc tế gọi là bỏ phiếu bất tín nhiệm. Nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi nhận thấy hai vấn đề nổi bật sau đây:

***Một là, hệ quả pháp lý của hoạt động bỏ phiếu tín nhiệm thiếu sự phân hóa và chưa rõ tính chế tài.***

Thể chế hóa thẩm quyền hiến định này, Điều 13 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014<sup>166</sup> quy định: (1) Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn trong các trường hợp sau đây: a) Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị; b) Có kiến nghị của ít nhất hai mươi phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội; c) Có kiến nghị của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội; d) Người được lấy phiếu tín nhiệm mà có từ hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội trở lên đánh giá tín nhiệm thấp. (2) Nếu có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội bỏ phiếu không tín nhiệm thì người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có thể xin từ chức. Trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có

---

<sup>164</sup> Xem thêm: Vũ Đức Khiển, *Quy định về bỏ phiếu tín nhiệm: từ mong muốn đến hiện thực*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10(147), tháng 5/2009.

<sup>165</sup> Vũ Đức Khiển, *tlđđ*.

<sup>166</sup> Điều 89 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thể hiện nội dung tương tự trong hoạt động của HĐND.

thẩm quyền giới thiệu để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn chức vụ đó có trách nhiệm trình Quốc hội xem xét, quyết định việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm người không được Quốc hội tín nhiệm. Như vậy, kết quả lấy phiếu tín nhiệm là một trong những căn cứ để các cơ quan dân cử bỏ phiếu tín nhiệm chức danh hữu quan.

Điều 10 Nghị quyết số 85/2014/QH13 về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn xác định hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm như sau: (1). Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đánh giá “tín nhiệm thấp” thì có thể xin từ chức. (2). Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội trở lên đánh giá “tín nhiệm thấp” thì Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội, Thường trực HĐND trình HĐND bỏ phiếu tín nhiệm.

Như vậy, hệ quả của việc lấy phiếu tín nhiệm (quá nửa tổng số đại biểu đánh giá “tín nhiệm thấp”) và bỏ phiếu tín nhiệm (quá nửa đại biểu bỏ phiếu “không tín nhiệm”) cơ bản như nhau và mang tính khuyến nghị (có thể xin từ chức). So sánh với Điều thứ 54 Hiến pháp năm 1946, chúng ta thấy rõ tính chế tài của việc từ chức như “Bộ trưởng nào không được Nghị viên tín nhiệm thì phải từ chức”.

***Hai là, nhu cầu đồng bộ hóa văn kiện Đảng với văn bản pháp luật về các hình thức TNHP.*** Luật Cán bộ, công chức năm 2008 chỉ xác định hậu quả pháp lý mà chưa nêu rõ căn cứ hay lý do để cơ quan có thẩm quyền áp dụng các hình thức trách nhiệm gồm miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức và từ chức<sup>167</sup>.

Quy định 41-QĐ/TW (ngày 03/11/2021) của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ thì giải thích như sau: (1). Miễn nhiệm là việc cấp có thẩm quyền quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm do không đáp ứng được yêu cầu công việc, uy tín giảm sút, có vi phạm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật cách chức. (2). Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Ban chấp hành Trung ương khẳng định một trong ba

---

<sup>167</sup> Theo Luật cán bộ, công chức hiện hành, từ chức là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm.

nguyên tắc xử lý cán bộ là: “Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm”.

Quy định số 96-QĐ/TW (ngày 02/02/2023) của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị hướng dẫn việc sử dụng kết quả phiếu tín nhiệm như sau: (1). Những trường hợp có trên 50% nhưng dưới 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đưa ra khỏi quy hoạch các chức vụ cao hơn; xem xét cho thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm, bố trí công tác khác hoặc cho từ chức hoặc tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm theo quy định. (2). Những trường hợp có từ 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp trở lên thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ thực hiện miễn nhiệm chức vụ đang đảm nhiệm và bố trí công tác khác (thấp hơn) mà không chờ đến hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bỏ nhiệm...

Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với 48 người trên tổng số 50 người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, kết quả không có trường hợp nào có hơn 50% tổng số đại biểu Quốc hội đánh giá "tín nhiệm thấp". HĐND các cấp đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với 99.836 người, hầu hết đều đạt hơn 50% số phiếu "tín nhiệm cao"; tỉ lệ người có số phiếu "tín nhiệm thấp" ở các cấp, cụ thể như sau: Cấp tỉnh, có 2/1.750 người, chiếm tỉ lệ 0,11%; ở cấp huyện 25/13.852 người, chiếm tỉ lệ 0,18%; ở cấp xã 186/84.234 người, chiếm tỉ lệ 0,22%. Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Nghị quyết số 85 cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể, Nghị quyết chỉ quy định về hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm nhưng không quy định rõ về thời hạn thực hiện, dẫn đến việc tùy nghi, không đồng bộ, thống nhất trong cả nước<sup>168</sup>.

Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn nhằm sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 85/2014/QH13 cũng như thể chế hóa Quy định số 96-QĐ/TW. Dự

---

<sup>168</sup> Nguyễn Hoàng, *Bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về việc lấy phiếu tín nhiệm*, <https://baochinhphu.vn/bo-sung-hoan-thien-du-thao-nghi-quyet-ve-viec-lay-phieu-tin-nhiem-102230511122241758.htm>, truy cập ngày 11/5/2023.

thảo được biên soạn theo hướng quy định cụ thể hệ quả đối với người được lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm. Theo đó, người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa đến dưới 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND đánh giá “tín nhiệm thấp” thì có thể xin từ chức. Trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả lấy phiếu tín nhiệm mà không từ chức thì Quốc hội, HĐND xem xét, quyết định việc bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả lấy phiếu tín nhiệm. Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND trở lên đánh giá “tín nhiệm thấp” thì cơ quan có thẩm quyền trình Quốc hội, HĐND tiến hành miễn nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả lấy phiếu tín nhiệm. Ngoài ra, trong quá trình thảo luận, có ý kiến cho rằng bỏ phiếu tín nhiệm thực chất là một hình thức xem xét kỷ luật đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn. Vì theo quy định tại dự thảo nghị quyết, các trường hợp bỏ phiếu tín nhiệm tại Quốc hội, HĐND thường là do phát hiện có dấu hiệu sai phạm hoặc qua thăm dò cho thấy người được Quốc hội, HĐND bầu, phê chuẩn đạt mức “tín nhiệm thấp”. Trong khi đó, hệ quả nặng nhất đối với người được lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm quy định trong dự thảo nghị quyết đều là trình Quốc hội, HĐND quyết định việc miễn nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm. Do đó, ý kiến này đề nghị trong trường hợp người được bỏ phiếu tín nhiệm có từ quá nửa tổng số đại biểu trở lên đánh giá “không tín nhiệm” thì Quốc hội, HĐND tiến hành bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị cách chức đối với người đó<sup>169</sup>.

Ngày 23/6/2023, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 96/2023/QH15 về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội, HĐND; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; góp phần đánh giá uy tín và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của người được lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm,

---

<sup>169</sup> Thành Chung, *Làm rõ cơ sở quy định cán bộ tín nhiệm thấp, không quá 10 ngày phải từ chức*, <https://tuoitre.vn/lam-ro-co-so-quy-dinh-can-bo-tin-nhiem-thap-khong-qua-10-ngay-phai-tu-chuc-20230511102534394.htm>, truy cập ngày 11/5/2023.



giúp họ thấy được mức độ tín nhiệm của mình để tiếp tục phấn đấu, rèn luyện, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác; làm cơ sở để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét đánh giá cán bộ, làm cơ sở cho công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ. Hệ quả của việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm được quy định như sau: người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa đến dưới 2/3 tổng số phiếu đánh giá "tín nhiệm thấp" thì có thể xin từ chức; trường hợp không xin từ chức thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Quốc hội, thường trực HĐND trình HĐND tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất; trường hợp một người đã được lấy phiếu tín nhiệm cùng một lần với nhiều chức vụ thì việc bỏ phiếu tín nhiệm được thực hiện một lần đối với các chức vụ đó. Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ 2/3 tổng số phiếu đánh giá "tín nhiệm thấp" trở lên thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Quốc hội, HĐND bầu hoặc phê chuẩn có trách nhiệm trình Quốc hội, HĐND tiến hành miễn nhiệm tại kỳ họp đó hoặc kỳ họp gần nhất; trường hợp một người đã được lấy phiếu tín nhiệm cùng một lần với nhiều chức vụ thì thực hiện việc miễn nhiệm đối với tất cả các chức vụ đó<sup>170</sup>.

Tóm lại, việc hoàn thiện khung pháp lý về các biện pháp trách nhiệm Hiến pháp cũng như truy cứu loại trách nhiệm này đối với người giữ chức vụ nhà nước cần phải được đặt ra một cách nghiêm túc nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý nhà nước nói chung, quản lý hành chính nhà nước nói riêng cũng như tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện và thực chất đối với nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và cấp bách này.

---

<sup>170</sup> Lê Hiệp, Quốc hội quyết định không lấy phiếu tín nhiệm cán bộ cấp xã, <https://thanhnien.vn/quoc-hoi-quyet-dinh-khong-lay-phiếu-tin-nhiem-can-bo-cap-xa-18523062314215442.htm>, truy cập ngày 23/6/2023.



# MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

*TS. Đặng Thị Thu Phương - ThS. Võ Văn Lượng<sup>171</sup>*

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, đối với sự ổn định và phát triển của đất nước. Hệ thống chính trị, với vai trò trung tâm của Nhà nước, đòi hỏi phải thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ nhằm ngăn ngừa hành vi sai phạm, trục lợi, bảo đảm quyền lực được thực thi đúng pháp luật. Tổ chức chính quyền địa phương hai cấp giữ vai trò quan trọng trong việc triển khai chính sách, pháp luật vào thực tiễn; quản lý trực tiếp các hoạt động kinh tế - xã hội, cung ứng dịch vụ công và giải quyết các vấn đề thiết thực của người dân. Tuy nhiên, với phạm vi quản lý rộng và đặc thù công việc tiếp xúc trực tiếp với nguồn lực và người dân, chính quyền địa phương tiềm ẩn nguy cơ phát sinh lạm quyền và tham nhũng nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả. Trong phạm vi bài viết nhóm tác giả tập trung phân tích, nhận diện thách thức và đề xuất định hướng chính sách nhằm tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng trong chính quyền địa phương hai cấp, góp phần xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

**Từ khóa:** Chính quyền địa phương hai cấp; tham nhũng, phòng chống tham nhũng  
**Đặt vấn đề**

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương - Luật số 72/2025/QH15 năm 2025 thì Chính quyền địa phương được tổ chức thành 2 cấp gồm: cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và cấp xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (gọi chung là cấp xã). Từ ngày 01/7/2025, Việt Nam chính thức thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp hành chính là cấp tỉnh và cấp xã, nhằm hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp. Theo đó, cấp hành chính trung gian là cấp huyện (quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) sẽ bị xóa bỏ. Đồng thời, các chức năng quản lý

<sup>171</sup> Khoa Hành chính và Quản trị, Phân viện Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

<sup>171</sup> Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh

nhà nước trước đây do cấp huyện thực hiện sẽ được chuyển giao lên cấp tỉnh hoặc ủy quyền xuống cấp xã, tùy lĩnh vực, điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

Mô hình mới này đã mang tính cải cách mạnh mẽ, song cũng đồng thời đặt ra những thách thức lớn trong kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng (PCTN) tại các cơ quan hành chính Nhà nước, nhất là cơ quan cấp xã, các đơn vị sự nghiệp nhà nước với các vấn đề như sau:

*Thứ nhất*, theo chủ trương chung thì quyền lực hành chính, tài chính, tổ chức cán bộ được giao nhiều hơn về cấp tỉnh, cấp xã sẽ làm tăng khả năng lạm quyền, lạm dụng chức vụ nếu thiếu cơ chế kiểm soát độc lập, hiệu quả.

*Thứ hai*, cấp xã là cấp cơ sở trực tiếp giải quyết nhiều công việc hàng ngày của người dân, nhưng lại hạn chế về nhân lực, trình độ, kinh nghiệm do bố trí lại một số cán bộ cấp xã trước đây và thiếu công cụ giám sát, dễ dẫn đến tiêu cực, những nhiễu nhiễu nếu không có sự hỗ trợ và kiểm soát kịp thời từ cấp trên.

*Thứ ba*, việc xóa bỏ cấp huyện khiến mất đi một tầng quản lý và giám sát trung gian vốn từng góp phần kiểm soát hành vi công vụ của cấp xã, tạo ra khoảng trống nhất định về mặt tổ chức, đặc biệt trong các lĩnh vực như đất đai, đầu tư công, xây dựng, ngân sách...

Nhận diện đúng các nguy cơ và dạng thức tham nhũng có thể phát sinh, đánh giá những điểm nghẽn trong thiết kế thể chế, và đặc biệt là đề xuất các mô hình, cơ chế chính sách phòng, chống tham nhũng phù hợp với thực tiễn tổ chức chính quyền địa phương hai cấp là nhiệm vụ có tính chiến lược, cấp bách, nhằm bảo đảm sự trong sạch, vững mạnh của bộ máy hành chính nhà nước, góp phần xây dựng nền công vụ liêm chính, thiết thực, hiệu quả.

## **2. Tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và nguy cơ tham nhũng**

*- Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho cấp tỉnh dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền*

Khi không tổ chức cấp huyện, nhiều chức năng quản lý hành chính, tài chính, cán bộ được tập trung về cấp tỉnh, bao gồm cả phê duyệt đầu tư công, điều hành ngân sách, quyết định quy hoạch, đất đai, và phân bổ biên chế, nguồn lực cho cấp xã. Việc tập trung quyền lực quá lớn vào một cấp, trong khi cơ chế kiểm soát nội bộ, thanh tra, kiểm toán chưa được điều chỉnh tương xứng, có thể dẫn đến: Tình trạng lợi ích nhóm, thao túng chính sách, móc ngoặc giữa cơ quan hành chính và doanh nghiệp ở cấp tỉnh. Khó kiểm soát việc ủy quyền "trên giấy" nhưng thực tế thiếu giám sát chặt chẽ, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như đầu tư xây dựng, đấu thầu, chuyển mục đích sử dụng đất.

- *Cấp xã có thể quá tải, thiếu năng lực và thiếu thiết chế giám sát hiệu quả*

Khi sáp nhập các xã nhỏ thành một xã lớn thì quy mô về diện tích, dân số tăng lên gấp nhiều lần; khả năng kiểm soát, quản lý tại cấp xã còn nhiều khó khăn, Trong khi đó, cấp xã nơi gần dân nhất lại đang đối mặt với nhiều thách thức:

*Một là*, hạ tầng hành chính còn yếu, cán bộ công chức thiếu chuyên môn, dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ mới (sau khi cấp huyện giải thể) không đảm bảo hiệu quả, có thể dễ bị lạm quyền, nhũng nhiễu.

*Hai là*, các thiết chế giám sát cộng đồng như Ban Thanh tra nhân dân, Mặt trận Tổ quốc xã, HĐND xã hoạt động còn mang tính hình thức, phụ thuộc lớn vào người đứng đầu.

*Ba là*, một số lĩnh vực như thu, chi ngân sách xã, hỗ trợ an sinh xã hội, cấp phép xây dựng nhỏ, quản lý đất công có nguy cơ phát sinh tiêu cực nếu không có sự giám sát đồng bộ từ cấp tỉnh.

- *Khoảng trống kiểm soát quyền lực sau khi bỏ cấp huyện; sáp nhập xã nhỏ thành xã lớn.*

Cấp huyện trước đây vừa là cấp quản lý hành chính, vừa là “van an toàn” kiểm tra - giám sát đối với cấp xã. Việc loại bỏ cấp huyện tạo ra những khoảng trống sau: Không còn cơ quan trung gian để giám sát hành vi công vụ, đặc biệt là trong những tình huống khẩn cấp, mâu thuẫn tại cơ sở. Tỉnh quản lý trực tiếp xã, nhưng số lượng xã lớn, địa bàn rộng, khiến việc kiểm tra, thanh tra trở nên không thường xuyên, thiếu chiều sâu, từ đó có thể tạo điều kiện cho các sai phạm kéo dài, bị che giấu.

- *Hệ thống pháp luật và cơ chế phối hợp chưa được điều chỉnh kịp thời*

Nhiều quy định về phân cấp, phân quyền, kiểm soát quyền lực, xử lý sai phạm vẫn đang được xây dựng hoặc chưa kịp điều chỉnh phù hợp với mô hình 2 cấp. Điều này dẫn đến: Lúng túng trong việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc xử lý vi phạm tại xã. Trách nhiệm giải trình của xã không rõ ràng trong các hoạt động được tỉnh ủy quyền.

### **3. Đề xuất mô hình và cơ chế chính sách mới phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp**

Trong bối cảnh chính quyền địa phương chỉ còn hai cấp, việc kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng cần được tổ chức lại theo hướng giảm tầng nấc nhưng tăng hiệu quả, thay đổi từ mô hình giám sát hành chính thuần túy sang mô hình kiểm soát quyền lực đa chiều, có tính độc lập, số hóa và gắn với trách nhiệm giải trình của từng cấp, từng cá nhân. Dưới đây là các đề xuất cụ thể:

- *Thiết lập “Cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng” trực thuộc cấp trung ương và cấp tỉnh.* Cơ quan này có chức năng độc lập với các cơ quan hành chính thường xuyên, hoạt động như một “mắt xích chống tham nhũng” chuyên biệt.

Cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng được thiết lập với một số nhiệm vụ như: Theo dõi, đánh giá đạo đức công vụ, minh bạch tài sản, xử lý phản ánh tiêu cực; Phối hợp với thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn để kiểm tra đột xuất các hoạt động có nguy cơ phát sinh tham nhũng ở cấp tỉnh, cấp xã; Vận hành hệ thống cảnh báo sớm về tham nhũng dựa trên dữ liệu hành chính và phản ánh của người dân. Việc thành lập Cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng sẽ giúp tăng tính độc lập, chuyên sâu và linh hoạt trong kiểm soát quyền lực ở cấp tỉnh và cấp xã mà không phụ thuộc vào hệ thống hành chính thông thường.

- *Hoàn thiện cơ chế ủy quyền từ tỉnh về xã đi kèm giám sát chặt chẽ*

Các lĩnh vực mà tỉnh ủy quyền cho xã thực hiện (như xử phạt hành chính, giải quyết đơn thư, quản lý đất đai nhỏ lẻ, chi tiêu ngân sách...) cần có: Văn bản ủy quyền rõ ràng, có điều kiện, có giới hạn và có thời hạn cụ thể; Quy chế hậu kiểm định kỳ, gắn trách nhiệm của cả bên giao và bên nhận ủy quyền; Xử lý kỷ luật nghiêm minh nếu phát hiện lạm quyền, bao che hoặc không thực hiện đúng ủy quyền. Hoàn thiện cơ chế ủy quyền từ tỉnh về xã đi kèm giám sát chặt chẽ giúp tránh tình trạng “trao quyền mà không kiểm soát”, đồng thời tăng cường sự chủ động cho xã đi kèm trách nhiệm giải trình.

- *Áp dụng mô hình “Giám sát cộng đồng + công nghệ số” tại cấp xã*

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, HĐND xã, Ban Thanh tra nhân dân và người dân thông qua: Hệ thống phản ánh hiện trường trực tuyến, liên kết về tỉnh; Ứng dụng công khai tài chính xã: chi ngân sách, đầu tư công, dự án hỗ trợ... phải đăng tải định kỳ lên cổng thông tin xã. Tỉnh ban hành bộ tiêu chí đánh giá minh bạch, liêm chính cấp xã, làm cơ sở xét thi đua, đánh giá cán bộ. Áp dụng mô hình “Giám sát cộng đồng + công nghệ số” tại cấp xã sẽ tăng cường sức ép từ người dân và dư luận địa phương, kết hợp với kiểm soát dữ liệu theo thời gian thực để kịp thời phát hiện sai phạm.

- *Quy định trách nhiệm giải trình và xử lý trách nhiệm người đứng đầu cấp xã*

Thực hiện Luật hóa nguyên tắc Người đứng đầu xã chịu trách nhiệm toàn diện về các vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý hành chính - công vụ của địa phương mình. Đồng thời mở rộng cơ chế “Giải trình công khai trước dân”, đặc biệt với các vấn đề bức xúc như quy hoạch, đầu tư, thu - chi ngân sách xã; Thanh kiểm tra đột xuất theo phản ánh của cử tri, không báo trước. Việc quy định trách nhiệm giải trình và xử lý trách nhiệm

người đứng đầu cấp xã giúp nâng cao trách nhiệm cá nhân, tạo môi trường hành chính liêm chính từ cấp thấp nhất.

*- Xây dựng và công bố “Chỉ số liêm chính hành chính xã” (ICCI)*

Giao Thanh tra tỉnh phối hợp MTTQ và Sở Nội vụ xây dựng bộ chỉ số đánh giá: Tình trạng những nhiễu, tiêu cực tại bộ phận một cửa; Mức độ công khai - minh bạch trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản; Sự hài lòng của người dân; Hiệu quả tiếp công dân và giải quyết đơn thư. Thực hiện xây dựng và công bố “Chỉ số liêm chính hành chính xã” sẽ tạo được cơ sở dữ liệu so sánh giữa các xã, giúp tỉnh đánh giá, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ công bằng và minh bạch hơn.

**Kết luận**

Việc tổ chức lại chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp hành chính: cấp tỉnh và cấp xã, bắt đầu từ ngày 01/7/2025, là một bước đi cải cách sâu rộng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi này, nguy cơ tái tạo quyền lực tập trung, khoảng trống kiểm soát, và gia tăng rủi ro tham nhũng tại cả cấp tỉnh và cấp xã cũng trở nên hiện hữu hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng không thể tiếp tục theo cách tiếp cận cũ, mà cần chuyển sang một cách tiếp cận thể chế hóa - công nghệ hóa - xã hội hóa, lấy kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình làm trung tâm. Bài viết đã chỉ ra những nguy cơ mới nổi, đồng thời đề xuất 5 nhóm giải pháp, mô hình và chính sách trọng tâm: Thiết lập thiết chế giám sát liêm chính độc lập ở cấp tỉnh, đảm nhiệm vai trò “trung tâm kiểm soát quyền lực công” trong bối cảnh thiếu tầng trung gian (huyện). Tái cấu trúc cơ chế ủy quyền và hậu kiểm từ tỉnh về xã, gắn chặt với trách nhiệm giải trình và chế tài rõ ràng. Ứng dụng công nghệ số kết hợp giám sát cộng đồng tại xã, tăng cường minh bạch hóa hành chính. Quy định rõ và buộc thực thi trách nhiệm người đứng đầu cấp xã, coi đây là chìa khóa kiểm soát sai phạm từ gốc. Xây dựng chỉ số liêm chính hành chính cấp xã (ICCI) như một công cụ quản trị và đánh giá minh bạch, khách quan.

Những đề xuất này cần được thể chế hóa bằng pháp luật, quy định cụ thể, có tính khả thi và được thí điểm, nhân rộng theo lộ trình. Đồng thời, thành công trong phòng, chống tham nhũng không chỉ nằm ở thiết kế thể chế, mà còn phụ thuộc vào ý chí chính trị mạnh mẽ của cấp lãnh đạo, sự chuyên nghiệp của đội ngũ công chức, và sự tham gia giám sát tích cực của nhân dân.

Việc xây dựng chính quyền địa phương liên chính - phục vụ - hiệu quả không chỉ là một mục tiêu cải cách hành chính, mà còn là điều kiện tiên quyết để củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo nền tảng bền vững cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới./.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Anh Thơ, (2025), *Chính quyền địa phương 2 cấp ở Việt Nam: Mở rộng không gian phát triển, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp*. Báo điện tử Chính phủ. Truy xuất: <https://baochinhphu.vn/chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-o-viet-nam-mo-rong-khong-gian-phat-trien-tao-thuan-loi-cho-nguoi-dan-va-doanh-nghiep-102250617111329632.htm>
2. Hạnh Nguyên, (2024), *Đẩy mạnh toàn diện công tác phòng, chống tham nhũng, quyết liệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*. Báo Nhân Dân. Truy xuất: <https://nhandan.vn/day-manh-toan-dien-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-quyet-liet-thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-post842150.html>
3. Nguyễn Phú Trọng, (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb: Chính trị quốc gia sự thật
4. Tạ Thị Thanh Tâm, (2023), *Xây dựng văn hóa công vụ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính giai đoạn 2021–2030*. Trang Thông tin điện tử cải cách hành chính Nhà nước. Truy xuất: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/08/24/xay-dung-van-hoa-cong-vu-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-hanh-chinh-giai-doan-2021-2030/>
5. Cao Văn Thống, (2023), *Kinh nghiệm của một số quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*. Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Truy xuất: <https://ubkttw.vn/danh-muc/nghien-cuu-trao-doi/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc.html>

# **NHẬN DIỆN VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

**ThS. Phạm Văn Năm<sup>172</sup>**

**Tóm tắt:** *Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí không chỉ giúp cải thiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Nội dung bài viết đưa ra một số quan điểm, cách nhận diện và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay.*

**Từ khóa:** *Phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quản lý hành chính nhà nước.*

## **1. Nhận diện về tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước**

### **1.1. Tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước**

Tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước là hành vi của cán bộ, công chức, viên chức (gọi chung là cán bộ) hoặc những người có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để trục lợi cá nhân. Điều này không chỉ làm tổn hại đến ngân sách nhà nước mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tin của người dân, của doanh nghiệp đối với bộ máy công quyền.

#### **Các biểu hiện phổ biến của tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước:**

- Hối lộ: Là hành vi của cán bộ nhận tiền, quà hoặc lợi ích khác từ cá nhân, tổ chức để làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của mình. Như hành vi nhận hối lộ để cấp giấy phép kinh doanh, phê duyệt hồ sơ.

- Tham ô tài sản: Là hành vi chiếm đoạt tài sản, ngân sách hoặc nguồn lực được Nhà nước, cơ quan giao quản lý. Như hành vi biển thủ tiền ngân sách khi thực hiện các dự án công.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn: Là hành vi sử dụng quyền lực để can thiệp trái pháp luật vào các hoạt động quản lý nhà nước nhằm thu lợi cá nhân. Như ép buộc doanh nghiệp ký hợp đồng với mức giá thấp để nhận lại “hoa hồng”.

---

<sup>172</sup> *Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh*

- Thông đồng, móc ngoặc trong đấu thầu, dự án: Cấu kết với các bên liên quan để dàn xếp kết quả đấu thầu hoặc phân bổ dự án sai quy định nhằm thu lợi. Như giao thầu cho doanh nghiệp thân quen với giá cao hơn thực tế.

- Lợi dụng vị trí để bổ nhiệm, đề bạt người không đủ năng lực: Thực hiện các quyết định nhân sự dựa trên quan hệ, tiền bạc thay vì năng lực và phẩm chất.

**Hậu quả của tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước:** Làm suy yếu hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước. Gây thất thoát tài sản công, lãng phí ngân sách. Mất lòng tin của người dân. Kìm hãm phát triển kinh tế - xã hội.

Tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước là vấn đề nghiêm trọng đòi hỏi sự nỗ lực đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để phòng ngừa và xử lý hiệu quả.

## **1.2. Tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước**

Tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước là các hành vi, thái độ sai trái, không minh bạch của cán bộ trong quá trình thực thi công vụ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, gây thiệt hại cho Nhà nước và mất lòng tin của người dân.

### **Các biểu hiện của tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước:**

- Những nhiễu người dân và doanh nghiệp: Đặt ra các thủ tục rườm rà, gây khó dễ để buộc người dân hoặc doanh nghiệp phải “bôi trơn, đút lót” mới được giải quyết công việc. Như cố tình kéo dài thời gian xử lý hồ sơ để yêu cầu chi thêm tiền.

- Quan liêu, thiếu trách nhiệm: Làm việc theo kiểu hình thức, máy móc, thiếu tinh thần phục vụ Nhân dân, né tránh trách nhiệm khi có sự cố. Như chuyển trách nhiệm cho các bộ phận khác khi gặp vấn đề thay vì tìm cách giải quyết.

- Lạm quyền, làm trái quy định: Sử dụng quyền lực không đúng quy định để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc nhóm lợi ích. Như tự ý phê duyệt các dự án, cấp phép mà không tuân theo quy trình pháp lý.

- Thiếu minh bạch trong hoạt động quản lý: Không công khai thông tin về các quyết định hành chính, đấu thầu, ngân sách, tạo điều kiện cho các hành vi gian lận. Như giữ bí mật thông tin về các dự án để ưu ái cho một số doanh nghiệp thân quen.

- Bổ nhiệm, đề bạt không đúng năng lực: Bổ nhiệm người không đủ năng lực vào các vị trí quan trọng dựa trên quan hệ hoặc lợi ích cá nhân. Như bổ nhiệm người nhà, người quen vào các vị trí quản lý dù không đáp ứng đủ tiêu chuẩn.

- Thiếu kiểm tra, giám sát: Không thực hiện hoặc thực hiện mang tính hình thức, đối phó các hoạt động kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện cho sai phạm diễn ra. Như các cơ quan



thanh tra không phát hiện sai phạm do thiếu trách nhiệm hoặc bị chi phối bằng các lợi ích như tiền, tinh thần, vật chất.

**Hậu quả của tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước:** Làm suy giảm hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Gây thiệt hại về tài chính cho Nhà nước và người dân. Mất lòng tin của người dân vào bộ máy nhà nước. Làm chậm quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự quyết tâm từ cả hệ thống chính trị và sự đồng hành của toàn xã hội để xây dựng một nền hành chính công bằng, minh bạch và hiệu quả.

### **1.3. Lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước**

Lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước là việc sử dụng tài nguyên, ngân sách, thời gian, nhân lực hoặc vật lực một cách không hiệu quả, không cần thiết hoặc vượt quá mức cần thiết trong quá trình thực hiện các hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Lãng phí không nhất thiết phải do hành vi tham nhũng hay tiêu cực gây ra, mà có thể xuất phát từ sự yếu kém trong công tác quản lý, thiếu kế hoạch cụ thể hoặc do cơ chế, chính sách chưa hợp lý.

#### **Các biểu hiện của lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước:**

- Lãng phí ngân sách và tài sản công: Chi tiêu không hợp lý, mua sắm trang thiết bị đắt tiền nhưng không sử dụng hiệu quả hoặc để tồn kho lâu ngày. Ví dụ, xây dựng các công trình công cộng to lớn, hoành tráng nhưng ít được sử dụng hoặc nhanh chóng xuống cấp.

- Lãng phí thời gian và công sức: Quy trình hành chính rườm rà, nhiều bước trung gian không cần thiết khiến công việc bị trì trệ, kéo dài. Ví dụ, người dân phải đi lại nhiều lần để hoàn thành một thủ tục đơn giản do quy trình xử lý phức tạp.

- Lãng phí nhân lực: Sắp xếp, phân bổ nhân sự không hiệu quả, nhiều người không có việc làm cụ thể hoặc công việc trùng lặp giữa các bộ phận. Ví dụ, một công việc có thể do một người đảm nhận nhưng lại phân cho nhiều người gây chồng chéo.

- Lãng phí trong đầu tư công: Đầu tư vào các dự án không hiệu quả, không cần thiết hoặc không phù hợp với nhu cầu thực tế. Ví dụ, các dự án “treo”, đầu tư dở dang hoặc bị bỏ hoang sau khi xây dựng.

- Lãng phí do quản lý kém hiệu quả: Thiếu kế hoạch, dự báo không chính xác dẫn đến việc sử dụng sai nguồn lực hoặc thất thoát tài sản công. Ví dụ, nhập khẩu hoặc sản xuất dư thừa vật tư hành chính dẫn đến hư hỏng, không sử dụng được.

- Lãng phí trong tổ chức hội họp, sự kiện: Tổ chức các cuộc họp, hội nghị không cần thiết hoặc quá hình thức, tốn kém nhiều chi phí nhưng không mang lại kết quả thiết thực. Ví dụ, hội nghị dài dòng, thiếu trọng tâm, không giải quyết được vấn đề cụ thể.

**Hậu quả của lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước:** Gây thất thoát tài sản và ngân sách Nhà nước. Giảm hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính. Mất niềm tin của người dân. Cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội.

Lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước là một vấn đề nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của đất nước và chất lượng cuộc sống của người dân. Do đó, việc nhận diện, kiểm soát và ngăn chặn lãng phí là nhiệm vụ quan trọng của mọi cấp chính quyền.

## **2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước**

### **2.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước**

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trong quản lý hành chính nhà nước, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ cơ chế, chính sách đến thực thi và giám sát.

Dưới đây là một số giải pháp quan trọng:

*Một là* hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật rõ ràng, minh bạch. Đảm bảo các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống tham nhũng đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện và không chồng chéo. Kiểm soát chặt chẽ các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như đất đai, tài chính công, đầu tư công. Áp dụng công nghệ thông tin để công khai các thông tin về ngân sách, đấu thầu, bổ nhiệm cán bộ...

*Hai là* tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình: Công khai minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính: Đảm bảo người dân có quyền tiếp cận thông tin liên quan đến hoạt động của các cơ quan nhà nước. Mỗi cán bộ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người dân về các quyết định, hành vi của mình.

*Ba là* đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin: Sử dụng công nghệ để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa người dân và cán bộ, từ đó giảm cơ hội tham nhũng. Các hệ thống phần mềm quản lý tài chính, quản lý hồ sơ công việc... giúp giám sát và phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường.

*Bốn là* nâng cao năng lực và đạo đức của đội ngũ cán bộ: Tăng cường giáo dục về đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho cán bộ. Đảm bảo thu nhập chính đáng để hạn chế động cơ tham nhũng.

*Năm là* tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh: Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng. Khuyến khích và bảo vệ những cá nhân dám đứng lên tố cáo các hành vi sai phạm. Đảm bảo tính răn đe bằng cách xử lý nghiêm minh, công khai các trường hợp tham nhũng.

*Sáu là* phát huy vai trò của xã hội và truyền thông: Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ, báo chí và người dân giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước. Báo chí đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện và phản ánh các vụ việc tham nhũng.

*Tóm lại*, phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ lâu dài và đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và người dân. Cần có sự quyết tâm chính trị mạnh mẽ, đồng thời xây dựng một cơ chế giám sát hiệu quả để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong quản lý hành chính nhà nước.

## **2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước**

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước, cần triển khai các giải pháp toàn diện từ việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao đạo đức công vụ đến tăng cường giám sát và minh bạch hóa các hoạt động quản lý.

Dưới đây là một số giải pháp cụ thể:

*Một là* hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý: Đảm bảo các quy định pháp luật rõ ràng, minh bạch và dễ thực thi, đặc biệt trong các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như tài chính công, đất đai, đầu tư công. Kiểm soát các quy trình thủ tục hành chính để hạn chế tình trạng lạm dụng quyền lực, nhũng nhiễu trong thực thi công vụ. Giảm thiểu sự phức tạp và rườm rà trong các quy trình hành chính để hạn chế cơ hội phát sinh tiêu cực.

*Hai là* tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình: Công khai các thông tin liên quan đến quy hoạch, ngân sách, đấu thầu, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ để người dân và các tổ chức xã hội có thể giám sát. Cán bộ phải có trách nhiệm giải trình rõ ràng về các quyết định hành chính và hoạt động của mình trước cấp trên và công chúng. Tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo các hành vi tiêu cực.

*Ba là* ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Sử dụng các nền tảng trực tuyến để quản lý hồ sơ, thực hiện các thủ tục hành chính nhằm giảm thiểu sự can thiệp

của con người và tăng tính minh bạch. Giám sát hiệu quả công việc và tiến độ thực hiện thông qua phần mềm, hạn chế tình trạng trì trệ hoặc gian lận.

*Bốn là* nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ: Nâng cao trình độ chuyên môn và đạo đức công vụ cho cán bộ để họ nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm trong phòng chống tiêu cực. Đảm bảo công khai, minh bạch trong các khâu tuyển dụng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật để tránh tình trạng chạy chức, chạy quyền. Đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc để cán bộ không bị cám dỗ bởi các lợi ích bất chính.

*Năm là* tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh: Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tiêu cực trong bộ máy hành chính. Áp dụng các hình thức xử lý nghiêm khắc, công khai đối với các cán bộ vi phạm để tạo tính răn đe. Đảm bảo an toàn và quyền lợi cho những người đứng ra tố cáo các hành vi sai phạm trong cơ quan nhà nước.

*Sáu là* phát huy vai trò giám sát của xã hội và truyền thông: Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ, báo chí và người dân trong giám sát hoạt động của cơ quan hành chính. Tạo ra các kênh trao đổi thông tin hai chiều để chính quyền lắng nghe và tiếp thu ý kiến phản hồi từ người dân. Đảm bảo minh bạch trong xử lý và tạo áp lực xã hội đối với các hành vi sai phạm.

*Tóm lại*, việc phòng và chống tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước mà còn cần sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Một hệ thống pháp luật chặt chẽ, đội ngũ cán bộ có đạo đức và năng lực, cùng với sự minh bạch và giám sát chặt chẽ sẽ là chìa khóa để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tiêu cực.

### **2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước**

Để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường giám sát, kiểm tra cho đến ứng dụng công nghệ và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức.

Dưới đây là các giải pháp cụ thể:

*Một là* hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách: Rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, đầu tư công để tránh tình trạng chồng chéo, tạo kẽ hở cho lãng phí. Xác định cụ thể các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu trong các hoạt động hành chính nhằm kiểm soát chặt chẽ việc sử

dụng ngân sách và tài sản công. Cải cách thủ tục hành chính để giảm thiểu lãng phí về thời gian và nguồn lực trong hoạt động công vụ.

*Hai là tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình:* Công khai các khoản chi tiêu ngân sách, đầu tư công và quản lý tài sản nhà nước để người dân và các tổ chức xã hội có thể giám sát. Cán bộ, công chức phải chịu trách nhiệm và giải trình rõ ràng về các quyết định chi tiêu, sử dụng tài sản công. Đưa các thông tin về chi tiêu công lên các cổng thông tin điện tử để dễ dàng theo dõi và giám sát.

*Ba là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số:* Sử dụng các phần mềm quản lý tài chính và tài sản công để kiểm soát và tối ưu hóa các nguồn lực. Áp dụng công nghệ để tự động hóa các quy trình, giảm bớt chi phí vận hành và hạn chế lãng phí tài nguyên.

*Bốn là nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ:* Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống lãng phí trong đội ngũ cán bộ. Áp dụng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mức độ tiết kiệm và sử dụng hợp lý các nguồn lực. Khen thưởng những cá nhân, tổ chức có sáng kiến tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

*Năm là tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát:* Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng ngân sách, tài sản công và đầu tư công để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi lãng phí. Đưa ra các hình thức xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp sử dụng sai mục đích hoặc gây thất thoát tài sản công. Xây dựng cơ chế bảo vệ người tố giác và khuyến khích sự tham gia của công dân trong phát hiện hành vi lãng phí.

*Sáu là phát huy vai trò của dư luận xã hội và truyền thông:* Khuyến khích người dân, các tổ chức đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan báo chí tham gia giám sát hoạt động sử dụng tài sản công và ngân sách nhà nước. Tạo điều kiện cho báo chí phản ánh kịp thời các hành vi lãng phí và các điển hình tốt trong việc tiết kiệm, sử dụng hiệu quả tài nguyên. Tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch, kiểm tra và giám sát các hoạt động chi tiêu công.

*Tóm lại,* phòng và chống lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước là nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực công, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Để đạt được điều này, cần sự phối hợp đồng bộ giữa hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường giám sát và kiểm tra, ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ và sự tham gia tích cực của toàn xã hội.

## **Kết luận**

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước có ý nghĩa quan trọng trên nhiều phương diện: Tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Nhà nước và chính quyền các cấp. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính. Góp phần bảo vệ pháp luật và công lý. Hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế quốc gia. Tạo môi trường công bằng trong xã hội./.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.
2. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.
3. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11 tháng 7 năm 2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành về kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.
4. <https://dangcongsan.vn/thoi-su/tiep-tuc-trien-khai-manh-me-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-687700.html>
5. <https://xaydungdang.org.vn/van-kien-tu-lieu/tiep-tuc-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-16708>

# NHẬN DIỆN VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG CÁC BIỂU HIỆN MỚI CỦA THAM NHŨNG TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

*ThS. Dương Thị Lan Chi*<sup>173</sup>

**Tóm tắt:** Bài tham luận tập trung nhận diện những biểu hiện mới của tham nhũng trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời đề xuất các giải pháp hệ thống và ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm phòng ngừa và ngăn chặn hiệu quả. Trong quá trình chuyển đổi số, các hình thức tham nhũng ngày càng tinh vi như tham nhũng ẩn danh, lợi dụng dữ liệu cá nhân và công nghệ số để rút ruột ngân sách hoặc che giấu hành vi tham nhũng ngày càng gia tăng. Đồng thời, dưới tác động của toàn cầu hóa, tham nhũng có xu hướng đa dạng hóa với sự tham gia của yếu tố nước ngoài, bao gồm chuyển giá, rửa tiền xuyên biên giới và lợi dụng các kẽ hở trong pháp luật quốc tế để trục lợi chính sách, tạo ra thách thức nghiêm trọng đối với công tác phòng chống tham nhũng ở cấp quốc gia và khu vực.

**Từ khóa:** Phòng, chống tham nhũng; toàn cầu hóa.

## 1. Đặt vấn đề

Tham nhũng không chỉ là sự sai phạm cá nhân mà còn là biểu hiện tha hóa quyền lực công, một sự suy thoái sâu xa trong cấu trúc quyền lực và nền tảng đạo đức công vụ. Hannah Arendt từng nhấn mạnh rằng quyền lực đích thực không phải là quyền lực áp đặt hay cưỡng chế, mà được xây dựng trên sự đồng thuận xã hội và tính chính danh. Khi quyền lực trở nên tha hóa, nó đánh mất nguồn sức mạnh ấy, biến thành sự tùy tiện, phi minh bạch, và vi phạm trách nhiệm phục vụ cộng đồng. Tham nhũng chính là dấu hiệu của sự đổ vỡ này - sự sụp đổ của minh bạch và trách nhiệm giải trình, hai trụ cột cốt lõi của một nhà nước pháp quyền chân chính.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, tham nhũng không còn giới hạn trong những giao dịch “xin – cho” hữu hình như truyền thống, mà tiến hóa thành những hình thái phức tạp, ẩn danh, xuyên biên giới, len lỏi qua dữ liệu và công nghệ số. Theo quan điểm của Jürgen Habermas, xã hội hiện đại đòi hỏi một không gian công khai lý tính, nơi các hành vi quyền lực được kiểm soát bởi sự tranh luận minh bạch và sự đồng thuận thông qua đối thoại xã hội. Tham nhũng trong kỷ nguyên số đã phá vỡ không gian

---

<sup>173</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

công khai này, tạo ra những vùng tối quyền lực phi vật thể, nơi sự kiểm soát bị thoái hóa, và quyền lực công không còn bị ràng buộc bởi các chuẩn mực đạo đức và pháp lý.

John Rawls với lý thuyết công bằng của mình cũng cung cấp một góc nhìn quan trọng: quyền lực công phải được tổ chức trên nền tảng các nguyên tắc công bằng xã hội và pháp quyền, trong đó mọi cá nhân đều được bảo vệ khỏi sự áp bức và lợi dụng quyền lực. Tham nhũng là sự vi phạm nghiêm trọng những nguyên tắc này, làm mất đi sự bình đẳng cơ bản trong tiếp cận quyền lợi và cơ hội phát triển, từ đó làm xói mòn lòng tin xã hội và tính bền vững của phát triển quốc gia.

Phòng chống tham nhũng trong thời đại toàn cầu hóa và chuyển đổi số không chỉ là bài toán kỹ thuật hành chính hay pháp lý, mà còn là thách thức triết học về bản chất và tổ chức quyền lực công. Đó là quá trình thanh lọc quyền lực khỏi những biến dạng nội tại, phục hồi niềm tin xã hội qua sự minh bạch, công bằng và trách nhiệm giải trình. Đồng thời, đây còn là nỗ lực khẳng định lại bản sắc văn hóa – pháp trị của quốc gia trong một thế giới không ngừng biến động và đầy phức tạp.

Chỉ khi chúng ta thấu hiểu sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa tự do và trách nhiệm, giữa quyền lực và công bằng xã hội, giữa minh bạch và kiểm soát theo những triết lý của Arendt, Habermas và Rawls, thì công cuộc phòng chống tham nhũng mới có thể thực sự thành công và góp phần mở rộng con đường phát triển bền vững cho quốc gia trong kỷ nguyên mới.

## **2. Một số biểu hiện mới của tham nhũng trong bối cảnh toàn cầu hóa**

Toàn cầu hóa không chỉ mở rộng không gian kinh tế mà còn làm biến đổi bản chất quyền lực và cách thức vận hành của các thể chế chính trị – xã hội. Đây là sự dịch chuyển đồng thời của các quan hệ quyền lực, trong đó tham nhũng đã trở thành hiện tượng mang tính xuyên quốc gia, ẩn danh và ngày càng tinh vi hơn. Theo quan điểm triết học chính trị, tham nhũng không chỉ là hành vi sai phạm cá nhân mà còn là biểu hiện của mối quan hệ quyền lực bị méo mó, nơi các cơ chế kiểm soát lỏng lẻo tạo điều kiện cho sự tha hóa quyền lực lan rộng vượt ra khỏi ranh giới quốc gia<sup>174</sup>.

### ***Thứ nhất, tham nhũng có yếu tố nước ngoài và cấu kết xuyên biên giới***

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng, các tập đoàn đa quốc gia khai thác sự phức tạp của luật pháp quốc tế và khoảng trống quản trị để thực thi những hành vi bất hợp pháp nhằm trục lợi tối đa. Hình thái tham nhũng này không còn là các giao dịch “xin –

---

<sup>174</sup> World Bank, *Combating Corruption in a Globalized World*, Washington D.C., 2020, tr. 21.



cho” đơn giản mà là một chuỗi các hành vi được tổ chức bài bản, dùng công cụ tài chính, công nghệ và cả “văn hóa hối lộ” để biến sự ưu đãi thành công cụ cạnh tranh không công bằng<sup>175</sup>.

Điều này biểu hiện rõ qua các hành vi hối lộ quan chức nhằm hưởng lợi về thuế, đất đai, giấy phép môi trường hay độc quyền tiếp cận thị trường – đặc biệt phổ biến trong các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Sự pha trộn giữa lợi ích kinh tế đa quốc gia và chính trị trong nước tạo nên một mạng lưới phức tạp, mà trong đó, các “điểm mù” của quản lý nhà nước trở thành điều kiện thuận lợi cho tham nhũng phát triển. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), có tới 64% các vụ hối lộ xuyên quốc gia xảy ra trong bối cảnh đấu thầu công, đặc biệt liên quan đến các dự án phát triển hạ tầng hoặc cung cấp dịch vụ công có yếu tố nước ngoài<sup>176</sup>.

Một biểu hiện nguy hiểm hơn là sự cầu kết giữa cán bộ nhà nước với các tổ chức nước ngoài thông qua các dự án sử dụng vốn ODA, viện trợ hoặc hợp tác đầu tư. Thiếu minh bạch trong đấu thầu quốc tế và giám sát dự án tạo ra một “sân chơi ngầm” cho việc chia sẻ lợi ích phi chính thức, gây thất thoát ngân sách nhà nước và làm suy yếu uy tín quốc gia trên trường quốc tế<sup>177</sup>.

Theo báo cáo của OECD, đến 64% các vụ hối lộ xuyên quốc gia diễn ra trong bối cảnh đấu thầu công, đặc biệt liên quan đến các dự án phát triển hạ tầng hoặc dịch vụ công có yếu tố nước ngoài, cho thấy tham nhũng đã trở thành một thách thức mang tính toàn cầu và hệ thống<sup>178</sup>.

Từ góc nhìn triết học, những biểu hiện này cho thấy tham nhũng không chỉ là vấn đề pháp lý hay quản trị mà còn là thách thức sâu sắc về văn hóa chính trị và đạo đức xã hội trong thời đại toàn cầu hóa. Chống tham nhũng trong bối cảnh này đòi hỏi một nhận thức toàn diện về sự liên kết quyền lực đa chiều và những bất cập trong cấu trúc toàn cầu, nhằm khôi phục niềm tin và tính chính danh của quyền lực nhà nước<sup>179</sup>.

***Thứ hai “Chuyển giá”, “lợi dụng kẽ hở pháp luật quốc tế” để tham nhũng chính sách***

---

<sup>175</sup> World Bank Group. (2021). Digital Governance and Anti-Corruption. Washington, DC: World Bank.

<sup>176</sup> OECD, *Foreign Bribery Report: An Analysis of the Crime of Bribery of Foreign Public Officials*, Paris, 2014, tr. 8.

<sup>177</sup> Fung, A., Graham, M., & Weil, D. (2007). Full Disclosure: The Perils and Promise of Transparency. Cambridge University Press.

<sup>178</sup> OECD. (2020). Digital Government Strategies for Transforming Public Services. OECD Publishing.

<sup>179</sup> Jonas, H. (1984). The Imperative of Responsibility: In Search of an Ethics for the Technological Age. University of Chicago Press.

Một hình thức tham nhũng tinh vi nổi lên trong thời kỳ hội nhập là chuyển giá – tức thao túng giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản trong giao dịch nội bộ giữa các công ty liên kết xuyên quốc gia để trốn thuế, chuyển lợi nhuận và che giấu dòng tiền.

Mặt khác, trong quá trình nội luật hóa các cam kết quốc tế, đặc biệt trong các hiệp định thương mại tự do (FTA), một số cán bộ, công chức đã cố tình “vận dụng linh hoạt” các tiêu chuẩn mơ hồ, hoặc viện dẫn lý do hội nhập để xây dựng, điều chỉnh chính sách có lợi cho các nhóm thân hữu. Ngoài ra, tình trạng “trì hoãn chiến lược” – kéo dài thời gian giải quyết thủ tục đầu tư, đất đai, môi trường – đã trở thành công cụ để gây áp lực buộc doanh nghiệp phải đưa hối lộ hay nộp các “phí không chính thức”.

Điều này phản ánh một hình thức tham nhũng chính sách ngày càng phức tạp, gắn với quá trình vận hành thể chế trong môi trường pháp lý mở. Theo báo cáo của UNODC, sự thiếu minh bạch và không thống nhất giữa luật quốc gia và luật quốc tế đang trở thành khe hở cho các nhóm lợi ích thao túng<sup>180</sup>.

### ***Thứ ba, rửa tiền và chuyển tài sản tham nhũng ra nước ngoài***

Sự bùng nổ của các hệ thống tài chính xuyên quốc gia và công nghệ tài chính (fintech) đã tạo ra một “lãnh địa” mới cho hoạt động rửa tiền và tẩu tán tài sản tham nhũng, khiến phạm vi và quy mô hành vi này trở nên phức tạp và khó kiểm soát hơn bao giờ hết. Từ góc độ triết học quyền lực và quản trị, đây không đơn thuần là việc di chuyển dòng tiền bất hợp pháp mà còn là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và phá vỡ sự công bằng trong phân phối nguồn lực xã hội trên bình diện toàn cầu<sup>181</sup>.

Các phương thức rửa tiền phổ biến hiện nay không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn có ý nghĩa biểu tượng trong việc “xóa nhòa dấu vết quyền lực”. Việc ngụy trang dòng tiền qua các giao dịch thương mại quốc tế, chuyển giá, hoặc đầu tư vào bất động sản tại các thiên đường thuế chính là cách thức biến những giá trị phi pháp thành “hợp pháp”, đồng thời tạo ra lớp vỏ bọc hợp pháp cho quyền lực kinh tế phi chính thức<sup>182</sup>.

Hơn nữa, việc lập các công ty “ma” tại nước ngoài, sử dụng người thân đứng tên tài khoản ngân hàng hay thậm chí có quốc tịch kép để che giấu tài sản bất minh thể hiện sự mưu mô trong thao túng quyền lực và khả năng vượt qua các rào cản pháp luật quốc gia, từ đó kéo dài vòng đời của tham nhũng<sup>183</sup>.

---

<sup>180</sup> UNODC, *Global Study on Corruption and International Trade*, 2021, tr. 47.

<sup>181</sup> Bauman, Z. (1998). *Globalization: The Human Consequences*. Columbia University Press.

<sup>182</sup> OECD. (2019). *Illicit Financial Flows: The Economy of Illicit Trade*. OECD Publishing.

<sup>183</sup> Financial Action Task Force (FATF). (2021). *Money Laundering and Terrorist Financing Risks*. FATF Report.

Công nghệ số và tài sản số như tiền mã hóa (cryptocurrency) còn mang đến một thách thức mới mang tính đột phá: khả năng chuyển dịch tài sản vượt qua mọi kiểm soát truyền thống, phá vỡ các hệ thống giám sát hiện hữu và làm phức tạp thêm quá trình truy vết nguồn gốc tài sản tham nhũng. Đây là minh chứng cho sự phát triển nhanh chóng của quyền lực “phi vật chất” trong kỷ nguyên số, đòi hỏi các nhà làm luật và chính sách phải đổi mới tư duy, phát triển các cơ chế kiểm soát hiệu quả hơn<sup>184</sup>.

Theo ước tính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), mỗi năm có khoảng 1.500 – 2.000 tỷ USD tài sản bất hợp pháp được rửa tiền trên toàn cầu, trong đó phần lớn liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vụ tham nhũng chính sách tại các quốc gia đang phát triển, tạo ra vòng luẩn quẩn của sự bất bình đẳng và làm suy yếu nghiêm trọng tính công bằng và bền vững của hệ thống kinh tế toàn cầu

Như vậy, rửa tiền và chuyển tài sản tham nhũng ra nước ngoài không chỉ là thách thức kỹ thuật mà còn là cuộc khủng hoảng về đạo đức, pháp lý và chính trị trong thế giới kết nối toàn cầu. Chống tham nhũng trong bối cảnh này đòi hỏi sự hợp tác đa phương sâu rộng, minh bạch hóa thông tin và phát triển một ý thức trách nhiệm chung mang tính toàn cầu.

#### **4. Một số giải pháp**

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa và chuyển đổi số, phòng, chống tham nhũng không thể đơn thuần được xem như một nhiệm vụ kỹ thuật trong quản trị nhà nước hay một vấn đề hành chính thuần túy. Tham nhũng là hiện tượng biểu hiện sự tha hóa của quyền lực, là dấu hiệu của sự mất cân bằng quyền lực trong mối quan hệ giữa các chủ thể xã hội và nhà nước. Nó là bài toán phức hợp mang tính hệ thống, gắn liền với bản chất của quyền lực, vấn đề công bằng xã hội và sự phát triển bền vững của cộng đồng nhân loại. Tư duy triết học đòi hỏi ta phải nhìn nhận tham nhũng như một biểu hiện của sự rạn nứt trong cấu trúc quyền lực và các mối quan hệ xã hội, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của một quá trình tái cấu trúc quyền lực công theo hướng minh bạch, có trách nhiệm, dựa trên nền tảng pháp quyền vững chắc và nguyên lý công bằng xã hội<sup>185</sup>.

#### ***Thứ nhất, đổi mới nhận thức và tư duy quản trị toàn cầu***

Tư duy cổ điển về quyền lực trong phạm vi quốc gia đã không còn phù hợp với tính chất phức tạp của thế giới hiện đại, khi mà các dòng chảy kinh tế, tài chính, công nghệ và cả những bất công xã hội vượt qua mọi biên giới quốc gia. Phòng chống tham

---

<sup>184</sup> IMF. (2022). The Scale and Impact of Money Laundering. International Monetary Fund.

<sup>185</sup> Rawls, J. (1971). A Theory of Justice. Harvard University Press.

những trong bối cảnh này đòi hỏi một sự chuyển biến căn bản trong nhận thức về quyền lực và trách nhiệm xã hội của các chủ thể — từ nhà nước, doanh nghiệp, đến công dân toàn cầu. Nhà nước không còn đơn thuần là chủ thể duy nhất có quyền lực mà cần hướng tới mô hình quản trị đa phương, đa chiều, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế và xã hội dân sự nhằm thu hẹp những “khoảng trống pháp lý” mà các mạng lưới tham nhũng xuyên biên giới lợi dụng. Đây là thử thách không chỉ về pháp luật, mà sâu xa hơn là bài toán về ý chí chính trị, bản lĩnh văn hóa và trách nhiệm đạo đức của mỗi quốc gia trong việc duy trì sự công bằng và trật tự toàn cầu<sup>186</sup>.

Quan trọng hơn, đây là cuộc đấu tranh không chỉ về thể chế mà còn là sự vận động trong lĩnh vực ý thức hệ và giá trị, nơi mà sự minh bạch và công bằng được xem là nguyên tắc tối thượng, vượt lên trên lợi ích nhóm và quyền lực cá nhân.

### ***Thứ hai, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong minh bạch hóa và giám sát***

Công nghệ số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là phương tiện cách mạng hóa các quy trình quản trị quyền lực và kiểm soát tham nhũng. Việc ứng dụng blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), và phân tích dữ liệu lớn (big data) có thể giúp tạo nên một hệ thống minh bạch, bất biến và khó bị thao túng, từ đó phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng tinh vi và đa dạng trong môi trường số. Tuy nhiên, việc phát triển công nghệ phải đi đôi với thiết kế các khung pháp lý và đạo đức nhằm bảo vệ quyền riêng tư cá nhân, chống sự lạm dụng công nghệ cho mục đích xấu, đồng thời giữ cho hệ thống quản trị công không bị biến thành công cụ kiểm soát phi dân chủ<sup>187</sup>.

Từ góc nhìn triết học, công nghệ đóng vai trò như một công cụ vừa mở rộng, vừa kiểm soát quyền lực, đồng thời tạo điều kiện cho sự minh bạch và công bằng xã hội trong một thế giới vốn phức tạp và thay đổi nhanh chóng.

### ***Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp lý đồng bộ và khả thi***

Hệ thống pháp luật là nền tảng của sự minh bạch và công bằng, nhưng chính hệ thống này cũng dễ bị tha hóa hoặc bị bỏ rơi khi thiếu sự đồng bộ và khả năng thực thi. Việc xây dựng thể chế pháp lý đồng bộ không chỉ dừng lại ở việc ban hành các văn bản pháp luật mà còn bao hàm việc thiết lập các cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các ngành, các cấp. Pháp luật phải đồng bộ hóa với các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền, hối lộ xuyên quốc gia và có khả năng thực thi mạnh mẽ để

---

<sup>186</sup> Held, D. (2004). *Global Covenant: The Social Democratic Alternative to the Washington Consensus*. Polity Press.

<sup>187</sup> OECD. (2020). *Digital Government Strategies for Fighting Corruption*. OECD Publishing.

tránh tình trạng “luật có mà không dùng”, hoặc ngược lại, bị lợi dụng để bảo vệ lợi ích nhóm<sup>188</sup>.

Xét ở chiều sâu triết học, pháp luật là hiện thân của ý chí chung, là sự cụ thể hóa giá trị công bằng xã hội trong đời sống, do đó việc hoàn thiện pháp luật cũng chính là một phần của tiến trình xây dựng công lý và trật tự xã hội hợp lý.

### ***Thứ tư, nâng cao trách nhiệm xã hội và vai trò của công dân trong kiểm soát quyền lực***

Một xã hội không thể loại trừ quyền lực khỏi sự giám sát và phản biện của cộng đồng. Văn hóa minh bạch và chống tham nhũng không chỉ là sản phẩm của các thiết chế nhà nước mà còn là kết quả của sự chủ động, tích cực và ý thức trách nhiệm của người dân trong việc giám sát, phản ánh và kiểm soát quyền lực. Các kênh truyền thông tự do, báo chí độc lập và các tổ chức xã hội dân sự đóng vai trò then chốt trong việc tạo nên sức mạnh xã hội nhằm kìm hãm sự tha hóa quyền lực. Triết học xã hội nhấn mạnh rằng, tham nhũng sẽ chỉ bị đẩy lùi khi quyền lực bị ràng buộc không chỉ bởi luật pháp mà còn bởi sức mạnh của ý thức xã hội và sự tham gia có trách nhiệm của công dân<sup>189</sup>.

Đây cũng chính là hiện thực hóa lý tưởng dân chủ, nơi mà quyền lực được kiểm soát không phải bởi bộ máy nhà nước đơn độc mà bởi cộng đồng xã hội – chủ thể của quyền lực tối thượng.

### ***Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế và chia sẻ thông tin***

Trong thế giới toàn cầu hóa, tham nhũng và các hành vi phi pháp tài chính không biết đến biên giới quốc gia. Do vậy, việc phòng chống tham nhũng đòi hỏi sự hợp tác quốc tế toàn diện, minh bạch và hiệu quả. Các quốc gia cần thúc đẩy ký kết và thực thi các hiệp định song phương, đa phương về phòng chống tham nhũng, rửa tiền, trao đổi thông tin tài chính và các vụ việc liên quan. Vai trò của các tổ chức quốc tế, như Liên Hợp Quốc, OECD và Quỹ Tiền tệ Quốc tế, là vô cùng quan trọng trong việc xây dựng chuẩn mực và hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia<sup>190</sup>.

Từ góc độ triết học, đây là minh chứng cho sự cần thiết của tinh thần toàn cầu hóa có đạo đức – một nhận thức rằng công bằng và minh bạch là những giá trị chung của nhân loại, vượt qua các biên giới chính trị và văn hóa.

---

<sup>188</sup> North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press.

<sup>189</sup> Habermas, J. (1996). *Between Facts and Norms: Contributions to a Discourse Theory of Law and Democracy*. MIT Press.

<sup>190</sup> United Nations Convention Against Corruption (UNCAC), 2003.

## 5. Kết luận

Phòng chống tham nhũng trong bối cảnh toàn cầu hóa không phải là một nhiệm vụ đơn lẻ hay tạm thời, mà là một quá trình liên tục, bền bỉ và đòi hỏi sự đồng bộ phức hợp giữa nhiều thành tố trong đời sống xã hội hiện đại. Đây là bài toán mang tính hệ thống, gắn liền với bản chất của quyền lực, sự công bằng xã hội và sự phát triển bền vững của cộng đồng nhân loại.

Quá trình ấy không thể tách rời sự đổi mới tư duy – một sự chuyển hóa sâu sắc về cách nhìn nhận và quản trị quyền lực trong thế giới phức tạp và đa chiều ngày nay. Quyền lực không còn là công cụ độc quyền của nhà nước, mà là mạng lưới quan hệ liên kết giữa các chủ thể xã hội với nhau, trong đó sự minh bạch và trách nhiệm được đặt làm trung tâm. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ hiện đại – từ blockchain, trí tuệ nhân tạo đến dữ liệu lớn – không chỉ là công cụ kỹ thuật đơn thuần, mà còn là nhân tố kiến tạo môi trường minh bạch, nâng cao khả năng phát hiện và ngăn chặn tham nhũng trong thời đại số. Công nghệ mở ra chân trời mới cho công lý và công bằng, đồng thời cũng đặt ra những thách thức về đạo đức và pháp lý cần được nhận diện và điều chỉnh phù hợp.

Xây dựng thể chế pháp luật đồng bộ, khả thi và thực thi nghiêm minh là nền tảng bảo đảm cho quyền lực công được kiểm soát chặt chẽ, tránh sự tha hóa và lợi dụng. Thể chế không chỉ là bộ máy pháp lý, mà còn là hiện thân của ý chí chung xã hội, phản ánh giá trị công bằng và mong muốn phát triển bền vững. Quan trọng không kém, vai trò của xã hội dân sự và người dân trong việc giám sát, phản biện và tham gia kiểm soát quyền lực cần được phát huy tối đa. Chỉ khi quyền lực bị ràng buộc bởi sức mạnh của ý thức xã hội, được soi chiếu dưới ánh sáng công khai minh bạch và kiểm soát đa chiều, tham nhũng mới bị đẩy lùi hiệu quả.

Tất cả những yếu tố trên phải được vận hành trong một môi quan hệ hài hòa, thống nhất, tạo nên một thể chế xã hội công bằng, minh bạch và bền vững. Đó chính là tiền đề để củng cố niềm tin xã hội – yếu tố quyết định để xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Phòng chống tham nhũng, do vậy, không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật của quản lý hành chính mà còn là sứ mệnh triết học về xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, nơi quyền lực phục vụ con người, công bằng xã hội được thực thi và phát triển bền vững trở thành mục tiêu tối thượng.

### Tài liệu tham khảo

1. Bauman, Z. (1998). *Globalization: The Human Consequences*. Columbia University Press.

2. Financial Action Task Force (FATF). (2021). *Money Laundering and Terrorist Financing Risks*. FATF Report.
3. Floridi, L. (2013). *The Ethics of Information*. Oxford University Press.
4. Fung, A., Graham, M., & Weil, D. (2007). *Full Disclosure: The Perils and Promise of Transparency*. Cambridge University Press.
5. Habermas, J. (1996). *Between Facts and Norms: Contributions to a Discourse Theory of Law and Democracy*. MIT Press.
6. Held, D. (2004). *Global Covenant: The Social Democratic Alternative to the Washington Consensus*. Polity Press.
7. IMF. (2022). *The Scale and Impact of Money Laundering*. International Monetary Fund.
8. Jonas, H. (1984). *The Imperative of Responsibility: In Search of an Ethics for the Technological Age*. University of Chicago Press.
9. North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press.
10. OECD. (2019). *Illicit Financial Flows: The Economy of Illicit Trade*. OECD Publishing.
11. OECD. (2020). *Digital Government Strategies for Fighting Corruption*. OECD Publishing.
12. Rawls, J. (1971). *A Theory of Justice*. Harvard University Press.
13. United Nations Convention Against Corruption (UNCAC), 2003.
14. World Bank Group. (2021). *Digital Governance and Anti-Corruption*. Washington, DC: World Bank.

# XÂY DỰNG CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC HIỆU QUẢ TRONG HÀNH CHÍNH CÔNG NHẪM NGĂN CHẶN THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

*Phan Hồng Thắm*<sup>191</sup>

**TÓM TẮT:** Bài viết khẳng định rằng, lý luận và nguyên tắc của quản trị nhà nước hiện đại – như công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, phân quyền, kiểm tra – giám sát và sự tham gia của người dân – có mối liên hệ chặt chẽ và mang tính cấu trúc với mục tiêu phòng, chống tham nhũng. Trong đó, kiểm soát quyền lực trong tổ chức và vận hành bộ máy hành chính là một cơ chế trọng yếu nhằm ngăn chặn nguy cơ tha hóa quyền lực, hạn chế tình trạng lạm dụng chức vụ, đồng thời kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi sai trái, tiêu cực trong hoạt động công vụ.

Việc kiểm soát quyền lực không thể tách rời tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam – một nhà nước đặt nền tảng trên nguyên tắc thượng tôn pháp luật, do Nhân dân, vì Nhân dân và phục vụ lợi ích công. Đó không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản lý nhà nước, mà là vấn đề có tính chiến lược, gắn với yêu cầu giữ vững niềm tin của nhân dân, bảo vệ sự trong sạch của bộ máy công quyền và đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia.

**TỪ KHÓA:** Tham nhũng; kiểm soát quyền lực; quản trị nhà nước hiện đại; tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

## 1. Đặt vấn đề

Trong tư tưởng chính trị cổ điển, quyền lực nhà nước không phải là cứu cánh, mà là phương tiện được thiết lập để bảo vệ lợi ích chung, duy trì trật tự và thực thi công lý. Nhưng như Montesquieu từng cảnh báo, “quyền lực có xu hướng lạm dụng; quyền lực tuyệt đối dẫn đến tha hóa tuyệt đối”. Kinh nghiệm chính trị nhân loại cho thấy: quyền lực, nếu không được ràng buộc và kiểm soát, sẽ thoát ly khỏi mục tiêu phục vụ con người, trở thành công cụ áp chế, sinh ra tha hóa và bất công.

Từ góc nhìn triết học, thách thức lớn nhất của quyền lực không nằm ở chỗ nó mạnh đến đâu, mà nằm ở việc làm sao để giới hạn và định hướng nó trong khuôn khổ của lý trí, đạo đức và pháp luật. Đây chính là lý do vì sao trong mọi hình thái nhà nước tiến bộ, cơ chế kiểm soát quyền lực luôn được xem là một biểu hiện sống động của tư duy chính trị

---

<sup>191</sup> Trung tâm Văn hóa – Thể thao và truyền thông huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh



khai phóng – tư duy đặt quyền lực trong mối tương tác biện chứng với trách nhiệm, minh bạch và tính công phục vụ.

Ở Việt Nam hiện nay, khi tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đang diễn ra sâu rộng, yêu cầu kiểm soát quyền lực trong hệ thống hành chính công không chỉ là một vấn đề quản trị công hiện đại, mà còn là hiện thân cụ thể của triết lý “nhà nước của dân, do dân, vì dân”. Tham nhũng – biểu hiện điển hình của sự tha hóa quyền lực – không chỉ làm suy yếu năng lực quản trị, mà còn làm xói mòn niềm tin xã hội và thách thức trực tiếp tính chính danh của quyền lực chính trị.

Do đó, việc thiết kế và vận hành cơ chế kiểm soát quyền lực không thể chỉ là một giải pháp hành chính – pháp lý mang tính đối phó, mà cần được tiếp cận như một hành động chính trị – triết học: hành động đưa quyền lực trở lại với sứ mệnh nguyên thủy của nó – phục vụ công lý, bảo vệ phẩm giá con người và gìn giữ đạo lý cộng đồng. Trong điều kiện đặc thù của Việt Nam, kiểm soát quyền lực cần được đặt trong mối tương quan với cấu trúc chính trị một đảng, truyền thống văn hóa làng xã và yêu cầu đổi mới căn bản nền hành chính công.

Bởi vậy, nghiên cứu và kiến tạo một mô hình kiểm soát quyền lực hiệu quả trong hành chính công không chỉ nhằm phòng, chống tham nhũng, mà còn góp phần nuôi dưỡng một nền chính trị có đạo đức, nơi quyền lực được chế ước, con người được tôn trọng và công lý không chỉ là khẩu hiệu, mà trở thành nền tảng tồn tại của thể chế.

## **2. Kiểm soát quyền lực nhằm hạn chế sự tha hóa quyền lực**

Quyền lực, xét từ bản chất triết học – chính trị, là một mối quan hệ xã hội trong đó một chủ thể có khả năng chi phối hoặc buộc chủ thể khác phục tùng ý chí của mình dựa trên sức mạnh, vị thế hoặc thiết chế quyền lực. Trong *Tinh thần pháp luật*, Montesquieu đã viết: “*Ai có quyền cũng có xu hướng lạm quyền. Để tránh sự lạm quyền, quyền lực cần phải được ngăn chặn bằng quyền lực*”<sup>192</sup>. Tư tưởng này đặt nền tảng cho quan niệm hiện đại về kiểm soát quyền lực – một cơ chế tự điều chỉnh mang tính bắt buộc của mọi thiết chế chính trị.

Từ thời cộng sản nguyên thủy đến sự hình thành của các nhà nước hiện đại, quyền lực luôn là đối tượng khao khát của con người. Thomas Hobbes từng mô tả trong *Leviathan*: “Loài người có một sự thèm khát thường trực, khôn nguôi hết quyền lực này đến quyền lực khác, mà nó chỉ chấm dứt cùng với cái chết”. Chính vì vậy, dù ở thể chế

---

<sup>192</sup> Montesquieu, *The Spirit of the Laws*, New York: Hafner Publishing Company, 1962, p. 150

nào – quân chủ hay dân chủ – nếu không có thiết chế kiểm soát quyền lực thì sự tha hóa, lạm quyền là khó tránh khỏi. Jean-Jacques Rousseau và James Madison cũng từng nhất trí rằng một nhà nước do con người vận hành, thì không thể loại trừ được nguy cơ quyền lực bị sử dụng sai mục đích, vì bản chất con người không phải là thánh thần.

Về phương diện thực tiễn, lịch sử chính trị nhân loại và cả thực trạng quản trị quốc gia hiện nay cho thấy: quyền lực, nếu không bị kiểm soát, sẽ có xu hướng biến chất – trở thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân hoặc nhóm lợi ích. Khi chưa có quyền lực, con người tìm mọi cách để giành lấy nó; khi đã có, lại tìm cách củng cố, mở rộng và sử dụng nó để thu tóm lợi ích. Quyền lực càng lớn, nguy cơ lạm dụng càng cao. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy: gốc rễ của nạn tham nhũng chính là sự thiếu hụt cơ chế kiểm soát quyền lực.

Kiểm soát quyền lực, trong nghĩa đầy đủ, là hoạt động đánh giá, theo dõi, điều chỉnh và giới hạn việc thực thi quyền lực nhằm bảo đảm rằng quyền lực ấy được vận hành đúng mục đích – vì công lý, lợi ích công cộng và nhân phẩm con người. Khác với các khái niệm như “chế ngự” hay “hạn chế quyền lực” vốn hàm nghĩa tiêu cực, kiểm soát quyền lực bao gồm cả chức năng tích cực – định hướng quyền lực vận hành trong khuôn khổ pháp luật, đạo lý và chuẩn mực xã hội.

Cơ sở cho việc kiểm soát quyền lực bắt nguồn từ ba lý do chủ yếu: (1) quyền lực nhà nước nắm giữ độc quyền cưỡng chế, nên cần có sự giám sát; (2) chủ thể quyền lực đích thực là nhân dân, nhưng họ không trực tiếp thực hiện quyền lực, mà ủy quyền cho nhà nước – nên cần một cơ chế để bảo đảm quyền lực thực thi đúng với ý chí nhân dân; và (3) quyền lực luôn có nguy cơ bị lạm dụng, nên kiểm soát chính là cơ chế để phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý sự tha hóa.

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền, việc kiểm soát quyền lực phải gắn chặt với các nguyên lý của pháp quyền hiện đại: phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan quyền lực nhà nước; chế độ trách nhiệm rõ ràng; minh bạch trong hoạt động công vụ; và nhất là pháp luật phải đóng vai trò là giới hạn cuối cùng của mọi hành vi quyền lực. Tuy nhiên, pháp quyền không thể chỉ được hiểu theo nghĩa hình thức (legal formalism), mà cần được hiểu theo nghĩa nội dung – tức là phải gắn với các giá trị như dân chủ, công lý, nhân quyền, tính hợp lý, và bảo đảm quyền con người trong điều kiện văn hóa – chính trị – xã hội cụ thể của mỗi quốc gia.

Kiểm soát quyền lực là trụ cột kép của nền dân chủ hiện đại và nhà nước pháp quyền. Một mặt, nó bảo vệ hiến pháp và pháp luật khỏi bị vi phạm bởi chính các cơ quan

nhà nước; mặt khác, nó bảo vệ quyền tự do và phẩm giá con người khỏi bị xâm phạm bởi chính quyền lực mà nhân dân đã trao gửi. Trong điều kiện Việt Nam, việc kiểm soát quyền lực còn mang ý nghĩa đặc biệt trong quá trình xây dựng một nền hành chính liêm chính, hiệu lực và hiệu quả, nơi mà quyền lực “đến đâu thì trách nhiệm đến đó”, quyền lực càng cao thì kỷ luật, kỷ cương càng nghiêm ngặt.

Tóm lại, kiểm soát quyền lực không chỉ là một giải pháp kỹ trị hay thủ tục hành chính, mà là biểu hiện của tư duy chính trị tiên bộ – nơi quyền lực không còn là công cụ thống trị, mà trở thành phương tiện phục vụ công lý và con người. Do đó, thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả chính là con đường duy nhất để ngăn chặn tham nhũng, hạn chế chuyên quyền, và bảo đảm sự vận hành của một nhà nước thực sự “của dân, do dân và vì dân”.

### **3. Kiểm soát quyền lực – yếu tố cốt lõi để phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam**

Chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực trong đời sống chính trị không thể tiến hành một cách chung chung, hình thức hay định hướng đề cao giáo. Muốn đấu tranh hiệu quả chống tham nhũng, trước hết cần vượt qua tính giáo huấn đơn chiều, loại bỏ xu hướng tuyên truyền môn phương và tô thánh hóa một hệ giá trị duy nhất. “Ảo tưởng Xô-viết” hay “hội chứng Xô-viết” là những bài học cảnh báo về những sai lầm trong nhận thức và tư duy đối với quyền lực.

Trên tinh thần đó, chúng tôi đề xuất các giải pháp định hướng cho công cuộc phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam:

**Thứ nhất**, phòng chống tham nhũng phải bắt đầu từ gốc rễ – tức là nhận diện và loại trừ những nguyên nhân cấu thành điều kiện sinh sôi của nó, chứ không chỉ dừng lại ở việc xử lý những hệ quả biểu hiện. Tham nhũng không đơn thuần là một hành vi cá biệt, mà là kết quả của sự đan xen giữa quyền lực không được kiểm soát và thể chế chưa hoàn thiện. Khi quyền lực vận hành trong một không gian thiếu minh bạch, thiếu ràng buộc trách nhiệm và không có đối trọng đủ mạnh từ xã hội, thì tất yếu sẽ dẫn tới tha hóa.

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình chuyển đổi mô hình quản trị nhà nước và cải cách thể chế kinh tế - chính trị, yêu cầu đặt ra không chỉ là thúc đẩy tư nhân hóa, giải điều tiết và tái cấu trúc vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế, mà quan trọng hơn là phải đồng thời thiết lập và củng cố các thể chế kiểm soát quyền lực mang tính thực chất và bền vững. Nếu quá trình thị trường hóa được tiến hành mà thiếu vắng hệ thống kiểm soát quyền lực hiệu quả – cả từ bên trong nhà nước lẫn từ xã hội dân sự – thì

rất dễ dẫn đến hiện tượng “tư nhân hóa quyền lực”, nơi lợi ích nhóm lũng đoạn chính sách, và tham nhũng trở thành một phần của cấu trúc quyền lực phi chính thức.

Do đó, phòng chống tham nhũng phải được định vị như một cấu phần nội tại của chiến lược xây dựng nhà nước pháp quyền hiện đại – nơi mọi quyền lực đều bị chế ước bởi luật pháp, mọi quyết sách đều được soi chiếu qua lăng kính minh bạch, trách nhiệm giải trình và lợi ích công cộng. Phòng chống tham nhũng, về bản chất, chính là kiến tạo một không gian thể chế trong đó quyền lực không còn là công cụ phục vụ lợi ích riêng, mà bị buộc phải phục tùng các nguyên tắc công lý, liêm chính và phục vụ.

**Thứ hai**, chống tham nhũng chỉ thực sự hiệu quả khi được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với cơ chế kiểm soát quyền lực – đặc biệt là quyền lực nhà nước. Tham nhũng, xét đến cùng, là biểu hiện trực tiếp và nguy hiểm nhất của sự tha hóa quyền lực. Khi quyền lực – vốn được trao phó để phục vụ lợi ích công – bị vận hành mà không có giới hạn, không đối trọng, không trách nhiệm giải trình, thì nó sẽ tất yếu biến tướng thành công cụ phục vụ lợi ích cá nhân hoặc nhóm lợi ích. Chính vì thế, chống tham nhũng không thể chỉ dừng lại ở các biện pháp trừng trị hành vi, mà phải được triển khai như một phần cốt lõi trong nỗ lực kiểm soát quyền lực một cách có hệ thống.

Nhà nước pháp quyền, theo đúng tinh thần của triết học chính trị hiện đại, không chỉ là nhà nước “cai trị bằng luật pháp” mà còn là nhà nước mà trong đó quyền lực bị ràng buộc bởi luật pháp, bị giới hạn bởi pháp lý và bị giám sát bởi nhân dân. Một nhà nước như vậy đòi hỏi phải kiến tạo những thiết chế kiểm soát quyền lực vừa có tính độc lập tương đối, vừa có tính phản biện nội tại, trong đó bao gồm: hệ thống tư pháp công minh, cơ chế phân quyền – phân nhiệm rạch ròi, báo chí độc lập, xã hội dân sự năng động, và các công cụ công nghệ giám sát minh bạch.

Mối liên hệ giữa nhà nước pháp quyền và cơ chế kiểm soát quyền lực không phải là mối quan hệ ngoại lai, mà là quan hệ bản chất, vì nhà nước pháp quyền, tự thân nó, là hình thức thể chế hóa nguyên lý kiểm soát quyền lực – nơi mà quyền lực chỉ được công nhận chính danh nếu nó được thực thi trong giới hạn của pháp luật, được giám sát bởi công luận, và bị chế ước bởi các thiết chế độc lập.

Do đó, xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả không chỉ là điều kiện kỹ thuật để chống tham nhũng, mà là yêu cầu tồn tại của một nhà nước hiện đại, chính danh và phục vụ. Một khi quyền lực không bị kiểm soát, thì tham nhũng sẽ không còn là nguy cơ, mà là hệ quả tất yếu.

**Thứ ba**, dân chủ và quyền con người không chỉ là đích đến tối hậu của nhà nước pháp quyền, mà còn là phương tiện thiết yếu để kiểm soát quyền lực một cách thực chất. Trong cấu trúc của một nhà nước hiện đại, đặc biệt là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ không đơn thuần là một hình thức tổ chức quyền lực, mà là cơ chế bảo đảm cho quyền lực không bị lạm dụng. Chỉ trong một môi trường dân chủ thực chất – nơi cá nhân có khả năng và điều kiện thực hiện quyền tự do ngôn luận, quyền giám sát, quyền phản biện, và quyền tiếp cận thông tin – thì quyền lực công mới có thể được vận hành trong khuôn khổ minh bạch và có trách nhiệm.

Công khai, minh bạch, và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin là những nguyên lý nền tảng của nhà nước pháp quyền hiện đại. Những yếu tố này không chỉ là “cơ chế kỹ thuật” để ngăn chặn tham nhũng, mà còn phản ánh giá trị nhân văn của quản trị dân chủ – nơi quyền lực bị soi rọi bởi ánh sáng của công luận và trách nhiệm trước Nhân dân. Khi thông tin được kiểm soát, khi các kênh phản biện bị bưng bít, thì quyền lực sẽ trở nên bất khả kiểm chứng và tất yếu bị tha hóa.

Do đó, chống tham nhũng không thể thành công nếu không đồng thời kiến tạo một môi trường dân chủ đối thoại, nơi mà người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách, mà là chủ thể tích cực tham gia vào quá trình giám sát, phản biện và kiểm soát quyền lực công. Dân chủ, dưới ánh sáng của triết học chính trị, chính là điều kiện để quyền lực trở thành công cụ phục vụ lợi ích chung, chứ không bị chiếm dụng cho lợi ích riêng.

Một nền dân chủ chân chính vì thế không chỉ là biểu tượng chính trị, mà là phương thức vận hành thiết yếu để phòng ngừa sự tha hóa của quyền lực và hiện thực hóa lý tưởng pháp quyền trong đời sống chính trị – xã hội.

**Thứ tư**, chống tham nhũng phải được đặt trên nền tảng của pháp luật và trong khuôn khổ vận hành của nhà nước pháp quyền. Trong mọi xã hội hiện đại, pháp luật không chỉ là công cụ quản trị, mà còn là biểu hiện tập trung của ý chí chung, là phương tiện bảo đảm rằng quyền lực được thực thi một cách minh bạch, có trách nhiệm và không bị lạm dụng. Đối với Việt Nam – một quốc gia kiên định con đường xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa – thì việc phòng, chống tham nhũng phải gắn chặt với việc thể chế hóa các chuẩn mực đạo đức công vụ thành những quy định pháp lý ràng buộc, minh bạch và có thể giám sát được.

Trong logic của nhà nước pháp quyền, mọi quyền lực đều phải được giới hạn bởi luật pháp và chịu sự kiểm soát hợp hiến, hợp pháp. Điều đó đòi hỏi quá trình chống tham

những không chỉ dừng lại ở mức tuyên truyền đạo đức hay xử lý sự vụ, mà cần được luật hóa đầy đủ các hành vi tham nhũng, thiết lập các tiêu chí cụ thể để đo lường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, và cơ chế giám sát quyền lực. Chỉ khi hành vi lạm dụng quyền lực vì tư lợi được định danh rõ ràng và chế tài bằng pháp luật, thì quyền lực công mới có thể bị ràng buộc một cách hiệu quả.

Hơn nữa, trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật không chỉ là công cụ cưỡng chế, mà còn là khuôn mẫu hành vi mang tính nhân văn, thể hiện sự kết hợp giữa lý tính pháp lý và giá trị đạo đức. Luật pháp – trong tư cách là thiết chế kiểm soát quyền lực – phải bao hàm cả giá trị dân chủ, công bằng và nhân đạo, từ đó tạo dựng một trật tự công quyền vừa nghiêm minh vừa chính danh.

Nói cách khác, chống tham nhũng bằng pháp luật chính là hiện thực hóa nguyên lý “thượng tôn pháp luật” – một trụ cột không thể thiếu của mọi thiết chế pháp quyền tiên bộ, đồng thời là nội dung trung tâm trong lộ trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

**Thứ năm**, chống tham nhũng phải bắt nguồn từ nền tảng văn hóa chính trị đặc thù của dân tộc – nơi quyền lực được chế ước không chỉ bằng luật pháp mà còn bằng chuẩn mực đạo lý và tinh thần cộng đồng. Trong mọi xã hội, văn hóa chính trị không chỉ là bối cảnh, mà còn là chất liệu tạo nên cách thức vận hành và giới hạn quyền lực. Vì thế, cơ chế kiểm soát quyền lực không thể chỉ là sự sao chép cơ học những mô hình ngoại lai, mà phải được bản địa hóa, thẩm nhuần vào kết cấu đạo đức, tập quán pháp lý và truyền thống trị quốc an dân của chính dân tộc mình.

Đối với Việt Nam – một quốc gia có truyền thống trị nước bằng đạo lý “lấy dân làm gốc”, đề cao tinh thần liêm chính, trọng nghĩa – thì chống tham nhũng không thể chỉ dựa vào những công cụ pháp lý hình thức, mà phải gắn với việc phục hưng những giá trị văn hóa chính trị bản địa như cần – kiệm – liêm – chính, chí công – vô tư, và tinh thần “phụng sự thay vì thống trị”. Văn hóa chính trị Việt Nam, nếu được khơi dậy đúng cách, sẽ trở thành lá chắn đạo đức nội tâm, giúp hình thành nơi mỗi cán bộ, công chức một “lằn ranh đỏ” từ bên trong, ngăn họ vượt quá giới hạn quyền lực.

Ở đây, kiểm soát quyền lực không chỉ là sự giám sát từ bên ngoài, mà còn là quá trình kiến tạo nội tâm đạo đức – một cơ chế kiểm soát từ bên trong mỗi con người nắm quyền, điều mà pháp luật không thể hoàn toàn thay thế. Chính điều này làm nên sự khác biệt giữa một nền quản trị cơ giới và một nền quản trị có linh hồn – nơi luật pháp và đạo lý cùng song hành trong điều chỉnh hành vi của người cầm quyền.

Do đó, công cuộc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam muốn bền vững thì không thể tách rời việc tái thiết lập một nền văn hóa chính trị dân chủ, đạo đức và khai phóng, nơi quyền lực được sử dụng vì cộng đồng, và được chế ngự bằng cả luật pháp lẫn lương tâm văn hóa dân tộc.

**Thứ sáu,** tham nhũng không chỉ là một vấn đề nội sinh của từng quốc gia, mà là một hiện tượng xuyên biên giới – mang tính hệ thống, cấu trúc và toàn cầu hóa. Trong thế giới hiện đại, nơi dòng chảy quyền lực, lợi ích và thông tin vượt qua mọi ranh giới quốc gia, chống tham nhũng không thể là cuộc chiến đơn lẻ của một quốc gia, mà phải là nỗ lực hợp tác liên chính phủ, liên xã hội, liên văn minh.

Bởi lẽ, các hành vi tham nhũng ngày nay không chỉ dừng lại ở việc lợi dụng vị trí công quyền để tư lợi trong phạm vi nội bộ, mà còn gắn liền với các hoạt động rửa tiền xuyên quốc gia, chuyển giá, trốn thuế, thao túng chính sách thông qua các mạng lưới lợi ích toàn cầu. Trong bối cảnh đó, xây dựng và thực thi các công ước, điều ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng, như Công ước Liên Hợp Quốc UNCAC 2003, không chỉ là nghĩa vụ pháp lý, mà còn là lựa chọn đạo lý và chiến lược chính trị sáng suốt.

Việc nội luật hóa các cam kết quốc tế không đơn thuần là việc chuyển hóa ngôn ngữ điều ước thành quy định pháp luật quốc gia, mà sâu xa hơn, là quá trình tiếp biến những chuẩn mực văn minh toàn cầu vào hệ giá trị pháp quyền nội sinh, giúp hệ thống pháp luật Việt Nam tiệm cận với các nguyên lý quản trị minh bạch, trách nhiệm giải trình và thượng tôn pháp luật.

Điều này cũng cho thấy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thể tồn tại như một thực thể biệt lập, mà phải đặt mình trong dòng chảy của văn minh pháp lý nhân loại. Hội nhập ở đây không chỉ là hội nhập kinh tế, mà còn là hội nhập về đạo lý công quyền, về chuẩn mực liêm chính và quản trị hiện đại.

Chống tham nhũng trong bối cảnh toàn cầu hóa, do đó, là hành động mang tầm nhìn nhân loại: bảo vệ niềm tin của người dân không chỉ đối với nhà nước quốc gia, mà cả đối với một trật tự chính trị - đạo đức toàn cầu đang hình thành.

**Thứ bảy,** chống tham nhũng phải là một chiến lược mang tính hệ thống, nhất quán và trường kỳ, chứ không thể là phản ứng tình thế, phong trào hay hành động đứt đoạn theo chu kỳ chính trị. Bởi vì tham nhũng không chỉ là kết quả của những sai phạm cá nhân, mà là biểu hiện của sự rạn vỡ trong thiết kế và vận hành quyền lực – khi mà quyền lực không được đặt trong khuôn khổ pháp lý minh bạch, chuẩn mực đạo đức công và trách nhiệm giải trình thể chế.

Trong xã hội hiện đại, nơi mà các mối quan hệ quyền lực ngày càng phức tạp, đan xen giữa nhà nước – thị trường – xã hội, thì quyết tâm chính trị trong phòng, chống tham nhũng sẽ trở nên vô hiệu nếu không được thể chế hóa thành các cơ chế kiểm soát quyền lực mang tính cấu trúc và định chế. Những cơ chế này không chỉ quy định ràng buộc quyền lực bằng pháp luật, mà còn tạo ra các tiêu chuẩn đánh giá định lượng, khả thi và khách quan để đo lường mức độ thực hiện quyền lực vì công ích.

Chống tham nhũng, do đó, không chỉ là "diệt trừ cái ác" hay "loại bỏ phần tử xấu", mà là quá trình cải tạo chính thể từ bên trong, xây dựng lại cấu trúc quyền lực theo hướng minh bạch hóa, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm giải trình toàn diện – từ thiết kế thể chế đến thực thi chính sách. Đó là cuộc cách mạng trong quản trị, chứ không chỉ là chiến dịch hành chính.

Một chiến lược chống tham nhũng bền vững vì vậy phải song hành giữa hai chiều: (i) kiểm soát quyền lực bằng thiết chế pháp lý và đạo đức công vụ; (ii) chuẩn hóa các chỉ số liêm chính, minh bạch, trách nhiệm giải trình, để có thể giám sát và lượng hóa sự vận hành quyền lực. Chỉ khi đó, quyền lực mới không trở thành công cụ tư lợi, và nhà nước mới thực sự là của dân, do dân và vì dân – chứ không phải là cỗ máy che chắn cho những đặc quyền vô hình.

**Thứ tám,** xây dựng chính quyền Nhân dân chính là tái khẳng định nguyên lý căn bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: quyền lực chính trị thực sự phải thuộc về nhân dân. Đây không chỉ là một khẩu hiệu chính trị, mà là nguyên lý tổ chức và vận hành quyền lực mang tính nền tảng, trong đó nhân dân vừa là chủ thể tối cao trao quyền, vừa là lực lượng giám sát và giới hạn quyền lực.

Chính quyền Nhân dân không chỉ là chính quyền *do* dân bầu ra, mà còn phải là chính quyền *vì* dân và *chịu trách nhiệm trước dân*, được ràng buộc bởi cơ chế minh bạch, trách nhiệm giải trình và đối thoại dân chủ. Dân chủ – trong hình thái phát triển nhất của nó – không chỉ là quyền tham gia, mà là năng lực kiểm soát và định hướng quyền lực nhà nước. Khi dân chủ trở thành công cụ kiểm soát, nó làm cho quyền lực không thể bị tuyệt đối hóa hay thao túng một cách vô hình.

Trong bối cảnh đó, chống tham nhũng không thể là một chương trình luân lý hóa đời sống công quyền, càng không thể chỉ dựa vào lòng tốt cá nhân hay lý tưởng chính trị duy ý chí. Mà phải xuất phát từ việc thể chế hóa những chuẩn mực văn minh của pháp quyền: phân quyền, minh bạch, đối thoại xã hội, trách nhiệm giải trình và tính bị kiểm soát. Tức là, chỉ khi nào quyền lực thực sự đặt dưới sự kiểm tra thường xuyên và có hiệu



lực của Nhân dân – thông qua các thiết chế dân chủ – thì khi đó mới có thể ngăn ngừa sự tha hóa và lạm dụng quyền lực.

Tổng thể lại, cuộc đấu tranh chống tham nhũng là một quá trình vừa chính trị – pháp lý, vừa văn hóa – đạo đức, mang tính toàn diện, phức tạp và lâu dài. Nó đòi hỏi một hệ thống thiết chế chặt chẽ, nhất quán; một xã hội dân chủ trưởng thành; và một nền quản trị hiện đại, trong đó mọi hành vi sử dụng quyền lực đều phải đặt trong khuôn khổ luật pháp và chuẩn mực công lý. Đó chính là con đường hiện thực hóa một Nhà nước thực sự “của dân, do dân và vì dân”, nơi quyền lực là để phục vụ, không phải để thống trị.

#### **4. Kết luận**

Kiểm soát quyền lực để phòng, chống tham nhũng không chỉ là yêu cầu quản trị nhà nước hiện đại, mà còn là thước đo bản chất của chế độ chính trị và trình độ văn minh pháp quyền của một quốc gia. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ kiểm soát quyền lực – đặc biệt là quyền lực công – ngày càng trở nên cấp bách và toàn diện.

Cuộc đấu tranh chống tham nhũng không thể tách rời khỏi quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị, pháp lý hóa các chuẩn mực quyền lực, và phát triển văn hóa pháp quyền trong xã hội. Đây là công cuộc mang tính hệ thống, lâu dài và phức tạp, đòi hỏi sự tham gia chủ động, có trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân. Từ Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, tư pháp cho đến các tổ chức chính trị – xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, truyền thông và từng công dân đều đóng vai trò trong việc thiết lập một hệ sinh thái minh bạch, liêm chính và có khả năng tự điều chỉnh.

Kiểm soát quyền lực không chỉ nhằm ngăn chặn sự lạm quyền, mà còn để đảm bảo rằng quyền lực – một khi đã được trao – phải luôn đặt trong giới hạn của trách nhiệm, phục vụ và công lý. Chống tham nhũng vì thế không thể chỉ dừng lại ở việc xử lý hậu quả, mà phải đi vào tận gốc rễ của vấn đề: xây dựng thiết chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, minh bạch hóa quá trình ra quyết định, củng cố trách nhiệm giải trình và nuôi dưỡng tinh thần pháp quyền trong mỗi chủ thể sử dụng quyền lực.

Cuối cùng, hiệu quả của công cuộc kiểm soát quyền lực để phòng, chống tham nhũng chính là thước đo năng lực thể chế và chất lượng thực thi quyền lực trong một chính thể. Nó phản ánh không chỉ tính hiệu lực của pháp luật, mà còn là biểu hiện sinh động của việc hiện thực hóa các nguyên lý “Nhà nước của dân, do dân và vì dân”. Một Nhà nước mà ở đó quyền lực được giới hạn bằng luật pháp, kiểm soát bằng thiết chế,

giám sát bằng nhân dân, và phục vụ bằng tinh thần đạo đức công vụ – đó mới là nền tảng vững chắc cho một xã hội phát triển bền vững và công bằng.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương. (2005, Tháng 1). *Nhận diện các quan điểm sai trái thù địch*. Hà Nội: Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương.
2. Các Mác & Ăngghen. (2005). *Tuyển tập* (Tập 1). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
3. Các Mác & Ăngghen. (2005). *Toàn tập* (Tập 42). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
4. Nguyễn Bá Chiến. (2021). *Bối cảnh mới của đất nước và yêu cầu quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả*. Báo cáo tổng hợp Đề tài khoa học trọng điểm cấp Bộ năm 2021 của Bộ Nội vụ.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. (Bản trùng lặp nội dung với mục 5; có thể gộp nếu cần tránh lặp).
7. Viseslavsev, P. P. (1982). *Khủng hoảng văn hóa, Chủ nghĩa Mác, Chủ nghĩa xã hội mới và Chủ nghĩa tự do mới* [Crisis of culture, Marxism, new socialism and neoliberalism]. New York. (Lưu ý: cần kiểm tra lại tên gốc và nhà xuất bản nếu sử dụng trong nghiên cứu học thuật quốc tế).
8. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2017). *Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả*. Hà Nội: Văn phòng Quốc hội.
9. Bộ Nội vụ. (2023). *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế quản lý đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh giản biên chế; xây dựng và quản lý vị trí việc làm*. Hà Nội: Bộ Nội vụ.

# LIÊM CHÍNH KHOA HỌC – GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐỂ NGĂN CHẶN THAM NHƯỜNG TRI THỨC

Trần Thành Ân<sup>193</sup>

**Tóm tắt:** Trong kỷ nguyên tri thức, khi tri thức trở thành nguồn lực kiến tạo quyền lực và nhân tính, thì tham nhũng tri thức – như đạo văn, ngụy tạo dữ liệu, thao túng kết quả, lạm dụng quyền tác giả – là biểu hiện sâu sắc nhất của sự tha hóa học thuật và khủng hoảng giá trị. Những hành vi ấy không chỉ làm tổn thương nền móng chân lý, mà còn phá vỡ niềm tin xã hội vào khoa học, đẩy nền tri thức vào trạng thái tự phủ định chính mình. Trong bối cảnh đó, liên chính khoa học cần được xác lập không chỉ như một đức tính cá nhân, mà như một nguyên lý mang tính bản thể của khoa học: trung thực, trách nhiệm và tôn trọng chân lý. Đây là rào chắn đầu tiên chống lại sự suy đồi từ bên trong hệ tri thức, là nền tảng để bảo vệ không gian học thuật chính danh, minh bạch và nhân bản. Bài viết đi sâu phân tích bản chất và vai trò của liên chính khoa học trong bối cảnh hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp ngăn chặn tham nhũng tri thức, góp phần kiến tạo một nền văn hóa khoa học tử tế và bền vững.

**Từ khóa:** Liên chính; liên chính khoa học; phòng, chống tham nhũng.

## 1. Khái niệm và đặc điểm của liên chính khoa học

### 1.1. Khái niệm liên chính khoa học

Trong thực tiễn học thuật đương đại, khái niệm “liên chính khoa học” vẫn chưa đạt được sự đồng thuận tuyệt đối về nội hàm. Các cách tiếp cận khác nhau – từ pháp lý, đạo đức, đến triết lý học thuật – đã dẫn đến những diễn giải đa chiều, phản ánh bối cảnh văn hóa, thể chế và truyền thống học thuật riêng biệt của từng quốc gia, từng lĩnh vực nghiên cứu. Mặc dù vậy, điểm chung của hầu hết các định nghĩa là nhấn mạnh vai trò trung tâm của tính trung thực, minh bạch, trách nhiệm và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong toàn bộ quá trình nghiên cứu khoa học.

Xét trên phương diện khoa học, thuật ngữ liên chính khoa học (academic integrity) được xem là do cố Giáo sư Donald McCabe của Trường Kinh doanh Đại học Rutgers (Rutgers Business School), Hoa Kỳ lần đầu tiên khởi xướng trong báo cáo khảo sát với tiêu đề: “*Gian lận trong các cơ sở học thuật: Kết quả nghiên cứu trong một thập kỷ*” đăng tải vào năm 2001 trên Tạp chí Ethics & Behaviors. “*Liên chính khoa học là trái tim*

---

<sup>193</sup> Trường Đại học Khoa học sức khỏe (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)

*của đời sống trí tuệ*”<sup>194</sup>. Theo đó, liêm chính khoa học không chỉ đơn thuần là tuân thủ quy tắc đạo đức trong nghiên cứu, mà còn là sự thể hiện lòng trung thực, trách nhiệm và tự trọng của nhà khoa học trước cộng đồng và xã hội.

*Trên phương diện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, “Liêm” là “trong sạch, không tham lam”, “luôn tôn trọng giữ gìn của công và của dân”, “không xâm phạm một đồng xu, hạt thóc của nhà nước, của nhân dân”, không “tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng...”*<sup>195</sup>. Người có đức “Liêm” là tự trọng, biết phải trái, đúng sai và hổ thẹn khi trót làm điều xấu; biết tự răn mình để tránh điều xấu, để tâm trí luôn trong sáng. Không có đức “Liêm” thì con người sẽ bị tha hóa trầm trọng về nhân cách. Người có đức “Chính” là người ngay thẳng, công tâm, luôn dũng cảm đứng lên đấu tranh để bảo vệ lẽ phải; hành động quang minh chính đại, trong lòng không có chút tư lợi nào. “*Một người phải Cần, Kiệm, Liêm, nhưng phải Chính mới là người hoàn toàn*”<sup>196</sup>. “Chính” là bản chất con người cần hướng tới, giống như cây có gốc rễ vững vàng, uy vũ không thể quy phục, phú quý cám dỗ không dễ khuất phục, nghèo khổ không làm nhụt chí tiến thủ. Do đó, “Chính” là đức khó thực hiện nhất trong “tứ đức” (Cần, Kiệm, Liêm, Chính), là kết quả tất yếu của Cần, Kiệm, Liêm và là biểu hiện hoàn thiện về nhân cách con người. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là nguồn chỉ dẫn có giá trị về đạo đức cá nhân trong nghiên cứu, đồng thời là cơ sở để hình thành các chuẩn mực liêm chính khoa học ở Việt Nam.

*Từ góc nhìn triết học*, liêm chính khoa học không nên bị giản lược thành một “vấn đề” kỹ thuật hay hành vi sai phạm cần khắc phục, mà cần được nhìn nhận như một giá trị nền tảng, một phạm trù đạo đức phản ánh mối quan hệ giữa con người với chân lý, giữa nhà khoa học với cộng đồng tri thức và xã hội. Nó không đơn thuần là sự tuân thủ quy định hay chuẩn mực bên ngoài, mà là biểu hiện của nội tâm tự giác, của lương tri khoa học – nơi mà chân thật, trung thực và công bằng trở thành lẽ sống. Liêm chính khoa học, vì thế, không phải là điều gì “thêm vào” hoạt động nghiên cứu, mà chính là điều kiện tồn tại thiết yếu để khoa học giữ được bản chất khai minh, phản biện và hướng thiện của mình. Nó là lối sống học thuật mà mỗi nhà nghiên cứu cần tự kiến tạo, không chỉ để bảo vệ danh dự cá nhân, mà còn gìn giữ sự liêm sỉ của khoa học trong một thế giới ngày càng bị chi phối bởi áp lực công bố, cạnh tranh thứ bậc, và thương mại hóa tri thức.

<sup>194</sup> American Psychological Association. (2019). *Publication manual of the American Psychological Association* (7th ed.).

<sup>195</sup> Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (Tập 6, tr. 127). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

<sup>196</sup> Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (Tập 6, tr. 129). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

Từ các phương diện tiếp cận đã trình bày – bao gồm đạo đức học thuật, chuẩn mực pháp lý và nền tảng triết lý nghiên cứu – có thể khái quát khái niệm liên chính khoa học như sau: *Liên chính khoa học là một tiêu chuẩn đạo đức cốt lõi điều chỉnh toàn bộ quá trình nghiên cứu khoa học. Đó là sự cam kết tự nguyện và có ý thức của nhà nghiên cứu trong việc tuân thủ các nguyên tắc trung thực về dữ liệu và kết quả, minh bạch trong phương pháp và công bố, trách nhiệm đối với cộng đồng khoa học và xã hội, cũng như hợp pháp trong việc sử dụng, sở hữu và chia sẻ tri thức.* Nói cách khác, liên chính khoa học không chỉ là thước đo đạo đức cá nhân mà còn là điều kiện nền tảng để bảo đảm chất lượng, uy tín và tính chính đáng của khoa học như một thiết chế xã hội.

### **1.2. Liên chính khoa học – cấu trúc giá trị của phẩm cách nhận thức**

Liên chính khoa học không phải là một phẩm chất đơn lẻ, mà là một cấu trúc giá trị phức hợp, kết tinh từ đạo đức cá nhân, chuẩn mực nghề nghiệp và bản thể luận của khoa học. Trong tư cách đó, liên chính là biểu hiện của phẩm cách nhận thức, là “*luong tâm của tri thức*” và là hàng rào cuối cùng chống lại sự tha hóa trong đời sống học thuật.

*Có thể khái quát cấu trúc này qua các đặc điểm như sau:*

**Thứ nhất**, liên chính khoa học là sự trung thực tuyệt đối trong hoạt động nhận thức khoa học. Đây là giá trị bản nguyên làm nên bản chất của chân lý – nếu không có trung thực, khoa học sẽ trở thành sự ngụy tạo mang danh tri thức. Trung thực trong khoa học không chỉ là tránh nói sai sự thật, mà còn là không tự lừa dối bản thân, không đánh tráo mục tiêu tri thức với mục tiêu công cụ. Sự gian dối từ ý tưởng, dữ liệu đến kết luận nghiên cứu là hình thức tha hóa tinh vi nhất của lý trí.

**Thứ hai**, liên chính khoa học là sự tự giác từ chối mọi hình thức gian lận tri thức: đạo văn, sao chép ý tưởng, mạo danh công trình, hay thao túng kết quả. Đó là sự khước từ hành vi phản bội chân lý để đổi lấy lợi ích cá nhân. Bản chất của sáng tạo khoa học là tính độc lập, nên việc đánh cắp tri thức là hành vi huỷ hoại chính năng lực tư duy của mình. Người làm khoa học không trung thực với người khác, trước hết là không trung thực với chính mình.

**Thứ ba**, liên chính khoa học đòi hỏi sự cẩn trọng và nghiêm cẩn tuyệt đối. Khoa học không chấp nhận sự cầu thả. Mỗi dữ kiện, mỗi lập luận, mỗi kết luận đều phải được kiểm chứng bằng lý trí nghiêm minh và lương tri trong sáng. Mọi sự qua loa đều có thể tạo ra sai lệch tri thức, và từ đó kéo theo sai lệch chính sách, giáo dục, đạo đức – nghĩa là sai lệch toàn xã hội.

**Thứ tư**, liên chính khoa học thể hiện ở thái độ cầu thị, khiêm tốn và không tự mãn. Kẻ thù lớn nhất của tri thức là thói ngạo mạn học thuật. “Biết mình chưa biết” là nền tảng của triết học, và cũng là cội rễ để khoa học phát triển. Nhà khoa học càng lớn, càng phải ý thức sâu sắc về giới hạn tri thức của mình, và nhờ đó mở ra khả năng đối thoại, học hỏi và phản biện liên ngành.

**Thứ năm**, liên chính khoa học là sự nghiêm túc trong đánh giá bằng chứng, dữ liệu và kết quả nghiên cứu. Đây là giai đoạn dễ bị thao túng bởi các yếu tố phi học thuật: quyền lực, lợi ích nhóm, hay áp lực thành tích. Chỉ khi đánh giá khoa học dựa trên tiêu chí học thuật thực chất, không vì số lượng, không chạy theo chỉ số ảo, mới có thể ngăn chặn được “rác thải tri thức” và tạo ra sản phẩm khoa học có giá trị thực tiễn.

**Thứ sáu**, liên chính khoa học là sự coi trọng chất lượng hơn số lượng, trọng bản chất hơn hình thức. Khoa học không thể là sự “sản xuất tri thức hàng loạt” theo kiểu công nghiệp hóa học thuật. Chất lượng khoa học là kết quả của chiều sâu tư duy, không thể thay thế bằng số lượng công bố. Người làm khoa học chân chính không chạy theo điểm số, mà theo đuổi sự thật và sự phụng sự xã hội bằng tri thức.

**Thứ bảy**, liên chính khoa học là sự phát huy dân chủ học thuật – nơi tri thức được đối thoại trong tinh thần tôn trọng và trách nhiệm. Khoa học là không gian của sự tranh luận và đa nguyên, nhưng sự đa nguyên ấy phải gắn liền với đạo đức nghề nghiệp. Dân chủ trong khoa học không phải là sự ngẫu hứng của phát ngôn, mà là sự tự ý thức về nghĩa vụ với chân lý, với cộng đồng khoa học và với xã hội.

## **2. Một số vấn đề đặt ra về liên chính khoa học ở Việt Nam hiện nay – biểu hiện báo động về tham nhũng tri thức**

Liên chính khoa học – vốn là nền móng đạo đức của hệ tri thức quốc gia – đang trải qua một cuộc khủng hoảng hiện sinh trong lòng học thuật Việt Nam đương đại. Không còn là một giá trị tự thân được gìn giữ như danh dự nghề nghiệp, liên chính ngày nay đang bị bào mòn bởi ba làn sóng nguy hiểm: thành tích hóa, hành chính hóa và thị trường hóa tri thức. Khi khoa học bị biến thành công cụ để thăng tiến, để đo lường hiệu quả quản trị, hay để phục vụ thị trường điểm số và danh vị, thì bản thể học của tri thức – tức vai trò của nó trong việc truy cầu chân lý – đã bị thay thế bằng một logic công cụ thuần túy. Từ đó, tham nhũng tri thức không còn là hiện tượng cá biệt, mà là dấu hiệu của một sự tha hóa có tính cấu trúc – nơi những giá trị giả mạo lên ngôi và những chuẩn mực đích thực bị nhấn chìm.

*Biểu hiện rõ nhất và nguy hiểm nhất là sự phổ biến của đạo văn, đánh cắp ý tưởng, và mua bán công trình nghiên cứu. Không chỉ dừng lại ở hành vi gian lận lén lút, các hiện tượng này đã phát triển thành một “hệ sinh thái ngầm” – nơi học vị được hợp thức hóa bằng tiền, công bố khoa học trở thành món hàng trao đổi, và các đề tài nghiên cứu bị tước bỏ nội dung khai minh để phục vụ cho các mục tiêu chức năng. Điều nghiệt ngã là: những hành vi từng được coi là vi phạm đạo đức giờ đây lại có thể được khoác lên chiếc áo “chuẩn đầu ra”, được biện minh bằng “hiệu quả quản trị”. Đạo văn – vốn là một sự phản bội tri thức – giờ đây không còn là một cú sốc đạo đức, mà trở thành thói quen được tổ chức hóa.*

Đáng lo hơn cả, làn sóng tha hóa này không dừng lại ở sinh viên – những người còn trong quá trình hình thành nhân cách học thuật – mà đã lan sâu vào chính đội ngũ trí thức, giảng viên, cán bộ nghiên cứu. Những người lẽ ra phải là “người gác cổng chân lý” lại trở thành người thao túng quy chuẩn, hợp thức hóa cái giả dưới danh nghĩa cái thật, khiến không gian học thuật mất đi chức năng thanh lọc và trở thành môi trường dung dưỡng cho sự giả dối học thuật lên men. Ở đây, ta không chỉ chứng kiến một hiện tượng lệch chuẩn, mà là sự đảo chiều của chuẩn mực: khi cái phi liêm chính không còn bị che giấu, mà được dung thứ, thậm chí tán thưởng trong sự im lặng đồng thuận của một nền học thuật bị chính nó phản bội.

*Tiếp theo là hệ thống đánh giá và công nhận kết quả khoa học đang bị tha hóa bởi chủ nghĩa hình thức và chủ nghĩa số lượng – một biểu hiện của sự vật hóa tri thức trong môi trường học thuật đương đại. Khi các tiêu chí như số lượng bài báo, điểm công bố, chỉ số H-index, hay danh mục tạp chí trở thành “chuẩn hóa học thuật” tuyệt đối, thì tri thức không còn được đánh giá bằng chiều sâu khai minh, mà được đo lường như một sản phẩm tiêu dùng, có thể đong đếm, mua bán và xếp hạng. Ở đó, bản thể của nghiên cứu – là hành trình đi tìm chân lý – bị đẩy lùi vào bóng tối của cơ chế tính điểm và lên chức.*

Cơ chế xét duyệt đề tài, bổ nhiệm học hàm – học vị hiện nay, thay vì tôn vinh chất lượng và ảnh hưởng xã hội của công trình khoa học, lại quá chú trọng đến hình thức và con số. Điều này đã vô tình tạo ra một môi trường học thuật mà ở đó, người làm khoa học không còn theo đuổi tri thức như một giá trị tự thân, mà như một “bậc thang hành chính” – nơi chỉ cần đạt chuẩn đầu ra về số bài là đủ điều kiện thăng tiến, bất kể bài đó có chất lượng, giá trị hay không.

Hệ quả là một phần giới nghiên cứu bị cuốn vào vòng xoáy công bố hình thức, dẫn đến sự bùng nổ các tạp chí rơm, hội thảo giả danh quốc tế, và các dịch vụ “mua chỗ đăng

bài” trong các hệ thống như Scopus hoặc WoS. Cái gọi là “quốc tế hóa tri thức” nhiều khi chỉ là “quốc tế hóa hình thức” – nơi ngôn ngữ tiếng Anh che đậy sự rỗng tuếch về học thuật, còn danh mục ISI hay SCOPUS lại trở thành bình phong cho những công trình không có sức sống trong thực tiễn.

Từ đó, một nghịch lý xuất hiện trong lòng học thuật Việt Nam: càng công bố nhiều, khoa học lại càng mất niềm tin. Số lượng bài viết tăng lên theo cấp số nhân, nhưng số lượng tri thức đích thực lại bị bào mòn dần bởi những thứ “giả khoa học có kiểm duyệt”. Khi ấy, hệ thống đánh giá không còn là công cụ nâng đỡ tri thức, mà trở thành chiếc lồng kỹ trị bóp nghẹt những nhà khoa học chân chính, và đồng thời nâng đỡ những kẻ khôn ngoan trong việc “tối ưu hóa” tiêu chí – chứ không phải chân lý.

*Kể đến là sự thiếu vắng thiết chế giám sát độc lập và cơ chế xử lý vi phạm hiệu quả đã biến liêm chính khoa học thành một khẩu hiệu đạo đức không răng nanh – một vỏ ngôn từ không thực chất.* Trong nhiều cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu, bộ phận kiểm soát liêm chính tồn tại như một hình thức hành chính, hoạt động mang tính nghi lễ hơn là kiểm tra thực chất. Khi các thiết chế giám sát thiếu độc lập, bị đặt dưới quyền quản lý trực tiếp của những người cũng đồng thời là “người được giám sát”, thì liêm chính không còn là nguyên lý kiểm soát quyền lực tri thức, mà trở thành một trò chơi tự kiểm duyệt đầy mâu thuẫn.

Nghiêm trọng hơn, nhiều hành vi vi phạm liêm chính – từ đạo văn đến ngụy tạo số liệu, từ thao túng hội đồng đến hợp thức hóa học hàm – khi bị phát hiện, lại không được xử lý theo tinh thần pháp lý và đạo lý, mà thường bị “xử kín”, “giải quyết nội bộ”, hoặc thậm chí được bao che vì nể nang, lợi ích nhóm, hay sự thỏa hiệp quyền lực. Điều này không chỉ tiếp tay cho hành vi phi đạo đức tiếp diễn, mà nguy hiểm hơn, nó làm xói mòn niềm tin của cộng đồng học thuật và xã hội vào khả năng tự thanh lọc của nền khoa học.

Khi những kẻ vi phạm không bị trừng phạt, còn những người lên tiếng lại bị cô lập hoặc xem là “gây rối nội bộ”, thì điều bị bóp nghẹt không chỉ là sự thật, mà chính là tinh thần tự do học thuật – điều kiện tối thiểu để khoa học phát triển lành mạnh. Trong bối cảnh đó, liêm chính không còn là thành lũy đạo đức bảo vệ chân lý, mà trở thành một ảo ảnh – nơi cái giả mạo mặc áo chính danh, còn cái trung thực bị đẩy ra bên lề như một sự “ngây thơ không thức thời”.

Muốn thay đổi thực trạng này, cần một cái cách thể chế sâu sắc: trao quyền độc lập thực sự cho các hội đồng giám sát học thuật, bảo vệ người tố cáo bằng cơ chế pháp lý rõ ràng, và đưa ra chế tài đủ mạnh để tạo thành ranh giới đạo đức rõ ràng giữa tri thức thật



và tri thức nguy tạo. Nếu không, nền học thuật sẽ tiếp tục bị tha hóa trong im lặng – và cái giá phải trả sẽ không chỉ là một vài công trình vô giá trị, mà là sự đánh mất năng lực tự đổi mới, tự bảo vệ của cả một hệ tri thức dân tộc.

*Cuối cùng, một bộ phận không nhỏ những người làm khoa học không còn xem liêm chính như là danh dự tồn tại của nghề nghiệp, mà chỉ coi đó như một “bức tường thủ tục” cần vượt qua để đạt được mục tiêu cá nhân.* Ở đây, liêm chính không còn được hiểu như một lương tri nội tâm, một ánh sáng soi rọi hành trình khám phá chân lý, mà bị giản lược thành một loại kỹ năng né tránh – nơi cái đúng được xác lập không vì chân lý, mà vì không bị phát hiện.

Đây là biểu hiện của một cuộc khủng hoảng đạo đức học thuật ở cấp độ bản thể. Khi lòng tự trọng trí tuệ bị thay thế bằng “tính toán chiến lược”, khi giá trị tri thức không còn nằm ở tính đúng đắn mà ở tính có lợi, thì nền khoa học không còn là nơi kiến tạo tương lai, mà trở thành sân chơi của những cuộc mặc cả danh vọng. Trong bối cảnh đó, liêm chính không chết trong một biến cố ồn ào, mà lặng lẽ bị rút ruột bởi sự thỏa hiệp, sự nhẫn nhịn, và sự im lặng của chính những người mang danh “trí thức”.

Sự sa sút liêm chính khoa học ở Việt Nam hiện nay không thể bị coi là hiện tượng đạo đức rời rạc, mà cần được nhìn như dấu hiệu của một cuộc khủng hoảng văn hóa tri thức có tính hệ thống. Nó bắt nguồn từ những méo mó trong tổ chức khoa học, những thiết chế quản lý học thuật không đủ khả năng tự thanh lọc, phương pháp giáo dục phi phản tư, và một hệ giá trị xã hội đề cao danh hiệu hơn chân lý, bằng cấp hơn bản lĩnh.

Nếu không sớm kiến tạo một cơ chế đạo đức học thuật nội sinh, nơi liêm chính được xem như danh dự cá nhân, sự sống còn của nghề nghiệp, và là điều kiện tồn tại chính đáng của khoa học, thì hệ sinh thái học thuật Việt Nam sẽ tiếp tục bị tha hóa từ bên trong. Và khi tri thức đánh mất chính mình, sự tụt hậu sẽ không còn là nguy cơ, mà trở thành hiện thực đã được hợp thức hóa trong sự đồng thuận của một nền học thuật đã chai lì trước cái giả.

### **3. Giải pháp phát huy giá trị liêm chính khoa học để phòng, chống tham nhũng tri thức**

Trong bối cảnh hiện nay, khi khoa học không chỉ là lĩnh vực nhận thức mà còn là không gian cạnh tranh quyền lực mềm, danh tiếng và lợi ích, thì việc phát huy liêm chính khoa học không chỉ là một yêu cầu đạo đức, mà phải trở thành một thiết chế – một cơ chế vận hành của cả hệ thống giáo dục, nghiên cứu và chính sách. Để phòng, chống tham

những tri thức một cách hiệu quả và bền vững, cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

*Thứ nhất, cần kiến tạo một thể chế khoa học chính danh như là hàng rào thể tính chống lại sự tha hóa tri thức*

Liên chính khoa học không thể chỉ được nuôi dưỡng bằng thiện chí đạo đức cá nhân, mà phải được đảm bảo bằng một thiết chế công lý học thuật – nơi chân lý được bảo vệ không phải bằng sự khẩn cầu, mà bằng luật định rõ ràng, cơ chế minh bạch và trách nhiệm công khai. Không thể trông chờ vào sự tự giác của giới nghiên cứu nếu xã hội không có cơ cấu kiểm soát quyền lực học thuật một cách thực chất. Bởi tri thức, một khi đã trở thành công cụ quyền lực và lợi ích, thì cũng cần được đặt dưới sự ràng buộc của những nguyên tắc thể chế nghiêm cần – không chỉ để bảo vệ giá trị khoa học, mà còn để bảo vệ chính phẩm giá con người trong tư cách nhà khoa học.

Cần luật hóa và chuẩn hóa một cách tường minh tất cả các hành vi xâm phạm đến liên chính khoa học: từ đạo văn tinh vi, ngụy tạo dữ liệu, “chạy” công bố, đến việc thao túng kết quả vì lợi ích nhóm hay chính trị hóa tri thức. Không được để vùng xám đạo đức lấn át luật lệ học thuật. Không có sự phân định rạch ròi giữa đúng và sai trong khoa học thì tất yếu sẽ xuất hiện tình trạng “ngụy chân lý”, “ngụy học giả” và “ngụy trí thức”.

Cùng với đó, các thiết chế giám sát trong trường đại học, viện nghiên cứu phải được trao quyền độc lập thực chất – không phụ thuộc vào lợi ích nội bộ, không bị thao túng bởi cấp trên, không bị vô hiệu hóa bởi những “sân sau học thuật”. Một cơ chế kiểm tra mà thiếu tính công khai và phản biện xã hội sẽ chỉ dẫn đến hình thức hóa đạo đức và dung dưỡng sự giả dối trong nghiên cứu.

Đồng thời, cần thiết lập hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về đạo đức học thuật và cơ chế thẩm định công bố khoa học thống nhất, minh bạch và liên thông với các chuẩn quốc tế. Trong thời đại mà ranh giới giữa tri thức và thông tin đang bị xóa nhòa bởi mạng lưới toàn cầu, thì khả năng tự vệ thể chế của nền khoa học dân tộc không còn là lựa chọn, mà là điều kiện sống còn để bảo vệ uy tín và phẩm chất học thuật của quốc gia.

*Thứ hai, kiến tạo liên chính khoa học như một nền tảng đạo đức học thuật – không chỉ là dạy làm nghiên cứu, mà là dạy làm người trong khoa học*

Liên chính khoa học không phải là một phản xạ hành vi tức thời, càng không phải là sản phẩm của nỗi sợ chế tài, mà là kết quả của một quá trình hình thành năng lực đạo đức nhận thức – nơi con người học cách trung thực không chỉ với người khác, mà với

chính tư duy của mình. Không thể có một nền khoa học tử tế nếu không có một hệ thống giáo dục gieo trồng từ gốc rễ tinh thần trách nhiệm và lòng tự trọng trí tuệ.

Giáo dục liên chính khoa học, do đó, phải trở thành một trục giá trị xuyên suốt trong đào tạo, chứ không chỉ là một “môn học phụ” trong chương trình. Cần tích hợp các nội dung về đạo đức học thuật, kỹ năng nghiên cứu minh bạch, cách trích dẫn đúng mực và phản biện trung thực vào mọi cấp độ đào tạo đại học và sau đại học. Nhưng điều quan trọng hơn là: phải kiến tạo một không gian học thuật sống động, nơi sinh viên và nhà nghiên cứu trẻ học liên chính không qua khẩu hiệu, mà qua chính trải nghiệm – từ cách giảng viên phản biện sinh viên, cách hội đồng đánh giá luận văn, đến cách công bố một bài báo.

Giá trị chỉ thực sự tồn tại khi nó được sống trong đời sống. Một nền giáo dục mà ở đó liên chính được dạy nhưng không được sống – nơi đạo đức là lý thuyết còn thực hành là ngụy tín – chỉ tạo ra thế hệ “thành tích giả, danh hiệu giả và tri thức giả”. Chúng ta không cần những người giỏi điền biểu mẫu nghiên cứu, mà cần những người dám đối diện với sai lầm, dám đặt lại câu hỏi và dám bảo vệ sự thật – kể cả khi sự thật ấy bất tiện cho chính họ.

Giáo dục liên chính khoa học, vì vậy, không chỉ là một nhiệm vụ chuyên môn. Nó là một hành động văn hóa sâu xa, nhằm phục hồi niềm tin vào khả năng tự thanh lọc của trí tuệ con người – niềm tin rằng khoa học, nếu còn là khoa học, thì phải là không gian của lương tri, chứ không phải của sự dối trá được hợp thức hóa.

*Thứ ba, xây dựng văn hóa khoa học minh bạch, khiêm tốn và khai phóng – bởi không có liên chính nào sống nổi trong một nền học thuật bị ám ảnh bởi hình thức và bị thao túng bởi thành tích*

Liên chính khoa học, tự bản chất, không nảy sinh từ sự cưỡng chế hay nỗi sợ trừng phạt. Nó được khai sinh từ một chiều sâu nội tâm – nơi con người đối thoại với chính lương tri của mình, nơi tri thức không còn là phương tiện để leo lên mà là phương tiện để tự thanh luyện. Do đó, không thể có liên chính nếu không có một nền văn hóa khoa học làm chỗ dựa: một môi trường không cổ vũ sự khuếch đại thành tích, không tôn vinh chỉ số trống rỗng, và không im lặng trước giả dối được biện minh bằng hiệu quả.

Trong một không gian học thuật đích thực, chân lý không bị đong đếm bằng số lượng bài báo, mà được tôi luyện qua tranh luận, phản biện và đối thoại. Minh bạch là điều kiện tồn tại, nhưng khiêm tốn mới là khí chất của khoa học chân chính. Một nhà khoa học biết hoài nghi chính mình, biết lắng nghe điều trái ý mình, và biết giới hạn

những gì mình biết – đó mới là hình mẫu của liêm chính. Ngược lại, thói kiêu ngạo trí thức, tư duy độc quyền chân lý, hay sự im lặng trước sai trái vì “an toàn học thuật” – chính là những mầm bệnh khiến khoa học đánh mất phẩm giá.

Văn hóa khai phóng không phải là tự do vô giới hạn, mà là tự do có trách nhiệm – trách nhiệm với chân lý, với cộng đồng khoa học, và với tương lai của xã hội. Một môi trường học thuật đúng nghĩa không dập tắt câu hỏi bất tiện, không bịt miệng người phản biện, và càng không biến nghiên cứu thành công cụ để tranh suât, tranh quyền.

Chỉ khi nào văn hóa khoa học được tái thiết dựa trên ba trụ cột: minh bạch về quá trình, khiêm tốn trong nhận thức, và khai phóng trong tư duy, thì liêm chính khoa học mới thôi là một khẩu hiệu đạo đức và trở thành một nền khí quyển tinh thần, nơi mỗi nhà khoa học có thể thở bằng sự thật.

*Thứ tư, cải cách cơ chế đánh giá, công nhận và tài trợ nghiên cứu – bởi không thể gieo hạt giống liêm chính trên mảnh đất mà thành tích giả và quan hệ quyền lực đã trở thành thước đo giá trị*

Tham nhũng tri thức không xuất hiện từ hư vô. Nó sinh sôi từ một cơ chế khoa học bệnh lý, nơi số lượng được tôn sùng như bản vị vàng, nơi chỉ số thay thế cho chiều sâu, và nơi các quyết định khoa học không được định đoạt bởi giá trị học thuật mà bởi cấu trúc quyền lực ngầm. Khi tri thức bị công cụ hóa, khi nghiên cứu bị biến thành cuộc đua thành tích, và khi tài trợ nghiên cứu chịu sự chi phối của “sân sau”, thì chính nền khoa học sẽ đánh mất linh hồn.

Chúng ta không thể phòng chống tham nhũng tri thức nếu không dũng cảm đập vỡ mô hình đánh giá học thuật dựa trên máy móc định lượng – mô hình mà ở đó con người bị biến thành công cụ để ra các bài báo, các chỉ số, các điểm thi đua; còn chân lý thì bị thu nhỏ vào bảng Excel. Cần chuyển từ việc “đếm bài báo” sang “đọc bài báo”, từ chạy theo H-index sang đánh giá tác động xã hội và học thuật thực chất. Một công trình khoa học có thể không nổi bật về số lượng trích dẫn, nhưng lại mang giá trị chuyển hóa cộng đồng, thắp sáng một vùng tri thức – đó mới là điều nên được vinh danh.

Song hành với cải cách đánh giá là minh bạch hóa quy trình tài trợ nghiên cứu: từ khâu xét duyệt đề tài, thẩm định đạo đức đến nghiệm thu kết quả. Không thể để các quyết định tài trợ bị chi phối bởi quan hệ thân hữu, địa vị hành chính hay những mạng lưới quyền lực học thuật. Chỉ khi cơ chế tài trợ đặt sự độc lập khoa học lên trên quyền lợi nhóm, thì người làm khoa học mới được giải phóng khỏi cái vòng lặp “giả lập dự án – hợp thức hóa kết quả”.

Đặc biệt, không thể kêu gọi liên chính nếu xã hội không bảo đảm đời sống vật chất – tinh thần tử tế cho nhà khoa học. Một trí thức buộc phải đánh đổi liên chính để tồn tại, là một con người bị đặt vào thế khủng hoảng đạo đức. Cần có chính sách nuôi dưỡng dài hạn, đủ an sinh, để nhà khoa học có thể sống bằng tri thức mà không phản bội tri thức – để họ không phải bán rẻ chân lý vì cơm áo, và cũng không cần mượn đạo đức để che đậy hệ lụy của một nền khoa học vô trách nhiệm.

Liên chính không nảy mầm từ cấm đoán, mà từ một cơ chế khuyến khích sự tử tế như một lựa chọn khả thi. Đó là cải cách cơ bản nhất, khó khăn nhất, nhưng cũng là cấp thiết nhất.

#### **4. Kết luận**

Phát huy giá trị liên chính khoa học không chỉ là một phản ứng đạo đức trước sự suy thoái của môi trường học thuật, mà trước hết phải được nhìn nhận như một hành động xây dựng văn minh, một dự án tái thiết nền tảng tinh thần cho cả nền tri thức quốc gia. Bởi nếu khoa học là công cụ nhận thức và giải phóng con người, thì liên chính chính là hình thái đạo đức sâu nhất mà con người gửi gắm vào tiến trình đó. Không có liên chính, khoa học sẽ tha hóa thành kỹ thuật nguy hiểm; và con người, thay vì được nâng lên bởi tri thức, sẽ bị đánh tráo bằng ảo tưởng danh vọng và công cụ quyền lực.

Liên chính khoa học, do vậy, không thể chỉ là khẩu hiệu hay bộ quy tắc đạo đức hành chính, mà phải trở thành một cấu trúc sống động của ý thức – ăn sâu vào tập quán nghiên cứu, thấm vào văn hóa tổ chức, và lan tỏa thành chuẩn mực cộng đồng. Khi liên chính trở thành một thói quen đạo lý nội tâm, một nguyên tắc hành động có tính tự giác, và một giá trị cộng đồng được bảo vệ bằng thể chế, thì tham nhũng tri thức – dù dưới hình thức nào – cũng sẽ bị triệt tiêu ngay từ mầm mống.

Nói cách khác, cuộc chiến chống lại tham nhũng tri thức không chỉ là cuộc chiến chống lại cái sai, mà còn là cuộc kiến tạo cái đúng – đúng về hệ giá trị, đúng trong cách tổ chức khoa học, và đúng trong cách con người đối xử với chân lý. Chỉ khi ấy, khoa học mới thật sự trở về đúng với bản chất khai minh của nó: phục vụ sự thật, phục vụ con người, và phục vụ tương lai.

#### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Acemoglu, D., & Robinson, J. A. (2013). *Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói: Tại sao các quốc gia thất bại* (Bản dịch). Nxb Trẻ.

2. American Psychological Association. (2019). *Publication manual of the American Psychological Association* (7th ed.). <https://apastyle.apa.org/products/publicationmanual-7th-edition>
3. American University. (n.d.). *Academic integrity code*. <https://www.american.edu/academics/integrity> (Truy cập theo văn bản gốc tại mục II, khoản 8).
4. Benxaïđơ, Đ. (1998). *Mác – Người vượt trước thời đại* (P. Thành, N. V. Hiên, & L. X. Tiềm, Người dịch). Nxb Chính trị Quốc gia. (Tác phẩm gốc xuất bản năm chưa rõ).
5. C. Mác, & Ph. Ăngghen. (1995). *Toàn tập* (Tập 4). Nxb Chính trị Quốc gia.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
7. Đêrîđã, G. (1994). *Những bóng ma của Mác*. Nxb Chính trị Quốc gia & Tổng cục II Bộ Quốc phòng.
8. Giao, V. C. (2018). “Liêm chính học thuật” - Lí luận, thực tiễn và những yêu cầu đặt ra trên thế giới và ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, 358(6).
9. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập* (Tập 6). Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
10. Merriam-Webster. (2019). *Definition of plagiarize*. <https://www.merriam-webster.com/dictionary/plagiarize>
11. Nichols-Casebolt, A. (2012). *Research integrity and responsible conduct of research*. Oxford University Press.
12. Think Tank VINASA. (2019). *Việt Nam thời chuyển đổi số*. Nxb Thế giới.

# TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ MINH BẠCH HÓA TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH – GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG HIỆU QUẢ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

*ThS. Nguyễn Việt Bình*<sup>197</sup>

**Tóm tắt:** Trong dòng chảy cải cách hành chính và cuộc đấu tranh chống tham nhũng như một sứ mệnh đạo đức – chính trị của nhà nước pháp quyền, việc kiểm soát quyền lực và kiến tạo minh bạch không chỉ là biện pháp kỹ thuật quản trị, mà là sự hiện thực hóa một nguyên tắc căn bản của triết học chính trị: quyền lực cần được giới hạn bởi chính những thiết chế sinh ra nó. Bởi lẽ, như nhiều nhà tư tưởng từ Montesquieu đến Foucault đã cảnh báo, quyền lực – nếu không bị ràng buộc – luôn có xu hướng tự tái sinh và tự chính danh hóa sự lệch chuẩn. Báo cáo này đi vào phân tích mối tương quan giữa quyền lực và nguy cơ tha hóa, đặt minh bạch như là “ánh sáng đạo lý” của nền hành chính công, nơi mà niềm tin công chúng không thể được ban phát mà chỉ có thể được kiến tạo qua giám sát, trách nhiệm và công khai. Trên nền tảng khảo sát thực tiễn Việt Nam, bao gồm hiệu lực thi hành của Luật Phòng, chống tham nhũng, các cơ chế kiểm tra – giám sát và hạn chế thể chế, nghiên cứu gợi mở hướng tiếp cận tổng thể: không chỉ hoàn thiện pháp luật và cải cách tổ chức, mà còn cần “đạo đức hóa” thể chế qua chuyển đổi số, thanh tra độc lập, xã hội dân sự và thiết chế trách nhiệm giải trình. Tư tưởng trung tâm xuyên suốt là: quyền lực chỉ chính đáng khi nó có thể bị chất vấn. Và một nền hành chính liêm chính không phải là điều kiện có sẵn, mà là kết quả của một nền văn hóa chính trị trưởng thành.

**Từ khóa:** Kiểm soát quyền lực, minh bạch, quản lý hành chính, phòng chống tham nhũng, trách nhiệm giải trình, cải cách hành chính, chính phủ số.

## 1. Đặt vấn đề

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không chỉ dừng lại ở một tiến trình cải cách thể chế thuần túy, mà là sự chuyển hóa về căn tính của quyền lực – từ quyền lực mang tính cai trị sang quyền lực mang tính phục vụ. Điều này thể hiện rõ trong mục tiêu xây dựng nền hành chính hiện đại, liêm chính và phục vụ nhân dân, được xác định không chỉ như một đòi hỏi kỹ thuật – tổ chức, mà còn như biểu hiện cụ thể của

---

<sup>197</sup> *Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh*

lý tưởng chính trị: quyền lực công phải được vận hành trong khuôn khổ pháp quyền, chuẩn mực đạo đức công vụ và chịu sự kiểm soát thường xuyên, thực chất từ nhân dân – chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước<sup>198</sup>.

Tuy nhiên, trong thực tiễn vận hành, tham nhũng và các biểu hiện tha hóa quyền lực trong khu vực công vẫn là thách thức lớn. Những hiện tượng đó không chỉ gây tổn hại đến hiệu lực – hiệu quả quản trị công, mà còn xói mòn niềm tin xã hội và làm băng hoại nền tảng đạo lý của bộ máy nhà nước. Ở tầng sâu cấu trúc, đây là hệ quả của một nghịch lý cổ điển trong triết học chính trị: quyền lực nếu không được kiểm chế và giám sát hữu hiệu, sẽ có xu hướng tự củng cố, tự nhân lên và vận hành theo lợi ích cục bộ, dễ trượt sang tình trạng lạm quyền<sup>199</sup>. Trong bối cảnh ấy, thiếu minh bạch không đơn thuần là khiếm khuyết thông tin, mà chính là “bóng tối thể chế” – nơi mà trách nhiệm và đạo đức bị làm cho vô hiệu bởi sự mập mờ và bất khả kiểm chứng.

Do đó, kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa không nên chỉ được hiểu như phản ứng chống tham nhũng, mà cần được nâng lên thành nguyên lý kiến tạo một trật tự quản trị mới: quyền lực phải được soi sáng bởi ánh sáng của công khai, minh bạch, và sự phục vụ công phải gắn liền với cơ chế giải trình và trách nhiệm xã hội<sup>200</sup>. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và tiến trình xây dựng chính phủ số, xã hội số hiện nay, việc thiết lập một cơ chế kiểm soát quyền lực chủ động, phi tập trung, đa tầng và có khả năng học hỏi – điều chỉnh trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết<sup>201</sup>.

## **2. Một số vấn đề lý luận cốt yếu của kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa trong quản lý hành chính**

### **2.1. Môi quan hệ giữa quyền lực và nguy cơ tham nhũng**

Quyền lực là công cụ tổ chức xã hội nhằm bảo đảm trật tự và thực thi lợi ích công. Tuy nhiên, như Montesquieu cảnh báo trong *Tinh thần pháp luật*, quyền lực có xu hướng lạm dụng nếu không được kiểm chế bởi một quyền lực khác<sup>202</sup>. Thực tiễn chứng minh

---

<sup>198</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

<sup>199</sup> Montesquieu, B. de. (2011). *Tinh thần pháp luật* (Nguyễn Văn Dân dịch). Nxb. Tri thức. (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1748).

<sup>200</sup> UNDP. (2011). *Integrity and Transparency in Public Administration: Principles and Practice*. United Nations Development Programme

<sup>201</sup> World Bank. (2021). *Digital Governance: Foundations and Frontiers*. Washington, DC: World Bank Publications.

<sup>202</sup> Montesquieu, B. de. (2011). *Tinh thần pháp luật* (Nguyễn Văn Dân dịch). Nxb. Tri thức.



ràng quyền lực càng tập trung, nguy cơ tha hóa càng cao – đặc biệt trong các lĩnh vực có tính phân bổ nguồn lực như đầu tư công, tuyển dụng hay cấp phép hành chính.

Tham nhũng, do đó, không chỉ là lệch chuẩn đạo đức cá nhân mà là sản phẩm của một hệ thống thiếu kiểm soát quyền lực và minh bạch. Khi quyền lực công hoạt động trong môi trường thiếu đối trọng, không chịu sự giám sát và không gắn với cơ chế giải trình, nó dễ bị chuyển hóa từ phương tiện phục vụ lợi ích chung thành công cụ mưu lợi cá nhân hoặc lợi ích nhóm<sup>203</sup>.

Kiểm soát quyền lực, vì vậy, là nhu cầu có tính hệ thống, không chỉ để ngăn chặn sai phạm mà còn để bảo vệ tính chính danh và đạo lý vận hành của quyền lực công. Trong bối cảnh đó, minh bạch đóng vai trò như “cơ chế ánh sáng” – buộc quyền lực phải hiện diện trước pháp luật, nhân dân và dư luận xã hội.

## **2.2. Nguyên tắc minh bạch trong quản lý hành chính nhà nước**

Minh bạch không chỉ là kỹ thuật quản trị, mà là nguyên tắc nền tảng của một nền hành chính dân chủ và chính danh. Mọi hành vi công quyền phải được đặt dưới sự công khai như một ràng buộc pháp lý và đạo đức nhằm ngăn chặn lạm quyền và tăng cường lòng tin xã hội<sup>204</sup>.

**Thứ nhất**, công khai thông tin là biểu hiện của việc tôn trọng quyền được biết của công dân – một quyền chính trị gắn liền với vai trò giám sát nhà nước.

**Thứ hai**, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin là điều kiện để hình thành phản biện xã hội và kiểm tra quyền lực. Minh bạch chỉ có giá trị khi đi kèm khung pháp lý rõ ràng, có cơ chế phản hồi và xử lý khi vi phạm.

**Thứ ba**, công khai trong tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ là thước đo liêm chính nội tại. Thiếu minh bạch trong nhân sự sẽ tạo điều kiện cho thân hữu hóa và lợi ích nhóm phát triển.

**Thứ tư**, sự tham gia của xã hội trong giám sát – từ báo chí, đại biểu dân cử đến các tổ chức xã hội – chính là bảo chứng để nguyên tắc minh bạch không trở thành hình thức. Giám sát đa chiều giúp quyền lực hành chính vận hành trong giới hạn của trách nhiệm và lý tính.

---

<sup>203</sup> Madison, J. (2009). *The Federalist Papers* (Clinton Rossiter ed.). Signet Classics.

<sup>204</sup> UNDP. (2011). *Integrity and Transparency in Public Administration: Principles and Practice*. United Nations Development Programme.

**Tóm lại**, minh bạch là điều kiện tiên quyết để quyền lực công vận hành hợp lý, hợp pháp và có thể bị chất vấn. Đó là nền tảng để xây dựng một nền hành chính phục vụ, nơi quyền lực phải được giải thích, chịu trách nhiệm và có thể bị kiểm soát.

### **3. Thực trạng kiểm soát quyền lực và minh bạch trong quản lý hành chính tại Việt Nam**

#### **3.1. Tình hình thực thi Luật Phòng, chống tham nhũng**

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, có hiệu lực từ ngày 01/7/2019, là một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực và phòng ngừa tha hóa trong khu vực công tại Việt Nam. Khác với các giai đoạn trước – vốn thiên về trừng phạt sau khi sự việc xảy ra – đạo luật này chuyển hướng mạnh mẽ sang phòng ngừa và kiểm soát từ gốc rễ, qua các thiết chế như công khai, minh bạch thông tin, kiểm soát tài sản, thu nhập và đặc biệt là cơ chế xử lý xung đột lợi ích và trách nhiệm giải trình của người có chức vụ, quyền hạn (Quốc hội, 2018).

Về mặt hình thức, phạm vi điều chỉnh đã được mở rộng, không chỉ bao phủ khu vực công mà còn từng bước hướng tới khu vực tư nhân có tương tác lợi ích với Nhà nước. Đây là dấu hiệu của một nền tư duy chính sách đang trưởng thành – nơi quyền lực không còn vận hành trong những “vùng mù thể chế” mà bị buộc phải hiện diện dưới ánh sáng pháp luật và đạo đức công vụ.

Tuy nhiên, ở tầng thực thi, vẫn còn tồn tại một khoảng cách đáng kể giữa quy phạm và hiện thực. Việc triển khai luật còn thiếu đồng bộ, nhiều nội dung mang tính ràng buộc pháp lý cao như kiểm soát tài sản, kê khai thu nhập, xử lý xung đột lợi ích vẫn đang dừng lại ở mức hình thức, mang nặng tính thủ tục. Tình trạng “minh bạch giấy tờ” nhưng “mờ tối hành vi” phản ánh một nghịch lý phổ biến trong cải cách hành chính ở nhiều cấp: quy định thì tiến bộ nhưng thực thi thì trì trệ, thiếu sức sống và không đủ tính răn đe.

Ngoài ra, sự thiếu hụt các thiết chế giám sát độc lập và sự tham gia có hiệu lực của xã hội dân sự tiếp tục làm suy yếu khả năng phát hiện và ngăn chặn hành vi tham nhũng. Trong một số trường hợp, ngay cả khi vi phạm bị phát hiện, quy trình xử lý cũng kéo dài, thiếu tính công khai, làm giảm niềm tin vào khả năng tự chỉnh sửa của hệ thống quyền lực.

Tóm lại, việc ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đánh dấu một bước tiến lập pháp đáng ghi nhận, song hiệu quả thực chất vẫn còn phụ thuộc vào mức độ nghiêm túc trong tổ chức thực thi và sự phát triển của các cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài – bao gồm báo chí, xã hội dân sự và vai trò phản biện của công chúng.

### **3.2. Các biểu hiện của lạm dụng quyền lực, thiếu minh bạch**

Lạm dụng quyền lực và thiếu minh bạch không chỉ là những sai phạm cá nhân, mà là biểu hiện của sự đứt gãy trong cơ chế kiểm soát quyền lực và sự thoái hóa về đạo đức công vụ. Trong môi trường thể chế chưa đủ ràng buộc và thiếu đối trọng hiệu quả, những hành vi vi phạm dễ dàng nảy sinh và tái diễn dưới nhiều hình thức, tạo nên những “kết cấu tha hóa” ngay trong lòng bộ máy hành chính nhà nước. Một số biểu hiện tiêu biểu bao gồm:

**Thứ nhất**, một số cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ để ban hành các quyết định hành chính thiên vị, phục vụ lợi ích cá nhân hoặc nhóm thân hữu. Đây là hình thức vận hành của “quyền lực thân hữu” – nơi nguyên tắc công vụ bị thay thế bằng quan hệ cá nhân, làm biến dạng chức năng nhà nước từ phục vụ công cộng sang bảo trợ lợi ích riêng.

**Thứ hai**, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ ở nhiều nơi thiếu tính công khai, minh bạch, thậm chí bị thao túng bởi hiện tượng “chạy chức, chạy quyền”. Điều này không chỉ phá vỡ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh và liêm chính trong hành chính công, mà còn tạo ra một nền “quan trường thân tộc”, nơi phẩm chất và năng lực bị thay thế bằng tiền tệ, quan hệ và quyền lực ngầm.

**Thứ ba**, các hoạt động đầu tư công, mua sắm tài sản, phân bổ ngân sách ở một số địa phương thiếu minh bạch, dẫn đến thất thoát, lãng phí nghiêm trọng. Đây là dạng tham nhũng “có hệ thống”, nơi quyền lực chi phối dòng ngân sách mà không chịu sự giám sát tương xứng, biến các quy trình phân bổ nguồn lực thành “vùng tối lợi ích”.

**Thứ tư**, thông tin hành chính chậm được số hóa và công khai, khiến người dân và doanh nghiệp khó tiếp cận các quyết định liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình. Sự trì trệ này không chỉ cản trở tiếp cận thông tin – vốn là điều kiện căn bản của quyền công dân – mà còn tạo ra môi trường thuận lợi cho sự tùy tiện, độc đoán trong hành chính.

Tất cả những biểu hiện trên phản ánh một thực tế: khi quyền lực công không bị buộc phải minh bạch và chịu trách nhiệm trước nhân dân, nó có xu hướng rút lui vào vùng kín của hành vi quan liêu, nơi sự thật bị che giấu và sự thật bị mặc cả. Do đó, cuộc đấu tranh chống tham nhũng không chỉ là xử lý hậu quả, mà trước hết phải là cuộc cải cách cơ chế sản sinh ra nó – tức là cải cách chính quyền từ nền tảng minh bạch và kiểm soát quyền lực thực chất.

### **3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong kiểm soát quyền lực và minh bạch**

Những bất cập trong cơ chế kiểm soát quyền lực và minh bạch hiện nay không phải là hệ quả tình cờ, mà bắt nguồn từ sự thiếu hoàn thiện của cả thiết chế pháp lý, văn

hóa hành chính và nền tảng công nghệ quản trị. Những nguyên nhân sâu xa có thể khái quát như sau:

**Thứ nhất**, hệ thống pháp luật và chính sách liên quan đến kiểm soát quyền lực và minh bạch còn thiếu đồng bộ, thậm chí có chồng chéo về thẩm quyền, chức năng giữa các cơ quan. Không ít quy định còn mang tính nguyên tắc chung, thiếu hướng dẫn cụ thể để triển khai trong thực tiễn, dẫn đến tình trạng “luật thì có, nhưng không vận hành được”. Tình trạng này phản ánh một nghịch lý phổ biến trong cải cách thể chế: pháp quyền bị dừng lại ở mức hình thức, không đủ độ chặt chẽ để kiểm soát quyền lực một cách thực chất.

**Thứ hai**, năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế, cả về trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và kỹ năng hành chính hiện đại. Trong nhiều trường hợp, chính người thực thi là “mắt xích yếu nhất” trong chuỗi kiểm soát, khi họ không chỉ thiếu công cụ hỗ trợ (như hệ thống dữ liệu số, chuẩn mực đạo đức công vụ rõ ràng), mà còn dễ bị chi phối bởi áp lực lợi ích, quan hệ và tâm lý an toàn cá nhân. Khi năng lực không tương xứng với quyền hạn, quyền lực sẽ vận hành theo hướng tùy tiện hoặc bị thao túng.

**Thứ ba**, tình trạng nể nang, né tránh và thiếu cơ chế bảo vệ người tố cáo vi phạm tiếp tục làm suy yếu vai trò của giám sát nội bộ và phản biện xã hội. Khi người phát hiện sai phạm không được bảo vệ, thì sự im lặng sẽ trở thành chiến lược sinh tồn, còn văn hóa tổ chức sẽ dần trượt vào trạng thái “đồng thuận ngầm” với sai trái. Đây là biểu hiện của một hệ thống thiếu khả năng tự thanh lọc – điều mà bất kỳ nền hành chính hiện đại nào cũng cần có để tránh tha hóa từ bên trong.

**Thứ tư**, thiếu nền tảng quản trị điện tử đồng bộ và thông minh khiến cho việc công khai, minh bạch trong hành chính vẫn mang tính thủ công, rời rạc và dễ bị can thiệp bởi yếu tố con người. Khi thông tin không được số hóa, truy xuất và phân tích một cách khách quan, thì tính minh bạch trở nên tùy nghi và không bảo đảm tính khách quan cần thiết. Điều này không chỉ làm cản trở tiếp cận thông tin, mà còn khiến việc giám sát trở nên khó khăn, thiếu bằng chứng xác thực.

Tựu trung lại, những nguyên nhân trên không đơn thuần là vấn đề kỹ thuật, mà là vấn đề triết lý quản trị: khi một hệ thống thiếu cơ chế tự kiểm tra – tự sửa lỗi, thiếu trách nhiệm giải trình định chế, và chưa đặt công nghệ – đạo đức – pháp lý trong một cấu trúc vận hành thống nhất, thì quyền lực dù được quy định chặt chẽ vẫn có thể vận hành ngoài

vùng kiểm soát. Do đó, cải cách kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa phải bắt đầu từ việc giải quyết những nguyên nhân mang tính nền móng này.

#### **4. Giải pháp tăng cường kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa trong quản lý hành chính**

Pháp luật là giới hạn tối thiểu và cũng là ràng buộc tối cao đối với quyền lực công. Trong một nhà nước pháp quyền hiện đại, hành lang pháp lý không chỉ đóng vai trò điều chỉnh hành vi, mà còn là thiết chế tạo lập các tiêu chuẩn đạo đức và cơ chế tự điều chỉnh của quyền lực. Do đó, hoàn thiện khung pháp lý về kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa không chỉ là sửa luật, mà là kiến tạo một hệ sinh thái thể chế, nơi quyền lực bị ràng buộc bởi trách nhiệm, minh bạch và tính chính danh.

**Thứ nhất**, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật liên quan đến trách nhiệm công vụ, đạo đức nghề nghiệp, minh bạch tài chính và phòng, chống xung đột lợi ích. Những nội dung này phải được quy định rõ ràng, có tính khả thi cao và gắn với hệ thống thực thi hiệu quả. Pháp luật về công vụ không thể chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh hành vi hành chính, mà phải đặt nền móng đạo đức cho quyền lực, nơi công vụ được hiểu như là “trách nhiệm trước công luận” chứ không phải là “đặc quyền” trong bộ máy.

**Thứ hai**, cần thiết lập các quy chuẩn cụ thể trong việc đánh giá liêm chính, tiêu chuẩn hóa đạo đức công vụ, và ban hành các chế tài đủ mạnh đối với hành vi vi phạm. Việc thiếu các tiêu chí định lượng, định tính rõ ràng khiến cho đạo đức công vụ trở thành khái niệm mơ hồ, dễ bị vận dụng tùy tiện hoặc né tránh. Cần có hệ thống chỉ số về tính liêm chính cá nhân, hiệu quả trách nhiệm giải trình, và mức độ tuân thủ các nghĩa vụ công khai – minh bạch. Kỷ luật công vụ phải được hiểu là bảo vệ trật tự xã hội, chứ không đơn thuần là xử phạt cá nhân.

**Thứ ba**, hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ người tố cáo là bước then chốt để thiết lập cơ chế phản hồi của hệ thống trước sai phạm. Khi người tố cáo không được bảo vệ, thì nền hành chính sẽ rơi vào trạng thái “tự khóa miệng”, nơi quyền lực chỉ đối thoại với chính nó, và mọi nỗ lực cải cách trở nên hình thức. Cần luật hóa các nguyên tắc bảo mật danh tính, bảo vệ khỏi trả đũa và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người tố cáo, đồng thời khuyến khích xã hội tham gia giám sát như một quyền chính trị – đạo đức của công dân trong nền quản trị minh bạch.

Tựu trung lại, việc hoàn thiện hành lang pháp lý là điều kiện tiên quyết để kiểm soát quyền lực từ gốc, không phải bằng cách gia tăng trừng phạt, mà bằng cách kiến tạo khuôn khổ vận hành có lý trí, có chuẩn mực và có trách nhiệm. Một nền pháp quyền đích

thực không chỉ giới hạn quyền lực – mà còn khai mở những giới hạn chính đáng của hành vi công vụ, nơi mỗi cán bộ không chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật, mà còn bởi danh dự nghề nghiệp và sự giám sát của xã hội.

#### **4.2. Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số**

Trong kỷ nguyên số, nơi dữ liệu trở thành nguồn lực quyền lực mới, cải cách hành chính không thể tách rời tiến trình chuyển đổi số. Việc số hóa không chỉ là đổi mới kỹ thuật hành chính, mà là thay đổi triết lý vận hành của nhà nước – từ mô hình cai trị dựa trên quyền uy hành chính sang mô hình quản trị minh bạch, thời gian thực và đặt người dân ở trung tâm. Quyền lực số, nếu không bị tha hóa, chính là công cụ để quyền lực truyền thống trở nên minh định, kiểm chứng và có trách nhiệm hơn bao giờ hết.

**Thứ nhất**, cần đẩy mạnh xây dựng nền hành chính điện tử và chính phủ số, đặc biệt là phát triển hệ thống dữ liệu mở – nơi mọi thông tin hành chính, ngân sách, quy hoạch, thủ tục và kết quả xử lý được công khai theo thời gian thực, có khả năng truy cập, phân tích và giám sát bởi cả người dân lẫn tổ chức độc lập. Dữ liệu mở không chỉ là kỹ thuật công nghệ, mà là hình thức hiện đại hóa nguyên tắc minh bạch: đưa quyền lực ra khỏi bóng tối và đặt nó vào không gian kiểm chứng tập thể.

**Thứ hai**, cần mở rộng mô hình “một cửa điện tử” liên thông từ Trung ương đến địa phương, nhằm đơn giản hóa quy trình, giảm thời gian và chi phí hành chính, đồng thời hạn chế tiếp xúc trực tiếp – một không gian vốn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tham nhũng vặt, những nhiễu và “quyền lực mềm” không chính thức. Hệ thống một cửa điện tử, nếu vận hành hiệu quả, sẽ tạo ra một thiết chế trung lập hóa hành vi công vụ – nơi quy trình thay thế con người, và pháp lý thay thế quan hệ.

**Thứ ba**, chuyển đổi số chỉ có hiệu quả nếu được đầu tư đồng bộ về hạ tầng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức. Điều này không chỉ là trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ, mà là tái cấu trúc lại năng lực công vụ theo hướng: chủ động phân tích dữ liệu, tư duy hệ thống, tiếp cận công việc qua nền tảng số và tương tác minh bạch với người dân. Một nền hành chính minh bạch không thể do một đội ngũ vận hành mù mờ về công nghệ.

Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, do đó, không phải là quá trình “tin học hóa” máy móc, mà là một cuộc cách mạng về cách tổ chức và kiểm soát quyền lực. Khi thông tin trở nên minh định, hệ thống trở nên xuyên suốt và người dân trở thành chủ thể đồng thời là giám sát viên, thì quyền lực không còn là đặc quyền được che giấu, mà trở thành trách nhiệm phải được phơi bày.

### 4.3. Tăng cường thanh tra độc lập và trách nhiệm giải trình

Trong bất kỳ thiết chế quyền lực nào, nếu không có cơ chế giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình định chế, thì quyền lực – dù xuất phát từ ý chí nhân dân – cũng có nguy cơ trượt dài vào tự trị và tha hóa. Thanh tra và giải trình không chỉ là kỹ thuật hành chính, mà là hình thức biểu đạt cụ thể của nguyên lý “quyền lực phải chịu kiểm soát”, như Montesquieu từng nhấn mạnh: “quyền lực phải ngăn quyền lực bằng quyền lực”.

**Thứ nhất**, cần thiết lập cơ chế giám sát nội bộ và thanh tra độc lập ở tất cả các cấp chính quyền, với sự nâng cao thực chất vai trò của các đơn vị kiểm tra, kiểm toán chuyên ngành trong việc phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn kịp thời hành vi lạm quyền, tư lợi. Một cơ chế thanh tra chỉ thực sự có hiệu quả khi không bị chi phối bởi cơ quan bị giám sát và có quyền truy cập độc lập vào hệ thống dữ liệu, quyết định và quy trình hành chính. Sự độc lập ở đây không chỉ là tổ chức, mà là năng lực thể chế để không cúi đầu trước quyền lực.

**Thứ hai**, cần xây dựng hệ thống trách nhiệm giải trình rõ ràng, xuyên suốt và có thể kiểm chứng từ Trung ương đến địa phương. Mỗi quyết định hành chính – đặc biệt là những quyết định có ảnh hưởng đến quyền, tài sản và tương lai cộng đồng – phải đi kèm với cơ sở pháp lý rõ ràng, thời hạn trách nhiệm và cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả. Trách nhiệm giải trình không phải là sự biện hộ sau hậu quả, mà là một phương thức hành chính đạo đức, nơi cán bộ phải đứng trước công chúng như một người có nghĩa vụ khai minh và trả lời.

**Thứ ba**, cần khuyến khích mạnh mẽ hình thức kiểm toán xã hội, trong đó người dân, báo chí, tổ chức xã hội dân sự và các thiết chế ngoài nhà nước có vai trò chủ động trong việc kiểm tra, phản ánh và đề xuất cải thiện chất lượng quản trị. Việc công bố công khai kết quả giám sát, thanh tra là không chỉ để minh bạch thông tin, mà còn tạo áp lực từ bên ngoài – một thứ “trọng tài xã hội” khiến quyền lực không thể yên ổn trong vùng mờ. Kiểm toán xã hội là cách để xã hội dân sự tham gia vào điều tiết quyền lực nhà nước một cách hòa bình, công khai và hợp hiến.

Tóm lại, thanh tra độc lập và trách nhiệm giải trình không chỉ là hai công cụ quản lý hành chính – mà là hai trụ cột đạo đức trong nền hành chính minh bạch. Một hệ thống quyền lực thiếu thanh tra độc lập là quyền lực không bị đặt câu hỏi. Một bộ máy thiếu trách nhiệm giải trình là một bộ máy không cảm thấy cần phải biện minh cho sự tồn tại của mình. Do đó, tăng cường hai thiết chế này là cách làm cho quyền lực “trở lại với cộng

đồng” – vừa đúng bản chất, vừa đúng mục tiêu của cải cách nhà nước pháp quyền hiện đại.

#### **4.4. Phát huy vai trò xã hội trong giám sát quyền lực**

Trong một nền hành chính minh bạch và có trách nhiệm, xã hội không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách, mà còn là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình kiểm soát quyền lực. Quyền lực công chỉ có thể vận hành đúng đắn khi nó được đặt dưới sự giám sát thường xuyên, đa chiều và không lệ thuộc từ phía chính những người mà nó đại diện. Sự tham gia của xã hội không phải là hành động bổ sung, mà là một thành phần cấu thành của quản trị dân chủ – nơi quyền lực luôn phải được đối chiếu với thực tế và tiếng nói từ bên dưới.

**Thứ nhất**, cần tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức xã hội, Mặt trận Tổ quốc, công đoàn, đoàn thể và báo chí trong việc theo dõi, phát hiện và phản biện hoạt động công vụ. Đây là các kênh trung gian quan trọng giúp chuyển hóa nhu cầu, kỳ vọng và phản hồi từ xã hội thành thông tin đối chiếu chính sách, đồng thời tạo ra không gian tranh luận – thảo luận cần thiết để quyền lực không vận hành trong sự đơn âm. Báo chí, đặc biệt, giữ vai trò như một “quyền lực thứ tư” – nơi kiểm tra quyền lực bằng công luận và bằng sự thật.

**Thứ hai**, cần thiết lập các kênh phản ánh, tố cáo thuận tiện, an toàn và bảo mật cho người dân, trong đó bao gồm cả hình thức truyền thống lẫn nền tảng số. Người dân chỉ có thể trở thành chủ thể kiểm soát quyền lực khi họ được trang bị công cụ để làm điều đó, không lo ngại bị trả đũa hay gạt ra ngoài lề. Việc luật hóa các cơ chế bảo vệ người phản ánh và đảm bảo tính ẩn danh, minh bạch hóa quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin là điều kiện tiên quyết để tạo dựng lòng tin xã hội đối với công lý và pháp quyền.

**Thứ ba**, cần thể chế hóa đối thoại định kỳ giữa chính quyền và nhân dân như một hoạt động quản trị thường xuyên, có hệ thống và có tính ràng buộc hành động. Đối thoại không chỉ là biểu hiện của thiện chí, mà phải trở thành một thiết chế minh bạch – nơi chính quyền lắng nghe, phản hồi và chịu trách nhiệm trước công dân. Trong cơ chế đó, mỗi phản ánh của người dân không bị chìm vào im lặng, mà được tiếp nhận như một chỉ báo chính trị, một chất liệu cải cách, và một thước đo về sự trưởng thành thể chế.

Tựu trung, phát huy vai trò xã hội trong kiểm soát quyền lực chính là đưa dân chủ từ nguyên lý thành thực hành; là biến người dân từ đối tượng bị cai trị thành chủ thể đồng kiến tạo quản trị. Khi xã hội có năng lực giám sát và được bảo đảm quyền lực phản biện,



thì quyền lực nhà nước mới được “giữ trong giới hạn chính nghĩa” – nơi nó phục vụ, chứ không thống trị, nơi nó được kiểm soát, chứ không tự phóng chiếu chính nó.

## **5. Kết luận**

Kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa trong quản lý hành chính nhà nước không đơn thuần là một kỹ thuật quản lý, mà là cốt lõi triết lý của một nền hành chính hiện đại, pháp quyền và vì dân. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, hai nguyên tắc này vừa là mục tiêu chiến lược, vừa là phương thức vận hành để đảm bảo rằng quyền lực công không trở thành công cụ của đặc quyền, mà là phương tiện phụng sự lợi ích chung.

Bản chất của tham nhũng và tha hóa quyền lực không nằm ở chỗ “quyền lực tồn tại”, mà ở chỗ quyền lực không bị kiểm soát, không phải giải trình và không bị giám sát bởi xã hội. Khi quyền lực được đặt trong khuôn khổ pháp luật, vận hành minh bạch và chịu sự giám sát hiệu quả – không chỉ từ bên trong bộ máy mà còn từ bên ngoài hệ thống nhà nước – thì nguy cơ lạm quyền, tư lợi cá nhân, và tha hóa đạo đức công vụ sẽ bị giới hạn ở mức thấp nhất.

Do đó, phòng chống tham nhũng bền vững không thể chỉ dựa vào xử lý hậu quả hay tăng cường trừng phạt, mà phải được tiếp cận như một quá trình phòng ngừa có hệ thống, bắt đầu từ việc tái cấu trúc quyền lực theo hướng có trách nhiệm, có minh bạch và có cơ chế tự điều chỉnh. Cần chuyển từ tư duy "phản ứng sau khi xảy ra sai phạm" sang một tư duy hành chính tiến bộ hơn: chủ động kiến tạo môi trường không thể, không muốn và không dám tham nhũng, thông qua thiết lập một nền quản trị công liêm chính, công khai và gắn bó chặt chẽ với người dân.

Nói cách khác, kiểm soát quyền lực và minh bạch hóa chính là điều kiện tồn tại của một nền hành chính đáng tin cậy – nơi nhà nước không đứng “trên” xã hội, mà nằm “trong” xã hội, vận hành bằng lý trí pháp quyền và sự giám sát của công luận. Chỉ khi đó, cải cách hành chính mới không còn là lời hứa, mà trở thành nền tảng cho một nhà nước phát triển – hiệu quả – và công bằng.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Chính phủ. (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi)*, số 36/2018/QH14, ban hành ngày 20/11/2018, có hiệu lực từ ngày 01/7/2019.

3. Chính phủ. (2016). *Luật Tiếp cận thông tin*, số 104/2016/QH13, ban hành ngày 06/4/2016, có hiệu lực từ ngày 01/7/2018.
4. Nguyễn Hồng Hải. (2022). Kiểm soát quyền lực trong bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (3).
5. Nguyễn Sĩ Dũng. (2020). Minh bạch – yêu cầu cốt lõi của quản trị hiện đại. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (297).
6. Phạm Duy Nghĩa. (2019). Quản trị công và kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (20).
7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. (2022). *Báo cáo tổng kết 3 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018*. Văn phòng Quốc hội.
8. Trần Ngọc Đường. (2021). Kiểm soát quyền lực nhà nước – vấn đề có tính nguyên lý trong xây dựng Nhà nước pháp quyền. *Tạp chí Cộng sản*, (951).
9. UNDP Việt Nam. (2021). *Governance and Anti-Corruption Reform in Vietnam: Assessment and Recommendations*. UNDP Policy Report.
10. World Bank. (2020). *Enhancing Government Effectiveness and Transparency: The Fight Against Corruption*. World Bank Publications.

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC - KINH NGHIỆM Ở MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

*ThS. Phạm Hồng Đạc<sup>205</sup>*

*Tham nhũng, tiêu cực và lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước là những thách thức phổ biến, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của các quốc gia trên toàn cầu. Ở nhiều quốc gia đang phát triển và kém phát triển, tham nhũng có tính hệ thống, bám rễ sâu trong các thiết chế hành chính nhà nước, làm chậm tiến trình cải cách và gia tăng bất bình đẳng xã hội. Vì lý do đó việc phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trở thành nhiệm vụ cấp thiết cho mỗi quốc gia nhất là những quốc gia đang trên đà phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc phòng chống tham nhũng chỉ thực sự hiệu quả khi có sự kết hợp giữa ý chí chính trị mạnh mẽ, nền tảng pháp lý vững chắc, cơ chế kiểm tra - giám sát độc lập, vai trò tích cực của xã hội dân sự và ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý hành chính nhà nước. Bài viết sau đây bàn về việc ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước, đồng thời trình bày kinh nghiệm ở một số nước và bài học rút ra cho Việt Nam*

## **I. Khái quát**

Tham nhũng là những hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, gây thất thoát tài sản công, làm suy giảm niềm tin của người dân đối với chính quyền và phá hoại nền tảng quản trị quốc gia. Trên thế giới, tình trạng tham nhũng diễn ra dưới nhiều hình thức như: hối lộ, biển thủ công quỹ, lợi dụng quyền lực để thao túng chính sách, gian lận trong đấu thầu, cấp phép, tuyển dụng công chức.... Không chỉ tham nhũng, các biểu hiện tiêu cực và lãng phí như chi tiêu công thiếu hiệu quả, dự án “ma”, tình trạng phình to bộ máy hành chính cũng đang gây thất thoát lớn cho ngân sách quốc gia, làm giảm hiệu quả quản lý và cung cấp dịch vụ công.

Nhiều quốc gia đã có những nỗ lực mạnh mẽ nhằm phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí, bằng cách ban hành khung pháp lý chặt chẽ, thành lập các cơ quan độc lập chống tham nhũng, tăng cường tính minh bạch và ứng dụng công nghệ trong quản lý hành chính. Các mô hình như Chính phủ điện tử, công khai dữ liệu tài chính, quy trình

---

<sup>205</sup> Thạc sỹ, giảng viên Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. HCM

đầu thầu trực tuyến, sử dụng Blockchain để quản lý hồ sơ công... đang dần chứng minh hiệu quả ở những nước như Singapore, Hàn Quốc, Estonia.

## **II. Thực trạng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam**

Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực mạnh mẽ trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí. Tuy nhiên, thực trạng cho thấy, những hiện tượng này vẫn tồn tại ở nhiều cấp, nhiều ngành, gây bức xúc trong xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với bộ máy nhà nước, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, và ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín quốc gia trên trường quốc tế. Từ các vụ tham nhũng lớn liên quan đến lãnh đạo cấp cao trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư công, y tế, giáo dục... vẫn tiếp tục bị phát hiện và xử lý cho đến tình trạng "tham nhũng vặt" trong các lĩnh vực tiếp xúc trực tiếp với người dân như cấp giấy phép, đăng ký kinh doanh, y tế, giáo dục, đất đai còn phổ biến cho thấy tính chất phức tạp và nghiêm trọng của tham nhũng.

Theo báo cáo của Ban Nội chính Trung ương, năm 2023, đã có hàng trăm vụ việc tham nhũng, tiêu cực bị phát hiện và xử lý, trong đó có nhiều vụ việc quy mô lớn liên quan đến lãnh đạo cấp cao. Tổng Thanh tra Chính phủ cho biết, qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi hàng chục nghìn tỷ đồng do sai phạm, lãng phí trong quản lý tài chính và đầu tư công. Năm 2023, Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam được Transparency International xếp hạng 77/180 quốc gia, với 41/100 điểm - cho thấy Việt Nam đã có cải thiện nhưng còn nhiều thách thức.

Bên cạnh tham nhũng thì một số biểu hiện tiêu cực cũng còn khá phổ biến ở Việt Nam đó là: Bộ nhiệm cán bộ không đúng quy trình, chạy chức, chạy quyền, lợi ích nhóm; Các hành vi lạm dụng quyền lực để trục lợi cá nhân hoặc cho nhóm lợi ích riêng.

Mặc có nhiều nỗ lực cải cách hành chính, tình trạng sử dụng nguồn lực công không hiệu quả vẫn diễn ra trên nhiều lĩnh vực gây ra tình trạng lãng phí trong quản lý hành chính: Nhiều dự án hạ tầng bị đội vốn, chậm tiến độ, hoặc xây dựng xong nhưng không phát huy hiệu quả sử dụng, gây thất thoát lớn cho ngân sách nhà nước thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng. Chi tiêu ngân sách hành chính lãng phí cũng là vấn đề đáng báo động, thể hiện qua việc tổ chức hội nghị, lễ kỷ niệm rầm rộ, công tác nước ngoài tràn lan, hoặc mua sắm tài sản công vượt quá nhu cầu thực tế. Một số địa phương và đơn vị còn tồn tại tâm lý "không tiêu hết ngân sách thì bị cắt giảm năm sau", dẫn tới tình trạng chi tiêu cuối năm thiếu kiểm soát. Ngoài ra quản lý tài sản công chưa chặt chẽ cũng gây ra lãng phí lớn. Đất

đai, trụ sở, xe công... bị sử dụng sai mục đích, để hoang hóa hoặc cho thuê, liên doanh trái quy định mà không đem lại nguồn thu chính đáng cho ngân sách. Nguyên nhân của tình trạng này đến từ nhiều phía: ý thức trách nhiệm công vụ chưa cao, cơ chế quản lý - giám sát chưa hiệu quả, chế tài xử lý vi phạm còn nhẹ, và việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài sản công còn hạn chế.

Để khắc phục tình trạng lãng phí, cần đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ trong quản lý tài sản công, tăng cường giám sát chi tiêu ngân sách, và siết chặt trách nhiệm cá nhân, tổ chức gây ra lãng phí. Đây là điều kiện cần thiết để xây dựng một nền hành chính nhà nước liêm chính, hiệu quả, phục vụ phát triển bền vững.

### **III. Vai trò của công nghệ trong phòng, chống tham nhũng**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ đã và đang trở thành công cụ đột phá trong việc nâng cao tính minh bạch, cải thiện hiệu quả quản lý và phòng chống tham nhũng trong khu vực hành chính nhà nước. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2020), "Công nghệ thông tin và truyền thông là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất để thúc đẩy sự minh bạch, gia tăng trách nhiệm giải trình và giảm thiểu tham nhũng."

Trước đây, việc thiếu minh bạch, khó tiếp cận thông tin và quy trình quản lý phức tạp đã tạo điều kiện cho tham nhũng nảy sinh. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của các mô hình Chính phủ điện tử, dữ liệu mở (open data), trí tuệ nhân tạo (AI), Blockchain và Big Data, những hạn chế này đang dần được khắc phục. Công nghệ cho phép số hóa toàn bộ quá trình xử lý công việc hành chính, từ tiếp nhận hồ sơ, xử lý nội bộ đến trả kết quả dịch vụ công, từ đó giảm thiểu sự tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân — môi trường vốn tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng. Cụ thể, việc ứng dụng Blockchain trong quản lý đất đai và hồ sơ tài sản công giúp đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu, chống sửa đổi, gian lận. Trong khi đó, trí tuệ nhân tạo và Big Data hỗ trợ cơ quan chức năng phân tích khối lượng lớn dữ liệu để phát hiện những bất thường tài chính, từ đó nhanh chóng nhận diện các hành vi tham nhũng tiềm tàng.

Nhiều quốc gia trên thế giới đã đạt được thành tựu nổi bật nhờ ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý và phòng chống tham nhũng. Ở Hàn Quốc, sau khi triển khai hệ thống OPEN (Online Procedures Enhancement for Civil Applications) - nền tảng công khai các quy trình xử lý yêu cầu hành chính thì số lượng đơn khiếu nại liên quan đến tham nhũng đã giảm tới 46% chỉ sau ba năm (OECD, 2020). Tại Singapore, toàn bộ quy trình

đấu thầu và mua sắm công đều được thực hiện thông qua hệ thống e-Procurement Portal, giúp giảm 25% chi phí quản lý và nâng cao niềm tin của doanh nghiệp vào sự công bằng.

Một mô hình đặc biệt tiêu biểu là Estonia với chiến lược "Chính phủ điện tử toàn diện". Khoảng 99% dịch vụ công tại nước này hiện đã được thực hiện trực tuyến, với ứng dụng Blockchain giúp đảm bảo bảo mật và minh bạch dữ liệu cá nhân. Công dân Estonia còn có thể theo dõi bất kỳ ai đã truy cập hồ sơ cá nhân của họ, góp phần xây dựng nền hành chính công khai, trách nhiệm và liêm chính.

Ngay cả tại Rwanda, một quốc gia đang phát triển ở châu Phi, việc ứng dụng hệ thống quản lý tài chính điện tử IFMIS đã giúp chính phủ tiết kiệm hàng triệu USD ngân sách mỗi năm và giảm đáng kể các hành vi gian lận tài chính (World Bank, 2022).

Tuy nhiên, Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International, 2022) lưu ý rằng: "Sự kết hợp giữa công nghệ và quản trị tốt mới có thể biến các chính phủ trở nên dễ tiếp cận hơn, đáng tin cậy hơn và ít bị tham nhũng hơn." Công nghệ chỉ là công cụ, thành công phụ thuộc vào việc đầu tư hạ tầng số, đảm bảo an ninh mạng, xây dựng khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, đào tạo nguồn nhân lực số và đặc biệt, nuôi dưỡng một nền văn hóa hành chính minh bạch và liêm chính.

Công nghệ đã mở ra cơ hội lớn cho các quốc gia trong cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí. Vấn đề còn lại là mỗi chính phủ cần có chiến lược dài hạn, quyết tâm chính trị mạnh mẽ và sự đồng lòng của toàn xã hội để biến cơ hội đó thành hiện thực. Các quốc gia cần chú trọng đầu tư hạ tầng số, bảo đảm an ninh mạng, đồng thời xây dựng các thể chế phù hợp, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực số cao và phát triển văn hóa minh bạch trong hoạt động công quyền.

#### **IV. Kinh nghiệm ứng dụng công nghệ phòng, chống tham nhũng ở một số nước**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa mạnh mẽ, nhiều quốc gia đã chủ động ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng, lãng phí và đã đạt được những kết quả rất tốt:

Tại Singapore, chính phủ triển khai mạnh mẽ chính phủ điện tử, từ cấp phép, thuế, đến đấu thầu công đều thực hiện trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp và giảm nguy cơ tham nhũng. Cơ quan điều tra tham nhũng (CPIB) cũng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để phát hiện dấu hiệu bất thường trong tài sản, chi tiêu của cán bộ. Vì là đất nước có trình độ phát triển cao nên Chính phủ đã được số hóa toàn

diện, mọi giao dịch đều có thể kiểm tra, đồng thời hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, sử dụng AI trong quá trình kiểm soát mọi hoạt động.

Hàn Quốc với sức mạnh vượt trội về công nghệ đã xây dựng được rất nhiều hệ thống thông tin để giúp người dân thực hiện hầu hết các dịch vụ công trực tuyến, minh bạch hóa thông tin qua đó làm giảm tham nhũng, tiêu cực. Một số hệ thống tiêu biểu có thể kể đến như hệ thống e-People cho phép người dân trực tiếp gửi đơn thư tố cáo, khiếu nại về tham nhũng qua mạng. Hệ thống Clean Portal công khai thông tin ngân sách và các dự án đầu tư công, giúp toàn xã hội giám sát. Hệ thống quản lý tài sản công bằng công nghệ số (OPEN system) ngoài ra còn có các ứng dụng ICT trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Estonia, quốc gia tiên phong về chính phủ số, ứng dụng công nghệ blockchain để bảo mật và minh bạch hóa dữ liệu hành chính, đảm bảo rằng các thông tin tài chính, đất đai, tài sản công không thể bị chỉnh sửa trái phép. Điểm nổi bật của Estonia là Chính phủ gần như số hóa hoàn toàn, 99% dịch vụ công thực hiện online, ngoài ra hệ thống E-Residency cho phép người nước ngoài cũng có thể đăng ký kinh doanh, tiếp cận chính phủ điện tử Estonia.

Thái Lan, một quốc gia Đông Nam Á cũng đã có nhiều thành tựu trong việc ứng dụng công nghệ nhằm phòng chống tham nhũng và lãng phí. Thái Lan đã xây dựng nhiều hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như hệ thống Government Procurement System (e-GP) – nền tảng đấu thầu công điện tử nhằm công khai toàn bộ quy trình mua sắm, đấu thầu tài sản nhà nước. Điều này giúp hạn chế "xin-cho", đấu thầu "quân xanh quân đỏ", tăng tính minh bạch. Bên cạnh đó chính phủ Thái Lan còn triển khai Corruption Watch App – ứng dụng di động cho phép người dân phản ánh các hành vi tham nhũng hoặc chi tiêu bất hợp lý, kèm theo hình ảnh, video minh chứng và họ có hệ thống bảo vệ danh tính người tố cáo thông qua nền tảng công nghệ bảo mật thông tin.

Nhìn chung, điểm chung của các quốc gia thành công là đẩy mạnh số hóa quy trình hành chính, công khai dữ liệu để người dân tham gia giám sát, đồng thời ứng dụng AI, Big Data và Blockchain để tự động hóa phát hiện và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí. Những bài học này cho thấy, ứng dụng công nghệ là xu hướng tất yếu trong cuộc chiến chống tham nhũng, góp phần xây dựng một nền hành chính minh bạch và hiệu quả hơn.

## **V. Kinh nghiệm và đề xuất cho Việt Nam**

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính nhằm hiện đại hóa nền hành chính công, nâng cao hiệu quả phục

vụ người dân và doanh nghiệp. Các chương trình lớn như Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số quốc gia đã được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Nhiều cơ quan nhà nước đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, cho phép người dân thực hiện thủ tục hành chính qua mạng mà không cần đến trực tiếp. Cổng Dịch vụ công quốc gia ([dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn)) đã tích hợp hàng nghìn thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, nộp hồ sơ, thanh toán lệ phí trực tuyến. Bên cạnh đó, các nền tảng số như hệ thống quản lý văn bản điện tử, cổng thông tin điện tử của các bộ, ngành và địa phương đã giúp tăng cường tính minh bạch, cải thiện tốc độ xử lý công việc nội bộ. Một số địa phương như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế đi đầu trong việc xây dựng mô hình "Chính quyền điện tử", thậm chí tiến tới "Chính quyền số".

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý hành chính ở Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế:

- Chất lượng dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều giữa các địa phương.
- Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số còn thấp, do thói quen và kỹ năng số chưa phổ biến.
- Hệ thống dữ liệu chưa kết nối liên thông hoàn chỉnh giữa các bộ, ngành.
- An toàn, an ninh mạng còn nhiều thách thức, nguy cơ lộ lọt thông tin cá nhân.

Để nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng, lãng phí trong bối cảnh chuyển đổi số, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp sau:

*Một là*, hoàn thiện hạ tầng công nghệ số trong khu vực công bao gồm đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt ở các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, thuế, hải quan, đầu tư công và thực hiện liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương nhằm minh bạch hóa thông tin và hỗ trợ phát hiện dấu hiệu bất thường.

*Hai là*, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Triển khai rộng rãi dịch vụ công mức độ 4 để giảm tiếp xúc trực tiếp giữa người dân và cán bộ. Tăng cường công khai, minh bạch quy trình xử lý thủ tục hành chính trên các nền tảng số.

*Ba là*, ứng dụng mạnh mẽ AI, Big Data, Blockchain trong giám sát và cảnh báo sớm. Sử dụng AI để tự động phân tích hành vi, chỉ tiêu bất thường của cán bộ, tổ chức. Ứng dụng Blockchain để bảo vệ tính toàn vẹn dữ liệu hành chính, ngân sách, tài sản công. Khai thác Big Data để xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các nguy cơ tham nhũng, lãng phí.

*Bốn là*, xây dựng hệ thống phản ánh, tố cáo tham nhũng qua nền tảng số: Triển khai ứng dụng di động và cổng điện tử cho phép người dân phản ánh hành vi tham nhũng, lãng



phí một cách dễ dàng, bảo mật và ẩn danh. Xây dựng cơ chế bảo vệ người tố cáo thông qua công nghệ bảo mật thông tin.

*Năm là*, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân: Tổ chức đào tạo, tập huấn thường xuyên về kỹ năng sử dụng công nghệ trong công tác phòng chống tham nhũng cho cán bộ các cấp. Đẩy mạnh truyền thông số, giáo dục cộng đồng về quyền được tiếp cận và giám sát thông tin công bằng công nghệ.

*Sáu là*, tăng cường an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu: Xây dựng hệ thống bảo mật đa lớp cho các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đảm bảo quyền riêng tư của người dân trong các hệ thống phản ánh, giám sát hành vi tham nhũng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Nội chính Trung ương. (2024). *Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023*.
- [2] Thanh tra Chính phủ. (2023). *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.
- [3] OECD. (2020). *Enhancing Integrity in Public Procurement*. OECD Publishing.
- [4] Transparency International. (2022). *Corruption Perceptions Index 2022*. Retrieved from <https://www.transparency.org>
- [5] Transparency International. (2024). *Corruption Perceptions Index 2023*. Retrieved from <https://www.transparency.org>
- [6] World Bank. (2020). *Information and Communications for Development 2020: Data-Driven Development*. World Bank Group.
- [7] World Bank. (2022). *Rwanda Economic Update: Accelerating Digital Transformation for Inclusive Growth*. World Bank Group.

# THỰC HÀNH LIÊM CHÍNH CÔNG VỤ GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

*Dương Cao Tâm*<sup>206</sup>

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đất nước ta đang bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa lâu dài. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”. Liêm chính công vụ không chỉ là tiêu chuẩn đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức mà còn là công cụ phòng ngừa tham nhũng hữu hiệu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân.

**Từ khoá:** liêm chính, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

## I. Một số khái quát về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và liêm chính công vụ

### 1. Các khái niệm

**Tham nhũng:** Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, khoản 1 Điều 3 định nghĩa “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.”. Vụ lợi có thể là lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng. Tham nhũng là một loại hành vi tiêu cực do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, các hành vi tham nhũng phổ biến là: Tham ô tài sản; nhận hối lộ; lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi... Đồng thời đây cũng một loại biểu hiện cụ thể của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống phá hoại lòng tin của nhân dân, làm suy yếu hiệu quả quản lý công, gây thất thoát tài sản, ảnh hưởng đến phát triển bền vững kinh tế và ổn định chính trị-xã hội.

---

<sup>206</sup> Chuyên viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp

**Lãng phí:** Thuật ngữ “lãng phí” cũng được quy định cụ thể trong Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, theo khoản 2, Điều 3 của luật này “Lãng phí là việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên không hiệu quả. Đối với lĩnh vực đã có định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì lãng phí là việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn nhà nước, tài sản nhà nước, lao động, thời gian lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ hoặc không đạt mục tiêu đã định”. Nói cách khác, lãng phí xảy ra khi nguồn lực công không được sử dụng đúng mức, đúng mục đích, gây hao tổn mà không đem lại kết quả tương xứng. Lãng phí có thể không mang tính vụ lợi cá nhân rõ như tham nhũng, nhưng hậu quả cũng làm thất thoát nguồn lực, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội và xói mòn niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, chế độ.

**Tiêu cực:** Các hành vi lệch chuẩn, vi phạm đạo đức công vụ, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Theo Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực về một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực, thì tiêu cực được hiểu là “Tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là những hành vi trái với Điều lệ, Cương lĩnh, nghị quyết, quy chế, quy định, chỉ thị, kết luận,... của Đảng (gọi chung là chủ trương, đường lối, quy định của Đảng), pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; các chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, Nhà nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, làm giảm sút niềm tin của nhân dân, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, biểu hiện rõ nét nhất của tiêu cực là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị”.

**Liên chính công vụ:** là phẩm chất và hành vi của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ, thể hiện ở sự trung thực, minh bạch, công bằng; tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; đặt lợi ích công lên trên lợi ích cá nhân,

kiên quyết không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi dưới bất kỳ hình thức nào. Liêm chính công vụ chính là yếu tố nền tảng để: (1) Ngăn chặn hành vi lợi dụng quyền lực vì lợi ích cá nhân; (2) Bảo đảm tính minh bạch, công bằng, hiệu quả trong quản lý hành chính; (3) Xây dựng hình ảnh một Chính phủ kiến tạo, phục vụ nhân dân.

## **2. Môi quan hệ giữa liêm chính công vụ và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

**Liêm chính công vụ là nền tảng đạo đức để phòng ngừa vi phạm:** Liêm chính công vụ thể hiện phẩm chất trung thực, minh bạch, công bằng của cán bộ, công chức, viên chức. Khi đội ngũ công chức giữ vững liêm chính, nguy cơ phát sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được giảm ngay từ gốc, vì không còn động cơ hoặc môi trường cho hành vi vụ lợi. Đây là phòng ngừa mang tính chủ động nhằm ngăn chặn trước khi vi phạm xảy ra, thay vì chỉ xử lý khi sự việc đã phát sinh.

**Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bảo vệ môi trường liêm chính:** Các cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống tiêu cực (minh bạch tài sản, kiểm soát xung đột lợi ích, tăng trách nhiệm giải trình) giúp giữ cho bộ máy công quyền trong sạch. Khi hành vi vi phạm bị phát hiện và xử lý nghiêm minh, sẽ tạo hiệu ứng răn đe và khuyến khích cán bộ thực hành liêm chính. Nói cách khác, việc phòng, chống vừa là “hàng rào pháp lý” vừa là “tấm khiên bảo vệ” văn hóa liêm chính.

### **Mối quan hệ bổ trợ, tương hỗ:**

Liêm chính công vụ: thuộc tầng đạo đức – văn hóa → định hướng hành vi, giá trị của cá nhân và tổ chức.

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: thuộc tầng pháp lý – thể chế → kiểm soát hành vi, xử lý sai phạm. Cả hai kết hợp tạo nên môi trường quản lý hành chính minh bạch, hiệu quả, vừa “giáo dục” vừa “răn đe”, vừa “phòng” vừa “chống”.

### **Hệ quả khi thiếu một trong hai yếu tố:**

Nếu chỉ có liêm chính (ý thức) mà thiếu cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống tiêu cực mạnh mẽ → dễ xảy ra vi phạm vì thiếu ràng buộc pháp lý.

Nếu chỉ có phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống tiêu cực (cưỡng chế pháp luật) mà không xây dựng văn hóa liêm chính → cán bộ, công chức có thể “né luật” bằng cách lợi dụng kẽ hở, hành vi tiêu cực vẫn tiềm ẩn.

**\*Sơ đồ mô hình mối quan hệ**

**LIÊM CHÍNH CÔNG VỤ (Ý THỨC, ĐẠO ĐỨC)**

**PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG – LÃNG PHÍ – TIÊU CỰC**

\*

Hai mũi tên ngược chiều cho thấy sự tác động qua lại:

(1) Liêm chính giúp phòng ngừa và giảm gánh nặng cho phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(2) Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực giúp giữ gìn, củng cố môi trường liêm chính.

## **II. Thực trạng thực hành liêm chính công vụ tại Việt Nam**

### **1. Kết quả đạt được**

**Thứ nhất, khung pháp lý ngày càng hoàn thiện:** Ban hành và sửa đổi nhiều văn bản quan trọng: Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), Luật Cán bộ, công chức (năm 2008, sửa đổi năm 2019), các nghị định về minh bạch tài sản, thu nhập, xử lý xung đột lợi ích, quy tắc ứng xử trong công... đã tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy liêm chính, tăng thẩm quyền và năng lực cho cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra.

### **Thứ hai, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm tăng cường:**

Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Kiểm tra các cấp, cơ quan điều tra đã phối hợp chặt chẽ, giúp phát hiện sai phạm sớm hơn. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát điều tra ở tất cả lĩnh vực nhất là ở lĩnh vực nhạy cảm: trong

hoạt động đấu thầu, đấu giá tài sản và mua sắm, đầu tư công (nhất là các lĩnh vực bảo hiểm, y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng; trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai; trong hoạt động đăng kiểm; trong thực hiện chính sách xã hội; tham nhũng, tiêu cực liên quan đến dịch bệnh Covid-19...), cấp các loại giấy phép (khai thác khoáng sản, kinh doanh xăng dầu, kiểm dịch động, thực vật, an toàn vệ sinh thực phẩm; đào tạo, sát hạch lái xe...); trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, đầu tư xây dựng tại các doanh nghiệp; trong lĩnh vực hải quan, thuế; tham nhũng chính sách và lĩnh vực khác...

Ngoài ra, thời gian qua một số bộ, ngành và địa phương như: Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đà Nẵng... đã chủ động công khai kết luận thanh tra, kiểm tra trên cổng thông tin điện tử. Việc công khai này không chỉ giúp người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính thống, mà còn tạo cơ chế giám sát xã hội, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và hạn chế nguy cơ bao che, bỏ lọt sai phạm.

**Thứ ba, siết chặt quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức:**

Luật Cán bộ, công chức (2008, sửa đổi 2019), Nghị định 138/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, các quy định về thi tuyển lãnh đạo, quản lý... đã tạo hành lang pháp lý tương đối rõ ràng. Tuyển dụng cạnh tranh hơn trước, một số địa phương, bộ, ngành đã tổ chức thi tuyển công khai vào vị trí lãnh đạo, quản lý. Thông qua việc thi tuyển nhằm phát hiện, thu hút, trọng dụng những người có đức, có tài, phát huy được phẩm chất, trình độ, năng lực, kinh nghiệm để đóng góp sức lực, trí tuệ cho sự phát triển bền vững của khu vực công, điển hình như:

| <b>Đơn vị triển khai</b> | <b>Nội dung chính</b>                                                                                                          |
|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TP.Hồ Chí Minh           | Thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Sở – lần đầu với quy trình minh bạch, yêu cầu thi có tối thiểu 2 ứng viên            |
| Bộ Nội vụ                | Thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Vụ dựa trên yêu cầu năng lực, quy hoạch và tiêu chuẩn được kiểm định chặt chẽ |

|                 |                                                                                                    |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mô hình mở rộng | Tiếp tục khuyến khích thí điểm áp dụng tại nhiều Bộ, ngành và địa phương theo hướng dẫn Bộ Nội vụ. |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|

Ngoài ra, công tác luân chuyển cán bộ, công chức được tăng cường để phòng ngừa tiêu cực giữa các lĩnh vực, địa bàn nhằm rèn luyện, đồng thời hạn chế việc “cắm rễ” quá lâu ở vị trí nhạy cảm. Nhiều cơ quan đăng tải công khai kế hoạch tuyển dụng, tiêu chuẩn chức danh, kết quả thi tuyển trên cổng thông tin điện tử, phương tiện truyền thông đại chúng.

#### **Thứ tư, ứng dụng công nghệ thông tin:**

Theo Nghị quyết 168/NQ-CP năm 2023 của Chính phủ: Ban hành Chiến lược Quốc gia chống tham nhũng đến năm 2030: “Thực hiện chuyển đổi số và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác thanh tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án”. Điều này cho thấy, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà là một trong các giải pháp chiến lược, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình phòng, chống tham nhũng. Việc triển khai Chính phủ điện tử (e-Government) tạo điều kiện giảm tiếp xúc trực tiếp, tăng độ minh bạch và trách nhiệm trong các thủ tục hành chính, qua đó giảm cơ hội cho tiêu cực hay tham nhũng. Cơ quan có thẩm quyền đang xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản và thu nhập của người có chức vụ, giúp phát hiện sớm hành vi tham nhũng, tẩu tán tài sản.

Đặc biệt việc triển khai ứng dụng VNeID (Vietnam Electronic Identification) nền tảng định danh số chính thức, cho phép sử dụng e-ID để: cho phép thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến; ký xác thực điện tử; truy cập dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Các thủ tục hành chính dần chuyển sang hình thức trực tuyến, giúp giảm tiếp xúc trực tiếp và hạn chế nguy cơ nhũng nhiễu. Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến ở nhiều lĩnh vực như đăng ký kinh doanh, nộp thuế, cấp giấy phép xây dựng, đăng ký đất đai... đã giúp giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức thực thi công vụ. Điều này giúp minh bạch hóa việc xử lý hồ sơ, tiết kiệm thời gian, chi phí cho xã hội mà còn góp phần hạn chế nguy cơ nhũng nhiễu, “chi phí không chính thức”, qua đó tăng cường tính minh bạch và liêm chính của bộ máy hành chính.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

**Một là, về thể chế, chính sách:** Một số quy định về liêm chính, minh bạch tài sản, thu nhập, xung đột lợi ích chưa đủ rõ ràng, khó áp dụng hoặc còn chồng chéo. Mức xử phạt hành chính hoặc kỷ luật trong một số trường hợp còn nhẹ, dẫn tới tình trạng “nhờn luật”. Nhiều vụ việc tố cáo bị lộ thông tin, khiến người tố cáo bị trù dập hoặc mất an toàn.

**Hai là, về tổ chức bộ máy và kiểm soát quyền lực:** Nhiều cơ quan chưa thực hiện đầy đủ các biện pháp giám sát nội bộ; cơ chế “tự kiểm tra, tự xử lý” dễ dẫn đến nể nang, né tránh. Chồng chéo về chức năng giám sát giữa các cơ quan, dẫn đến hiệu quả kiểm tra, thanh tra chưa cao. Một số cán bộ, công chức không cung cấp hoặc chậm cung cấp thông tin khi bị yêu cầu giải trình.

**Ba là, về đạo đức và văn hóa công vụ:** Một bộ phận cán bộ, công chức vẫn coi liêm chính là khẩu hiệu, chưa trở thành giá trị cốt lõi trong hành xử. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi cá nhân, những nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính, “lót tay”, “bôi trơn” vẫn xảy ra. Một số lãnh đạo còn tư duy nhiệm kỳ, ưu tiên lợi ích cá nhân, cục bộ hơn lợi ích công.

**Bốn là, về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:** Thanh tra, kiểm tra chưa thường xuyên, kịp thời và chưa được giám sát chặt chẽ, dẫn tới sai phạm kéo dài. Chưa gắn kết quả thanh tra với trách nhiệm người đứng đầu, một số vi phạm xảy ra nhưng xử lý trách nhiệm lãnh đạo còn nhẹ hoặc bỏ sót. Nhiều quy trình quản lý, giải quyết công việc chưa được số hóa, tạo kẽ hở cho tiêu cực.

**Năm là, về sự tham gia của xã hội:** Người dân và báo chí chưa được tạo điều kiện thuận lợi để giám sát hoạt động công vụ, nhất là việc tiếp cận thông tin. Ý thức pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, dẫn tới tâm lý e ngại, né tránh khi phát hiện tham nhũng, tiêu cực.

## **3. Nguyên nhân**

### **Một là, nguyên nhân khách quan**

Một số quy định về minh bạch tài sản, kiểm soát xung đột lợi ích, trách nhiệm giải trình chưa đủ rõ hoặc thiếu cơ chế thực thi hiệu quả. Quy định pháp luật ở một số lĩnh vực



còn chồng chéo, tạo kẽ hở cho việc lợi dụng. Giám sát của nhân dân và báo chí chưa được phát huy hết do hạn chế về quyền tiếp cận thông tin. Chưa có hệ thống dữ liệu mở để người dân, tổ chức xã hội tham gia giám sát trực tiếp. Áp lực và cám dỗ từ môi trường kinh tế – xã hội như chênh lệch thu nhập giữa khu vực công và tư tạo áp lực kinh tế cho một số cán bộ, công chức. Quan hệ xã hội, tập quán “quà cáp, biếu xén” vẫn còn phổ biến trong một số môi trường làm việc.

### **Hai là, nguyên nhân chủ quan**

Một bộ phận cán bộ, công chức chưa coi liêm chính là chuẩn mực bắt buộc, dẫn đến hành vi những nhiễu, vụ lợi. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đôi lúc ở một số nơi chưa thực sự minh bạch, còn hiện tượng “chạy chức, chạy quyền”, bổ nhiệm người không đủ tiêu chuẩn. Việc phát hiện và xử lý vi phạm chưa kịp thời; chế tài xử lý còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe. Thu hồi tài sản tham nhũng đạt tỷ lệ thấp, tạo tâm lý “phạm nhưng vẫn có lợi”. Nội dung đào tạo đạo đức công vụ, phòng chống tham nhũng chưa được lồng ghép chặt chẽ, chưa tạo chuyển biến sâu rộng trong nhận thức và hành vi.

Nguyên nhân của thực trạng thực hành liêm chính công vụ xuất phát từ **cả yếu tố thể chế lẫn yếu tố con người**. Trong đó, hạn chế về minh bạch, giám sát và công tác cán bộ là những điểm nghẽn lớn cần tháo gỡ để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

## **III. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành liêm chính công vụ đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực công tác quản lý hành chính nhà nước**

### **1. Hoàn thiện thể chế, pháp luật và tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực**

#### **Một là, rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống pháp luật**

**Đảm bảo đồng bộ, minh bạch, khả thi:** Loại bỏ những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, tạo kẽ hở cho tham nhũng, tiêu cực; bổ sung các quy định rõ ràng về trách nhiệm và quyền hạn của từng vị trí trong bộ máy hành chính. Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống luật pháp sao cho chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất tránh tạo kẽ hở cho người xấu “lách luật” trục lợi. Đặc biệt, sớm ban hành văn bản luật riêng liên quan về đạo đức công vụ, đạo đức cán bộ, công chức bởi các quy định về vấn đề này hiện đang nằm đơn lẻ, phân tán trong các luật khác nhau và chưa có sự thống nhất và đầy đủ.

**Luật hóa các chuẩn mực liêm chính công vụ:** Bổ sung các quy định bắt buộc kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập; quy định trách nhiệm giải trình bắt buộc đối với mọi quyết định quản lý, đặc biệt là quyết định liên quan đến ngân sách, tài sản công, đất đai, đầu tư công. Cũng cần sớm ban hành “*Luật Kê khai tài sản*” để phát hiện các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Việc giao quyền, phân quyền cho cán bộ, công chức phải đi đôi với tăng cường cơ chế trách nhiệm giải trình và chế tài đủ mạnh để buộc cán bộ, công chức phải thực hành liêm chính công vụ. Siết chặt các lĩnh vực nhạy cảm như đấu thầu, cấp phép, quản lý đất đai, thu – chi ngân sách... bằng các quy trình pháp lý chặt chẽ, tiêu chuẩn rõ ràng và giám sát đa tầng.

### **Hai là, tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực**

Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ số, việc thiết lập một hệ thống giám sát phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vừa toàn diện, vừa hiệu quả, trở thành nhiệm vụ cấp thiết để bảo đảm quyền lực nhà nước được thực thi đúng đắn, minh bạch và vì lợi ích chung. Đẩy mạnh phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm giữa các cấp, các ngành để tránh tập trung quyền lực quá mức hoặc chồng chéo gây khó kiểm soát.

#### **Thiết lập hệ thống giám sát đa tầng, đa chiều:**

- **Giám sát nội bộ:** Thành lập bộ phận kiểm tra, giám sát nội bộ trong mỗi cơ quan, đơn vị, có quyền truy cập hồ sơ, tài liệu phục vụ giám sát. Thực hiện luân chuyển cán bộ, công chức định kỳ tại vị trí nhạy cảm để hạn chế hình thành “lợi ích nhóm”.

- **Giám sát từ cơ quan cấp trên và cơ quan chuyên trách:** Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Kiểm tra Đảng đóng vai trò nòng cốt, thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất. Tăng quyền hạn cho cơ quan thanh tra chuyên ngành trong xử lý vi phạm.

- **Giám sát xã hội:** Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội trong việc thực hiện liêm chính, đạo đức công vụ. Khuyến khích cơ quan báo chí, người dân, doanh nghiệp tham gia phản ánh, tố giác tiêu cực thông qua đường dây nóng, hộp thư điện tử.

### **2. Xây dựng văn hóa liêm chính trong đội ngũ cán bộ, công chức**

**Một là, đưa liêm chính trở thành tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp:** Trong mọi nền công vụ hiện đại, đạo đức nghề nghiệp không chỉ là yêu cầu về phẩm chất cá nhân, mà còn là tiêu chuẩn bắt buộc để bảo đảm bộ máy nhà nước hoạt động vì lợi ích chung. Trong đó, liêm chính – trung thực, công tâm, minh bạch và không vụ lợi – phải trở thành tiêu chuẩn cốt lõi định hướng mọi hành vi và quyết định của cán bộ, công chức. Đưa liêm chính trở thành **tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp** không chỉ là yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng, mà còn là nền tảng để xây dựng một nền hành chính **chuyên nghiệp, minh bạch, liêm chính và phục vụ**. Khi tiêu chuẩn này được thực thi nghiêm túc và đồng bộ, mỗi cán bộ, công chức sẽ trở thành tấm gương về đạo đức công vụ, góp phần đẩy lùi tiêu cực và củng cố niềm tin của Nhân dân.

**Hai là, về tính nêu gương của người đứng đầu:** Lãnh đạo phải “nói đi đôi với làm”, minh bạch trong kê khai tài sản, không dung túng bao che. Trong thời gian qua, không ít người đứng đầu các cấp đã rơi vào sự suy thoái đạo đức và bị xử lý kỷ luật, kể cả bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Người đứng đầu ở các cấp từ trung ương đến địa phương phải thể hiện quyết tâm chính trị cao, đi đầu và gương mẫu trực tiếp trong phòng, chống tham nhũng. Người lãnh đạo cần:

- Tuân thủ nghiêm các quy định về liêm chính, tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí.
- Hành động cụ thể, minh bạch, không chỉ bằng lời nói, mà bằng việc làm công khai, rõ ràng “nói đi đôi với làm”.
- Phải chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, tổ chức nếu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đơn vị mình.

**Ba là, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về liêm chính, đạo đức công vụ:** Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về liêm chính, tận dụng và phát huy tối đa lợi thế của hệ thống các phương tiện truyền thông, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, sâu sắc trong cán bộ, đảng viên, công chức và mọi tầng lớp nhân dân về văn hóa liêm chính, từ đó, góp phần để “không muốn” tham nhũng, tiêu cực, cần quan tâm đến các nhóm giải pháp sau:

| Nhóm giải pháp                          | Nội dung chính                           |
|-----------------------------------------|------------------------------------------|
| Tích hợp giáo dục liêm chính vào chương | Các ngành, đơn vị cần lồng ghép nội dung |

|                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>trình đào tạo chính trị, lý luận</b>                                   | liêm chính, đạo đức công vụ vào chương trình chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên qua các lớp bồi dưỡng, hội nghị, sinh hoạt định kỳ.                                                                                                                                                                           |
| <b>Truyền thông hiệu quả</b>                                              | Đẩy mạnh chương trình truyền thông về văn hóa liêm chính, các gương điển hình trong công vụ trên báo điện tử, truyền hình, mạng xã hội, website cơ quan... đảm bảo thông tin công khai, chính xác, hấp dẫn, nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa, khơi dậy trách nhiệm và tự giác trong cán bộ, công chức.                      |
| <b>Tổ chức các hoạt động sáng tạo – tương tác sinh động</b>               | Hình thức phổ biến như: hội thi viết, tọa đàm, nhập vai, kịch tương tác, phóng sự... đều có sức lan tỏa mạnh, giúp cán bộ dễ tiếp thu và cảm nhận giá trị của liêm chính. Phương pháp này tương tự như giáo dục công dân được tổ chức qua thực hành và vấn đáp, chú trọng phương pháp giáo dục sinh động, tương tác. |
| <b>Tuyên dương, nhân rộng gương sáng</b>                                  | Ghi nhận và tuyên dương các cá nhân, tập thể thực hiện liêm chính, phòng chống tiêu cực bằng hình thức tặng giấy khen, biểu dương trên phương tiện truyền thông, tham gia các hội, nhóm “gương người tốt việc tốt”.                                                                                                  |
| <b>Đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác tuyên truyền</b> | Thiết lập mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên chuyên trách về liêm chính và đạo đức công vụ, tham gia các khóa tập                                                                                                                                                                                             |

|                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                         | huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng truyền đạt.                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>Tăng cường giám sát xã hội và tiếp nhận phản hồi</b> | Mở rộng cơ chế tiếp công dân, đối thoại định kỳ, công khai thông tin, xử lý phản ánh tiêu cực từ nhân dân. Việc này tạo ra không gian mở để người dân, cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên... đề xuất, phản ánh giúp liên chính trở nên thực tiễn và gần gũi hơn. |

### **3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, minh bạch hóa hoạt động công vụ và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, chuyên nghiệp**

#### **Một là, đẩy mạnh cải cách hành chính**

Đẩy mạnh cải cách hành chính góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ công của bộ máy hành chính nhà nước trong bối cảnh hội nhập sâu rộng của nền kinh tế. Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục theo nguyên tắc “chỉ yêu cầu thông tin một lần” đối với cá nhân và tổ chức. Thực hiện chuẩn hóa, số hóa hồ sơ, quy trình để hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân, giảm cơ hội nhũng nhiễu. Triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 ở tất cả các lĩnh vực thiết yếu, hướng tới “chính quyền số”. Áp dụng hệ thống quản lý công việc trực tuyến có chức năng giám sát tiến độ và lưu vết toàn bộ quy trình xử lý hồ sơ. Khai thác trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để phát hiện bất thường, cảnh báo nguy cơ tham nhũng, tiêu cực.

Khi thủ tục hành chính đơn giản, công khai, giám sát chặt chẽ và ứng dụng công nghệ, cơ hội nhũng nhiễu, tiêu cực sẽ giảm mạnh. Cải cách hành chính là “lá chắn” và cũng là “đòn bẫy” để xây dựng một nền hành chính liêm chính, phục vụ: Cải cách hành chính → Giảm thủ tục và quyền lực tập trung → Tăng công khai và giám sát → Hạn chế tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

#### **Hai là, tăng cường minh bạch hoá hoạt động công vụ**

Một số giải pháp tăng cường minh bạch hoá hoạt động công vụ:

| Nhóm giải pháp                                  | Mô tả                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chuẩn hóa dữ liệu và định dạng công khai</b> | Mọi thông tin cần được đăng tải theo định dạng mở, dễ phân tích. Đặc biệt, công khai những thông tin bắt buộc: quy hoạch, dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước; quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm; đấu thầu, mua sắm công, PAR Index, SIPAS, PAPI... công bố rộng rãi để người dân đối chiếu. |
| <b>Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số</b>            | Tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia, liên thông từ Trung ương đến địa phương.<br>Giám sát tiến độ giải quyết hồ sơ: Mã hồ sơ tra cứu online, cập nhật trạng thái theo thời gian thực                                                                                                             |
| <b>Tăng cường giám sát xã hội</b>               | Khuyến khích các cơ quan thông tấn báo chí, tổ chức xã hội truy cập, khai thác dữ liệu.                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Gắn minh bạch với trách nhiệm giải trình</b> | Lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm người đứng đầu nếu thông tin không minh bạch.                                                                                                                                                                                                              |

**Ba là, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, chuyên nghiệp**

Một số giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, chuyên nghiệp:

| Nhóm giải pháp                                      | Mô tả                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Hoàn thiện thể chế quản lý cán bộ, công chức</b> | - Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế kiểm soát quyền lực.<br>- Minh bạch hóa quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm. |
| <b>Nâng cao chất lượng tuyển dụng</b>               | - Thi tuyển cạnh tranh, công khai.                                                                                   |

|                                                       |                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                       | - Ứng dụng công nghệ thông tin trong chấm thi, đánh giá.                                                                                |
| <b>Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng</b>            | - Kết hợp lý luận và thực tiễn.<br>- Đưa nội dung về đạo đức công vụ, kỹ năng phục vụ nhân dân thành bắt buộc.                          |
| <b>Xây dựng cơ chế đánh giá, đãi ngộ hợp lý</b>       | - Gắn đánh giá với kết quả công việc và sự hài lòng của người dân.<br>- Tăng thu nhập, phúc lợi, bảo đảm an sinh cho cán bộ, công chức. |
| <b>Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm</b> | - Áp dụng công nghệ giám sát công vụ.<br>- Công khai kết quả xử lý vi phạm.                                                             |

#### **4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong thực hành liên chính**

Một số giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong thực hành liên chính:

| <b>Nhóm giải pháp</b>                           | <b>Mô tả</b>                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Hoàn thiện pháp luật và cơ chế phối hợp</b>  | - Rà soát, loại bỏ chồng chéo giữa các cơ quan giữa cơ quan Thanh tra, Kiểm toán, cơ quan điều tra, Ủy ban Kiểm tra Đảng.<br>- Bổ sung cơ chế giám sát thực hiện kết luận thanh tra, tránh “đầu voi đuôi chuột”. |
| <b>Đổi mới phương thức thanh tra</b>            | - Áp dụng thanh tra rủi ro (risk-based auditing) dựa trên phân tích dữ liệu lớn (big data) để xác định thời điểm nóng.<br>- Tăng cường thanh tra đột xuất dựa trên tố cáo, thông tin báo chí và dư luận.         |
| <b>Nâng cao năng lực đội ngũ thanh tra viên</b> | - Đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ pháp                                                                                                                                                                           |

|                                        |                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                        | luật, phân tích dữ liệu, điều tra tài chính.<br>- Cơ chế bảo vệ cán bộ thanh tra trước sự can thiệp trái pháp luật.                                                  |
| <b>Minh bạch hóa kết quả thanh tra</b> | - Công khai kế hoạch và kết luận trên cổng thông tin điện tử.<br>- Tăng sự tham gia của báo chí và giám sát cộng đồng.                                               |
| <b>Ứng dụng công nghệ</b>              | - Phát triển hệ thống giám sát điện tử tích hợp dữ liệu đa ngành.<br>- Sử dụng phần mềm phát hiện giao dịch bất thường, theo dõi biến động tài sản, thu nhập cán bộ. |

## **5. Hoàn thiện cơ chế bảo vệ và khuyến khích người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

Tố cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực là một trong những kênh quan trọng giúp cơ quan chức năng phát hiện, xử lý vi phạm, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Do đó, việc xây dựng cơ chế bảo vệ và khuyến khích người tố cáo là yêu cầu cấp thiết trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Bảo vệ người tố cáo: thông tin cá nhân, vị trí việc làm, danh dự...
- Khuyến khích người tố cáo: khen thưởng vật chất và tinh thần, ưu tiên cơ hội nghề nghiệp...

Người tố cáo tham nhũng, tiêu cực là “người lính tiên phong” trên mặt trận bảo vệ sự trong sạch của bộ máy nhà nước. Bảo vệ và khuyến khích họ không chỉ là trách nhiệm pháp lý, mà còn là cam kết chính trị và đạo đức của nhà nước. Khi cơ chế bảo vệ và khuyến khích được thực thi nghiêm túc, mạnh mẽ, xã hội sẽ có thêm nhiều “người dũng cảm nói không với tham nhũng”, góp phần xây dựng nền hành chính minh bạch, liêm chính và vì dân phục vụ.

## **IV. Kết luận**



Thực hành liêm chính công vụ là chìa khóa để nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý hành chính nhà nước. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản trị công, mà còn là yêu cầu về văn hóa chính trị và đạo đức xã hội. Sự liêm chính trong suy nghĩ và hành động của cán bộ, công chức, viên chức sẽ quyết định thái độ phục vụ, văn hóa ứng xử, hiệu quả công việc và gắn liền với nó là chỉ số minh bạch của quốc gia, là niềm tin của người dân vào chính thể. Bên cạnh đó, mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần tự soi, tự sửa, tu dưỡng giữ mình trong sạch; có như vậy mới giữ được chữ “liêm”, chữ “chính”, giữ mình trước “những viên đạn bọc tiền”, nói không với tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, giữ được sự tôn nghiêm của Đảng, uy tín của cán bộ, công chức, viên chức trong lòng nhân dân. Đồng thời, hệ thống pháp luật, cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình phải được ưu tiên hoàn thiện, vận hành hiệu quả. ***Liêm chính không phải khẩu hiệu, mà là hành động hằng ngày, là cam kết suốt đời của đội ngũ nhân sự thực thi công vụ.***

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013, sửa đổi bổ sung năm 2025)
2. Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật số 36/2018/QH14 của Quốc hội khoá XIV.
3. Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật số 44/2013/QH13 của Quốc hội khoá XIII.
4. Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực về một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực
5. PGS.TS Trần Thị Minh Tuyết (2021) Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về liêm chính công vụ - vận dụng vào xây dựng đạo đức công vụ của cán bộ, công chức nước ta hiện nay, [https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/quan-diem-cua-chu-tich-ho-chi-minh-ve-liem-chinh-cong-vu-van-dung-vao-xay-dung-dao-duc-cong-vu-cua-can-bo-cong-chuc-nuoc-ta-hien-nay](https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/quan-diem-cua-chu-tich-ho-chi-minh-ve-liem-chinh-cong-vu-van-dung-vao-xay-dung-dao-duc-cong-vu-cua-can-bo-cong-chuc-nuoc-ta-hien-nay) , truy cập ngày 31/7/2025
6. ThS. Nguyễn Quang Bình (2023) Thực hành văn hóa liêm chính để đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, <https://noichinh.vn/ngghien-cuu-trao-doi/202312/thuc-hanh-van-hoa-liem-chinh-de-day-lui-tham-nhung-tieu-cuc-313260/>, truy cập ngày 02/8/2025

7. Thiếu tá, TS. Vũ Việt Hà (2025) Luận giải về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/15/luan-giai-ve-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-va-giai-phap-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-trong-giai-doan-hien-nay/> truy cập ngày 03/8/2025

8. TS Phạm Văn Phong (2025) Phòng, chống lãng phí tài sản công trong quá trình sắp xếp tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị - Yêu cầu cấp thiết trong thực hành liên chính công vụ, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1096802/phong%2C-chong-lang-phi-tai-san-cong-trong-qua-trinh-sap-xep-to-chuc%2C-bo-may-he-thong-chinh-tri---yeu-cau-cap-thiet-trong-thuc-hanh-liem-chinh-cong-vu.aspx#>, truy cập ngày 03/8/2025

9. Nguyễn Mạnh Cường, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội (2022), Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực để phòng, chống "lợi ích nhóm" trong hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật, <https://moha.gov.vn/tintuc/Pages/listbnv.aspx?Cat=738&ItemID=42990>, truy cập ngày 03/8/2025

## PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG BẰNG VĂN HÓA

*Lê Văn Phúc*<sup>207</sup>

**Tóm tắt:** Phòng, chống tham nhũng bằng văn hóa là con đường căn cơ, bền vững và mang tính chiến lược lâu dài. Tham nhũng không chỉ là vấn đề pháp lý hay quản lý, mà sâu xa hơn là sự suy đồi văn hóa – nơi đạo đức công vụ bị xem nhẹ, quyền lực bị lạm dụng và liêm sỉ bị đánh mất. Khi văn hóa công vụ xuống cấp, sự tha hóa trở nên phổ biến, tạo nên tâm lý “im lặng tập thể”, “sống chết mặc bay” và lối sống thực dụng.

Vì vậy, muốn trị tận gốc tham nhũng, cần xây dựng một nền văn hóa liêm chính, lấy đạo đức làm cốt lõi. Điều này đòi hỏi phải cải cách giáo dục, thay đổi cách đánh giá cán bộ, đề cao vai trò của gia đình, cộng đồng, báo chí và nghệ thuật trong nuôi dưỡng giá trị trung thực – công tâm – trách nhiệm. Chỉ khi nào mỗi cán bộ thấy liêm chính là danh dự, là giá trị sống, thì tham nhũng mới thật sự bị đẩy lùi. Văn hóa, vì thế, không phải là công cụ hỗ trợ, mà là linh hồn của cuộc chiến giữ sự trong sạch cho bộ máy và lòng tin của nhân dân.

**Từ khóa:** Phòng, chống tham nhũng; văn hóa.

### 1. Văn hóa - gốc rễ của hành vi và ý thức

Văn hóa không chỉ là những giá trị truyền thống, phong tục hay di sản nghệ thuật mà chúng ta trân trọng - mà quan trọng hơn, đó là môi trường sống tinh thần bao quanh và định hình con người trong từng lựa chọn, từng hành động. Nếu pháp luật được xem như “luật chơi” của xã hội thì văn hóa chính là ý thức chơi đúng luật, là bản lĩnh giữ phẩm giá và chuẩn mực ngay cả khi không có sự giám sát từ bên ngoài.

**Thứ nhất**, ở tầng sâu nhất, văn hóa là “hệ điều hành vô hình” chi phối toàn bộ đời sống xã hội, là nơi hình thành thế giới quan, đạo đức, lương tâm và thái độ ứng xử của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Trong môi trường đó, các chuẩn mực đúng – sai, liêm chính – tha hóa, danh dự – vụ lợi được xác lập, nuôi dưỡng và củng cố theo thời gian. Một nền văn hóa mạnh mẽ là nền văn hóa nơi hành vi chính trực trở thành điều hiển nhiên, còn những hành vi vi phạm giá trị như tham nhũng, lợi dụng quyền lực để trục lợi cá nhân bị xã hội lên án và xa lánh<sup>208</sup>.

---

<sup>207</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

<sup>208</sup> Pierre Bourdieu, *Outline of a Theory of Practice*, Cambridge University Press, 1977 – Về vai trò của văn hóa trong việc thiết lập chuẩn mực xã hội.

**Thứ hai**, tham nhũng, xét từ góc nhìn văn hóa, không đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật, mà là biểu hiện sâu sắc của sự đứt gãy đạo đức công vụ và sự tha hóa nhân cách trong môi trường quyền lực. Nó phát sinh khi quyền lực không được đặt dưới sự kiểm soát của đạo lý, khi trách nhiệm phục vụ bị thay thế bằng toan tính lợi ích cá nhân. Khi cán bộ xem quyền lực là công cụ để tư lợi thay vì gánh vác trọng trách phục vụ, khi lương tâm nghề nghiệp bị tha hóa thành lợi ích vụ lợi, tham nhũng không còn là sự lệch chuẩn tạm thời mà là triệu chứng của một nền văn hóa công quyền suy thoái nghiêm trọng<sup>209</sup>.

Do vậy, phòng, chống tham nhũng không thể chỉ dựa vào các quy định pháp luật và chế tài kiểm soát hành vi bên ngoài. Bởi pháp luật chỉ có thể ngăn chặn hành động, chứ không thể cảm hóa tâm thức và ý chí. Một hệ thống công quyền dù được tăng cường kiểm tra, giám sát đến đâu, nếu không gắn liền với một nền văn hóa liêm chính nội sinh thì tham nhũng vẫn sẽ tìm cách tồn tại, chuyển hóa với những hình thức tinh vi và sâu xa hơn<sup>210</sup>.

Chỉ khi văn hóa trở thành hệ giá trị sống thật sự được thấm nhuần trong giáo dục, công vụ và đời sống xã hội, thì cuộc chiến chống tham nhũng mới có thể bền vững và tự giác. Không một hệ thống giám sát nào có thể theo dõi mọi hành vi, chỉ có lương tâm con người được nuôi dưỡng từ nền văn hóa liêm chính mới có thể giữ được sự trong sạch, trung thực và danh dự trong công quyền<sup>211</sup>.

### **3. Những biểu hiện của khủng hoảng văn hóa trong tham nhũng**

Tham nhũng, xét đến cùng, không chỉ là hành vi lệch chuẩn pháp luật, mà là sản phẩm của một nền văn hóa quyền lực bị tha hóa. Khi sự đối trá được bao dung, khi quyền lực không bị kiểm soát bởi trách nhiệm đạo đức, và khi lòng dân trở nên thờ ơ trước cái xấu, thì đó không chỉ là khủng hoảng về quản lý, mà là khủng hoảng về nền tảng văn hóa chính trị của một xã hội. Trong nghĩa đó, tham nhũng không đơn thuần là triệu chứng - nó là biểu hiện rõ rệt của một “căn bệnh hệ thống” liên quan đến sự suy tàn của các chuẩn mực đạo lý trong đời sống công quyền.

**Thứ nhất**, là sự suy đồi của đạo đức công vụ - khi quyền lực bị xem là đặc quyền, không phải là sự ủy thác của dân. Đây là hiện tượng mà Max Weber gọi là “*sự tư hữu hóa*

---

<sup>209</sup> Max Weber, *Politics as a Vocation*, 1919 – Phân tích về sự tha hóa quyền lực và tư hữu hóa công quyền.

<sup>210</sup> Alasdair MacIntyre, *After Virtue*, University of Notre Dame Press, 1981 – Sự đổ vỡ của ngôn ngữ đạo đức và ý nghĩa của văn hóa đạo đức.

<sup>211</sup> Montesquieu, *The Spirit of the Laws*, 1748 – Pháp luật và văn hóa trong việc hình thành đạo đức công vụ.

*công quyền*” (privatization of the public sphere)<sup>212</sup>, trong đó quyền lực nhà nước không còn vận hành trên cơ sở pháp luật và tinh thần phục vụ công chúng mà bị chi phối bởi lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, và sự bao che phe cánh. Đây là biểu hiện của sự đảo lộn căn bản trong quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm: thay vì là công cụ để bảo vệ lợi ích chung, quyền lực bị biến thành phương tiện kiếm lợi cá nhân, khiến cán bộ công chức vận hành công vụ như một bộ máy trục lợi, nơi “chức quyền đồng nghĩa với tài sản”, và “lợi ích công” bị biến thành tài sản chia chác theo mệnh lệnh ngầm của quyền lực.

Hiện tượng này không đơn thuần là sự sai lệch hành chính mà là biểu hiện của một sự đảo lộn căn bản trong quan hệ biện chứng giữa quyền lực và trách nhiệm chính trị. Quyền lực, theo lý thuyết chính trị cổ điển và hiện đại, chỉ có giá trị và ý nghĩa khi nó được vận hành trong khuôn khổ trách nhiệm với xã hội, gắn liền với sự tin tưởng của dân chúng. Khi quyền lực bị biến thành công cụ phục vụ cho mục đích tư lợi, nó đồng nghĩa với việc phá vỡ hợp đồng xã hội căn bản, biến bộ máy công quyền thành một bộ máy trục lợi, nơi chức quyền đồng nghĩa với tài sản, và lợi ích công bị biến thành món hàng để chia chác theo các mệnh lệnh ngầm.

Điều này dẫn tới sự đứt gãy sâu sắc về mặt đạo đức chính trị, khiến toàn bộ nền tảng văn hóa công quyền trở nên mục ruỗng, niềm tin xã hội bị bào mòn, và từ đó sinh ra sự khủng hoảng về tính hợp pháp và hiệu lực của thể chế chính trị. Chính sự suy thoái này không chỉ làm tan vỡ mối quan hệ giữa quyền lực và nhân dân mà còn đặt ra thách thức nghiêm trọng cho sự ổn định và phát triển bền vững của hệ thống chính trị - bởi quyền lực mất đi tính chính danh thì sự kiểm soát và phát triển xã hội cũng trở nên vô nghĩa.

**Thứ hai**, là sự phá vỡ văn hóa tổ chức thông qua tâm lý “an toàn là im lặng”. Tình trạng bao che, né tránh, và tâm thế “đừng đụng vào ai” tạo ra một thứ “văn hóa im lặng” (culture of silence)<sup>213</sup> – nơi cái sai không bị phơi bày, người trung thực và dám lên tiếng bị cô lập, thậm chí nghi ngờ và trù dập. Đặc biệt, trong bối cảnh này, những cá nhân vi phạm đạo đức và pháp luật có thể “hạ cánh an toàn”, tiếp tục leo cao trong thang bậc quyền lực, trong khi người dám phản biện lại trở thành mục tiêu bị cô lập hoặc trừng phạt.

Trong một môi trường nơi sự trung thực và dũng cảm bị coi thường, nơi người dám lên tiếng hay phản biện không những không được bảo vệ mà còn bị cô lập, nghi ngờ, thậm chí trừng phạt, sự thật trở nên dễ bị bóp méo hoặc bị lấp liếm. Tâm lý “đừng đụng vào ai” và “an toàn là im lặng” không chỉ là phản ứng cá nhân mà là hệ quả của một cấu

---

<sup>212</sup> Weber, M. (1922). *Economy and Society*. University of California Press.

<sup>213</sup> Freire, P. (1970). *Pedagogy of the Oppressed*. Continuum.

trúc quyền lực bị méo mó, nơi cái sai được bao che và cái đúng bị đe dọa. Những kẻ vi phạm đạo đức và pháp luật được phép “hạ cánh an toàn” và thậm chí thắng tiền trong hệ thống, trong khi người dám bảo vệ lẽ phải lại trở thành mục tiêu của sự trù dập.

Hiện tượng này biểu thị sự bất lực của thể chế trong việc tự làm sạch và tái tạo bản thân - một trong những đặc trưng quan trọng nhất để duy trì sự bền vững và sức sống chính trị. Một hệ thống chính trị khỏe mạnh cần không chỉ vận hành theo luật lệ mà còn dựa trên nền tảng văn hóa tổ chức, trong đó sự dũng cảm, trung thực và trách nhiệm được coi là giá trị cốt lõi, được tôn vinh và khen thưởng; ngược lại, sự dối trá, bao che và hành vi sai phạm phải bị kiên quyết trừng phạt.

Khi văn hóa im lặng thâm nhập sâu sắc, thể chế không những mất khả năng phát hiện và sửa chữa sai lầm, mà còn tạo ra môi trường thuận lợi cho tham nhũng, thoái hóa quyền lực và bất công xã hội. Sự sụp đổ của niềm tin xã hội theo đó cũng trở thành hệ quả tất yếu, kéo theo nguy cơ khủng hoảng chính trị sâu rộng, đe dọa trực tiếp đến sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia.

**Thứ ba**, là sự lan truyền nguy hiểm của một “triết lý sống trá hình” dựa trên chủ nghĩa thực dụng, vụ lợi và hoài nghi đạo đức. Những câu nói như “ai cũng có phần”, “có tiền là có quyền” không còn đơn thuần là lời đùa cợt cá nhân mà đã trở thành kim chỉ nam cho cách hành xử trong nhiều cơ quan công quyền. Hiện tượng này phản ánh sự tha hóa về mặt giá trị, khi mà các chuẩn mực đạo đức truyền thống như công lý, trung thực, danh dự - vốn là nền tảng của xã hội công bằng – trở nên mơ hồ, méo mó hoặc bị đánh đồng với những toan tính lợi ích cá nhân. Đây là hiện tượng mà triết gia Alasdair MacIntyre gọi là “sự đổ vỡ của ngôn ngữ đạo đức” - khi những giá trị như công lý, trung thực, danh dự trở nên mơ hồ và bị thay thế bởi sự tính toán thiệt hơn<sup>214</sup>. Khi các khái niệm đạo đức bị mất đi sự rõ ràng và sức thuyết phục, khiến con người không thể dùng chúng làm kim chỉ nam hành động. Trong bối cảnh đó, các giá trị bị hoán đổi bằng sự tính toán thiệt hơn, sự vụ lợi và lợi ích cá nhân được ưu tiên, làm suy yếu nghiêm trọng nền tảng văn hóa công vụ và niềm tin xã hội.

**Thứ tư**, là sự ô nhiễm nghiêm trọng của môi trường văn hóa công vụ - nơi mà liêm chính không còn được xem là chuẩn mực tự nhiên, mà trở thành điều “phi thường” hay thậm chí “phi thực tế”. Trong một không gian công quyền bị bào mòn bởi chủ nghĩa thân hữu, tâm lý vụ lợi, và văn hóa mặc cả quyền lực, phẩm giá công vụ không còn được nâng

---

<sup>214</sup> MacIntyre, A. (1981). *After Virtue: A Study in Moral Theory*. University of Notre Dame Press.

đỡ bởi đạo đức nội tại, mà ngày càng bị lệ thuộc vào kiểm soát hành chính và chế tài hình thức. Điều nguy hiểm nằm ở chỗ: khi một nền công vụ coi sự liêm chính là “hiếm có” thay vì “phải có”, thì bản thân hệ thống ấy đã chấp nhận sự tha hóa như một trạng thái bình thường, đồng thời triệt tiêu mọi động lực đạo đức từ bên trong.

Mọi nỗ lực cải cách thể chế, đổi mới hành chính hay hoàn thiện luật pháp trong bối cảnh ấy chẳng khác nào “vá lưới mục trong cơn mưa” - khi cái gốc của sự suy đồi không nằm ở quy định, mà nằm ở hệ điều hành văn hóa đã bị nhiễm độc từ lâu. Như nhà tư tưởng Montesquieu từng nhấn mạnh: “*Pháp luật có thể trừng phạt hành vi, nhưng chỉ văn hóa mới cải hóa con người*”<sup>215</sup>. Đây không chỉ là một tuyên ngôn đạo lý, mà là một nguyên lý chính trị nền tảng: rằng luật pháp, dù nghiêm khắc đến đâu, cũng không thể thay thế cho một nền văn hóa công vụ lành mạnh - nơi đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và lòng tự trọng là những giá trị tự thân, chứ không phải thứ được áp đặt từ bên ngoài.

Vì vậy, đối diện với khủng hoảng tham nhũng hiện nay không thể dừng lại ở các biện pháp kỹ thuật hay tăng cường kiểm soát từ thượng tầng. Đó là một cuộc khủng hoảng văn hóa – tức là khủng hoảng về hệ giá trị, về ý nghĩa của việc “phục vụ” thay vì “hưởng thụ” quyền lực. Giải quyết khủng hoảng này đòi hỏi một cuộc cách mạng triệt để về nhân cách công quyền, khôi phục lại đạo lý gốc rễ của quyền lực như là sự ủy thác có điều kiện từ nhân dân - chứ không phải là tài sản riêng để thỏa mãn tư lợi.

Chỉ khi liêm chính trở thành “chuẩn mực sống” chứ không phải “điều phi thường”, khi văn hóa công vụ được kiến tạo từ bên trong ý thức mỗi cán bộ chứ không phải áp đặt từ mệnh lệnh hành chính, thì mới có thể thiết lập một hệ thống chính trị thực sự bền vững, nơi pháp luật và đạo đức cùng tồn tại như hai trụ cột hỗ trợ cho sự phát triển hài hòa của quốc gia.

#### **4. Một số định hướng phòng, chống tham nhũng bằng con đường văn hóa**

Chống tham nhũng, xét cho cùng, không chỉ đơn thuần là hành động “đập tan cái ác”, mà là xây dựng một nền thiện trị, trong đó cái đúng được bảo vệ và cái tốt được nuôi dưỡng. Đây là cuộc đấu tranh không chỉ mang tính pháp lý mà còn là tiến trình chuyển hóa văn hóa và đạo đức xã hội, nhằm từng bước làm trong sạch không gian tinh thần của bộ máy công quyền và cộng đồng xã hội. Đây là một quá trình biện chứng giữa cái cũ và

---

<sup>215</sup> Montesquieu (1748). *The Spirit of Laws*.

cái mới, giữa tha hóa và liêm chính, đòi hỏi sự tổng hòa các giá trị văn hóa, chính trị và đạo đức<sup>216</sup>.

**Thứ nhất**, muốn “diệt tận gốc” tham nhũng, không thể chỉ cắt bỏ cành lá bề mặt mà phải trị từ gốc rễ. Cái gốc đó chính là ý thức liêm chính, danh dự nghề nghiệp và lòng tự trọng công dân - những yếu tố chỉ có thể được hình thành và bền vững trong một nền văn hóa lành mạnh, khai minh và có trách nhiệm. Văn hóa liêm chính không phải là một phẩm chất tự nhiên mà là kết quả của quá trình giáo dục, rèn luyện và giám sát xã hội, do đó, chiến lược phòng chống tham nhũng phải hướng vào việc tạo dựng và nuôi dưỡng nền tảng văn hóa này<sup>217</sup>.

**Thứ hai**, dựng nền văn hóa liêm chính trong công vụ - tái lập đạo lý làm quan. Một bộ máy công quyền liêm chính phải bắt đầu từ những con người liêm chính. Đạo đức công vụ không thể chỉ là lời răn dạy chung chung mà cần trở thành chuẩn mực nghề nghiệp bắt buộc, được duy trì, củng cố và kiểm nghiệm liên tục trong đào tạo, quản lý và đánh giá cán bộ. Việc đưa giáo dục đạo đức công vụ, văn hóa liêm chính, và chuẩn mực ứng xử vào chương trình đào tạo cán bộ, công chức, không chỉ ở các lớp học chính trị cơ bản mà còn trong bồi dưỡng thường xuyên, là cách thức biến liêm chính thành “kháng thể tinh thần” phòng chống sự tha hóa trong bộ máy nhà nước. Đồng thời, xây dựng và công khai bộ quy tắc ứng xử công vụ với tiêu chuẩn đạo đức minh bạch, rõ ràng, phù hợp với đặc thù từng ngành, từng cấp, sẽ tạo điều kiện để xã hội giám sát và tham gia kiểm soát quyền lực. Cơ chế khen thưởng, vinh danh và bảo vệ người trung thực, người dám tố cáo sai phạm là sự khẳng định sống động cho đạo lý làm quan xưa, dựa trên nền tảng trung thực, liêm chính và trách nhiệm đối với dân và nước<sup>218</sup>.

**Thứ ba**, phát huy vai trò của văn hóa gia đình và cộng đồng - khơi dậy nền tảng đạo đức phổ quát. Gia đình là “trường học đầu tiên” gieo mầm liêm chính từ những hành động nhỏ nhất trong đời sống thường nhật: dạy con biết từ chối cái không phải của mình, sống bằng sức lao động chân chính, và không gian dối để đạt thành tích. Khi giá trị trung thực trở thành tập quán đạo đức gia đình, xã hội mới có được lớp công dân không dễ bị tha hóa khi tiếp nhận quyền lực. Cộng đồng xã hội, đặc biệt các tổ chức đoàn thể như tổ dân phố, hội nghề nghiệp, là môi trường gần gũi và thiết thực để giám sát, cảnh tỉnh, đồng thời lan tỏa những hành vi đúng đắn. Việc khuyến khích, tạo điều kiện cho người dân

---

<sup>216</sup> Phan Huy Lê, 2004, *Văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, tr. 112

<sup>217</sup> Nguyễn Văn Huyền, 2010, *Văn hóa và phát triển xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 78

<sup>218</sup> Lê Văn Siêu, 2009, *Đạo đức công vụ và trách nhiệm xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 92



tham gia phản ánh, góp ý chính sách và giám sát công quyền một cách văn minh, có tổ chức và được bảo vệ là cần thiết - bởi chính họ là những người cảm nhận rõ nhất sự liên chính hay tha hóa trong bộ máy<sup>219</sup>.

**Thứ tư**, tăng cường truyền thông văn hóa về phòng, chống tham nhũng – tái định hình biểu tượng công chức. Truyền thông cần chuyển đổi căn bản từ mô hình “đấu tố” truyền thống sang mô hình khai sáng đạo đức công cộng. Thay vì chỉ phanh phui các sai phạm, cần song song nêu gương người tốt - những người giữ mình trước cám dỗ, xây dựng hình tượng người cán bộ liên chính như biểu tượng truyền cảm hứng. Phản ánh các vụ tham nhũng không chỉ dưới góc độ tội phạm pháp lý mà còn như một thảm kịch đạo đức, một thất bại văn hóa sâu sắc, nhằm lay động tâm thức cộng đồng, nhất là thế hệ trẻ. Qua đó, thế hệ trẻ sẽ nhận thức rằng liên chính không phải là sự hy sinh vô nghĩa, mà là cách sống cao quý, đáng tự hào và là con đường duy nhất để xây dựng xã hội công bằng, minh bạch<sup>220</sup>.

**Thứ năm**, chuyển hóa nội tâm người cán bộ - đặt đạo đức lên trên quyền lực. Ở tầng sâu nhất, phòng chống tham nhũng là cuộc chiến đấu trong nội tâm từng cá nhân cán bộ, nơi bản ngã giằng co giữa ba giá trị “danh - lợi - nghĩa”. Không có luật pháp nào có thể canh giữ từng ý nghĩ, từng hành vi khi quyền lực đứng trước cám dỗ. Chỉ có đạo đức tự thân, được nuôi dưỡng bởi văn hóa và lương tâm, mới có thể khiến người cán bộ biết sợ điều đúng, biết tự trọng và không khuất phục trước điều sai. Lời dạy cổ nhân: *“Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” không chỉ là triết lý sống cá nhân mà còn là kim chỉ nam cho mỗi cán bộ trong hành trình làm tốt việc nước. Phòng chống tham nhũng bằng văn hóa, do đó, chính là làm cho người cán bộ biết xấu hổ khi làm điều sai và biết tự hào khi sống trong sạch. Khi danh dự trở thành phần thưởng lớn nhất trong công vụ, thì tham nhũng mới thật sự bị triệt tiêu tận gốc*”<sup>221</sup>.

#### 4. Một số kiến nghị

Trong bối cảnh tham nhũng ngày càng trở nên tinh vi, phức tạp và có xu hướng “tự tổ chức”, việc phòng, chống tham nhũng không thể chỉ trông chờ vào cơ chế kiểm tra – giám sát từ bên ngoài, mà cần có chiến lược dài hạn chuyển hóa văn hóa quyền lực từ bên trong. Trên tinh thần đó, xin đề xuất một số kiến nghị sau:

<sup>219</sup> Nguyễn Văn Huyền, 2010, *Văn hóa và phát triển xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 78

<sup>220</sup> Nguyễn Minh Thuyết, 2015, *Văn hóa chính trị và phát triển bền vững*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 150

<sup>221</sup> Lê Văn Siêu, 2009, *Đạo đức công vụ và trách nhiệm xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 92

**Thứ nhất**, xây dựng Chiến lược quốc gia về văn hóa phòng, chống tham nhũng. Cần chính thức hóa việc xây dựng Chiến lược phát triển văn hóa liên chính quốc gia, trong đó xem văn hóa như một trụ cột phòng, chống tham nhũng ngang hàng với pháp luật và thể chế, chứ không chỉ là công cụ phụ trợ. Chiến lược này phải hướng đến việc xây dựng hệ giá trị đạo đức công vụ chuẩn mực, nhất quán và khả thi; đưa giáo dục liên chính thành một nội dung xuyên suốt từ giáo dục phổ thông, đại học đến đào tạo cán bộ, công chức; phối hợp liên ngành giữa nhà nước – trường học – truyền thông – tôn giáo – nghệ thuật để tạo ra không gian đạo đức công cộng nuôi dưỡng lòng tự trọng, danh dự và trách nhiệm<sup>222</sup>.

**Thứ hai**, cải tiến cơ chế đánh giá cán bộ theo hướng lấy đạo đức làm nền tảng. Tham nhũng nảy sinh khi chức vụ được coi là đặc quyền chứ không phải là bổn phận. Do đó, cần điều chỉnh tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức theo hướng không chỉ đo bằng hiệu suất công việc, mà gắn chặt với mức độ tuân thủ chuẩn mực đạo đức công vụ và văn hóa ứng xử nghề nghiệp. Mỗi cán bộ phải có một hồ sơ liên chính, được cập nhật và giám sát độc lập, công khai, với sự tham gia của tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư. Xây dựng các chỉ số văn hóa công vụ trong đánh giá công chức, làm cơ sở cho luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm - nhằm chuyển biến từ văn hóa “phấn đấu lên chức” sang văn hóa “xứng đáng được trao quyền”<sup>223</sup>.

**Thứ ba**, phát huy vai trò của xã hội trong việc truyền bá và bảo vệ văn hóa liên chính. Cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng của công quyền, mà còn là tác nhân chủ động kiến tạo đạo đức xã hội. Vì vậy, cần mạnh dạn tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, báo chí, tôn giáo và văn nghệ sĩ trong công cuộc phòng, chống tham nhũng bằng các hình thức sáng tạo, gần dân, đánh vào tâm thức hơn là áp lực hành chính. Khuyến khích các tác phẩm nghệ thuật – văn học – điện ảnh đề cao nhân cách liên chính, phê phán sự tha hóa đạo đức trong công quyền, giúp chuyển hóa giá trị sống trong cộng đồng. Bảo vệ và vinh danh những người tố cáo tham nhũng, dám sống liên chính, dũng cảm - bởi họ không chỉ chống cái xấu, mà đang giữ lại phần lương tri cho xã hội<sup>224</sup>.

## 5. Kết luận

---

<sup>222</sup> Nguyễn Văn Huyền, 2018, *Văn hóa liên chính trong phòng chống tham nhũng*, NXB Chính trị Quốc gia, tr. 45

<sup>223</sup> Lê Minh Hoàng, 2017, *Quản trị công và văn hóa liên chính*, NXB Lao động, tr. 67

<sup>224</sup> Phan Thị Hồng Nhung, 2019, *Văn hóa và trách nhiệm xã hội trong phòng chống tham nhũng*, NXB Văn hóa Thông tin, tr. 89

Phòng, chống tham nhũng bằng con đường văn hóa không phải là lựa chọn “bỏ trợ” bên cạnh pháp luật, mà phải trở thành linh hồn của cuộc chiến lâu dài vì sự trong sạch và thịnh vượng của quốc gia. Văn hóa không chỉ là sức mạnh mềm - mà là sức mạnh gốc, hình thành nên lối sống, đạo đức, phẩm hạnh, và cuối cùng là thái độ của con người trước quyền lực, tiền bạc và lợi ích. Một xã hội chỉ thật sự trong sạch khi cái xấu bị xấu hổ, cái tốt được vinh danh, và người liêm chính không còn bị cô lập. Muốn vậy, phải kiến tạo một môi trường văn hóa nơi liêm chính không chỉ là bổn phận pháp lý, mà là danh dự cá nhân – là cốt cách của một người làm công bộc.

Chống tham nhũng, vì thế, không chỉ là cuộc chiến chống lại một nhóm người, mà là quá trình cải tạo văn hóa công vụ, phục hồi đạo đức xã hội, và đánh thức phẩm giá con người trong toàn bộ hệ thống. Nếu chỉ “trị” mà không “dưỡng”, chỉ “xử lý” mà không “cảm hóa”, thì tham nhũng có thể suy yếu nhất thời, nhưng khó bị tận diệt. Như lời cổ nhân: “*Dựng nước phải lấy đức làm gốc, trị nước phải lấy liêm làm đầu*”. Phòng, chống tham nhũng bằng văn hóa - vì thế - chính là con đường giữ lấy gốc rễ quốc gia trong những thời khắc chuyển mình.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Alasdair MacIntyre (1981), *After Virtue*, University of Notre Dame Press.
2. Freire, P. (1970). *Pedagogy of the Oppressed*. Continuum.
3. Lê Minh Hoàng (2017), *Quản trị công và văn hóa liêm chính*, NXB Lao động.
4. Lê Văn Siêu (2009), *Đạo đức công vụ và trách nhiệm xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia.
5. MacIntyre, A. (1981), *After Virtue: A Study in Moral Theory*, University of Notre Dame Press.
6. Max Weber (1919), *Politics as a Vocation*.
7. Montesquieu (1748), *The Spirit of the Laws*.
8. Nguyễn Minh Thuyết (2015), *Văn hóa chính trị và phát triển bền vững*, NXB Chính trị Quốc gia.
9. Nguyễn Văn Huyền (2010), *Văn hóa và phát triển xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền (2018), *Văn hóa liêm chính trong phòng chống tham nhũng*, NXB Chính trị Quốc gia.
11. Phan Huy Lê (2004), *Văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội

12. Phan Thị Hồng Nhung (2019), *Văn hóa và trách nhiệm xã hội trong phòng chống tham nhũng*, NXB Văn hóa Thông tin.
13. Pierre Bourdieu (1977), *Outline of a Theory of Practice*, Cambridge University Press.
14. Weber, M. (1922), *Economy and Society*, University of California Press.

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

*Th.S Đại úy Đặng Anh Tuấn*<sup>225</sup>

**Tóm tắt:** Trong công cuộc phòng, chống tham nhũng ở nước ta đang được Đảng, Nhà nước quyết liệt triển khai với nhiều kết quả rõ nét, thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng đóng vai trò then chốt, góp phần nâng cao nhận thức, hình thành ý thức thượng tôn pháp luật và văn hóa liêm chính trong toàn xã hội. Tuy nhiên, thực tế cho thấy công tác này vẫn còn không ít hạn chế như nội dung còn khô cứng, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, ứng dụng công nghệ còn hạn chế, đội ngũ cán bộ tuyên truyền chưa được đào tạo chuyên sâu, và chưa tiếp cận đầy đủ các nhóm đối tượng. Bài viết sẽ tập trung vào những giải pháp góp phần nâng cao hiệu công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Tham nhũng, tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) ở Việt Nam được đẩy mạnh với quyết tâm cao từ Đảng và Nhà nước. Nhiều vụ án tham nhũng lớn đã bị xử lý “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ. Hệ thống pháp luật về PCTN ngày càng hoàn thiện, đặc biệt với Luật PCTN năm 2018 mở rộng sang khu vực tư, cùng các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, để pháp luật đi vào cuộc sống và hình thành văn hóa “không tham nhũng”, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) về PCTN cần được nâng cao hơn nữa. Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị mới đây (như Kết luận 80-KL/TW năm 2020 tiếp tục thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW năm 2003) đều nhấn mạnh yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân. Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019–2021”, qua đó các bộ, ngành và địa phương đã xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác này.

---

<sup>225</sup> Giảng viên Khoa CSVT, T05, Đại học An ninh

## **2. Nội dung chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay**

Tham nhũng ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, làm suy yếu niềm tin của nhân dân vào bộ máy nhà nước và ảnh hưởng đến công bằng xã hội. Chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam nhằm tạo ra một hệ thống pháp lý chặt chẽ để kiểm soát và ngăn chặn hành vi tham nhũng trong xã hội. Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và thực thi các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các chính sách chính sau đây:

*Một là*, nhà nước đã ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005; sửa đổi các năm 2007, 2012, tiếp đó là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có hiệu lực từ 1/7/2019. Cùng với đó là các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo nền tảng pháp lý cho công tác phòng, chống tham nhũng nói chung, công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng nói riêng. Nội dung cơ bản bao gồm thực hiện quy định về các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; đồng thời xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, các quy định về kê khai tài sản, xử lý tài sản bất minh cũng được áp dụng để tăng tính minh bạch.

*Hai là*, Một trong những biện pháp quan trọng là yêu cầu cán bộ, công chức kê khai tài sản và thu nhập. Quy định này giúp theo dõi các biến động tài sản và ngăn ngừa hành vi che giấu tài sản bất minh. Các quy định này hướng tới đảm bảo rằng mọi hành vi, tài sản có dấu hiệu tham nhũng sẽ được phát hiện, ngăn chặn, và xử lý kịp thời. Các cơ quan có thẩm quyền cũng giám sát việc kê khai tài sản để ngăn chặn các hành vi gian lận hoặc che giấu tài sản do tham nhũng.

*Ba là*, một số quy định quan trọng liên quan đến minh bạch hóa và kiểm soát tài sản nhằm phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam: về kê khai tài sản, thu nhập. Đối tượng kê khai: Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, cán bộ, công chức, kiểm tra, kiểm toán, và giám sát thường xuyên cũng là yếu tố quan trọng trong phòng chống tham nhũng.

*Bốn là*, xử lý tham nhũng trong đó có xử lý có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng là vấn đề quan trọng là khâu cuối cùng trong quá trình đấu tranh với một hành vi hay vụ việc tham nhũng. Xử lý tham như thể hiện rõ nét quan điểm và thái độ của Nhà nước cũng như phản ứng của xã hội đối tham nhũng. Những hành vi tham nhũng bị phát hiện sẽ được xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật. Pháp luật quy định đầy đủ hệ thống chế tài áp dụng cho người có hành vi tham nhũng tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính.

Năm là, nhà nước cũng khuyến khích và bảo vệ người dân, cán bộ, công chức tham gia tố cáo tham nhũng. Các quy định bảo vệ người tố cáo giúp đảm bảo an toàn cho người tố cáo, tránh các hành vi trả thù hay gây tổn hại.

Sáu là, Việt Nam đã tham gia vào các công ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng như Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC) từ năm 2009: phối hợp điều tra và hỗ trợ pháp lý với các quốc gia khác; hợp tác với các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới. Tổ chức Hợp tác và phát triển Kinh tế. Quỹ tiền tệ quốc tế và Chương trình phát triển Liên hợp quốc trong các chương trình phòng, chống tham nhũng. Sự hợp tác này nhằm chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ điều tra và phối hợp hành động với các quốc gia khác để ngăn chặn hành vi tham nhũng có tính chất xuyên quốc gia. Nhìn chung, các chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam ngày càng được hoàn thiện, nhằm tạo ra môi trường làm việc minh bạch, liêm chính và ngăn chặn hành vi lợi dụng quyền lực để tư lợi. Tuy nhiên, việc thực thi hiệu quả vẫn là thách thức, đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ từ các cơ quan nhà nước và sự giám sát của xã hội

### **3. Những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật hiện nay về phòng, chống tham nhũng**

Trong những năm qua, cùng với sự quyết tâm và ý thức trách nhiệm cao của cả hệ thống chính trị của các cấp, các ngành, đặc biệt là vai trò của quần chúng nhân dân, công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở nước ta đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức và hành động. Cán bộ, công chức cơ bản có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần vào sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Trên một số lĩnh vực, tham nhũng đã từng bước được kiểm chế. Đặc biệt, tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp được kiểm soát. Có được kết quả đó là nhờ cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành đã tổ chức triển khai và duy trì có hiệu quả công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Các cấp, các ngành đã tăng cường, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, thực hiện công khai, minh bạch trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt là việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để phòng ngừa tham nhũng, như: công khai, minh bạch trong hoạt động; minh bạch tài sản, thu nhập... Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát được quan tâm, từng bước nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng. Qua hoạt động, thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân. giải

quyết khiếu nại tố cáo, các vụ việc tiêu cực, sai phạm, tham nhũng đã được phát hiện và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

#### **4. Kiến nghị**

*Một là, hoàn thiện nội dung tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng*

Tập trung phổ biến những nội dung chính của Luật PCTN 2018 và văn bản hướng dẫn như khái niệm hành vi tham nhũng, chế tài xử phạt, trách nhiệm người đứng đầu, nghĩa vụ kê khai tài sản, bảo vệ người tố cáo..., bằng ngôn ngữ đơn giản, gần gũi. Điều này giúp cán bộ, công chức và nhân dân hiểu rõ bản chất của phòng chống tham nhũng và các hành vi bị nghiêm cấm. Ví dụ, cần giải thích cụ thể hành vi “những nhiễu, gây phiền hà” trong giải quyết công việc là gì và hậu quả pháp lý ra sao, để người dân và doanh nghiệp không chấp nhận và mạnh dạn tố giác.

Xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng. Bên cạnh kiến thức pháp luật, nội dung giáo dục cần lồng ghép các giá trị đạo đức công vụ, liêm chính và trách nhiệm giải trình. Tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính; phê phán lối sống vụ lợi. Mục tiêu là hình thành “văn hóa không tham nhũng” trong xã hội, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên và người dân có ý thức “tự đề kháng” với tham nhũng. Ví dụ, có thể biên soạn các câu chuyện, tình huống đạo đức về liêm chính để trao đổi trong sinh hoạt chi bộ, đoàn thể.

Chủ động đưa vào nội dung tuyên truyền các kết quả cụ thể của công cuộc PCTN như kết quả thanh tra, kiểm tra, xét xử các vụ án tham nhũng trọng điểm nhằm răn đe, giáo dục chung. Đồng thời nêu gương người tốt, việc tốt, biểu dương những cá nhân dũng cảm tố cáo, đấu tranh chống tham nhũng. Chẳng hạn, tuyên truyền về tấm gương cán bộ không nhận hối lộ, người dân kiên quyết tố giác tham nhũng sẽ khích lệ tinh thần liêm chính. Việc đưa cả mặt tích cực lẫn tiêu cực vào nội dung sẽ làm sinh động bài học PCTN, giúp người nghe “tai nghe mắt thấy” những trường hợp cụ thể.

Soạn thảo chương trình giảng dạy về PCTN phù hợp cho từng cấp học, ngành học. Đưa nội dung giáo dục pháp luật về PCTN vào môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông và chương trình đào tạo tại các trường chính trị, hành chính, đoàn thể. Tổ chức các buổi ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề về PCTN cho học sinh, sinh viên (ví dụ: tọa đàm “Thanh niên với phòng chống tham nhũng”). Đối với công chức, viên chức, cần đưa nội



dung PCTN vào chương trình bồi dưỡng bắt buộc, nhất là về đạo đức công vụ và kỹ năng xử lý tình huống nhạy cảm. Những nội dung này giúp trang bị kiến thức và hình thành thái độ “*nói không với tham nhũng*” từ sớm và một cách có hệ thống.

*Hai là, đổi mới hình thức và phương pháp tuyên truyền pháp luật về PCTN*

Tổ chức thường xuyên các hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề về PCTN cho từng nhóm đối tượng (cán bộ, doanh nghiệp, thanh niên...). Lồng ghép nội dung PCTN trong các buổi sinh hoạt của cơ quan, đoàn thể, họp dân ở khu dân cư. Tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật về PCTN dưới nhiều quy mô (toàn quốc, ngành, trường học) để tạo sân chơi kiến thức bổ ích. Chẳng hạn, cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018” có thể thu hút đông đảo người tham gia, qua đó họ tự nghiên cứu và ghi nhớ kiến thức pháp luật. Việc thi tìm hiểu còn giúp khuyến khích tinh thần học hỏi và tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ.

Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về PCTN trên báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình từ trung ương đến địa phương. Ví dụ, Báo Thanh tra, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam có thể mở chuyên mục định kỳ phổ biến pháp luật PCTN, đưa tin về gương liêm chính, phân tích các vụ án tham nhũng điển hình. Hệ thống loa truyền thanh cơ sở cũng cần được sử dụng để truyền tải thông điệp PCTN đến người dân vùng sâu, vùng xa. Ngoài ra, cần phối hợp với các tạp chí pháp luật, bản tin nội bộ của ngành để lồng ghép nội dung PCTN, đảm bảo thông tin lan tỏa rộng khắp.

Tăng cường sử dụng áp phích, tranh biếm họa về chủ đề PCTN tại nơi công cộng, trụ sở cơ quan. Những thông điệp ngắn gọn trên pano, poster (ví dụ: “*Minh bạch là phòng ngừa tham nhũng*”, “*Tham nhũng là tội ác*”) sẽ nhắc nhở thường xuyên. Xây dựng các video clip ngắn (PSA) trên nền tảng số và mạng xã hội truyền tải tình huống về tham nhũng vặt, hướng dẫn người dân cách ứng xử, tố cáo khi gặp tham nhũng. Phương pháp trực quan sinh động sẽ hỗ trợ khắc sâu kiến thức hơn là những bài giảng lý thuyết đơn thuần.

*Ba là, mở rộng đối tượng tiếp cận thông tin pháp luật về PCTN*

Phổ biến pháp luật PCTN đến vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Đây là những khu vực dễ bị hạn chế về thông tin pháp luật. Cần chú trọng hướng về cơ sở thông qua việc đưa các đội tuyên truyền lưu động đến miền núi, vùng sâu. Nội dung và hình thức tuyên truyền phải phù hợp văn hóa từng địa bàn; ví dụ có thể biên dịch tài liệu sang tiếng dân tộc, hoặc thông qua già làng, trưởng bản truyền đạt bằng tiếng địa phương. Việc

“hướng về cơ sở” này đã được xác định là ưu tiên quan trọng nhằm mọi người dân, dù ở địa bàn trọng điểm hay vùng xa xôi, đều được tiếp cận thông tin PCTN.

Tập trung vào thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Thế hệ trẻ cần được trang bị kiến thức và thái độ đúng đắn về PCTN ngay từ sớm. Ngoài việc đưa vào chương trình giáo dục chính khóa, có thể tổ chức các câu lạc bộ pháp luật trong trường học, cuộc thi hùng biện về liêm chính, diễn đàn “Thanh niên với minh bạch”. Các trường đại học, cao đẳng nên thường xuyên mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề về PCTN cho sinh viên, bởi họ sẽ là cán bộ trong tương lai. Thanh niên cũng là lực lượng xung kích tham gia các hoạt động truyền thông PCTN trên mạng xã hội, vì vậy cần khuyến khích họ tìm hiểu và sáng tạo thông điệp lan tỏa trong cộng đồng mình.

Tuyên truyền qua các buổi họp tổ dân phố, sinh hoạt cụm dân cư, lồng ghép trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có thể lồng nội dung PCTN trong vận động quần chúng, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Mỗi người dân bình thường cũng cần hiểu rằng việc nhỏ như “lót tay” cán bộ để được việc cho nhanh chính là tham nhũng vặt và phải bị lên án. Do đó, tuyên truyền cần chạm tới từng hộ gia đình, từng người dân, giúp họ hiểu quyền lợi khi xã hội trong sạch và nghĩa vụ của công dân trong đấu tranh chống tham nhũng.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở mọi cấp. Đây vừa là đối tượng thụ hưởng tuyên truyền, vừa là chủ thể thực thi. Cần đảm bảo 100% cán bộ mới tuyển dụng được bồi dưỡng kiến thức pháp luật PCTN; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý phải tham gia các lớp cập nhật quy định PCTN. Đặc biệt nhấn mạnh người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải nêu gương học tập và chấp hành pháp luật PCTN. Việc quán triệt thường xuyên trong nội bộ cơ quan nhà nước sẽ tạo chuyển biến từ trên xuống, cấp dưới noi theo cấp trên về liêm chính. Mặt khác, cũng cần mở rộng đến những người hoạt động trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp (luật sư, kiểm toán viên, nhà báo...) vì họ có vai trò giám sát và hỗ trợ PCTN.

Mở rộng đối tượng tiếp cận đòi hỏi phương châm “*không để ai bị bỏ lại phía sau*” trong công tác tuyên truyền pháp luật. Mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, mọi khu vực địa lý đều cần được tiếp cận thông tin phù hợp về phòng chống tham nhũng.

*Bốn là, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong tuyên truyền PCTN*

Số hóa dữ liệu và tài liệu phục vụ tuyên truyền. Tiến tới xây dựng thư viện điện tử về PCTN, lưu trữ tất cả văn bản pháp luật, án lệ, vụ việc điển hình, ấn phẩm truyền thông... dưới dạng số để ai cũng dễ dàng truy cập. Mỗi địa phương có thể có kho dữ liệu

số về công tác PCTN trên website của mình, cập nhật thường xuyên kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng làm tài liệu tuyên truyền công khai. Việc số hóa cũng giúp kết nối với Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, để người dân vùng sâu vùng xa chỉ cần một thiết bị kết nối internet là có thể tiếp cận kiến thức pháp luật.

Chuyển đổi số trong quản lý hành chính góp phần giảm tham nhũng. Mặc dù không trực tiếp là hoạt động tuyên truyền, nhưng việc đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến và chính phủ điện tử giúp truyền đi thông điệp mạnh mẽ về minh bạch, đồng thời nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân khi tự mình thực hiện thủ tục. Báo cáo của Chính phủ cho thấy tính đến 9/2024 đã có 4.454 thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; hơn 54,6 triệu hồ sơ đã xử lý trực tuyến, với tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt bình quân 98,74%. Tỷ lệ đúng hạn ở cấp bộ, tỉnh đều trên 98-99%, ở cấp huyện trên 97% những con số rất ấn tượng. Chuyển đổi số đã góp phần ngăn ngừa hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực khi người dân, doanh nghiệp giao dịch với cơ quan công quyền. Đây chính là minh chứng sống động để tuyên truyền cho công chúng thấy lợi ích của việc tuân thủ pháp luật và cải cách minh bạch: nếu làm đúng quy định thì không cần “chạy chọt”, thủ tục vẫn nhanh gọn. Do vậy, cần tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia (về kiểm soát tài sản, thu nhập, về khiếu nại tố cáo v.v.) và kết nối các hệ thống này phục vụ công tác PCTN. Song song, phải đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân khi triển khai các nền tảng số.

*Năm là, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL về PCTN*

Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về PCTN cho báo cáo viên pháp luật. Lực lượng báo cáo viên pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương cần được cập nhật kiến thức mới nhất về pháp luật PCTN, cũng như những chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước trong công tác này. Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng định kỳ cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật về nội dung Luật PCTN 2018, các nghị định hướng dẫn, kinh nghiệm thực tiễn xử lý tham nhũng. Đồng thời, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng truyền thông: cách xây dựng bài giảng sinh động, kỹ năng trình bày lôi cuốn, nghệ thuật sử dụng câu chuyện, hình ảnh minh họa hiệu quả. Như Đinh Văn Minh (thanh tra chính phủ) nhấn mạnh, báo cáo viên phải “nắm chắc tinh thần của luật” và có phương pháp truyền đạt “dễ hiểu và gây cuốn hút” cho từng nhóm đối tượng khác nhau. Do đó, cần có chương trình đào tạo bài bản để mỗi báo cáo viên thực sự là một chuyên gia truyền thông pháp luật PCTN.

Nêu cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong tự học và tuyên truyền. Mỗi cán bộ, đảng viên trước hết phải gương mẫu tự học tập, tìm hiểu pháp luật về PCTN để nâng cao hiểu biết của bản thân. Đồng thời, trong phạm vi công tác, họ cần chủ động tuyên truyền lại cho đồng nghiệp, cấp dưới và nhân dân. Ví dụ, một hiệu trưởng cần phổ biến quy tắc PCTN trong trường học cho giáo viên; trưởng phòng một cơ quan phải quán triệt nhân viên không được nhận quà trái quy định... Khi mỗi cán bộ hiểu luật và tích cực truyền thông điệp liên chính trong đơn vị mình, hiệu ứng lan tỏa sẽ rất mạnh mẽ, tạo sự chuyển biến đồng bộ.

*Sáu là, phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức liên quan trong công tác PCTN*

Theo Luật PBGDPL, Nhà nước là lực lượng chủ chốt trong công tác này. Bộ Tư pháp với vai trò cơ quan quản lý nhà nước về PBGDPL cần chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện tuyên truyền pháp luật PCTN theo kế hoạch chung. Thanh tra Chính phủ cơ quan chuyên trách về PCTN cần phối hợp cung cấp nội dung chuyên môn, các số liệu, vụ việc cụ thể để tư liệu hóa bài giảng, ấn phẩm tuyên truyền. Ban Nội chính Trung ương và Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực (đứng đầu là Tổng Bí thư) định hướng chiến lược và thường xuyên chỉ đạo lồng ghép nội dung tuyên truyền PCTN trong các chương trình hành động của các cấp ủy đảng. Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp đảm bảo bố trí nguồn kinh phí đầy đủ cho công tác PBGDPL nói chung và PCTN nói riêng, đồng thời gương mẫu thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch để làm gương trong tuyên truyền.

Phối hợp PBGDPL ở trung ương và địa phương (do Chủ tịch UBND làm Chủ tịch Hội đồng) cần được củng cố, kiện toàn, đưa nội dung PCTN thành một trọng tâm trong chương trình hoạt động. Có trách nhiệm tham mưu kế hoạch, huy động nguồn lực và phân công các thành viên phối hợp thực hiện tuyên truyền PCTN. Kinh nghiệm tại Hà Nội cho thấy, việc ký kết chương trình phối hợp liên ngành giữa Hội đồng PBGDPL TP với Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp TP từ năm 2017 về tuyên truyền pháp luật liên quan đến PCTN đã đem lại hiệu quả tốt trong 3 năm qua. Do vậy, nên nhân rộng mô hình các cơ quan, đơn vị “cùng ký kết chương trình, kế hoạch phối hợp PBGDPL về PCTN”, qua đó tạo sự vào cuộc đồng bộ và giám sát lẫn nhau trong triển khai. Mỗi năm các cấp nên có đánh giá riêng về công tác PBGDPL PCTN và đề ra giải pháp sát thực tế cho năm tới.

Đề cao trách nhiệm của công dân và cộng đồng, mỗi công dân cũng là một “chủ thể” trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Luật PBGDPL đã quy định công dân có trách nhiệm tự học tập, tìm hiểu pháp luật. Do đó, phong trào toàn dân học tập pháp luật

cần gắn với PCTN, khuyến khích người dân chủ động tra cứu, nâng cao hiểu biết để tự bảo vệ mình và giám sát hoạt động công quyền. Các cộng đồng dân cư nên xây dựng hương ước, quy ước không tham nhũng vặt, lên án những hành vi tiêu cực xảy ra trên địa bàn. Khi người dân coi trọng liêm chính và tích cực tham gia tuyên truyền (ví dụ cha mẹ giáo dục con cái không được đút lót thầy cô, người dân nhắc nhau không chung chi khi làm giấy tờ), thì hiệu ứng xã hội sẽ rất lớn, tạo môi trường phi tham nhũng từ cơ sở.

## **5. Kết luận**

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giữ vai trò đặc biệt quan trọng, được ví như “bước đi đầu tiên” trong quá trình thực thi pháp luật. Khi bước đi đầu tiên thuận lợi, nhận thức pháp luật của cán bộ và nhân dân được nâng cao, thì các bước tiếp theo trong đấu tranh PCTN (phát hiện, xử lý vi phạm) mới hiệu quả và đồng bộ. Ngược lại, nếu việc phổ biến pháp luật làm không tốt, người dân thiếu hiểu biết, cán bộ thiếu ý thức chấp hành, thì luật pháp khó phát huy tác dụng trên thực tế. Những giải pháp đề xuất ở trên cần được triển khai đồng bộ và kiên trì, lâu dài. Từ hoàn thiện nội dung, đổi mới hình thức, mở rộng đối tượng, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ đến phối hợp các cơ quan tất cả đều phải tiến hành thường xuyên, liên tục và có đánh giá rút kinh nghiệm. Việc triển khai nhất quán các giải pháp này chính là cơ sở quan trọng để đưa pháp luật PCTN “vào cuộc sống”, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi tham nhũng, tiêu cực hiện nay.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Thanh tra Việt Nam(2023). *“Nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng.”*.
2. Bộ Tư pháp.(2020) *“Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng” Tọa đàm trên Báo Pháp luật Việt Nam.*
3. Cổng thông tin Chuyển đổi số. (2024) *“Tăng cường ứng dụng công nghệ số vào phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.”*
4. Thanh tra Chính phủ. *Báo cáo số 653/BC-CP về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024.*
5. Báo Thanh tra. (2024) *“Đà Nẵng: Chuyển đổi số góp phần phòng ngừa tham nhũng.”*
6. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012; Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 và các văn bản hướng dẫn hiện hành (để triển khai nội dung, trách nhiệm PBGDPL về PCTN).

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*TS. Nguyễn Thị Thúy Ngân<sup>226</sup> & ThS. Nguyễn Ngọc Bình<sup>227</sup>*

**Tóm tắt:** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) là thiết chế chính trị - xã hội đặc biệt, nơi hội tụ và lan tỏa ý chí nhân dân, đóng vai trò như “tai mắt” của công luận trong đời sống chính trị. Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, khi yêu cầu phân cấp, phân quyền ngày càng trở nên cấp thiết, vai trò giám sát, phản biện và tham gia kiểm soát quyền lực của Mặt trận càng được khẳng định – không chỉ về pháp lý qua Hiến pháp, Luật Mặt trận, mà còn về chính trị qua các văn kiện Đại hội Đảng. Mặt trận chính là điểm tựa để quyền lực không trượt khỏi quỹ đạo nhân dân.

**Từ khóa:** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phân cấp; phân quyền; kiểm soát quyền lực; nhà nước pháp quyền.

## 1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kiểm soát quyền lực không chỉ là yêu cầu kỹ thuật tổ chức, mà là vấn đề gốc rễ của chính trị học hiện đại – nơi quyền lực cần được chế ước bởi chính nó để tránh tha hóa. Những nỗ lực phân cấp, phân quyền từ Trung ương tới địa phương theo các nghị quyết lớn của Đảng và Nhà nước những năm gần đây không đơn thuần là cải cách hành chính, mà là hành trình làm sáng rõ ranh giới giữa “quyền lực để hành động” và “quyền lực bị kiểm soát”.

Trong đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không chỉ là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, mà còn là thiết chế đặc thù tham gia kiểm soát quyền lực theo cả chiều sâu xã hội và chiều rộng chính trị. Với quyền giám sát và phản biện được Hiến pháp và Luật pháp ghi nhận, Mặt trận chính là biểu hiện sinh động của nguyên lý: quyền lực nhà nước phải soi rọi qua lăng kính của nhân dân – chủ thể tối cao của quyền lực chính trị.

Bằng việc tham gia phản biện trước khi các quyết sách hình thành và giám sát sau khi chúng được thi hành, Mặt trận góp phần hạn chế sự tha hóa của quyền lực, bảo vệ tính chính danh và đạo lý của hệ thống chính trị, đồng thời cảnh báo những sai lệch từ trong trứng nước – nơi quyền lực, nếu không được kiểm soát, sẽ sinh ra quyền lợi, và quyền lợi không giới hạn sẽ dẫn đến tha hóa.

---

<sup>226</sup> Trường Đại học Sài Gòn

<sup>227</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

## **2. Vai trò giám sát, phản biện xã hội nhằm kiểm soát quyền lực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Trong cấu trúc vận hành của một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quyền lực nhà nước vừa phải được thiết lập vững chắc để kiến tạo trật tự và phát triển, vừa phải được kiểm soát chặt chẽ để không rơi vào tha hóa và độc đoán. Kiểm soát quyền lực vì thế không chỉ là kỹ thuật tổ chức quyền lực, mà là một vấn đề mang tính triết học chính trị sâu sắc – liên quan đến giới hạn của quyền lực và nền tảng đạo lý của quyền lực. Trong mối quan hệ ấy, giám sát và phản biện xã hội – với tư cách là biểu hiện sinh động của quyền làm chủ nhân dân – chính là một cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài hệ thống công quyền, giữ vai trò cân bằng giữa ý chí nhà nước và nhu cầu xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với tư cách là tổ chức đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không đơn thuần là cánh tay nối dài của chính quyền, mà là một thiết chế trung gian – nơi quyền lực nhà nước được tiếp nhận, phản hồi và phản chiếu thông qua lăng kính xã hội. Chính từ vai trò đó, MTTQVN trở thành một chủ thể đặc biệt trong việc thực hiện quyền lực kiểm soát mềm – một quyền lực không cưỡng chế, không áp đặt, nhưng có sức mạnh đạo đức – chính trị đủ để tạo nên sự tự điều chỉnh trong hệ thống quyền lực.

Chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận đã được xác lập rõ ràng trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 9, Điều 28), trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, được cụ thể hóa qua Quyết định 217-QĐ/TW năm 2013 và thể chế hóa trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi 2020, bổ sung 2025). Về bản chất, đây là sự thể hiện cụ thể hóa nguyên lý “dân là chủ, dân làm chủ” của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, đồng thời là biểu hiện của việc thiết lập các kênh kiểm soát quyền lực nằm ngoài hệ thống hành chính – tư pháp – lập pháp, nhưng lại thấm sâu vào đời sống chính trị – xã hội hàng ngày.

Trên thực tế, thông qua các chương trình giám sát xã hội về phòng chống tham nhũng, lãng phí, quản lý tài nguyên – môi trường, thực hiện chính sách dân sinh, cải cách hành chính, hay việc thực thi quy chế dân chủ ở cơ sở, MTTQVN đã thể hiện vai trò “con mắt của nhân dân”, phát hiện và chỉ rõ những bất cập trong quá trình thực thi quyền lực công. Nếu giám sát là để nhìn thấy những lệch chuẩn và ngăn chặn sự vận hành sai lệch của quyền lực, thì phản biện xã hội chính là sự can thiệp vào quá trình hình thành chính sách, từ đó làm cho các quyết định chính trị – pháp lý tiệm cận hơn với hiện thực, bớt đi tính chủ quan, duy ý chí, đồng thời tăng tính khả thi và đồng thuận xã hội.

Sự hiện diện của MTTQVN trong quá trình phản biện các dự thảo luật, chính sách, quy hoạch, chương trình phát triển – không chỉ là một thủ tục dân chủ hình thức, mà nếu được thực thi đúng bản chất – là sự khẳng định rằng quyền lực nhà nước không đứng bên ngoài hay đứng trên xã hội, mà là quyền lực được chế định bởi xã hội, ràng buộc bởi trách nhiệm trước nhân dân.

Đặc biệt, vai trò giám sát đạo đức công vụ, nhất là đối với người đứng đầu, trở thành tuyến đầu trong việc ngăn chặn tha hóa quyền lực từ bên trong. Khi cán bộ công quyền biết rằng mọi hành vi, thái độ, lối sống đều được đặt dưới ánh sáng của giám sát xã hội, thì họ không chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật, mà còn bị “định hình” bởi chuẩn mực đạo đức cộng đồng – điều mà không một công cụ cưỡng chế nào thay thế được. Đây chính là “quyền lực của lẽ phải” – như Habermas từng nhấn mạnh – đối lập với “quyền lực của cưỡng chế”, và là nền tảng đạo lý bền vững cho một nền chính trị văn minh.

Trong thực tiễn, các hình thức như tổ chức hội nghị đối thoại, lấy ý kiến cử tri, phản ánh kiến nghị của nhân dân, góp ý xây dựng chính quyền... cho thấy MTTQVN đang kiến tạo một không gian chính trị trung gian – nơi mà tiếng nói của người dân không bị triệt tiêu trong tính quan liêu của quyền lực nhà nước, mà được tái kết nối và nâng cấp thành năng lực kiểm soát – điều chỉnh chính sách.

### **3. Thực trạng việc tham gia kiểm soát quyền lực chính trị trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

**Thứ nhất**, trong tiến trình phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền lực nhân dân không chỉ được ghi nhận về hình thức mà phải được thể chế hóa thành thực quyền – trở thành nguyên lý tổ chức, vận hành và kiểm soát chính quyền. Điều này đòi hỏi một quá trình dân chủ hóa từ bên trong quyền lực – tức là làm cho quyền lực không mang bản chất độc quyền, mà thấm đẫm tính cộng đồng, không là “cái tôi quyền lực” mà trở thành “cái ta của công lý và nghĩa vụ”. Trong bối cảnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vừa là thiết chế chính trị - xã hội, vừa là chủ thể đạo lý – một “trái tim biết lắng nghe” trong cấu trúc vốn thiên về lý trí của nhà nước hiện đại. Việc thực thi Nghị quyết liên tịch 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP ĐCTUBTWMTTQVN đã định danh rõ vai trò thể chế của Mặt trận trong không gian quyền lực công – như một “cơ chế mềm” điều hòa giữa pháp trị và nhân trị, giữa tính pháp lý và tính nhân văn, giữa lý trí tổ chức và đạo lý cộng đồng.

**Thứ hai**, Mặt trận không chỉ là tiếng nói phản ánh lòng dân, mà còn là cơ quan chuyển hóa những nguyện vọng tản mạn thành sức mạnh chính trị có tổ chức, làm cho



quyền lực nhân dân không rơi vào tính cảm xúc nhất thời mà kết tinh thành năng lực kiểm soát bền vững. Với hơn 60.000 cuộc giám sát được triển khai trong 5 năm qua, con số đó không chỉ thể hiện năng lực hành chính, mà còn minh chứng cho sự thức tỉnh và hành động của một tinh thần công dân – nơi dân chủ không còn là “quyền được đại diện”, mà là “quyền được hiện diện và tham dự”. Đây chính là dấu hiệu của bước quá độ từ mô hình dân chủ đại diện sang dân chủ tham gia, trong đó giám sát và phản biện xã hội không còn là đặc ân của một số tổ chức, mà là hình thức hiện thực hóa quyền lực chính trị của toàn dân. Sự dịch chuyển đó là nền tảng để thiết lập một nền dân chủ có nội dung – nơi người dân không chỉ biết “bầu ai”, mà còn biết “đòi hỏi điều gì và vì sao”.

**Thứ ba**, công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận ngày càng đi sâu vào các “điểm mù” của quản trị – nơi quyền lực dễ trở nên vô hình, tùy tiện và tự trị. Những lĩnh vực như đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, cấp phép xây dựng hay tiếp công dân... chính là nơi phát lộ sự va chạm giữa hai hình thái quyền lực: quyền lực hành chính và quyền lực đạo lý. Trong thế lưỡng phân ấy, Mặt trận đóng vai trò như “lương tâm của thể chế” – nơi đưa đạo lý trở lại bàn làm việc của các cơ quan công quyền, nơi tái lập thế cân bằng giữa lợi ích cộng đồng và năng lực điều hành.

**Thứ tư**, trong bối cảnh quyền lực đang đối mặt với sự khủng hoảng đạo đức – mà biểu hiện rõ nét là tham nhũng, lãng phí và tha hóa công vụ – thì sự tham gia của MTTQ vào các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết về phòng, chống tham nhũng không chỉ là chức năng kỹ thuật, mà là một hành vi chính trị mang tính đạo đức. Đó là nơi đạo lý trở thành năng lượng kiểm soát quyền lực – không bằng quyền lực đối kháng, mà bằng sự đồng thuận mềm dẻo nhưng không thỏa hiệp.

**Thứ năm**, Mặt trận còn giữ vai trò “trâm tích hóa mâu thuẫn xã hội” – tức là làm lắng lại, kết tinh và chuyển hóa những bất mãn, khiếu nại, xung đột thành kiến nghị, đối thoại và giám sát có định hướng. Những hoạt động tiếp xúc cử tri, xử lý đơn thư, giám sát liên ngành... không chỉ là kỹ thuật tham vấn, mà là một biểu hiện của triết lý công lý từ dưới lên – nơi mà sự chính đáng không chỉ được tạo lập từ luật pháp mà còn từ tiếng nói của cộng đồng.

**Thứ sáu**, xét từ tầm nhìn triết học chính trị, giám sát và phản biện không chỉ là công cụ hành chính, mà là hình thức hiện thân của lý tưởng dân chủ: lý tưởng về một trật tự chính trị không khép kín, nơi quyền lực luôn được phản tỉnh từ bên ngoài. Trong cấu trúc ấy, MTTQ là “kênh dẫn đạo lý vào quyền lực”, là cơ chế đưa tiếng nói phân tán của

nhân dân trở thành hành vi chính trị có trọng lượng và chiều sâu – từ đó định hình chính sách, điều hướng quản trị.

**Thứ bảy,** những hoạt động giám sát của Mặt trận trên các lĩnh vực như Luật Đất đai, pháp luật tiếp dân, hay chính sách hỗ trợ trong đại dịch COVID-19... cho thấy, Mặt trận không chỉ là người phản hồi chính sách, mà là chủ thể đạo lý hóa chính sách. Chính trong sự gắn kết giữa tính hợp pháp và tính chính đáng đó, mà Mặt trận làm sâu sắc thêm tinh thần nhân văn trong nhà nước pháp quyền – nơi pháp lý không tách rời đạo lý.

**Thứ tám,** Mặt trận không chỉ là người “ngăn chặn cái sai”, mà còn là người “gieo mầm cái đúng”. Việc tham gia vào các quy trình như tuyển chọn thẩm phán, giám sát tư pháp, phòng chống tham nhũng... không chỉ là mở rộng không gian giám sát, mà là một bước tiến về chất trong dân chủ hóa quyền lực tư pháp – lĩnh vực vốn lâu nay được bao phủ bởi sự khép kín và tính hình thức.

**Thứ chín,** trong một xã hội mà lòng dân là thước đo chính danh của quyền lực, thì vai trò của Mặt trận là giữ gìn sự chính đáng ấy như một “bảo chứng đạo lý công”. Giám sát không phải chỉ để đúng quy trình, mà là để bảo đảm rằng quyền lực không thoát khỏi đạo lý và trách nhiệm xã hội – nơi mọi hành vi công quyền đều chịu sự kiểm định của cộng đồng.

**Thứ mười,** ở cấp độ căn bản nhất, quyền lực trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thể chỉ được hợp pháp hóa bằng pháp luật mà còn phải được chính đáng hóa bằng sự đồng thuận đạo lý từ nhân dân. Mặt trận – với vai trò là thiết chế đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân – chính là người bảo hộ cho sợi dây nối kết giữa pháp trị và công lý xã hội, giữa quyền lực và dân tộc, giữa Nhà nước và nhân dân.

#### **4. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tham gia kiểm soát quyền lực chính trị trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Bước vào kỷ nguyên mới – một giai đoạn có thể gọi là *khởi điểm lịch sử* của công cuộc hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc – công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không còn là một lựa chọn chính trị, mà là một tất yếu lịch sử. Trong cấu trúc đó, vấn đề kiểm soát quyền lực, đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, phát huy quyền làm chủ của nhân dân không chỉ là những yêu cầu kỹ thuật quản trị, mà là thước đo bản chất dân chủ và trình độ tự điều chỉnh của toàn bộ hệ thống chính trị. Nhận thức rõ điều này, Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết 04/NQ-CP của Chính phủ đã nhấn mạnh yêu cầu “phân cấp, phân quyền, xác

định rõ trách nhiệm” – như một lời khẳng định rằng quyền lực, để chính đáng, không thể đứng ngoài giám sát.

**Thứ nhất,** quyền lực chính trị chỉ đạt được tính chính danh khi nó bị giới hạn, ràng buộc và liên tục soi chiếu dưới ánh sáng của pháp luật và sự giám sát xã hội. Trong kết cấu của nhà nước pháp quyền hiện đại, quyền lực không phải là hiện thân của chân lý, mà chỉ có giá trị khi nó được định chế hóa bằng pháp luật và thường xuyên được phản tỉnh bởi quần chúng nhân dân. Đây là tinh thần xuyên suốt trong tư tưởng Montesquieu về *phân quyền*, trong quan điểm Rousseau về *ý chí chung*, và đặc biệt là trong tư tưởng của Lênin, người từng cảnh báo rằng: *“Không có sự kiểm soát của quần chúng thì nhà nước, dù mang danh nghĩa gì, cũng đều có thể tha hóa.”* Với vai trò là liên minh chính trị – xã hội rộng lớn nhất của hệ thống chính trị Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc không chỉ là kênh hội tụ của lòng dân, mà còn là một thiết chế phản biện cấu trúc – nơi tiếng nói của nhân dân được thể chế hóa và thẩm thấu vào hoạt động quyền lực công. Sự hiện diện của Mặt trận trong đời sống chính trị không phải là thứ yếu, mà là biểu tượng cho tính chính đáng của quyền lực – quyền lực không được tự ban phát, mà phải được “chứng nhận” bằng sự đồng thuận và kiểm soát xã hội.

**Thứ hai,** các hiện tượng như tham nhũng, lãng phí, và sự suy thoái đạo đức công vụ là biểu hiện trực tiếp của một loại quyền lực đã bị tha hóa – tức là quyền lực đã mất đi mối liên hệ với nhân dân và bị tách rời khỏi đạo lý công chính. Tha hóa quyền lực không chỉ là sai lầm cá nhân, mà là hệ quả của một môi trường thiếu kiểm soát, thiếu đối thoại và thiếu cơ chế phản biện hiệu quả. Trong bối cảnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được xác lập rõ ràng như một cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài, mang tính xã hội – công dân, nhưng đồng thời nằm trong lòng thể chế chính trị hiện hành. Với mạng lưới rộng khắp và khả năng bám sát thực tiễn từ trung ương đến tận cộng đồng dân cư, Mặt trận không chỉ là “tai mắt của dân” mà còn là trạm tiếp nhận và tái phân phối năng lượng xã hội, nơi mà các xung đột về lợi ích, sự bất bình về chính sách, và cả những nghịch lý của đời sống công vụ được lắng nghe, tích tụ và chuyển hóa thành nguồn dữ liệu chính trị để điều chỉnh hoạt động công quyền. Chính điều này tạo nên “sức mạnh mềm” nhưng đầy trọng lượng, khiến quyền lực không thể vận hành tùy tiện hay đứng ngoài sự phán xét của nhân dân.

**Thứ ba,** phản biện xã hội không phải là hành vi đối kháng, mà là một hình thức phản tư chính trị – nơi quyền lực công được thúc đẩy để tự hiệu mình, tự điều chỉnh mình và tự hoàn thiện trong ánh sáng của lý trí và đạo lý. Từ góc nhìn triết học chính trị hiện

đại, phản biện không nằm ngoài Nhà nước, mà chính là bộ phận cấu thành bản chất dân chủ của quyền lực chính trị. Một nhà nước pháp quyền chỉ thực sự “pháp quyền” khi chính nó biết lắng nghe, thẩm định lại chính sách và điều chỉnh mình theo tiếng nói của xã hội. Trong ý nghĩa đó, Mặt trận Tổ quốc không thể chỉ là “người thẩm định sau cùng” mà phải trở thành “người đồng kiến tạo” từ đầu – một chủ thể được trao quyền tham gia có trách nhiệm, từ quá trình thiết kế chính sách đến đánh giá hậu chính sách. Chỉ khi các hội nghị đối thoại, thảo luận luật, kế hoạch phát triển được tổ chức một cách thực chất và khai phóng, thì người dân mới thôi là “đối tượng chịu tác động” và thực sự trở thành chủ thể đồng hành cùng quyền lực – nơi mà dân chủ không còn là thủ tục, mà trở thành cấu trúc sống của thiết chế chính trị.

**Thứ tư**, giám sát xã hội không đơn thuần là hành vi kiểm tra hành chính, mà là sự hiện thực hóa quyền công dân và trách nhiệm chính trị tập thể của cộng đồng. Một xã hội dân chủ đích thực là xã hội nơi công dân có quyền chất vấn quyền lực, nơi mọi hoạt động công quyền đều phải đặt mình dưới ánh sáng của minh bạch và giải trình. Giám sát, trong nghĩa đó, là hành vi bảo vệ đạo lý công cộng chứ không chỉ là kỹ thuật hành chính. Chính vì thế, MTTQ phải chủ động và kiên quyết đẩy mạnh giám sát ở những lĩnh vực thiết thân nhất: từ quản lý đất đai, tài chính công đến cải cách hành chính, đạo đức công vụ, và các chính sách an sinh. Đặc biệt, việc giám sát thực hiện Quy định 124-QĐ/TW về rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên cần được nâng lên thành một giá trị văn hóa chính trị bền vững – nơi người cán bộ không chỉ “hành xử đúng quy trình”, mà còn phải “hành động đúng đạo lý”. Khi đó, giám sát không còn là nỗi sợ bị bắt lỗi, mà là cơ chế dưỡng liêm và định hình phẩm cách công quyền, giúp quyền lực không rơi vào tha hóa mà luôn soi rọi bởi ánh nhìn của cộng đồng.

**Thứ năm**, trách nhiệm giải trình không thể là hành vi tùy nghi hay phản ứng bị động, mà phải trở thành một cấu phần hữu cơ và thường trực của quyền lực công. Trong một nhà nước dân chủ, quyền lực chỉ chính đáng khi nó có khả năng tự làm rõ mình trước nhân dân – không chỉ bằng kết quả, mà cả bằng quá trình. Giải trình là hành vi “làm sáng tỏ” đạo lý của hành động công quyền, là sự trả lời không chỉ với pháp luật, mà còn với công luận và lương tri cộng đồng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với tư cách là “liên minh lòng dân”, cần chủ động thiết lập và duy trì các cơ chế đối thoại định kỳ, nơi quyền lực không phát biểu đơn phương mà buộc phải “giải nghĩa trước công chúng”. Những hoạt động như tham dự tiếp dân, giám sát giải quyết khiếu nại tố cáo, theo dõi công tác cán bộ... không chỉ mang tính nghiệp vụ, mà là cách thức kéo quyền lực ra khỏi vỏ bọc của

quyền uy, đặt nó vào không gian ánh sáng của công luận – nơi mỗi quyết sách phải vượt qua được thử thách của lý trí xã hội và cảm quan đạo đức cộng đồng.

**Thứ sáu,** không có nền dân chủ nào được thực hiện nếu thiếu những con người mang tinh thần dân chủ. Mọi cơ chế giám sát, phản biện, đối thoại sẽ rơi vào hình thức nếu thiếu một đội ngũ cán bộ Mặt trận dám nghĩ, dám nói và dám hành động vì lợi ích chung. Cán bộ Mặt trận hôm nay phải là những người có năng lực pháp lý, hiểu biết chính sách, nhưng trên hết phải có bản lĩnh đạo đức và sự trung thực chính trị – dám nói sự thật, dám đối diện với bất cập, và dám đứng về phía nhân dân. Không chỉ cần “hiểu luật”, họ còn phải “hiểu dân”; không chỉ cần trung thành với vị trí công vụ, mà còn phải trung thực với lương tâm công dân. Đó là tiền đề để phát huy thực chất vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, những “tai mắt của nhân dân” – nơi Mặt trận không chỉ hiện diện ở trung ương mà thấm sâu vào mạch sống cơ sở, làm nên sức mạnh đạo lý và sự tỉnh thức cho hệ thống quyền lực.

**Thứ bảy,** giám sát trách nhiệm nêu gương và minh bạch tài sản không chỉ là kỹ thuật quản lý cán bộ, mà là hành vi đạo lý mang tính phòng ngừa từ gốc rễ sự tha hóa của quyền lực. Trong một thể chế chính trị dựa trên niềm tin công, việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập không chỉ để “biết cho rõ”, mà còn để “răn dạy bằng sự minh bạch”. Khi quyền lực được đặt vào khuôn khổ đạo đức, khi chức vụ gắn với trách nhiệm nêu gương, thì quyền lực mới trở thành phương tiện phụng sự chứ không phải đặc quyền hưởng thụ. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong vai trò giám sát xã hội, cần thúc đẩy các cơ chế giám sát tài sản một cách độc lập, thường xuyên và có hiệu lực – coi đó là không gian đạo đức của công quyền, nơi sự trung thực không phải là lựa chọn cá nhân mà là chuẩn mực công vụ. Chính sự ràng buộc đó mới tạo ra “nỗi sợ lành mạnh” cho những ai nắm giữ quyền lực – một nỗi sợ trước nhân dân, chứ không phải sợ trước tổ chức.

**Cuối cùng,** ở một xã hội thực sự tiến bộ, quyền lực không chỉ cần được hợp pháp hóa bằng thể thức pháp lý, mà còn phải được chính đáng hóa bằng sự đồng thuận xã hội và ánh sáng thường trực của công luận. Sự chính đáng ấy không thể có được nếu thiếu vắng vai trò của những thiết chế trung gian như Mặt trận – nơi chuyển hóa lòng dân thành ý chí chính trị, và chuyển ý chí ấy thành phản biện, giám sát và kiến tạo chính sách. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không chỉ là kênh phản ánh nguyện vọng, mà còn là “kênh đạo lý hóa quyền lực” – nơi quyền lực được nhân dân chuẩn y không chỉ qua phiếu bầu, mà qua kiểm chứng đạo đức, trách nhiệm và sự minh bạch thường xuyên. Trong ý nghĩa đó, một mô hình dân chủ có nội dung là mô hình trong đó mọi hành vi công quyền đều được rọi

chiếu bởi pháp luật, giám sát bởi nhân dân, và kiểm chứng bởi lương tri công cộng. Chỉ khi ấy, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới không chỉ là một thiết chế, mà trở thành hiện thân sống động của niềm tin, trách nhiệm và sự tiến bộ xã hội.

## **5. Kết luận:**

Trong một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nơi pháp luật là tối thượng và nhân dân là chủ thể, thì giám sát và phản biện xã hội không chỉ là quyền năng của nhân dân, mà còn là thiết chế bảo đảm cho quyền lực không bị tha hóa. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nếu biết phát huy đầy đủ vai trò này, không chỉ là “bệ đỡ chính trị” cho chính quyền, mà còn là “tấm gương lương tri” phản chiếu phẩm chất của quyền lực, góp phần hiện thực hóa lý tưởng cao đẹp: Nhà nước của dân, do dân, vì dân – một cách không hình thức, không tô vẽ, mà là thực chất, sâu xa và bền vững.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội

3. Quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN

4. Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

5. Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng yêu cầu thực hiện nhiều giải pháp về PCTN

6. <https://tapchicongsan.org.vn>

7. <https://tapchimattran.vn>

# GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ GIÁM SÁT CỦA CÔNG DÂN VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Lê Thị Tuyết Nhung*<sup>228</sup>

*Phan Lê An*<sup>229</sup>

**Tóm tắt:** Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ then chốt trong xây dựng một nền hành chính công khai, minh bạch và phục vụ nhân dân. Để công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt hiệu quả thực chất, cần tạo điều kiện để người dân và xã hội trở thành chủ thể giám sát tích cực, góp phần xây dựng chính quyền liêm chính, minh bạch và gần dân. Thành phố Hồ Chí Minh - đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước - công tác này càng trở nên cấp thiết, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong đó, phát huy vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội là yếu tố then chốt nhằm phát hiện, ngăn ngừa, và từng bước đẩy lùi các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực ngay từ cơ sở. Bài viết sẽ tập trung vào các vấn đề: (1) Đánh giá vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Thành phố Hồ Chí Minh; (2) Đề xuất một số giải pháp trọng tâm phát huy vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội.

**Từ khóa:** Giám sát, công dân, tổ chức xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

## 1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực luôn được xác định là một trong những công việc trọng tâm, xuyên suốt và mang tính sống còn. Tham nhũng không chỉ gây thiệt hại về tài sản, làm suy giảm hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn là nguyên nhân trực tiếp làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền. Do đó, bên cạnh các thiết chế kiểm soát nội bộ, sự tham gia giám sát của công dân và các tổ chức xã hội chính là “lực lượng bên ngoài” cần thiết, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc ngăn ngừa, phát hiện và đẩy lùi các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, mạnh mẽ của

---

<sup>228</sup> *Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh*

<sup>229</sup> *Sinh viên Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh*

cả hệ thống chính trị, trong đó việc phát huy vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội được xem là một trong những giải pháp quan trọng mang tính căn cơ, lâu dài.

Tại Việt Nam, chủ trương phát huy quyền giám sát của nhân dân đã được Đảng và Nhà nước cụ thể hóa bằng nhiều văn bản pháp lý quan trọng. Hiến pháp năm 2013 khẳng định quyền làm chủ của nhân dân, trong đó có quyền giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, cán bộ, công chức. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015... đều nhấn mạnh vai trò của công dân và các tổ chức xã hội trong giám sát hoạt động công vụ, phát hiện và phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi thiếu minh bạch trong quản lý và sử dụng tài sản công.

Thành phố Hồ Chí Minh - đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ lớn nhất cả nước - là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh việc phát huy vai trò giám sát xã hội. Đồng thời, đây cũng là địa bàn có nhiều thách thức trong quản lý hành chính, khi quy mô dân số, hoạt động đầu tư, xây dựng và dịch vụ đều ở mức cao, kéo theo nguy cơ phát sinh sai phạm, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, công chức. Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cũng như các cơ quan nội chính của Thành phố đã tích cực vào cuộc, phát hiện và xử lý nhiều vụ việc sai phạm lớn liên quan đến đất đai, đầu tư công, quản lý ngân sách, bổ nhiệm cán bộ... Tuy nhiên, nhiều vụ việc trong số đó chỉ được phát hiện khi đã xảy ra hậu quả nghiêm trọng hoặc có phản ánh, tố cáo từ nhân dân, báo chí, hoặc các tổ chức xã hội. Điều này càng khẳng định vai trò to lớn của giám sát xã hội trong việc phòng ngừa và cảnh báo sớm các hành vi vi phạm, giúp bộ máy nhà nước điều chỉnh, sửa sai và hoàn thiện cơ chế quản lý.

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, vai trò giám sát của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Một số nguyên nhân có thể kể đến là: Cơ chế pháp lý bảo đảm cho công dân thực hiện quyền giám sát chưa hoàn thiện, thiếu các quy định cụ thể về nội dung, phạm vi, hình thức và quy trình giám sát. Cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, tố cáo từ người dân còn chậm trễ, thiếu minh bạch, khiến cho nhiều phản ánh không được xử lý kịp thời hoặc bị “bỏ qua”. Việc bảo vệ người tố cáo còn lỏng lẻo, khiến người dân e ngại, không dám tham gia giám sát, phản ánh tiêu cực. Một số tổ chức xã hội như Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội nghề nghiệp tuy có chức năng giám sát nhưng còn thiếu nguồn lực, phương tiện, kỹ năng và cơ chế phối hợp với chính



quyền để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ. Sự hạn chế về nhận thức, thông tin và trình độ pháp lý của một bộ phận người dân khiến việc tham gia giám sát còn mang tính hình thức, tự phát, thiếu tính tổ chức và chiều sâu. Trong khi đó, bản chất của mô hình chính quyền đô thị là tăng cường quyền lực cho cơ quan hành chính, rút gọn các tầng nấc trung gian để nâng cao hiệu quả điều hành. Nhưng nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả từ nhân dân và xã hội, nguy cơ phát sinh tình trạng lạm quyền, nhũng nhiễu, tiêu cực tại cơ sở là hoàn toàn có thể xảy ra.

## **2. Đánh giá vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Trong những năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều nỗ lực nhằm đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gắn với yêu cầu cải cách hành chính, hiện đại hóa nền công vụ và tăng cường kiểm soát quyền lực. Bên cạnh các thiết chế nhà nước như Thanh tra, Kiểm tra Đảng, Kiểm toán Nhà nước, Công an, Viện Kiểm sát..., vai trò giám sát của người dân và các tổ chức xã hội ngày càng được chú trọng. Tuy nhiên, trên thực tế, vai trò này vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được hết tiềm năng và chức năng vốn có. Có thể khái quát thực trạng qua một số điểm sau:

### *(a) Nhận thức về vai trò giám sát của công dân và tổ chức xã hội còn hạn chế*

Một bộ phận người dân vẫn chưa ý thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ giám sát của mình đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, dẫn đến sự thụ động trong tiếp cận thông tin và phản ánh các sai phạm. Tâm lý e ngại, sợ bị trả thù khi tố cáo, phản ánh tiêu cực vẫn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt trong những vụ việc liên quan đến cán bộ có chức vụ, quyền hạn. Đây là một rào cản tâm lý lớn khiến người dân lựa chọn im lặng thay vì thực hiện quyền giám sát hợp pháp. Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ về quyền giám sát của công dân, thậm chí có biểu hiện né tránh, gây khó khăn hoặc hạn chế sự tham gia của người dân vào các hoạt động giám sát. Tình trạng này làm cho mối quan hệ giữa chính quyền và người dân thiếu sự tương tác hai chiều, khiến quá trình giám sát xã hội bị “hành chính hóa” - tức là chỉ mang tính thủ tục, hình thức, không thực sự phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Nếu không khắc phục, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đồng thời làm giảm niềm tin của người dân vào bộ máy công quyền.

### *(b) Cơ chế, chính sách giám sát của công dân còn hình thức, thiếu hiệu lực thực tiễn*

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai nhiều kênh tiếp nhận ý kiến từ người dân như: cổng thông tin 1022, hệ thống phản ánh hiện trường, các ứng dụng dịch

vụ công trực tuyến... Tuy nhiên, nhiều kênh hoạt động chưa hiệu quả, xử lý phản ánh còn chậm. Việc ban hành các chính sách cụ thể để thể chế hóa quyền giám sát của người dân còn chậm. Nhiều quy định mới chỉ dừng ở mức nguyên tắc (như Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 hay Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022), chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về cơ chế giám sát xã hội độc lập, giám sát từ cộng đồng cư dân đô thị, các nhóm tự nguyện. Đây là “khoảng trống pháp lý” khiến việc giám sát xã hội thiếu chỗ đứng vững chắc về mặt thể chế.

*(c) Vai trò của các tổ chức xã hội, báo chí, đoàn thể còn mang tính hình thức*

Trong hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên (Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân...) được giao nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, năng lực thực hiện của nhiều tổ chức còn hạn chế. Theo đánh giá của Ban Dân vận Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (Báo cáo tổng kết năm 2023), nhiều cuộc giám sát của Mặt trận còn “thiếu chiều sâu, chủ yếu mang tính ghi nhận”<sup>230</sup> và ít có kiến nghị sắc bén, mang tính phản biện chính sách.

Bên cạnh đó, phần lớn các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội tự quản tại cộng đồng dân cư (như tổ dân phố, ban điều hành khu phố) mới chỉ dừng ở việc phổ biến thông tin, chưa thực sự tham gia vào việc phát hiện, giám sát sai phạm. Họ cũng thường thiếu nguồn lực về con người, tài chính, và không có quyền tiếp cận thông tin đầy đủ để thực hiện giám sát.

Vai trò của báo chí trong giám sát xã hội tuy có nhiều đóng góp quan trọng nhưng đôi khi còn bị cản trở bởi rào cản pháp lý, hạn chế tiếp cận nguồn tin, hoặc tâm lý tự kiểm duyệt. Một số vụ việc tiêu cực được phát hiện, phanh phui trên báo chí, song sau đó không được xử lý đến nơi đến chốn, khiến dư luận mất niềm tin vào hiệu quả của kênh giám sát này.

*(d) Minh bạch thông tin - điều kiện tiên quyết để giám sát - còn chưa đầy đủ*

Giám sát xã hội muốn đạt hiệu quả thực chất phải dựa trên nền tảng công khai, minh bạch thông tin từ phía chính quyền. Đây là điều kiện tiên quyết để công dân và các tổ chức xã hội có thể tiếp cận, phân tích và đưa ra những phản hồi, kiến nghị xác đáng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc công khai hiện nay ở một số cơ quan, đơn vị vẫn mang tính đối phó hoặc hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu về tính kịp thời, đầy đủ và dễ tiếp cận. Mặc dù Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã quy định rõ trách nhiệm minh bạch

---

<sup>230</sup> <https://nhandan.vn/bai-4-giam-sat-phan-bien-phat-huy-vai-tro-cua-nhan-dan-post753189.html>, truy cập lúc 15 giờ 55 phút ngày 11/8/2025

trong tổ chức bộ máy, quy hoạch, sử dụng ngân sách, công tác đấu thầu, tuyển dụng... nhưng ở nhiều địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, các nội dung này chưa được cập nhật thường xuyên, hoặc chỉ công bố ở những vị trí, hình thức khiến người dân khó tiếp cận như bảng tin khuất tầm nhìn, tài liệu lưu hành nội bộ, hoặc website nhưng không có tính năng tìm kiếm hiệu quả. Điều này không chỉ hạn chế quyền giám sát hợp pháp của công dân mà còn làm giảm tính răn đe, phòng ngừa vi phạm. Do đó, cần áp dụng các hình thức công khai hiện đại, dễ tiếp cận, đặc biệt qua môi trường số, đồng thời bảo đảm trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền.

*(e) Một số mô hình giám sát hiệu quả nhưng chưa được nhân rộng*

Dù còn nhiều hạn chế, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn có một số mô hình giám sát sáng tạo và hiệu quả đáng ghi nhận. Chẳng hạn, mô hình “Bản đồ số phản ánh hiện trường” do UBND Quận 1 triển khai từ năm 2021<sup>231</sup> giúp người dân phản ánh sự vụ kịp thời thông qua hình ảnh định vị trực tuyến. Hay mô hình “Chính quyền số và đô thị thông minh” của Thành phố Thủ Đức trước đây bước đầu cho phép người dân giám sát quy hoạch, cấp phép xây dựng, xử lý vi phạm trật tự đô thị qua hệ thống dữ liệu mở. Tuy nhiên, các mô hình này còn mang tính thí điểm, chưa có hành lang pháp lý cụ thể để triển khai đồng bộ trên toàn thành phố. Điều này khiến các địa phương khác còn dè dặt, thiếu mạnh dạn trong đổi mới cơ chế tiếp cận giám sát xã hội.

Từ các phân tích nêu trên, có thể thấy: Vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh tuy đã được nhận thức và từng bước triển khai, nhưng vẫn còn nhiều rào cản cả về thể chế, kỹ thuật, nhận thức và điều kiện thực tiễn. Để giám sát xã hội trở thành một kênh kiểm soát quyền lực hiệu quả, cần có những giải pháp mang tính đồng bộ, hệ thống và đột phá - không chỉ ở cấp trung ương mà cả ở cấp địa phương - nhằm tháo gỡ các “điểm nghẽn” hiện hữu và thúc đẩy sự tham gia thực chất, mạnh mẽ của toàn xã hội vào quá trình xây dựng một nền hành chính minh bạch, liêm chính, gần dân, vì dân.

### **3. Đề xuất một số giải pháp trọng tâm phát huy vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội**

*Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật và quy định cụ thể về giám sát xã hội*

Để hoạt động giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt hiệu quả, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các quy

---

<sup>231</sup> <https://www.hcmcnpv.org.vn/tin-tuc/quan-1-lang-nghe-giai-dap-nhung-kien-nghi-phan-anh-cua-nhan-dan-1491906039>, truy cập lúc 16 giờ 03 phút ngày 11/8/2025

định cụ thể là yêu cầu cấp thiết. Hiện nay, nhiều quy định về giám sát đã được đề cập trong Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tiếp cận thông tin... nhưng còn phân tán, thiếu tính ràng buộc và chưa cụ thể hóa cho bối cảnh đô thị đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố cần xây dựng cơ chế pháp lý thống nhất, quy định rõ quyền, trách nhiệm, phạm vi, phương thức giám sát của công dân và tổ chức xã hội; đồng thời, xác định nghĩa vụ giải trình của các cơ quan, đơn vị bị giám sát. Nên ban hành quy trình tiếp nhận, xử lý, phản hồi kiến nghị giám sát với thời hạn cụ thể và chế tài xử lý khi vi phạm. Ngoài ra, các văn bản pháp luật cần quy định rõ quyền tiếp cận thông tin, đảm bảo mọi số liệu về ngân sách, đầu tư, đấu thầu... được công khai, minh bạch và dễ tiếp cận. Khi khung pháp lý được hoàn thiện, hoạt động giám sát sẽ có cơ sở vững chắc, minh bạch hơn và trở thành một kênh quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực.

*Thứ hai, nâng cao nhận thức và năng lực giám sát của công dân trong phòng, chống tham nhũng*

Hoạt động giám sát của công dân là một trong những biểu hiện cụ thể của quyền làm chủ, được Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản pháp luật bảo đảm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều người dân chưa thực sự hiểu rõ quyền này, dẫn đến tâm lý e ngại hoặc chưa biết cách tham gia giám sát đúng pháp luật. Vì vậy, trước tiên cần nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cần thiết cho công dân để họ có thể tham gia giám sát một cách chủ động, khoa học và hiệu quả.

Các cơ quan chức năng, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cần triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật một cách đa dạng và gần gũi, như: qua các buổi tọa đàm ở khu dân cư, phát hành tài liệu hướng dẫn, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, hoặc lồng ghép nội dung vào các hoạt động văn hóa - xã hội. Bên cạnh đó, cần mở các khóa tập huấn về kỹ năng thu thập thông tin, phân tích số liệu, viết báo cáo giám sát, cũng như kỹ năng đối thoại, tranh luận để công dân có thể trao đổi, phản ánh ý kiến một cách thuyết phục. Chẳng hạn, nhiều tỉnh thành đã tổ chức lớp “Kỹ năng giám sát đầu tư cộng đồng”, giúp người dân biết cách kiểm tra hồ sơ thiết kế, giám sát tiến độ, đánh giá chất lượng công trình, từ đó kịp thời phát hiện sai sót và kiến nghị điều chỉnh.

Ngoài đào tạo trực tiếp, việc ứng dụng các nền tảng trực tuyến để cung cấp tài liệu, video hướng dẫn cũng rất cần thiết, đặc biệt với nhóm người trẻ và người ở xa trung tâm. Khi nhận thức và kỹ năng được nâng cao, công dân không chỉ tham gia giám sát một cách

hiệu quả hơn, mà còn hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, góp phần củng cố nền tảng của xã hội dân chủ, minh bạch.

*Thứ ba, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội trong giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*

Trong bối cảnh tham nhũng, tiêu cực vẫn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, việc phát huy vai trò của các tổ chức xã hội trong giám sát công tác phòng, chống tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết. Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... có lợi thế về mạng lưới rộng khắp, am hiểu địa bàn và gắn bó mật thiết với nhân dân, từ đó có khả năng phát hiện sớm dấu hiệu vi phạm. Thành phố cần tạo cơ chế pháp lý rõ ràng để các tổ chức này được tham gia giám sát độc lập, có quyền tiếp cận hồ sơ, dữ liệu liên quan và được bảo đảm an toàn khi kiến nghị. Đồng thời, nên khuyến khích hình thành các nhóm giám sát chuyên đề về quản lý ngân sách, đầu tư công, quy hoạch - xây dựng, vốn là những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Việc phối hợp giữa các tổ chức xã hội và báo chí cũng rất quan trọng nhằm tăng tính minh bạch, tạo sức ép buộc các cơ quan chức năng xử lý sai phạm. Khi vai trò giám sát được phát huy, các tổ chức xã hội sẽ trở thành “tai mắt” của nhân dân, góp phần ngăn ngừa, răn đe và từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, xây dựng chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh liêm chính, gần dân.

*Thứ tư, hoàn thiện cơ chế phản hồi và xử lý kết quả giám sát*

Hiệu quả của giám sát không chỉ phụ thuộc vào việc phát hiện vấn đề, mà còn ở chỗ vấn đề đó có được giải quyết hay không. Một hạn chế phổ biến hiện nay là nhiều kiến nghị giám sát chưa được các cơ quan, tổ chức liên quan tiếp thu và phản hồi kịp thời, thậm chí bị bỏ qua. Điều này khiến người dân và tổ chức xã hội mất niềm tin, dẫn đến giảm nhiệt huyết tham gia giám sát.

Để khắc phục, cần xây dựng cơ chế pháp lý rõ ràng về trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức bị giám sát. Mỗi kiến nghị cần được tiếp nhận, phân loại, xử lý trong thời hạn cụ thể và có phản hồi bằng văn bản hoặc công khai trên các kênh thông tin chính thức. Chế tài xử lý đối với các trường hợp không phản hồi hoặc xử lý chậm trễ cũng cần được quy định minh bạch.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Có thể triển khai các nền tảng phản ánh trực tuyến, ứng dụng di động hoặc hệ thống tiếp nhận phản ánh 24/7 để người dân và tổ chức gửi thông tin nhanh chóng. Mô hình “công thông tin minh bạch” của Hàn Quốc - nơi mọi phản ánh đều phải được phản hồi trong vòng 15 ngày

- là một kinh nghiệm quốc tế mà Việt Nam có thể tham khảo. Một số địa phương trong nước cũng đã thử nghiệm hệ thống “đường dây nóng” hoặc “bản đồ phản ánh hiện trường” để tiếp nhận và xử lý kiến nghị về hạ tầng, môi trường, an toàn giao thông.

Khi cơ chế phản hồi được hoàn thiện, hoạt động giám sát sẽ khép kín theo chu trình: phát hiện vấn đề - kiến nghị giải pháp - xử lý - công khai kết quả. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn tăng cường tính minh bạch, củng cố niềm tin của nhân dân vào bộ máy công quyền.

*Thứ năm, tăng cường ứng dụng công nghệ số và dữ liệu mở trong hoạt động giám sát*

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin trở thành giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả giám sát xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh cần đẩy mạnh xây dựng và vận hành các “cổng dữ liệu mở” (open data) tập hợp thông tin về ngân sách, quy hoạch, đầu tư công, đấu thầu, cấp phép xây dựng... được cập nhật định kỳ, dễ tìm kiếm và thân thiện với người dùng. Dữ liệu cần được trình bày minh bạch, có thể tải xuống để công dân và các tổ chức xã hội phân tích, đối chiếu và phát hiện dấu hiệu bất thường. Song song đó, nên phát triển ứng dụng di động và nền tảng trực tuyến tiếp nhận phản ánh, tích hợp chức năng gửi ảnh, video, định vị GPS và bảo mật danh tính. Việc kết nối dữ liệu với bản đồ số cũng giúp trực quan hóa các vấn đề, hỗ trợ giám sát từ xa. Khi công nghệ số được khai thác triệt để, hoạt động giám sát sẽ vượt qua giới hạn về thời gian và địa điểm, giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp, đồng thời tạo ra môi trường minh bạch, khuyến khích sự tham gia rộng rãi của công dân và tổ chức xã hội.

*Thứ sáu, bảo vệ và khuyến khích người tố cáo, phản ánh tiêu cực*

Một rào cản lớn đối với hoạt động giám sát hiện nay là tâm lý e ngại bị trả thù hoặc chịu áp lực từ các bên liên quan. Do đó, Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng cơ chế bảo vệ người tố cáo chặt chẽ và khả thi, bao gồm: bảo mật tuyệt đối thông tin cá nhân, đảm bảo an toàn cho bản thân và gia đình, hỗ trợ pháp lý khi cần thiết. Các quy định này cần được triển khai đồng bộ từ cấp thành phố đến phường, xã để người dân có thể yên tâm khi phản ánh tiêu cực. Bên cạnh bảo vệ, cần có chính sách khuyến khích, khen thưởng và biểu dương kịp thời những cá nhân, tổ chức phát hiện và cung cấp thông tin chính xác, góp phần ngăn chặn hoặc xử lý sai phạm. Điều này không chỉ tạo động lực cho người dân tích cực tham gia giám sát, mà còn lan tỏa thông điệp xã hội về sự tôn trọng và ghi nhận đối với hành động dũng cảm, góp phần xây dựng môi trường quản lý nhà nước trong sạch, minh bạch và gần dân hơn.

#### **4. Kết luận**

Trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế - văn hóa - khoa học kỹ thuật lớn của cả nước, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách vừa lâu dài. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội đã có những đóng góp quan trọng trong phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều hành vi vi phạm, góp phần nâng cao tính minh bạch, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền Thành phố. Tuy nhiên, hoạt động giám sát xã hội vẫn còn hạn chế về khung pháp lý, cơ chế phối hợp, năng lực và nguồn lực thực hiện. Nhận thức của một bộ phận người dân về quyền và trách nhiệm giám sát chưa đầy đủ; một số tổ chức xã hội hoạt động hình thức, thiếu công cụ và kỹ năng chuyên sâu; phản hồi từ cơ quan, tổ chức bị giám sát chưa kịp thời, chưa triệt để.

Để nâng cao hiệu quả giám sát xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại Thành phố Hồ Chí Minh, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: hoàn thiện pháp luật và quy định cụ thể về giám sát xã hội; bảo đảm cơ chế phản hồi và xử lý kiến nghị minh bạch; bảo vệ người tố cáo và người giám sát; nâng cao năng lực, kỹ năng cho các chủ thể giám sát; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để tiếp nhận và phân tích thông tin; tăng cường liên kết, phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, báo chí, tổ chức nghề nghiệp và cộng đồng dân cư... Việc phát huy hiệu quả vai trò giám sát của công dân và các tổ chức xã hội không chỉ giúp phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, tiêu cực mà còn tạo dựng môi trường quản trị minh bạch, liêm chính, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là nhiệm vụ cần có sự quyết tâm chính trị cao, sự phối hợp đồng bộ giữa hệ thống chính trị và nhân dân, cùng với việc xây dựng một nền văn hóa không khoan nhượng với tham nhũng và tiêu cực.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Hồ Chí Minh. (2021). *Về phòng chống tham nhũng*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật
2. Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng 2018
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2018, *Luật phòng, chống tham nhũng* ngày 20/11/2018;
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Cán bộ, công chức* 2008, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội;
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015*.

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019*;

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở 2022*



# NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NHẪM PHÒNG CHỐNG LÃNG PHÍ, THAM NHŨNG KHI THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

*TS. Mai Đình Lâm<sup>232</sup>*

**Tóm tắt:** Với mục tiêu tinh gọn bộ máy và xây dựng nền hành chính hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Để chính quyền địa phương hoạt động có thể chủ động trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, việc phân cấp, phân quyền liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước là yêu cầu khách quan. Để phòng chống lãng phí, tham nhũng khi phân cấp, phân quyền liên quan đến quản lý ngân sách, thì việc nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước của chính quyền địa phương là yếu tố rất quan trọng. Bài viết khái quát về phân cấp, phân quyền trong quản lý ngân sách giữa chính quyền trung ương và địa phương khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước trong thời gian tới.

**Từ khóa:** hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước; tham nhũng, lãng phí; chính quyền địa phương hai cấp.

## 1. Khái quát về phân cấp, phân quyền trong quản lý ngân sách khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Thực hiện kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “*Giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng đề án, tờ trình Bộ Chính trị về sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.*”

Đồng thời, tại Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Theo đó, Chính quyền địa phương 2 cấp gồm cấp tỉnh (gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và cấp xã gồm xã, phường (trong đất liền) và đặc khu (ở hải đảo); bỏ đơn vị hành chính cấp huyện và thị trấn.

---

<sup>232</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Để thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, và đảm bảo cho bộ máy hoạt động gắn với chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương, trong lĩnh vực quản lý ngân sách đã thực hiện phân cấp, phân quyền đã được quy định cụ thể ở Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Theo đó, về nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách được quy định tại Điều 9, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 “Ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể” và “Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo..., ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao,...”. Với nguyên tắc đó, quản lý ngân sách nhà nước được phân cấp, phân quyền thuộc các nhóm:

*Thứ nhất*, về phân cấp, phân quyền trong quản lý thu ngân sách nhà nước

Với nguyên tắc ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo trong việc quản lý các nguồn thu có tính chất quốc gia, mang tầm vĩ mô. Ngân sách trung ương sẽ được nhận nguồn thu từ 100% thuế xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung, thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng nhập khẩu; thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi chia từ hoạt động dầu khí; viện trợ không hoàn lại; thu phí, lệ phí từ dịch vụ do cơ quan trung ương thực hiện (trừ lệ phí trước bạ); thu tiền xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác; từ khai thác, xử lý tài sản công của cơ quan trung ương...

Các khoản sẽ phân chia giữa ngân sách trung ương và địa phương: Thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước (tỉ lệ trung ương 70%; địa phương 30%); thuế giá trị gia tăng (tỉ lệ 70-30%)...

Trong khi đó, địa phương được hưởng 100% tiền thu ngân sách gồm: Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

*Thứ hai*, về phân cấp, phân quyền trong quản lý chi ngân sách nhà nước

Ngân sách trung ương tập trung quản lý chi ngân sách cho các nhiệm vụ chiến lược, phạm vi toàn quốc như quốc phòng, an ninh, ngoại giao, các chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư hạ tầng trọng điểm liên vùng, và bổ sung cân đối ngân sách cho các địa phương còn khó khăn. Ngân sách địa phương chịu trách nhiệm chi cho các nhiệm vụ kinh tế – xã hội trên địa bàn, gồm giáo dục, y tế, văn hóa, hạ tầng giao thông địa phương, bảo

đảm trật tự an toàn xã hội, cung ứng hàng hóa, dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

## **2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhằm phòng chống lãng phí, tham nhũng khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp**

Để nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cần tiếp tục hoàn thiện các giải pháp sau đây:

### ***Thứ nhất, giải pháp về hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền quản lý ngân sách***

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước giữa chính quyền Trung ương và địa phương gắn với bối cảnh của chính quyền địa phương hai cấp, trên cơ sở của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc phân cấp ngân sách nhà nước. Hoàn thiện cơ chế phân cấp, đồng thời gắn với đặc thù kinh tế, xã hội của địa phương. Cụ thể, những địa phương có khả năng thu lớn nên được trao quyền tự chủ ngân sách cao hơn, đồng thời phân cấp nhiệm vụ chi phù hợp, sát thực với thực tế địa phương như giáo dục, y tế cơ sở, hạ tầng giao thông, bảo đảm an ninh trật tự địa phương,...

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện chính sách phân cấp quản lý thu ngân sách nhà nước và nâng cao năng lực thu ngân sách nhà nước của chính quyền địa phương.

Mô hình chính quyền địa phương hai cấp hướng tới cung cấp hàng hóa, dịch vụ công tối ưu cho người dân. Vì vậy, việc hoàn thiện chính sách phân cấp thu ngân sách nhà nước có vai trò rất quan trọng, ngoài các chính sách liên quan đến phân cấp nguồn thu thuế, thì chính sách phí, lệ phí phân cấp cho chính quyền địa phương cũng rất cần được tiếp tục hoàn thiện, vừa đẩy mạnh phân cấp, vừa tăng cường giám sát, kiểm tra trong quá trình phân cấp.

Việc phân cấp nguồn thu gắn liền với yêu cầu bảo đảm công bằng, ổn định và bền vững của ngân sách, tránh tình trạng chênh lệch quá lớn giữa các địa phương. Cơ chế này cũng đòi hỏi hệ thống quản lý thu minh bạch, hiệu quả, đồng thời có cơ chế điều tiết, hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương có khả năng thu hạn chế nhưng nhu cầu chi cao.

### ***Thứ ba, nâng cao hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước khi thực hiện phân cấp***

Đảm bảo hiệu quả quản lý chi ngân sách nhà nước khi thực hiện phân cấp, phân quyền trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, giải pháp quan trọng trong quản lý chi ngân sách nhà nước là tiếp tục tăng cường đánh giá hiệu quả sử

dụng ngân sách thông qua cơ chế lập dự toán gắn với kết quả đầu ra, bảo đảm mỗi đồng ngân sách chi ra mang lại giá trị gia tăng rõ ràng cho cộng đồng. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chi, theo dõi tiến độ giải ngân, cảnh báo sớm nguy cơ chậm trễ hoặc vượt dự toán. Kiểm soát chặt chẽ chi đầu tư công ở cả hai cấp chính quyền, bảo đảm tuân thủ quy hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hạn chế đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

*Thứ tư*, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý và sử dụng ngân sách

Công khai, minh bạch thông tin ngân sách ở cả cấp tỉnh và cấp xã theo chuẩn mực quốc tế, bao gồm dự toán, quyết toán, các khoản thu – chi và nợ công của chính quyền địa phương. Tăng cường giám sát của hội đồng nhân dân các cấp và cộng đồng thông qua các phiên chất vấn, lấy ý kiến nhân dân, cũng như cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh về sử dụng ngân sách.

Xây dựng rõ quy định về trách nhiệm giải trình trong quản lý, sử dụng ngân sách gắn trách nhiệm cá nhân đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra sai phạm hoặc thất thoát ngân sách.

*Thứ năm*, nâng cao năng lực của chính quyền địa phương trong quản lý và sử dụng ngân sách địa phương

Nâng cao năng lực và kỹ năng cần thiết của cán bộ, công chức trong quản lý ngân sách nhà nước của chính quyền địa phương, đặc biệt về kỹ năng lập dự toán, phân tích tài chính, thẩm định dự án đầu tư công. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số trong quản lý ngân sách để cán bộ, công chức có thể vận hành các hệ thống quản lý ngân sách hiện đại, phân tích dữ liệu và lập báo cáo trực tuyến.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư (2025), Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

2. Hoàng Dương Việt Anh, TS. Phan Đình Anh (2024). *Quản lý ngân sách nhà nước tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 01, tháng 01/2024.

3. Chính phủ (2025), Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

4. Quốc hội (2025), Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

5. Thủ tướng Chính phủ (2025), Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

6. *Đề xuất mới về nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp.*  
<https://baochinhphu.vn/de-xuat-moi-ve-nguon-thu-nhiem-vu-chi-cua-ngan-sach-cac-cap-102250401101051695.htm>.

# **CÔNG CỤ TÀI CHÍNH TRONG KIỂM SOÁT LIÊM CHÍNH VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM- GÓC NHÌN NĂM 2025**

*ThS. GVC. Nguyễn Chi Mai<sup>233</sup>*

**TÓM TẮT:** Công cụ tài chính giữ vai trò trọng yếu trong công cuộc kiểm soát liêm chính và phòng, chống tham nhũng tại khu vực công. Từ bài học kinh nghiệm của Singapore – quốc gia điển hình trong áp dụng công cụ tài chính hiệu quả với mô hình "4 không" (không cần, không thể, không dám, không được tham nhũng), bài viết phân tích những điểm tương đồng và khác biệt với Việt Nam, đồng thời cập nhật thực trạng và khuyến nghị đến năm 2025. Qua đó, bài viết đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng công cụ tài chính trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam giai đoạn 2025-2030.

**Từ khoá:** công cụ tài chính, liêm chính, phòng chống tham nhũng, Việt Nam, Singapore.

## **1. MỞ ĐẦU**

Tham nhũng là một trong những vấn đề nan giải của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Với bản chất gắn liền với việc lạm dụng quyền lực để tư lợi, tham nhũng không chỉ làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước mà còn gây thất thoát nghiêm trọng nguồn lực quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc áp dụng các công cụ tài chính như một biện pháp kiểm soát liêm chính hiệu quả đang ngày càng trở thành xu hướng phổ biến.

## **2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Công cụ tài chính trong phòng chống tham nhũng được hiểu là hệ thống các chính sách, quy định và biện pháp tài chính nhằm thúc đẩy minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực tài chính trong khu vực công. Các công cụ này bao gồm: hệ thống lương bổng, chế độ đãi ngộ, chính sách kê khai tài sản, kiểm soát thu nhập, kiểm toán tài chính, minh bạch ngân sách và quản lý tài sản công.

Trong đó, chính sách tiền lương có vai trò đặc biệt quan trọng. Nếu công chức không có thu nhập đủ sống, họ dễ bị cám dỗ bởi lợi ích cá nhân. Ngược lại, một chế độ lương thưởng đủ tốt sẽ góp phần giảm động cơ tham nhũng.

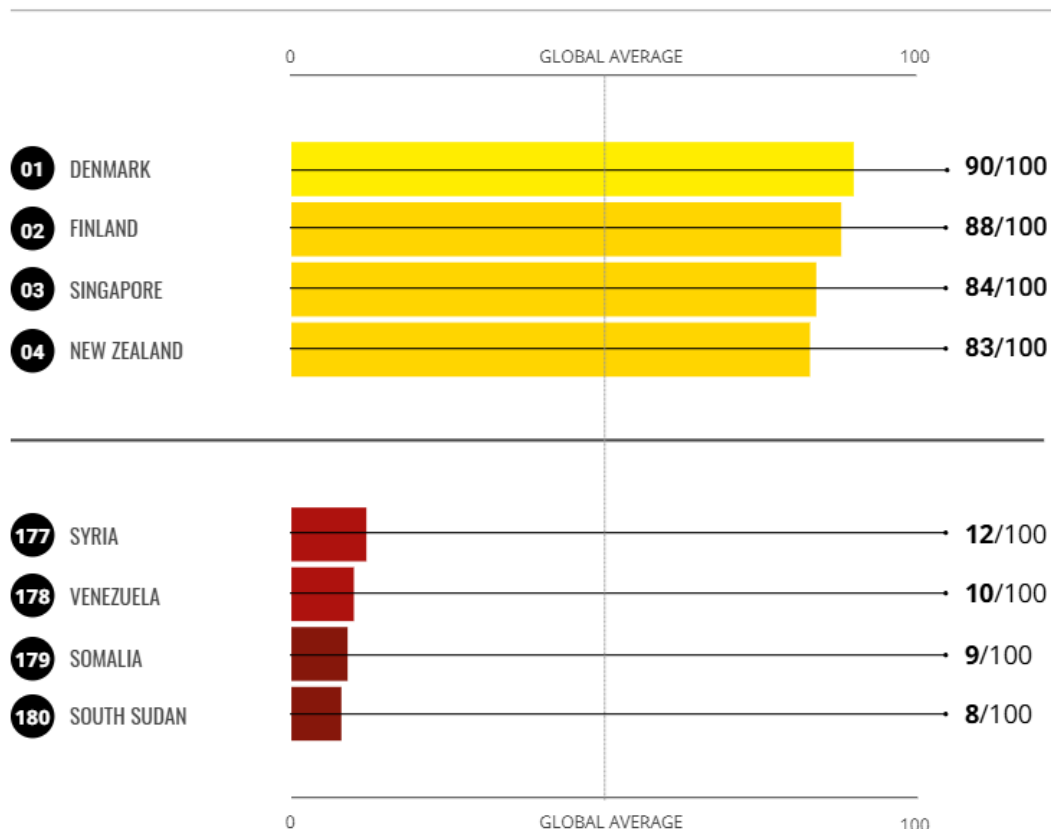
## **3. KINH NGHIỆM TỪ SINGAPORE: MÔ HÌNH "4 KHÔNG"**

---

<sup>233</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Singapore là nước nhỏ có nhiều điểm tương đồng với Việt nam, đã có những chính sách kiểm soát tham nhũng rất tốt, rất thành công. Theo Chỉ số Cảm nhận tham nhũng CPI của Tổ chức minh bạch thế giới TI, thì năm 2024, Singapore đứng thứ 3 trên thế giới với 84 điểm trong thang điểm 100.

### ▲ TOP COUNTRIES



Nguồn : <https://www.transparency.org/en/news/cpi-2024-highlights-insights-corruption-climate-crisis>

Trong khi đó Việt Nam năm 2024 được 40 điểm và xếp thứ 88 trong 183 nước. Như vậy rõ ràng là Việt Nam phải học tập Singapore rất nhiều

Singapore được xem là hình mẫu điển hình về áp dụng công cụ tài chính hiệu quả trong phòng, chống tham nhũng thông qua mô hình "4 không": không cần, không thể, không dám, không được tham nhũng. Cụ thể:

- Không cần tham nhũng: Singapore áp dụng chính sách trả lương rất cao cho công chức và lãnh đạo, đảm bảo họ có thể sống thoải mái và không bị áp lực tài chính. Lương

của Thủ tướng và các Bộ trưởng Singapore thường cao hơn lãnh đạo các nước phát triển, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.

Singapore trả lương cho các công chức, viên chức, quan chức rất cao, đủ để sống và nuôi cả gia đình, con cái, khiến họ yên tâm làm việc, cống hiến, không nảy sinh tư tưởng vụ lợi, và cũng không muốn tham nhũng vì sợ phải hy sinh vị trí với đồng lương tương xứng, mất đi danh tiếng và phúc lợi lớn được hưởng.

Theo bảng lương Singapore năm 2000-2001, lương thấp nhất của viên chức là hơn 400 đôla Singapore/tháng (khoảng 4 triệu đồng Việt Nam); lương cấp thứ trưởng, bộ trưởng từ 10.000 đến 20.000 đôla Singapore/tháng (khoảng 100 triệu đến 200 triệu đồng Việt Nam); lương Thủ tướng 40.000 USD/tháng (khoảng 400 triệu đồng Việt Nam). Do vậy, để tồn tại ở mức trung bình khá trong xã hội họ không cần tham nhũng.

(nguồn : <https://baochinhphu.vn/singapore-va-giai-phap-4-khong-trong-cuoc-chien-chong-tham-nhung-10219292.htm>)

- Không thể tham nhũng: Hệ thống pháp lý nghiêm ngặt yêu cầu công chức kê khai tài sản đầy đủ, kiểm soát thu nhập và cấm mọi hành vi kinh doanh tư nhân. Công chức không được vay tiền từ bất kì người nào có quan hệ công vụ với họ; các khoản nợ không có bảo đảm và các khoản nợ phải trả của một công chức không thể nhiều hơn ba lần tiền lương hàng tháng của người đó; công chức không thể tham gia vào bất kì hoạt động thương mại hoặc kinh doanh nào, hoặc thực hiện bất kì công việc bán thời gian nào mà không có sự chấp thuận của cơ quan;

(nguồn : N. D. Dung, V. C. Giao / VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 37, No. 3 (2021) 1-9) Việc sử dụng tài sản, quà tặng vượt mức quy định sẽ bị xử lý nghiêm.

- Không dám tham nhũng: Chính phủ Singapore quy định công chức phải trích lương vào quỹ tiết kiệm bắt buộc. Khởi đầu là 5%, sau đó tăng dần theo tỷ lệ tăng lương đến 40% lương. Quan chức có chức vụ càng cao, thì tỷ lệ % trích gửi tiết kiệm càng cao. Nếu vi phạm đạo đức công vụ hoặc dính đến tham nhũng, toàn bộ số tiền trong quỹ này có thể bị trưng thu.

- Không được tham nhũng: Hệ thống pháp luật quy định chặt chẽ về xử lý hình sự và dân sự, bao gồm phạt tiền nặng, tịch thu tài sản, bãi nhiệm công chức, và cấm tái bổ nhiệm trong khu vực công. Theo quy định của Chính phủ Singapore, công chức chỉ được nhận mức quà tặng với giá trị 100 đôla Singapore trở xuống. Nếu trên mức đó, người được tặng phải tìm cách từ chối hoặc muốn nhận thì phải xin phép lãnh đạo trực tiếp có ý kiến cho phép thì mới được nhận. Trường hợp nhận quà tặng quá mức quy định là 100



đôla mà không được phép của cấp trên thì công chức phải nộp vào tài khoản “Quỹ nộp phạt” do nhận quà tặng quá mức quy định. Số tiền phải nộp là giá trị phần quà tặng vượt mức quy định được tính quy ra tiền.

(nguồn : <https://baochinhphu.vn/singapore-va-giai-phap-4-khong-trong-cuoc-chien-chong-tham-nhung-10219292.htm>)

Chính phủ Singapore triển khai một bộ công cụ hiệu quả để phát hiện sai phạm. Như việc các sĩ quan cảnh sát được yêu cầu trình ra mọi khoản tiền mặt có trong túi vào đầu và cuối mỗi ca trực; những ai bị phát hiện thấy mang nhiều tiền hơn lúc khởi đầu ca trực đều bị cho là đã nhận hối lộ. Chính phủ cũng tạo điều kiện dễ dàng để thường dân báo cáo các trường hợp nghi hối lộ nặc danh, nếu họ muốn, thông qua website của CPIB và đường dây nóng miễn phí 24/24 giờ

(nguồn : N. D. Dung, V. C. Giao / VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 37, No. 3 (2021) 1-9)

Ngoài ra, tiền lương cũng thể hiện sự cống hiến của công chức và quan chức Singapore. Tiền lương cũng thể hiện sự hy sinh của người muốn trở thành “đầy tớ” của dân. Theo nguyên tắc này, trong đợt giảm lương (4/1/2012), tiền lương của Bộ trưởng được tính dựa vào thu nhập trung bình của 1.000 người có thu nhập cao nhất từ tất cả các ngành trong khu vực tư nhân ở Singapore và trừ đi 40% để thể hiện sự hy sinh vì lý tưởng cao cả của những người làm chính trị. Tiền lương được trả trọn gói (clean wage) tức là không có bổng lộc gì khác ngoài những phúc lợi thông thường như y tế. Trong cơ cấu lương của Bộ trưởng có phần cố định (fixed pay) được gọi là phần “cứng”, và phần biến đổi (variable pay) được gọi là phần “mềm” tùy thuộc vào tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm và các chỉ tiêu kinh tế chính trị xã hội khác. Thậm chí, mức thưởng có thể lên tới đa tới 8 tháng lương cho quan chức nếu tăng trưởng kinh tế vượt qua mốc 10%. Ngược lại, các quan chức sẽ chẳng nhận thêm đồng nào nếu tăng trưởng kinh tế ở dưới mức 2%.

Singapore phạt tiền rất nặng đối với hành vi tham nhũng. những người bị kết tội tham nhũng có thể đối mặt với án tù dài và số tiền phạt lên đến 100.000 đô la Singapore (70.000 đô-la Mỹ, khoảng 1,2 tỷ VNĐ) và họ cũng bị buộc phải trả lại tiền hối lộ.

Ở các quốc gia khác thường phân biệt hai loại tham nhũng: loại “nhỏ” hay “bôi trơn” – tham nhũng vặt và tham nhũng “lớn” vốn diễn ra ở cấp quốc gia. Ở Singapore không có sự phân biệt như vậy xử lý nghiêm cả hai loại này. Ví dụ năm 2012, một cư dân Singapore đã bị phạt 3.000 đô-la Singapore (2.093 đô-la Mỹ) chỉ vì tội đưa hối lộ 40 đô-la Singapore (27 đô-la Mỹ) cho một cảnh sát giao thông.

(nguồn : N. D. Dung, V. C. Giao / VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 37, No. 3 (2021) 1-9)

Những thành tựu này đưa Singapore trở thành quốc gia duy nhất ở châu Á lọt top 10 thế giới về chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI).

So sánh với Việt Nam, có thể nhận thấy những điểm tương đồng và khác biệt như sau:

**Tương đồng:**

- Việt Nam cũng đã xây dựng hệ thống kê khai tài sản, từng bước ứng dụng công nghệ số để minh bạch hóa tài chính;
- Quy định về xử lý tham nhũng đã được ban hành khá đầy đủ, bao gồm các hình phạt tài chính và hình sự;
- Chính sách tiền lương mới đang từng bước cải cách để tiệm cận mức sống cơ bản cho cán bộ công chức.

**Khác biệt:**

- Mức lương công chức Việt Nam còn thấp, chưa đủ sống, dẫn đến nguy cơ cao về động cơ tham nhũng;
- Cơ chế giám sát tài sản còn hình thức, thiếu chế tài đủ mạnh để xử lý tài sản bất minh;
- Hệ thống xử phạt hành chính chưa rõ ràng và chưa có tác dụng răn đe như tại Singapore;
- Chưa có cơ chế khuyến khích hợp tác khắc phục hậu quả để giảm nhẹ hình phạt;
- Việc kết hợp giữa tiền lương cạnh tranh với đánh giá hiệu quả công việc còn ở mức sơ khai.

Bài học lớn nhất từ Singapore cho Việt Nam là cần kết hợp hài hòa giữa lương cao, quản lý minh bạch, giám sát hiệu quả và xử phạt nghiêm khắc để hình thành một hệ thống hành chính trong sạch và hiệu lực. Đó cũng chính là sử dụng công cụ tài chính như kết hợp “củ cà rốt” và “cây gậy” : “củ cà rốt” – những quyền lợi tài chính đối với công chức, và “cây gậy” – những hình phạt, chế tài về tài chính.

#### **4. THỰC TRẠNG TẠI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025**

Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực trong phòng, chống tham nhũng trong thời gian qua, với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, của Đảng, nhà nước và toàn thể nhân dân.

Một số thành tựu về sử dụng công cụ tài chính trong công tác phòng chống tham nhũng mà chúng ta đã thực hiện được: Triển khai chính sách cải cách tiền lương từ tháng 7/2024, áp dụng trả lương theo vị trí việc làm và kết quả thực hiện nhiệm vụ; Xây dựng và vận hành hệ thống kê khai tài sản, thu nhập điện tử bước đầu tại các cấp bộ, ngành; Triển khai Hệ thống đấu thầu công và ngân sách điện tử giúp tăng tính minh bạch trong chi tiêu công; Nâng cao rõ rệt vai trò của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh đó việc áp dụng các công cụ tài chính trong phòng chống tham nhũng vẫn còn những tồn tại, hạn chế:

Thứ nhất, mức lương công chức vẫn chưa đủ để bảo đảm đời sống trung bình, dễ dẫn đến nguy cơ lợi dụng chức vụ;

Thứ hai, kê khai tài sản vẫn mang tính hình thức, số lượng hậu kiểm rất thấp, chưa có biện pháp xử lý tài sản bất minh hiệu quả.

Thứ ba, thiếu đồng bộ trong phối hợp dữ liệu tài chính giữa các cơ quan: thuế, ngân hàng, đất đai, nội vụ;

Thứ tư, cơ chế xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến tài chính công còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe; Ví dụ : Mức hình phạt tiền tối đa trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công là 50.000.000 đồng đối với cá nhân. (Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước)

Thứ năm, công cụ thu hồi tài sản tham nhũng còn yếu, vướng pháp lý khi xác minh tài sản đứng tên người thân, tẩu tán ra nước ngoài. Thời gian qua, kết quả thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế có xu hướng tăng dần, nhưng số tài sản thu hồi so với bị chiếm đoạt, thất thoát còn thấp. Theo báo cáo của Ban Nội chính Trung ương, cơ quan thi hành án dân sự các cấp trong 10 năm qua đã thu hồi 61.000 tỷ đồng, đạt 34,7%, trong đó chỉ riêng các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã thu hồi được gần 50.000 tỷ đồng, đạt 41,3%. (nguồn : <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/cho-chu-the-pham-toi-tham-nhung-kinh-te-khac-phuc-hau-qua-de-giam-xu-ly-hinh-su-nen-hay-khong-119220702202511921.htm>)

Nguyên nhân của các tồn tại hạn chế này là do: Hạn chế về nguồn lực ngân sách để tăng lương và thực hiện cải cách đồng bộ; Chưa xây dựng được hệ thống đánh giá hiệu quả công việc rõ ràng để gắn với lương, thưởng; Tâm lý nể nang, né tránh trong kiểm tra,

xử lý vi phạm tài chính; Pháp luật còn thiếu quy định về xử lý tài sản không rõ nguồn gốc hoặc chưa thể giải trình hợp lý.

## **5. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Với các phân tích về tồn tại hạn chế và nguyên nhân trong công tác phòng chống tham nhũng kể trên, chúng tôi xin đưa ra 4 nhóm giải pháp để tăng cường hiệu quả công cụ tài chính trong phòng chống tham nhũng như sau :

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách tiền lương: Tăng cường trả lương theo hiệu suất công việc, gắn trách nhiệm với kết quả đầu ra; Ưu tiên ngân sách cho cải cách lương, đặc biệt với đội ngũ cán bộ chủ chốt và lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng.

Thứ hai, siết chặt quản lý tài sản công chức: Bổ sung quy định xử lý tài sản không chứng minh được nguồn gốc; Thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu tài sản, thu nhập giữa các ngành tài chính, ngân hàng, tư pháp; Tăng cường kiểm tra, hậu kiểm thực chất các bản kê khai tài sản.

Thứ ba, tăng cường xử phạt tài chính và thu hồi tài sản: Nâng mức xử phạt hành chính về vi phạm tài chính công; Mở rộng thẩm quyền thu hồi tài sản bất minh thông qua cơ chế hành chính hoặc dân sự; Xây dựng cơ chế khuyến khích người vi phạm hợp tác, nộp lại tài sản để được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Thứ tư, tăng cường giám sát xã hội: Khuyến khích vai trò của báo chí, tổ chức xã hội, người dân trong giám sát tài chính công; Công khai hóa tối đa thông tin về ngân sách, đầu tư công, tài sản công trên cổng dữ liệu quốc gia.

Bên cạnh đó chúng tôi cũng mạnh dạn kiến nghị về chính sách như sau : Ban hành Luật về công khai và minh bạch tài chính công; Sửa đổi Luật Phòng, chống tham nhũng theo hướng tăng tính cường chế tài chính; Tăng mức phạt tiền và tịch thu tài sản trong các vụ án tham nhũng; Áp dụng cơ chế khuyến khích người phạm tội tham nhũng hợp tác khắc phục hậu quả để được giảm nhẹ hình phạt.

## **6. KẾT LUẬN**

Việc phát huy vai trò của công cụ tài chính trong phòng, chống tham nhũng là một hướng đi hiệu quả và bền vững. Việt Nam đã có nhiều bước tiến quan trọng trong xây dựng thể chế và ứng dụng công nghệ vào kiểm soát liêm chính. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả như mong đợi, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường năng lực thực thi và có giải pháp phù hợp với bối cảnh trong nước. Học hỏi kinh nghiệm từ Singapore là cơ sở tốt để Việt Nam định hướng cải cách sâu hơn, toàn diện hơn trong tương lai.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Bộ Luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Quốc hội Việt Nam.
- [2] Cổng Thông tin Chính phủ. Truy cập tại: <https://baochinhphu.vn>
- [3] Cổng thông tin cải cách chính sách. Truy cập tại: <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn>
- [4] Dũng, N.Đ. & Giao, V.C. (2021). Kinh nghiệm quốc tế về kiểm soát tham nhũng và bài học cho Việt Nam. VNU Journal of Science: Legal Studies, Vol. 37, No. 3, tr. 1–9.
- [5] Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Quốc hội Việt Nam.
- [6] Nghị định 63/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản công, Chính phủ Việt Nam.
- [7] PAPI Việt Nam 2022. Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng.
- [8] Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI). (2025). Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI).
- [9] Thanh tra Chính phủ. Truy cập tại: <https://thanhtra.gov.vn>

# ÁP DỤNG QUẢN TRỊ DỰA TRÊN DỮ LIỆU ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỪ SỚM, TỪ XA

*ThS. Châu Tiến Lộc<sup>234</sup>*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích cơ sở lý luận và sự cần thiết áp dụng quản trị dựa trên dữ liệu (data-driven governance) để phòng, chống tham nhũng, lãng phí “từ sớm, từ xa” trong quản lý hành chính nhà nước. Trên nền tảng yêu cầu đổi mới quản trị công và chuyển đổi số quốc gia, nghiên cứu phân tích các nguyên tắc, điều kiện và yêu cầu đặt ra khi triển khai quản trị dựa trên dữ liệu, đồng thời đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, lãng phí, góp phần xây dựng nền công vụ phục vụ Nhân dân chuyên nghiệp, dân chủ, hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

**Từ khóa:** Quản trị dựa trên dữ liệu; Phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Quản lý hành chính nhà nước; Từ sớm, từ xa.

## 1. Đặt vấn đề

Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là yêu cầu vừa cấp bách, vừa thường xuyên trong quản lý hành chính nhà nước. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: phải gắn phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với phòng, chống lãng phí; đặt phòng, chống lãng phí ở vị trí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, coi đây là điều kiện để xây dựng Đảng ta thực sự vững mạnh, là đạo đức, là văn minh. Điều này đòi hỏi sự chủ động, đồng bộ và kiên quyết phòng ngừa ngay từ khâu hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, đến tổ chức thực hiện và giám sát. Trong bối cảnh dữ liệu hành chính ngày càng lớn, đa dạng, cập nhật theo thời gian thực, việc khai thác dữ liệu để dự báo, cảnh báo sớm trở thành hướng tiếp cận mới, cho phép phát hiện nguy cơ tham nhũng, lãng phí “từ sớm, từ xa”.

Quản trị dựa trên dữ liệu (data-driven governance) - mô hình lấy dữ liệu làm nền tảng phân tích, ra quyết định và đánh giá - phù hợp với tiến trình chuyển đổi số quốc gia và định hướng được xác lập tại Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc áp dụng mô hình này trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí vẫn chưa được áp dụng rộng rãi, chủ yếu dừng ở thu thập, lưu trữ thông tin, chưa phát triển mạnh năng lực phân tích phục vụ dự báo. Từ góc độ quản trị công, nghiên cứu ứng

---

<sup>234</sup> Khoa Quản lý Phát triển kinh tế và xã hội, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh

dụng quản trị dựa trên dữ liệu để phòng, chống tham nhũng, lãng phí “từ sớm, từ xa” vừa góp phần hoàn thiện cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách, vừa đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công và củng cố uy tín của các cơ quan hành chính nhà nước.

## **2. Quan điểm, nguyên tắc, yêu cầu và điều kiện áp dụng quản trị dựa trên dữ liệu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí**

### ***2.1. Quan niệm và nguyên tắc của quản trị dựa trên dữ liệu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí***

Dữ liệu là nền tảng của một nhà nước hiện đại. Khi được thu thập và kết nối theo thời gian thực, dữ liệu sẽ giúp Chính phủ ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn: từ dự báo dịch bệnh, thiên tai, đến phân bổ ngân sách, chống lãng phí, chống tham nhũng và hoạch định chính sách sát thực tiễn hơn. Quản trị dựa trên dữ liệu chính là nền móng của một Nhà nước thông minh, phục vụ người dân hiệu quả (Nguyễn Sỹ Dũng, 2025).

Quản trị dựa trên dữ liệu là một cách tiếp cận quản trị hiện đại, ưu tiên sử dụng phân tích dữ liệu để hỗ trợ quá trình ra quyết định trong các cơ quan hành chính nhà nước. Đây là phương thức quản lý có hệ thống, coi dữ liệu là tài sản chiến lược, tập trung vào việc thu thập, phân tích và ứng dụng dữ liệu để định hướng quyết định ở mọi cấp quản lý. Cách tiếp cận này ngày càng được đánh giá là yếu tố then chốt để giải quyết những thách thức phức tạp trong quản lý nhà nước, bao gồm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy, bảo đảm minh bạch - trách nhiệm giải trình, cải thiện chất lượng dịch vụ công và tối ưu hóa phân bổ nguồn lực.

Các nguyên tắc của quản trị dữ liệu hiệu quả đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa tiềm năng của mô hình quản trị dựa trên dữ liệu trong cơ quan hành chính nhà nước,

*Thứ nhất*, quản trị dữ liệu đòi hỏi một cấu trúc quản trị rõ ràng, phân định rõ ràng vai trò và trách nhiệm trong quản lý dữ liệu trên toàn bộ hệ thống (Foree, 2023; Huang et al., 2021). Điều này bao gồm việc bổ nhiệm các quản trị viên dữ liệu (data stewards) chịu trách nhiệm bảo đảm tính toàn vẹn, chất lượng và bảo mật dữ liệu. Một khuôn khổ quản trị được xác định minh bạch sẽ giúp dữ liệu được quản lý thống nhất, chuẩn xác, đồng thời tạo dựng niềm tin của các nhà lãnh đạo, quản lý, công chức và người dân vào hệ thống dữ liệu của Nhà nước.

*Thứ hai*, quản trị dữ liệu hiệu quả nhấn mạnh tầm quan trọng của chất lượng dữ liệu. Dữ liệu chất lượng cao được đặc trưng bởi độ chính xác, tính đầy đủ và tính kịp thời

(Baker et al., 2018; Filho et al., 2020). Cơ quan hành chính nhà nước cần triển khai quy trình quản lý dữ liệu chặt chẽ, bao gồm kiểm toán định kỳ nguồn dữ liệu, quy trình xác thực và thiết lập các tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất giữa các đơn vị. Chất lượng dữ liệu là yếu tố then chốt, bởi các quyết định dựa trên dữ liệu sai lệch hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến chiến lược sai lầm, lãng phí nguồn lực và tác động tiêu cực đến hiệu quả quản lý công.

*Thứ ba*, tính bao trùm và hợp tác giữa các bên liên quan là thành tố quan trọng của quản trị dữ liệu hiệu quả. Việc huy động sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chuyên môn và đội ngũ nhân sự trực tiếp xử lý dữ liệu sẽ thúc đẩy văn hóa đồng sở hữu và trách nhiệm chung trong sử dụng dữ liệu và ra quyết định (Brown, 2017; Hossler et al., 2019). Cơ quan hành chính nhà nước cần thành lập các bộ phận công tác liên ngành về quản trị dữ liệu để thúc đẩy tiếp cận tập thể, bảo đảm chia sẻ dữ liệu an toàn, kịp thời, hiệu quả, phục vụ dự báo và cảnh báo sớm nguy cơ lãng phí “từ sớm, từ xa”.

## ***2.2. Yêu cầu và điều kiện áp dụng quản trị dựa trên dữ liệu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí từ sớm, từ xa***

Để triển khai hiệu quả quản trị dựa trên dữ liệu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí “từ sớm, từ xa”, cần đáp ứng đồng bộ một số yêu cầu và điều kiện cơ bản sau đây:

### ***Thứ nhất, hoàn thiện hành lang pháp lý và thể chế dữ liệu.***

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 năm 2013 đã quy định rõ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên từ chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách đến tổ chức thực hiện gắn với kiểm tra, giám sát. Tại Điều 10, Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 năm 2018 yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật nhằm ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (2024) tiếp tục nhấn mạnh: thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kết hợp các yêu cầu này, việc xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý, thể chế dữ liệu thống nhất, chuẩn mực và an toàn trở thành nền tảng không thể thiếu để triển khai quản trị dựa trên dữ liệu, phát hiện và ngăn ngừa lãng phí “từ sớm, từ xa”.

Thực tiễn hiện nay, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước đã bước đầu thiết lập cơ chế pháp lý cho việc khai thác, chia sẻ dữ liệu. Tuy nhiên, để phục vụ mục tiêu phòng, chống tham nhũng,



lãng phí “từ sớm, từ xa”, cần bổ sung quy định bắt buộc cập nhật dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu quốc gia (như đầu tư công, mua sắm công, tài sản công) và thiết lập quy trình cảnh báo sớm khi có dấu hiệu vượt định mức, tiêu chuẩn hoặc đội vốn dự án.

Ở cấp địa phương, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP đã tạo nền tảng cho việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ban, ngành và cấp xã. Trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền hai cấp, cần tiếp tục làm rõ cơ chế phối hợp và trách nhiệm cập nhật dữ liệu của từng cấp, bảo đảm thông tin về đầu tư công, mua sắm công, quản lý đất đai, tài sản công... được đồng bộ, phục vụ giám sát và phòng ngừa lãng phí.

*Thứ hai, đầu tư hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung.*

Hạ tầng số hiện đại, có khả năng liên thông, kết nối dữ liệu theo thời gian thực giữa các bộ, ngành, địa phương là điều kiện bắt buộc để phát hiện và cảnh báo nguy cơ lãng phí kịp thời. Cơ sở dữ liệu cần được thiết kế mở, có khả năng tích hợp các công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ khai phá dữ liệu (data mining) nhằm nhận diện sớm các bất thường trong quản lý, điều hành cơ quan hành chính nhà nước, chi tiêu ngân sách, quản lý tài sản công hoặc thực hiện dự án đầu tư. Theo Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV Đảng, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm được triển khai; kết nối, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế, chưa thông suốt. Điều này dẫn đến việc khai thác thông tin phục vụ quản lý, điều hành và giám sát chưa đạt hiệu quả mong muốn, làm giảm khả năng dự báo và cảnh báo sớm nguy cơ lãng phí.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đã đầu tư hạ tầng số và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung như một công cụ trọng yếu để phòng, chống tham nhũng, lãng phí một cách chủ động và hiệu quả. Tại *Singapore*, nền tảng Smart Nation Platform (SNP) và Smart Nation Sensor Platform (SNSP) được phát triển nhằm kết nối dữ liệu cảm biến trên toàn quốc - từ đèn đường đến camera giám sát - cho phép thu thập và phân tích thông tin theo thời gian thực, phục vụ hoạch định, giám sát và phản ứng của chính quyền một cách nhanh chóng, hiệu quả. Các hệ thống này không chỉ giúp tối ưu hóa phân bổ nguồn lực và ngăn ngừa lãng phí trong đầu tư công, mà còn tăng cường khả năng phát hiện, ngăn chặn hành vi gian lận, tham nhũng thông qua việc theo dõi minh bạch quá trình triển khai và sử dụng ngân sách.

Tại *Estonia*, X-Road (còn được gọi là X-tee) là một lớp kết nối dữ liệu phân tán, được quản trị tập trung, cho phép các hệ thống thông tin của cả khu vực công, tư tương tác và trao đổi dữ liệu một cách an toàn, bảo mật và đáng tin cậy. Hệ thống này đảm bảo

tính liên vận (interoperability), toàn vẹn dữ liệu (integrity) và bảo mật (confidentiality) giữa các bên liên kết. Nhờ X-Road, Estonia đã có thể triển khai và vận hành hơn 3.000 dịch vụ công trực tuyến, giúp tiết kiệm hàng trăm năm công lao động và nâng cao khả năng giám sát hiệu quả, minh bạch ngân sách và tài sản công.

*Hàn Quốc* đã tiên phong phát triển hệ thống Hệ thống Ngân sách và Kế toán điện tử (Digital Budget & Accounting System/ dBrain<sup>+</sup>) - một nền tảng quản trị tài chính công tích hợp, kết nối chặt chẽ các giai đoạn từ lập ngân sách, thực thi, kế toán, đến đánh giá hiệu quả. Hệ thống này sử dụng mô hình kế toán dồn tích và ghi sổ kép, cho phép cập nhật dữ liệu tài chính theo thời gian thực và tăng cường minh bạch trong quản lý ngân sách và tài sản công. Nhờ vậy, dBrain<sup>+</sup> hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách phát hiện và cảnh báo sớm các bất thường - như chi vượt định mức hay chậm giải ngân - từ đó phòng, ngừa tham nhũng, lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước.

*Thứ ba, nâng cao năng lực nhân lực và hình thành văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu.*

Cán bộ, công chức - đặc biệt là đội ngũ trực tiếp tham mưu, hoạch định chính sách - cần được trang bị kiến thức và kỹ năng phân tích dữ liệu, hiểu biết về các công cụ hỗ trợ ra quyết định dựa trên bằng chứng. Việc chuyển từ mô hình quản lý dựa vào kinh nghiệm sang quản lý dựa trên dữ liệu sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy và giảm thiểu các rủi ro lãng phí. Chẳng hạn, trong lĩnh vực quản lý đô thị, dữ liệu thu thập từ hệ thống cảm biến giao thông kết hợp với phản ánh của người dân qua ứng dụng di động có thể được phân tích để điều chỉnh thời gian đèn tín hiệu, phân luồng phương tiện hoặc triển khai các dự án hạ tầng ưu tiên, từ đó giảm ùn tắc và sử dụng hiệu quả ngân sách.

Ngoài ra, việc khai thác dữ liệu từ ứng dụng định danh điện tử VNeID của Bộ Công an để xác thực thông tin công dân, tích hợp dữ liệu cư trú, hồ sơ sức khỏe, an sinh xã hội, thủ tục hành chính, dịch vụ ngân hàng, đăng ký xe, cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước... giúp cơ quan hành chính nhà nước ra quyết định nhanh chóng, chính xác, dựa trên dữ liệu thống nhất và cập nhật, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu sai sót, rút ngắn thời gian xử lý, hạn chế trùng lặp hồ sơ và tiết kiệm chi phí cho cả Nhà nước và người dân.

*Thứ tư, phát huy cơ chế phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu an toàn.*

Cần tiếp tục duy trì cơ chế, mô hình phối hợp liên ngành về quản trị dữ liệu, có chức năng kết nối, chia sẻ, kiểm chứng và chuẩn hóa dữ liệu giữa các cơ quan. Cơ chế này không chỉ bảo đảm tính thống nhất và độ tin cậy của dữ liệu, mà còn tạo điều kiện để

cảnh báo sớm các nguy cơ tham nhũng, lãng phí, từ đó chủ động có biện pháp ngăn chặn ngay từ giai đoạn hình thành chính sách và phân bổ nguồn lực.

Trong lĩnh vực văn hóa, cơ chế phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu an toàn có thể được thể hiện qua việc kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu di sản văn hóa vật thể và phi vật thể giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Du lịch) tỉnh, thành và chính quyền địa phương. Việc này cho phép thông tin về hiện trạng di tích, lễ hội truyền thống, hồ sơ nghệ nhân... được cập nhật, xác thực và chuẩn hóa liên tục, giúp cơ quan quản lý kịp thời nhận diện nguy cơ xuống cấp, mai một hoặc bị xâm hại di sản; từ đó chủ động phân bổ nguồn lực tu bổ, phục hồi, tổ chức hoạt động quảng bá và giáo dục cộng đồng. Cách tiếp cận này vừa nâng cao hiệu quả quản lý di sản, vừa giảm thiểu lãng phí trong đầu tư bảo tồn văn hóa. Ở Nhật Bản, Cơ quan Văn hóa duy trì các cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản vật thể và phi vật thể, cập nhật thông tin di tích, bảo vật và di sản văn hóa định kỳ. Đây là nền tảng quan trọng cần phát triển thêm thành hệ thống dữ liệu liên thông giữa trung ương và địa phương để nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ di sản.

Trong lĩnh vực an sinh xã hội, có thể hướng tới việc xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu an toàn giữa Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chính quyền địa phương. Việc liên thông cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, gia đình chính sách, dữ liệu bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và dữ liệu định danh điện tử VNeID sẽ giúp cơ quan quản lý xác thực nhanh tình trạng của đối tượng thụ hưởng, kịp thời phát hiện các trường hợp khai báo trùng lặp hoặc sai đối tượng. Cách tiếp cận này không chỉ bảo đảm chính sách hỗ trợ đến đúng người, đúng thời điểm mà còn góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí ngân sách, nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực an sinh.

Bảo đảm đồng bộ các yêu cầu và điều kiện nêu trên là điều kiện tiên quyết để vận hành hiệu quả mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, qua đó biến mô hình này thành công cụ quan trọng trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đồng thời góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số và xã hội số theo chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước.

### **3. Giải pháp áp dụng quản trị dựa trên dữ liệu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí từ sớm, từ xa**

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và khung pháp lý về dữ liệu.*

Thường xuyên rà soát các chủ trương, đường lối và quy định của Đảng liên quan đến dữ liệu phục vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo việc thể chế hóa và cụ thể hóa thành pháp luật. Đồng thời, triển khai đồng bộ các yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) của Bộ Chính trị và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu, theo tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10/4/2025 Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực thành pháp luật nhà nước. Ở cấp địa phương, đặc biệt trong mô hình chính quyền hai cấp, cần ban hành quy chế phối hợp cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ngành và chính quyền cấp xã, bảo đảm dữ liệu về đầu tư công, mua sắm công, quản lý tài sản công... được đồng bộ, minh bạch và sẵn sàng phục vụ giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ lãng phí.

*Thứ hai, phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu dùng chung.*

Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng số đồng bộ, có khả năng kết nối thời gian thực giữa các đơn vị; thiết kế cơ sở dữ liệu mở, liên thông, đáp ứng tích hợp công nghệ Big Data, AI và khai phá dữ liệu. Kinh nghiệm quốc tế như nền tảng X-Road của Estonia hay hệ thống dBrain<sup>+</sup> của Hàn Quốc cho thấy, cơ sở dữ liệu dùng chung và phân tích thông minh giúp cơ quan quản lý phát hiện sớm dấu hiệu bất thường trong chi tiêu ngân sách, từ đó can thiệp kịp thời. Việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế cần gắn với điều kiện cụ thể trong nước, nhất là yêu cầu của Đảng và Nhà nước ta về phát triển hạ tầng số “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí” và coi dữ liệu là “tư liệu sản xuất chính”. Cơ sở dữ liệu dùng chung nếu được thiết kế bảo mật, liên thông đa ngành và tích hợp phân tích thông minh sẽ trở thành công cụ hỗ trợ ra quyết định chiến lược, cảnh báo sớm nguy cơ thất thoát, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, tài sản và nguồn lực công ngay từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện.

*Thứ ba, tăng cường năng lực phân tích và ứng dụng dữ liệu của đội ngũ công chức nhằm hỗ trợ ra quyết định, nâng cao hiệu quả quản lý và kịp thời phát hiện, phòng ngừa nguy cơ tham nhũng, lãng phí.*

Quản trị dựa trên dữ liệu chỉ phát huy hiệu quả khi công chức ở mọi cấp được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng phân tích, khai thác, vận dụng dữ liệu vào thực tiễn quản

lý. Cần triển khai thường xuyên các khóa tập huấn chuyên đề “Phân tích và ứng dụng dữ liệu trong quản lý hành chính nhà nước”, tập trung vào kỹ thuật phân tích, trực quan hóa thông tin, sử dụng các công cụ khai phá dữ liệu (data mining) và trí tuệ nhân tạo (AI) để phát hiện sớm bất thường, xu hướng hoặc nguy cơ lãng phí. Việc nâng cao năng lực này phải gắn với tiêu chuẩn vị trí việc làm và đánh giá hiệu quả công vụ, bảo đảm công chức không chỉ thu thập dữ liệu mà còn có khả năng biến dữ liệu thành căn cứ khoa học, phục vụ ra quyết định chính xác và kịp thời.

*Thứ tư, bảo đảm an toàn, bảo mật và quyền riêng tư dữ liệu.*

Cần thiết lập cơ chế phân quyền truy cập rõ ràng, áp dụng các biện pháp mã hóa dữ liệu và giám sát an ninh mạng nghiêm ngặt để phòng ngừa rò rỉ hoặc bị lợi dụng thông tin. Đồng thời, tuân thủ và từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thông tin (như ISO/IEC 27001), bảo đảm dữ liệu cá nhân của công dân, dữ liệu ngân sách và thông tin quản lý nhà nước được bảo vệ toàn diện, duy trì niềm tin của xã hội đối với hệ thống dữ liệu quốc gia.

*Thứ năm, thúc đẩy phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu.*

Cần duy trì hiệu quả mô hình phối hợp liên ngành về quản trị dữ liệu ở cả cấp trung ương và địa phương, bảo đảm sự tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan. Đồng thời, xây dựng và vận hành quy trình chia sẻ dữ liệu an toàn, có kiểm soát giữa các cơ quan quản lý, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đầu tư công, quản lý đất đai, an sinh xã hội. Cách tiếp cận này không chỉ tăng cường khả năng giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ lãng phí mà còn góp phần sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực công.

#### **4. Kết luận**

Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu phát triển hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng số và công nghệ số, trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; đồng thời coi dữ liệu là tư liệu sản xuất chủ yếu, cần được khai thác tối đa tiềm năng để thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu và kinh tế dữ liệu. Xuất phát từ yêu cầu này, quản trị dựa trên dữ liệu trở thành công cụ đột phá, có khả năng phòng, chống tham nhũng, lãng phí “từ sớm, từ xa” trong quản lý hành chính nhà nước. Để hiện thực hóa mô hình này, cần triển khai đồng bộ các giải pháp: (i) hoàn thiện thể chế và khung pháp lý; (ii) phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn; (iii) nâng cao năng lực phân tích và ứng dụng dữ liệu của đội ngũ lãnh đạo, quản lý, công chức và lực lượng chuyên trách chuyên đổi số; (iv) bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; (v) xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành cùng văn hóa chia sẻ dữ liệu an toàn.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp này sẽ giúp cơ quan hành chính nhà nước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn lực công, củng cố niềm tin của Nhân dân, đồng thời góp phần xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và phát triển nền công vụ chuyên nghiệp, dân chủ, hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

### **Tài liệu tham khảo và chú thích**

#### **\* Tiếng Việt**

1. Chính phủ. (2020). *Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước đã bước đầu thiết lập cơ chế pháp lý cho việc khai thác, chia sẻ dữ liệu.*

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.*

3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, tr. 300.

5. Tô Lâm (2025), *Chống lãng phí*, tại <https://tapchiquptd.vn/vi/chuyen-luan-chi-dao/bai-viet-thuc-hanh-tiet-kiem-cua-tong-bi-thu-to-lam/24311.html>

6. Nguyễn Sỹ Dũng (2024), *Phát triển dữ liệu - cơ hội lịch sử để Việt Nam bứt phá*, <https://baochinhphu.vn/phat-trien-du-lieu-co-hoi-lich-su-de-viet-nam-but-pha-102250323140144325.htm>

7. Quốc hội. (2013). *Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13.*

8. Quốc hội. (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 năm 2018.*

9. Quốc hội. (2014). *Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.*

#### **\* Tiếng Anh**

10. Brown, J. T. (2017). The seven silos of accountability in higher education: Systematizing multiple logics and fields. *Research & Practice in Assessment*, 11, 41-58.

11. Baker, R. K., MacNeil, A. J., & Lindgren, L. (2018). The role of data in improving decision-making in higher education: A guide for administrators. *Journal of Higher Education Policy and Management*, 40(1), 30-42. <https://doi.org/10.1080/1360080X.2017.1385786>

12. Foree, A. L. (2023). *Examining the Relationship Between Student Age and Modality Choice in a Community College's New Student Orientation Program: A Preregistered Study to Examine the Assumption of Self-Directed Learning* (Doctoral dissertation, University of Arkansas).
13. Filho, A. H., Viecelli, K., do Prado, H. A., Ferneda, E., Thalheimer, J., & da Rocha Fernandes, A. M. (2020). An adaptive and proactive interface agent for Interactivity and decision-making improvement in a collaborative virtual learning environment. *In the International Conference on Enterprise Information Systems* (pp. 612-634). Cham: Springer International Publishing.
14. Hossler, D., Ziskin, M., & Hossler, M. (2019). The role of data analytics in higher education: Improving student success. *Research in Higher Education*, 60(1), 1-24. <https://doi.org/10.1007/s11162-018-9487-0>
15. Huang, H., Wooten, K. C., & Matthews, A. (2021). Data governance in higher education: Challenges and solutions. *International Journal of Educational Management*, 35(4), 749-764. <https://doi.org/10.1108/IJEM-01-2020-0011>
16. *Estonia's X-Road: Data exchange in the world's most digital society*. Retrieved August 10, 2025, from <https://govinsider.asia/intl-en/article/estonias-x-road-data-exchange-in-the-worlds-most-digital-society>
17. OECD. (2025). *Empowering fiscal reporting with digital and interactive approaches: Korea*. OECD. Retrieved from [https://www.oecd.org/en/publications/empowering-fiscal-reporting-with-digital-and-interactive-approaches\\_82070ddb-en.html](https://www.oecd.org/en/publications/empowering-fiscal-reporting-with-digital-and-interactive-approaches_82070ddb-en.html)

## NHẬN DIỆN VÀ KHẮC PHỤC CHỦ NGHĨA THÂN HỮU – GIẢI PHÁP CĂN CỐT ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Lê Văn Phúc & Trần Thị Huệ<sup>235</sup>*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích một cách sâu sắc bản chất, cơ chế vận hành và các hệ lụy nghiêm trọng của chủ nghĩa thân hữu trong bối cảnh quản trị công ở Việt Nam hiện nay. Chủ nghĩa thân hữu được nhìn nhận không chỉ như một hiện tượng lệch chuẩn về mặt hành chính, mà là biểu hiện mang tính cấu trúc của sự tha hóa quyền lực, làm xói mòn công lý, méo mó thể chế và suy giảm niềm tin xã hội. Từ góc nhìn triết học chính trị – pháp quyền, bài viết luận giải nguyên nhân sâu xa của thân hữu chủ nghĩa gắn với khủng hoảng đạo lý công quyền, thiết kế thể chế thiếu đối trọng và nền văn hóa chính trị cảm tính. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một hệ thống các giải pháp toàn diện và căn cơ: từ tái định nghĩa quyền lực như một trách nhiệm đạo đức, cải cách quy trình bổ nhiệm và làm luật, thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực đa tầng, đến thể chế hóa liêm chính và xây dựng hệ sinh thái công nghệ minh bạch. Bài viết nhấn mạnh rằng, khắc phục chủ nghĩa thân hữu cần được coi là một mũi nhọn chiến lược trong công cuộc phòng, chống tham nhũng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa thân hữu; Phòng, chống tham nhũng; Tham nhũng.

**Abstract:** This article provides an in-depth analysis of the nature, operational mechanisms, and systemic consequences of cronyism in Vietnam's current public governance. Cronyism is conceptualized not merely as a deviation in administrative behavior, but as a structural manifestation of power corruption, undermining justice, distorting institutions, and eroding public trust. From the perspective of political philosophy and the rule-of-law theory, the paper explores the root causes of cronyism, linked to a crisis of public ethics, weak institutional checks and balances, and a political culture shaped by personal loyalty rather than merit. Based on this diagnosis, the article proposes a comprehensive and foundational set of solutions: redefining public power as a moral responsibility, reforming recruitment and legislative procedures, establishing multi-layered accountability mechanisms, institutionalizing integrity, and building a

---

<sup>235</sup> *Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh*



*digital ecosystem for real-time transparency. The article argues that tackling cronyism must be viewed as a strategic priority in Vietnam's fight against corruption and in the broader agenda of building a socialist rule-of-law state.*

**Keywords:** *Cronyism; Anti-corruption; Corruption.*

## **1. Đặt vấn đề**

Tham nhũng, tự bản thân nó, không chỉ là hành vi vi phạm pháp luật, mà còn là một hiện tượng xã hội phản ánh sự tha hóa của quyền lực, sự lệch chuẩn của đạo đức công vụ, và sự bất lực của thiết chế kiểm soát trong một cộng đồng chính trị. Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đang đối mặt với một nghịch lý đáng lo ngại: càng hiện đại hóa thể chế và thúc đẩy cải cách hành chính, tham nhũng lại càng tinh vi, có tổ chức và gắn bó chặt chẽ với các mạng lưới thân hữu, tạo nên thứ mà nhiều học giả gọi là “tham nhũng thể chế hóa” (institutionalized corruption).

Một trong những hình thái nguy hiểm nhất của tham nhũng hiện nay chính là chủ nghĩa thân hữu (cronyism) – sự kết hợp giữa quyền lực chính trị và quyền lợi kinh tế dưới hình thức các mối quan hệ cá nhân, nhóm lợi ích, “sân sau”, “cánh hẩu”, nơi sự bỏ nhiệm, phân bổ tài nguyên, chính sách công... không dựa trên năng lực và tính hợp pháp, mà dựa trên sự ưu ái cá nhân. Chủ nghĩa thân hữu không chỉ làm xói mòn công lý và công bằng xã hội, mà còn triệt tiêu năng lực tự điều chỉnh của thể chế, đẩy Nhà nước vào tình thế vừa là trung gian của lợi ích nhóm, vừa là nạn nhân của chính sự thoái hóa từ bên trong.

Theo quan điểm triết học chính trị, đây chính là sự tha hóa quyền lực như Karl Marx từng phê phán: khi quyền lực tách khỏi lợi ích chung và vận hành vì một nhóm thiểu số đặc quyền, nó không còn là công cụ của nhân dân mà trở thành cơ chế chuyên biệt bảo vệ sự bất bình đẳng có tổ chức. Tình trạng này khiến mọi nỗ lực chống tham nhũng chỉ dừng lại ở phần ngọn nếu không can thiệp vào gốc rễ cấu trúc của quyền lực và cơ chế kiểm soát quyền lực. Như Montesquieu từng khẳng định: “*Khi quyền lực không bị ràng buộc, nó sẽ lạm dụng; và quyền lực tuyệt đối tất yếu dẫn đến sự tha hóa tuyệt đối*”<sup>236</sup>.

Thực tiễn Việt Nam những năm qua cho thấy, mặc dù Đảng và Nhà nước đã triển khai nhiều giải pháp phòng, chống tham nhũng có hiệu quả bước đầu – như xử lý nghiêm các vụ án lớn, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, hoàn thiện thể chế – nhưng chủ nghĩa thân

---

<sup>236</sup> Montesquieu, C. (1748). *The Spirit of the Laws*, Book XI, Chapter 4.

hữu vẫn tồn tại dưới các hình thức biến tướng, len lỏi trong mọi góc ngách của quản trị công, đặc biệt ở các lĩnh vực đầu tư công, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, đấu thầu dự án.

Do đó, yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay là: cần nhận diện đúng bản chất, cơ chế vận hành và hệ quả lâu dài của chủ nghĩa thân hữu trong bối cảnh thể chế, chính trị và văn hóa quyền lực đặc thù của Việt Nam. Việc khắc phục chủ nghĩa thân hữu không thể chỉ là hành động ứng phó tạm thời hay xử lý đơn lẻ, mà phải là một chiến lược căn cơ mang tính cải cách thể chế – nhằm phục hồi đạo đức công vụ, tái thiết lòng tin công dân, thiết lập một nền quản trị công liêm chính, minh bạch và dân chủ thực chất.

## **2. Bản chất của chủ nghĩa thân hữu**

Chủ nghĩa thân hữu (cronyism) không chỉ là một sai lệch kỹ thuật trong vận hành chính sách hay một lỗi thực hành chính trị sai lạc, mà về bản chất, đó là sự tha hóa quyền lực công, là sự biến dạng của nguyên lý chính danh quyền lực và tính phổ quát của công lý – những nền tảng cốt lõi của bất kỳ trật tự chính trị chính nghĩa nào.

**Trong triết học chính trị cổ điển**, từ Plato đến Rousseau, quyền lực được xem là công cụ được thiết lập để phục vụ lợi ích chung (*bonum commune*). Nhà nước ra đời không phải để bảo vệ đặc quyền, mà để điều phối công lý, duy trì trật tự dựa trên các nguyên tắc công bằng và đạo lý phổ quát. Tuy nhiên, khi quyền lực bị thao túng bởi các mạng lưới thân hữu, nó không còn vận hành theo logic công ích mà theo logic bảo trợ, trong đó sự trung thành cá nhân và quan hệ riêng tư trở thành tiêu chuẩn phân bổ lợi ích công. Đây chính là hình thái tư hữu hóa quyền lực công, một nghịch lý chính trị làm đảo ngược toàn bộ nền tảng của thể chế hiện đại.

**Từ góc nhìn của triết gia Karl Marx**, đây là hình thái “tha hóa chính trị” – khi quyền lực nhà nước không còn là sự biểu đạt của ý chí phổ quát (*general will*), mà trở thành công cụ của nhóm thống trị nhằm duy trì trật tự đặc quyền. Trong xã hội thân hữu, thiết chế công không còn giữ chức năng điều hòa lợi ích xã hội, mà trở thành cơ chế phân phối đặc quyền cho nhóm thiểu số có quan hệ cận quyền.

**Về bản thể luận**, chủ nghĩa thân hữu là biểu hiện của chủ nghĩa vị thân hơn là vị pháp, tức nền tảng đạo lý bị lật ngược: luật không còn là giới hạn của quyền lực, mà là “khung linh hoạt” cho quyền lực vận hành theo cảm tính và lợi ích. Chính điều này đã làm tan rã nguyên tắc impartiality – tính phi cá nhân của quyền lực vốn là đặc trưng của mọi nhà nước hiện đại. Max Weber gọi đó là sự suy đồi từ hành chính lý tính (*rational bureaucracy*) sang hành chính cảm tính – một trạng thái mà ông gọi là “chủ nghĩa gia

trường hiện đại”, nơi các quyết định không dựa trên chuẩn mực khách quan mà dựa vào cá tính và ân huệ của người đứng đầu<sup>237</sup>.

Trong trật tự thân hữu, không tồn tại một khế ước xã hội đúng nghĩa – bởi các quy tắc chung bị thay thế bằng các thỏa thuận ngầm, các quyết định được đưa ra trong bóng tối của lợi ích nhóm thay vì ánh sáng của công luận. Chủ nghĩa thân hữu do đó phủ định triệt để khái niệm công lý thủ tục (procedural justice) và công lý phân phối (distributive justice) mà John Rawls đề xuất: những nguyên tắc công bằng sẽ không còn hiệu lực trong một xã hội mà các vị trí, cơ hội và quyền lợi đều được phân phối theo logic thân quen<sup>238</sup>.

**Về mặt đạo đức học chính trị**, chủ nghĩa thân hữu là sự phủ định đạo đức công vụ. Nó biến các thiết chế vốn mang sứ mệnh phụng sự xã hội thành “sân chơi riêng” của các nhóm có khả năng mua chuộc, mặc cả, hoặc thao túng quyền lực. Đây chính là điểm giao thoa giữa tha hóa đạo đức và tha hóa thể chế – nơi mà cái sai không còn nằm ở cá nhân, mà trở thành một cấu trúc đạo lý lệch chuẩn được chính hệ thống duy trì. Triết gia Hannah Arendt từng chỉ ra: khi cái ác trở nên bình thường, thì điều đáng sợ không phải là tội lỗi, mà là sự vắng mặt của năng lực phán đoán luân lý – một hiện tượng phổ biến trong các xã hội bị chủ nghĩa thân hữu thống trị<sup>239</sup>.

**Tóm lại**, bản chất của chủ nghĩa thân hữu là sự sụp đổ của lý tính chính trị, sự tha hóa đạo lý công quyền và sự khép kín của các mạch vận động xã hội. Nó đẩy nhà nước vào trạng thái “nội sinh kháng cải cách”, khi không còn lực lượng nào đủ chính danh để dẫn dắt sự chuyển hóa từ bên trong.

### 3. Hệ lụy nảy sinh từ chủ nghĩa thân hữu

Chủ nghĩa thân hữu (cronyism) không đơn thuần là một lệch chuẩn trong quản trị công, càng không chỉ là hành vi thiên vị người quen trong bổ nhiệm hay phân bổ nguồn lực. Ở chiều sâu triết học chính trị, đó là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực – khi quyền lực, vốn được thiết lập để phụng sự công ích, bị uốn cong phục vụ cho lợi ích cá nhân, dòng tộc, phe nhóm. Chủ nghĩa thân hữu, theo nghĩa ấy, là hiện tượng đảo ngược trật tự chính trị – đạo đức: thay vì công lý và pháp quyền dẫn dắt quyền lực, thì quyền lực lại tự tái sản xuất chính mình qua mạng lưới các mối quan hệ thân hữu, làm suy vi mọi chuẩn mực đạo lý công vụ.

---

<sup>237</sup> Weber, Max (1947). *The Theory of Social and Economic Organization*. Free Press.

<sup>238</sup> Rawls, John (1971). *A Theory of Justice*. Harvard University Press.

<sup>239</sup> Arendt, Hannah (1963). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Viking Press.

Từ lăng kính triết học, đây là tình trạng quyền lực không còn thuộc về dân, mà bị “chiếm hữu” bởi các nhóm thiểu số có vị thế kết nối đặc quyền – một thứ quyền lực mà triết gia John Rawls gọi là “phi chính nghĩa” vì không phục vụ nguyên tắc công bằng, mà chỉ tái sản xuất đặc lợi xã hội<sup>240</sup>.

Chính trong cấu trúc quan hệ ấy, các hình thái tham nhũng đa tầng nảy sinh như hệ quả tất yếu:

**Trước hết là tham nhũng quyền lực** – hình thái nguy hiểm bậc nhất, bởi nó liên quan trực tiếp đến cốt lõi của thiết chế nhà nước: việc phân bổ quyền lực chính trị. Khi các vị trí then chốt trong bộ máy công quyền không còn được lựa chọn dựa trên phẩm chất, năng lực và sự phục vụ công ích, mà thay vào đó là sự bảo trợ cá nhân, quan hệ dòng tộc hoặc “chống lưng” từ các nhóm thân hữu, thì quyền lực không còn là biểu hiện của công lý, mà trở thành tài sản riêng bị tư hữu hóa. Tình trạng “cắt nhắc người nhà, đưa bạn bè vào ghế lãnh đạo” tạo ra những vùng đặc quyền miễn nhiễm với trách nhiệm, nơi các chuẩn mực pháp lý và đạo lý đều bị vô hiệu hóa bởi sự chi phối của quan hệ thân hữu.

Triết gia Max Weber từng cảnh báo rằng, một bộ máy hành chính bị lũng đoạn bởi các quan hệ phi chính thức sẽ không còn là công cụ của lý tính pháp quyền, mà trở thành một thiết chế gia trưởng hiện đại – nơi quyết định không dựa vào quy trình công khai, mà dựa vào sự sắp xếp kín đáo của những nhóm người “cùng phe”, “cùng phe phái”<sup>241</sup>. Trong môi trường đó, cơ chế kiểm soát quyền lực bị triệt tiêu, còn năng lực hành chính bị hoài nghi, bởi quyền lực không được tổ chức theo nguyên tắc hợp lý – hợp pháp, mà theo lô-gic bảo trợ và trả ơn.

Tham nhũng quyền lực, do đó, không chỉ là sự thoái hóa đạo đức cá nhân, mà là biểu hiện của sự suy thoái hệ thống chính trị từ bên trong – khi quyền lực không còn được quy định bởi luật pháp và nguyên tắc chính danh, mà được điều tiết bởi những “luật chơi ngầm” của nhóm thân hữu. Đây chính là tiền đề cho các dạng tham nhũng khác phát triển, bởi khi quyền lực bị thao túng, thì không còn lực lượng nào đủ độc lập và chính danh để kiểm soát các sai phạm tiếp theo.

**Tiếp theo là tham nhũng kinh tế** – một dạng tha hóa được “thị trường hóa” thông qua các cơ chế “sân sau”, “lợi ích nhóm”, trong đó các nguồn lực công như đất đai, ngân sách, hợp đồng đầu tư, tín dụng... không còn được phân bổ theo nguyên tắc minh bạch,

---

<sup>240</sup> Rawls, J. (1971). *A Theory of Justice*. Harvard University Press.

<sup>241</sup> Weber, Max (1947). *The Theory of Social and Economic Organization*. Trans. by A.M. Henderson and Talcott Parsons. New York: Free Press.

công bằng và tối ưu hóa hiệu quả, mà bị chi phối bởi các trao đổi ngầm giữa giới quyền lực và giới kinh doanh thân hữu. Trong cấu trúc đó, quyền lực trở thành hàng hóa, và quyền tiếp cận chính sách trở thành đặc quyền chỉ dành cho những ai “có quan hệ”.

Hình thái tham nhũng này dẫn đến sự phi thị trường hóa chính thị trường, bởi các chuẩn mực cạnh tranh tự do – vốn là nền tảng của kinh tế thị trường – bị bóp méo. Tài nguyên khan hiếm không được phân bổ theo năng suất hoặc giá trị tạo ra, mà theo mức độ thân cận với quyền lực. Các doanh nghiệp không cần nâng cao năng lực cạnh tranh, mà chỉ cần xây dựng mối quan hệ “đúng người, đúng chỗ”. Hậu quả là một nền kinh tế giả thị trường – nơi hiệu suất bị hy sinh để đổi lấy sự ổn định của các mạng lưới quyền lực – và kết cục là trì trệ cấu trúc, chi phí cơ hội lớn, mất lòng tin vào cải cách.

Triết gia Friedrich Hayek từng cảnh báo rằng: khi quyền sở hữu và vận hành nền kinh tế không còn tuân thủ nguyên lý cạnh tranh công bằng, mà bị điều phối bởi các ưu đãi đặc biệt và “ưu tiên chính trị”, thì đó không còn là thị trường tự do, mà là một “nền chuyên chế kinh tế ngầm” – nơi phân bổ lợi ích bị quyết định không bởi hiệu quả mà bởi sự thân hữu và vâng lời<sup>242</sup>.

Như vậy, tham nhũng kinh tế không đơn thuần là sự gian lận tài chính, mà là biểu hiện của sự tan rã của đạo lý thị trường, khi hệ giá trị về nỗ lực, sáng tạo, năng lực bị đảo ngược. Đây cũng là một biểu hiện của bất công cơ cấu – khi những người trung thực, làm ăn minh bạch bị đẩy ra rìa, trong khi những “doanh nhân thân hữu” được trao đặc quyền để tiếp cận tài sản công mà không phải cạnh tranh.

**Cao hơn là tham nhũng thể chế** – một dạng tha hóa mang tính cấu trúc, khi chính sách công và luật pháp, vốn là công cụ khách quan của công lý và nền tảng của nhà nước pháp quyền, bị biến dạng thành “hàng hóa chính trị”, có thể được “đặt hàng”, sửa đổi hoặc vô hiệu hóa bởi các nhóm lợi ích thân hữu. Trong trạng thái này, luật không còn là giới hạn quyền lực, mà trở thành công cụ bảo vệ đặc quyền. Công lý bị định đoạt không bởi chuẩn mực đạo lý phổ quát, mà bởi sự vận động ngầm của các “liên minh thân hữu”.

Thể chế – theo nghĩa rộng nhất của nó – là thiết kế của xã hội nhằm bảo đảm tính chính danh của quyền lực, phân bổ nguồn lực theo nguyên tắc công bằng, và duy trì trật tự dựa trên pháp luật. Nhưng khi chính thể chế ấy bị thao túng, luật pháp bị điều chỉnh không nhằm phục vụ lợi ích chung mà để phục vụ lợi ích của một thiểu số, thì niềm tin

---

<sup>242</sup> Hayek, Friedrich A. (1944). *The Road to Serfdom*. University of Chicago Press.

vào tính chính đáng của toàn bộ thiết chế công quyền bị sụp đổ. Đó là hình thái cao nhất của sự tha hóa hệ thống: công cụ bảo vệ công lý trở thành công cụ tái sản xuất bất công.

Triết gia Friedrich Hayek đã từng cảnh báo điều này trong *The Road to Serfdom*, khi ông nhấn mạnh rằng: nếu luật pháp không còn giữ được tính trung lập và phổ quát, mà bị điều tiết bởi các động cơ chính trị và quyền lợi nhóm, thì đó là “con đường dẫn tới nô lệ” – nơi tự do cá nhân bị triệt tiêu, còn xã hội rơi vào trạng thái phục tùng mù quáng trước một quyền lực không thể kiểm soát<sup>243</sup>.

Tham nhũng thể chế, vì thế, không chỉ làm suy yếu hiệu lực quản trị của nhà nước, mà còn phá hủy nền tảng đạo lý của pháp quyền. Nó tạo ra một trật tự xã hội giả hiệu, nơi nguyên tắc bị thay thế bằng sự linh hoạt có chủ đích, nơi luật không còn có tính ràng buộc chung mà chỉ còn là “cái khung” để những kẻ quyền thế mặc theo ý mình. Đây chính là nguy cơ hiện hữu của một “chủ nghĩa tùy tiện thể chế”, mà nếu không được nhận diện và khắc phục, sẽ làm tiêu tan mọi nỗ lực cải cách từ bên trong nhà nước.

**Kéo theo đó là tham nhũng đạo đức** – hình thái tha hóa tinh vi và nguy hiểm, bởi nó không còn là sự vi phạm luật lệ, mà là sự đảo chiều của các giá trị đạo lý trong đời sống xã hội. Khi một hệ thống vận hành dựa trên thân hữu và đặc quyền, thì các chuẩn mực về đúng – sai, công – tư, trung thực – gian dối cũng bị lệch chuẩn một cách có hệ thống. Người liêm chính bị cho là “thiếu khôn ngoan”, người tuân thủ nguyên tắc trở thành “không thức thời”; trong khi kẻ cơ hội, biết luồn lách và quan hệ thân hữu lại được tưởng thưởng, nâng đỡ và thăng tiến.

Đây là môi trường xã hội nơi đạo đức bị thương mại hóa, còn sự trung thực bị coi là yếu tố bất lợi về mặt cạnh tranh. Niềm tin vào tính mẫu mực của người làm công vụ bị phá vỡ; thay vào đó là sự mặc định rằng “muốn sống được thì phải biết luồn lách”. Không khí đạo đức xã hội dần bị băng hoại từ bên trong, khi các hành vi sai trái không còn bị coi là lệch chuẩn, mà được bình thường hóa như một phần tất yếu của “quy luật ngầm”.

Triết gia Hannah Arendt gọi hiện tượng này là “sự tầm thường của cái ác” (*banality of evil*) – tức là cái ác không đến từ sự cực đoan hay nổi loạn, mà từ sự vô cảm có tổ chức, từ việc cái sai được lặp đi lặp lại đến mức trở thành quy chuẩn thường nhật<sup>244</sup>. Khi đó, cái ác không cần phải trá hình nữa, vì nó đã trở thành quy tắc hành xử xã hội chấp nhận được.

---

<sup>243</sup> Hayek, Friedrich A. (1944). *The Road to Serfdom*. University of Chicago Press.

<sup>244</sup> Arendt, Hannah (1963). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Viking Press.

Tham nhũng đạo đức không chỉ làm mất đi tính gương mẫu của đội ngũ lãnh đạo, mà còn phá hủy niềm tin liên thể hệ, khi người trẻ được giáo dục trong môi trường mà lý tưởng bị xem là ngây thơ, còn nguyên tắc bị cho là cứng nhắc. Đó chính là giai đoạn mà đạo đức công vụ bị thay thế bởi đạo lý thân hữu, và văn hóa ứng xử trở thành sự thích nghi với một hệ thống lệch chuẩn.

**Tột đỉnh của tha hóa chính trị là tham nhũng niềm tin** – loại hình tham nhũng nguy hiểm nhất bởi nó không hiện hình qua hành vi, tài sản hay quyền lực hữu hình, mà ngấm ngầm gặm nhấm kết cấu tinh thần của cộng đồng chính trị. Tham nhũng niềm tin xảy ra khi người dân không còn tin rằng sự nỗ lực lương thiện, con đường chính trực hay tuân thủ pháp luật có thể dẫn đến thành công. Thay vào đó là một thứ “tri thức ngầm” được mặc định rộng rãi rằng: mọi cơ hội trong xã hội đều phải qua quan hệ, bảo kê, hoặc thân hữu.

Khi niềm tin vào công lý bị thay thế bằng sự hoài nghi có hệ thống, xã hội không chỉ mất đi động lực phát triển, mà còn rơi vào trạng thái lạnh lùng, im lặng và cam chịu – nơi công dân không còn hành động với tư cách là chủ thể của lịch sử, mà chỉ là những cá thể thích nghi để tồn tại. Đây chính là hiện tượng “tha hóa tinh thần cộng đồng” – khi các mối liên kết xã hội bị đứt gãy, lòng tin vào thiết chế bị xói mòn, và tương lai trở thành điều không thể hình dung.

Triết gia Georg Wilhelm Friedrich Hegel từng cảnh báo rằng: khi tinh thần khách quan của một dân tộc suy yếu, tức khi ý chí cộng đồng không còn định hướng cho hành động lịch sử, thì dân tộc ấy bước vào trạng thái “không còn lịch sử” – một trạng thái của sự trì trệ, lặp lại, không thể tự đổi mới từ bên trong<sup>245</sup>. Và đó là điểm rơi nguy hiểm nhất của chủ nghĩa thân hữu: nó không chỉ làm suy thoái thể chế, mà còn triệt tiêu khả năng tái sinh đạo đức, chính trị và văn hóa của toàn xã hội.

Tham nhũng có thể được trị bằng luật pháp; thể chế có thể được cải cách bằng chính sách; nhưng một cộng đồng đã mất niềm tin thì không thể được phục hồi bằng mệnh lệnh hành chính hay khẩu hiệu đạo đức. Niềm tin – một khi bị đánh mất – chỉ có thể khôi phục thông qua một cuộc tái thiết căn bản về đạo lý, công lý và minh bạch quyền lực, bắt đầu từ việc triệt để khắc phục chủ nghĩa thân hữu như một giải pháp trung tâm, không chỉ về mặt kỹ thuật quản trị, mà là một lựa chọn đạo đức và chiến lược chính trị toàn diện.

---

<sup>245</sup> Hegel, G.W.F. (1821). *Elements of the Philosophy of Right*. Cambridge University Press, 1991.

Từ đó có thể khẳng định: chống chủ nghĩa thân hữu không đơn thuần là một nhiệm vụ hành chính hay kỹ thuật thể chế, mà là một cuộc cách mạng đạo đức và triết học chính trị. Nó đòi hỏi phải tái định nghĩa lại bản chất của quyền lực công – từ đặc quyền của thân hữu trở về đúng nghĩa là công cụ phụng sự công lý, công ích. Mọi cải cách hành chính, nếu không chạm tới gốc rễ của chủ nghĩa thân hữu, thì vẫn chỉ là những “sửa sai trong cái sai”.

#### **4. Khuyến nghị các giải pháp nhằm khắc phục chủ nghĩa thân hữu**

Khắc phục chủ nghĩa thân hữu không thể chỉ dựa vào những biện pháp hành chính tức thời, mà cần một hệ thống giải pháp liên ngành, toàn diện và căn cơ, đồng thời phải xuất phát từ một sự cải cách triết lý quyền lực và thiết kế lại thể chế quản trị công. Trên cơ sở phân tích bản chất và cơ chế vận hành của thân hữu chủ nghĩa, bài viết đề xuất 7 nhóm giải pháp trọng tâm:

##### ***Thứ nhất, thiết lập lại nền tảng đạo lý công quyền – Xây dựng văn hóa chính trị liêm chính và trách nhiệm***

Chống chủ nghĩa thân hữu không thể chỉ dựa vào công cụ pháp lý hay biện pháp hành chính kỹ thuật, mà trước hết phải là một cuộc cách mạng đạo lý trong chính trị. Bởi chủ nghĩa thân hữu không đơn thuần là sự vi phạm quy tắc, mà là biểu hiện của sự lệch chuẩn giá trị ở cấp độ hệ thống – khi quyền lực bị quan niệm như một đặc quyền tư hữu, chứ không phải một trách nhiệm công cộng.

Do đó, giải pháp căn bản là tái định nghĩa lại quyền lực công – không phải như một “chiếc ghế quyền lợi” để ban phát cho người thân tín, mà là trách nhiệm đạo đức gắn liền với sự phục vụ lợi ích chung. Điều này đòi hỏi phải khởi động một quá trình phục hồi đạo lý công quyền, xây dựng lại văn hóa chính trị dựa trên liêm chính, công bằng, minh bạch và phục vụ xã hội.

Các giá trị như trách nhiệm công, sự vô tư, công tâm và khách quan trong hành xử quyền lực cần phải được đặt làm trụ cột trong toàn bộ hệ thống đào tạo, đánh giá và sử dụng cán bộ – không chỉ là “nội dung tuyên truyền”, mà trở thành chuẩn mực hành vi bắt buộc trong quản trị nhà nước. Văn hóa tổ chức trong các cơ quan công quyền phải được thiết kế sao cho người liêm chính được bảo vệ và thăng tiến, còn người lạm dụng quyền lực vì mục đích cá nhân bị đào thải một cách công khai và không khoan nhượng.

Triết gia Montesquieu từng nói: “Quốc gia nào mà đạo đức suy đồi thì luật pháp dù nghiêm cũng chỉ là tấm màn che cho sự bất công.” Vì vậy, nếu không phục hồi được đạo lý công vụ như là linh hồn của quyền lực chính trị, thì mọi nỗ lực cải cách về thể chế hay



chính sách sẽ chỉ là những chỉnh sửa bên ngoài của một kết cấu đã mục ruỗng từ bên trong.

***Thứ hai, cải cách quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ – Phá vỡ vòng tròn thân hữu, tái lập nguyên lý chính danh quyền lực***

Chủ nghĩa thân hữu không hình thành trong khoảng trống pháp lý, mà nảy sinh từ chính những quy trình bị tha hóa và biến dạng – đặc biệt là trong công tác cán bộ. Khi việc tuyển dụng và bổ nhiệm không dựa trên phẩm chất, năng lực và sự cạnh tranh công bằng, mà bị chi phối bởi các quan hệ cá nhân, “sự tin tưởng trong phe nhóm”, thì toàn bộ hệ thống quyền lực sẽ trở thành mạng lưới bảo trợ lẫn nhau, dẫn đến sự đóng kín của quyền lực và sự bế tắc của cải cách.

Vì thế, cải cách quy trình nhân sự phải bắt đầu từ việc phi cá nhân hóa toàn bộ các quyết định về con người. Cần thiết lập cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ dựa trên dữ liệu khách quan, đánh giá ẩn danh và cạnh tranh minh bạch, loại bỏ tối đa không gian cho cảm tính và can thiệp thân hữu. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản trị nhân sự, mà là một hành động mang tính triết lý chính trị: khôi phục tính chính danh (legitimacy) của quyền lực thông qua sự tín nhiệm có cơ sở đạo lý và lý tính.

Bên cạnh đó, phải thiết kế cơ chế giám sát xã hội đa tầng: công khai tiêu chí tuyển chọn, hồ sơ ứng viên, kết quả đánh giá và toàn bộ quá trình bổ nhiệm. Đặc biệt, việc chống “quy hoạch theo phe” cần trở thành trọng tâm của cải cách cán bộ – bởi chính việc “cài người”, “kéo dây”, “chọn trước” là hình thái biểu hiện rõ nhất của chính trị thân hữu hóa thiết chế.

Khi quyền lực được ban phát như một sự ưu ái, chứ không phải là kết quả của sự cống hiến và năng lực, thì mọi nỗ lực phòng chống tham nhũng cũng sẽ thất bại từ trong trứng nước. Như triết gia John Rawls đã chỉ ra, công lý chỉ thực sự tồn tại khi mọi người có cơ hội công bằng để tiếp cận các vị trí ảnh hưởng – không vì thân quen, mà vì thực lực và chính danh<sup>246</sup>.

***Thứ ba, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực đa tầng – Thiết lập thiết chế đối trọng để quyền lực không tuyệt đối***

Từ góc nhìn triết học chính trị, quyền lực không tự tha hóa, nhưng quyền lực không được kiểm soát sẽ tất yếu dẫn đến tha hóa. Chủ nghĩa thân hữu chính là hệ quả trực tiếp của một cấu trúc quyền lực thiếu kiểm tra, thiếu minh định, và không có đối trọng

---

<sup>246</sup> Rawls, John (1971). *A Theory of Justice*. Harvard University Press.

hiệu quả. Do đó, việc xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực đa tầng không chỉ là một yêu cầu kỹ trị, mà là nền tảng cốt lõi để bảo vệ đạo lý chính trị và ngăn chặn sự lạm quyền có hệ thống.

Trước hết, cần củng cố các thiết chế kiểm soát nội bộ như kiểm tra Đảng, thanh tra hành chính, kiểm toán nhà nước, nhưng phải song hành với cải cách để gia tăng tính độc lập, khách quan và khả năng công khai kết quả. Nếu các cơ quan kiểm soát vẫn bị chi phối bởi mạng lưới thân hữu nội tại, thì mọi hoạt động giám sát chỉ là hình thức, hoặc trở thành công cụ thanh trừng theo phe phái.

Tiếp đó, cần khuyến khích và bảo vệ các thiết chế kiểm soát bên ngoài – như báo chí điều tra, đại biểu dân cử, xã hội dân sự, công dân phản biện. Đây là “lực lượng đối thoại xã hội”, đóng vai trò thiết yếu trong việc phá vỡ vòng lặp quyền lực khép kín, đưa các quyết định công ra ánh sáng dư luận. Một xã hội không có tiếng nói phản biện thì cũng là một xã hội không có khả năng tự điều chỉnh từ bên trong.

Trên nền tảng đó, cần thiết kế các thiết chế đối trọng (checks and balances) theo tinh thần hiến định – tức là không để bất kỳ thiết chế nào giữ quyền lực tuyệt đối mà không bị giám sát hoặc không phải giải trình. Cơ chế này đòi hỏi phải xây dựng lược đồ quyền lực theo mô hình đa trung tâm (polycentricity) – nơi quyền lực được phân tán, ràng buộc lẫn nhau, đối thoại với nhau và chịu trách nhiệm trước công luận.

Montesquieu từng nói: “Quyền lực chỉ bị ngăn chặn bởi quyền lực.” Do đó, chống chủ nghĩa thân hữu không thể chỉ bằng đạo đức cá nhân hay lời kêu gọi trong văn bản, mà phải được chuyển hóa thành thiết kế thể chế – nơi quyền lực không chỉ bị giám sát từ bên ngoài, mà còn bị ràng buộc bởi quy trình pháp lý, đạo lý công quyền và áp lực từ cộng đồng chính trị có tri thức và tinh thần công dân.

### ***Thứ tư, chống “luật hóa lợi ích nhóm” – Cải cách quy trình xây dựng và ban hành chính sách vì công lý thay vì đặc quyền***

Một trong những biểu hiện tinh vi nhất của chủ nghĩa thân hữu là hiện tượng “luật hóa lợi ích nhóm” – khi các văn bản pháp luật, chính sách công không còn phản ánh ý chí chung, mà trở thành công cụ hợp thức hóa quyền lợi riêng biệt của một thiểu số có quan hệ thân hữu với người cầm quyền. Tình trạng này không chỉ làm tha hóa bản chất công lý của pháp luật, mà còn làm xói mòn nền tảng của nhà nước pháp quyền, khi luật – thay vì là biểu tượng của sự công bằng – lại bị thao túng bởi những bàn tay ẩn khuất phía sau thể chế.

Từ góc nhìn triết học pháp quyền, luật chỉ có giá trị chính đáng khi nó được xây dựng trên nền tảng của lý trí phổ quát, được tranh luận công khai và phục vụ lợi ích chung. Nhưng khi quy trình xây dựng chính sách thiếu minh bạch, thiếu phản biện độc lập, và dễ bị “đặt hàng” bởi các nhóm thân hữu, thì pháp luật không còn là công cụ điều chỉnh xã hội, mà trở thành hàng hóa chính trị, dẫn đến sự sụp đổ về niềm tin thể chế.

Để khắc phục, cần tiến hành một cuộc cải cách sâu rộng quy trình xây dựng luật và chính sách công, trong đó có ba trọng tâm:

**Một là**, minh bạch hóa toàn bộ quy trình từ khâu khởi thảo, thẩm định, đánh giá tác động, đến ban hành. Mỗi dự thảo luật phải được đưa ra trung cầu ý kiến rộng rãi và có thời gian thảo luận công khai thực chất.

**Hai là**, thiết lập cơ chế phản biện chính sách độc lập: mời gọi các tổ chức khoa học, các cơ sở nghiên cứu chính sách, các nhà chuyên môn phản biện chính thức các văn bản chính sách, đảm bảo đa chiều và phi thân hữu

**Ba là**, các bản đánh giá tác động chính sách (về kinh tế, xã hội, môi trường, nhóm lợi ích bị ảnh hưởng...) phải bắt buộc, độc lập và được công khai trước khi luật được thông qua. Đây là hàng rào chống thao túng chính sách hiệu quả, nếu được thực hiện nghiêm túc và giám sát xã hội chặt chẽ.

Như John Locke đã nhấn mạnh, nền tự do đích thực chỉ tồn tại khi luật pháp được làm ra trong sáng, công khai, và để phục vụ tất cả, chứ không nhằm bảo vệ đặc quyền của một nhóm nào. Nếu không hóa giải được chủ nghĩa thân hữu ngay từ khâu hình thành chính sách, thì dù có quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm sau này, mọi thứ vẫn chỉ là chữa cháy trên một thiết kế vốn đã sai từ gốc.

***Thứ năm, thể chế hóa liêm chính và trách nhiệm giải trình – Minh bạch như là chuẩn mực vận hành***

Trong một nền quản trị hiện đại, liêm chính không thể chỉ là phẩm chất đạo đức cá nhân, mà phải trở thành chuẩn mực vận hành thể chế – tức được thể chế hóa thành quy tắc, quy trình và nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, gắn liền với thiết kế quyền lực và trách nhiệm giải trình minh bạch. Trong bối cảnh chủ nghĩa thân hữu len lỏi và bao trùm các khâu từ hoạch định đến thực thi chính sách, thì chỉ có liêm chính được thể chế hóa mới có thể phá vỡ không gian thao túng ngầm và mạng lưới lợi ích nhóm.

Liêm chính, trong nghĩa rộng, không chỉ là “không tham nhũng”, mà là tính nhất quán giữa lời nói và hành động, giữa quyền lực và phục vụ, giữa vị trí và trách nhiệm. Do

đó, thiết kế thể chế phải giúp cho mọi hành vi của người nắm quyền buộc phải được công khai, lý giải và có thể bị truy cứu, nếu không dựa trên căn cứ chính đáng.

Trên nền tảng đó, cần:

**Một là**, công khai hóa toàn diện các lĩnh vực dễ phát sinh thân hữu và lợi ích nhóm: bao gồm ngân sách, tài sản cán bộ, quy trình bổ nhiệm, đấu thầu, phân bổ đất đai, đầu tư công. Từng quyết định sử dụng quyền lực phải để lại dấu vết có thể kiểm tra, đối chiếu và công bố

**Hai là**, xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa quốc gia về hoạt động công quyền – không chỉ để minh bạch hóa, mà còn để tạo khả năng giám sát theo thời gian thực, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường hoặc thiên vị.

**Ba là**, luật hóa trách nhiệm giải trình như một nghĩa vụ công, chứ không chỉ là khẩu hiệu đạo đức. Mọi quyết định công phải đi kèm lý do, căn cứ pháp lý và tác động dự kiến; và nếu không thể giải trình, hoặc có dấu hiệu tư lợi hóa quyết định, thì phải chịu xử lý rõ ràng và công khai.

Như Amartya Sen từng nhấn mạnh, tính minh bạch và khả năng giải trình không chỉ giúp phòng chống tham nhũng, mà còn làm gia tăng năng lực học hỏi, sửa sai và cải tiến liên tục của chính quyền. Một thiết chế minh bạch là một thiết chế có khả năng tự điều chỉnh – còn một thiết chế vận hành trong bóng tối thì tất yếu bị tha hóa bởi lợi ích ngầm.

Do đó, thể chế hóa liêm chính không chỉ là yêu cầu kỹ trị, mà là hành động mang tính triết lý chính trị sâu sắc: khẳng định rằng quyền lực chỉ chính danh khi nó có thể bị giám sát và được sử dụng với tinh thần công lý.

***Thứ sáu, bảo vệ người trung thực và khuyến khích tố cáo sai phạm – Khôi phục giá trị đạo đức thực chất***

Một xã hội bị chi phối bởi chủ nghĩa thân hữu thường không phân biệt đúng – sai trên cơ sở lý tính và chuẩn mực đạo đức, mà đánh giá con người theo tiêu chí “thân – sơ”, “trung thành – không trung thành”. Trong cấu trúc quyền lực như vậy, người trung thực dễ bị gạt ra ngoài lề, trong khi kẻ cơ hội, biết luồn lách và trung thành mù quáng lại được tưởng thưởng và nâng đỡ. Đây chính là điều nguy hiểm nhất của thân hữu chủ nghĩa: nó không chỉ làm tha hóa thể chế, mà còn làm băng hoại đạo đức công.

Do đó, giải pháp không thể chỉ là “tố cáo và xử lý”, mà phải là thiết lập lại một trật tự đạo đức công, trong đó người dũng cảm nói thật, hành động vì công lý, dám phản biện vì lợi ích chung – phải được bảo vệ và tôn vinh, thay vì bị cô lập hoặc trù dập.

Trên phương diện thể chế, cần:

**Một là**, ban hành và thực thi nghiêm cơ chế pháp lý bảo vệ người tố cáo: đảm bảo an danh, không bị trả thù, có lộ trình hỗ trợ pháp lý và cả hỗ trợ nghề nghiệp, tâm lý nếu bị ảnh hưởng sau tố cáo. Luật cần coi hành vi trả đũa người tố cáo là hành vi nguy hiểm tương đương với hành vi tham nhũng.

**Hai là**, khuyến khích và bảo vệ người phản biện chính sách, người bất đồng chính kiến mang tính xây dựng – bởi trong một thể chế minh bạch, phản biện không phải là chống phá, mà là hành động yêu nước ở cấp độ trí tuệ và đạo lý cao nhất.

**Ba là**, cải cách cơ chế đánh giá, khen thưởng cán bộ công chức: chuyển từ tiêu chí hình thức (đạt chỉ tiêu, không sai phạm kỹ thuật) sang tiêu chí phản ánh tinh thần trách nhiệm, chính trực, năng lực ra quyết định độc lập và khả năng bảo vệ lợi ích công trước áp lực thân hữu hóa.

Khôi phục được vai trò của người trung thực trong hệ thống chính trị không chỉ là cải cách nhân sự, mà là một tuyên ngôn về đạo lý chính trị: rằng quyền lực chỉ chính danh khi nó được bảo vệ bởi lẽ phải và sự thật, chứ không phải bởi sự trung thành mù quáng hay phe phái quyền lợi.

Triết gia Karl Jaspers từng nói: *“Không có chân lý, quyền lực chỉ còn là sự áp đặt trống rỗng.”* Một thiết chế lành mạnh là nơi người nói thật được lắng nghe, và người dám chống lại cái sai vì công lý được đứng ở trung tâm, chứ không phải bên lề.

**Thứ bảy, xây dựng hệ sinh thái công nghệ và dữ liệu phục vụ phòng, chống thân hữu – Hướng tới quản trị số minh bạch**

Trong thời đại dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, công nghệ không chỉ là công cụ phụ trợ, mà đã trở thành nền tảng định hình phương thức vận hành của quyền lực công. Đối với một xã hội đang nỗ lực thoát khỏi chủ nghĩa thân hữu – nơi các quyết định công bị chi phối bởi quan hệ cá nhân, cảm tính và “đi đêm”, thì việc chuyển hóa từ mô hình quản trị dựa trên con người sang quản trị dựa trên hệ thống – từ cảm tính sang dữ liệu – chính là bước đột phá mang tính nền tảng.

Việc xây dựng một hệ sinh thái công nghệ phục vụ chống thân hữu không đơn giản là “số hóa hành chính”, mà là kiến tạo một kết cấu minh bạch hóa quyền lực theo thời gian thực. Điều này bao gồm:

**Một là**, hệ thống hóa dữ liệu công khai về đầu tư công, đấu thầu, quy hoạch đất đai, bổ nhiệm cán bộ, tài sản công... trên nền tảng tích hợp và truy cập mở, cho phép mọi công dân và tổ chức độc lập có thể giám sát.

**Hai là**, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích hành vi dữ liệu lớn (behavioral analytics) để phát hiện những dấu hiệu bất thường trong quá trình ra quyết định – chẳng hạn những “mẫu bỏ nhiệm bất thường”, “điểm nóng phân bổ ngân sách phi lý”, hoặc các nhóm lợi ích lặp lại trong trúng thầu.

**Ba là**, áp dụng hệ thống chấm điểm minh bạch và ản danh trong tuyển dụng, đánh giá công chức, phân bổ nguồn lực... nhằm loại bỏ khả năng thiên vị cá nhân và thân hữu hóa các khâu then chốt trong quản trị.

Từ góc nhìn triết học chính trị, công nghệ số không phải là “giải pháp kỹ thuật trung lập”, mà là một thiết kế thể chế mới – nơi quyền lực được buộc phải vận hành qua hệ thống, qua số liệu, qua trách nhiệm giải trình tức thời, thay vì nằm sau những “phòng kín” của các mối quan hệ thân tín. Nói cách khác, quản trị số chính là một bước tiến hóa của nhà nước pháp quyền trong kỷ nguyên dữ liệu.

Triết gia Michel Foucault từng cảnh báo: “Quyền lực ản mình càng kỹ, nó càng nguy hiểm.” Vì thế, chiến thắng chủ nghĩa thân hữu không đến từ lòng tin, mà đến từ khả năng nhìn thấy – từ tính hiển minh (transparency) của thiết chế. Mỗi hành động công, mỗi quyết định điều hành cần phải được ghi dấu vết, để không ai có thể đứng ngoài trách nhiệm bằng cái cớ của “tình cảm”, “niềm tin” hay “cơ chế linh hoạt”.

Do đó, xây dựng hệ sinh thái công nghệ phục vụ minh bạch hóa không chỉ là hiện đại hóa hành chính, mà là thiết kế lại một trật tự quyền lực công lý – nơi cảm tính bị giới hạn, và thân hữu bị soi rọi trong ánh sáng của dữ liệu.

## **5. Kết luận**

Khắc phục chủ nghĩa thân hữu không chỉ là một chiến dịch hành chính hay một tập hợp giải pháp kỹ thuật rời rạc. Đó là một cuộc cải tổ toàn diện và sâu sắc, chạm đến tận nền tảng triết học của quyền lực, thể chế và đạo lý chính trị. Chủ nghĩa thân hữu, suy cho cùng, không hình thành từ thiếu sót cá nhân, mà bắt nguồn từ một trật tự quyền lực lệch chuẩn – nơi quyền được xem là đặc quyền, pháp luật bị thao túng, đạo lý bị đảo ngược, và chân lý bị đánh đổi vì sự tiện nghi trong quan hệ.

Cốt lõi của công cuộc khắc phục chủ nghĩa thân hữu là tái định nghĩa lại quyền lực công: không còn là mạng lưới bảo trợ lợi ích, mà là trách nhiệm công lý, minh bạch và phục vụ. Từ đó, quản trị phải thoát khỏi “cảm tính thân quen” để tiến đến cấu trúc minh bạch hóa theo hệ thống; thể chế không được đứng về phía những người có quan hệ, mà phải bảo vệ những người có lý lẽ và chính danh.

Nói cách khác, chống thân hữu là một hành trình đạo đức – chính trị, trong đó cần đồng thời cải cách cả ba tầng: thể chế (institutional reform), văn hóa chính trị (political culture), và triết lý quyền lực (philosophy of governance). Nếu không chạm đến tầng sâu này, mọi nỗ lực chống tham nhũng vẫn sẽ dừng lại ở biểu hiện, và cuối cùng chỉ tạo ra những vòng luẩn quẩn chính sách – nơi cái sai được sửa bằng một thiết kế khác của cái sai.

Như Plato từng nhấn mạnh trong *Cộng hòa*, chỉ khi quyền lực nằm trong tay những người yêu sự thật và tôn trọng công lý thì xã hội mới đạt đến trật tự bền vững. Việt Nam, trong hành trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phải đối mặt trực diện với chủ nghĩa thân hữu như một lực cản mang tính hệ thống – và muốn vượt qua nó, không thể không bắt đầu từ sự tự vấn triết học: quyền lực là để làm gì, cho ai, và được kiểm soát như thế nào.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Arendt, H. (1963). *Eichmann in Jerusalem: A Report on the Banality of Evil*. Viking Press.
2. Foucault, M. (1977). *Discipline and Punish: The Birth of the Prison*. Pantheon Books.
3. Hayek, F. A. (1944). *The Road to Serfdom*. University of Chicago Press.
4. Jaspers, K. (1957). *The Question of German Guilt*. Fordham University Press.
5. Locke, J. (1689/1988). *Two Treatises of Government*. Cambridge University Press. (Original work published 1689)
6. Montesquieu, C. de. (1748/1989). *The Spirit of the Laws* (A. M. Cohler, B. C. Miller & H. S. Stone, Trans.). Cambridge University Press.
7. Plato. (380 BCE/2000). *The Republic* (T. Griffith, Trans.). Cambridge University Press.
8. Rawls, J. (1971). *A Theory of Justice*. Harvard University Press.
9. Sen, A. (1999). *Development as Freedom*. Oxford University Press.
10. Weber, M. (1922/1978). *Economy and Society: An Outline of Interpretive Sociology* (G. Roth & C. Wittich, Eds.). University of California Press.
11. Hegel, G. W. F. (1837/1991). *The Philosophy of History* (J. Sibree, Trans.). Prometheus Books.

# GIẢI PHÁP SỐ HÓA CÔNG TÁC KÊ KHAI VÀ GIÁM SÁT TÀI SẢN CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*ThS. Lê Thị Phương Thảo<sup>247</sup>*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích thực trạng kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức tại Việt Nam trong giai đoạn gắn với yêu cầu công khai, minh bạch, và chuyển đổi số. Qua việc đánh giá những hạn chế trong thể chế, thực thi và công nghệ, tác giả đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống, đồng bộ nhằm tăng cường tính liêm chính trong khu vực công.

**Từ khoá:** kê khai, giám sát tài sản, chuyển đổi số; phòng, chống tham nhũng; đạo đức công vụ.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu đang thúc đẩy mạnh mẽ các giá trị về minh bạch, liêm chính và trách nhiệm giải trình trong quản trị công, vấn đề công khai, kiểm soát tài sản của cán bộ, công chức trở thành một nội dung then chốt trong chiến lược phòng, chống tham nhũng của mỗi quốc gia. Tại Việt Nam, nhiều vụ việc liên quan đến “tài sản bất minh” của cán bộ đã gây bức xúc trong dư luận xã hội và làm xói mòn niềm tin của nhân dân đối với bộ máy công quyền. Trong khi đó, cơ chế kê khai tài sản hiện nay vẫn còn mang tính hình thức, chưa được số hóa toàn diện và thiếu hiệu quả trong việc phát hiện, giám sát và xử lý vi phạm.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, đặc biệt là các nền tảng quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, blockchain... đang mở ra những cơ hội thiết thực để đổi mới cách thức quản lý và giám sát tài sản cán bộ, công chức. Nhiều quốc gia đã ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống kê khai, giám sát tài sản điện tử theo thời gian thực, kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu đất đai, ngân hàng, thuế, từ đó nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro tham nhũng trong khu vực công. Tuy nhiên, tại Việt Nam, tiến trình số hóa trong lĩnh vực này vẫn còn chậm, chưa hình thành được một hệ thống dữ liệu tích hợp và đồng bộ mang tính quốc gia.

Bài viết này nhằm phân tích thực trạng công tác kê khai và quản lý tài sản của cán bộ, công chức hiện nay ở Việt Nam, đánh giá những hạn chế, bất cập trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm ứng dụng công nghệ

---

<sup>247</sup> Khoa Hành chính và Quản trị, Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh.



thông tin một cách hiệu quả, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần xây dựng nền hành chính liêm chính, hiện đại, vì dân phục vụ.

## **2. Thực trạng công tác kê khai và giám sát tài sản của công chức ở Việt Nam**

### **2.1. Quan điểm, chính sách của Đảng về minh bạch tài sản, thu nhập**

Kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn là một trong những công cụ quan trọng nhằm phòng ngừa tham nhũng từ gốc, ngăn chặn tình trạng lợi dụng chức vụ để trục lợi cá nhân, làm giàu bất chính. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của việc này trong các văn kiện chỉ đạo chiến lược.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí xác định rõ: "Phải xây dựng cơ chế kiểm soát thu nhập, tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; từng bước thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập và có biện pháp kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi gian dối, che giấu tài sản"<sup>248</sup>. Quan điểm này tiếp tục được cụ thể hóa trong Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2022 của Bộ Chính trị, trong đó nhấn mạnh yêu cầu "xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập và áp dụng công nghệ thông tin trong việc kê khai, công khai, giám sát tài sản".

Như vậy, định hướng từ Đảng đã hình thành nền tảng tư tưởng và chính trị cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về minh bạch hóa tài sản của cán bộ, công chức.

### **2.2. Hệ thống quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng**

Trên cơ sở các chỉ đạo của Đảng, hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng, trong đó có công tác kê khai tài sản, thu nhập, đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện qua các giai đoạn:

- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và sửa đổi, bổ sung năm 2012:

Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2005 lần đầu tiên đặt ra nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức và người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực công. Tuy nhiên, quy định còn mang tính hình thức, thiếu cơ chế xác minh độc lập, chưa có công cụ xử lý hữu hiệu đối với kê khai không trung thực. Sửa đổi năm 2012 có

---

<sup>248</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*. Hà Nội.

bổ sung thêm nghĩa vụ giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm, nhưng vẫn vấp phải nhiều khó khăn trong thực tiễn triển khai<sup>249</sup>.

- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 - bước tiến căn bản: Luật PCTN năm 2018 (có hiệu lực từ 1/7/2019) đã có bước cải cách quan trọng, thể hiện qua các điểm mới như: Mở rộng đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, bao gồm cả cán bộ giữ chức vụ từ phó phòng trở lên, người ứng cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp; Quy định chi tiết thời điểm kê khai: lần đầu, hằng năm, khi có biến động và khi có yêu cầu xác minh; Thiết lập cơ chế xác minh tài sản tại cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập (chủ yếu do Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, Kiểm toán Nhà nước đảm nhiệm); Quy định rõ chế tài xử lý hành vi kê khai không trung thực, không giải trình được nguồn gốc tài sản tăng thêm (Điều 51, Luật PCTN 2018).

Đây là lần đầu tiên luật hóa nguyên tắc “giải trình hợp lý nguồn gốc tài sản tăng thêm” và coi đây là căn cứ để xem xét kỷ luật, thậm chí có thể chuyển sang điều tra hình sự nếu có dấu hiệu bất minh.

- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ: Nghị định 130/2020/NĐ-CP là văn bản hướng dẫn thi hành trực tiếp Luật PCTN 2018, tập trung vào quy trình, biểu mẫu, thời hạn, cách thức kê khai tài sản, cũng như thẩm quyền xác minh và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. Điểm đáng chú ý là Nghị định đã cho phép sử dụng hệ thống kê khai điện tử, tuy nhiên trong thực tế triển khai vẫn còn hạn chế do chưa có phần mềm quốc gia thống nhất. Đồng thời, Nghị định này chưa quy định cụ thể cơ chế liên thông dữ liệu với các cơ sở dữ liệu khác như ngân hàng, đất đai, đăng ký tài sản, v.v.

### **2.3. Những kết quả đạt được**

Việc kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định 130/2020/NĐ-CP đã đạt được những kết quả bước đầu nhất định, thể hiện qua một số chuyển biến cả về nhận thức, tổ chức thực hiện và kết quả xác minh thực tế.

---

<sup>249</sup> Nguyễn Minh Đức. (2016). *Một số bất cập trong thực thi pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 23 (343).

- Số lượng kê khai và tỷ lệ thực hiện tăng đều qua các năm

Về thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, trong kỳ đã có 60.458 người kê khai tài sản, thu nhập lần đầu; 545.535 người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm; 44.015 người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung; 161.928 người kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ; 655.299 người đã được công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.<sup>250</sup> Có thể thấy so với thời điểm trước Luật PCTN 2018, đây là bước tiến lớn trong tổ chức thực hiện và nhận thức của cán bộ, công chức về nghĩa vụ kê khai.

Tỷ lệ công khai bản kê khai cũng được đẩy mạnh tại các cơ quan, đơn vị nhà nước. Nhiều địa phương như Quảng Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh triển khai công khai kê khai thông qua niêm yết tại nơi làm việc hoặc tổ chức hội nghị công bố nội dung kê khai trước toàn thể đơn vị.

- Hoạt động xác minh tài sản từng bước đi vào nền nếp

Một điểm mới quan trọng của Luật PCTN 2018 là giao thẩm quyền xác minh tài sản cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Trong năm 2022, Kết quả xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 là 13.093 người; có 2.664 người có sai sót về kê khai sai mẫu, chưa bảo đảm theo hướng dẫn, không đầy đủ thông tin, chậm thời hạn so với quy định...; có 54 người bị xử lý do không trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm<sup>251</sup>. Đây là tín hiệu tích cực, chứng tỏ quy định về xác minh không chỉ tồn tại trên giấy tờ mà đang dần trở thành một công cụ kiểm soát thực chất. Tuy nhiên, tỷ lệ phát hiện còn thấp cho thấy quá trình này vẫn còn hạn chế do thiếu công cụ công nghệ và dữ liệu liên ngành.

---

<sup>250</sup> Phương Anh, “Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 tiếp tục được đẩy mạnh, có bước tiến mới, để lại dấu ấn tốt”, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-nam-2023-tiep-tuc-duoc-day-manh-co-buoc-tien-moi-de-lai-dau-an-tot-752362>, (12/6/2025)

<sup>251</sup> tldd

- Một số địa phương, đơn vị thí điểm ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai: Mặc dù hệ thống phần mềm kê khai điện tử thống nhất toàn quốc chưa được triển khai, song một số địa phương đã chủ động thí điểm các phần mềm nội bộ như tại tỉnh Quảng Ninh, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước. Việc kê khai điện tử giúp giảm thời gian, giấy tờ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ và kiểm tra chéo dữ liệu.

- Nhận thức và áp lực từ dư luận xã hội tăng lên: Dư luận xã hội ngày càng có vai trò giám sát mạnh mẽ hơn đối với vấn đề tài sản cán bộ, đặc biệt sau các vụ việc được điều tra, xử lý gần đây có liên quan đến tài sản bất minh. Các cơ quan báo chí, truyền thông và cử tri tại địa phương cũng ngày càng quan tâm đến việc công khai bản kê khai, từ đó tạo áp lực chính trị và xã hội giúp tăng cường tính minh bạch.

#### ***2.4. Một số hạn chế trong công tác kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập***

*Thứ nhất*, công tác kê khai tài sản, thu nhập còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và không phản ánh đúng thực trạng tài sản của người có nghĩa vụ kê khai. Nhiều trường hợp cán bộ, công chức chỉ ghi thông tin chung chung như “không thay đổi” hoặc kê khai thiếu chi tiết về giá trị, nguồn gốc tài sản, đặc biệt là tài sản có giá trị lớn như bất động sản, cổ phiếu, phương tiện giao thông.

*Thứ hai*, hiện vẫn chưa có một cơ sở dữ liệu quốc gia đồng bộ và phần mềm quản lý tài sản, thu nhập điện tử hiệu quả. Hệ thống dữ liệu tài sản chưa được kết nối với cơ sở dữ liệu ngành thuế, đất đai, ngân hàng, giao thông vận tải, v.v., dẫn đến tình trạng “mỗi nơi quản lý một kiểu” và không thể kiểm tra chéo. Điều này gây khó khăn lớn cho công tác xác minh, kéo dài thời gian và dễ bỏ sót vi phạm.

*Thứ ba*, một rào cản lớn đối với kiểm soát thu nhập là thói quen sử dụng tiền mặt trong nền kinh tế. Mặc dù hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đã được áp dụng trong chi trả lương và phụ cấp, nhưng phần lớn các giao dịch dân sự, thương mại - nơi phát sinh các khoản thu nhập không chính thức - vẫn chủ yếu sử dụng tiền mặt, gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu.

*Thứ tư*, quy định về việc tặng, nhận và nộp lại quà tặng còn thiếu tính khả thi. Quy trình báo cáo, xử lý quà tặng rườm rà, thiếu chế tài nghiêm khắc, dẫn đến việc không được thực hiện nghiêm túc. Ngoài ra, ranh giới mơ hồ giữa quà tặng hợp pháp và hối lộ gây khó khăn trong việc phân định và xử lý vi phạm.

#### ***3. Giải pháp khắc phục những hạn chế trong kiểm soát tài sản, thu nhập***

Để nâng cao hiệu quả kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, cần triển khai đồng bộ các giải pháp cải cách thể chế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

Việc này không chỉ nhằm tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong khu vực công, mà còn giúp nâng cao niềm tin xã hội đối với bộ máy hành chính nhà nước.

*Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng minh bạch, rõ ràng và khả thi.* Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi) năm 2018 và các văn bản hướng dẫn cần được tiếp tục rà soát, bổ sung để khắc phục các khoảng trống trong quy định về kê khai tài sản, cơ chế xác minh, xử lý vi phạm. Đồng thời, cần xây dựng tiêu chí xác định tài sản có dấu hiệu bất thường và chuẩn hóa mẫu kê khai theo hướng chi tiết, dễ đối chiếu.

*Hai là, xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản, thu nhập gắn với định danh số cá nhân.* Đây là yếu tố cốt lõi giúp việc xác minh tài sản trở nên khách quan, nhanh chóng và chính xác. Hệ thống này cần được kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu của ngành thuế, ngân hàng, đất đai, đăng ký tài sản, đăng ký doanh nghiệp... nhằm hỗ trợ việc đối chiếu thông tin kê khai với thực tế. Việc triển khai cần gắn với Đề án 06 về phát triển Chính phủ số và định danh công dân, trong đó Bộ Công an và Bộ Tài chính đóng vai trò hạt nhân kỹ thuật và pháp lý.

*Ba là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xác minh tài sản và phát hiện rủi ro tham nhũng.* Các cơ quan kiểm soát cần triển khai phần mềm tự động quét dữ liệu, phân tích biến động tài sản và cảnh báo các dấu hiệu bất thường. Một số nước như Hàn Quốc, Estonia đã sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để theo dõi biến động tài sản của công chức, giúp tiết kiệm chi phí và tăng độ chính xác. Việt Nam có thể học hỏi và nội địa hóa các công cụ này theo điều kiện pháp lý và công nghệ trong nước.

*Bốn là, đổi mới phương thức công khai và tăng cường vai trò giám sát của xã hội.* Thay vì chỉ công khai trong cơ quan nội bộ, bản kê khai tài sản của những vị trí nhạy cảm cần được đăng tải công khai trên cổng thông tin của cơ quan, tạo điều kiện để báo chí, cử tri, tổ chức xã hội và người dân thực hiện quyền giám sát. Để kiểm soát lạm dụng, có thể áp dụng cơ chế “giám sát có điều kiện” – cho phép truy cập bản kê khai trong một số trường hợp cụ thể có căn cứ rõ ràng.

*Năm là, cần nâng cao năng lực, đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ nhân sự làm công tác xác minh tài sản, thu nhập.* Họ phải được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ tài chính, phân tích dữ liệu và sử dụng công nghệ số. Đồng thời, phải có bản lĩnh, trung thực, khách quan, không né tránh khi xử lý sai phạm, kể cả với cán bộ cấp cao. Cần ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp riêng và cơ chế đánh giá kết quả công việc minh bạch. Việc

bảo vệ cán bộ dám đấu tranh chống tiêu cực là điều kiện then chốt để công tác xác minh thực chất, hiệu quả.

#### **4. Kết luận:**

Số hóa công tác kê khai và giám sát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức không chỉ là một xu thế tất yếu trong tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử và chính quyền số, mà còn là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và phòng ngừa tham nhũng trong khu vực công. Những phân tích trong bài viết cho thấy, mặc dù Việt Nam đã có những bước đi ban đầu trong việc số hóa dữ liệu kê khai, song vẫn còn tồn tại nhiều rào cản về thể chế, kỹ thuật, năng lực thực thi và mức độ tiếp cận thông tin. Số hóa công tác kê khai tài sản không thể chỉ dừng lại ở hình thức kỹ thuật số, mà phải đi kèm với cải cách thể chế, tăng cường liêm chính công vụ và củng cố niềm tin của người dân. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, đây chính là một phép thử quan trọng đối với năng lực quản trị công hiện đại của Việt Nam, đòi hỏi sự quyết tâm chính trị cao và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và toàn xã hội.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Ủy ban Tư pháp Quốc hội (2023). *Báo cáo thẩm tra công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023*.
2. Thanh tra Chính phủ (2023). *Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023*.
3. Nguyễn Đình Quyền (2023). *Cải cách thể chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
4. Chính phủ (2022). *Đề án 06/CP về phát triển Chính phủ số và định danh điện tử*.
5. Quốc hội. (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
6. Chính phủ. (2020). *Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị*.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*.
8. Bộ Chính trị. (2022). *Kết luận số 10-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*.

9. Nguyễn Minh Đức. (2016). *Một số bất cập trong thực thi pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 23 (343).

10. Phương Anh, “Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 tiếp tục được đẩy mạnh, có bước tiến mới, để lại dấu ấn tốt”, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-nam-2023-tiep-tuc-duoc-day-manh-co-buoc-tien-moi-de-lai-dau-an-tot-752362>, (12/6/2025)

## NHẬN DIỆN VÀ KHẮC PHỤC THAM NHƯNG KINH TẾ

*Thiếu tá Huỳnh Minh Tiến<sup>252</sup>*

**Tóm tắt:** *Tham nhũng, tiêu cực giai đoạn mới với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, việc nhận diện chính xác tham nhũng kinh tế, chỉ ra các biểu hiện điển hình, phân tích nguyên nhân sâu xa, đồng thời đề xuất những giải pháp có tính thực tiễn và chiến lược là nhiệm vụ cấp thiết – không chỉ trên bình diện pháp lý – hành chính, mà còn cả ở phương diện khoa học chính sách công và đổi mới quản trị quốc gia. Bài tham luận này tập trung làm rõ các vấn đề sau: (1) Nhận diện các hình thức và đặc điểm của tham nhũng kinh tế; (2) Phân tích nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng tham nhũng kinh tế kéo dài; và (3) Đề xuất một số nhóm giải pháp có tính hệ thống nhằm góp phần khắc phục và kiểm soát hiệu quả tham nhũng trong lĩnh vực kinh tế.*

**Từ khóa:** *Tham nhũng; tham nhũng kinh tế.*

### **1. Đặt vấn đề**

Trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia, mối quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích công cộng, luôn là một bài toán biện chứng. Khi quyền lực không được kiểm soát bằng đạo đức và pháp quyền, nó dễ dàng bị tha hóa thành công cụ trục lợi – và tham nhũng, đặc biệt là tham nhũng kinh tế, chính là hệ quả tất yếu của sự tha hóa ấy.

Tham nhũng kinh tế không chỉ là một hiện tượng mang tính đạo đức suy đồi, mà sâu xa hơn, nó là biểu hiện của khủng hoảng trong cấu trúc thể chế – nơi các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình và công bằng bị xâm hại bởi lợi ích nhóm và cơ chế “xin – cho”. Với bản chất tinh vi, ầm danh, gắn chặt với các lợi ích vật chất cụ thể, tham nhũng kinh tế đã và đang trở thành lực cản ngằm nhưng vô cùng nguy hiểm, lan rộng trong các lĩnh vực then chốt như đầu tư công, tài chính – ngân sách, đất đai, doanh nghiệp nhà nước – những trụ cột bảo đảm an sinh, phát triển và công lý xã hội.

Vấn đề không chỉ dừng lại ở thiệt hại vật chất – tức sự thất thoát, lãng phí nguồn lực công – mà nghiêm trọng hơn là ở sự phá vỡ trật tự thị trường, làm méo mó quy tắc cạnh tranh, hủy hoại môi trường đầu tư và bóp nghẹt động lực đổi mới. Trong chiều sâu chính trị – xã hội, hậu quả lớn nhất của tham nhũng là sự xói mòn niềm tin – thứ “tài sản vô hình” nhưng có giá trị nền tảng đối với bất kỳ mô hình nhà nước pháp quyền nào. Khi

---

<sup>252</sup> Công an Thành phố Hồ Chí Minh



người dân mất niềm tin vào công lý, vào sự chính trực của bộ máy công quyền, thì nền tảng đạo lý và hợp pháp tính của nhà nước sẽ bị lung lay.

Như vậy, tham nhũng kinh tế không chỉ là vấn đề quản lý kỹ thuật hay đạo đức công vụ, mà là một vấn đề mang tính triết học – chính trị sâu xa, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nhìn lại cấu trúc vận hành quyền lực, tái định hình các nguyên tắc phân phối nguồn lực, và quan trọng hơn cả: phải khơi dậy một tinh thần liêm chính công, như một nội lực đạo lý và văn hóa để chống lại sự tha hóa của quyền lực trong mọi hình thức và cấp độ.

## **2. Nhận diện tham nhũng kinh tế**

### ***Thứ nhất, nội hàm khái niệm tham nhũng kinh tế***

Tham nhũng kinh tế là hành vi lợi dụng quyền lực, chức vụ để trục lợi trong lĩnh vực kinh tế. Tham nhũng kinh tế là một dạng cụ thể của tham nhũng, biểu hiện ở hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước – đặc biệt là quyền lực trong quản lý kinh tế – để trục lợi cá nhân hoặc nhóm lợi ích. Đây là hiện tượng mà trong đó một hoặc nhiều chủ thể có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng vị trí được giao để can thiệp, chi phối hoặc thao túng các hoạt động kinh tế nhằm thu lợi bất chính về vật chất, đi ngược lại lợi ích công và quy định của pháp luật.

Hành vi tham nhũng kinh tế có thể diễn ra trong nhiều lĩnh vực trọng yếu như: đầu tư công, quản lý và sử dụng đất đai, hoạt động đấu thầu – mua sắm công, quản lý tài chính – ngân sách, tín dụng – ngân hàng, thuế và hải quan... Đặc trưng của các hành vi này là thường được thực hiện một cách tinh vi, có tổ chức, có sự cấu kết giữa cán bộ, công chức với doanh nghiệp, thậm chí có yếu tố xuyên quốc gia, gây khó khăn trong việc phát hiện, điều tra và xử lý.

Ở cấp độ khái quát, tham nhũng kinh tế phản ánh sự tha hóa quyền lực công trong không gian kinh tế, khi mà thiết chế giám sát bị suy yếu, đạo đức công vụ bị xói mòn, và các chuẩn mực pháp lý chưa đủ ràng buộc các hành vi có động cơ trục lợi. Điều đáng lo ngại là tham nhũng kinh tế không chỉ dẫn đến mất mát tài sản công, mà còn gây ra hậu quả lâu dài trong việc méo mó hóa cơ chế phân bổ nguồn lực xã hội, làm giảm hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô và cản trở quá trình phát triển bền vững của quốc gia.

### ***Thứ hai, biểu hiện của tham nhũng kinh tế***

Tham nhũng kinh tế biểu hiện đa dạng trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, đặc biệt ở các khâu liên quan đến phân bổ và quản lý nguồn lực công. Một số biểu hiện điển hình có thể kể đến:

*Tham nhũng trong đầu tư công:* Đây là lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ cao do quy mô vốn lớn và quy trình phức tạp. Thực tế cho thấy, nhiều dự án được phê duyệt không qua thẩm định chặt chẽ, hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, nhưng vẫn được triển khai với chi phí bị “đội vốn” nhiều lần, tiến độ kéo dài bất thường. Nhiều trường hợp còn có dấu hiệu “xin - cho” trong phân bổ vốn, dẫn đến thất thoát nghiêm trọng ngân sách nhà nước<sup>253</sup>.

*Tham nhũng trong quản lý và sử dụng đất đai:* Thông qua việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái quy định, định giá đất thấp hơn giá thị trường khi giao hoặc cho thuê đất công, một số cá nhân, nhóm lợi ích đã trục lợi hàng nghìn tỷ đồng. Hành vi này không chỉ gây thất thoát tài sản công mà còn làm méo mó thị trường bất động sản, tạo bất bình đẳng trong tiếp cận tài nguyên đất đai<sup>254</sup>.

*Tham nhũng trong doanh nghiệp nhà nước:* Một số cán bộ quản lý đã lợi dụng quyền lực để ký kết hợp đồng không minh bạch, đầu tư sai mục đích, thua lỗ kéo dài nhưng không bị xử lý trách nhiệm. Điều này thể hiện sự thiếu minh bạch trong giám sát nội bộ và lỗ hổng trong cơ chế kiểm tra tài chính – kế toán đối với khối doanh nghiệp có vốn nhà nước<sup>255</sup>.

*Tham nhũng trong hoạt động thu – chi ngân sách:* Biểu hiện ở việc cấu kết để trốn thuế, gian lận hoàn thuế giá trị gia tăng, lập hồ sơ khống để rút ngân sách, chi sai mục đích. Những hành vi này làm suy giảm nguồn thu quốc gia, tạo ra môi trường kinh doanh không công bằng và cản trở cạnh tranh lành mạnh<sup>256</sup>.

*Tham nhũng vật gắn với thủ tục hành chính:* Đây là hiện tượng phổ biến ở cấp cơ sở, nơi cán bộ, công chức gây khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính nhằm buộc doanh nghiệp hoặc người dân phải “bôi trơn”. Dù giá trị không lớn, nhưng loại tham nhũng này lại tạo ra môi trường hành chính phiền hà, làm xói mòn lòng tin của người dân và cộng đồng doanh nghiệp<sup>257</sup>.

### ***Thứ ba, đặc điểm của tham nhũng kinh tế***

---

<sup>253</sup> Thanh tra Chính phủ (2022), *Báo cáo tổng kết công tác thanh tra năm 2021*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 45–46.

<sup>254</sup> Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (2023), *Sổ tay công tác phòng, chống tham nhũng*, Nxb. Tư pháp, tr. 92–95.

<sup>255</sup> Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2021), *Báo cáo giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại DNNN*, Văn phòng Quốc hội, tr. 15–17.

<sup>256</sup> Bộ Tài chính (2020), *Đánh giá công tác thu – chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016–2020*, Nxb. Tài chính, tr. 28–30.

<sup>257</sup> Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI (2021), *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*, tr. 34–36.

Tham nhũng kinh tế không chỉ phổ biến trong các hoạt động có yếu tố quyền lực – tài chính, mà còn mang những đặc điểm đặc thù khiến việc phòng ngừa và xử lý trở nên khó khăn hơn so với các dạng tham nhũng khác:

*Khó phát hiện và xử lý do tính chất chuyên môn cao:* Tham nhũng kinh tế thường ẩn mình trong các giao dịch tài chính, đầu tư, đấu thầu, định giá... với sự tham gia của nhiều bên có hiểu biết sâu về kỹ thuật, pháp lý, kinh tế. Điều này khiến hành vi tham nhũng được “hợp pháp hóa” thông qua các hợp đồng, hồ sơ phức tạp, gây khó khăn trong công tác thanh tra, kiểm toán và truy tố hình sự<sup>258</sup>.

*Có tính chất liên kết và lan tỏa giữa nhiều cấp, nhiều ngành:* Không hiếm trường hợp tham nhũng kinh tế liên quan đến sự cấu kết giữa cán bộ trung ương – địa phương với doanh nghiệp, thậm chí hình thành các “nhóm lợi ích” thao túng chính sách hoặc lợi dụng lỗ hổng thể chế để trục lợi. Tính hệ thống này làm gia tăng độ khó trong việc truy vết trách nhiệm cá nhân và xử lý triệt để hành vi vi phạm<sup>259</sup>.

*Gây ra hệ quả lan tỏa nghiêm trọng đối với nền kinh tế – xã hội:* Tham nhũng kinh tế không chỉ gây thất thoát tài sản công, mà còn làm méo mó cơ chế thị trường, dẫn đến việc phân bổ nguồn lực không hiệu quả, làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế. Về mặt xã hội, nó làm suy giảm niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào chính sách công, đồng thời cản trở tiến trình cải cách thể chế, minh bạch hóa và hiện đại hóa quản trị quốc gia<sup>260</sup>.

Những đặc điểm trên cho thấy tham nhũng kinh tế là một dạng thức tham nhũng phức tạp, “ẩn sâu” trong thiết chế vận hành kinh tế - chính trị, đòi hỏi các công cụ nhận diện và can thiệp phải mang tính toàn diện, kết hợp giữa pháp lý, công nghệ, và đổi mới thể chế quản trị công.

### ***Thứ tư, nguyên nhân của tham nhũng kinh tế***

Tham nhũng kinh tế là kết quả của nhiều nguyên nhân đan xen, cả từ phía thể chế, con người và môi trường vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể khái quát một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

*Nguyên nhân từ thể chế và chính sách.* Một trong những nguyên nhân căn bản dẫn đến tham nhũng kinh tế là sự thiếu đồng bộ, minh bạch và ổn định trong hệ thống pháp

---

<sup>258</sup> Kiểm toán Nhà nước (2022), *Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán ngân sách và đầu tư công năm 2021*, Nxb. Tài chính, tr. 38–39.

<sup>259</sup> Nguyễn Đình Quyền (2020), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng, chống tham nhũng kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 23, tr. 5–9.

<sup>260</sup> Trần Ngọc Đường (2021), “Tham nhũng và cải cách thể chế ở Việt Nam: Những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, số 4, tr. 21–24.

luật, chính sách kinh tế. Các văn bản quy phạm pháp luật còn tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, đặc biệt trong các lĩnh vực như đất đai, đầu tư, tài chính công và đầu thầu. Chính điều này tạo ra “khoảng xám pháp lý” – nơi các nhóm lợi ích có thể khai thác để trục lợi mà không dễ bị phát hiện<sup>261</sup>.

Cùng với đó, cơ chế giám sát, kiểm tra trong các lĩnh vực kinh tế công còn mang tính hình thức, thiếu tính răn đe. Các cơ quan thanh tra, kiểm toán đôi khi thiếu độc lập, chưa theo kịp sự tinh vi của hành vi tham nhũng trong thực tế<sup>262</sup>.

*Nguyên nhân từ công tác cán bộ.* Yếu tố con người, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý kinh tế, đóng vai trò trực tiếp trong việc phát sinh hành vi tham nhũng. Một bộ phận không nhỏ cán bộ thiếu bản lĩnh chính trị, suy thoái đạo đức công vụ, lợi dụng chức trách, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc tiếp tay cho doanh nghiệp “sân sau”<sup>263</sup>.

Thêm vào đó, công tác bổ nhiệm, đánh giá và giám sát cán bộ chưa thực chất, nặng về hình thức và cảm tính. Nhiều trường hợp sai phạm nghiêm trọng chỉ bị phát hiện sau khi hậu quả đã xảy ra, cho thấy sự thiếu hụt của cơ chế “phòng ngừa từ gốc” trong quản lý cán bộ<sup>264</sup>.

Nguyên nhân từ cơ chế thị trường chưa hoàn thiện. Trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi, nhiều yếu tố phi thị trường vẫn còn chi phối mạnh mẽ, đặc biệt là cơ chế “xin – cho” trong phân bổ nguồn lực như đất đai, vốn đầu tư công, giấy phép kinh doanh... Điều này làm cho quyền lực công trở thành “tài sản riêng” của một số người có vị trí, từ đó dẫn đến hành vi trục lợi qua lại giữa khu vực công và tư.

Mặt khác, sự thiếu minh bạch và cạnh tranh không lành mạnh trong môi trường kinh doanh khiến nhiều doanh nghiệp buộc phải chi trả chi phí “bôi trơn” để tồn tại, từ đó vô hình trung tiếp tay cho tham nhũng tiếp diễn và lặp lại dưới các hình thức ngày càng tinh vi hơn<sup>265</sup>.

### **3. Một số giải pháp khắc phục tham nhũng kinh tế**

---

<sup>261</sup> Nguyễn Minh Đức (2022), “Lỗ hổng pháp lý và nguy cơ tham nhũng kinh tế”, *Tạp chí Luật học*, số 10, tr. 15–17.

<sup>262</sup> Thanh tra Chính phủ (2023), *Báo cáo đánh giá hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực kinh tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 28–30.

<sup>263</sup> Ban Nội chính Trung ương (2021), *Tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2012–2022*, tr. 64–67.

<sup>264</sup> Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Lý luận về công tác cán bộ trong tình hình mới*, tr. 112–116.

<sup>265</sup> Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI (2022), *Chỉ số PCI và môi trường kinh doanh ở Việt Nam*, tr. 40–42.

Tham nhũng kinh tế là hiện tượng mang tính hệ thống, gắn với cả thể chế, con người và văn hóa quản trị. Do đó, việc khắc phục đòi hỏi một chiến lược toàn diện, phối hợp nhiều giải pháp đồng bộ, có tính căn cơ và lâu dài. Dưới đây là một số nhóm giải pháp mang tính khả thi:

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và siết chặt quản lý kinh tế công*

Một trong những giải pháp mang tính nền tảng là hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đặc biệt trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như đầu tư công, đấu thầu, đất đai, tài chính – ngân sách. Cần rà soát, sửa đổi các luật có liên quan nhằm thu hẹp “vùng tùy tiện” trong thực thi công vụ, đảm bảo minh bạch, nhất quán và dễ giám sát.

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng cho từng cấp, từng đơn vị, đặc biệt là các cơ quan quản lý kinh tế nhà nước. Mỗi quyết định phân bổ nguồn lực công cần gắn với trách nhiệm cá nhân, qua đó tăng hiệu quả kiểm soát quyền lực.

*Thứ hai, tăng cường kiểm tra, giám sát và minh bạch hóa thông tin*

Công tác kiểm tra, giám sát cần chuyển từ bị động sang chủ động, từ thủ công sang số hóa. Việc ứng dụng công nghệ số trong giám sát tài chính công, đầu tư công – như sử dụng phần mềm quản lý ngân sách, hệ thống cơ sở dữ liệu về dự án công – sẽ giúp phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường.

Đặc biệt, minh bạch thông tin là “liều vắc-xin phòng ngừa tham nhũng hiệu quả nhất”<sup>266</sup>. Toàn bộ thông tin liên quan đến quy hoạch, đấu thầu, phân bổ vốn, phê duyệt dự án cần được công khai trên các cổng thông tin điện tử, tạo điều kiện để *người dân, báo chí và xã hội dân sự thực hiện vai trò giám sát độc lập*.

*Thứ ba, cải cách mạnh mẽ công tác cán bộ*

Yếu tố con người là mắt xích quyết định trong chuỗi kiểm soát tham nhũng. Cần đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo hướng minh bạch, dựa trên năng lực và đạo đức công vụ, tránh tình trạng “cả họ làm quan” hoặc bổ nhiệm theo quan hệ.

Quan trọng hơn, cần thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực, trong đó mọi chức vụ đều gắn với trách nhiệm giải trình cá nhân, có cơ chế xử lý nghiêm minh các trường hợp lạm quyền, vô trách nhiệm, để tạo hiệu ứng răn đe và phòng ngừa từ sớm.

*Thứ tư, phát huy vai trò của xã hội và truyền thông*

---

<sup>266</sup> Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2021), *Enhancing Public Transparency to Reduce Corruption in Vietnam*, tr. 20.

Tham nhũng chỉ có thể bị không chế khi có sự tham gia của toàn xã hội. Cần tạo điều kiện pháp lý và thực tiễn để báo chí, tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư được quyền giám sát hoạt động quản lý và sử dụng tài sản công. Đây là lực lượng quan trọng trong việc phát hiện sớm sai phạm, tăng cường minh bạch và tạo áp lực cải cách.

Đồng thời, phải bảo vệ người tố cáo tham nhũng một cách thực chất, tránh tình trạng bị trả thù hay cô lập. Những cá nhân dám đấu tranh với tiêu cực cần được khen thưởng và công khai biểu dương để tạo động lực xã hội mạnh mẽ.

*Thứ năm, đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm cơ hội phát sinh tham nhũng*

Một môi trường hành chính phức tạp, rườm rà chính là “đất sống” cho tham nhũng. Do đó, cần tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, mở rộng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, qua đó giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân – vốn là kẽ hở phổ biến để tham nhũng vật xảy ra.

Song song, cần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, không để doanh nghiệp tư nhân phải “bôi trơn” để tồn tại. Thị trường minh bạch là nền tảng quan trọng để tạo sức ép ngược trở lại cho khu vực công cải cách và liêm chính hơn.

#### **4. Kết luận**

Tham nhũng kinh tế không chỉ là hiện tượng tha hóa cá nhân mà còn là biểu hiện của những bất cập mang tính hệ thống trong thể chế quản lý, trong kiểm soát quyền lực và trong vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó làm xói mòn lòng tin của nhân dân, bóp méo các quy tắc phân phối nguồn lực, và cản trở sự phát triển công bằng, hiệu quả của đất nước.

Để khắc phục tham nhũng kinh tế một cách căn cơ và hiệu quả, cần một chiến lược tổng thể với các giải pháp đồng bộ: hoàn thiện thể chế theo hướng minh bạch, có khả năng tự kiểm soát; tăng cường trách nhiệm giải trình và thiết chế kiểm tra, giám sát độc lập; cải cách hành chính nhằm giảm thiểu cơ hội xin – cho; đồng thời phát huy vai trò giám sát của xã hội, truyền thông và người dân. Mỗi cán bộ, công chức cần được đặt trong hệ thống kiểm soát quyền lực hiệu quả, nơi đạo đức công vụ được khơi dậy bằng cả cơ chế động viên và chế tài răn đe.

Cuộc đấu tranh chống tham nhũng không thể chỉ trông chờ vào nỗ lực đơn lẻ từ Nhà nước, mà phải trở thành một phong trào xã hội rộng lớn, nơi mỗi người dân đều là chủ thể tham gia, mỗi thiết chế đều có trách nhiệm bảo vệ sự liêm chính, và mỗi chính sách được xây dựng trên nền tảng của công khai – minh bạch – công bằng. Chỉ như vậy,

chúng ta mới có thể xây dựng được một nền kinh tế phát triển bền vững, một xã hội công lý, dân chủ và văn minh.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (2023), *Sổ tay công tác phòng, chống tham nhũng*, Nxb. Tư pháp.
2. Ban Nội chính Trung ương (2021), *Tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2012–2022*.
3. Ban Nội chính Trung ương (2023), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2013–2023*.
4. Ban Tổ chức Trung ương (2021), *Tổng kết công tác cán bộ giai đoạn 2016–2021*.
5. Bộ Tài chính (2020), *Đánh giá công tác thu – chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016–2020*, Nxb. Tài chính.
6. Bộ Tài chính (2023), *Đề án chuyển đổi số trong giám sát đầu tư công*.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
8. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Lý luận về công tác cán bộ trong tình hình mới*.
9. Lê Hồng Sơn (2022), “Kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng”, *Tạp chí Cộng sản*, số 920.
10. Ngân hàng Thế giới – World Bank (2021), *Enhancing Public Transparency to Reduce Corruption in Vietnam*, tr. 20.
11. Nguyễn Đức Hưởng (2023), “Tăng cường trách nhiệm giải trình trong quản lý kinh tế công”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 4.
12. Nguyễn Đình Cung (2020), *Cải cách thể chế kinh tế và phòng chống tham nhũng*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM).
13. Nguyễn Minh Đức (2022), “Lỗ hổng pháp lý và nguy cơ tham nhũng kinh tế”, *Tạp chí Luật học*, số 10.
14. Nguyễn Quang Đồng (2021), “Cơ chế xin – cho và cải cách thể chế”, *Tạp chí Kinh tế & Dự báo*, số 20.
15. Nguyễn Văn Hậu (2022), “Tham nhũng kinh tế và giải pháp từ góc độ pháp lý”, *Tạp chí Luật học*, số 4.

16. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI (2021), *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*.
17. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI (2022), *Chỉ số PCI và môi trường kinh doanh ở Việt Nam*.
18. Quốc hội Việt Nam (2022), *Luật Đầu tư công (sửa đổi)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
19. Thanh tra Chính phủ (2022), *Báo cáo tổng kết công tác thanh tra năm 2021*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
20. Thanh tra Chính phủ (2023), *Báo cáo đánh giá hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực kinh tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
21. Ủy ban Kinh tế Quốc hội (2021), *Báo cáo giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại DNNN*, Văn phòng Quốc hội.



## PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG LĨNH VỰC THỂ THAO

ThS. Giáp Văn Thang<sup>267</sup>

**Tóm tắt:** Tham nhũng trong lĩnh vực thể thao đang dần trở thành một vấn đề nghiêm trọng, gây tác động trực tiếp đến tính minh bạch, công bằng và sự phát triển bền vững của thể thao quốc gia. Việc nhận diện các biểu hiện tham nhũng trong hoạt động thể thao, lý giải nguyên nhân căn bản và đề xuất các giải pháp hệ thống là nhiệm vụ thiết yếu để giành lại niềm tin của công chúng và bảo vệ sự trong sáng, cao thượng của thể thao. Bài viết tập trung làm rõ: (1) Các hình thức tham nhũng trong thể thao; (2) Nguyên nhân gây ra tham nhũng thể thao; và (3) Giải pháp hệ thống nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng trong lĩnh vực thể thao.

**Từ khóa:** Tham nhũng; thể thao; đạo đức nghề nghiệp; minh bạch thể thao; phòng, chống tham nhũng.

### 1. Đặt vấn đề

Tham nhũng trong thể thao không đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật hay chuẩn mực tổ chức, mà là một dạng tha hóa quyền lực xảy ra ngay trong không gian thiêng liêng của sự chính trực, nơi con người lẽ ra phải vươn lên bằng nỗ lực, kỷ luật và lòng tự trọng. Đó là sự hoại sinh – theo nghĩa triết học – của những giá trị vốn định hình bản sắc đạo đức của thể thao: công bằng, minh bạch và cao thượng<sup>268</sup>. Khi quyền lực – vốn được ủy thác để phát hiện và bồi dưỡng tài năng – bị lợi dụng để mưu cầu tư lợi cá nhân hay nhóm, nó không chỉ làm méo mó mục tiêu thể thao, mà còn biến những gì cao quý thành công cụ phục vụ toan tính thấp hèn.

Những biểu hiện như dàn xếp tỷ số, mua bán huy chương, tuyển chọn thiên vị, phân bổ ngân sách không minh bạch, hoặc thao túng mục tiêu thi đấu không chỉ làm tổn hại danh dự của vận động viên, mà còn bào mòn niềm tin xã hội vào tính trung thực và công lý, vốn là nền tảng của mọi thiết chế chính đáng. Khi kẻ chiến thắng không còn là người giỏi nhất, mà là kẻ “gần quyền lực” nhất, thể thao từ chỗ là nơi thử thách phẩm giá, sẽ trở thành sân khấu cho quyền lực ngầm, nơi sự bất công được ngụy trang bằng luật lệ, và sự dối trá đội lốt thành tích<sup>269</sup>.

<sup>267</sup> Sở Văn hóa Văn hóa – Thể thao TP. Hồ Chí Minh.

<sup>268</sup> Jean-Marie Brohm (1978), *Sociologie politique du sport*, Paris: Gallimard, tr. 56–61.

<sup>269</sup> Nguyễn Đăng Dũng (2021), “Quyền lực mềm trong thể thao và nguy cơ bị tha hóa”, *Tạp chí Xã hội học*, số 6, tr. 90–91.

Tính chất nguy hiểm của tham nhũng thể thao nằm ở chỗ: nó xảy ra trong một không gian biểu tượng cho sự vươn lên, nơi con người vượt qua giới hạn thân thể để chạm đến chiều sâu tinh thần. Thể thao không phải chỉ là vận động hình thể, mà là biểu hiện của một nhân sinh quan tích cực, nơi mỗi cá nhân tìm thấy ý nghĩa hiện hữu thông qua thi đấu công bằng. Một khi không gian ấy bị xâm thực bởi tính toán, mưu mô và lợi ích vị kỷ, thì thể thao không còn là nơi “thi tài”, mà là một nghịch lý đạo đức – nơi cái sai được bình thường hóa trong tiếng vỗ tay và ánh hào quang rờm.

Suy đến tận cùng, tham nhũng trong thể thao là sự phản bội đối với chân lý nội tại của thi đấu, tức là sự thật về chính con người trong cuộc vật lộn giữa nỗ lực và giới hạn. Khi chân lý ấy bị bóp méo, thể thao đánh mất chức năng nhân văn vốn có: nuôi dưỡng lý tưởng sống tích cực, rèn luyện đức tính bền bỉ, cổ vũ sự cống hiến và kết nối cộng đồng bằng niềm tin vào cái đúng. Chính vì vậy, đấu tranh chống tham nhũng trong thể thao không thể chỉ là hành động kỹ thuật, quản trị hay kiểm toán, mà phải là một cuộc phục hưng đạo đức, một nỗ lực khôi phục lại phẩm giá của con người trong tư cách là chủ thể có khả năng vượt lên chính mình bằng con đường chính đáng<sup>270</sup>.

## **2. Nhận diện tham nhũng trong thể thao**

### **2.1. Bản chất tham nhũng thể thao**

Tham nhũng trong thể thao không đơn thuần là hành vi vi phạm pháp luật hay chuẩn mực tổ chức, mà là sự hoại sinh từ bên trong những giá trị cốt lõi làm nên tinh thần thể thao. Đó là khi quyền lực – vốn được trao để bảo trợ công bằng và phát triển tài năng – bị lợi dụng để phục vụ cho tư lợi cá nhân hay nhóm lợi ích, thông qua những biểu hiện như dàn xếp kết quả, mua bán huy chương, tuyển chọn thiên vị, phân bổ ngân sách thiếu minh bạch hay thậm chí thao túng mục tiêu thi đấu. Những hành vi ấy không chỉ làm tổn thương cá nhân vận động viên mà còn bào mòn niềm tin của công chúng, đẩy thể thao khỏi quỹ đạo của sự chính trực.

Tính chất nguy hiểm của tham nhũng trong thể thao nằm ở chỗ nó diễn ra trong không gian mà lẽ ra phải đại diện cho tinh thần cao thượng, nơi con người vượt lên giới hạn bản thân để chạm đến những đỉnh cao của ý chí, kỷ luật và phẩm giá. Khi tinh thần ấy bị thay thế bởi toan tính vật chất, đạo đức nghề nghiệp bị phá vỡ và tính cạnh tranh lành mạnh trở thành một vỏ bọc cho sự sắp đặt, thì thể thao không còn là cuộc thi tài, mà là một sân khấu của quyền lực ngầm và lợi ích trá hình.

---

<sup>270</sup> Trần Văn Tùng (2022), *Thể thao và quyền lực: Một tiếp cận xã hội học*, Nxb. ĐHQG TP.HCM, tr. 145–150.

Suy đến tận cùng, tham nhũng trong thể thao là sự phản bội đối với chính bản chất của thể thao – nơi con người đi tìm sự thật về chính mình thông qua thi đấu công bằng. Khi sự thật ấy bị bóp méo, thể thao không chỉ mất đi giá trị giáo dục và đoàn kết cộng đồng, mà còn đánh mất chức năng nhân văn vốn có: nuôi dưỡng khát vọng, nâng cao phẩm giá con người, và kiến tạo niềm tin vào nỗ lực chính đáng. Bởi vậy, đấu tranh chống tham nhũng trong thể thao không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản lý, mà là hành động khôi phục phẩm giá cho một nền văn hóa thi đấu, và cao hơn nữa – cho chính con người.

## **2.2. Biểu hiện tham nhũng trong thể thao**

Thể thao – vốn được xem là không gian thiêng liêng của sự chính trực, công bằng và nỗ lực phi thường – khi bị thâm nhập bởi tham nhũng, sẽ đánh mất bản chất cao thượng vốn có. Những biểu hiện tham nhũng không chỉ là những vi phạm hành chính hay đạo đức nghề nghiệp, mà còn là sự tha hóa của quyền lực trong một lĩnh vực vốn mang sứ mệnh giáo dục và truyền cảm hứng. Có thể phân tích các biểu hiện ấy theo các cấp độ như sau:

*Thứ nhất*, tham nhũng trong tuyển chọn vận động viên là biểu hiện của việc quyền lực không còn phục vụ cho tài năng, mà phục vụ cho các quan hệ thân hữu hoặc lợi ích vật chất. Việc “chạy chỗ” vào đội tuyển, lựa chọn không dựa trên tiêu chí khách quan mà trên sự mặc cả ngầm, đã làm đảo lộn quy tắc phân bổ cơ hội trong thể thao. Khi những người xứng đáng bị loại khỏi cuộc chơi bởi những kẻ “được chọn sẵn”, thể thao đánh mất tính khổ luyện và chính danh – hai trụ cột đạo đức cấu thành tinh thần Olympic. Đây là biểu hiện của sự mất cân bằng giữa năng lực và vị thế, giữa tài năng và quyền lực, phản ánh một dạng tha hóa mang tính cấu trúc trong tổ chức thể thao<sup>271</sup>.

*Thứ hai*, tham nhũng trong tổ chức thi đấu – dưới dạng sửa kết quả, thông đồng dàn xếp, hay hối lộ trong đấu thầu trang thiết bị – là sự phá vỡ nghiêm trọng trật tự thi đấu công bằng. Nếu kết quả đã được quyết định từ trước khi trọng tài nổi còi, thì thể thao không còn là cuộc thi tài, mà trở thành một vở kịch được đạo diễn bởi lợi ích ẩn danh. Hơn thế nữa, sự can thiệp vào đấu thầu, chiếm đoạt quyền tổ chức sự kiện thể thao thông qua lợi ích nhóm, còn cho thấy quá trình tư nhân hóa quyền lực công – một biểu hiện điển hình của tham nhũng mang tính thể chế<sup>272</sup>.

---

<sup>271</sup> Nguyễn Ngọc Hùng (2022), *Thể thao và đạo đức công bằng trong bối cảnh hiện đại*, Nxb. Thể dục Thể thao, tr. 45–50.

<sup>272</sup> Nguyễn Mạnh Hùng (2021), *Cơ chế tổ chức sự kiện thể thao và phòng chống tham nhũng*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 12, tr. 64–70.

*Thứ ba*, tham nhũng trong điều hành và chi trả – như nâng giá thiết bị, kê khống hóa đơn, sử dụng hàng giả hay chi sai định mức – là biểu hiện của sự bóp méo dòng chảy ngân sách phục vụ phát triển thể thao. Đây là dạng thao túng tài chính khiến các thiết chế thể thao vận hành kém hiệu quả, đồng thời tạo nên tâm lý hoài nghi trong công chúng. Khi công quỹ bị bòn rút, người chịu thiệt thòi đầu tiên chính là vận động viên – những người ở tuyến đầu thi đấu nhưng ở tuyến cuối của quyền lực tài chính<sup>273</sup>

*Thứ tư*, dàn xếp tỉ số gắn liền với cá cược là một dạng tha hóa mang tính suy đồi đạo đức, vì nó phá hủy hoàn toàn tinh thần thi đấu trong sáng và tự do. Ở đây, kết quả không còn là phần thưởng của tài năng và ý chí, mà là sản phẩm của giao dịch trong bóng tối. Sự kết nối giữa cá cược và kết quả thi đấu biến vận động viên thành công cụ trong một trò chơi của thị trường đen, và thể thao thành công cụ phục vụ cho lòng tham. Đây không chỉ là một hành vi phạm pháp, mà là sự phản bội sâu sắc đối với bản chất nhân văn của thể thao<sup>274</sup>

Từ bốn biểu hiện trên, có thể thấy rằng tham nhũng trong thể thao không chỉ là hiện tượng rời rạc, mà là sự đan xen của các tầng quyền lực bị tha hóa. Chống tham nhũng thể thao, do đó, không thể dừng lại ở các biện pháp hành chính, mà cần phải kiến tạo lại một đạo đức của quyền lực – nơi quyền lực phải được kiểm soát, minh bạch và luôn quy chiếu về tính chính danh mà thể thao đòi hỏi: chính danh của tài năng, của khổ luyện, và của công bằng.

### **2.3. Đặc điểm tham nhũng thể thao**

Tham nhũng trong thể thao không chỉ là một hiện tượng hành vi cá nhân lệch chuẩn, mà mang bản chất là sự biến dạng của quyền lực trong một thiết chế được kỳ vọng giữ gìn công bằng, minh bạch và tinh thần nhân văn. Những đặc điểm của nó không tách rời bản chất xã hội – chính trị của thể thao như một hệ thống phức hợp giữa nhà nước, thị trường và công luận. Có thể nhận diện ba đặc điểm nổi bật của tham nhũng thể thao như sau:

#### *Thứ nhất, tính âm thầm và ẩn vi*

Tham nhũng trong thể thao thường diễn ra dưới lớp vỏ của các quy trình tổ chức phức tạp, đầy kỹ thuật và mang tính chuyên môn cao – từ các quy định thi đấu, tuyển chọn vận động viên, đến phê duyệt ngân sách hoặc thiết kế chương trình huấn luyện.

---

<sup>273</sup> Lê Thị Thu Trang (2023), Quản lý tài chính công trong thể thao Việt Nam, Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 3, tr. 112–118.

<sup>274</sup> Transparency International (2020), *Global Corruption Report: Sport*, Routledge.

Chính sự thiếu hiểu biết chuyên sâu từ phía công chúng cùng với tính “khó giám sát trực tiếp” khiến các hành vi vi phạm dễ được che đậy, trì hoãn, hoặc hợp thức hóa qua các lớp thủ tục hình thức. Ở đây, thủ đoạn che giấu không phải là sự lén lút nhất thời, mà là cơ chế vận hành được ngụy trang bằng tính kỹ trị, khiến cho cái sai trở nên “hợp lệ”, và sự gian dối mang dáng vẻ của thủ tục đúng quy trình.

#### *Thứ hai, tính hệ thống và cấu kết đa tầng*

Tham nhũng trong thể thao không chỉ đến từ một cá nhân đơn lẻ mà thường là sản phẩm của sự đồng lõa giữa nhiều chủ thể: quan chức quản lý thể thao, huấn luyện viên, trọng tài, doanh nghiệp tài trợ, và đôi khi cả chính vận động viên. Khi các mối quan hệ quyền lực này được tổ chức như một mạng lưới lợi ích khép kín, thì tham nhũng không còn là “hành vi vi phạm”, mà trở thành logic ngầm của vận hành tổ chức – một trật tự song song, tha hóa nhưng bền vững, tồn tại như một “bóng tối cơ cấu” trong lòng thiết chế chính thức. Tính chất này cho thấy sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các tầng quyền lực không chỉ tạo điều kiện cho hành vi sai trái diễn ra, mà còn làm cho việc phá vỡ nó trở nên khó khăn hơn nhiều lần

#### *Thứ ba, tính tác động lan tỏa và phá hoại dài hạn*

Không như những hành vi sai phạm giới hạn trong phạm vi tài chính hay tổ chức, tham nhũng trong thể thao đánh thẳng vào niềm tin văn hóa. Nó không chỉ làm tổn hại danh dự của một cá nhân hay một đội tuyển, mà còn ảnh hưởng đến hình ảnh quốc gia, nhất là trong các sự kiện quốc tế nơi thể thao được coi là đại diện cho bản sắc, phẩm chất và đạo đức dân tộc. Khi một quốc gia bị phanh phui dàn xếp tỷ số hay bê bối tài chính thể thao, không chỉ ngành thể thao tổn thương – mà niềm tin của công chúng vào công lý, sự chính trực, thậm chí cả vào tinh thần dân tộc cũng bị lung lay. Thể thao, từ chỗ là biểu tượng gắn kết, có thể trở thành không gian của hoài nghi và phản cảm, làm suy giảm vai trò tích cực của nó trong giáo dục, chính trị và xã hội

Tóm lại, tham nhũng thể thao mang tính chất đặc biệt vì nó được che giấu bằng ngôn ngữ kỹ trị, vận hành như một cơ chế ngầm, và gây ra những tổn thất vượt xa phạm vi vật chất. Chống tham nhũng thể thao không thể chỉ là xử lý hậu quả, mà đòi hỏi giải cấu trúc quyền lực nội tại và tái thiết lại tính minh bạch đạo đức cho toàn bộ hệ thống, bởi nếu không, thể thao sẽ dần trở thành một sân khấu giả dối – nơi chiến thắng không còn được quyết định bởi nỗ lực, mà bởi quyền lực khuất tất.

### **3. Nguyên nhân tham nhũng thể thao**

Tham nhũng trong thể thao không phát sinh một cách ngẫu nhiên từ những hành vi lệch chuẩn cá nhân, mà là hệ quả tất yếu của những lỗ hổng mang tính cơ cấu trong cách tổ chức, điều hành và giám sát hoạt động thể thao. Đó là khi quyền lực không được kiểm soát chặt chẽ, các chuẩn mực đạo đức bị lệch tâm bởi áp lực thành tích, và hệ sinh thái thể thao vận hành trên nền tảng bất cân xứng giữa quyền lực và trách nhiệm. Có thể nhận diện bốn nguyên nhân căn bản như sau:

*Thứ nhất, sự bất cập và chồng chéo trong thể chế quản lý thể thao*

Thể thao hiện đại đòi hỏi một hệ thống điều hành có tính phối hợp liên ngành – từ giáo dục, y tế, tài chính đến truyền thông – nhưng trên thực tế, thể chế quản lý thể thao ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, vẫn còn mang tính phân mảnh, nhiều tầng nấc, thiếu sự đồng bộ và thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát lẫn nhau. Khi quyền lực được phân bổ mà không kèm theo cơ chế kiểm soát, dễ dẫn đến tình trạng “tranh công – đùn đẩy trách nhiệm”, tạo ra vùng xám mà tham nhũng có thể ẩn náu và sinh sôi. Thể chế không minh bạch không chỉ là nền đất nuôi dưỡng sai phạm, mà còn là môi trường khiến người tốt trở nên bất lực.

*Thứ hai, công tác cán bộ trong lĩnh vực thể thao thiếu minh bạch, nặng về hình thức*

Quyền lực trong thể thao, một khi rơi vào tay những người không được lựa chọn dựa trên năng lực và phẩm chất đạo đức, mà dựa vào quan hệ, cảm tính hay thành tích quá khứ không kiểm chứng, sẽ dễ dàng bị tha hóa. Khi tiêu chí đánh giá cán bộ thiên về hình thức – như số huy chương, số lượng vận động viên được đào tạo – thay vì đánh giá năng lực quản lý, đạo đức nghề nghiệp, khả năng xây dựng hệ sinh thái thể thao lành mạnh, thì thể thao sẽ trở thành nơi trú ẩn của quyền lực không chịu trách nhiệm. Đây là một dạng “mù lòa có hệ thống”, khi cả người trao quyền và người thực thi đều không nhận diện được vai trò của đạo đức trong quản trị.

*Thứ ba, văn hóa thể thao lệch lạc – coi trọng thành tích hơn quy trình*

Ở nhiều nền thể thao, thành tích thường được tôn vinh như đích đến tối hậu, trong khi quá trình – gồm rèn luyện, cống hiến, và đạo đức thi đấu – bị xem nhẹ. Sự lệch pha giữa mục tiêu và phương tiện này dẫn đến tình trạng chạy theo huy chương bằng mọi giá, kể cả hy sinh tính chính trực. Khi một nền thể thao đo đếm thành công chỉ bằng con số, thay vì bằng chất lượng phát triển và chiều sâu văn hóa, thì sự gian dối, dàn xếp, thao túng kết quả không còn bị xem là điều bất thường, mà trở thành một “kỹ năng sinh tồn”.

Ở đây, tham nhũng không còn là sự phản bội đối với hệ thống, mà là biểu hiện logic nội tại của một hệ giá trị sai lệch<sup>3</sup>.

*Thứ tư, giám sát xã hội chưa phát huy đúng vai trò*

Thể thao, để giữ được sự trong sạch, không thể chỉ trông cậy vào giám sát nội bộ. Tuy nhiên, báo chí, tổ chức xã hội, và công chúng – những thiết chế giám sát bên ngoài – vẫn chưa đủ điều kiện tiếp cận thông tin, hoặc thiếu các cơ chế thực thi quyền giám sát một cách hiệu quả. Khi thể thao vận hành như một "hệ thống kín", thiếu áp lực minh bạch từ xã hội dân sự và truyền thông, thì quyền lực trong bóng tối có điều kiện thao túng mọi quá trình từ chính sách đến thực hành. Giám sát xã hội, trong trường hợp này, không chỉ là thiếu về thể chế mà còn thiếu về văn hóa lên tiếng – một biểu hiện sâu xa của sự vô cảm tập thể trước các giá trị bị vi phạm<sup>4</sup>.

Tóm lại, tham nhũng thể thao là biểu hiện bề mặt của những khuyết tật mang tính hệ thống: từ thiết kế thể chế, lựa chọn con người, định hướng văn hóa đến thiếu vắng áp lực kiểm soát. Giải quyết tham nhũng không thể tách rời việc kiến tạo lại nền đạo đức thể thao, nơi công bằng không chỉ là kết quả thi đấu, mà là nguyên lý vận hành của toàn bộ hệ thống.

#### **4. Giải pháp chống tham nhũng trong thể thao**

Tham nhũng trong thể thao, xét đến cùng, không chỉ là sự suy đồi của cá nhân mà là biểu hiện của một hệ thống quyền lực không được kiểm soát, một môi trường thiếu các chuẩn mực đạo đức rõ ràng và thiếu cơ chế minh bạch hiệu quả. Do đó, các giải pháp chống tham nhũng cần đi vào căn nguyên: cải tạo cấu trúc quyền lực, tái thiết lập chuẩn mực giá trị, và khôi phục lòng tin công chúng vào sự công bằng – vốn là linh hồn của thể thao. Trong đó, hai trụ cột nền tảng là thể chế – pháp lý và giám sát – minh bạch cần được nhấn mạnh như sau:

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và pháp lý*

Thể chế là hình thức hóa những nguyên tắc vận hành của đời sống thể thao, còn pháp lý là công cụ để quyền lực được giới hạn, phân bổ hợp lý và buộc chịu trách nhiệm. Khi thể thao bị thao túng bởi các mạng lưới lợi ích, thì điều đầu tiên cần làm không phải là “trừng trị” từng cá nhân, mà là thiết kế lại luật chơi của chính hệ thống.

Một là, rà soát và minh bạch hóa toàn bộ quy trình tuyển chọn, chi trả và tổ chức, đảm bảo rằng mọi vận động viên, huấn luyện viên, và tổ chức đều được đối xử công bằng trên cơ sở năng lực, đóng góp và minh bạch tài chính. Cần công khai các tiêu chí tuyển chọn, công bố ngân sách hoạt động và thiết lập quy trình kiểm toán độc lập.

*Hai là, xây dựng và thực thi bộ quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thể thao như một “hiến chương giá trị” ràng buộc tất cả chủ thể trong hệ sinh thái thể thao – từ quan chức quản lý, huấn luyện viên, vận động viên, đến trọng tài và đơn vị tài trợ. Quy chuẩn này không chỉ định hướng hành vi cá nhân mà còn khơi dậy tinh thần danh dự – một nguyên tắc thiêng liêng trong thể thao chân chính.*

Nói cách khác, nếu pháp luật là vành đai kiểm soát, thì đạo đức là cốt lõi tự điều chỉnh. Cả hai phải cùng tồn tại trong một trật tự thể chế chính danh, nơi mà quyền lực không còn là công cụ chiếm đoạt, mà là phương tiện phụng sự cho công bằng, nỗ lực và niềm tin công chúng.

### ***Thứ hai, tăng cường kiểm tra, giám sát và minh bạch***

*Một là, đặt thể thao vào không gian ánh sáng của công luận và công nghệ. Nếu quyền lực trong thể thao là điều không thể tránh khỏi, thì minh bạch và giám sát chính là điều kiện để quyền lực không bị tha hóa. Sự thiếu vắng giám sát là môi trường lý tưởng để tham nhũng nảy sinh, bởi quyền lực không được nhìn thấy là quyền lực không chịu trách nhiệm.*

Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thể thao, thanh toán tài chính, đấu thầu thiết bị và tổ chức sự kiện. Công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ quản lý, mà còn là lớp “da trong suốt” buộc quyền lực phải vận hành dưới ánh sáng. Các nền tảng quản trị số (digital governance platforms) có thể giúp công khai hóa toàn bộ chuỗi quá trình – từ quyết định ngân sách đến phân bổ tài nguyên – giúp người dân, báo chí và các tổ chức xã hội dễ dàng giám sát.

*Hai là, phát huy vai trò giám sát của xã hội và truyền thông độc lập, như những “cảm biến đạo đức” của đời sống thể thao. Truyền thông không chỉ là người đưa tin, mà còn là lực lượng tạo áp lực đạo đức và xây dựng dư luận phản biện. Đồng thời, cần khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự, hiệp hội vận động viên, cựu vận động viên vào quá trình giám sát và phản biện chính sách thể thao.*

Ở đây, giám sát không chỉ là kỹ thuật hành chính, mà là cơ chế kiến tạo sự minh triết tập thể, nơi không ai đủ quyền lực để lẩn tránh trách nhiệm, và mọi hành vi sai lệch đều phải chịu sự phán xét của công lý và công luận.

### ***Thứ ba, nâng cao đạo đức và năng lực cán bộ***

*Một là, xây dựng con người là trung tâm của cuộc chiến chống tha hóa. Ở tầng sâu của mọi thiết chế là con người. Không một hệ thống nào có thể vận hành trong sạch nếu đội ngũ cán bộ vận hành nó thiếu phẩm chất đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Trong thể*



thao, nơi quyền lực và danh tiếng giao nhau một cách nhạy cảm, thì chất lượng con người nắm quyền càng có ý nghĩa quyết định đến mức độ liên chính của toàn bộ hệ thống.

*Hai là*, đào tạo chính trị, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa liên chính cho huấn luyện viên, vận động viên và cán bộ thể thao là việc làm không thể chậm trễ. Đạo đức không thể chỉ là khẩu hiệu treo tường, mà phải trở thành “trực giác nghề nghiệp”, được rèn luyện trong quá trình làm việc, được nội tâm hóa như một chuẩn mực sống còn. Các chương trình đào tạo này cần gắn với những tình huống thực tiễn, giúp chủ thể nhận diện các dạng tham nhũng tinh vi, hiểu rõ hậu quả đạo đức và pháp lý của nó, từ đó chủ động đề kháng trước cám dỗ quyền lực.

*Ba là*, tái cơ cấu quy trình tuyển dụng, đánh giá, khen thưởng và kỷ luật theo nguyên tắc minh bạch và dựa trên thành tích thực chất, thay vì quan hệ thân hữu hay thành tích hình thức. Một hệ thống nhân sự vận hành trên nền tảng minh bạch không chỉ tạo ra niềm tin nội bộ, mà còn khuyến khích người tốt dần thân và giữ chân được người có tài, có tâm. Khi cán bộ được lựa chọn và thăng tiến không vì chức danh, mà vì cống hiến thật sự, thể thao mới có thể vượt qua vòng lặp tha hóa quyền lực.

Nói cách khác, chống tham nhũng thể thao phải bắt đầu từ việc “giải phóng con người khỏi chính sự cám dỗ của quyền lực mà họ đang nắm giữ”, thông qua giáo dục đạo đức và cải cách quy trình quản trị nhân sự.

#### ***Thứ tư, tái cách quản trị và tài chính thể thao***

*Một là*, tái cấu trúc dòng chảy nguồn lực để quyền lực không bị độc quyền hóa

Nguồn lực tài chính là huyết mạch của hoạt động thể thao. Nhưng nếu không được phân bổ theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và hiệu quả, thì ngân sách – thay vì là động lực phát triển – sẽ trở thành công cụ thao túng và tham nhũng. Vì vậy, cần đặt việc cải cách tài chính và quản trị thể thao như một trọng tâm trong chiến lược chống tham nhũng.

*Hai là*, phân bổ ngân sách dựa trên nhu cầu thực tiễn và hiệu quả đầu ra, thay vì cấp phát theo chỉ tiêu hành chính hoặc “thành tích giấy”. Việc chuyển từ tư duy “ban phát” sang tư duy “đầu tư có trách nhiệm” sẽ buộc các đơn vị sử dụng ngân sách phải tính toán hiệu quả thật, tránh lãng phí và bòn rút.

*Ba là*, minh bạch hóa toàn bộ quy trình đấu thầu thiết bị, hợp đồng tài trợ và các khoản chi thường xuyên. Việc áp dụng công nghệ số trong công khai hóa thông tin tài chính, tạo cơ chế giám sát độc lập, và cho phép báo chí, công chúng tiếp cận dữ liệu chi tiêu là điều kiện tiên quyết để tài chính không còn là “vùng mù” của quyền lực.

Quản trị tài chính thể thao, xét đến cùng, không chỉ là bài toán kế toán, mà là bài toán về luân lý phân phối – ai có quyền quyết định nguồn lực, vì mục tiêu gì, và chịu trách nhiệm ra sao. Khi dòng chảy nguồn lực được soi sáng, luân chuyển hợp lý và gắn liền với trách nhiệm, thì bóng tối của tham nhũng sẽ không còn chỗ trú ngụ.

## **5. Kết luận**

Tham nhũng trong thể thao không đơn thuần là một hiện tượng lệch chuẩn đạo đức hay sai phạm hành chính, mà là một biểu hiện đặc thù của sự tha hóa quyền lực trong môi trường nơi lẽ ra phải tỏa sáng công bằng và chính trực. Ở đó, quyền truy cập vào danh vị, cơ hội và nguồn lực bị thao túng bởi các quan hệ thân hữu, các lợi ích nhóm, tạo nên một cấu trúc bất công có hệ thống. Tham nhũng thể thao không chỉ làm tổn hại đến cá nhân vận động viên hay danh dự ngành thể thao, mà còn ăn mòn niềm tin xã hội vào những giá trị thiêng liêng như nỗ lực, công bằng, và tinh thần dân tộc.

Do vậy, việc phòng, chống tham nhũng trong thể thao cần được tiếp cận không phải như một hành vi đơn lẻ cần xử lý, mà như một hệ thống xã hội cần tái cấu trúc. Đó là cách nhìn biện chứng – thấy được mối liên hệ giữa cá nhân và thiết chế, giữa đạo đức và thể chế, giữa động cơ và cấu trúc quyền lực. Đồng thời, đây cũng là vấn đề văn hóa – bởi chỉ khi nào thể thao được nuôi dưỡng bởi một nền văn hóa trọng công lý, liêm chính và tự trọng, thì khi đó những biểu hiện lệch chuẩn mới trở nên lạc lõng và không thể sinh sôi.

Giải pháp chống tham nhũng thể thao không thể dừng ở luật pháp, mà phải vươn tới cải cách quản trị, nâng cao phẩm giá con người, và khơi dậy trách nhiệm công dân đối với sự liêm chính của đời sống công. Chỉ khi thiết lập được một cấu trúc quản trị minh bạch, công khai, có cơ chế kiểm soát và phản biện xã hội hiệu quả, được nâng đỡ bằng một hệ giá trị đạo đức nghề nghiệp vững vàng, thì thể thao Việt Nam mới có thể phát triển bền vững – không chỉ về thành tích, mà còn về chiều sâu văn hóa và tinh thần.

Đó cũng là con đường để thể thao giữ được bản sắc thiêng liêng của mình – “cao thượng, trung thực, trong sáng” – và trở thành biểu tượng sống động của khát vọng vươn lên bằng chính nội lực, phẩm hạnh và niềm tin chính nghĩa.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Brohm, Jean-Marie (1978), *Sociologie politique du sport*, Paris: Gallimard.
2. Lê Thị Mai Hương (2022), “Công tác cán bộ và chất lượng quản trị thể thao công”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, số 9.
3. Lê Thị Thu Trang (2023), “Quản lý tài chính công trong thể thao Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 3.

4. Nguyễn Đăng Dũng (2021), “Quyền lực mềm trong thể thao và nguy cơ bị tha hóa”, *Tạp chí Xã hội học*, số 6.
5. Nguyễn Mạnh Hùng (2021), “Cơ chế tổ chức sự kiện thể thao và phòng chống tham nhũng”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 12.
6. Nguyễn Ngọc Hùng (2022), *Thể thao và đạo đức công bằng trong bối cảnh hiện đại*, Nxb. Thể dục Thể thao.
7. Nguyễn Quốc Khánh (2023), “Thể chế và quản trị thể thao ở Việt Nam: Vấn đề và khuyến nghị”, *Tạp chí Khoa học Xã hội TP.HCM*, số 4.
8. Transparency International (2020), *Global Corruption Report: Sport*, Routledge.
9. Trần Văn Tùng (2022), *Thể thao và quyền lực: Một tiếp cận xã hội học*, Nxb. Đại học Quốc gia TP.HCM.

## PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

*Phan Hồng Tươi<sup>275</sup>*

**Tóm tắt:** *Tham nhũng trong lĩnh vực y tế là một trong những vấn đề nhức nhối, tác động trực tiếp đến chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và quyền lợi của người dân. Việc nhận diện chính xác các biểu hiện tham nhũng trong y tế, phân tích nguyên nhân sâu xa, đồng thời đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược và thực tiễn là nhiệm vụ cấp thiết. Bài viết tập trung làm rõ: (1) Các hình thức và đặc điểm của tham nhũng trong lĩnh vực y tế; (2) Nguyên nhân căn bản khiến tham nhũng y tế kéo dài; và (3) Giải pháp hệ thống nhằm kiểm soát và đẩy lùi tham nhũng y tế hiệu quả.*

**Từ khóa:** *Tham nhũng; tham nhũng trong y tế; phòng chống tham nhũng.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực y tế, mối quan hệ giữa quyền lực và trách nhiệm, giữa lợi ích cá nhân và quyền lợi người bệnh có thể dẫn đến những hệ quả nghiêm trọng nếu không được kiểm soát nghiêm ngặt. Khi quyền lực trong quản lý và cung cấp dịch vụ y tế bị tha hóa, tham nhũng phát sinh không chỉ làm suy giảm chất lượng chăm sóc mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến công bằng xã hội và niềm tin của người dân vào hệ thống y tế.

Tham nhũng trong y tế biểu hiện không chỉ dưới dạng thất thoát tài chính, mà còn phá vỡ nguyên tắc minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý, dẫn đến việc sử dụng sai nguồn lực, làm giảm hiệu quả và chất lượng dịch vụ y tế. Hậu quả sâu xa là gây tổn hại niềm tin xã hội vào hệ thống y tế công, làm méo mó cơ chế phân bổ nguồn lực và kìm hãm sự phát triển bền vững của ngành y tế.

Vì vậy, nhận diện đúng bản chất và phạm vi tham nhũng trong lĩnh vực y tế, đồng thời đề xuất giải pháp toàn diện vừa mang tính pháp lý vừa dựa trên đổi mới quản trị công, là hết sức cần thiết.

### 2. Nhận diện tham nhũng trong lĩnh vực y tế

#### *Thứ nhất, nội hàm khái niệm tham nhũng y tế*

Tham nhũng y tế không đơn thuần chỉ là những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế mà còn là biểu hiện sâu sắc của sự tha hóa quyền lực, khi các cá nhân hoặc nhóm lợi ích lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong quản lý và cung cấp dịch vụ y tế nhằm mục đích trục lợi cá nhân hoặc tập thể. Bản chất của tham nhũng y tế chính là sự đảo lộn giá trị cốt lõi của ngành y – vốn dĩ phục vụ sức khỏe và quyền lợi của người bệnh

---

<sup>275</sup> Bệnh viện Công an Thành phố Hồ Chí Minh

– thành công cụ kiếm lợi bất chính, gây tổn hại trực tiếp tới quyền lợi chính đáng của bệnh nhân và làm suy giảm niềm tin xã hội vào hệ thống y tế.

Hành vi tham nhũng y tế có thể hiện hữu ở nhiều khâu nhạy cảm và quyết định trong chuỗi giá trị của ngành, từ việc mua sắm, đấu thầu thiết bị y tế, thuốc men đến việc phân bổ nguồn lực tài chính và nhân lực; từ việc tuyển dụng cán bộ, cấp giấy phép hành nghề cho đến các hoạt động trực tiếp trong quá trình khám chữa bệnh. Ở mỗi bước, tham nhũng không chỉ làm méo mó cơ chế vận hành, tạo ra sự bất công trong tiếp cận dịch vụ y tế, mà còn làm suy yếu hiệu quả của toàn bộ hệ thống, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

### ***Thứ hai, biểu hiện của tham nhũng y tế***

Dưới góc nhìn triết học về bản chất và vận động của xã hội, tham nhũng trong lĩnh vực y tế không chỉ là biểu hiện của sự tha hóa đạo đức cá nhân mà còn phản ánh sự méo mó trong cơ chế quản lý, sự bất cân xứng giữa quyền lực và trách nhiệm, từ đó gây ra hệ lụy sâu rộng về mặt xã hội và nhân văn.

Tham nhũng trong mua sắm trang thiết bị và thuốc men không đơn thuần là hành vi gian lận kinh tế, mà còn là biểu hiện của sự tha hóa mối quan hệ xã hội – nơi lợi ích nhóm chi phối, cấu kết nâng giá và che giấu sự thiếu minh bạch. Đây là sự phản kháng ngầm của các lực lượng phản động đối với nguyên tắc công bằng và hiệu quả trong quản lý công, làm suy yếu niềm tin của xã hội vào hệ thống y tế công, đồng thời làm tiêu hao nguồn lực vốn dành cho sự sống và sức khỏe cộng đồng.

Tham nhũng trong cấp giấy phép và tuyển dụng thể hiện sự mất cân bằng giữa quyền lực và đạo đức, khi những mối quan hệ cá nhân được ưu tiên hơn năng lực và phẩm chất. Việc nâng điểm thi tuyển, cấp chứng chỉ không đúng quy định là dấu hiệu của một hệ thống bị tha hóa, nơi mà cơ chế minh bạch và công bằng bị triệt tiêu bởi sự lợi dụng quyền lực, làm mất đi tính chính danh và hiệu lực của các tiêu chuẩn chuyên môn.

Tham nhũng trong quá trình khám chữa bệnh đi sâu vào sự tha hóa mối quan hệ giữa người thầy thuốc và người bệnh, vốn là mối quan hệ mang tính nhân văn cao nhất trong xã hội. Việc cán bộ y tế gây khó khăn thủ tục để đòi “lót tay”, kê đơn thuốc không cần thiết hay chỉ định dịch vụ nhằm trục lợi là biểu hiện của sự biến chất đạo đức, làm tổn thương quyền lợi chính đáng của người bệnh và phá vỡ nguyên tắc căn bản của y đức.

Tham nhũng trong quản lý và phân bổ nguồn lực là hệ quả của sự thiếu minh bạch và trách nhiệm trong cơ chế vận hành, dẫn đến sự mất cân đối và thiếu công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế. Điều này tạo ra những rào cản vô hình, khiến sự phát triển của hệ

thống y tế trở nên lệch lạc, làm xói mòn công bằng xã hội và gia tăng bất ổn trong cộng đồng.

Như vậy, tham nhũng trong y tế không chỉ là một hiện tượng kinh tế tiêu cực mà còn là biểu hiện sâu sắc của sự mất cân bằng xã hội, sự tha hóa đạo đức và sự méo mó trong cấu trúc quyền lực. Chống tham nhũng trong lĩnh vực này chính là nỗ lực phục hồi sự cân bằng, công bằng và nhân văn, nhằm khôi phục lại niềm tin và sức mạnh của hệ thống y tế – một thiết chế quan trọng bảo vệ sự sống và phẩm giá con người.

### ***Thứ ba, đặc điểm của tham nhũng y tế***

Tính tinh vi và khó phát hiện của tham nhũng y tế bắt nguồn từ bản chất phức tạp của lĩnh vực y tế, nơi các quy trình kỹ thuật, chuyên môn sâu và các thủ tục hành chính được thiết kế theo cách tạo ra nhiều khe hở để lợi dụng. Những hành vi tham nhũng được bao bọc dưới lớp vỏ pháp lý, kỹ thuật, khiến việc phát hiện và xử lý trở nên vô cùng khó khăn. Đây không chỉ là cuộc đối đầu giữa thiện và ác, mà còn là sự xung đột giữa sự minh bạch và sự che đậy tinh vi trong một hệ thống nhiều tầng nấc quyền lực và kiến thức chuyên môn.

Tính cấu kết đa chiều của tham nhũng y tế phản ánh một mạng lưới phức hợp liên kết lợi ích giữa nhiều chủ thể khác nhau: từ cán bộ y tế, nhà cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp dược phẩm, nhà thầu cho đến một số cá nhân trong bộ máy quản lý. Mỗi liên hệ này tạo nên một chuỗi khép kín, nơi các hành vi tham nhũng được nuôi dưỡng và bảo vệ lẫn nhau, làm suy yếu nguyên tắc giám sát và kiểm soát xã hội. Đây là biểu hiện rõ nét của sự tha hóa hệ thống quyền lực, khi lợi ích cá nhân và nhóm trở thành mục tiêu vượt lên trên lợi ích chung và đạo đức nghề nghiệp.

Ảnh hưởng sâu rộng của tham nhũng y tế không chỉ giới hạn trong phạm vi thất thoát tài chính nhà nước mà còn gây tổn thương trực tiếp đến quyền lợi và sức khỏe người bệnh, làm mất cân bằng trong cung cấp dịch vụ y tế và cản trở sự phát triển bền vững của ngành y tế. Tham nhũng làm xói mòn niềm tin xã hội vào hệ thống y tế, tạo ra những bất công mang tính hệ thống, và cuối cùng đe dọa đến tính mạng và phẩm giá con người – những giá trị căn bản nhất mà y tế cần bảo vệ.

Từ đó, có thể thấy, tham nhũng y tế không chỉ là vấn đề kinh tế hay hành chính mà là biểu hiện của sự mất cân bằng trong cấu trúc xã hội và quyền lực, đòi hỏi một sự phản tỉnh sâu sắc và các giải pháp toàn diện để khôi phục lại tính chính danh, công bằng và minh bạch trong hệ thống y tế.

### ***Thứ tư, nguyên nhân của tham nhũng kinh tế***

*Thể chế quản lý chưa hoàn thiện chính là nền tảng làm phát sinh và duy trì tham nhũng trong y tế.* Hệ thống pháp luật, các quy định về minh bạch và trách nhiệm giải trình còn dang dở, thiếu sự đồng bộ và thống nhất dẫn đến những khoảng trống trong kiểm soát và giám sát hoạt động. Các lỗ hổng này tạo điều kiện thuận lợi để những hành vi trục lợi được che đậy và tiếp diễn một cách tinh vi, thậm chí được hợp thức hóa trong những kẽ hở hành chính. Đây là minh chứng cho sự bất cập của thể chế trong việc cân bằng giữa quyền lực và trách nhiệm, khiến tham nhũng trở thành một biểu hiện hệ thống thay vì cá nhân đơn lẻ.

*Công tác cán bộ và đạo đức nghề nghiệp yếu kém phản ánh sự suy thoái về mặt con người trong hệ thống y tế.* Khi một bộ phận cán bộ y tế thiếu bản lĩnh chính trị, suy giảm phẩm chất đạo đức, thiếu tinh thần phục vụ vì người bệnh, họ dễ dàng bị cám dỗ bởi lợi ích cá nhân hay nhóm. Hơn nữa, cơ chế tuyển dụng và đánh giá năng lực cán bộ còn mang tính hình thức, thiếu sự minh bạch và công bằng thực chất, tạo ra môi trường dễ bị lợi dụng và làm suy yếu chất lượng nguồn nhân lực, từ đó làm nảy sinh tham nhũng và làm xói mòn niềm tin xã hội.

*Cơ chế thị trường và quản lý nguồn lực bất cập tạo ra những điểm nghẽn quan trọng trong hệ thống y tế.* Môi trường cạnh tranh không lành mạnh trong mua sắm công, cơ chế “xin - cho” tồn tại trong cấp phép, mua sắm thuốc men và thiết bị y tế làm cho tham nhũng trở nên dễ xảy ra và khó kiểm soát. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn là biểu hiện của sự bất cân xứng quyền lực và thiếu sự giám sát chặt chẽ, khiến lợi ích nhóm được củng cố và sinh sôi. Vấn đề này đặt ra câu hỏi sâu sắc về tính minh bạch và hiệu quả của các quy trình quản lý nguồn lực công.

*Ý thức xã hội và văn hóa phòng chống tham nhũng chưa sâu rộng là nguyên nhân cốt lõi làm cho tham nhũng y tế khó được kiểm chế.* Khi cộng đồng, xã hội dân sự chưa thực sự tham gia vào quá trình giám sát và phản biện hoạt động y tế công, khi sự đồng thuận về đạo đức và công bằng xã hội chưa được hình thành rõ nét, thì các hành vi tham nhũng có điều kiện phát triển trong bóng tối. Sự im lặng và thờ ơ của xã hội vô hình trung tiếp tay cho sự suy thoái của hệ thống, đồng thời làm mất đi sức mạnh của phòng chống tham nhũng mang tính cộng đồng và lâu dài.

Từ góc độ triết học, nguyên nhân của tham nhũng y tế không chỉ nằm ở các khía cạnh kỹ thuật hay quản lý đơn thuần mà còn là biểu hiện của sự mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân với lợi ích chung, giữa quyền lực và trách nhiệm, giữa cấu trúc thể chế và ý thức con người trong xã hội. Việc nhận diện và giải quyết các nguyên nhân này đòi hỏi một quá

trình cải cách đồng bộ, bao gồm cả sự thay đổi về nhận thức, văn hóa và hệ thống pháp luật quản lý.

### **3. Một số giải pháp khắc phục tham nhũng kinh tế**

Tham nhũng kinh tế trong lĩnh vực y tế không thể hiểu đơn giản là sự tích tụ của các hành vi cá nhân thiếu đạo đức hay vi phạm pháp luật. Đây là một hiện tượng xã hội mang tính hệ thống sâu sắc, được sinh ra và duy trì bởi mối quan hệ biện chứng giữa thể chế, con người và văn hóa quản trị – ba trụ cột cấu thành nên bộ khung vận hành của ngành y tế<sup>276</sup>. Thể chế kém hoàn chỉnh tạo ra các khoảng trống pháp lý và kẽ hở quản lý; những yếu tố con người như năng lực, đạo đức, tư duy cá nhân chưa được nâng cao làm cho hệ thống dễ bị thao túng; còn văn hóa quản trị thiếu minh bạch và trách nhiệm thì tiếp tục nuôi dưỡng môi trường thuận lợi cho tham nhũng phát sinh và lan rộng.

Vì vậy, để khắc phục tận gốc tham nhũng trong y tế, không thể chỉ dựa vào các biện pháp chữa cháy mang tính tình thế, mà cần xây dựng một chiến lược tổng thể, đồng bộ, và có tính chiến lược lâu dài – tổng hòa giữa sự đổi mới thể chế, nâng cao năng lực con người, và cải thiện văn hóa quản trị trong hệ thống y tế<sup>277</sup>. Dưới đây là một số nhóm giải pháp trọng tâm và khả thi:

#### *Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, pháp luật*

Thể chế pháp luật không đơn thuần là một tập hợp các quy tắc mà còn là bộ khung lý thuyết và thực tiễn định hình hành vi xã hội, qua đó quyết định cấu trúc quyền lực cũng như cơ chế vận hành của toàn bộ hệ thống y tế. Khi thể chế pháp luật tồn tại những quy định mơ hồ, thiếu minh bạch hoặc cơ chế trách nhiệm giải trình lỏng lẻo, sẽ phát sinh những “khoảng trống quyền lực” – những không gian ngầm ẩn náu, nơi các hành vi tham nhũng dễ dàng phát sinh và lan rộng.

Chính vì vậy, việc rà soát và hoàn thiện các quy định nhằm minh bạch hóa quy trình mua sắm, cấp phép, tuyển dụng và cung cấp dịch vụ y tế không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật mà còn là bước căn bản trong việc loại bỏ các cơ hội can thiệp tùy tiện, bất hợp pháp. Bộ khung pháp lý cần được xây dựng trên nền tảng công bằng, rõ ràng và dễ dàng giám sát, nhằm tạo dựng một hệ thống vận hành minh bạch và có khả năng tự điều chỉnh cao. Minh bạch ở đây không chỉ được xem là công cụ quản lý mà còn là một nguyên lý

---

<sup>276</sup> North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press.

<sup>277</sup> Rose-Ackerman, S., & Palifka, B. J. (2016). *Corruption and Government: Causes, Consequences, and Reform*. Cambridge University Press.



đạo đức xã hội, một chuẩn mực đạo đức cốt lõi giúp tăng cường tính trách nhiệm và làm giảm thiểu các cơ hội tham nhũng một cách bền vững.

Bên cạnh đó, việc tăng cường cơ chế trách nhiệm giải trình (accountability) không thể tách rời khỏi mối quan hệ biện chứng giữa quyền hạn và nghĩa vụ, đòi hỏi một sự gắn kết chặt chẽ và công bằng. Cơ chế này phải đi kèm với chế tài xử lý nghiêm minh, minh bạch và công bằng nhằm ngăn chặn hành vi sai phạm ngay từ giai đoạn đầu. Đây không chỉ là một thách thức mang tính kỹ thuật mà còn đặt ra yêu cầu phải thay đổi căn bản trong nhận thức quản trị, cũng như trong cách thức xã hội hiểu và thực hành công bằng và pháp quyền – những giá trị nền tảng của một xã hội văn minh và phát triển bền vững<sup>278</sup>.

#### *Thứ hai, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch*

Kiểm tra và giám sát không chỉ đơn thuần là các hoạt động kỹ thuật nhằm phát hiện hành vi sai phạm mà còn là biểu hiện của một nền văn hóa tổ chức đề cao sự trong sạch và minh bạch<sup>279</sup>. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong minh bạch hóa quy trình đấu thầu, mua sắm, cấp giấy phép và thanh quyết toán tài chính không những giảm thiểu sự can thiệp tùy tiện mà còn tạo ra hệ thống bằng chứng số có tính khách quan và bền vững<sup>280</sup>.

Bên cạnh đó, phát huy vai trò giám sát của người dân, báo chí và các tổ chức xã hội là thực thi nguyên tắc giám sát xã hội đa chiều – một dạng kiểm soát quyền lực từ bên ngoài, góp phần tạo ra sức ép xã hội tích cực nhằm ngăn chặn tham nhũng. Việc thiết lập kênh tiếp nhận phản ánh và bảo vệ người tố cáo là biểu tượng của một hệ thống có tính tự hoàn thiện cao, nơi tiếng nói của sự thật được bảo vệ và hỗ trợ, qua đó tạo ra cơ chế tự điều chỉnh và phòng ngừa hiệu.

#### *Thứ ba, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và năng lực cán bộ y tế*

Con người chính là trung tâm và là nhân tố quyết định mọi thành công trong công cuộc phòng chống tham nhũng, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, nơi sự tin cậy và liêm chính được xem như nền tảng sinh tử của hệ thống. Việc nâng cao đạo đức nghề nghiệp và năng lực cán bộ y tế không đơn thuần chỉ là đào tạo kỹ năng chuyên môn mà còn là quá trình xây dựng một văn hóa liêm chính nội tại – một trạng thái nhận thức sâu sắc về trách nhiệm xã hội và ý thức về vai trò nghề nghiệp thiêng liêng của từng cá nhân trong hệ thống.

---

<sup>278</sup> World Bank. (2000). *Anti-corruption in Transition: A Contribution to the Policy Debate*.

<sup>279</sup> Larmour, P. (2002). *Corruption and Anti-Corruption*. Asia-Pacific Press.

<sup>280</sup> Bannister, F., & Connolly, R. (2014). ICT and transparency. *Government Information Quarterly*, 31(1).

Quá trình đào tạo và bồi dưỡng không chỉ tập trung vào nâng cao trình độ chuyên môn mà còn phải chú trọng phát triển các giá trị đạo đức, tư duy phản biện và tinh thần liêm chính – những yếu tố cấu thành nên nhân cách công chức y tế trong thời đại hiện nay. Văn hóa liêm chính nội tại này sẽ trở thành chiếc “la bàn đạo đức” giúp cán bộ y tế kiên định với những chuẩn mực, tránh xa các cám dỗ, và luôn đặt lợi ích cộng đồng, quyền lợi người bệnh lên trên hết.

Song song với đó, việc cải tiến công tác tuyển dụng, đánh giá, khen thưởng và xử lý kỷ luật theo nguyên tắc công khai, minh bạch và khách quan chính là xây dựng hệ thống động lực và ràng buộc tích cực. Hệ thống này tạo ra môi trường làm việc công bằng, nâng cao trách nhiệm cá nhân và tập thể, khuyến khích sự phát triển năng lực thực chất thay vì dựa trên quan hệ hay các mối lợi nhóm. Đồng thời, cơ chế xử lý kỷ luật nghiêm minh đóng vai trò như “hàng rào đạo đức” để loại bỏ những hành vi tiêu cực, góp phần duy trì sự trong sạch, bền vững của ngành y tế.

#### *Thứ tư, cải cách quản trị và cơ chế tài chính y tế*

Quản trị và tài chính không chỉ là các công cụ kỹ thuật mà còn là biểu hiện quyền lực trong cấu trúc tổ chức và vận hành hệ thống y tế. Quyền lực trong quản trị và tài chính khi được thiết kế và thực thi thiếu minh bạch, thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả sẽ dễ dàng trở thành kênh dẫn dắt các hành vi lạm quyền, lợi dụng và tham nhũng. Do đó, quản trị và cơ chế tài chính y tế phải được xem như là “bộ khung” điều tiết các quan hệ quyền lực, đồng thời là phương tiện thực hiện công bằng xã hội trong phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Việc xây dựng cơ chế phân bổ nguồn lực dựa trên hiệu quả và nhu cầu thực tế không chỉ là một giải pháp quản lý kinh tế mà còn là một hình thức phân quyền và kiểm soát quyền lực có tính biện chứng. Phân quyền hợp lý vừa giúp hạn chế sự tập trung quyền lực tuyệt đối vào một vài cá nhân hay bộ phận, vừa thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm trong sử dụng nguồn lực, từ đó tạo dựng niềm tin xã hội và công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

Bên cạnh đó, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trong mua sắm thuốc, thiết bị và dịch vụ y tế thông qua các quy trình đấu thầu công khai, minh bạch không chỉ góp phần giảm thiểu sự bao che và lợi ích nhóm, mà còn gia tăng hiệu quả kinh tế – xã hội của toàn bộ hệ thống y tế. Đấu thầu công khai là công cụ điều tiết tự nhiên, tạo ra áp lực tích cực buộc các chủ thể tham gia phải minh bạch và có trách nhiệm hơn trong hoạt động của mình.

Song song với đó, việc tăng cường quản lý chi tiêu và đầu tư y tế thông qua các chỉ số đánh giá hiệu quả rõ ràng, cùng với hệ thống báo cáo, kiểm toán định kỳ, chính là xây

dựng một “bộ máy phản hồi” kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm. Hệ thống này không chỉ có chức năng kiểm soát mà còn là cơ chế bảo vệ sự minh bạch và bền vững trong vận hành, đảm bảo nguồn lực y tế được sử dụng đúng mục đích, góp phần xây dựng ngành y tế phát triển một cách lành mạnh, có trách nhiệm và bền vững theo thời gian.

#### **4. Kết luận**

Tham nhũng trong lĩnh vực y tế không chỉ đơn thuần là hiện tượng sai phạm mang tính cá nhân hay sự bất cập mang tính ngẫu nhiên, mà nó phản ánh một hệ thống phức tạp, liên kết chặt chẽ giữa thể chế, con người và văn hóa quản trị xã hội. Đây là biểu hiện của mối quan hệ biện chứng giữa quyền lực, trách nhiệm và sự minh bạch, trong đó sự lệch chuẩn về một trong các yếu tố này có thể dẫn đến sự méo mó của toàn bộ hệ thống. Vì vậy, để thực sự kiềm chế và đẩy lùi tham nhũng y tế, không thể chỉ dựa vào các giải pháp đơn lẻ hay mang tính tình thế mà phải triển khai một chiến lược tổng thể, đồng bộ và lâu dài.

Chiến lược này đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa việc hoàn thiện thể chế pháp luật nhằm xây dựng nền tảng công bằng và minh bạch, đồng thời nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ y tế, những chủ thể trực tiếp vận hành và định hình hệ thống. Song song với đó, sự tham gia tích cực của cộng đồng và xã hội dân sự trong giám sát hoạt động quản lý y tế đóng vai trò then chốt, tạo nên sức mạnh tổng hợp chống lại sự tha hóa quyền lực.

Chỉ khi chúng ta nhận diện đúng bản chất tham nhũng—một hiện tượng hệ thống có nguồn gốc sâu xa từ mối quan hệ giữa quyền lực, lợi ích cá nhân và văn hóa tổ chức—và áp dụng đồng bộ các giải pháp pháp lý, quản trị, đào tạo, công nghệ và xã hội, mới có thể hy vọng xây dựng một ngành y tế trong sạch, hiệu quả và phát triển bền vững. Khi đó, quyền lợi chính đáng của người bệnh không chỉ được bảo vệ mà còn được nâng cao, góp phần vào sự tiến bộ chung của xã hội và củng cố niềm tin của nhân dân vào hệ thống y tế công.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bannister, F., & Connolly, R. (2014). ICT and transparency. *Government Information Quarterly*, 31(1).
2. Fox, J. (2007). Transparency and accountability. *Development in Practice*, 17(4-5).
3. Freeman, R. E. (1999). Divergent stakeholder theory. *Academy of Management Review*, 24(2).

4. Kaplan, R. S., & Norton, D. P. (1996). *The Balanced Scorecard*. Harvard Business Review Press.
5. Kaufmann, D. (2005). *Myths and Realities of Governance and Corruption*. World Bank Institute.
6. Kidder, R. M. (2005). *Moral Courage*. HarperCollins.
7. Larmour, P. (2002). *Corruption and Anti-Corruption*. Asia-Pacific Press.
8. North, D. C. (1990). *Institutions, Institutional Change and Economic Performance*. Cambridge University Press.
9. Ostrom, E. (1990). *Governing the Commons*. Cambridge University Press.
10. Osborne, D., & Gaebler, T. (1992). *Reinventing Government*.
11. Perry, J. L., & Wise, L. R. (1990). Motivational bases of public service. *Public Administration Review*, 50(3).
12. Peters, B. G., & Pierre, J. (2004). *Handbook of Public Administration*.
13. Rose-Ackerman, S., & Palifka, B. J. (2016). *Corruption and Government: Causes, Consequences, and Reform*. Cambridge University Press.
14. Transparency International. (2013). *Global Corruption Report*.
15. Williamson, O. E. (1985). *The Economic Institutions of Capitalism*.
16. World Bank. (2000). *Anti-corruption in Transition: A Contribution to the Policy Debate*.

# ĐỀ XUẤT MỘT SỐ MÔ HÌNH PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC VÀ LÃNG PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

ThS. Bùi Thị Phương Lan<sup>281</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích tầm quan trọng và đề xuất ba mô hình hiệu quả trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí tại các cơ quan nhà nước ở Việt Nam, bao gồm: (1) Mô hình kiểm tra, giám sát nội bộ – giúp phát hiện, ngăn chặn kịp thời sai phạm từ bên trong, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả quản lý; (2) Mô hình đối thoại công khai – tạo không gian trao đổi giữa cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và người dân, thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình thông qua công khai thông tin và tiếp nhận phản hồi; (3) Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin – hiện đại hóa quản lý, giám sát và báo cáo vi phạm bằng các công cụ như hệ thống quản lý dữ liệu, cổng thông tin điện tử, phân tích dữ liệu lớn, và ứng dụng di động, giúp tăng cường minh bạch và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. Bài viết nhấn mạnh rằng để các mô hình này phát huy hiệu quả, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên, hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực cán bộ và xây dựng văn hóa liêm chính. Chỉ với quyết tâm chính trị mạnh mẽ, minh bạch trong hành động và sự đồng thuận toàn dân, công cuộc phòng chống tham nhũng mới đạt được kết quả bền vững.

**Keyword:** Phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

## 1. Đặt vấn đề

Phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí là một nhiệm vụ cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Tham nhũng không chỉ gây thất thoát tài sản công mà còn làm suy yếu lòng tin của người dân vào các cơ quan nhà nước. Khi tài sản của nhà nước bị quản lý không hiệu quả, nguồn lực quý giá sẽ không được sử dụng đúng mục đích, dẫn đến việc các dịch vụ công không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống mà còn cản trở sự phát triển kinh tế của đất nước. Hơn nữa, tham nhũng và tiêu cực tạo ra một môi trường kinh doanh không công bằng. Doanh nghiệp chân chính phải cạnh tranh không chỉ với nhau mà còn với những thực thể tham nhũng, điều này khiến cho họ gặp khó khăn trong việc phát triển. Một môi trường kinh doanh trong sạch sẽ thu hút đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó, việc xây dựng một hệ thống pháp luật chặt chẽ và thực thi nghiêm túc các quy định về phòng chống tham nhũng

---

<sup>281</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

là rất cần thiết. Ngoài ra, việc phòng chống tham nhũng còn có tác động tích cực đến sự phát triển xã hội. Khi người dân cảm thấy rằng các cơ quan nhà nước hoạt động minh bạch, công bằng, họ sẽ có niềm tin hơn vào chính quyền và tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội. Điều này không chỉ tạo ra một cộng đồng mạnh mẽ mà còn góp phần xây dựng một nền văn hóa chống tham nhũng, nơi mà mọi người đều có trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích chung. Cuối cùng, để đạt được hiệu quả trong công tác phòng chống tham nhũng, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và người dân. Mỗi cá nhân đều có thể đóng góp vào công cuộc này bằng cách lên tiếng phản ánh những hành vi tiêu cực, tham nhũng mà họ chứng kiến. Sự tham gia của toàn xã hội sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, góp phần xây dựng một môi trường sống và làm việc trong sạch, công bằng hơn cho tất cả mọi người.

Bài viết này đề cập đến một số mô hình có thể áp dụng trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí tại các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước ở Việt Nam.

## **2. Mô hình kiểm tra, giám sát nội bộ**

Là hệ thống các quy trình, phương pháp và công cụ được thiết lập nhằm theo dõi, kiểm tra và đánh giá hoạt động của các cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm của mình. Mô hình này nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí và tiêu cực, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong quản lý nhà nước.

Mô hình này mang lại nhiều lợi ích, cụ thể là giúp phát hiện và ngăn chặn sớm các hành vi tham nhũng và lãng phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Thông qua việc kiểm tra, giám sát, mô hình này tạo ra một môi trường làm việc minh bạch hơn, nơi mà cán bộ, công chức phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Mô hình này còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, từ đó cải cách các quy trình, thủ tục hành chính, giảm thiểu cơ hội cho tham nhũng và lãng phí. Bên cạnh việc giúp các cơ quan nhà nước thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy chế nội bộ và các chính sách liên quan đến phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực, nó còn giúp xây dựng lòng tin của người dân khi các cơ quan nhà nước thực hiện tốt công tác kiểm tra và giám sát. Mô hình này cũng tạo điều kiện cho người dân và tổ chức xã hội tham gia vào quá trình giám sát, từ đó tăng cường tính hiệu quả và trách nhiệm trong công tác phòng chống tham nhũng, cũng như nâng cao năng lực cán bộ, công chức. Tóm lại, mô hình kiểm tra giám sát nội bộ không chỉ là một công cụ hữu hiệu trong việc phòng

chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực, mà còn góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và xây dựng một nền hành chính minh bạch, hiệu quả

Mô hình kiểm tra giám sát nội bộ chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong các cơ quan nhà nước Việt Nam bao gồm nhiều yếu tố và quy trình nhằm đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Thứ nhất là các cơ quan nhà nước cần xây dựng và ban hành quy chế cụ thể về kiểm tra, giám sát nội bộ. Quy chế này sẽ xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát. Thứ hai là thành lập các bộ phận chuyên trách hoặc phân công nhiệm vụ cho các cá nhân trong cơ quan để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Các bộ phận này cần được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện nhiệm vụ. Thứ ba là các cơ quan cần lập kế hoạch kiểm tra định kỳ các hoạt động, quy trình và tài chính của mình. Kế hoạch này nên bao gồm các nội dung cụ thể cần kiểm tra, thời gian thực hiện và các tiêu chí đánh giá. Thứ tư là trong quá trình thực hiện kiểm tra, cần áp dụng các phương pháp đa dạng như kiểm tra tài liệu, phỏng vấn, quan sát thực tế và khảo sát ý kiến của cán bộ, công chức. Các kết quả kiểm tra cần được ghi chép và báo cáo đầy đủ. Thứ năm là đánh giá và xử lý vi phạm: Sau khi thực hiện kiểm tra, cần có quy trình đánh giá kết quả và xử lý các vi phạm nếu có. Các hình thức xử lý có thể bao gồm nhắc nhở, kỷ luật, hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra nếu phát hiện hành vi tham nhũng nghiêm trọng. Thứ sáu là tăng cường công khai, minh bạch: Để nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, các cơ quan cần công khai các kết quả kiểm tra và các quyết định xử lý vi phạm. Điều này giúp xây dựng lòng tin từ phía người dân và tạo áp lực đối với các cán bộ, công chức. Thứ bảy là cần tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức về kiến thức và kỹ năng liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực. Việc nâng cao năng lực cho đội ngũ này là rất quan trọng để đảm bảo hiệu quả của mô hình kiểm tra, giám sát. Thứ tám là khuyến khích người dân và các tổ chức xã hội tham gia vào quá trình giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sự tham gia này không chỉ giúp phát hiện kịp thời các sai phạm mà còn tạo ra sức ép tích cực đối với cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ. Mô hình kiểm tra giám sát nội bộ này không chỉ giúp phát hiện và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí và tiêu cực mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng nền hành chính minh bạch và trách nhiệm hơn.

### **3. Mô hình đối thoại công khai**

Mô hình đối thoại công khai là một phương thức tương tác giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân, nhằm tạo ra một không gian mở để thảo luận, trao đổi thông tin và ý kiến về các vấn đề liên quan đến chính sách, pháp luật và các hoạt động của nhà nước. Mô hình này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch mà còn thúc đẩy sự tham gia của người dân trong quá trình ra quyết định.

Mô hình công khai thông tin là một trong những giải pháp hiệu quả nhằm phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí trong quản lý nhà nước. Mô hình này dựa trên nguyên tắc minh bạch, giúp người dân và các tổ chức xã hội có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng về hoạt động của các cơ quan nhà nước, từ đó tăng cường trách nhiệm giải trình và giám sát. Đầu tiên, việc công khai thông tin về ngân sách nhà nước, các dự án đầu tư công, và chi tiêu công là rất quan trọng. Khi thông tin này được công khai, người dân sẽ biết được các khoản chi tiêu, từ đó có thể giám sát và phản ánh những bất cập nếu phát hiện có dấu hiệu tham nhũng hay lãng phí. Ví dụ, các báo cáo tài chính, dự toán ngân sách hàng năm cần được công bố rộng rãi và dễ hiểu để mọi người có thể theo dõi. Thứ hai, mô hình công khai thông tin cũng cần bao gồm việc công bố kết quả thanh tra, kiểm tra các cơ quan, tổ chức. Khi kết quả thanh tra được công khai, các cơ quan nhà nước sẽ phải chịu áp lực từ dư luận và người dân, từ đó thúc đẩy họ thực hiện đúng chức trách và trách nhiệm của mình. Điều này cũng giúp tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ quan nhà nước. Thứ ba, việc áp dụng công nghệ thông tin trong mô hình công khai cũng rất quan trọng. Các nền tảng trực tuyến có thể được sử dụng để cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và thuận tiện. Ví dụ, xây dựng các cổng thông tin điện tử nơi người dân có thể dễ dàng tra cứu thông tin về các dự án, ngân sách, và các hoạt động của chính quyền. Điều này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch mà còn tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình giám sát. Cuối cùng, để mô hình công khai thông tin phát huy hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và người dân. Các cơ quan cần chủ động cung cấp thông tin, trong khi người dân và các tổ chức xã hội cũng cần tích cực tham gia giám sát và phản biện. Chỉ khi tất cả các bên cùng hợp tác, mô hình công khai thông tin mới có thể thực sự trở thành công cụ hữu hiệu trong công cuộc phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí.

Để tiến hành đối thoại công khai nhằm phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực, có thể thực hiện theo các bước sau:

1. Xác định chủ đề và mục tiêu: Trước khi tổ chức đối thoại, cần xác định rõ các vấn đề cụ thể liên quan đến tham nhũng, lãng phí và tiêu cực mà cộng đồng quan tâm.



Mục tiêu của buổi đối thoại cũng cần được làm rõ, như tìm kiếm giải pháp, lắng nghe ý kiến phản hồi, hay tạo ra sự đồng thuận.

2. Lập kế hoạch tổ chức: Xác định hình thức đối thoại (trực tiếp, trực tuyến), địa điểm, thời gian và đối tượng tham gia. Cần đảm bảo rằng buổi đối thoại có sự tham gia của đại diện các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, và người dân để đảm bảo tính đa dạng và phong phú trong ý kiến.

3. Thông tin và tuyên truyền: Trước khi diễn ra buổi đối thoại, cần thông báo rộng rãi đến cộng đồng về thời gian, địa điểm và nội dung của buổi đối thoại. Sử dụng các kênh truyền thông như mạng xã hội, báo chí, hoặc bảng tin công cộng để đảm bảo mọi người đều biết và có cơ hội tham gia.

4. Tổ chức buổi đối thoại: Trong buổi đối thoại, tạo điều kiện cho tất cả mọi người có thể phát biểu ý kiến. Cần có người điều phối để đảm bảo buổi đối thoại diễn ra suôn sẻ, đồng thời ghi nhận các ý kiến đóng góp. Đảm bảo môi trường đối thoại cởi mở, tôn trọng và không có sự phân biệt.

5. Ghi nhận và tổng hợp ý kiến: Sau khi kết thúc buổi đối thoại, cần tổng hợp các ý kiến, đề xuất và thảo luận. Việc này có thể được thực hiện qua biên bản ghi chép hoặc video ghi lại buổi đối thoại để đảm bảo tính minh bạch.

6. Phân tích và đưa ra giải pháp: Dựa trên các ý kiến thu thập được, các cơ quan chức năng cần phân tích và đưa ra các giải pháp cụ thể để giải quyết các vấn đề đã được nêu ra. Điều này có thể bao gồm việc điều chỉnh chính sách, cải tiến quy trình quản lý, hoặc tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát.

7. Thông báo kết quả: Sau khi có các giải pháp, cần thông báo đến cộng đồng về kết quả của buổi đối thoại và các bước tiếp theo. Điều này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch mà còn tạo ra sự tin tưởng từ phía người dân.

8. Theo dõi và đánh giá: Cuối cùng, cần có cơ chế theo dõi và đánh giá việc thực hiện các giải pháp đã đề ra. Điều này giúp đảm bảo rằng các ý kiến của người dân được thực hiện và có hiệu quả trong việc phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực. Bằng cách thực hiện các bước trên, đối thoại công khai sẽ trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc thúc đẩy sự minh bạch, trách nhiệm và sự tham gia của người dân trong quản lý nhà nước.

#### **4. Mô hình sử dụng công nghệ thông tin**

Mô hình sử dụng công nghệ thông tin trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí tại các cơ quan nhà nước là một hệ thống tích hợp các công nghệ hiện đại nhằm

nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và kiểm tra trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Mô hình này cần phải đảm bảo các yếu tố sau:

1. *Hệ thống quản lý dữ liệu*: Xây dựng các hệ thống quản lý dữ liệu tập trung để lưu trữ, xử lý và phân tích thông tin liên quan đến hoạt động của các cơ quan nhà nước. Điều này giúp dễ dàng theo dõi và phát hiện các dấu hiệu bất thường.

2. *Cổng thông tin điện tử*: Triển khai các cổng thông tin điện tử để cung cấp thông tin công khai về hoạt động, quyết định, quy trình và tài chính của các cơ quan nhà nước. Người dân có thể dễ dàng truy cập và giám sát các thông tin này.

3. *Phần mềm giám sát và kiểm tra*: Sử dụng phần mềm chuyên dụng để theo dõi, kiểm tra và đánh giá các hoạt động của cán bộ, công chức. Các phần mềm này có thể tích hợp với các hệ thống khác để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời.

4. *Hệ thống báo cáo trực tuyến*: Thiết lập các kênh báo cáo trực tuyến cho phép người dân và cán bộ, công chức có thể báo cáo các hành vi tham nhũng, tiêu cực một cách nhanh chóng và bảo mật.

5. *Phân tích dữ liệu lớn (Big Data)*: Áp dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn để phát hiện các mẫu hành vi, xu hướng tiêu cực và các dấu hiệu của tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

6. *Ứng dụng di động*: Phát triển các ứng dụng di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận thông tin, tham gia giám sát và báo cáo các hành vi vi phạm.

Cũng như những mô hình khác, mô hình này tăng cường tính minh bạch, giúp phát hiện sớm hành vi tham nhũng bởi công nghệ thông tin cho phép phân tích và theo dõi dữ liệu một cách hiệu quả, nâng cao hiệu quả quản lý và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, cũng như đảm bảo an ninh thông tin, ngăn chặn các hành vi lợi dụng công nghệ để thực hiện tham nhũng. Tóm lại, mô hình sử dụng công nghệ thông tin trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí tại các cơ quan nhà nước không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn góp phần xây dựng một nền hành chính minh bạch, trách nhiệm và hiện đại.

Để tiến hành mô hình sử dụng công nghệ thông tin trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí tại các cơ quan nhà nước thì cần đánh giá hiện trạng qua việc xác định các vấn đề hiện tại trong công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí, cũng như cần đánh giá hạ tầng công nghệ bằng việc kiểm tra cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện có, bao gồm phần cứng, phần mềm và mạng lưới.

Tiếp đến là lập kế hoạch triển khai bằng cách đặt ra các mục tiêu rõ ràng cho mô hình, lập ngân sách cho việc triển khai công nghệ thông tin, bao gồm chi phí phần mềm, phần cứng và đào tạo.

Sau khi lập kế hoạch xong thì việc cần làm là phát triển và triển khai hệ thống. Lúc này cần lựa chọn các công nghệ và phần mềm phù hợp với nhu cầu và mục tiêu đã xác định, xây dựng hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu, công nghệ thông tin điện tử, và các ứng dụng di động và thử nghiệm hệ thống.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các khóa đào tạo về sử dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng cần được tiến hành trước khi cung cấp tài liệu hướng dẫn và tổ chức các buổi tập huấn cho người dân về cách sử dụng các ứng dụng và cổng thông tin.

Giai đoạn tiếp theo là triển khai và giám sát: Khi mô hình và các hệ thống công nghệ thông tin đã phát triển và chính thức được triển khai thì các chỉ số và tiêu chí cần được thiết lập để có thể theo dõi mức độ hiệu quả của mô hình. Cần đánh giá định kỳ để phát hiện và khắc phục các vấn đề phát sinh.

Ngoài ra, cũng cần tăng cường sự tham gia của cộng đồng, khuyến khích người dân tham gia và báo cáo các hành vi tham nhũng, lãng phí thông qua các kênh trực tuyến. Bên cạnh đó, cũng cần thu thập phản hồi từ người dùng để cải tiến hệ thống và quy trình. Sau khi triển khai thành công, có thể mở rộng mô hình sang các lĩnh vực khác hoặc các cơ quan nhà nước khác.

Có thể thấy, bằng cách thực hiện các bước trên, mô hình sử dụng công nghệ thông tin trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí sẽ được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

## **5. Kết luận**

Tham nhũng, tiêu cực và lãng phí là những vấn đề mang tính toàn cầu, gây tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong quản lý nhà nước. Chúng không chỉ làm thất thoát nguồn lực quốc gia, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, mà còn xói mòn niềm tin của nhân dân đối với bộ máy công quyền. Do đó, công tác phòng, chống tham nhũng cần được triển khai một cách toàn diện, đồng bộ và bền vững, với sự tham gia của tất cả các chủ thể trong xã hội.

Qua phân tích, có thể thấy ba mô hình được trình bày trong tài liệu – mô hình kiểm tra, giám sát nội bộ, mô hình đối thoại công khai và mô hình ứng dụng công nghệ thông tin – đều mang lại những giá trị thiết thực và bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ thống

giải pháp liên kết. Tuy nhiên, để các mô hình này phát huy tối đa hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, cộng đồng và từng cá nhân. Cùng với đó là việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh tuyên truyền và giáo dục ý thức chống tham nhũng trong toàn xã hội.

Có thể khẳng định, phòng chống tham nhũng là một quá trình lâu dài, đòi hỏi quyết tâm chính trị mạnh mẽ, sự minh bạch trong hành động và sự đồng thuận của toàn dân. Khi mỗi cá nhân, tổ chức và cơ quan nhà nước đều nhận thức rõ trách nhiệm của mình, thực hiện nghiêm túc các quy định, đồng thời sẵn sàng hợp tác, chia sẻ thông tin và giám sát lẫn nhau, chúng ta sẽ tạo dựng được một môi trường quản lý công khai, minh bạch, liêm chính – nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Văn kiện Hội nghị Trung ương khóa XII
2. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
3. Đề xuất một số giải pháp về đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta giai đoạn từ nay đến năm 2020 / Nguyễn Diên và Trà Lý // Kiểm sát. Số 19/2006, tr. 13 - 16, 25
4. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật của Việt Nam / Ngô Mạnh Hùng // Thanh tra. Số 7/2018, tr. 5 - 9; Số 8/2018, tr. 5 - 9
5. Giải pháp hoàn thiện pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam / Trần Đăng Vinh // Thanh tra. Số 9/2011, tr. 9 - 11.
6. Tiếp tục đổi mới mô hình và phương thức phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay / Nguyễn Như Hùng // Cộng sản. Số 4/2013, tr. 28 - 31.

# TỪ CHỈ SỐ CORRUPTION PERCEPTIONS INDEX (CPI) Ở VIỆT NAM BÀN VỀ NHỮNG NỖ LỰC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Ths. Lê Thị Hoài Thương*<sup>282</sup>

**Tóm tắt :** *Tham nhũng là một trong những thách thức lớn nhất đối với quản trị công và phát triển bền vững. Chỉ số cảm nhận tham nhũng (Corruption Perceptions Index – CPI) do Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International) công bố hằng năm là công cụ quan trọng phản ánh mức độ cảm nhận về tham nhũng trong khu vực công trên phạm vi toàn cầu. Việt Nam trong những năm gần đây có sự cải thiện đáng kể về điểm số CPI, từ mức 31 điểm năm 2012 lên 40 điểm năm 2024<sup>283</sup>, song vẫn duy trì dưới mức trung bình toàn cầu. Bài viết này phân tích diễn biến CPI của Việt Nam giai đoạn 2012–2024, và khái quát kết quả thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) dưới quyết tâm chỉ đạo cao của Đảng, Nhà nước ta về PCTN. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra nhận xét, đánh giá về nỗ lực và thách thức còn tồn tại, đồng thời kiến nghị giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả PCTN, hướng tới một nền hành chính minh bạch, liêm chính và phát triển bền vững.*

## **Đặt vấn đề**

Trong tiến trình phát triển quốc gia, tham nhũng luôn được xác định là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và đặc biệt là việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực đã thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ trong xử lý vấn nạn này. Tuy nhiên, tham nhũng không chỉ được nhìn nhận từ góc độ pháp luật, mà còn phải đánh giá dưới lăng kính quốc tế để so sánh và xác định vị thế quốc gia trong phòng, chống tham nhũng.

Chỉ số CPI là một trong những công cụ hữu ích, tuy không phản ánh toàn diện thực trạng tham nhũng nhưng lại thể hiện được mức độ cảm nhận của xã hội và cộng đồng quốc tế. Việt Nam nhiều năm qua đã có cải thiện, song tiến độ còn chậm và chưa ổn định. Câu hỏi đặt ra: Những yếu tố nào đã thúc đẩy cải thiện CPI của Việt Nam? Liệu các biện pháp PCTN hiện nay đã đủ hiệu quả?

## **1. Bức tranh về CPI của Việt Nam qua các năm từ 2012–2024**

---

<sup>282</sup> Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

<sup>283</sup> (<https://www.transparency.org/en/cpi>).

Dữ liệu từ Transparency International cho thấy CPI của Việt Nam có sự cải thiện nhưng dao động theo chu kỳ: từ 31 điểm năm 2012, tăng dần qua các năm và đạt 42 điểm năm 2022, sau đó giảm nhẹ còn 40 điểm vào năm 2024.

**Bảng 1. Điểm số CPI của Việt Nam giai đoạn 2012–2024**

| Năm  | CPI (0–100) | Xếp hạng/180 |
|------|-------------|--------------|
| 2012 | 31          | 123          |
| 2015 | 31          | 112          |
| 2016 | 33          | 113          |
| 2020 | 35          | 104          |
| 2021 | 38          | 87           |
| 2022 | 42          | 77           |
| 2023 | 41          | 83           |
| 2024 | 40          | 88           |

( Nguồn : Tổng hợp từ kết quả Báo cáo số liệu "**Corruption Perceptions Index (CPI)**" trên trang web chính thức của Transparency International qua các năm từ 2015- 2024)

Kết quả CPI của Việt Nam thực sự được cải thiện và tăng dần trong giai đoạn 2016–2022, phản ánh kết quả của các cải cách thể chế và quyết tâm chính trị trong PCTN, song hai năm gần đây có sự chững lại. Tuy nhiên, CPI của nước ta so với với điểm CPI trung bình toàn cầu (43 điểm năm 2023) và các nước trong khu vực Đông Nam Á như Singapore (83 điểm) hay Malaysia (47 điểm) thì Việt Nam còn thấp hơn nhiều. Sự giảm nhẹ năm 2023–2024 phản ánh những quan ngại của cộng đồng quốc tế về tính minh bạch, hiệu quả thực thi pháp luật và môi trường kinh doanh.

**Bảng 2: So sánh CPI trung bình của Việt Nam với CPI Khu vực ASEAN**

| Năm  | Điểm CPI Việt Nam | Trung bình khu vực (Asia-Pacific) |
|------|-------------------|-----------------------------------|
| 2020 | ~36               | ~42 (ASEAN)                       |
| 2024 | 40                | 44.48                             |

(Nguồn : Nguồn : Báo cáo số liệu "**Corruption Perceptions Index (CPI)**" trên trang web chính thức của Transparency International)

**2. Khung thể chế và nỗ lực thực thi của nước ta trong phòng, chống tham nhũng**

**2.1. Về khung thể chế PCTN ở Việt Nam**

Hiện nay, cả ba trụ cột – tăng cường cơ chế chỉ đạo, hoàn thiện pháp luật, và triển khai chiến lược quốc gia về PCTN – đã tạo nên một khung thể chế PCTN ngày càng chặt chẽ, toàn diện và phù hợp với yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

***Thứ nhất, tăng cường cơ chế chỉ đạo của hệ thống chính trị***

Củng cố cơ chế chỉ đạo, điều phối của hệ thống chính trị đối với công tác PCTN là bước đi mang tính đột phá. Năm 2021, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Quy định số 32-QĐ/TW, xác lập vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đặt cơ quan này vào vị trí trung tâm trong lãnh đạo, điều phối công tác PCTN trên toàn quốc. Tiếp đó, Quy định số 67-QĐ/TW năm 2022 mở rộng mô hình xuống cấp tỉnh, thành lập các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, giúp tăng cường “cánh tay nối dài” trong triển khai ở địa phương. Đặc biệt, Nghị quyết số 27-NQ/TW năm 2022 về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam nhấn mạnh vai trò kiểm soát quyền lực nhà nước, coi đây là giải pháp căn bản để ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị của Bộ Chính trị năm 2023, Quy định 114-QĐ/TW năm 2023 về tăng cường công khai, minh bạch và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ đã bổ sung một trụ cột quan trọng cho PCTN: quản lý và giám sát chặt chẽ đội ngũ cán bộ – những người nắm giữ quyền lực và dễ phát sinh nguy cơ tham nhũng. Điều này chứng minh PCTN không chỉ là vấn đề pháp luật, mà còn là công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với quản lý nhân sự và kiểm soát quyền lực. Gần đây nhất, Quy định 231-QĐ/TW năm 2025 đã bổ sung một trụ cột nhân văn trong cơ chế PCTN, đó là bảo vệ người dũng cảm tố cáo tham nhũng. Đây là điểm tiến bộ quan trọng, khuyến khích xã hội tham gia mạnh mẽ hơn vào giám sát, đồng thời giảm thiểu rủi ro, áp lực cho những cá nhân trực tiếp chống lại lợi ích nhóm, tham nhũng quyền lực.

***Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN***

Năm 2018 Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành, là một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hoàn thiện thể chế PCTN ở Việt Nam. So với các giai đoạn trước, đạo luật này đã mở rộng phạm vi điều chỉnh không chỉ bó hẹp trong khu vực nhà nước mà còn bước đầu điều chỉnh khu vực ngoài nhà nước – nơi tiềm ẩn nhiều nguy cơ tham nhũng trong các hoạt động đấu thầu, hợp đồng, tín dụng. Điểm nổi bật của Luật là chuyển mạnh từ tư duy “xử lý” sang “phòng ngừa”, nhấn mạnh minh bạch hóa hoạt động công vụ, kiểm soát tài sản – thu nhập, cơ chế kê khai và công khai tài sản, phòng ngừa xung đột lợi ích. Đồng thời, Luật siết chặt các quy định về xử lý hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng, tạo nền tảng pháp lý để các cơ quan chức năng áp dụng biện pháp mạnh

mẽ hơn. Có thể nhận định, Luật PCTN 2018 đã tạo ra “khung thể chế thể hệ mới”, đồng bộ hơn, khắc phục những lỗ hổng của giai đoạn trước, góp phần nâng cao hiệu quả PCTN ở Việt Nam.

***Thứ ba, xây dựng và thực hiện chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2030***

Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030, được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2024. Chiến lược này đặt trọng tâm vào ba định hướng then chốt: (i) số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát hoạt động công vụ, góp phần giảm thiểu cơ hội tham nhũng; (ii) công khai, minh bạch trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như quản lý đất đai, đầu tư công, đấu thầu, tài chính – ngân sách; và (iii) kiểm soát rủi ro tham nhũng trong các lĩnh vực mới nổi, đặc biệt là chuyển dịch năng lượng và phát triển bền vững. Đây là bước cụ thể hóa tinh thần hội nhập quốc tế, đồng thời gắn với các chuẩn mực của Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC). Có thể đánh giá, chiến lược này không chỉ củng cố nền tảng pháp lý, cơ chế chỉ đạo mà còn định hình một “tầm nhìn dài hạn” nhằm bảo đảm công tác PCTN vừa hiệu quả, vừa thích ứng với bối cảnh mới của đất nước.

***2.2. Kết quả thực thi công tác phòng, chống tham nhũng***

Theo Báo cáo của Chính phủ năm 2024, các cơ quan tiến hành tố tụng đã xử lý tổng cộng 13.753 vụ án về kinh tế, chức vụ và tham nhũng, với 27.138 bị can. Trong số này, riêng tội phạm tham nhũng chiếm 906 vụ án với 2.006 bị can. Những con số này cho thấy công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam thời gian qua đã được đẩy mạnh cả về phạm vi và mức độ xử lý.

**Bảng 3. Số vụ án về tham nhũng năm 2024**

| Chỉ tiêu                                   | Số vụ  | Số bị can |
|--------------------------------------------|--------|-----------|
| Tổng số vụ án kinh tế, chức vụ, tham nhũng | 13.753 | 27.138    |
| Riêng tội phạm tham nhũng                  | 906    | 2.006     |

*(Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, 31/12/2024)*

Số liệu trên phản ánh hai điểm đáng chú ý. Thứ nhất, tham nhũng vẫn chiếm tỷ lệ nhất định trong cơ cấu các loại tội phạm về kinh tế và chức vụ, thể hiện tính chất phức tạp, dai dẳng và khó triệt tiêu hoàn toàn. Thứ hai, việc phát hiện và xử lý trên 900 vụ án tham nhũng trong một năm cho thấy quyết tâm chính trị rất cao của Đảng, Nhà nước trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đặc biệt là chủ trương “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong xử lý tham nhũng, tiêu cực.



Tuy nhiên, từ góc độ khoa học quản lý, có thể nhận thấy rằng mặc dù số vụ án được phát hiện, xử lý là lớn, nhưng tình hình tham nhũng chưa có dấu hiệu giảm mạnh, điều này phản ánh sự cần thiết của các giải pháp phòng ngừa mang tính bền vững hơn, như hoàn thiện thể chế, minh bạch hóa hoạt động công quyền, tăng cường kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức. Các vụ án kinh tế và chức vụ chiếm đa số trong tổng số vụ việc được phát hiện cũng cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa tham nhũng và các dạng thức sai phạm kinh tế - tài chính, đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa công tác kiểm toán, thanh tra và các thiết chế tư pháp.

Nhìn chung, kết quả năm 2024 cho thấy nỗ lực chống tham nhũng đã được đẩy mạnh về chiều rộng và chiều sâu, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, để các kết quả này thực sự bền vững, cần tập trung nhiều hơn vào khâu phòng ngừa, khắc phục “đất sống” cho tham nhũng trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư công, tài chính – ngân hàng.

### ***Công tác thanh tra, kiểm toán, thu hồi tài sản***

Trong năm 2024, công tác thanh tra chuyên đề, kiểm toán và kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức đã được mở rộng cả về phạm vi và phương thức thực hiện. Các cuộc thanh tra tập trung nhiều vào lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư công, tài chính – ngân hàng, qua đó kịp thời phát hiện nhiều sai phạm, góp phần ngăn ngừa hành vi tham nhũng ngay từ khâu quản lý. Đồng thời, việc kiểm toán nhà nước cũng được tăng cường, không chỉ dừng lại ở kiểm toán tài chính mà còn mở rộng sang kiểm toán hoạt động, hiệu quả sử dụng ngân sách, giúp phát hiện những lỗ hổng tiềm ẩn tạo điều kiện cho tham nhũng, lãng phí. Đặc biệt, cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức ngày càng được hoàn thiện, thể hiện rõ quyết tâm xây dựng nền hành chính minh bạch, trách nhiệm giải trình cao.

Tuy nhiên, một hạn chế lớn hiện nay là công tác thu hồi tài sản tham nhũng còn gặp nhiều khó khăn. Báo cáo của Chính phủ và kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã chỉ rõ: tỷ lệ thu hồi tài sản từ các vụ án tham nhũng chưa tương xứng với giá trị thiệt hại. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những bất cập trong năng lực điều tra tài chính, đặc biệt là việc truy tìm, phong tỏa, định giá và xử lý tài sản bị che giấu dưới nhiều hình thức tinh vi. Ngoài ra, khó khăn trong hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản xuyên biên giới cũng làm giảm hiệu quả. Thực tiễn cho thấy nhiều trường hợp đối tượng tham nhũng tẩu tán tài sản ra nước ngoài, nhưng cơ

chế phối hợp, chia sẻ thông tin với các quốc gia khác còn hạn chế, khiến việc thu hồi gặp bế tắc.

**Bảng 4: Công tác thanh tra, thu hồi tài sản**

| Nội dung chi tiết                        | Số liệu nổi bật / Tỷ lệ (%)                                        |
|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Thi hành án dân sự (năm 2024 – tiền)     | >116.531 tỉ đồng – 51,84 %                                         |
| Thu hồi tài sản tham nhũng (2024)        | >22.177 tỉ đồng                                                    |
| Kê khai tài sản (2020–2024)              | 2.060.550 người, 98 % công khai, 147 người kỷ luật                 |
| Người đứng đầu bị xử lý, số tiền thu hồi | 264 người kỷ luật, 73 người hình sự, >4.572 nghìn tỉ               |
| Thu hồi tại địa phương (2022)            | 53,3 % yêu cầu; mức thấp hơn 2020/2021; 3 địa phương đạt tuyệt đối |
| Tiến độ thi hành án hình sự (2024)       | 12.877 việc phải thi hành, 9.211 việc đã xong                      |

**Nguồn:** Số liệu tổng hợp từ các báo cáo chính thức: Báo cáo Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao và các văn bản trình hội nghị, kỳ họp Quốc hội.

### **3. Đánh giá chung về những nỗ lực và thách thức về công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) của Việt Nam**

#### **3.1. Thành tựu**

Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao vị thế và uy tín quốc tế. Trước hết, chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) do Tổ chức Minh bạch Quốc tế công bố ghi nhận mức cải thiện, phản ánh sự tiến bộ về minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy các biện pháp PCTN không chỉ dừng lại ở các cam kết chính trị mà đã được thể hiện ở những kết quả cụ thể có thể đo lường. Song song đó, công tác phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng được đẩy mạnh với nhiều vụ án lớn được đưa ra ánh sáng, trong đó có sự xử lý nghiêm khắc đối với một số cán bộ cấp cao. Điều này thể hiện quyết tâm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” của Đảng và Nhà nước, đồng thời củng cố niềm tin xã hội vào tính nghiêm minh của pháp luật.

Một thành tựu khác là sự hình thành cơ chế phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa các cơ quan có chức năng PCTN như kiểm toán, thanh tra, công an, viện kiểm sát và tòa án.

Việc chia sẻ thông tin, đồng bộ hóa các biện pháp nghiệp vụ đã nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý sai phạm, giảm thiểu tình trạng chồng chéo, bỏ sót hoặc xử lý kéo dài. Đây là bước tiến quan trọng về thể chế, góp phần đưa công tác PCTN trở thành một chỉnh thể thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị.

### *3.2. Thách thức*

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác PCTN vẫn đối mặt với nhiều thách thức lớn. Trước hết, điểm CPI của Việt Nam dù có cải thiện nhưng vẫn ở dưới mức trung bình toàn cầu, phản ánh những hạn chế mang tính cơ cấu trong việc kiểm soát tham nhũng. Công tác phòng ngừa tham nhũng còn nhiều điểm yếu, khi các biện pháp chủ yếu tập trung vào xử lý hậu quả thay vì ngăn chặn ngay từ khâu hoạch định và thực thi chính sách. Đặc biệt, việc kê khai và kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức tuy đã có khung pháp lý tương đối đầy đủ nhưng trên thực tế còn mang tính hình thức, tỷ lệ hồ sơ được xác minh thực chất rất thấp, làm giảm hiệu quả phòng ngừa tham nhũng thông qua minh bạch tài sản.

Một điểm nghẽn khác nằm ở sự phối hợp quốc tế trong PCTN, nhất là trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng chuyển ra nước ngoài. Do những hạn chế về điều tra tài chính xuyên biên giới, khác biệt về pháp luật quốc gia và sự thiếu gắn kết trong hợp tác quốc tế, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng vẫn còn rất khiêm tốn. Đây là vấn đề cần được quan tâm đặc biệt trong bối cảnh tham nhũng ngày càng mang tính chất xuyên quốc gia, gắn liền với rửa tiền và các hành vi kinh tế ngầm.

Như vậy, có thể thấy Việt Nam đã tạo dựng được nền tảng pháp lý và cơ chế phối hợp khá toàn diện cho công tác PCTN, đồng thời đạt nhiều thành tựu nổi bật trong xử lý vi phạm. Tuy nhiên, thách thức về tính bền vững của các kết quả, sự hiệu quả trong phòng ngừa và đặc biệt là khâu kiểm soát tài sản, thu nhập, cũng như hợp tác quốc tế, vẫn là những yếu tố quyết định cần được cải thiện để nâng cao hiệu quả PCTN trong giai đoạn tới.

## **4. Một số giải pháp trọng tâm về phòng, chống tham nhũng hiện nay**

Công cuộc phòng, chống tham nhũng (PCTN) tại Việt Nam trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện qua sự cải thiện rõ rệt của Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) do Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) công bố. Sự tăng điểm và thứ hạng này là minh chứng cho quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong việc xử lý nghiêm minh các vụ án tham nhũng lớn, không có "vùng cấm" hay

"ngoại lệ. Những kết quả này không chỉ củng cố niềm tin của người dân mà còn góp phần nâng cao uy tín quốc gia trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, tham nhũng vẫn là một thách thức lớn, phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Thực trạng này đòi hỏi công tác PCTN phải chuyển từ việc chủ yếu tập trung vào xử lý sang một chiến lược toàn diện, lấy phòng ngừa là giải pháp căn bản và lâu dài.

**Một là, hoàn thiện thể chế và kiểm soát quyền lực:** Cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về PCTN, đặc biệt là các quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Việc siết chặt quy trình bổ nhiệm, luân chuyển và giám sát quyền hạn của người đứng đầu sẽ giảm thiểu các kẽ hở pháp lý, ngăn chặn tham nhũng từ gốc.

**Hai là, đẩy mạnh công khai, minh bạch và ứng dụng công nghệ:** Việc công khai minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức cần được triển khai một cách hiệu quả hơn, có cơ chế xác minh rõ ràng và chế tài xử lý nghiêm đối với hành vi kê khai không trung thực. Đồng thời, ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước và thanh toán không dùng tiền mặt sẽ hạn chế tối đa các giao dịch tiền mặt, giảm cơ hội phát sinh tham nhũng vật và hối lộ.

**Ba là, tăng cường hợp tác quốc tế:** Trong bối cảnh tham nhũng xuyên quốc gia ngày càng gia tăng, việc mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong điều tra, truy tố tội phạm tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng là rất quan trọng. Điều này không chỉ thể hiện cam kết của Việt Nam đối với Công ước Liên Hợp Quốc về Chống tham nhũng (UNCAC) mà còn củng cố năng lực thực thi pháp luật quốc gia.

**Bốn là, phát huy vai trò của xã hội:** thúc đẩy vai trò của các tổ chức xã hội, báo chí và người dân trong việc giám sát quyền lực công là một trong những giải pháp then chốt để đảm bảo tính khách quan và hiệu quả của công tác PCTN.

Cuộc đấu tranh PCTN ở Việt Nam đang bước vào một giai đoạn mới, mang tính quyết định. Với sự kiên định về ý chí chính trị, sự đồng lòng của toàn xã hội và việc thực hiện đồng bộ các giải pháp cải cách thể chế, quản trị công, Việt Nam sẽ đạt được mục tiêu xây dựng một Nhà nước liêm chính, kiến tạo, và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Nội chính Trung ương (2023). *Tài liệu tổng kết công tác PCTN, tiêu cực*.
2. Bộ Chính trị (2023). *Chỉ thị về tăng cường công khai, minh bạch và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ*.

3. Chính phủ (2024). *Báo cáo công tác PCTN năm 2024*. Cổng thông tin điện tử Chính phủ Việt Nam.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*.
5. Quốc hội (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng 2018*.
- 6, Transparency International (2025). *Corruption Perceptions Index (CPI)*. Truy cập tại: <https://www.transparency.org/en/cpi>

# **ĐÁNH GIÁ ĐỘ MẠNH CỦA CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**ThS. Nguyễn Ngọc Toán<sup>284</sup>**

**Tóm tắt:** Bài viết xây dựng khung tiêu chí đánh giá “độ mạnh” của cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng (PCTN) gồm 10 nhóm: (1) Cơ sở pháp lý & nhiệm vụ; (2) Vị trí, mức độ độc lập chức năng; (3) Nguồn lực; (4) Điều phối liên ngành; (5) Thực thi và kết quả xử lý; (6) Thu hồi tài sản; (7) Phòng ngừa, liêm chính công; (8) Bảo vệ người tố cáo; (9) Minh bạch–trách nhiệm giải trình; (10) Hợp tác quốc tế và số hóa. Mỗi tiêu chí được chấm theo thang 0–5 với mô tả mức. Áp dụng cho Việt Nam cho thấy: khuôn khổ pháp luật tương đối đầy đủ (Luật PCTN 2018, các quy định của Đảng), mô hình chỉ đạo tập trung (Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực) cho phép thúc đẩy xử lý các vụ án lớn; số liệu về phát hiện–xử lý tăng, thu hồi tài sản có cải thiện. Tuy nhiên, còn thách thức về bảo vệ người tố cáo, xung đột lợi ích/kê khai tài sản, tính độc lập vận hành của một số khâu, và tính công khai dữ liệu. Bài viết kiến nghị củng cố thể chế kiểm soát tài sản, thu nhập, cơ chế bảo vệ người tố giác, chuẩn dữ liệu mở, và chuẩn hóa đánh giá hiệu năng liên ngành.

**Từ khóa:** Chống tham nhũng; cơ quan chuyên trách; đánh giá thể chế; thu hồi tài sản; Việt Nam.

## **1. Đặt vấn đề**

Chống tham nhũng hiệu quả đòi hỏi cơ quan chuyên trách có đủ thẩm quyền, nguồn lực, tính độc lập chức năng và khả năng phối hợp điều tra–truy tố–xét xử–thi hành án, đồng thời dẫn dắt trụ cột phòng ngừa. Việt Nam đã triển khai chiến dịch PCTN mạnh mẽ trong thập niên qua, với cấu trúc thể chế gồm: Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực (BCĐTW) trực thuộc Đảng; Thanh tra Chính phủ (TTCP); Kiểm toán Nhà nước; các cơ quan điều tra chuyên trách về tham nhũng (C03, Bộ Công an), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao; cùng hệ thống thanh tra/kiểm tra Đảng. Khuôn khổ pháp lý trung tâm là Luật PCTN 2018, có hiệu lực từ 01/07/2019, điều chỉnh cả phòng ngừa, phát hiện, xử lý và kiểm soát tài sản, thu nhập[1] [Văn bản Chính phủ][1], [VBPL][2], [THƯ VIỆN PHÁP LUẬT][3].

---

<sup>284</sup> Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Gần đây, Quy định số 191-QĐ/TW (29/10/2024) tiếp tục cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc và quan hệ công tác của BCĐTW [2] [Ban Nội Chính Trung ương][4].

Trên bình diện kết quả, các chỉ báo quốc tế ghi nhận tiến bộ có chọn lọc nhưng cũng nêu thách thức: CPI 2024 của Transparency International chấm Việt Nam 40/100, xếp hạng 88/180 [3] [Transparency.org][5]; WJP Rule of Law Index 2024 cho thấy vị trí của Việt Nam ở nhóm giữa về “Absence of Corruption” [4],[5] [World Justice Project][6] . Các chỉ báo này không phản ánh toàn bộ nỗ lực cường chế gần đây, song là thước đo hữu ích để đánh giá kết quả đầu ra và cảm nhận rủi ro tham nhũng.

## **2. Tổng quan nghiên cứu và chuẩn mực quốc tế**

Các nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng “độ mạnh” của cơ quan PCTN gắn với (i) nhiệm vụ rõ ràng (điều tra/điều phối/giáo dục phòng ngừa), (ii) quyền hạn bảo đảm, (iii) nguồn lực độc lập, (iv) cơ chế phối hợp hiệu quả, và (v) trách nhiệm giải trình công [6],[7]. Chuẩn mực UNCAC yêu cầu quốc gia có cơ quan/điểm mấu chốt phòng ngừa và cơ quan thực thi, cùng các thiết chế thu hồi tài sản, bảo vệ người tố cáo, hợp tác quốc tế [8] [unodc.org][7] và UNCAC Coalition[8] .

Trong bối cảnh Việt Nam, các công trình gần đây phân tích chiến dịch “đốt lò” và tác động chính trị, kinh tế [9], nghiên cứu diễn ngôn PCTN [10], và các bài viết học thuật về thể chế chống tham nhũng [11].

## **3. Khung phương pháp và tiêu chí đánh giá**

### **3.1. Thang điểm**

Mỗi tiêu chí chấm 0–5:

- \* 0–1: Rất yếu/yếu (thiếu cơ sở pháp lý/nguồn lực/quyền hạn).
- \* 2–3: Trung bình (có khung cơ bản, kết quả không đồng đều).
- \* 4–5: Mạnh/rất mạnh (thể chế đầy đủ, thực thi nhất quán, dữ liệu công khai, kết quả bền vững).

### **3.2. Mười tiêu chí**

1. Cơ sở pháp lý và nhiệm vụ (Luật, Quy định của Đảng, hướng dẫn dưới luật)

2. Vị trí, mức độ độc lập chức năng (tránh can thiệp không thích đáng, cơ chế kiểm soát, đối trọng)
3. Nguồn lực (biên chế, ngân sách, kỹ thuật số, đào tạo chuyên sâu)
4. Điều phối liên ngành (TTCP–C03–VKS–TAND–Thi hành án–Kiểm toán–Kiểm tra Đảng)
5. Thực thi và đầu ra cưỡng chế (khởi tố, truy tố, xét xử, án điểm)
6. Thu hồi tài sản (tỷ lệ thu hồi, truy tìm tài sản xuyên biên giới)
7. Phòng ngừa và liêm chính công (kiểm soát xung đột lợi ích, công khai–minh bạch, luân chuyển vị trí nhạy cảm, e-Procurement)
8. Bảo vệ người tố cáo/nhà báo (cơ chế pháp lý, thực thi)
9. Minh bạch và trách nhiệm giải trình (dữ liệu mở, báo cáo định kỳ)
10. Hợp tác quốc tế và số hóa (UNCAC, tương trợ tư pháp, dữ liệu/forensics, GovTech)

#### **4. Áp dụng khung đánh giá cho Việt Nam**

##### **4.1. (1) Cơ sở pháp lý và nhiệm vụ — Điểm: 4/5**

\* Luật PCTN 2018 điều chỉnh toàn diện: phòng ngừa, phát hiện, xử lý; kiểm soát tài sản, thu nhập; trách nhiệm khu vực tư; hợp tác quốc tế [1], [12].

\* Quy định 191-QĐ/TW (2024) cập nhật chức năng, nhiệm vụ và cơ chế làm việc của BCĐTW [2], [4].

\* Một số nghị định/thông tư hướng dẫn còn cần chuẩn hóa dữ liệu, quy trình bảo vệ người tố giác (xem thêm mục 8).

##### **4.2. (2) Vị trí và độc lập chức năng — Điểm: 3.5/5**

\* Mô hình BCĐTW do Tổng Bí thư làm Trưởng ban giúp chỉ đạo thống nhất, “kéo” các khâu thanh tra–kiểm toán–điều tra–truy tố–xét xử với các “vụ án, vụ việc trọng điểm” [2], [12], [4].

\* Tính độc lập tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng được Hiến định, song thực tiễn phối hợp chặt chẽ theo chỉ đạo chiến dịch có thể đặt ra yêu cầu minh bạch hóa tiêu chí lựa chọn vụ việc.

##### **4.3. (3) Nguồn lực — Điểm: 3.5/5**



\* Quy mô hoạt động cho thấy năng lực triển khai lớn: 6 tháng đầu năm 2024 phát hiện >3.000 vụ phạm tội tham nhũng–kinh tế–buôn lậu, >4.900 đối tượng [13].

\* Ngành thanh tra 6T/2024 triển khai 3.910 cuộc thanh tra hành chính và 58.025 cuộc thanh tra/kiểm tra chuyên ngành [14].

\* Cần tăng đầu tư kỹ thuật truy vết tài sản, phân tích dữ liệu tài chính, và nhân lực điều tra tài chính nâng cao.

#### **4.4. (4) Điều phối liên ngành — Điểm: 4/5**

\* BCĐTW tổ chức các phiên họp định kỳ (ví dụ Phiên thứ 25, 01/02/2024 ) để rà soát vụ án/vụ việc, kiểm tra theo kế hoạch 35-KH/BCĐTW, kiến nghị kiểm toán–thanh tra theo chuyên đề [12], [15], [16], [14] .

\* Yếu tố cần củng cố: quy trình chia sẻ dữ liệu số liên ngành và chuẩn báo cáo công khai

#### **4.5. (5) Thực thi & đầu ra cưỡng chế — Điểm: 4/5**

\* Năm 2023, tòa án tuyên thu hồi 1.859 tỷ đồng đối với 761 bị cáo trong 216 vụ án kinh tế, tham nhũng ; xét xử nhiều vụ án lớn (đấu thầu Bệnh viện Tim Hà Nội, Cục Lãnh sự...) [17], [18].

\* Nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng gây chú ý công luận; điển hình vụ Vạn Thịnh Phát/SCB với mức án rất nghiêm khắc, cho thấy quyết tâm xử lý tội phạm tham nhũng, gian lận tài chính quy mô lớn [19][20] [AP News][19] .

#### **4.6. (6) Thu hồi tài sản — Điểm: 3.5/5**

\* Kết quả thi hành án dân sự 2023 : số tiền đã thi hành xong >89,4 nghìn tỷ đồng , trong đó thu hồi tài sản các vụ án kinh tế–tham nhũng tăng >6.038 tỷ đồng so với 2022 [21], [20] .

\* Ngành Kiểm sát từng báo cáo thu hồi gần 87% tài sản trong các vụ án tham nhũng (6T/2023)[22], [21]. Tuy nhiên, số liệu nhất quán theo năm và theo vụ án vẫn cần chuẩn hóa, đặc biệt với tài sản chuyển dịch xuyên biên giới.

#### **4.7. (7) Phòng ngừa & liên chính công — Điểm: 3/5**

\* Luật 2018 đặt ra cơ chế kê khai tài sản, thu nhập, xung đột lợi ích, chuyển đổi vị trí công tác [1], [12] .

\* Kiểm tra, kỷ luật trong Đảng mở rộng phạm vi: năm 2023 có 606 tổ chức đảng và 24.162 đảng viên bị kỷ luật; 19 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị kỷ luật, lần đầu có trường hợp do vi phạm kê khai tài sản [23], [22] .

\* Cần cải thiện minh bạch hóa thực thi kiểm soát xung đột lợi ích và chuẩn dữ liệu kê khai.

#### **4.8. (8) Bảo vệ người tố cáo/nhà báo — Điểm: 2.5/5**

\* Khuôn khổ pháp luật hiện hành có quy định về bảo vệ người tố cáo, song các đánh giá quốc tế còn quan ngại về hiệu lực bảo vệ trên thực tế và các rào cản thể chế [24], [3], [4], [23], [5], [6] .

\* Đề xuất mới của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về quy định bảo vệ người tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đang được thúc đẩy [25], [24].

#### **4.9. (9) Minh bạch & trách nhiệm giải trình — Điểm: 3/5**

\* Có nhiều thông cáo–báo cáo của TTCP và các cơ quan tố tụng về kết quả công tác hàng năm [16], [26], [25].

\* Cần củng cố dữ liệu mở thống nhất cho thống kê PCTN (khởi tố–truy tố–xét xử–thi hành án–thu hồi tài sản) để chuẩn hóa so sánh theo thời gian và địa phương.

#### **4.10. (10) Hợp tác quốc tế & số hóa — Điểm: 3.5/5**

\* Việt Nam là thành viên UNCAC , đã trải qua các vòng đánh giá thực thi (IRG) và có hồ sơ công bố; yêu cầu tăng cường hợp tác tương trợ tư pháp, truy tìm tài sản [8], [7].

\* Ứng dụng chính phủ điện tử/chuyển đổi số đóng vai trò giảm tiếp xúc trực tiếp, nhưng cần mở rộng tích hợp dữ liệu tài chính–mua sắm công, và công cụ phân tích bất thường.

Tổng hợp điểm (trên 50):  $4 + 3.5 + 3.5 + 4 + 4 + 3.5 + 3 + 2.5 + 3 + 3.5 = 34.5/50 \rightarrow$  Mức “khá mạnh” , với các “nút thắt” chính ở bảo vệ người tố cáo , minh bạch dữ liệu , chuẩn hóa kiểm soát xung đột lợi ích .

### **5. Thảo luận: Đối chiếu kết quả và cảm nhận rủi ro**

Mặc dù cường chế mạnh tay và số vụ việc lớn được đưa ra xử lý, CPI 2024 của Việt Nam ở mức 40/100 (hạng 88/180) [3], và WJP 2024 xếp hạng “Absence of Corruption” của Việt Nam ở nhóm giữa [4], [5]. Điều này gợi ý: (i) năng lực

cưỡng chế đang gia tăng, nhưng (ii) nhận nhận/niềm tin về rủi ro tham nhũng, nhất là trong khu vực công và khâu mua sắm–đầu tư, vẫn còn thách thức; (iii) minh bạch dữ liệu và bảo vệ người tố giác là đòn bẩy quan trọng để cải thiện cảm nhận và thực chất quản trị [5], [6].

## **6. Kiến nghị chính sách**

1. Thể chế hóa bảo vệ người tố cáo ở mức vận hành: cơ chế điểm liên hệ an toàn, chuyển kênh tố giác sang nền tảng số bảo mật, chế tài nghiêm mọi hành vi trả thù; hoàn tất và ban hành quy phạm nội bộ mới của Đảng và Nhà nước như định hướng của UBKT Trung ương [25], [24] .

2. Chuẩn dữ liệu mở PCTN: xây dựng bảng chỉ số kết quả PCTN quốc gia (định nghĩa trường dữ liệu, tần suất công bố, phân tổ theo cấp/địa phương/loại tội phạm); công bố tỷ lệ thu hồi tài sản theo từng vụ án lớn và theo năm; tích hợp dữ liệu TTCP–C03–VKS–TAND–THADS–Kiểm toán.

3. Tăng cường kiểm soát xung đột lợi ích & kê khai tài sản, thu nhập: hoàn thiện cơ chế xác minh ngẫu nhiên có trọng số rủi ro; công khai tối đa trong phạm vi cho phép; xử lý nghiêm hành vi kê khai gian dối (thực tiễn năm 2023 đã có tiền lệ kỷ luật cán bộ diện Trung ương vì vi phạm kê khai) [23], [22].

4. Nâng năng lực điều tra tài chính & thu hồi tài sản xuyên biên giới: mở rộng đội ngũ phân tích dữ liệu tài chính, hợp tác với mạng lưới Asset Recovery theo khuyến nghị UNCAC; áp dụng công cụ theo dõi tài sản số, pháp nhân ẩn danh; mục tiêu tăng bền vững tỷ lệ thu hồi [21], [22].

5. Củng cố phối hợp liên ngành dưới điều phối BCĐTW qua quy trình chuẩn chia sẻ dữ liệu và “dashboard” quản trị vụ án/vụ việc; đồng thời bảo đảm ranh giới độc lập tổ tụng.

## **7. Kết luận**

Theo khung 10 tiêu chí, cơ quan chuyên trách PCTN ở Việt Nam hiện đạt mức khá mạnh nhờ nền tảng pháp lý tương đối đầy đủ, mô hình chỉ đạo tập trung và kết quả cưỡng chế nổi bật ở một số vụ án lớn; thu hồi tài sản cải thiện. Các ưu tiên tiếp theo là bảo vệ người tố cáo , chuẩn dữ liệu mở–trách nhiệm giải trình ,

kiểm soát xung đột lợi ích và nâng năng lực điều tra tài chính để chuyển từ “chiến dịch” sang hiệu quả bền vững.

#### **Phụ lục A. Ma trận chấm điểm (0–5) – Việt Nam hiện nay**

| Tiêu chí                | Mô tả tóm tắt                                                  | Điểm |
|-------------------------|----------------------------------------------------------------|------|
| -----                   | -----                                                          | ---- |
| 1. Pháp lý–nhiệm vụ     | Luật 2018; Quy định 191-QĐ/TW; hướng dẫn                       | 4.0  |
| 2. Vị trí–độc lập       | Chỉ đạo tập trung; yêu cầu minh bạch tiêu chí lựa chọn vụ      | 3.5  |
| 3. Nguồn lực            | Quy mô thanh tra/điều tra lớn; cần tăng điều tra tài chính     | 3.5  |
| 4. Điều phối liên ngành | Phiên họp định kỳ; kiểm tra–thanh tra–kiểm toán theo chuyên đề | 4.0  |
| 5. Thực thi             | Nhiều vụ án lớn; thu hồi qua xét xử tăng                       | 4.0  |
| 6. Thu hồi tài sản      | Tăng theo năm; cần chuẩn dữ liệu và hợp tác quốc tế            | 3.5  |
| 7. Phòng ngừa           | Cơ chế có; thực thi xung đột lợi ích/kê khai còn hạn chế       | 3.0  |
| 8. Bảo vệ tố cáo        | Quy định có; hiệu lực bảo vệ còn yếu                           | 2.5  |
| 9. Minh bạch–giải trình | Có báo cáo; thiếu công dữ liệu mở chuẩn                        | 3.0  |
| 10. Hợp tác & số hóa    | UNCAC; còn tiềm năng tăng cường forensics/số hóa               | 3.5  |
| Tổng: 34.5/50           |                                                                |      |

#### **Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **Văn bản pháp luật và tài liệu chính thức**

- Quốc hội (2018). \*Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14\*. Hiệu lực từ 01/7/2019. (Truy cập cổng Chính phủ và bản PDF hợp nhất). ([Văn bản Chính phủ][1], [VBPL][2], [VIB Online][12])
- Ban Nội chính Trung ương (2024). \*Quy định số 191-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của BCĐTW về PCTN, lãng phí, tiêu cực\*. ([Ban Nội Chính Trung ương][4])
- Ban Nội chính Trung ương (2024). \*Thông báo Phiên họp thứ 25 của BCĐTW về PCTN, tiêu cực (01/02/2024)\*. ([Ban Nội Chính Trung ương][15])

4. Thanh tra Chính phủ (2024). \*Ngành thanh tra sơ kết 6 tháng đầu năm 2024\*. ([[thanhtra.gov.vn](http://thanhtra.gov.vn)][14])

5. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2024). \*Tin hoạt động Thường trực BCĐTW bàn kết quả chỉ đạo xử lý các vụ việc/vụ án\* (30/5/2024). ([[ubkttw.vn](http://ubkttw.vn)][16])

6. Thanh tra Chính phủ (2024). \*Thông cáo báo chí kết quả công tác năm 2023, nhiệm vụ chủ yếu năm 2024\*. ([[thanhtra.gov.vn](http://thanhtra.gov.vn)][25])

7. Báo Nhân Dân (2023). \*Tuyên thu hồi 1.859 tỷ đồng trong 216 vụ án kinh tế, tham nhũng\* (21/11/2023). ([[Báo Nhân Dân điện tử](http://Báo Nhân Dân điện tử)][17])

8. An ninh Thủ đô (2023). \*Năm 2023: Tuyên thu hồi...\* (20/11/2023). ([[Báo điện tử An ninh Thủ đô](http://Báo điện tử An ninh Thủ đô)][18])

9. Ban Nội chính Trung ương (2023). \*Kết quả thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng tăng...\* (24/10/2023). ([[Ban Nội Chính Trung ương](http://Ban Nội Chính Trung ương)][20])

10. Báo Thanh tra (2023). \*Thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng đạt gần 87%\* (17/7/2023). ([[Thanh Tra](http://Thanh Tra)][21])

11. Cổng Thông tin Chính phủ (2024). \*Kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý...\* (01/02/2024). ([[xaydungchinhsach.chinhphu.vn](http://xaydungchinhsach.chinhphu.vn)][22])

12. Báo Chính phủ (2024). \*6 tháng đầu năm: Phát hiện hơn 3.000 vụ phạm tội tham nhũng, kinh tế, buôn lậu\* (08/7/2024). ([[baochinhphu.vn](http://baochinhphu.vn)][13])

### **Chỉ số & báo cáo quốc tế**

13. Transparency International (2025). \*Vietnam – Country page/CPI 2024\* (Điểm 40/100; hạng 88/180). ([[Transparency.org](http://Transparency.org)][5])

14. World Justice Project (2024). \*Rule of Law Index 2024 – Country profile & Absence of Corruption\*. ([[World Justice Project](http://World Justice Project)][6])

15. UNODC/UNCAC (2023). \*UNCAC Implementation Review – Cycle II Country Report: Viet Nam\*; \*IRG country profiles\*. ([[unodc.org](http://unodc.org)][7])

### **Nghiên cứu & phân tích học thuật/think tank**

16. OECD/UNODC (khung chuẩn về ACA – tổng hợp trong các hướng dẫn UNCAC; xem [8]).

17\ Các khuyến nghị thiết kế cơ quan PCTN độc lập – tổng quan học thuật (tham khảo trong \[6], \[8]).

19\ ISEAS – Yusof Ishak Institute (2023). \*Vietnam's Anti-corruption Campaign: Economic and Political Impacts\* (N.K. Giang). ([iseas.edu.sg][9])

20\ T.N.M. Nhật (2023). \*Construction of roles, obligations and values in anti-corruption discourses in Vietnam\*. \*Cognition and Communication\* (Taylor & Francis). ([tandfonline.com][10])

21\ Bài báo học thuật 2025 (Taylor & Francis). \*Anti-corruption in Vietnam – an institutional analysis\*. ([tandfonline.com][11])

### **Tin – dữ kiện bổ trợ**

19\ AP News (2024). \*Trương Mỹ Lan – xét xử/án\* (cập nhật về vụ SCB/Vạn Thịnh Phát). ([AP News][26])

20\ AP News (2024). \*Death sentence... turning point in Vietnam's anti-corruption campaign\*. ([AP News][19])

[1]:

[https://vanban.chinhphu.vn/?docid=206104&pageid=27160&utm\\_source=chatgpt.com](https://vanban.chinhphu.vn/?docid=206104&pageid=27160&utm_source=chatgpt.com) "Luật số 36/2018/QH14 của Quốc hội: Luật phòng, chống tham nhũng"

[2]:

[https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=137284&utm\\_source=chatgpt.com](https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=137284&utm_source=chatgpt.com) "Luật 36/2018/QH14 Phòng, chống tham nhũng"

[3]:

[https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A4F22-hd-luat-phong-chong-tham-nhung-nam-2018-co-hieu-luc-khi-nao.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/83A4F22-hd-luat-phong-chong-tham-nhung-nam-2018-co-hieu-luc-khi-nao.html?utm_source=chatgpt.com) "Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 có hiệu lực khi nào?"

[4]:

[https://noichinh.vn/gioi-thieu/ban-chi-dao-tw-ve-phong-chong-tham-nhung/?utm\\_source=chatgpt.com](https://noichinh.vn/gioi-thieu/ban-chi-dao-tw-ve-phong-chong-tham-nhung/?utm_source=chatgpt.com) "Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng ..."

[5]:

[https://www.transparency.org/en/countries/vietnam?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.transparency.org/en/countries/vietnam?utm_source=chatgpt.com) "Vietnam"

[6]: [https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/downloads/WJPIndex2024.pdf?utm\\_source=chatgpt.com](https://worldjusticeproject.org/rule-of-law-index/downloads/WJPIndex2024.pdf?utm_source=chatgpt.com) "2024 Rule of Law Index"

[7]:[https://www.unodc.org/documents/treaties/UNCAC/CountryVisitFinalReports/2023\\_11\\_17\\_VietNam\\_Cycle\\_II\\_Country\\_Report\\_EN.pdf?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.unodc.org/documents/treaties/UNCAC/CountryVisitFinalReports/2023_11_17_VietNam_Cycle_II_Country_Report_EN.pdf?utm_source=chatgpt.com) "Country Review Report of Viet Nam"

[8]:[https://uncaccoalition.org/uncacreviewstatustracker/?utm\\_source=chatgpt.com](https://uncaccoalition.org/uncacreviewstatustracker/?utm_source=chatgpt.com) "UNCAC Review Status Tracker"

[9]: [https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2023-41-vietnams-anti-corruption-campaign-economic-and-political-impacts-by-nguyen-khac-giang/?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2023-41-vietnams-anti-corruption-campaign-economic-and-political-impacts-by-nguyen-khac-giang/?utm_source=chatgpt.com) "2023/41 \ Vietnam's Anti-corruption Campaign: Economic ..."

[10]:[https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311983.2023.2249286?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311983.2023.2249286?utm_source=chatgpt.com) "Construction of roles, obligations and values in politicians' ..."

[11]:[https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311886.2025.2460320?src=&utm\\_source=chatgpt.com](https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/23311886.2025.2460320?src=&utm_source=chatgpt.com) "Anti-corruption in Vietnam - an institutional analysis"

[12]: [https://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2021/05/Luat-Phong-chong-tham-nhung-2018\\_36.2018.QH14..pdf?utm\\_source=chatgpt.com](https://vibonline.com.vn/wp-content/uploads/2021/05/Luat-Phong-chong-tham-nhung-2018_36.2018.QH14..pdf?utm_source=chatgpt.com) "[PDF] luật phòng, chống tham nhũng - VIB Online"

[13]: [https://baochinhphu.vn/6-thang-dau-nam-phat-hien-hon-3000-vu-pham-toi-tham-nhung-kinh-te-buon-lau-102240708174427336.htm?utm\\_source=chatgpt.com](https://baochinhphu.vn/6-thang-dau-nam-phat-hien-hon-3000-vu-pham-toi-tham-nhung-kinh-te-buon-lau-102240708174427336.htm?utm_source=chatgpt.com) "6 tháng đầu năm: Phát hiện hơn 3.000 vụ phạm tội tham ..."

[14]: [https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset\\_publisher/Content/nganh-thanh-tra-so-ket-6-thang-au-nam-2024?6590344=&utm\\_source=chatgpt.com](https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/Content/nganh-thanh-tra-so-ket-6-thang-au-nam-2024?6590344=&utm_source=chatgpt.com) "Ngành thanh tra sơ kết 6 tháng đầu năm 2024"

[15]: [https://noichinh.vn/tin-tuc-su-kien/tin-trung-uong/202402/thong-bao-phien-hop-thu-25-cua-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-313484/?utm\\_source=chatgpt.com](https://noichinh.vn/tin-tuc-su-kien/tin-trung-uong/202402/thong-bao-phien-hop-thu-25-cua-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-313484/?utm_source=chatgpt.com) "Thông báo Phiên họp thứ 25 của Ban Chỉ đạo Trung ..."

[16]: [https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/thuong-truc-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-hop-thao-luan-cho-y-kien-doi-voi-ket-qua-chi-dao-x.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/thuong-truc-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-hop-thao-luan-cho-y-kien-doi-voi-ket-qua-chi-dao-x.html?utm_source=chatgpt.com) "Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống ..."

[17]: [https://nhandan.vn/tuyen-thu-hoi-1859-ty-dong-trong-216-vu-an-kinh-te-tham-nhung-post783610.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://nhandan.vn/tuyen-thu-hoi-1859-ty-dong-trong-216-vu-an-kinh-te-tham-nhung-post783610.html?utm_source=chatgpt.com) "Tuyên thu hồi 1.859 tỷ đồng trong 216 vụ án kinh tế, tham ..."

[18]: [https://www.anninhthudo.vn/nam-2023-tuyen-thu-hoi-tien-tai-san-tri-gia-1859-ty-dong-trong-216-vu-an-tham-nhung-post558574.antd?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.anninhthudo.vn/nam-2023-tuyen-thu-hoi-tien-tai-san-tri-gia-1859-ty-dong-trong-216-vu-an-tham-nhung-post558574.antd?utm_source=chatgpt.com) "Năm 2023: Tuyên thu hồi tiền, tài sản trị giá 1859 tỷ đồng ..."

[19]: [https://apnews.com/article/943b7ab86e88905ebc7334c13cf123ff?utm\\_source=chatgpt.com](https://apnews.com/article/943b7ab86e88905ebc7334c13cf123ff?utm_source=chatgpt.com) "Real estate tycoon's death sentence is a turning point in Vietnam's anti-corruption campaign"

[20]: [https://noichinh.vn/cong-tac-phong-chong-tham-nhung/202310/ket-qua-thu-hoi-tai-san-trong-cac-vu-an-hinh-su-ve-kinh-te-tham-nhung-tang-tren-6038-ty-dong-so-voi-cung-ky-nam-2022-313120/?utm\\_source=chatgpt.com](https://noichinh.vn/cong-tac-phong-chong-tham-nhung/202310/ket-qua-thu-hoi-tai-san-trong-cac-vu-an-hinh-su-ve-kinh-te-tham-nhung-tang-tren-6038-ty-dong-so-voi-cung-ky-nam-2022-313120/?utm_source=chatgpt.com) "Kết quả thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về kinh tế ..."

[21]: [https://thanhtra.com.vn/tin-trong-nuoc-A7403F0EC/thu-hoi-tai-san-trong-cac-vu-an-tham-nhung-dat-gan-87-0EC6A520.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://thanhtra.com.vn/tin-trong-nuoc-A7403F0EC/thu-hoi-tai-san-trong-cac-vu-an-tham-nhung-dat-gan-87-0EC6A520.html?utm_source=chatgpt.com) "Thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng đạt gần 87%"

[22]: [https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/ky-luat-19-can-bo-dien-bo-chinh-tri-ban-bi-thu-quan-ly-dua-2-vu-an-vao-dien-bcd-trung-uong-theo-doi-chi-dao-119240201172400549.htm?utm\\_source=chatgpt.com](https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/ky-luat-19-can-bo-dien-bo-chinh-tri-ban-bi-thu-quan-ly-dua-2-vu-an-vao-dien-bcd-trung-uong-theo-doi-chi-dao-119240201172400549.htm?utm_source=chatgpt.com) "Kỷ luật 19 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý"



[23]: [https://www.state.gov/reports/2023-country-reports-on-human-rights-practices/vietnam?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.state.gov/reports/2023-country-reports-on-human-rights-practices/vietnam?utm_source=chatgpt.com) "2023 Country Reports on Human Rights Practices: Vietnam"

[24]: [https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-cong-tac-kiem-tra-giam-sat-cua-dang-nam-2024-trien-khai-nhiem-vu-nam-2025.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://ubkttw.vn/danh-muc/tin-tuc-thoi-su/hoi-nghi-toan-quoc-tong-ket-cong-tac-kiem-tra-giam-sat-cua-dang-nam-2024-trien-khai-nhiem-vu-nam-2025.html?utm_source=chatgpt.com) "Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của ..."

[25]: [https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet/-/asset\\_publisher//Content/thong-cao-bao-chi-ket-qua-cong-tac-nam-2023-nhiem-vu-chu-yeu-nam-2024-cua-thanh-tra-chinh-phu?6583430=&utm\\_source=chatgpt.com](https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet/-/asset_publisher//Content/thong-cao-bao-chi-ket-qua-cong-tac-nam-2023-nhiem-vu-chu-yeu-nam-2024-cua-thanh-tra-chinh-phu?6583430=&utm_source=chatgpt.com) "Thông cáo báo chí kết quả công tác năm 2023, nhiệm vụ ..."

[26]: [https://apnews.com/article/a1bd2395ec22b718f39ba4a10cff969f?utm\\_source=chatgpt.com](https://apnews.com/article/a1bd2395ec22b718f39ba4a10cff969f?utm_source=chatgpt.com) "A Vietnamese property tycoon accused of embezzling \$12.5 billion begins her trial"

**TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT  
TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM, THAM NHƯNG  
VÀ HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2024**  
**TS.GVC. Vũ Thế Hoài<sup>285</sup> & ThS. Dương Thị Ngọc Thương<sup>286</sup> & Ths. Đinh Bá Cường<sup>287</sup>**

**Tóm tắt:** *Phân tích tình hình thi hành pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2024, tập trung vào ba lĩnh vực cốt lõi: phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; phòng, chống tham nhũng; và công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, bao gồm cả công tác giám định tư pháp, định giá tài sản. Dựa trên báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố số 255/BC-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024, bài viết nhằm đánh giá các kết quả đạt được, xác định những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân. Qua đó, đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thực thi pháp luật trong các lĩnh vực phòng chống tham nhũng, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch, công bằng.*

**Từ khóa:** *Thi hành pháp luật; phòng, chống tội phạm, tham nhũng; hoạt động tư pháp; Thành phố Hồ Chí Minh.*

## **1. Đặt vấn đề**

Thành phố Hồ Chí Minh với vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ lớn nhất cả nước, luôn đối mặt với những thách thức phức tạp trong việc duy trì ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó, công tác phòng, chống tham nhũng và hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp là những yếu tố then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững của Thành phố. Nhằm đáp ứng yêu cầu giám sát của Ủy ban Tư pháp Quốc hội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng hợp và báo cáo tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên các lĩnh vực trọng yếu. Bài báo này nhằm mục đích phân tích sâu sắc các nội dung được trình bày trong báo cáo, đánh giá toàn diện các nỗ lực, kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp cho công tác hoạch định chính sách và thực tiễn trong thời gian tới.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

---

<sup>285</sup> Phó Trường khoa Luật, Trường Đại học Sài Gòn

<sup>286</sup> Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>287</sup> Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích định tính dựa trên tài liệu, bao gồm việc nghiên cứu, tổng hợp và hệ thống hóa các thông tin, số liệu thống kê, đánh giá từ Báo cáo tình hình thi hành pháp luật năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp và đánh giá được áp dụng để làm rõ các khía cạnh; các chủ trương, chính sách và biện pháp chỉ đạo, điều hành của chính quyền Thành phố; kết quả hoạt động cụ thể trong từng lĩnh vực (phòng, chống tội phạm; phòng, chống tham nhũng; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; giám định tư pháp và định giá tài sản); các thách thức, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân được chỉ ra trong báo cáo và từ đó đề ra các giải pháp, phương hướng đề xuất của Thành phố trong công tác phòng chống tội phạm, phòng chống tham nhũng.

### **3. Thực trạng thi hành pháp luật trong công tác phòng, chống tội phạm, tham nhũng và hoạt động tư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh**

#### ***3.1. Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật***

Với sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Ban Chỉ đạo 138 Thành phố, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các hoạt động trọng tâm bao gồm: tổng kết, sơ kết công tác định kỳ; kiểm tra, giám sát tại cơ sở; ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai nhiệm vụ. Thành phố đang nỗ lực giải quyết các vấn đề an sinh xã hội được nhấn mạnh như một giải pháp phòng ngừa tội phạm từ gốc rễ, Ban chỉ đạo 138 của Thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn Thành phố<sup>288</sup>.

Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp như: đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm nguy hiểm, triệt phá băng nhóm; thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm (đặc biệt dịp lễ, Tết, sự kiện lớn); xử lý nghiêm các vi phạm (như “tín dụng đen”, “quảng cáo bẩn”, vi phạm giao thông, đặc biệt là nồng độ cồn); giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp (trẻ lang thang, người vô gia cư). Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm cũng được tập trung thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước (tài chính, đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, văn hóa, du lịch, y tế, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường, an toàn thực phẩm, giao thông, phòng cháy chữa cháy). Công tác quản lý kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và vệ sinh an toàn

---

<sup>288</sup> Quyết định số 1945/QĐ-BCĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về phê duyệt địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh chọn chuyển hóa trong năm 2024

thực phẩm được chú trọng thông qua kiểm tra, xử phạt, cấp phép và tuyên truyền. Đặc biệt, Đề án phòng, chống khai thác cát trái phép tại Cần Giờ cho thấy nỗ lực quản lý tài nguyên của Thành phố.

Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm được triển khai mạnh mẽ bởi Cục Quản lý thị trường và các cơ quan liên quan, với các số liệu thống kê cụ thể về các vụ việc xử lý và số tiền phạt.

Thành phố duy trì hoạt động của các cơ sở cai nghiện, tập trung vào công tác cai nghiện, giáo dục, tư vấn và quản lý sau cai, đồng thời phối hợp liên ngành để giải quyết các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy, xử lý nghiêm các vụ án liên quan đến mua bán trái phép chất ma túy. Và quan trọng nhất việc phân bổ ngân sách cho công tác phòng, chống tội phạm cho thấy sự ưu tiên nguồn lực cho lĩnh vực này.

Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban chỉ đạo 138 Thành phố, Công an Thành phố đã triển khai các biện pháp, giải pháp chủ động, xây dựng các phương án phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của Bộ Công an về công tác nghiệp vụ, công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật<sup>289</sup> cho thấy một cách tiếp cận toàn diện, kết hợp giữa đấu tranh trấn áp và các giải pháp phòng ngừa xã hội, kinh tế. Việc nhấn mạnh vào an sinh xã hội và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro là điểm đáng chú ý. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế của các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là việc hình thành “văn hóa không lái xe sau khi uống rượu, bia”, cần được đánh giá sâu hơn.

### **3.2. Công tác phòng, chống tham nhũng**

Trong công tác chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện thường xuyên, gắn với các Nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước. Vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phát huy. Cải cách hành chính, thanh toán không dùng tiền mặt, đổi mới công nghệ quản lý được xem là công cụ quan trọng để hạn chế tiêu cực. Việc công khai, minh bạch trong mua sắm công, tài chính, sử dụng ngân sách, công tác tổ chức cán bộ, xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác đều được báo cáo chi tiết.

---

<sup>289</sup> Phương án số 01/PA-BCA ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Bộ Công an về xử lý, giải quyết một số tình huống tội phạm sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng để thực hiện hành vi phạm tội

Trong báo cáo<sup>290</sup> đã cung cấp số liệu về kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, bao gồm số vụ án, bị can, bị cáo, các loại hình phạt và tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng. Các cơ quan chức năng đã tăng cường phối hợp trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng. Báo cáo chỉ ra nhiều khó khăn, vướng mắc như: hiệu quả một số biện pháp phòng ngừa chưa cao, công tác kiểm tra, giám sát nội bộ còn bất cập, công tác phát hiện, tự phát hiện còn hạn chế, khó khăn trong xác minh tài sản thu nhập, tiến độ xử lý vụ án còn chậm, hồ sơ chuyển từ thanh tra sang điều tra còn thiếu dấu hiệu tội phạm rõ ràng. Nguyên nhân khách quan (pháp luật liên quan, lực lượng mỏng, tâm lý e ngại tố cáo, thiếu kinh nghiệm) và chủ quan (thiếu hệ thống trong tuyên truyền, một bộ phận cán bộ suy thoái, kiểm tra công vụ chưa sâu sát) cũng được phân tích.

Thành phố đề ra các giải pháp trọng tâm như: đẩy mạnh quán triệt, phổ biến pháp luật; bám sát các nghị quyết, chỉ thị; tập trung thanh tra các lĩnh vực nhạy cảm; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp liên ngành; tăng cường tuyên truyền, giáo dục; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và người dân. Công tác phòng, chống tham nhũng tại Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống, từ phòng ngừa đến xử lý. Việc nhận diện rõ các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân là rất quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp. Tuy nhiên, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng còn thấp và tiến độ xử lý vụ án chậm là những vấn đề cần tiếp tục quan tâm giải quyết.

Công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục được Ủy ban nhân dân Thành phố đặt ở vị trí trọng tâm, với nhiều biện pháp phòng ngừa và đấu tranh: Chỉ đạo và tuyên truyền, gắn công tác phòng, chống tham nhũng với các nghị quyết của Đảng, chú trọng tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Trong kỳ báo cáo, đã tổ chức 1.160 hội thảo, thu hút 67.345 lượt người tham gia và phát hành hơn 125.223 tài liệu. Thực hiện nhiều nội dung cải cách hành chính và hạn chế tiền mặt, triển khai kế hoạch phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và cải cách hành chính. Thành phố đã nỗ lực cải tiến dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAR Index, PAPI, SIPAS).

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đã thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, quản lý tài chính, ngân sách và tổ chức cán bộ. 1.007 cơ quan, đơn vị được kiểm tra, phát hiện 03 đơn vị vi phạm và xử lý trách nhiệm. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn: Rà soát, xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức,

---

<sup>290</sup> Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thi hành pháp luật trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án năm 2024

tiêu chuẩn về sử dụng tài sản công (máy móc, trụ sở, xe ô tô). Đã tổ chức 188 cuộc kiểm tra, phát hiện 06 vụ và xử lý 10 người vi phạm, kiến nghị thu hồi 17.182.000 đồng.

Kiểm soát tài sản, thu nhập: Trong năm 2023, có 21.246 người kê khai tài sản, thu nhập, năm 2024, Thanh tra Thành phố đang xác minh tài sản, thu nhập đối với 238 người tại 26 cơ quan, đơn vị. Ban hành Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp: Kiện toàn Tổ Kiểm tra liên ngành, kiểm tra đột xuất việc thực hiện quy tắc ứng xử tại 1.208 cơ quan, đơn vị. Công an Thành phố đã kiểm tra, xác minh 12 đơn phản ánh liên quan tham nhũng, tiêu cực của cán bộ chiến sĩ, kết quả có 03 đơn đúng (chuyển xử lý hình sự 02 trường hợp), 05 đơn không cơ sở, 04 đơn không đúng. Phòng chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước: Phát hiện 02 vụ việc, xử lý 04 người có hành vi tham nhũng với tổng số tiền 390 triệu đồng, đã thu hồi 199 triệu đồng.

Kết quả phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng: Tự kiểm tra nội bộ các sở, ban, ngành, doanh nghiệp nhà nước không phát sinh vụ việc. Công an Thành phố phát hiện 05 vụ việc, tước danh hiệu CAND 12 trường hợp. Thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không phát sinh vụ việc.

Điều tra: Thụ lý 110 vụ, 463 bị can (khởi tố mới 63 vụ, 96 bị can). Đã kết luận điều tra chuyển Viện kiểm sát 39 vụ, 361 bị can. Truy tố: Viện kiểm sát hai cấp thụ lý 66 vụ, 384 bị can. Đã giải quyết 55 vụ, 338 bị can (ban hành cáo trạng truy tố 50 vụ, 331 bị can). Xét xử: Tòa án hai cấp thụ lý 89 vụ, 468 bị cáo. Đã giải quyết 68 vụ, 165 bị cáo (xét xử 54 vụ, 131 bị cáo). Áp dụng các mức án tù tử hình (05 người), chung thân (01 người), đến án treo/cải tạo không giam giữ (16 người).

Xử lý tài sản tham nhũng đã tiến hành điều tra và thu hồi/tổng thiệt hại là 54.47 tỷ đồng/175.75 tỷ đồng, đạt 30.99%. Số tài sản phải thu hồi tạm tính 371.37 tỷ đồng và 116.8 triệu USD. Đã thu hồi 74.19 tỷ đồng, đạt 19.97%.

Thi hành án: Tổng số tiền phải thi hành 24.047 tỷ đồng. Số tiền có điều kiện giải quyết 19.109 tỷ đồng (79.46%).

### ***3.3. Công tác giám định tư pháp và định giá tài sản trong tố tụng hình sự***

Báo cáo mô tả cơ cấu tổ chức, đội ngũ người giám định tư pháp và các tổ chức giám định tư pháp trên địa bàn. Các nỗ lực kiện toàn, phát triển đội ngũ, tập huấn kiến thức pháp luật cho người giám định và công bố danh sách các tổ chức, cá nhân giám định tư pháp đã được thực hiện. Số liệu thống kê cho thấy khối lượng lớn các vụ việc giám định, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực pháp y và kỹ thuật hình sự. Việc giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng chiếm tỷ lệ cao.

Chế độ, chính sách và cơ sở vật chất về chế độ bồi dưỡng cho người giám định tư pháp được đảm bảo, kinh phí đã được duyệt, cơ sở vật chất nhìn chung đáp ứng nhu cầu, tuy nhiên, trang thiết bị cho các lĩnh vực kỹ thuật cao còn hạn chế.

Khó khăn, vướng mắc trong giám định Tư pháp, các quy định về phạm vi lĩnh vực thành lập văn phòng giám định tư pháp còn hạn hẹp, điều kiện thành lập không khả thi, quy định về miễn nhiệm giám định viên chưa phù hợp, ảnh hưởng đến xã hội hóa hoạt động giám định. Điều kiện thực hiện giám định ở một số lĩnh vực còn hạn chế, chi phí cho giám định viên chưa tương xứng.

Công tác định giá tài sản trong báo cáo nêu bật nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác định giá tài sản: khối lượng công việc lớn, biên chế thiếu, quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn (đặc biệt về giá trị doanh nghiệp, cổ phần), sự tham gia chưa đầy đủ của các thành viên Hội đồng định giá, quy trình phối hợp với cơ quan điều tra còn vướng mắc, áp lực giải trình kết quả, ảnh hưởng của việc luân chuyển điều tra viên. Các vấn đề liên quan đến Luật Đấu thầu mới cũng tạo ra thách thức cho việc thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá trong trường hợp cần gấp.

Kiến nghị: Đề xuất cần nghiên cứu thành lập Tổ chức định giá tài sản hoạt động độc lập và bổ sung trường hợp “Gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp” vào các trường hợp đặc biệt của Luật Đấu thầu.

Công tác giám định tư pháp và định giá tài sản đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính khách quan và chính xác của hoạt động tố tụng. Khối lượng công việc lớn cho thấy vai trò thiết yếu của các lĩnh vực này. Tuy nhiên, những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, nhân lực, pháp lý và phối hợp cần được ưu tiên giải quyết để nâng cao chất lượng và hiệu quả. Các kiến nghị về hoàn thiện pháp luật và cơ cấu tổ chức là rất xác đáng.

#### **4. Đánh giá tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

##### ***4.1. Đánh giá chung***

Năm 2024, Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện nỗ lực đáng kể trong việc triển khai pháp luật trên các lĩnh vực phòng, chống tội phạm, tham nhũng và hoạt động tư pháp. Sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Thành phố, công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng đã tạo nên những kết quả tích cực. Các hoạt động phòng ngừa xã hội, đấu tranh trấn áp tội phạm, cải cách hành chính, minh bạch hóa, và nỗ lực phòng, chống tham nhũng đã được triển khai đồng bộ. Công tác



giám định tư pháp và định giá tài sản, dù đối mặt nhiều thách thức, vẫn đảm bảo hoạt động và có những đóng góp quan trọng cho hoạt động tố tụng.

#### **4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là các loại tội phạm mới, tội phạm công nghệ cao, tội phạm có tổ chức. Các vấn đề xã hội chưa được giải quyết triệt để vẫn có thể là điều kiện phát sinh tội phạm. Công tác phòng ngừa tham nhũng còn một số điểm chưa hiệu quả, việc phát hiện và tự phát hiện còn hạn chế. Tiến độ xử lý vụ án và thu hồi tài sản tham nhũng chưa đạt yêu cầu. Các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập còn thiếu đồng bộ. Khung pháp lý cho hoạt động giám định tư pháp và định giá tài sản còn bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu linh hoạt, chưa theo kịp thực tiễn. Nguồn lực (nhân lực, tài chính, trang thiết bị) ở một số lĩnh vực còn thiếu thốn. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đặc biệt là trong việc cung cấp thông tin và xử lý hồ sơ, còn gặp nhiều vướng mắc.

Về nguyên nhân khách quan: Tình hình kinh tế - xã hội còn khó khăn, tác động của các yếu tố bên ngoài; sự phát triển nhanh chóng của công nghệ kéo theo các loại hình tội phạm mới; khung pháp lý chưa hoàn thiện, còn chồng chéo hoặc thiếu sót; sự phức tạp của các vụ án tham nhũng, kinh tế đòi hỏi thời gian và nguồn lực lớn.

Về nguyên nhân chủ quan: Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị đôi khi chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ; năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; ý thức trách nhiệm, tinh thần tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn chưa cao; việc đầu tư cho công tác phòng ngừa và hiện đại hóa hoạt động hoạt động tư pháp còn chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra trong bối cảnh hiện nay.

#### **5. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới**

- *Thứ nhất*, về phòng, chống tội phạm: Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa xã hội, tập trung giải quyết các vấn đề gốc rễ, nguồn gốc phát sinh tội phạm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn trong công tác nắm tình hình, dự báo và đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm công nghệ cao và tội phạm xuyên quốc gia. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo hướng thiết thực, phù hợp với từng đối tượng. Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là quy định về nồng độ cồn, hình thành văn hóa giao thông an toàn.



- *Thứ hai*, về phòng, chống tham nhũng: Hoàn thiện cơ chế, chính sách phòng ngừa tham nhũng, đặc biệt là trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập, quy trình kiểm tra, giám sát việc kê khai và xác minh. Nâng cao hiệu quả công tác tự kiểm tra, kiểm tra nội bộ tại các cơ quan, đơn vị. Tăng cường trách nhiệm giải trình và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng xã hội sâu rộng, và nâng cao tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng. Hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tố cáo tham nhũng.

- *Thứ ba*, về giám định tư pháp và định giá tài sản: Cần rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về giám định tư pháp và định giá tài sản để giải quyết các vướng mắc về phạm vi hoạt động, điều kiện thành lập tổ chức, chế độ chính sách cho người giám định và định giá viên. Nghiên cứu thành lập các tổ chức định giá tài sản độc lập, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, đặc biệt trong các lĩnh vực phức tạp và có yêu cầu cao. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cao cho các tổ chức giám định tư pháp. Đổi mới phương thức phối hợp giữa các cơ quan tổ tụng, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức giám định, định giá tài sản để đảm bảo tính kịp thời, chính xác và hiệu quả. Xem xét bổ sung các quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các gói thầu thẩm định giá tài sản liên quan đến các vụ án hình sự cần thực hiện gấp.

Qua kết quả nghiên cứu thực tiễn, nhóm Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới:

Một là, Hoàn thiện thể chế pháp luật, khẩn trương rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến giám định tư pháp và định giá tài sản, đặc biệt là các điều kiện thành lập tổ chức giám định ngoài công lập và cơ chế thuê thẩm định giá khẩn cấp trong tố tụng hình sự. Đồng thời, cần có quy định rõ ràng, cụ thể hơn về kiểm soát tài sản, thu nhập và bảo vệ người tố cáo.

Hai là, Tăng cường năng lực nội tại, đầu tư mạnh hơn vào nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, giám định tư pháp (đặc biệt là các lĩnh vực kỹ thuật cao). Bổ sung biên chế, nâng cao trình độ chuyên môn, và đảm bảo chế độ đãi ngộ tương xứng cho người làm công tác giám định và định giá.

Ba là, Nâng cao hiệu quả phòng ngừa, thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc, thực chất việc chuyển đổi vị trí công tác định kỳ.

Bốn là, Cải thiện phối hợp liên ngành, tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tổ tụng, thanh tra, giám định và định giá, đảm bảo trao đổi thông tin kịp thời, đầy đủ, và thống nhất trong xử lý hồ sơ, tài liệu.

Năm là, Đổi mới công tác tuyên truyền, xây dựng nội dung tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hấp dẫn, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, huy động được sự tham gia tích cực của toàn xã hội.

Sáu là, Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, kiên quyết xử lý các hành vi những nhiều, “tham nhũng vặt” và các vụ án tham nhũng phức tạp, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

### **Kết luận**

Trong năm 2024, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phác thảo một bức tranh toàn diện về tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực phòng, chống tội phạm, tham nhũng và hoạt động tư pháp. Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, Thành phố vẫn đối mặt với nhiều thách thức đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng, sự đổi mới trong tư duy và hành động, cùng với việc hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật. Việc triển khai các giải pháp đề xuất sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng một môi trường pháp lý vững chắc, đảm bảo an ninh, trật tự và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Thành phố. Việc giải quyết những thách thức nêu trên đòi hỏi sự cam kết bền vững, đồng bộ và sáng tạo từ các cấp lãnh đạo, các cơ quan chức năng và sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Chỉ khi đó, Thành phố Hồ Chí Minh mới có thể tiếp tục củng cố niềm tin của công chúng và tạo dựng môi trường phát triển bền vững./.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thi hành pháp luật trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án năm 2024
2. Công văn số 818/BCĐ-CQTT ngày 19 tháng 02 năm 2024 về tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bóc xóa các sản phẩm quảng cáo sai quy định góp phần phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, mỹ quan đô thị trên địa bàn Thành phố
3. Kế hoạch số 797/KH-BCĐ138/TP ngày 21 tháng 02 năm 2024 về thực hiện công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống mua bán người và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn Thành phố năm 2024;

4. Kế hoạch số 885/ KH-BCĐ138/TP ngày 23 tháng 02 năm 2024 về triển khai thực hiện Quyết định phê duyệt địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội đưa vào chuyển hóa trong năm 2024
5. Kế hoạch số 1714/KH-BCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2024 về sử dụng kinh phí thực hiện công tác phòng, chống tội phạm, phòng, chống mua bán người và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2024
6. Kế hoạch số 1956/KH-UBND về thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2020 - 2030” năm 2024
7. Kế hoạch số 1699/KH-BCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về chuyển hóa và xây dựng địa bàn không tội phạm và tệ nạn ma túy năm 2024 trên địa bàn Thành phố
8. Kế hoạch số 1740/KH-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 về triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn Thành phố
9. Phương án số 01/PA-BCA ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Bộ Công an về xử lý, giải quyết một số tình huống tội phạm sử dụng công nghệ cao, lợi dụng không gian mạng để thực hiện hành vi phạm tội
10. Phương án số 02/PA-BCA-C04 ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Bộ Công an về nghiệp vụ phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy trên các tuyến trọng điểm, tập trung tuyến Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Miền Trung - Tây Nguyên và Tây Nam Bộ
11. Phương án số 06/PA-BCA-X02 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Công an về xử lý, giải quyết một số tình huống cấp bách, phức tạp khi xảy ra vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự xã hội
12. Quyết định số 1945/QĐ-BCĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về phê duyệt địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự an toàn xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh chọn chuyển hóa trong năm 2024

# KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG LÃNG PHÍ CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

*ThS. Vũ Thị Thu Hương<sup>291</sup>*

**Tóm tắt:** Cơ sở vật chất giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động quản trị tại các cơ sở giáo dục đại học. Trong bối cảnh hiện nay, các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh được đầu tư ngày càng lớn về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động đào tạo. Bài viết phân tích hiện trạng đầu tư cơ sở vật chất tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, làm rõ một số hình thức lãng phí cơ sở vật chất phổ biến, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tại các trường đại học, góp phần khắc phục tình trạng lãng phí cơ sở vật chất tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** cơ sở vật chất, lãng phí, trường đại học.

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh hiện nay, khi yêu cầu đổi mới giáo dục đại học đang ngày càng được đẩy mạnh, việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là cơ sở vật chất, trở thành một trong những điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học. Thành phố Hồ Chí Minh - trung tâm giáo dục và đào tạo lớn nhất cả nước, nơi tập trung đông đảo các cơ sở giáo dục đại học công lập và tư thục, việc quản lý và khai thác cơ sở vật chất một cách tiết kiệm, hợp lý càng trở nên cấp thiết.

Cơ sở vật chất trong các trường đại học bao gồm toàn bộ tài sản hữu hình như: hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng chức năng, trang thiết bị giảng dạy, thiết bị văn phòng, thư viện, hệ thống điện - nước - mạng, ký túc xá, và các công trình phụ trợ khác phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động quản trị. Cơ sở vật chất không chỉ là điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp quá trình giảng dạy - học tập, mà còn là yếu tố cấu thành chất lượng giáo dục đại học, có vai trò đảm bảo tính liên tục, an toàn, hiệu quả và hiện đại hóa môi trường đào tạo. Một số dạng lãng phí cơ sở vật chất phổ biến tại các cơ sở giáo dục đại học có thể kể tới là: phòng học và giảng đường sử dụng không

---

<sup>291</sup> Phân hiệu Học viện hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

hiệu quả, trang thiết bị giảng dạy và thí nghiệm không được khai thác hết công năng, thiết bị công nghệ thông tin, tài nguyên số hóa chưa được quản lý tập trung...

Vì vậy, việc quản lý cơ sở vật chất hiệu quả không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tối ưu nguồn lực mà còn tạo nền tảng cho chuyển đổi số, xây dựng đại học thông minh, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững của giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

## **2. Nội dung**

### ***2.1. Tổng quan hiện trạng đầu tư cơ sở vật chất tại một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay***

Dựa trên khảo sát từ các báo cáo công khai về tình hình cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - bao gồm cả các trường công lập và tư thục - có thể nhận thấy nhiều trường đại học đã được đầu tư mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại. Một số trường tiêu biểu có thể kể đến như sau:

*Trường Đại học Quốc tế (Thu Đức)* - một trong sáu trường thành viên thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh - là trường đại học công lập đa ngành đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam sử dụng hoàn toàn tiếng Anh trong giảng dạy và nghiên cứu. Trường nổi bật với cơ sở vật chất khang trang gồm 77 phòng học trang bị đầy đủ thiết bị dạy học, 151 máy tính kết nối mạng ADSL, thư viện với hơn 100.000 đầu sách và hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại chuyên dụng.

*Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM (UEF) (Bình Thạnh)* có kiến trúc hiện đại gồm 23 tầng nổi và 3 tầng hầm, tích hợp hệ thống Wifi phủ sóng toàn diện, dịch vụ tiện ích đa dạng cho sinh viên, cùng thư viện điện tử kết nối học liệu với hơn 40 trường đại học quốc tế đối tác.

*Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Quận 7)* là cơ sở giáo dục công lập được công nhận chuẩn 5 sao theo QS Stars (Anh Quốc), xếp hạng Top 200 đại học phát triển bền vững toàn cầu (UI Greenmetric). Với tòa nhà sáng tạo 11 tầng chuyên phục vụ đào tạo khối ngành Mỹ thuật, Kiến trúc, Điện – Điện tử, trường sở hữu hệ thống phòng học, phòng mô phỏng, xưởng thiết kế và studio được trang bị hiện đại, tạo môi trường học tập chuyên nghiệp và sáng tạo cho sinh viên.

*Trường Đại học Kinh tế TP. HCM (Bình Chánh)* nổi bật với hệ thống giảng đường hiện đại, thiết kế linh hoạt, ánh sáng tự nhiên và không gian mở gắn kết hài hòa với cảnh quan, tạo môi trường học tập truyền cảm hứng và tương tác hiệu quả giữa giảng viên - sinh viên.

*Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM (Thủ Đức)* là một trong những trường đại học có diện tích rộng nhất thành phố (trên 120ha), với hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu được đầu tư đồng bộ và hiện đại.

*Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam (Quận 7)* - trường đại học có học phí cao nhất Việt Nam - được đánh giá là một trong những cơ sở giáo dục sở hữu hạ tầng hiện đại hàng đầu, từ khu rèn luyện thể chất, giải trí, đến các không gian học thuật như thư viện với hơn 80.000 sách in và 350.000 ebook, phòng thu âm, phòng thí nghiệm, phòng chuyên đề chuẩn quốc tế.

*Trường Đại học FPT (Thủ Đức)* sở hữu khu campus rộng hơn 22.000m<sup>2</sup> với kiến trúc độc đáo mô phỏng hình núi có 3 đỉnh cao 6, 8 và 11 tầng. Trường được thiết kế như một đô thị thu nhỏ với đầy đủ tiện ích: ký túc xá, siêu thị, căn tin, giặt ủi, salon tóc...

*Trường Đại học Sông Hồng (Bình Thạnh)* được đầu tư cơ sở vật chất hiện đại: hội trường 700 chỗ, 15 phòng học tiếng Anh, 8 phòng tự học ngôn ngữ, khu quảng trường trí tuệ, khu vườn sinh viên, thư viện lớn và hệ thống Internet tốc độ cao phục vụ dạy học, truyền hình trực tuyến và hội thảo HD.

*Trường Đại học Công nghệ TP. HCM (HUTECH) (Bình Thạnh)* có hai khu học xá với tổng diện tích hơn 100.000m<sup>2</sup>, gồm các phòng học lý thuyết chuẩn quốc tế, hơn 60 phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện 1.500m<sup>2</sup> với hơn 50.000 đầu sách, kết nối Internet toàn trường, cùng nhiều tiện ích khác như phòng GYM, phòng võ, âm nhạc...

*Trường Đại học Phương Đông (Quận 1)* xây dựng môi trường học tập chuẩn quốc tế, với hệ thống phòng họp, thư viện, hội nghị và phòng chiếu phim được đặt tên theo danh nhân nổi tiếng. Các lớp học và giảng đường đều trang bị đầy đủ thiết bị tiên tiến.

*Trường Đại học Văn Lang (Bình Thạnh)* với khuôn viên rộng 40.000m<sup>2</sup>, sở hữu không gian học thuật hiện đại, từ phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm đến thư viện, sân thể thao, quán cà phê, khu xanh. Thiết bị giảng dạy hiện đại, đồng bộ với các ngành đào tạo như công nghệ thông tin, kinh doanh, khoa học xã hội và nhân văn...

Như vậy, có thể khẳng định, cơ sở vật chất hiện đại giữ vai trò then chốt trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Đối với sinh viên, đây không chỉ là yếu tố tạo thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu, mà còn là môi trường thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển toàn diện về kỹ năng và tri thức - những hành trang thiết yếu cho tương lai.

## **2.2. Hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh**

Theo thống kê, hiện nay trên địa bàn TP.HCM có hơn 60 cơ sở giáo dục đại học, bao gồm các trường công lập và ngoài công lập, với quy mô tuyển sinh lên tới hàng trăm nghìn sinh viên mỗi năm. Tổng diện tích đất sử dụng cho hoạt động đào tạo tại các trường đại học công lập ước tính trên 700 ha. Trong đó, nhiều trường đại học có hệ thống cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại như: Trường Đại học Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Trường Đại học Nông lâm, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, ...

Theo báo cáo công khai về tình hình sử dụng cơ sở vật chất tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các trường đã chủ động đẩy mạnh khai thác cơ sở vật chất hiện có, tăng cường quản lý cơ sở vật chất hiệu quả, đầu tư trang thiết bị tại các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá... để tránh xuống cấp. Tại các cơ sở giáo dục đại học công lập, việc triển khai các hoạt động ký túc xá theo hướng vừa phục vụ học viên, sinh viên, vừa khai thác nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng; công tác bảo vệ, phục vụ, vệ sinh cơ quan được duy trì thường xuyên, phòng học, phòng làm việc, phòng ở luôn sạch sẽ; an ninh trật tự, vệ sinh môi trường được đảm bảo; khuôn viên trụ sở ngày càng khang trang, xanh - sạch - đẹp. Bên cạnh đó, ở khối trường tư thục, nhiều trường đã đầu tư và sử dụng có hiệu quả các tòa nhà giảng dạy, thư viện, phòng thí nghiệm hiện đại và ký túc xá cho sinh viên.

Tuy nhiên, bên cạnh việc đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, ở một số cơ sở giáo dục vẫn còn có những hạn chế, dẫn đến lãng phí về cơ sở vật chất nhất định.

Về phòng học và giảng đường, mặc dù 100% các trường đều có hệ thống phòng học, giảng đường được đầu tư với nhiều quy mô khác nhau. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng hiệu quả trung bình chỉ đạt 68%, tình trạng phòng học trống trên 30% số buổi trong tuần diễn ra phổ biến, đặc biệt vào các khung giờ giữa buổi, cuối ngày hoặc học kỳ hè. Nhiều phòng họp được xây dựng lớn nhưng chỉ sử dụng cho một vài cuộc họp/tháng, một số giảng đường lớn (trên 300 chỗ) chỉ được sử dụng trong các sự kiện đặc biệt.

Về phòng thí nghiệm và khu thực hành, theo thống kê có 85% trường đại học được trang bị phòng thí nghiệm hoặc xưởng thực hành. Tuy nhiên, chỉ khoảng 55% các thiết bị trong các phòng này được vận hành thường xuyên, do thiếu kỹ thuật viên quản lý thiết bị, thiết bị mua theo dự án nhưng không phù hợp thực tế đào tạo, thiếu chính sách chia sẻ thiết bị giữa các khoa.

Về thư viện và trung tâm học liệu, có 90% trường có thư viện vật lý và/hoặc thư viện số. Tuy vậy, mức độ tích hợp giữa hệ thống học liệu và hoạt động giảng dạy chưa cao, tỷ lệ giảng viên sử dụng thư viện số làm nguồn tài liệu chính chỉ chiếm khoảng 35%,

vẫn còn 60% thiết bị thư viện chưa kết nối trực tiếp với hệ thống LMS nội bộ, nhiều thư viện vẫn vận hành theo mô hình truyền thống, chưa áp dụng công nghệ phân tích hành vi người dùng để tối ưu trải nghiệm học thuật.

Về ký túc xá, nhà ăn và khu sinh hoạt sinh viên, khoảng 75% các trường đại học công lập có ký túc xá hoặc khu lưu trú riêng. Tuy nhiên, hệ số sử dụng ký túc xá đang có xu hướng giảm do nhiều sinh viên lựa chọn thuê trọ bên ngoài để tiện sinh hoạt, điều kiện cơ sở hạ tầng chưa được nâng cấp định kỳ dẫn đến chất lượng xuống cấp. Khu sinh hoạt đoàn thể, khu thể thao, phòng sinh hoạt chung có ở nhiều trường, nhưng 50% trong số đó không sử dụng thường xuyên do không có cơ chế phối hợp tổ chức hoạt động hoặc thiếu nhân sự vận hành.

Đặc biệt, một trong những vấn đề gây lãng phí về cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học ở TPHCM có liên quan đến tài chính và quỹ đất, dẫn đến khó khăn trong việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, gây lãng phí cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học.

Tại Trường Đại học Bách khoa TPHCM (Đại học Quốc gia TPHCM) hiện có tổng diện tích hơn 140 nghìn m<sup>2</sup>, được chia làm 3 khu, mỗi khu có lối đi riêng. Tuy nhiên, Trường đang có vướng mắc rất lớn về đất đai, cụ thể là về giao và quản lý đất nên đến nay nhà trường chưa được cấp quyền sử dụng đất, kéo theo các vấn đề vướng mắc trong đầu tư xây dựng. Điều này dẫn tới thực tế khi cơ sở vật chất xuống cấp, Trường không thể điều chỉnh quy hoạch, xin giấy phép xây dựng cho các công trình mới (khu giảng đường, nhà xưởng, phòng thí nghiệm) và các cơ sở hạ tầng khác.

Trường Đại học Tài chính - Marketing (TPHCM) cũng gặp khó khăn trong việc phát triển cơ sở vật chất khi rơi vào tình trạng “có tiền nhưng việc đầu tư rất khó khăn”, xuất phát từ các vấn đề liên quan phòng cháy chữa cháy, quy hoạch, liên quan đánh giá tác động môi trường, đầu tư... Hiện tại, trường muốn đầu tư xây dựng thêm các giảng đường, các nhà thi đấu đa năng... nhưng cũng đang gặp vướng do liên quan đến quy hoạch 1/2.000 của thành phố.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Tôn Đức Thắng cũng luôn chú trọng mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ công tác giảng dạy, học tập. Tuy nhiên, nhà trường cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Trong đó, vướng mắc lớn nhất là thủ tục xác định giá đất và thủ tục đầu tư của khu mở rộng tại cơ sở chính Tân Phong (Quận 7, TPHCM). Do vướng các thủ tục pháp lý, nhà trường đã tạm dừng đầu tư xây dựng thêm các công trình, làm ảnh hưởng đến nhu cầu phát triển cơ



sở vật chất ngày càng tăng của trường. Công tác đầu tư, mua sắm cơ sở vật chất gặp nhiều khó khăn với các thủ tục về thẩm định giá và đấu thầu.

Có thể khẳng định rằng, các trường đại học trên địa bàn TP.HCM không thiếu cơ sở vật chất về mặt lượng, nhiều trường có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng còn thấp, công tác quản lý chưa tối ưu, phân bổ thiếu liên thông, bảo trì chưa bài bản. Những vấn đề này không chỉ làm phát sinh chi phí vô hình mà còn ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, gây ra tình trạng lãng phí tài sản công - điều cần được nhận diện rõ và cải thiện mạnh mẽ trong thời gian tới.

### ***2.3. Đề xuất một số giải pháp khắc phục lãng phí cơ sở vật chất tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay***

#### **- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và xây dựng văn hóa sử dụng cơ sở vật chất một cách khoa học, hợp lý**

Để tránh lãng phí, nâng cao ý thức sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học, các trường cần chú ý đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ. Các nội dung cụ thể bao gồm: giới thiệu các hình thức tiết kiệm và sử dụng hợp lý tài nguyên trong giáo dục; chia sẻ những mô hình hay, sáng kiến tiêu biểu trong việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất một cách sáng tạo và tiết kiệm... Những hoạt động này nhằm góp phần hình thành thói quen sử dụng tài sản công một cách có trách nhiệm, hướng tới xây dựng văn hóa sử dụng cơ sở vật chất một cách khoa học, hợp lý, tránh lãng phí cơ sở vật chất.

Song song đó, các cơ sở giáo dục đại học có thể phát động các phong trào thi đua “Sử dụng cơ sở vật chất tiết kiệm - hiệu quả” gắn với tiêu chí đánh giá cụ thể. Đồng thời, cần ban hành nội quy sử dụng tài sản và yêu cầu các cá nhân, đơn vị ký cam kết bằng văn bản về việc sử dụng tài sản đúng mục đích, tiết kiệm và có trách nhiệm, góp phần tạo dựng văn hóa quản lý, sử dụng tài sản hợp lý trong toàn trường.

#### **- Xây dựng hệ thống quản lý tài sản công và phân bổ sử dụng cơ sở vật chất theo hướng tập trung – số hóa**

Để nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác cơ sở vật chất, các cơ sở giáo dục đại học cần triển khai hệ thống quản lý tài sản công theo hướng tập trung và ứng dụng công nghệ số. Hệ thống này có thể được thiết kế trên nền tảng số, tích hợp toàn bộ dữ liệu liên quan đến phòng học, thiết bị, lịch sử sử dụng... nhằm tạo sự đồng bộ và minh bạch trong quản lý.

Các trường có thể áp dụng phần mềm quản lý tài sản hiện đại với các chức năng: phân phối - theo dõi - điều chuyển - đánh giá hiệu suất - cảnh báo hư hỏng. Phần mềm có khả năng theo dõi thời gian sử dụng và hiệu suất vận hành của từng tài sản; tự động cảnh báo đối với tài sản không sử dụng hoặc sử dụng sai công năng; hỗ trợ phân quyền theo trách nhiệm người sử dụng và liên kết với KPI cá nhân hoặc đơn vị sử dụng để tăng tính trách nhiệm và minh bạch.

Bên cạnh đó, cần thành lập Tổ điều phối sử dụng cơ sở vật chất cấp trường nhằm rà soát, điều chỉnh việc phân bổ tài sản định kỳ giữa các khoa, đơn vị. Các trường cũng nên đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác điều phối và giám sát, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu tài sản số. Đồng thời, triển khai phần mềm đặt lịch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thiết bị dùng chung theo hình thức chia sẻ; áp dụng mã QR hoặc công nghệ IoT để kiểm kê và giám sát vòng đời tài sản một cách chính xác, hiệu quả.

#### **- Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, kiểm tra hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất tại các trường đại học**

Dựa trên điều kiện thực tế, các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất nhằm theo dõi, kiểm soát và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng. Bộ chỉ số này có thể bao gồm: tỷ lệ sử dụng phòng học so với thời lượng thiết kế (%), số giờ sử dụng thiết bị trong tháng, tỷ lệ cơ sở vật chất hoạt động ổn định, tỷ lệ tài sản chưa được khai thác hết công suất... Các chỉ tiêu này cần được thống kê, tổng hợp định kỳ trong các báo cáo học kỳ hoặc năm học của từng đơn vị, phục vụ công tác đánh giá, rút kinh nghiệm và cải tiến việc sử dụng tài sản công.

Song song với việc xây dựng chỉ số đánh giá, các trường cần ban hành quy trình bảo trì – bảo dưỡng cơ sở vật chất định kỳ, đồng thời phân định rõ trách nhiệm giữa các bộ phận: đơn vị sử dụng, đơn vị quản trị thiết bị và bộ phận kiểm tra nội bộ. Việc này nhằm đảm bảo tính liên tục, an toàn và bền vững trong vận hành thiết bị. Đồng thời, cần xây dựng kế hoạch đầu tư - thanh lý tài sản theo chu kỳ 5 năm để tránh tồn đọng thiết bị lạc hậu, không còn hiệu quả sử dụng. Đối với các thiết bị kỹ thuật, máy móc phục vụ thực hành - thí nghiệm có giá trị lớn, cần tổ chức kiểm định độc lập định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn trong khai thác.

Ngoài ra, việc kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng cơ sở vật chất là một trong những công việc nhằm đảm bảo tính hiệu quả, bền vững và tránh lãng phí trong quá trình khai thác cơ sở vật chất tại các trường đại học.

Công tác kiểm tra có thể được thực hiện theo hình thức định kỳ hoặc đột xuất, tập trung vào việc sử dụng có hiệu quả các phòng học, phòng thí nghiệm, khu ký túc xá, các thiết bị chuyên dụng phục vụ giảng dạy và học tập... Việc kiểm tra, giám sát có thể được hỗ trợ thông qua các hệ thống phần mềm quản lý tài sản, dữ liệu thời gian thực, hoặc thiết bị giám sát như camera thông minh. Các thông tin thu thập được sẽ làm căn cứ để đánh giá mức độ sử dụng hiệu quả, xác định những sai phạm, lãng phí (nếu có), đồng thời đưa ra biện pháp điều chỉnh kịp thời. Qua đó, thúc đẩy xây dựng văn hóa sử dụng cơ sở vật chất một cách khoa học, tiết kiệm và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản trị đại học và sử dụng nguồn lực công một cách minh bạch, hợp lý.

### **- Khắc phục những khó khăn trong đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất**

Trong thời gian qua, nhiều cơ sở giáo dục đại học tại TP.HCM gặp khó khăn lớn trong công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, chủ yếu là do chưa được cấp quyền sử dụng đất, vướng mắc trong đầu tư xây dựng và xin cấp phép, bất cập trong quy hoạch đô thị và quy hoạch ngành... Bên cạnh đó, rào cản pháp lý, thủ tục hành chính phức tạp, thủ tục kéo dài, gây chậm trễ trong triển khai kế hoạch đầu tư, khiến tài sản hiện hữu xuống cấp, bỏ hoang hoặc sử dụng kém hiệu quả.

Từ thực tế trên, để tránh lãng phí cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn TP.HCM, đề nghị cơ quan có thẩm quyền cần khẩn trương xem xét, tháo gỡ những vướng mắc pháp lý về đất đai cho các trường đại học: rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường, tạo điều kiện để trường có cơ sở pháp lý triển khai các dự án đầu tư; ưu tiên giao đất lâu dài đối với các cơ sở đào tạo trọng điểm, có định hướng phát triển bền vững và quy hoạch mở rộng rõ ràng; điều chỉnh quy hoạch đô thị phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục đại học; cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục; tăng cường vai trò giám sát và minh bạch hóa quản lý tài sản công... Việc tháo gỡ những vướng mắc về pháp lý, đất đai và cơ chế đầu tư sẽ giúp các trường đại học tại TP.HCM phát huy tối đa nguồn lực hiện có, hạn chế tình trạng tài sản lãng phí, xuống cấp, từ đó, đẩy mạnh quá trình tự chủ đại học, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng đào tạo, góp phần đảm bảo môi trường học tập, nghiên cứu hiện đại, bền vững, góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đại học quốc gia giai đoạn mới.

### **3. Kết luận**

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố nền tảng quyết định chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học tại các trường đại học. Trong những năm qua, nhiều trường đại

học trên địa bàn TP.HCM đã được đầu tư mạnh mẽ về hạ tầng, thiết bị và không gian học tập - nghiên cứu. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất vẫn còn chưa tương xứng với nguồn lực đã bỏ ra, vẫn còn tình trạng lãng phí, sử dụng sai mục đích hoặc thiếu đồng bộ tại một số trường.

Việc nâng cao hiệu quả sử dụng và khắc phục những lãng phí đối với cơ sở vật chất tại các trường đại học không chỉ là yêu cầu quản lý kinh tế mà còn là một biểu hiện rõ nét của văn hóa tổ chức và trách nhiệm công dân trong giáo dục đại học. Chỉ khi mỗi đơn vị, mỗi cá nhân trong hệ thống cùng thay đổi nhận thức và hành động một cách thực chất, mới có thể xây dựng một môi trường giáo dục hiện đại, bền vững và tiết kiệm cho tương lai.

#### **Tài liệu tham khảo:**

[1] Bộ Chính trị (2023). *Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.*

[2] Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 – 2025.*

[3] Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 21/12/2024 về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025.*

[4] Lê Nam (2024). *Cơ sở vật chất tại các trường đại học: Nhiều chuẩn dưới chuẩn.* <https://giaoducthoidai.vn/co-so-vat-chat-tai-cac-truong-dai-hoc-nhieu-chuan-duoi-chuan-post702652.html>

# NHỮNG “ĐIỂM NGHẼN” TRONG THỰC THI LUẬT THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ: ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Nguyễn Trần Khánh Hà<sup>292</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận về thực thi pháp luật – Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (2013), đặc biệt nhấn mạnh vai trò của kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong bảo đảm thực thi Luật hiệu quả. Trên cơ sở phân tích thực trạng và cơ chế kiểm tra hiện hành, bài viết đã nhận diện một số những điểm nghẽn chủ yếu, bao gồm sự chồng chéo trong khâu tổ chức, hạn chế về năng lực cán bộ, thiếu minh bạch trong xử lý vi phạm và cơ chế phối hợp chưa hiệu quả. Từ đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện gồm: (1) Nâng cao chất lượng mô hình kiểm tra, giám sát; (2) Xây dựng bộ chỉ số định lượng về lãng phí; (3) Thiết lập cơ chế phản hồi chính sách dựa trên giám sát thực địa; (4) Gắn kiểm tra, giám sát với xây dựng nền hành chính liêm chính, phục vụ. Những đề xuất này nhằm góp phần khắc phục điểm nghẽn, tăng cường hiệu lực pháp luật và nâng cao hiệu quả tiết kiệm, chống lãng phí trong khu vực công.

**Từ khóa:** Tiết kiệm; Chống lãng phí; Hiệu lực pháp luật.

## Đặt vấn đề:

Trong bối cảnh cải cách hành chính và chuyển đổi số toàn diện, yêu cầu về quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngày càng trở nên cấp thiết. Trong đó, việc thực hiện nghiêm túc Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (năm 2013) đóng vai trò then chốt trong nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phòng chống thất thoát tài sản chung. Tuy nhiên, trên thực tế triển khai, việc thực thi luật vẫn còn nhiều bất cập, còn một số các điểm nghẽn gây cản trở hiệu quả hiệu lực thi hành luật như: nhiều hành vi lãng phí vẫn chưa bị phát hiện, ẩn mình, chưa xử lý chặt chẽ và thiếu sức răn đe. Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm ngày 01/6/2025: “THỰC HÀNH TIẾT KIỆM”, đã chỉ rõ những hạn chế cơ bản về thể chế, tổ chức thực hiện và nhận thức thực thi Luật. Cơ cấu kiểm tra, giám sát còn phân tán, thiếu tính đồng bộ, trong khi tính minh bạch và ứng dụng công nghệ trong kiểm tra - giám sát còn yếu. Tổng Bí thư nhận định và chỉ đạo rõ việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải được coi là tiêu chuẩn đạo đức công vụ, là biểu hiện của văn hoá chính trị và là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của quốc gia.

---

<sup>292</sup> Sinh viên Khoa Hành chính và Quản trị, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Từ những vấn đề cấp thiết đó, việc nghiên cứu, nhận diện các “điểm nghẽn” trong thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đề xuất hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm là yêu cầu cấp bách, góp phần nâng cao hiệu lực pháp luật và thúc đẩy nền quản trị công hiện đại - bền vững.

## **1. Cơ sở lý luận và khung phân tích**

### **1.1. Cơ sở định hướng thực thi luật**

Theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/2/2025 của Bộ Chính trị ban hành về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển công tác xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới, nhấn mạnh: “xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển<sup>293</sup>”.

Lấy nội dung của Nghị quyết 66 là nền tảng, cơ sở để định hướng thực thi luật trong bối cảnh hiện nay của đất nước, đặc biệt là đối với Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Là định hướng mạnh mẽ và rõ ràng trong tổ chức thực thi luật với phương châm “đột phá của đột phá” trong đổi mới thể chế. Đặc biệt nhấn mạnh hướng cải cách thể chế sâu sắc là việc đổi mới tư duy lập pháp, pháp luật vừa là động lực để phát triển, vừa là công cụ điều chỉnh hành vi xã hội. Pháp luật trong đời sống hiện đại không chỉ là để trấn áp hay chế tài mà còn phải tạo nền tảng cho xã hội dựa vào để phát triển một cách khoa học, toàn diện, có tầm nhìn chiến lược và bền vững. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến kiến tạo, mở đường phát triển cho công nghệ được đón đầu ở hầu hết lĩnh vực, đồng thời là nhiệm vụ phải thực hiện đan xen cùng Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị<sup>294</sup>, phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo là tất yếu để phát triển quốc gia, là điều kiện tiên quyết.

Trong Nghị quyết 66 cũng nêu rõ, phải càng ngày càng hoàn thiện thể chế pháp luật, nâng cao chất lượng các nguồn lực<sup>295</sup> công tác xây dựng và thực thi pháp luật. Đề cao chất lượng nguồn lực là để hoàn thiện thể chế pháp luật một cách toàn diện, đồng bộ, đúng trọng tâm để giữ vai trò then chốt và xuyên suốt. Bên cạnh đó, một chỉ đạo mới, mang tầm chiến lược là thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương gồm các thành viên thuộc Chính phủ và Chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội, phân công rõ trách nhiệm cho các bộ

---

<sup>293</sup> Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 66-NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

<sup>294</sup> Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

<sup>295</sup> Nguồn lực ở đây gồm: nhân lực; tài lực; công nghệ; thể chế tổ chức.

ngành và tổ chức giám sát xã hội. Tạo nền tảng thực hết để nâng cao hiệu lực – hiệu quả thi hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi luật

Theo các báo về kết quả đạt được về thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí qua các năm gần đây, hầu hết đều cho thấy đã có được những tín hiệu tích cực và khả quan trên các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Các biểu hiện tích cực được thể hiện rõ qua sự quan tâm chỉ đạo từ cấp cao nhất là Đảng và Nhà nước, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ luôn dành sự quan tâm sâu sắc, nhiều lần nhấn mạnh vai trò then chốt của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời đã có những chỉ đạo rõ ràng, chặt chẽ hơn trong việc nâng cao vai trò giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền, rõ nhất là số lượng vụ việc vi phạm bị phát hiện và xử lý tăng đáng kể, phản ánh hiệu lực thực thi ngày càng được cải thiện hơn. Bên cạnh đó, các tín hiệu tích cực khác như: đẩy mạnh chuyển đổi số đã gắn kết được thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với cải cách bộ máy và ngân sách nhà nước, cùng với đó là sự tham gia tích cực của xã hội và truyền thông đã nâng cao được phần nào ý thức tiết kiệm được lan toả trong hệ thống chính trị và xã hội.

Tuy nhiên, so với các tín hiệu tích cực, những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi luật lại tồn đọng nhiều hơn, dai dẳng mà vẫn chưa thật sự được giải quyết triệt để:

*Thứ nhất*, hạn chế trong khung pháp lý và thể chế, theo nghiên cứu và trao đổi Đào Vũ và Phạm Quang Huy<sup>296</sup> về việc hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đưa ra những vướng mắc, bất cập trong ban hành, thực hiện luật. Chưa kịp thời tham mưu ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật, công tác tham mưu, xây dựng ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết, chưa triệt để, trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2021, Kiểm toán Nhà nước đã sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ 960 văn bản quy phạm pháp luật sai quy định hoặc không phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nội dung còn chồng chéo, chưa thống nhất và thiếu tính đồng bộ, khó khăn trong quá trình thực hiện

*Thứ hai*, hạn chế về ý thức và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức, việc ý thức trách nhiệm và sự quyết tâm của một số cơ quan, tổ chức và cá nhân chưa cao, việc thực hiện

---

<sup>296</sup> Đào Vũ, Phạm Quang Huy và Nguyễn Đức Thịnh: Hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong ban hành thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

còn thiếu thường xuyên, thiếu quyết liệt. Thực hành tiết kiệm chưa thật sự trở thành nề nếp bên trong ý thức của một số bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Trên thực tế, dù tiết kiệm hay tránh lãng phí được những dự án, công trình lớn lao nhưng lại không thực hiện được trong thói quen sinh hoạt, vẫn sử dụng tài sản công một cách tùy tiện (bật điều hoà, quạt, máy tính cả ngày, đi làm muộn về sớm,...) Hay xu hướng tiêu dùng sình ngoại, xa xỉ với tâm lý hưởng thụ không chỉ riêng người dân mà còn nằm bên trong cán bộ, công chức, viên chức với vai trò là người đứng đầu nhưng lại thiếu tinh thần – trách nhiệm. Song song với đó, việc giáo dục ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong chính gia đình, nhà trường và cộng đồng vẫn chưa thực sự được chú trọng, chưa có sự giáo dục từ sớm, dẫn đến thiếu nền tảng đạo đức và khó để hình thành nhận thức, thói quen tiết kiệm.

*Thứ ba*, hạn chế trong quản lý và điều hành, thực chất dù đạt được nhiều kết quả đáng mong đợi và nhiều chuyển biến trong thực thi luật, tuy nhiên quá trình quản lý và điều hành lại không thật sự hiệu quả. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chiếu lệ, chưa đưa vào thực tế đời sống, chưa đưa ra các chỉ tiêu, mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể. Quản lý về cơ sở dữ liệu tài sản công của quốc gia chưa đầy đủ; công tác sắp xếp nhà, đất của Nhà nước và doanh nghiệp còn chậm; sử dụng lao động và thời gian lao động mặc dù đã được cải thiện song vẫn còn nhiều hạn chế dẫn đến lãng phí về nguồn lực và thời gian; trong và sau sáp nhập tại các huyện, xã việc sắp xếp xử lý tài sản công vẫn chưa được tối ưu do thiếu cơ chế, chính sách. Hay công tác tuyên dương, khen thưởng người thực hiện tốt tiết kiệm hoặc chống lãng phí chưa kịp thời, chưa tạo ra động lực và tác động mạnh mẽ.

*Thứ tư*., tạo mối liên hệ với tham nhũng và tiêu cực, những hạn chế, tồn tại trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chính là nguy cơ chính nuôi dưỡng diễn biến tham nhũng, tiêu cực. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng việc phải gắn tiết kiệm, chống lãng phí luôn đi liền với chống tham ô, tham nhũng, người nhấn mạnh: “Tham ô, lãng phí là tội ác. Nó là giặc nội xâm. Giặc này còn nguy hiểm hơn giặc ngoại xâm”<sup>297</sup>, tư tưởng đó vẫn còn nguyên giá trị đến thời đại hiện nay. Những biểu hiện của lãng phí như chi tiêu tùy tiện, tổ chức họp hội xa hoa, sử dụng tài sản công sai mục đích,... đều tạo điều kiện cho tội tham ô, trục lợi nảy sinh, phát triển và che giấu hành vi vi phạm.

---

<sup>297</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, tr.334.



## **2. Thực trạng thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### **2.1. Cơ chế tổ chức thực thi và giám sát hiện hành**

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Quốc hội khóa XI thông qua lần đầu vào năm 2005, sửa đổi và bổ sung vào năm 2013, Luật bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2014. Hơn 10 năm ban hành, Đảng và Nhà nước xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Để đảm bảo hiệu quả thực thi, cơ chế tổ chức và giám sát hiện hành, quá trình thực thi phải đảm bảo sự đồng bộ, liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương.

Về cơ chế tổ chức thực thi, chỉ đạo bao gồm Chính phủ và các Bộ, ngành. Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 Chương I Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức là xây dựng, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, xác định rõ mục tiêu, xây dựng các giải pháp để thực hiện nhằm đạt được mục tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí<sup>298</sup>. Trong đó, Bộ Tài chính đóng vai trò chủ đạo trong hướng dẫn quản lý ngân sách, kiểm soát chi tiêu công và xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Các ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí xuyên suốt, có tổ chức thực hiện các kế hoạch, biện pháp gắn với nhiệm vụ chuyên môn trong phạm vi quản lý, và đồng thời chịu trách nhiệm nếu để xảy ra lãng phí.

Về cơ chế giám sát được bảo đảm tổ chức theo đúng quy định tại Điều 6 của luật này, xác định rõ vai trò quan trọng của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu và đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân thực hiện hoạt động giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội. Đảm bảo theo sát quá trình thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua các hoạt động chất vấn, giám sát chuyên đề,

Đồng thời, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cũng quan trọng không kém trong việc tuyên truyền, vận động. Công dân có quyền tham gia vào các hình thức tố giác, khiếu nại, tố cáo hoặc phản ánh về hành vi gây lãng phí đến các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

---

<sup>298</sup> Quốc hội, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

## 2.2. Các quy định liên quan đến kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Cho đến nay, kể từ thời điểm có hiệu lực của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013. Đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm của Luật này. Một số văn bản như:

Nghị định số 84 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013. Căn cứ vào Điều 1 Chương 1: “Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về công khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý thông tin phát hiện lãng phí và biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí; thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bồi thường thiệt hại trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...”<sup>299</sup>. Đây là cơ sở pháp lý để xử lý các hành vi gây lãng phí, thất thoát tài sản công và nâng cao trách nhiệm trong khu vực công.

Nghị định số 63 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính, mức phạt, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong các lĩnh vực trên<sup>300</sup>.

Thông tư số 29/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP. (trích dẫn tham khảo)

Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 (Luật số 83/2015/QH13).

Luật Quản lý, Sử dụng Tài sản công năm 2017 (Luật số 15/2017/QH14).

Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

Quyết định số 1845/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 – 2025.

## 3. Nhận diện “điểm nghẽn” nổi bật trong thực thi Luật

<sup>299</sup> Chính phủ, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, Quy định chi tiết một số điều của luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

<sup>300</sup> Chính phủ, Nghị định số 63/2019/NĐ-CP, Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước.

### 3.1. Đánh giá chung về kết quả thực thi Luật

Qua hơn 10 năm ban hành và ứng dụng thực tiễn Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, nhìn chung các kết quả đạt được từ nhiều lĩnh vực như: kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế,... của các cấp, các ngành, các địa phương và các doanh nghiệp đã tạo ra sự chuyển biến tích cực trong công tác thực thi Luật. Báo cáo qua các năm về hiệu quả thực thi Luật đã phần nào phản ánh được ý thức trách nhiệm của công dân toàn xã hội và đặc biệt đối với lãnh đạo các cấp, cán bộ, công chức, viên chức về trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách, tài sản công và nguồn lực quốc gia. Nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động ban hành kế hoạch, chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần vào đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công. Điều này đã thể hiện được tính kịp thời, đầy đủ và tạo cơ sở pháp lý của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Báo cáo của Chính phủ về công tác thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 đã cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ dù gặp nhiều khó khăn và thách thức. Theo báo cáo, tổng số kinh phí tiết kiệm ngân sách đạt hơn 83.000 tỷ đồng, cao hơn hẳn so với năm 2022 (năm 2022 tiết kiệm ngân sách nhà nước đạt 53.887 tỷ đồng).<sup>301</sup> Với việc thực hiện cơ chế tự chủ, cùng với sự vào cuộc quyết liệt của Kiểm toán Nhà nước đã góp phần phát hiện, ngăn chặn kịp thời nhiều hành vi lãng phí, tăng hiệu quả trong thực thi Luật.

Bên cạnh đó, sự quyết tâm cải cách toàn diện, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Đã tạo mối quan hệ chặt chẽ và trực tiếp đối với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tinh giản bộ máy, cải tiến thủ tục và ứng dụng công nghệ vào thực tiễn quản lý công đã giúp giảm chi phí vận hành mà vẫn nâng cao chất lượng nguồn lực. Ngược lại, bộ máy cồng kềnh, thủ tục rườm rà và chống chéo là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lãng phí, lãng phí thời gian, con người. Do đó, có thể khẳng định rằng, thúc đẩy cải cách hành chính kịp thời là giải pháp thiết yếu, phương án chiến lược để thực hiện hoá mục tiêu tiết kiệm và phòng chống lãng phí.

Tuy nhiên, việc thực thi Luật so với tình hình thực tế vẫn chưa thật sự đem lại tính đột phá cao, vẫn còn sự nhân nhượng ở nhiều vấn đề, nhiều lĩnh vực và nhiều trường hợp. Tình trạng lãng phí vẫn còn phổ biến dưới nhiều hình thức, mà hầu hết những kiểu lãng phí đều có thể phát hiện nhưng không đưa ra hướng giải pháp cụ thể. Những tình trạng thường xuyên xuất hiện như sử dụng tài sản công sai mục đích, giải ngân vốn đầu tư

---

<sup>301</sup> Báo kiểm toán, Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022.

chậm, chông chéo pháp luật, hay tình trạng luôn nhìn thấy nhưng khó thay đổi nhất là ý thức cá nhân về “tiết kiệm” và “lãng phí”. Trong khâu kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm vẫn còn sự “mập mờ”, thiếu minh bạch, chế tài xử lý vi phạm thiếu tính răn đe, không đủ để tác động lên một bộ phận, và hành vi lãng phí chưa thật sự được xử lý một cách độc lập mà thường gộp chung với các tội danh khác liên quan, thiếu tác động của xã hội.

Từ đó, cần nhận diện những “điểm nghẽn” đang cản trở hiệu quả thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hiện nay. Cần có những biện pháp, góc nhìn trực diện, quyết liệt trong tổ chức thực hiện. Việc xác định rõ những điểm nghẽn này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### 3.2. Các điểm nghẽn cụ thể

*Thứ nhất, thiếu cơ chế kiểm soát trách nhiệm cá nhân, tập thể:*

Mặc dù hậu quả của những sai phạm về tiết kiệm, chống lãng phí có thể được nhìn nhận, đánh giá và xử lý theo pháp luật hiện hành. Nhưng cơ chế để xử lý hay kiểm soát trách nhiệm của các cá nhân và tập thể vi phạm còn lỏng lẻo, chưa có sự tác động mạnh để chủ thể vi phạm nhận thức rõ. Dù những vi phạm nặng hay nhẹ, mang tính hình sự, dân sự hay chỉ cảnh cáo thì có xử lý nghiêm chặt nhưng thiếu tính cảnh báo đối với xã hội, cộng đồng, trường hợp tái diễn trong cùng một chủ thể là hoàn toàn có thể xảy ra. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã quy định những cơ chế thực thi luật trên từng lĩnh vực và trách nhiệm kiểm soát của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền... Nhưng chưa đề cập cụ thể đến cơ chế kiểm soát trách nhiệm cá nhân, tập thể. Điều này dẫn đến tình trạng “tập thể hoá” trách nhiệm vẫn còn phổ biến. Do đó, hoàn thiện cơ chế kiểm soát để phân định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể trong thực thi Luật là yêu cầu cấp thiết.

*Thứ hai, thiếu chỉ số định lượng và hệ thống dự báo sớm về lãng phí:*

Dù có sự chuyển biến tích cực trong các kết quả thực Luật bằng cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ hiện đại vào để tiết kiệm nguồn lực. Nhưng chỉ vậy sẽ không đảm bảo sự lâu dài, hiệu quả mở rộng về sau. Đó là sự thiếu hệ thống chỉ số định lượng rõ ràng để đo lường và nhận diện, cảnh báo lãng phí. Ở lĩnh vực như quản lý tài sản công, đầu tư công, quản lý đất đai, sử dụng thời gian lao động, sử dụng năng lượng, nhiên liệu chưa thật sự được đánh giá khách quan dựa trên một tiêu chí nhất định và công cụ đo lường mức độ. Phần lớn, các chỉ số báo cáo còn mang tính định tính, hình thức, thiếu dữ liệu so sánh hoặc quá chung chung, không cụ thể. Đồng thời, chưa có hệ thống dự báo sớm để phát hiện các nguy cơ, nguyên nhân sẽ gây lãng phí trong quá trình thực thi nhiệm vụ

cũng như trong tương lai. Các vi phạm thường chỉ được phát hiện khi đã xảy ra hậu quả, làm hạn chế phòng ngừa lãng phí, giảm hiệu lực quản lý và khả năng ứng biến, điều chỉnh chính sách kịp thời. Việc xây dựng hệ thống chỉ số định lượng và cơ chế cảnh báo cần được quan tâm sâu sắc và nghiên cứu để nâng cao tính chủ động trong thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

*Thứ ba, chưa nêu bật được vai trò của công nghệ:*

Hiện nay, công nghệ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy đã định hình được công dụng trong hành chính, nhưng chưa được phát huy tương xứng và tối đa. Công nghệ có khả năng thay đổi căn bản từ giám sát thủ công sang theo dõi thời gian thực, từ phản ứng bị động sang chủ động cảnh báo để kiểm soát lãng phí. Các công cụ trí tuệ nhân tạo hoàn toàn có thể hỗ trợ tự động hóa giám sát tài sản công, phân tích rủi ro thất thoát trong đầu tư công. Nếu coi công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ kỹ thuật, không là cốt lõi chính trong thiết kế thể chế kiểm soát lãng phí, sẽ khiến tiềm năng của chuyển đổi số trong lĩnh vực này chậm tạo ra khởi sắc. Vấn đề không đề cao tính ứng dụng của công nghệ, và không nhận thức được giá trị lâu bền đem lại là điểm nghẽn không chỉ về mặt kỹ thuật, mà là vấn đề về tư duy quản trị hiện đại. Nếu không nâng tầm vai trò của công nghệ, nỗ lực thực thi Luật sẽ vẫn rơi vào tình trạng hình thức, kém hiệu quả.

#### **4. Đề xuất hoàn thiện cơ chế kiểm tra và xử lý vi phạm**

##### **4.1. Nâng cao chất lượng mô hình kiểm tra, giám sát**

Để mô hình kiểm tra, giám sát phát huy hiệu quả thiết thực và tối đa, cần triển khai đồng bộ và kịp thời các giải pháp trên bốn phương diện chính: (i) Về thể chế, cần làm rõ các khái niệm tiết kiệm – lãng phí; phòng – chống. Và khái niệm hành vi lãng phí để tạo căn cứ pháp lý cụ thể cho công tác kiểm tra. Đồng thời, bổ sung chế tài phù hợp, xử lý đủ mạnh và ưu tiên các cơ chế khuyến khích, khen thưởng, bảo vệ người phát hiện vi phạm; (ii) Tổ chức thực hiện mô hình giám sát theo hướng chủ động, trọng tâm, tránh dàn trải. Kiểm tra phải gắn với xử lý kịp thời, công khai. Đặc biệt ở các lĩnh vực dễ gây thất thoát như đất đai, đầu tư công, tài sản công; (iii) Phải đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ để tận dụng tối đa các công cụ phân tích dữ liệu nhằm cảnh báo sớm để giám sát hiệu quả trong suốt quá trình thực hiện.

##### **4.2. Xây dựng bộ chỉ số đo lường “mức độ lãng phí”**

Một trong những giải pháp trọng tâm, có thể tạo ra sự đột phá để nâng cao hiệu quả thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là xây dựng bộ chỉ số đo lường ‘mức độ

lãng phí”, mang tính định lượng, khác quan và có thể lưu trữ, so sánh. Bộ chỉ số này trước hết cần thiết kế theo từng lĩnh vực trọng yếu như tài chính – ngân sách, tài sản công, đầu tư công... với các tiêu chí đánh giá, đo lường cụ thể: tỷ lệ giải ngân, diện tích đất bỏ hoang, tỷ lệ dự án chậm tiến độ, v.v. Các chỉ số này gắn với ngưỡng cảnh báo theo thực tế và được thu nhập từ hệ thống dữ liệu quản lý công.

Như vậy, việc chuẩn hóa, theo dõi và công bố định kỳ sẽ giúp nhận diện sớm các nguy cơ lãng phí, thúc đẩy tính minh bạch và tạo cơ sở để đánh giá trách nhiệm cá nhân, tập thể trong quản lý, sử dụng nguồn lực công. Có thể nói là điều kiện tiên quyết để chuyển từ giám sát hình thức sang kiểm soát thực chất, tiết kiệm tối đa nguồn lực và chủ động ngăn ngừa lãng phí từ sớm.

#### 4.3. Xây dựng hệ thống phản hồi chính sách dựa trên giám sát thực địa

Quá trình thực thi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã có nhiều hướng giải pháp tích cực nhưng lại chưa chú trọng vào cơ chế phản hồi từ cơ sở, dẫn đến tạo khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn. Do đó, cần thiết lập một hệ thống phản hồi chính sách đa chiều, từ các cơ quan, đơn vị, địa phương và đặc biệt là tạo điều kiện cho người dân có thể cung cấp thông tin, phản ánh vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện luật. Qua đó, đưa kết quả phản hồi thực địa trở thành một chỉ tiêu đánh giá hiệu quả chính sách trong thực thi Luật. Là dữ liệu đầu vào để rà soát, điều chỉnh quy định pháp luật.

Thông tin phản hồi có vai trò quan trọng trong việc phát sai phạm, nhận diện lỗ hổng trong cơ chế, hoặc các yếu tố tiềm ẩn gây lãng phí nhưng chưa được pháp luật hiện hành kiểm soát. Xây dựng hệ thống này sẽ góp phần tạo nên một chu trình phản hồi – điều chỉnh chính sách, tăng cường năng lực học hỏi của hệ thống pháp luật, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tích linh hoạt trong kiểm tra, giám sát lãng phí.

### 5. Kết luận

Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (2013) là công cụ pháp lý quan trọng nhằm định hình và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ tài sản quốc gia và xây dựng nền hành chính hiện đại. Tuy nhiên, quá trình thực thi còn tồn tại nhiều điểm nghẽn về thể chế, tổ chức thực hiện và cơ chế kiểm tra, giám sát – xử lý vi phạm. Bằng nhận diện các điểm nghẽn trong thực thi Luật hiện nay, để nâng cao hiệu lực thực thi luật cần khắc phục các bất cập mang tính hệ thống thông qua việc hoàn thiện pháp luật, tăng cường năng lực và trách nhiệm chủ thể thực thi, đặc biệt là đổi mới mô hình giám sát, chủ động thích ứng và ứng dụng công nghệ. Từ đó bài viết đề xuất những giải pháp trọng tâm

nhằm hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm, nhằm nâng cao hiệu quả thực thi Luật, phòng ngừa lãng phí ngay từ sớm và thúc đẩy quản trị công minh bạch, hiệu quả hơn trong thời gian tới.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, 2013.
- [2] T. Nhung, “"Xây dựng văn hoá thực hành tiết kiệm chống lãng phí: Không thể chậm trễ hơn",” VOV Tiếng nói Việt Nam , 2024.
- [3] Chính phủ, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP "Quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí", 2014.
- [4] N. T. T. Hà, “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí - quy định pháp luật và góc nhìn thực tiễn,” Tạp chí điện tử Người đưa tin
- [5] Văn phòng chính phủ, "Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt được nhiều kết quả tích cực,” Báo điện tử Chính phủ [https://baochinhphu.vn/cong-tac-thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-dat](https://baochinhphu.vn/cong-tac-thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-dat-102230523092417145.htm) duoc-nhieu-ket-qua-tich-cuc-102230523092417145.htm (truy cập ngày 20/6/2025)
- [6] Đ. Vũ, P. Q. Huy và N. Đ. Thịnh, “Hoàn thiện pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ,” Tạp chí Tài chính, 08/4/2024. <https://tapchitaichinh.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-thuc-hanh-tiet-kiem-chong-lang-phi-trong-ban-hanh-thuc-hien-dinh-muc-tieu-chuan-che-do.html> (truy cập ngày 20/6/2025).

# GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC LÃNG PHÍ VÀ THAM NHŨNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC NGUỒN LỰC CÔNG

Nguyễn Thị Thảo Nguyễn<sup>302</sup>

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh dân tộc ta đang bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc thì vấn đề lãng phí và tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực gây bức xúc cho nhân dân đồng thời tác động đến tiến trình phát triển của đất nước. Việc cần thiết lúc bây giờ là khắc phục được lãng phí và tham nhũng để đất nước ta sẵn sàng bước vào kỷ nguyên mới. Nhiều chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước được đưa ra nhằm tìm ra giải pháp để khắc phục vấn đề lãng phí, tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công. Tuy đạt được những kết quả tích cực và dần dần được khắc phục song công tác phòng, chống lãng phí và tham nhũng ở một số nơi vẫn bộc lộ ra kẽ hở, hạn chế. Chính vì thế bài viết này nghiên cứu, đánh giá kết quả phòng chống lãng phí, tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công tại Việt Nam thời gian qua và có những giải pháp và khuyến nghị khắc phục lãng phí, tham nhũng.

**Từ khóa:** lãng phí, tham nhũng, quản lý nhà nước, ngân sách nhà nước, các nguồn lực công.

## 1. Đặt vấn đề

Vấn đề lãng phí và tham nhũng trong việc quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công luôn là vấn đề nhức nhối không chỉ ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý nhà nước đồng thời tác động xấu đến cả cộng đồng, xã hội và nhân dân. Thực tế xảy ra nhiều vụ án, vụ việc có liên quan tới lãng phí và tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công tiêu biểu gần đây như vụ án liên quan tới cơ sở 2 của Bệnh viện Việt Đức, Bạch Mai gây thất thoát, lãng phí cả nghìn tỷ đồng của ngân sách nhà nước, các vụ án ở Tập đoàn Phúc Sơn, Thuận An cũng cho thấy có sự cấu kết giữa các doanh nghiệp ngoài Nhà nước với các cán bộ tham nhũng trong các dự án đầu tư công để trục lợi tài sản của Nhà nước.

Việc đánh giá thực trạng công tác khắc phục lãng phí, tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực sẽ mang tính cấp thiết trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới sẽ có những thời cơ mới để phát triển đất nước. Tuy đạt được nhiều kết quả nổi bật, quan trọng và có tính đột phá bên cạnh đó công tác phòng,

---

<sup>302</sup> Sinh viên Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh



chống lãng phí, tham nhũng cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất định. Đối với một số lĩnh vực quản lý công thì tham nhũng vẫn còn diễn biến phức tạp với tính chất nghiêm trọng như trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, y tế,... gây ra hậu quả nghiêm trọng. Còn hành vi lãng phí vẫn diễn ra phổ biến một số vụ việc còn gây lãng phí lớn cho ngân sách nhà nước và các nguồn lực công.

Do đó có thể thấy công cuộc phòng, chống lãng phí, tham nhũng là cuộc đấu tranh mang tính chất lâu dài, phức tạp, nếu thành công khắc phục được triệt để vấn đề lãng phí, tham nhũng sẽ góp phần quan trọng để vận hành một bộ máy quản lý nhà nước hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả và một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng và bền vững. Khi đưa ra giải pháp, khuyến nghị bài nghiên cứu cũng tham khảo, học hỏi kinh nghiệm từ các nước khác để khắc phục được tình trạng lãng phí, tham nhũng trong việc quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Sự cần thiết phải khắc phục lãng phí, tham nhũng trong việc quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công**

Trong bối cảnh dân tộc Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên thứ ba, “*Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*” do Đảng Cộng Sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo thì vấn đề lãng phí, tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công cần phải được giải quyết để góp phần tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, hạn chế tối đa tham nhũng trong quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước và các nguồn lực công, tập trung cho nhiều nguồn lực hơn cho công cuộc phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tại Phiên họp thứ 28 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí, Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo nhấn mạnh rằng, trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu phát triển đất nước đặt ra những nhiệm vụ hết sức quan trọng, mang tính cấp thiết và khẩn trương.

Chính vì thế việc khắc phục lãng phí, tham nhũng trong việc quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công là rất cần thiết nhằm đề xuất ra những giải pháp, biện pháp cụ thể, mang tính thực tiễn cao và đảm bảo cho việc thực hiện các giải pháp, biện pháp. Đây là nhiệm vụ cấp bách trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới xây dựng một hệ thống chính trị “*trong sạch – hiệu năng – hiệu quả*” là bước chuyển mình quan trọng cho đất nước.

## **2.2. Thực trạng khắc phục lãng phí, tham nhũng trong việc quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công**

### **2.2.1. Kết quả đã đạt được trong công tác phòng, chống lãng phí, tham nhũng**

Theo đó Thanh tra Chính phủ cũng ghi nhận nhiều kết quả nổi bật. Trong năm 2024 toàn bộ cơ quan Thanh tra đã tiến hành hàng nghìn cuộc thanh tra, phát hiện vi phạm kinh tế 129.888 tỷ đồng và 722 ha đất, xử lý thu hồi 101.519 tỷ đồng và 617 ha đất. Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội cuối năm 2024 các cơ quan điều tra trong lực lượng công an đã thụ lý và xử lý 1.538 vụ án tham nhũng với 3.897 bị can, thiệt hại trong các vụ án đang điều tra khoảng 4.759 tỷ đồng và gần 1.140 ha đất, trong đó đã thu hồi trên 684 tỷ đồng và gần 1.000 ha đất.<sup>(303)</sup> Những kết quả này cho thấy công tác phát hiện, xử lý hành vi vi phạm tham nhũng, lãng phí đã được tăng cường, với sự phối hợp đồng bộ giữa thanh tra, kiểm toán, điều tra và các cơ quan nhà nước có liên quan.

Đồng thời Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã tổ chức phiên họp để thảo luận và đóng góp ý kiến về việc thực hiện các Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm kể từ sau Phiên họp 27 cho đến nay. Thường trực Ban Chỉ đạo nhận thấy rằng các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan chức năng đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tích cực phối hợp và nghiêm túc thực hiện các Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo. Những kết quả tiêu biểu bao gồm như sau:

*Thứ nhất*, kể từ sau Phiên họp 27, các cơ quan tiến hành tố tụng toàn quốc đã khởi tố điều tra 1.132 vụ với 2.188 bị can, truy tố 1.201 vụ với 2.373 bị can và xét xử sơ thẩm 756 vụ với 1.672 bị cáo về tội tham nhũng, kinh tế và chức vụ. Riêng với các án trọng điểm do Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, đã khởi tố mới 1 vụ, bổ sung điều tra 25 bị can trong 7 vụ án, hoàn tất kết luận điều tra 3 vụ với 76 bị can, kết luận điều tra bổ sung 1 vụ với 7 bị can, ban hành cáo trạng truy tố 4 vụ với 46 bị can, xét xử sơ thẩm 3 vụ với 40 bị cáo và phúc thẩm 3 vụ với 149 bị cáo.

---

<sup>(303)</sup> Theo báo cáo của Tổng Thanh tra Chính phủ trình bày trước Quốc hội về công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng năm 2024. Xem bài viết: *Tổng Thanh tra Chính phủ báo cáo trước Quốc hội về công tác phòng, chống tham nhũng*, Thanh tra Chính phủ.

*Thứ hai*, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và các địa phương rà soát, xử lý kịp thời những công trình, dự án đầu tư công kéo dài có dấu hiệu rủi ro gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn của Nhà nước. Qua đó đã phân loại và xử lý 1.315 dự án đầu tư công, dự án ngoài ngân sách và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư đang gặp khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu khẩn trương thanh tra, gỡ vướng mắc cho cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, phấn đấu hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2025 theo chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.

*Thứ ba*, các lực lượng chức năng đã chủ động phối hợp và xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác thẩm định, định giá tài sản và thu hồi tài sản tham nhũng. Đối với các vụ việc do Ban Chỉ đạo trực tiếp theo dõi kể từ sau Phiên họp 27, đến nay đã hoàn tất 12 kết luận giám định, định giá tài sản, đồng thời cơ quan thi hành án dân sự đã thu hồi trên 6.000 tỷ đồng, đưa tổng số tiền thu hồi từ khi Ban Chỉ đạo thành lập lên 102.040 tỷ đồng.

*Thứ tư*, cấp ủy và tổ chức đảng đã tập trung chỉ đạo rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống thể chế của Đảng, pháp luật Nhà nước, đặc biệt là các quy định về tổ chức và hoạt động của những cơ quan sau sắp xếp, tinh gọn. Từ đầu nhiệm kỳ XIII đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành trên 170 văn bản liên quan đến công tác xây dựng Đảng, hoàn thiện hệ thống chính trị và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cùng với đó Quốc hội và Chính phủ cũng đã thông qua 69 luật, pháp lệnh cùng hơn 800 nghị quyết, nghị định về quản lý kinh tế-xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.<sup>(304)</sup>

Toàn bộ những kết quả trên cho thấy Đảng và Nhà nước ta luôn luôn có sự chỉ đạo quyết liệt, mạnh mẽ đối với tình trạng tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực ngân sách nhà

---

<sup>(304)</sup> Theo đánh giá của Thường trực Ban chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực về thành tựu đạt được từ sau Phiên họp 27 cho đến nay. Xem bài viết: *Tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ" gắn với mục tiêu phát triển phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của đất nước*, Ban Nội Chính Trung ương.

nước và các nguồn lực công. Cùng với là sự vào cuộc kịp thời, nhanh chóng của các cấp ủy, chính quyền và với việc áp dụng đồng loạt các biện pháp như thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra và xử lý nghiêm minh từ đó ngăn chặn kịp thời các hành vi lợi dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực công. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới việc thành công trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn khẳng định uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường khu vực và quốc tế trong bối cảnh Việt Nam đang thu hút các công ty, tập đoàn lớn trên thế giới đến với Việt Nam nhằm phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ.

### ***2.2.2. Một số hạn chế trong công tác phòng, chống lãng phí, tham nhũng***

Tuy đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng công tác phòng, chống lãng phí, tham nhũng cũng bộc lộ tỏ ra một số hạn chế nhất định dẫn đến công cuộc phòng, chống lãng phí, tham nhũng gặp nhiều khó khăn:

*Thứ nhất về tham nhũng* vẫn còn xảy ra ở nhiều cấp, ngành, lĩnh vực ở cả trung ương lẫn địa phương với diễn biến phức tạp. Phần lớn các hành vi phạm tội được thực hiện dưới hình thức đồng phạm, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng, trải dài trên các lĩnh vực quan trọng của đời sống kinh tế – xã hội. Đáng chú ý là các vi phạm xảy ra trong hoạt động đấu thầu, đấu giá tài sản và mua sắm công, đầu tư công, đặc biệt tại các lĩnh vực nhạy cảm như bảo hiểm, y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng. Ngoài ra, tham nhũng cũng diễn ra gây hậu quả nghiêm trọng trong quản lý và sử dụng đất đai, ngân sách nhà nước và các cơ sở hạ tầng, hoạt động đăng kiểm, thực hiện chính sách xã hội, công tác phòng, chống dịch,... Hành vi tham nhũng còn xuất hiện ở lĩnh vực như hải quan, thuế, chính sách,...

Việc thiếu công khai, minh bạch trong các lĩnh vực như quy hoạch, định giá đất, dự phòng ngân sách, đầu tư, mua sắm công và công tác cán bộ vẫn còn diễn ra tại một số địa phương, đơn vị đã tạo ra kẽ hở cho hành vi tham nhũng. Quy mô các vụ việc, vụ án tham nhũng trong thời gian qua ngày càng lớn và nghiêm trọng. Đáng chú ý, nhiều đối tượng bị xử lý trong các vụ án tham nhũng là cán bộ, đảng viên giữ vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước, thậm chí không ít người tại thời điểm bị bắt giữ vẫn đang giữ chức vụ cao trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Thực trạng này phản ánh sự thâm nhập sâu của hành vi tham nhũng vào hệ thống chính trị và các cơ quan quản lý nhà nước đòi hỏi công tác phòng, chống tham nhũng phải tiếp tục được triển khai quyết liệt, toàn diện không có vùng cấm và không có ngoại lệ.

*Thứ hai về lãng phí* trong một số lĩnh vực như đầu tư, quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên tuy đã có bước chuyển biến tích cực và giải quyết được rõ rệt tuy nhiên một số vụ việc, vụ án khi giải quyết, khắc phục vẫn còn chậm. Công tác quản lý và sử dụng đất đai tại nhiều địa phương còn nhiều bất cập, tồn tại tình trạng sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả, dẫn đến lãng phí và sai phạm trong quản lý. Tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản sai quy định ở nhiều doanh nghiệp tại các địa phương gây thất thoát tài nguyên thiên nhiên và tác động xấu đến môi trường. Bên cạnh đó, cải cách hành chính và việc sử dụng thời gian lao động trong khu vực công vẫn còn hạn chế, hiệu suất làm việc chưa cao.

Ngoài ra công tác hoàn thiện thể chế vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế kéo dài qua nhiều năm nhưng không được giải quyết triệt để, nhất là tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định pháp luật trong một số lĩnh vực quan trọng như đầu tư, đất đai, bất động sản, nhà ở, xây dựng và quy hoạch, gây khó khăn và làm phát sinh những vướng mắc trong công tác quản lý, vận hành. Sự thiếu đồng bộ, nhất quán trong việc áp dụng pháp luật giữa các địa phương cũng là nguyên nhân khiến cho nhiều dự án đầu tư công gặp khó khăn, vướng mắc, dẫn đến đình trệ, ách tắc và gây lãng phí nguồn lực. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước về sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước và thanh toán nguồn vốn đầu tư công vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Việc phân bổ ngân sách chậm trễ, thiếu linh hoạt cũng góp phần tạo ra điểm nghẽn trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội.

### ***2.2.3. Giải pháp và khuyến nghị nhằm khắc phục lãng phí, tham nhũng trong việc quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công***

Từ thực trạng nêu trên bài viết xin đưa ra một số giải pháp và khuyến nghị để khắc phục được tình trạng lãng phí, tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công:

*Thứ nhất*, cần hoàn thiện và kiên quyết triển khai đồng bộ, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hệ thống thể chế về phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đầu tiên phải nhanh chóng khẩn trương tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá toàn diện các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí, cùng các văn bản pháp luật liên quan, để kịp thời sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tạo bước chuyển biến rõ rệt trong công tác phòng, chống lãng phí. Theo đó tiếp tục xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế nhằm phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm của tổ chức Đảng và đảng viên, hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực, tài sản

và thu nhập của những người giữ chức vụ, quyền hạn đặc biệt là cần có cơ chế để bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ, quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

*Thứ hai*, tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, theo đúng tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm xây dựng một hệ thống chính trị “*tin gọn – hiệu năng – hiệu quả*”. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện việc phòng chống tham nhũng, lãng phí có bản lĩnh vững vàng, phẩm chất liêm chính, kiên định trước mọi sự cám dỗ, mua chuộc và áp lực.

*Thứ ba*, triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong khu vực ngoài nhà nước và tăng cường hợp tác quốc tế trong việc truy bắt, dẫn độ các đối tượng bỏ trốn. Đẩy mạnh kiểm soát và ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lãng phí tại các doanh nghiệp, tổ chức ngoài khu vực nhà nước theo quy định pháp luật. Chủ động phát hiện, xử lý kịp thời các vụ việc tham nhũng, lãng phí đặc biệt là những trường hợp có sự cấu kết giữa doanh nghiệp với các cán bộ có dấu hiệu thoái hoá, biến chất để nhằm ngăn chặn sự hình thành “*nhóm lợi ích*” chiếm đoạt tài sản công, ngân sách nhà nước gây nên hành vi thao túng, lũng đoạn quyền lực, gây ảnh hưởng không tốt môi trường phát triển kinh tế – xã hội và cản trở sự vận hành thông suốt của bộ máy nhà nước.

*Thứ tư*, tiếp tục phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của các cơ quan, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội và toàn thể nhân dân trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và song song với đó phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội. Hoàn thiện các cơ chế để nhân dân tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, liêm chính và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trực tiếp phản ánh, tố cáo các hành vi tham nhũng, lãng phí.

*Thứ năm* khuyến khích cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ động thực hành tiết kiệm, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí từ đó hình thành thói quen quý trọng thời gian, tiền bạc, tài sản của Nhà nước và thành quả của nhân dân. Theo đó mỗi cán bộ, đảng viên cần nêu gương trong việc tuân thủ và chấp hành nghiêm điều lệ, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước đồng thời thực hiện đúng các quy tắc ứng xử,

chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ quy định về kiểm soát xung đột lợi ích, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, bè phái, cục bộ, “*lợi ích nhóm*”.

*Thứ sáu*, ở bối cảnh hiện nay Việt Nam đang dần hội nhập sâu rộng và chúng ta có thể học hỏi kinh nghiệm từ các nước trên thế giới để khắc phục lãng phí, tham nhũng trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công.

Đầu tiên là về tình trạng tham nhũng đó là cần tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế phòng, chống tham nhũng, đồng thời củng cố bộ máy nhà nước dựa trên nguyên tắc kiểm soát và cân bằng quyền lực. Tại Mỹ và nhiều quốc gia Tây Âu, công tác phòng, chống tham nhũng được chú trọng ngay từ khâu hoàn thiện thể chế, tức là tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng các nhánh quyền lực có thể giám sát, kiểm tra lẫn nhau và đặc biệt là có sự giám sát của tổ chức chính trị, xã hội khác và từ chính người dân. Mục tiêu là xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng lạm quyền, độc đoán, hay lợi dụng quyền lực nhằm tối đa hóa lợi ích cá nhân.

Tiếp đến đó là tình trạng lãng phí cần chủ động áp dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào công tác quản lý nhà nước; thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số quốc gia nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch gắn với phòng, chống lãng phí. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải được báo cáo định kỳ và công khai rộng rãi. Singapore đã xây dựng và vận hành hệ thống GeBIZ (Government Electronic Business System) như một giải pháp chiến lược nhằm hiện đại hóa quy trình đấu thầu, đồng thời nâng cao hiệu quả và chất lượng quản trị tài chính công. Theo đó GeBIZ được xem là công cụ quan trọng hỗ trợ Singapore triển khai hiệu quả chính sách tiết kiệm và chống lãng phí trong mua sắm công. Nền tảng này giúp cắt giảm đáng kể chi phí giao dịch nhờ loại bỏ các thủ tục giấy tờ truyền thống, đồng thời nâng cao tính minh bạch bằng việc công khai toàn bộ thông tin đấu thầu trực tuyến, từ giá trị gói thầu, tiêu chí đánh giá cho đến danh sách nhà cung cấp trúng thầu. Doanh nghiệp và người dân có thể dễ dàng truy cập, tra cứu thông tin mọi lúc, mọi nơi.<sup>(305)</sup>

### **3. Kết luận**

Trong bối cảnh mới Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đặt ra cho chúng ta nhiều

---

<sup>(305)</sup> Xem bài viết: *Hệ thống đấu thầu công trực tuyến của Singapore: Công cụ chống lãng phí hiệu quả*, Báo Đại biểu Nhân dân.

mục tiêu, nhiệm vụ mới. Theo đó công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, cần phải được tiếp tục và bảo đảm với phương pháp tiếp cận mới khoa học và phù hợp với thực tiễn. Đồng thời đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí trong quản lý ngân sách nhà nước và các nguồn lực công cũng góp phần tìm ra những giải pháp, biện pháp cụ thể, hạn chế còn tồn đọng để khắc phục một cách triệt để, hạn chế tối đa và đồng thời có sự rút kết kinh nghiệm từ các nước khác trên thế giới để khắc phục được tình trạng lãng phí, tham nhũng đem lại sự tín nhiệm, uy tín của Đảng và Nhà nước trước nhân dân và giúp các nguồn thu, chi ngân sách nhà nước được công khai, minh bạch, các tài sản của Nhà nước được sử dụng để phục vụ người dân đặc biệt là tận dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao để góp phần xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới, nâng cao vị thế của Việt Nam trước bạn bè thế giới.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quốc hội (2013), Khoản 1 Điều 3 *Luật Phòng, chống tham nhũng* năm 2018.
2. Quốc hội (2013), Khoản 2 Điều 3 *Luật Thực hành, tiết kiệm chống lãng phí* năm 2013.
3. Vũ Việt Hà (2025). Luận giải về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Quản lý nhà nước*.
4. Đặng Văn Dũng (2025). Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực – Nhân tố cốt lõi bảo đảm thành công trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. *Tạp chí Cộng sản*.



# NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ LÃNG PHÍ TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

*Lê Nguyễn Minh Thư & Đào Nguyễn Trúc Linh<sup>306</sup>*

**Tóm tắt:** Đạo đức công vụ là nền tảng bảo đảm liêm chính, minh bạch và hiệu quả bộ máy nhà nước, góp phần phòng ngừa tham nhũng. Tại Việt Nam (2020–2024), vi phạm đạo đức công vụ gây thiệt hại lớn và giảm niềm tin xã hội do pháp luật chưa đồng bộ, giám sát yếu, đãi ngộ thấp và đào tạo hình thức. Giải pháp gồm xây dựng Bộ Quy tắc Đạo đức có giá trị pháp lý, hoàn thiện luật phòng chống tham nhũng, đào tạo thực hành, giám sát đa chiều, ứng dụng công nghệ, nâng chế độ đãi ngộ và cơ chế “cửa ra” công khai. Thực hiện đồng bộ giúp xây dựng công chức liêm chính, tận tâm, củng cố niềm tin xã hội và phát triển bền vững Nhà nước pháp quyền.

**Từ khóa:** Nâng cao đạo đức công vụ; Phòng chống tham nhũng hiệu quả; Quản lý công minh bạch.

## 1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là lực lượng then chốt quyết định hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái về đạo đức công vụ, vi phạm chuẩn mực ứng xử, thậm chí lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham nhũng, lãng phí, gây tổn hại nghiêm trọng đến lòng tin của nhân dân đối với bộ máy nhà nước(1).

Theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ, chỉ riêng năm 2024, toàn quốc đã phát hiện 377 vụ việc tham nhũng, với tổng số tiền, tài sản vi phạm hơn 9.200 tỷ đồng và hơn 100 ha đất (5)(10). Trong đó, nhiều vụ việc liên quan đến lạm quyền trong quản lý đất đai, đầu tư công, đấu thầu mua sắm, và cấp phép xây dựng. Những con số này không chỉ phản ánh mức độ nghiêm trọng của vấn đề mà còn cho thấy yêu cầu cấp bách phải **nâng cao đạo đức công vụ** như một giải pháp gốc rễ trong phòng, chống tham nhũng và lãng phí.

Đạo đức công vụ không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là giá trị văn hóa cốt lõi của nền hành chính, bảo đảm cho bộ máy nhà nước hoạt động minh bạch, liêm chính và vì dân. Việc nâng cao đạo đức công vụ là con đường dài hạn, bền vững, góp phần phòng

---

<sup>306</sup> Sinh viên Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh

ngừa từ xa các hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời củng cố niềm tin xã hội đối với Nhà nước.

## **2. Cơ sở lý luận về đạo đức công vụ trong phòng, chống tham nhũng và lãng phí**

### ***2.1. Khái niệm và vai trò của đạo đức công vụ***

Theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), đạo đức công vụ được hiểu là “hệ thống các chuẩn mực về nhận thức, thái độ và hành vi mà cán bộ, công chức phải nghiêm túc tuân thủ trong quá trình thực thi nhiệm vụ, nhằm bảo đảm tính liêm chính, khách quan, công bằng, minh bạch và trách nhiệm giải trình”. Có thể nói, đạo đức công vụ chính là “lá chắn vô hình” nhưng cực kỳ vững chắc, là kim chỉ nam định hướng mọi hành động của người thực thi quyền lực nhà nước, để quyền lực ấy không bị lạm dụng mà thực sự vận hành theo phương châm “vì dân, do dân và phục vụ nhân dân”(1).

Trong bối cảnh công tác phòng, chống tham nhũng và lãng phí, đạo đức công vụ giữ vai trò then chốt và được thể hiện rõ nét trên ba phương diện trọng yếu:

*Thứ nhất, ngăn ngừa vi phạm từ gốc rễ:* Đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh đạo đức vững vàng sẽ tạo thành “hàng rào bảo vệ” kiên cố, giúp cá nhân tự kháng cự trước các cám dỗ vật chất và sức ép từ lợi ích nhóm. Đây được xem như một cơ chế “tự miễn dịch” nội bộ của bộ máy hành chính nhà nước, giúp hạn chế tối đa những hành vi sai phạm ngay từ ý nghĩ và hành động ban đầu. Nếu được nuôi dưỡng và duy trì thường xuyên, cơ chế này góp phần làm giảm đáng kể nhu cầu can thiệp xử lý kỷ luật hay truy cứu trách nhiệm pháp lý sau này.

*Thứ hai, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình:* Đạo đức công vụ đặt nền tảng trên nguyên tắc liêm chính, tạo điều kiện để mọi quyết định hành chính, từ việc phê duyệt dự án, phân bổ ngân sách đến ký kết hợp đồng, được thực hiện theo cách thức công khai, minh bạch và có thể kiểm chứng. Khi đó, các “khoảng tối” trong quy trình công vụ sẽ được thu hẹp tối đa, đồng thời mở rộng không gian cho sự giám sát độc lập từ báo chí, người dân và các cơ quan chức năng(6). Qua đó, hành vi tham nhũng, lãng phí sẽ bị phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời(7).

*Thứ ba, củng cố niềm tin xã hội và nâng cao uy tín của Nhà nước:* Việc đội ngũ công chức hành xử theo chuẩn mực đạo đức không chỉ làm tăng hiệu quả quản lý nhà nước mà còn góp phần xây dựng hình ảnh một nền hành chính “phục vụ – đồng hành” với nhân dân, thay thế cho mô hình “quản lý – ban phát” truyền thống (8). Sự thay đổi này là yếu tố then chốt để củng cố niềm tin của người dân và cộng đồng doanh nghiệp vào sự

công bằng, minh bạch và hiệu quả của hệ thống chính trị và bộ máy công quyền(9). Kinh nghiệm từ các quốc gia phát triển như New Zealand, Đan Mạch cho thấy, những nước có chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) ở mức rất cao đều sở hữu đội ngũ công chức được đào tạo bài bản, liên tục rèn luyện và thực thi đạo đức công vụ một cách nghiêm túc (10).

## ***2.2. Môi quan hệ giữa đạo đức công vụ và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí – Thực tiễn tại Việt Nam***

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng và lãng phí, song cũng đang đối mặt với những thách thức lớn liên quan trực tiếp đến yếu tố đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức.

### ***2.2.1. Thực trạng suy thoái đạo đức công vụ là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng và lãng phí***

Báo cáo Thanh tra Chính phủ và các cơ quan chức năng trong giai đoạn 2020–2023 cho thấy hơn 12.500 vụ việc vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng và sai phạm kinh tế, gây thất thoát thiệt hại trên 33.000 tỷ đồng cùng gần 1.000 ha đất(5). Đáng lưu ý, hơn 40% số vụ việc này có nguyên nhân trực tiếp từ sự suy thoái đạo đức công vụ như nhận hối lộ, lạm quyền, thiếu trách nhiệm trong quản lý tài sản công, hoặc hình thành “lợi ích nhóm”.

Điều này cho thấy, vi phạm đạo đức công vụ không chỉ là biểu hiện đơn lẻ mà là nguyên nhân nền tảng tạo điều kiện cho các hành vi tham nhũng và lãng phí phát sinh và lan rộng.

### ***2.2.2. Nỗ lực hoàn thiện thể chế và tăng cường giáo dục đạo đức công vụ***

Nhận thức được vai trò cốt lõi của đạo đức công vụ trong phòng, chống tham nhũng, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao đạo đức và ý thức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức. Tiêu biểu là:

Ban hành và triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW (2022), nhấn mạnh tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, vụ lợi trong bộ máy nhà nước(1).

Phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg (2018), đề cao liêm chính, tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và kỷ luật trong công tác cán bộ(2).

Củng cố hệ thống pháp luật về đạo đức công vụ và phòng, chống tham nhũng, như Luật Phòng, chống tham nhũng (2018) và Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi 2019)(4).

Ngoài ra, công tác đào tạo, bồi dưỡng về đạo đức công vụ cũng được tăng cường, song thực tiễn cho thấy việc này còn mang tính hình thức, chưa tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành vi của một bộ phận cán bộ công chức.

### *2.2.3. Thách thức trong thực thi đạo đức công vụ tại Việt Nam*

Mặc dù có khung pháp lý tương đối đầy đủ, nhưng thực thi đạo đức công vụ tại Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn:

Cơ chế giám sát chưa hiệu quả: Thanh tra nội bộ và giám sát xã hội còn thiếu tính liên tục, đồng bộ và sâu sát, dẫn đến việc xử lý vi phạm chưa triệt để. Các vụ việc vi phạm đạo đức công vụ thường chỉ bị phát hiện sau khi gây hậu quả nghiêm trọng(5).

Chế độ đãi ngộ chưa tương xứng: Mức lương và phúc lợi cho công chức vẫn còn hạn chế, chưa khuyến khích được tinh thần làm việc tận tụy và chống lại các cám dỗ bên ngoài (7).

Văn hóa ứng xử và môi trường công vụ: Một bộ phận công chức còn giữ thái độ quan liêu, né tránh trách nhiệm hoặc có hành vi thiếu tôn trọng người dân trong giải quyết công việc, làm giảm niềm tin xã hội(8).

### *2.2.4. Vai trò then chốt của đạo đức công vụ trong xây dựng nền hành chính liêm chính, minh bạch*

Đạo đức công vụ được xem là “nền móng” để nâng cao chất lượng quản lý công, tạo điều kiện thuận lợi cho phòng, chống tham nhũng và lãng phí. Một nền hành chính minh bạch, trách nhiệm không thể thiếu đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức vững vàng, biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân và sẵn sàng chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhân dân(6).

Thực tiễn một số địa phương như Quảng Ninh và Đà Nẵng cho thấy, khi áp dụng mạnh mẽ chuyển đổi số, kết hợp với mô hình “Chính quyền phục vụ” và đánh giá sự hài lòng của người dân, hiệu quả phòng, chống tham nhũng và nâng cao đạo đức công vụ có chuyển biến tích cực(9).

## **2.3. Khung lý thuyết và mô hình phân tích đạo đức công vụ**

Đạo đức công vụ không đơn thuần là một tập hợp các chuẩn mực đạo đức cá nhân mà là một hệ thống phức hợp, trong đó bao gồm các yếu tố tâm lý, xã hội, tổ chức và pháp lý nhằm định hướng và kiểm soát hành vi của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi nhiệm vụ công. Việc xây dựng và phát triển một hệ thống đạo đức công vụ vững chắc cần dựa trên các cơ sở lý thuyết và mô hình phân tích được khoa học chứng minh,

nhằm hiểu rõ các nhân tố tác động, mối quan hệ tương tác và cơ chế vận hành của đạo đức công vụ trong thực tiễn.

### **3. Thực trạng hiện nay của đạo đức công vụ trong phòng, chống tham nhũng và lãng phí**

#### ***3.1. Khái quát chung***

Trong tiến trình đổi mới quản trị quốc gia và thúc đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính, đạo đức công vụ được coi là một trong những trụ cột quan trọng, bảo đảm tính liêm chính, minh bạch cũng như hiệu quả vận hành của bộ máy nhà nước(1). Những năm gần đây, Việt Nam đã ban hành và triển khai nhiều chính sách, văn bản pháp luật nhằm nâng cao chuẩn mực hành vi và ý thức đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức. Điển hình là Đề án Văn hóa công vụ theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ(2), với mục tiêu xây dựng một nền công vụ liêm chính, tận tâm, trách nhiệm và sáng tạo. Đồng thời, việc triển khai đồng bộ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia cũng góp phần thiết thực trong việc giảm thiểu tối đa tiếp xúc trực tiếp giữa công chức và người dân, từ đó hạn chế nguy cơ phát sinh các hành vi tiêu cực, những nhiễu trong quá trình giải quyết công việc(3).

Một số địa phương đã trở thành điểm sáng tiêu biểu cho mô hình nâng cao đạo đức công vụ gắn liền với công tác phòng, chống tham nhũng và lãng phí. Chẳng hạn, tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng thành công mô hình “Chính quyền phục vụ” với việc cung cấp 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4(4); thành phố Đà Nẵng áp dụng hệ thống đánh giá sự hài lòng của người dân qua các kênh trực tuyến theo thời gian thực, qua đó nhanh chóng phát hiện và xử lý các hành vi nhiễu, tiêu cực, nâng cao chất lượng phục vụ(5).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan, thực trạng đạo đức công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập đáng lo ngại. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa thực sự đặt lợi ích công cộng lên trên lợi ích cá nhân(6), dẫn đến nhiễu hành vi vi phạm đạo đức công vụ xảy ra trên diện rộng trong các lĩnh vực trọng yếu như đầu tư công, y tế, giáo dục, và quản lý đất đai(7). Đặc biệt, tình trạng lãng phí trong mua sắm công và sử dụng tài sản nhà nước vẫn diễn biến phức tạp, gây thất thoát ngân sách quốc gia, đồng thời làm giảm sút lòng tin của người dân đối với bộ máy hành chính(8).

#### ***3.2. Những biểu hiện vi phạm điển hình***

Theo Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023 của Thanh tra Chính phủ(1), giai đoạn 2020–2023 đã ghi nhận tổng cộng 12.504 vụ việc tham nhũng và sai phạm kinh tế, gây thiệt hại kinh tế lên tới hơn 33.000 tỷ đồng cùng với hơn 923 ha đất đai bị thất thoát. Đáng chú ý, trong số các vụ việc này, khoảng 43% có nguyên nhân trực tiếp liên quan đến vi phạm chuẩn mực đạo đức công vụ(2). Những con số này không chỉ phản ánh thực trạng vi phạm nghiêm trọng mà còn cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa suy thoái đạo đức công vụ với các hành vi tham nhũng và lãng phí trong bộ máy hành chính(3).

Những biểu hiện vi phạm đạo đức công vụ phổ biến có thể được phân tích qua các dạng chính sau đây:

Nhận hối lộ và lợi dụng chức vụ quyền hạn: Đây là hình thức vi phạm nghiêm trọng nhất, thường xảy ra tại các khâu có tính nhạy cảm cao như cấp phép, phê duyệt dự án, đấu thầu và mua sắm công(4). Vụ án tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) Hà Nội trong giai đoạn 2021–2022 là minh chứng điển hình, khi cán bộ y tế nhận hàng chục tỷ đồng “hoa hồng” từ doanh nghiệp cung ứng kit xét nghiệm COVID-19, vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc liêm chính và trách nhiệm phục vụ nhân dân(5).

Buông lỏng quản lý và thiếu trách nhiệm: Nhiều trường hợp cán bộ, công chức thiếu sự gắn bó trách nhiệm trong công tác quản lý, dẫn đến thất thoát tài sản công(6). Việc mua sắm vượt quá nhu cầu, hoặc thiết bị y tế tồn kho kéo dài gây lãng phí ngân sách là những ví dụ điển hình phản ánh sự yếu kém trong quản trị công(8).

Hình thành “lợi ích nhóm”: Hiện tượng công chức cấu kết với doanh nghiệp để thao túng chính sách, tạo ưu đãi bất hợp pháp cho nhóm lợi ích nhất định, làm méo mó môi trường cạnh tranh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phân bổ công bằng nguồn lực quốc gia.

Vi phạm chuẩn mực ứng xử với người dân: Một số công chức lợi dụng vị trí, chức trách để gây khó khăn, trì hoãn trong tiếp nhận và xử lý hồ sơ; đồng thời “gợi ý” các khoản chi phí ngoài quy định(9). Những hành vi này làm suy yếu niềm tin của người dân đối với bộ máy hành chính nhà nước, tạo tiền lệ xấu ảnh hưởng lâu dài đến môi trường công vụ(10).

### **3.3. Nguyên nhân**

#### **3.3.1. Nguyên nhân khách quan**

##### ***Thứ nhất, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ và thiếu tính ràng buộc hiệu quả***

Mặc dù trong những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về đạo đức công vụ cũng như các chế tài xử lý hành vi vi phạm, song

thực tế cho thấy hệ thống này vẫn còn phân tán rời rạc, thiếu tính thống nhất và đồng bộ(5). Các quy định về đạo đức công vụ hiện nằm rải rác trong nhiều luật, nghị định, thông tư khác nhau, chưa có một bộ quy tắc chuẩn mực mang tính hệ thống và pháp lý cao, có thể áp dụng nhất quán trên toàn quốc. Tình trạng “mỗi nơi một kiểu”, “địa phương hóa” các quy định dẫn tới hiệu quả quản lý và giám sát bị suy giảm nghiêm trọng, gây khó khăn trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm(6).

#### ***Thứ hai, cơ chế giám sát còn bất cập, hiệu quả thực thi chưa cao***

Mặc dù công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ được triển khai tại nhiều cơ quan, đơn vị, song phần lớn vẫn mang tính hình thức và nặng về thủ tục hành chính. Việc thanh tra, kiểm tra chưa đi sâu vào việc phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm và xử lý kịp thời, làm giảm tác dụng răn đe(5). Bên cạnh đó, mặc dù vai trò giám sát của xã hội, báo chí và các tổ chức xã hội dân sự đã được ghi nhận trong luật pháp, nhưng thực tiễn triển khai các cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và phản hồi từ phía người dân còn yếu kém. Điều này khiến các biện pháp giám sát xã hội chưa phát huy tối đa tác dụng phòng ngừa và phát hiện vi phạm(9).

#### ***Thứ ba, chuyển đổi số chưa được triển khai đồng đều, chưa thực sự tạo hàng rào phòng ngừa vi phạm***

Trên thực tế, nhiều địa phương mới chỉ áp dụng dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cơ bản như tiếp nhận hồ sơ và tra cứu kết quả, chưa hoàn thiện toàn bộ quy trình xử lý công việc trên nền tảng số(7). Việc vẫn còn duy trì tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ công chức và người dân ở nhiều khâu thủ tục đã tạo ra “khoảng trống” thuận lợi cho các hành vi tiêu cực như nhũng nhiễu, vòi vĩnh phát sinh. Đây là một trong những hạn chế đáng kể khiến công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí khó đạt hiệu quả mong muốn(10).

#### ***3.3.2. Nguyên nhân chủ quan***

##### ***Suy thoái đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp của một bộ phận cán bộ, công chức***

Một bộ phận cán bộ, công chức chưa thực sự nhận thức sâu sắc và toàn diện về sứ mệnh thiêng liêng của mình trong việc phục vụ nhân dân, bảo vệ lợi ích công cộng. Khi đứng trước những cám dỗ về vật chất hay chịu áp lực từ các mối quan hệ lợi ích nhóm, họ dễ dàng buông lỏng các chuẩn mực đạo đức, vi phạm nguyên tắc liêm chính, công bằng và trách nhiệm giải trình. Hiện tượng này phản ánh rõ sự thiếu hụt một “hệ miễn dịch đạo đức” vững chắc trong đội ngũ cán bộ công vụ, làm gia tăng nguy cơ tham nhũng, tiêu cực.

##### ***Chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc chưa tương xứng với yêu cầu thực tế***

Mức thu nhập hiện tại của cán bộ, công chức, đặc biệt trong các lĩnh vực có yêu cầu chuyên môn cao hoặc cường độ công việc lớn, vẫn còn thấp và chưa đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu về đời sống(7). Sự chênh lệch rõ rệt giữa trách nhiệm công vụ và thu nhập hợp pháp tạo ra tâm lý bất mãn, thậm chí thúc đẩy một bộ phận công chức tìm kiếm các nguồn thu nhập ngoài lương, tiềm ẩn nguy cơ vi phạm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp(10).

***Chương trình đào tạo, bồi dưỡng đạo đức công vụ còn mang tính hình thức, thiếu tính thực hành***

Nhiều chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện nay chủ yếu tập trung truyền đạt lý thuyết, thiếu các bài tập tình huống giả định (case study) và các buổi diễn tập thực tế(2). Do đó, cán bộ công chức không được trang bị đầy đủ các kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn, đặc biệt là kỹ năng nhận diện và từ chối các hành vi có dấu hiệu tiêu cực trong môi trường công vụ. Điều này hạn chế khả năng nâng cao bản lĩnh và ý thức trách nhiệm của đội ngũ công chức trước những thử thách trong công tác phòng, chống tham nhũng và lãng phí(6).

***3.4. Đánh giá tổng quát***

Thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng và lãng phí trong khu vực hành chính nhà nước trong những năm gần đây bộc lộ một nghịch lý rõ nét: mặc dù hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, cùng với việc tăng cường các chiến dịch thanh tra, kiểm tra và công tác tuyên truyền, số lượng các vụ việc vi phạm vẫn ở mức cao và có chiều hướng phức tạp hơn. Điều này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa các chuẩn mực đạo đức công vụ được quy định trên văn bản và thực tế hành xử trong quá trình thực thi công vụ.

Một trong những nguyên nhân cốt lõi nằm ở chỗ, nhiều vi phạm không xuất phát từ “khoảng trống pháp lý” mà bắt nguồn từ thiếu hụt trong thực thi và giám sát. Dù quy định có rõ ràng, song nếu cơ chế ràng buộc và kiểm soát chưa đủ mạnh mẽ và toàn diện thì nguy cơ vi phạm vẫn luôn hiện hữu. Tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” – nơi mà các cấp lãnh đạo cấp cao thể hiện quyết tâm quyết liệt nhưng cán bộ cơ sở lại thực hiện nửa vời, mang tính đối phó – vẫn là một điểm yếu cố hữu, cần được khắc phục triệt để.

Bên cạnh đó, các nguyên nhân chủ quan như suy thoái đạo đức, bản lĩnh yếu kém, áp lực kinh tế đối với cán bộ công chức đã trở thành “mảnh đất màu mỡ” thuận lợi cho các hành vi tham nhũng và lãng phí phát sinh. Khi cơ chế đãi ngộ chưa đảm bảo, công tác đào tạo còn hình thức, và công nghệ phòng ngừa chưa được triển khai đồng bộ thì việc kỳ



vọng xây dựng một môi trường công vụ liêm chính, minh bạch sẽ rất khó thực hiện bền vững.

Từ góc nhìn quản trị công hiện đại, vấn đề đạo đức công vụ không thể chỉ đơn thuần giải quyết bằng các biện pháp truyền thông hay xử lý hậu vi phạm. Thay vào đó, cần xây dựng một chiến lược tổng thể và liên tục, bao gồm: hoàn thiện thể chế với một bộ quy tắc đạo đức công vụ có giá trị pháp lý cao và tính áp dụng đồng bộ; thiết lập cơ chế giám sát đa tầng với sự phối hợp hiệu quả giữa thanh tra nội bộ, giám sát xã hội và kiểm toán độc lập; đồng thời đổi mới cơ chế đãi ngộ và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực hành tình huống cụ thể. Chỉ khi các yếu tố này được đồng bộ thực hiện mới có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng và lãng phí một cách bền vững và tự củng cố.

#### **4. Giải pháp nâng cao đạo đức công vụ trong phòng, chống tham nhũng và lãng phí**

Xuất phát từ thực trạng và nguyên nhân đã được phân tích ở các phần trước, việc nâng cao đạo đức công vụ trong khu vực hành chính nhà nước cần được triển khai một cách đồng bộ, toàn diện trên ba phương diện chính: thể chế, tổ chức thực hiện và yếu tố con người. Những giải pháp này không chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa tham nhũng, lãng phí hiệu quả mà còn góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, củng cố niềm tin của nhân dân vào bộ máy nhà nước.

##### **4.1. Giải pháp về thể chế**

Trước tiên, việc xây dựng và ban hành một Bộ Quy tắc Đạo đức công vụ quốc gia có giá trị pháp lý cao và tính áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống hành chính là hết sức cần thiết(2). Bộ quy tắc này phải xác định rõ ràng các chuẩn mực hành vi, nguyên tắc ứng xử và giới hạn trách nhiệm của cán bộ, công chức trong mọi tình huống thực thi công vụ. Tham khảo mô hình Code of Ethics của Singapore – quốc gia được đánh giá cao về liêm chính công vụ – cho thấy việc chuẩn hóa và công khai các quy định về đạo đức công vụ giúp định hướng hành vi công chức, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để xử lý nghiêm minh những hành vi sai phạm. Đây là bước đi nền tảng nhằm củng cố “hàng rào pháp lý” vững chắc, ngăn chặn từ gốc nguy cơ tham nhũng, tiêu cực(3).

Bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện Luật Phòng, chống tham nhũng theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh, bao gồm cả khu vực tư nhân có sử dụng vốn, tài sản nhà nước(3). Việc bịt kín các “khoảng trống pháp lý” đặc biệt trong hoạt động liên doanh, liên kết và xã hội hóa dịch vụ công là giải pháp then chốt nhằm ngăn chặn sự hình thành các

“lợi ích nhóm” – một trong những nguyên nhân sâu xa làm gia tăng tham nhũng, lãng phí trong thực tế.

#### ***4.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện***

Về mặt tổ chức, công tác đào tạo và bồi dưỡng đạo đức công vụ cần được đổi mới toàn diện theo hướng thực tiễn, gắn liền với kỹ năng xử lý tình huống cụ thể (case study). Việc này không chỉ giúp công chức nhận thức đúng đắn về chuẩn mực đạo đức mà còn rèn luyện khả năng ứng phó với các cám dỗ và áp lực trong quá trình thực thi công vụ, qua đó nâng cao bản lĩnh và sự kiên định giữ vững liêm chính.

Song song, cần tăng cường các kênh giám sát đa chiều, kết hợp hài hòa giữa thanh tra nội bộ, giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội dân sự và báo chí. Sự tham gia tích cực của cộng đồng và xã hội không chỉ giúp phát hiện kịp thời các sai phạm mà còn tạo áp lực mạnh mẽ, buộc cán bộ, công chức phải tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực đạo đức công vụ, giảm thiểu các hành vi tiêu cực phát sinh.

Đặc biệt, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công vụ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến là giải pháp then chốt để giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa công chức và người dân – một trong những “điểm nóng” phát sinh tham nhũng và những nhiễu. Hệ thống quản lý công việc điện tử toàn diện sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, giám sát chặt chẽ quy trình xử lý công việc, hạn chế tối đa các cơ hội lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi cá nhân.

#### ***4.3. Giải pháp về con người***

Yếu tố con người luôn là nhân tố quyết định thành bại của mọi chính sách. Trước hết, cần có chính sách đãi ngộ phù hợp, nâng cao thu nhập và cải thiện môi trường làm việc cho công chức. Thực tiễn tại các quốc gia phát triển như Singapore hay Hàn Quốc cho thấy khi mức thu nhập của công chức đủ để đảm bảo cuộc sống và được gắn chặt với hiệu quả công việc thông qua cơ chế thưởng – phạt minh bạch, tỷ lệ tham nhũng giảm đáng kể. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu xây dựng cơ chế tiền lương linh hoạt, kết hợp với chính sách thưởng phạt rõ ràng sẽ là động lực mạnh mẽ để giữ chân và khuyến khích đội ngũ cán bộ công chức liêm chính, tận tụy(10).

Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế “cửa ra” minh bạch, cho phép và khuyến khích những công chức không còn phù hợp hoặc thiếu năng lực đạo đức tự nguyện rời vị trí công vụ với các chính sách hỗ trợ hợp lý. Giải pháp này vừa giúp tinh gọn bộ máy, vừa loại bỏ tình trạng “ngồi lì” nhưng không hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện cho những

nhân sự có năng lực và đạo đức tốt hơn được bổ nhiệm, góp phần xây dựng bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh.

## **5. Kết luận**

Đạo đức công vụ là nền tảng không thể thiếu để bảo đảm tính liêm chính, minh bạch và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng và lãng phí giai đoạn 2020–2023 cho thấy mặc dù hệ thống pháp luật và cơ chế giám sát đã có những cải thiện rõ rệt, song tình trạng vi phạm chuẩn mực đạo đức công vụ vẫn diễn biến phức tạp, làm suy giảm niềm tin xã hội vào bộ máy nhà nước.

Nguyên nhân của thực trạng trên xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan, nổi bật là sự thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật, hiệu quả giám sát chưa cao, cùng với suy thoái đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp kém của một bộ phận cán bộ công chức. Mức đãi ngộ chưa tương xứng, môi trường làm việc còn nhiều áp lực và công tác đào tạo mang tính hình thức cũng góp phần làm giảm chuẩn mực đạo đức công vụ.

Vì vậy, việc nâng cao đạo đức công vụ cần được thực hiện như một chiến lược lâu dài, liên tục và đồng bộ, kết hợp giữa hoàn thiện thể chế, đổi mới tổ chức thực hiện và tập trung nâng cao yếu tố con người. Chỉ khi các giải pháp được triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả mới có thể xây dựng được đội ngũ công chức liêm chính, tận tâm, thực sự là “công bộc của dân”, góp phần phòng ngừa và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân vào Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng và phòng, chống chủ nghĩa cá nhân trong bộ máy nhà nước*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2018). *Quyết định số 1847/QĐ-TTg về Đề án Văn hóa công vụ*. Hà Nội.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2018). *Luật Phòng, chống tham nhũng*. Hà Nội.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)*. Hà Nội.
6. Nguyễn Văn An. (2023). *Đạo đức công vụ và phòng chống tham nhũng trong bộ máy hành chính nhà nước Việt Nam*. Tạp chí Quản lý Nhà nước, 12(3), 45–58.
7. Phạm Quang Cường. (2021). *Quản trị công hiện đại và cải cách hành chính tại Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

8. Trần Thị Bình. (2022). *Vai trò đạo đức công vụ trong nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng*. Tạp chí Pháp luật và Xã hội, 45(2), 120–135.
9. Báo Chính phủ Việt Nam. (2023). *Thực trạng và giải pháp nâng cao đạo đức công vụ trong bộ máy hành chính nhà nước*. Truy cập ngày 10 tháng 8 năm 2025, từ <https://chinhphu.vn/dao-duc-cong-vu>
10. Báo Nhân Dân. (2024). *Hơn 9.200 tỷ đồng thiệt hại do tham nhũng trong năm 2024*. Truy cập ngày 10 tháng 8 năm 2025, từ <https://nhandan.vn/tham-nhung-2024>

# SỰ CẦN THIẾT TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CÁN BỘ ĐOÀN, ĐOÀN VIÊN PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TỪ SỚM, TỪ XA

*Nguyễn Phạm Yến Vy & Trần Nguyễn Hải Đăng<sup>307</sup>*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích sự cần thiết của việc bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên về phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa, trong bối cảnh đấu tranh phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trên cơ sở các nghị quyết, kết luận của Đảng như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII và Kết luận 21-KL/TW, nhấn mạnh vai trò của tổ chức Đoàn trong việc nâng cao nhận thức, bản lĩnh và trách nhiệm chính trị của thanh niên, qua đó góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ vững vàng, góp phần vào công cuộc phòng, chống tham nhũng một cách chủ động, toàn diện.

**Từ khóa:** Bồi dưỡng cán bộ; Đoàn viên; Phòng, chống tham nhũng.

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới đã nhấn mạnh: “Chủ động phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi biểu hiện ‘tự diễn biến’, ‘tự chuyển hóa’ trong nội bộ; tăng cường rèn luyện cán bộ, đảng viên trẻ về bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng” (1). Vì vậy, việc xây dựng và thực hiện chương trình bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên về phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa là một yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay. Đây là định hướng quan trọng nhằm nâng cao năng lực nhận thức chính trị, đạo đức cách mạng và tinh thần đấu tranh chống tiêu cực cho đội ngũ cán bộ trẻ – lực lượng kế thừa trực tiếp của Đảng. Việc thực hiện mục tiêu này không chỉ góp phần tăng cường “sức đề kháng” trước những biểu hiện suy thoái tư tưởng trong nội bộ Đoàn, mà còn nâng cao vai trò xung kích của thanh niên trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực – một nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ. Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự trong sạch, vững mạnh, việc phát huy vai trò của thanh niên – đặc biệt thông qua giáo dục, bồi dưỡng từ sớm, từ xa – trở thành giải pháp chiến lược, vừa mang tính phòng ngừa lâu dài, vừa tạo

ra chuyển biến nhận thức và hành động cụ thể. Điều này đòi hỏi tổ chức Đoàn phải đổi mới tư duy, nội dung, phương pháp bồi dưỡng, để mỗi đoàn viên không chỉ "nói không với tham nhũng" mà còn đủ bản lĩnh để "hành động chống tham nhũng". Trên cơ sở đó, cần xác định các định hướng chính sách phù hợp nhằm thể chế hóa nội dung giáo dục phòng, chống tham nhũng trong công tác Đoàn, đảm bảo tính liên tục, bài bản và hiệu quả trong thực tiễn.

## **2. Nội dung chính**

### **2.1. Quan niệm về bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên trong phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa**

#### **2.1.1. Quan niệm của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa**

Phòng, chống tham nhũng là một trong những nội dung cơ bản của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tham nhũng được hiểu là “hành vi của người có chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thực hiện hành vi trái pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” (3). Trong quan điểm chỉ đạo của Đảng, phòng, chống tham nhũng không chỉ là một hoạt động xử lý vi phạm, mà trước hết là một quá trình giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức công vụ và đạo đức xã hội, lấy “phòng ngừa là chính, xử lý là cần”, nhằm ngăn chặn từ gốc rễ nguy cơ tha hóa quyền lực.

Trong thời gian gần đây, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nhấn mạnh: “Phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực từ sớm, từ xa, cả ngọn lẫn gốc...” (5). Đây không chỉ là phương châm mang tính chiến lược, mà còn khẳng định vai trò then chốt của công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cán bộ từ khi còn là đoàn viên, sinh viên – tức là từ giai đoạn hình thành tư tưởng chính trị ban đầu. Là bước phát triển mới trong tư duy phòng, chống tham nhũng của Đảng – từ bị động xử lý sang chủ động phòng ngừa, từ xử lý hành vi sang giáo dục nhận thức và xây dựng bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên. Theo đó, việc phòng ngừa không chỉ dừng lại ở quy định pháp luật hay cơ chế kiểm tra, mà cần bắt đầu từ chính quá trình hình thành nhân cách, lý tưởng sống và năng lực hành động đúng đắn – đặc biệt với cán bộ trẻ.

Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng ta xác định rõ vai trò cốt lõi của giáo dục đạo đức cách mạng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “*Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là*

*kẻ thù của nhân dân, của chế độ ta. Nó là tội lỗi đối với nhân dân...”* (4) và yêu cầu cán bộ phải “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” để giữ gìn phẩm chất của người cán bộ cách mạng. Người cho rằng muốn chống được tham nhũng thì trước hết phải chống được chủ nghĩa cá nhân – tức là phải xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa từ bên trong. Đây là quan điểm xuyên suốt được Đảng ta vận dụng linh hoạt trong công tác cán bộ và giáo dục chính trị tư tưởng trong từng giai đoạn lịch sử.

Xuất phát từ thực tiễn đó, việc bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên về phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa chính là cách tiếp cận căn cơ và lâu dài, nhằm xây dựng lớp cán bộ trẻ không chỉ có kiến thức, mà còn có bản lĩnh, đạo đức và ý thức trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. “Từ sớm” là bắt đầu ngay trong quá trình hình thành lý tưởng sống, trước khi cán bộ được giao trọng trách. “Từ xa” là nhìn nhận phòng, chống tham nhũng như một quá trình giáo dục lâu dài, không phải đối phó tình huống. Đó cũng chính là cơ sở để Đảng và Nhà nước triển khai các chương trình giáo dục phòng, chống tham nhũng trong nhà trường, trong Đoàn, trong cán bộ trẻ.

Có thể khẳng định rằng, quan điểm phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa là biểu hiện của một tư duy lãnh đạo đổi mới, nhân văn và chiến lược, đặt trọng tâm vào con người và văn hóa chính trị. Việc bồi dưỡng thanh niên về bản lĩnh, trách nhiệm và đạo đức trong công cuộc phòng, chống tham nhũng không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà còn là nền tảng vững chắc để xây dựng đội ngũ kế cận “vừa hồng, vừa chuyên”, góp phần giữ vững niềm tin của nhân dân và bảo vệ nền tảng chính trị của Đảng trong tương lai.

#### *2.1.2. Quan niệm về vai trò của tổ chức Đoàn và đoàn viên trong công cuộc phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa*

Trong hệ thống chính trị nước ta, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, là “đội dự bị tin cậy của Đảng”, có sứ mệnh quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thanh niên được xem là lực lượng xung kích, là “rường cột của nước nhà”, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng. Vì vậy, Người đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, tinh thần trung thực, trách nhiệm và tinh thần cống hiến của thế hệ trẻ. Theo Bác, *“Đoàn viên thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, phải rèn luyện đạo đức cách mạng để làm tròn nhiệm vụ”* (6). Chính từ đó, Người yêu cầu Đoàn phải là lực lượng đi đầu trong việc xây dựng con người mới, xã hội mới, đặc biệt là trong việc chống lại cái xấu, cái tiêu cực, trong đó có tham nhũng.

Vai trò này xuất phát từ chính đặc điểm của thanh niên – lứa tuổi sung sức, nhạy bén với thời cuộc, dễ tiếp thu cái mới, có khát vọng vươn lên và tinh thần dân thân mạnh mẽ. Tuy nhiên, chính vì đang trong giai đoạn hoàn thiện nhân cách, thanh niên cũng dễ bị tác động bởi môi trường xã hội, dễ bị cám dỗ nếu thiếu bản lĩnh và sự định hướng đúng đắn. Trong điều kiện hiện nay, khi mặt trái của cơ chế thị trường, mạng xã hội và chủ nghĩa cá nhân ngày càng tác động sâu rộng, việc giáo dục và phát huy vai trò thanh niên trong phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa trở nên cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược.

Tổ chức Đoàn, với vai trò là “trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên”, cần được xác định là một kênh quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng thông qua các chức năng: (i) Giáo dục – giúp đoàn viên nhận thức đúng về bản chất, nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công giữa các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ; (ii) Hành động – xây dựng lối sống liêm chính, trách nhiệm, công khai minh bạch trong học tập, công tác và sinh hoạt; (ii) Nhà nước pháp quyền phải quản lý xã hội bằng pháp luật; (ii) Lan tỏa – truyền cảm hứng hành động tích cực đến cộng đồng thông qua phong trào, mô hình và hành động cụ thể; (iv) Tham mưu, phản biện – đóng góp ý kiến, giám sát và đề xuất chính sách liên quan đến giáo dục đạo đức, pháp luật, phòng chống tiêu cực trong giới trẻ.

Đoàn viên, với tư cách là những thanh niên tiên tiến, cần thể hiện vai trò trung tâm trong việc nâng cao “sức đề kháng” tư tưởng trước các biểu hiện tha hóa, và tiên phong lan tỏa các giá trị “liêm chính – trách nhiệm – kỷ cương – phụng sự”. Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng và kỹ năng hành động đúng đắn cho đoàn viên không chỉ là đầu tư cho tương lai của tổ chức Đoàn, mà còn là đảm bảo cho tương lai của Đảng – vì chính từ đội ngũ đoàn viên, nhiều cán bộ lãnh đạo các cấp sẽ được lựa chọn.

Tóm lại, tổ chức Đoàn và đoàn viên không chỉ có vai trò hỗ trợ, mà chính là một lực lượng then chốt trong công tác phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa. Xác định đúng vai trò này là cơ sở để triển khai các chương trình hành động cụ thể, gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục lý tưởng cách mạng với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tiêu cực trong toàn xã hội.

## ***2.2. Những vấn đề thực tiễn trong công tác bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên về phòng, chống tham nhũng***

**Thứ nhất**, những nội dung bồi dưỡng hiện nay vẫn chưa được chuẩn hóa, hệ thống hóa trong tài liệu chính thức của công tác Đoàn. Phần lớn các nội dung tuyên truyền, giáo dục phòng, chống tham nhũng được lồng ghép trong các hoạt động sinh hoạt chung, chưa



trở thành một nội dung đào tạo độc lập, xuyên suốt. Điều này phần nào ảnh hưởng đến tính liên tục và chiều sâu trong giáo dục nhận thức của đoàn viên, nhất là ở cấp chi đoàn. Việc thể chế hóa và chuẩn hóa nội dung thành tài liệu chính thống sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai đồng bộ, bài bản và lâu dài.

**Thứ hai**, phương pháp truyền đạt hiện nay phần lớn vẫn thiên về lý thuyết, thiếu tính trải nghiệm và tương tác. Nhiều buổi tuyên truyền vẫn áp dụng lối tiếp cận truyền thống như thuyết trình một chiều, đọc văn bản, chưa tạo được sự hứng thú hoặc khơi gợi tư duy phản biện ở đoàn viên. Trong khi đó, thanh niên là đối tượng có xu hướng tiếp cận kiến thức thông qua trải nghiệm thực tế, tình huống mô phỏng, diễn đàn đối thoại. Do đó, việc đổi mới phương pháp truyền đạt theo hướng sinh động, gần gũi sẽ góp phần nâng cao chất lượng tiếp nhận và khả năng hành động của đoàn viên.

**Thứ ba**, yêu cầu về đội ngũ giảng viên, báo cáo viên chuyên sâu về phòng, chống tham nhũng còn chưa được đáp ứng đầy đủ. Nhiều cán bộ Đoàn đảm nhiệm công tác giáo dục chính trị tư tưởng vẫn chưa được tập huấn chuyên môn sâu về nội dung này, hoặc chưa có kỹ năng truyền đạt phù hợp với đặc điểm tâm lý thanh niên. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng buổi bồi dưỡng và hiệu quả lan tỏa nhận thức. Do vậy, cần có sự đầu tư nhiều hơn cho việc nâng cao năng lực giảng viên, đặc biệt là kỹ năng sư phạm và cập nhật kiến thức chuyên ngành.

**Thứ tư**, sự phối hợp giữa tổ chức Đoàn và các cơ quan chuyên trách trong phòng, chống tham nhũng còn ở mức hạn chế. Nhiều cơ sở Đoàn chưa có điều kiện để phối hợp với các cơ quan như thanh tra, kiểm tra, tòa án, viện kiểm sát... trong việc tổ chức các hoạt động đối thoại, diễn đàn chuyên đề hoặc thực tập chính trị – hành chính. Việc thiếu phối hợp liên ngành dẫn đến nguồn lực chuyên môn chưa được huy động hiệu quả. Do đó, việc mở rộng liên kết giữa Đoàn và các cơ quan này sẽ là tiền đề để tăng tính thực tiễn và chiều sâu cho công tác giáo dục.

**Thứ năm**, các mô hình tiêu biểu và cá nhân xuất sắc trong công tác giáo dục phòng, chống tham nhũng vẫn chưa được phát hiện, nhân rộng và biểu dương kịp thời. Công tác tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động còn thiếu các tiêu chí cụ thể để đo lường chuyển biến nhận thức và hành động của đoàn viên. Sự thiếu hụt cơ chế khen thưởng cũng khiến cho một số địa phương, đơn vị thiếu động lực duy trì các sáng kiến hiệu quả. Việc xây dựng cơ chế đánh giá và động viên phù hợp sẽ góp phần tạo nên khí thế thi đua tích cực trong toàn hệ thống Đoàn.

Từ những điều trên có thể thấy, công tác bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên về phòng, chống tham nhũng đã có nền tảng ban đầu nhưng cần được tiếp tục hoàn thiện về cả nội dung, phương pháp, đội ngũ và cơ chế hỗ trợ. Nếu thực hiện tốt, đây sẽ là một trụ cột quan trọng trong chiến lược phòng, chống tham nhũng từ gốc, góp phần xây dựng một thể hệ thanh niên “vừa hồng, vừa chuyên” đúng như mong mỏi của Đảng và Bác Hồ.

### **3. Giải pháp thực hiện chương trình bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên về phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa**

Việc nâng cao nhận thức và vai trò của tổ chức Đoàn là giải pháp quan trọng trong quá trình này, cần ý thức sâu sắc về vai trò đặc biệt quan trọng của Đoàn trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đoàn phải là một thành viên tích cực tham gia cuộc đấu tranh này. Thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngay trong nội bộ bộ máy của Đoàn.

Định vị vai trò là "bộ lọc" quan trọng: Tổ chức Đoàn các cấp cần là những "bộ lọc" quan trọng, góp phần hoàn thiện cơ chế ngăn chặn từ gốc tham nhũng, tiêu cực bằng cách phát hiện kịp thời những đoàn viên, thanh niên ưu tú, giới thiệu cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp; đồng thời không để những phần tử cơ hội, vụ lợi, hám danh, hám quyền lực, mưu toan bẻ phái lọt vào trong bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị (7).

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức: Chú trọng hơn nữa công tác chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đoàn viên, thanh niên. Tạo môi trường rèn luyện đạo đức và lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, thanh niên trực tiếp cụ thể hóa các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Để xây dựng thể hệ thanh niên Việt Nam với phương châm "Tâm trong - Trí sáng - Hoài bão lớn", tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cần:

**Thứ nhất**, cần thể chế hóa nội dung bồi dưỡng phòng, chống tham nhũng trong công tác Đoàn, đưa chương trình này trở thành một phần chính thức trong hệ thống tài liệu đào tạo, sinh hoạt và đánh giá rèn luyện đoàn viên. Việc này nhằm tạo cơ sở vững chắc để triển khai lâu dài, đồng bộ ở các cấp Đoàn và đảm bảo đây không chỉ là hoạt động phong trào mà trở thành nhiệm vụ thường xuyên, bài bản.

**Thứ hai**, đổi mới nội dung và phương pháp bồi dưỡng để phù hợp hơn với thanh niên. Cần tăng cường yếu tố thực tiễn, gắn với các tình huống cụ thể, tổ chức các hoạt động trải nghiệm như diễn đàn, tọa đàm, đóng vai, từ đó giúp đoàn viên không chỉ hiểu mà còn biết cách ứng xử đúng đắn trước những biểu hiện tiêu cực. Giải pháp này nhằm

làm cho việc giáo dục đạo đức cách mạng và phòng, chống tham nhũng trở nên sinh động, thiết thực và gần gũi.

**Thứ ba**, chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên có chuyên môn về phòng, chống tham nhũng và am hiểu tâm lý thanh niên. Đồng thời, cần tổ chức các lớp tập huấn thường xuyên để cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng truyền đạt. Mục tiêu của giải pháp này là đảm bảo chất lượng nguồn lực thực hiện công tác bồi dưỡng và tăng tính thuyết phục trong giáo dục.

**Thứ tư**, tăng cường phối hợp giữa tổ chức Đoàn với các cơ quan như kiểm tra, thanh tra, tòa án, viện kiểm sát để hỗ trợ về chuyên môn và tổ chức các hoạt động như diễn đàn đối thoại, thực tập chính trị – hành chính. Qua đó, giúp đoàn viên hiểu rõ hơn về cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước và trách nhiệm công dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Giải pháp này nhằm mở rộng không gian học tập thực tiễn và tăng tính liên kết hệ thống.

**Thứ năm**, cần xây dựng cơ chế đánh giá, tổng kết và nhân rộng các mô hình bồi dưỡng hiệu quả; đồng thời biểu dương kịp thời những cán bộ Đoàn, đoàn viên có thành tích tiêu biểu trong việc thực hiện phòng, chống tiêu cực. Việc làm này nhằm tạo động lực cho đoàn viên, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và nhân lên các giá trị tích cực trong tổ chức Đoàn.

**Thứ sáu**, phát huy vai trò xung kích tuổi trẻ, phát động các phong trào, chương trình thiết thực, tạo ra những nền tảng chính trị - tư tưởng vững chắc, định hình và bồi dưỡng tác phong, đạo đức cách mạng để ĐVTN trưởng thành, vững vàng, tham gia có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng, chống TN, TC.

#### **4. Kết luận**

Phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của đất nước, sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và lòng tin của nhân dân. Trong công cuộc ấy, thanh niên và tổ chức Đoàn giữ vai trò đặc biệt quan trọng – không chỉ là lực lượng dự bị tin cậy của Đảng, mà còn là chủ nhân tương lai của đất nước, những người trực tiếp tham gia xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước, xã hội trong nhiều thập niên tới.

Chính vì vậy, việc triển khai chương trình bồi dưỡng cán bộ Đoàn, đoàn viên về phòng, chống tham nhũng từ sớm, từ xa cần được xem là một giải pháp có tính chiến lược, vừa góp phần phòng ngừa tiêu cực, suy thoái ngay từ trong nhận thức, đạo đức và

hành vi; vừa tạo nền tảng để xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng và tinh thần cống hiến cao.

Đây không chỉ là nhiệm vụ của riêng tổ chức Đoàn, mà cần có sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn và sự đồng thuận từ cộng đồng xã hội. Từng cán bộ Đoàn, từng đoàn viên phải được khơi dậy ý thức trách nhiệm công dân, được tiếp cận đầy đủ thông tin, kiến thức và kỹ năng để không chỉ “nói không với tham nhũng”, mà còn trở thành những người hành động – phản biện – lan tỏa – truyền cảm hứng cho những giá trị liêm chính, minh bạch, công bằng và phụng sự.

Một thế hệ trẻ vững mạnh về tư tưởng, bản lĩnh trong đạo đức, sáng tạo trong hành động – đó chính là bức tường thành vững chắc ngăn chặn sự tha hóa quyền lực ngay từ gốc rễ. Và đó cũng chính là niềm tin lớn lao của Đảng, của Bác Hồ kính yêu và của nhân dân dành cho thanh niên hôm nay – những người sẽ viết tiếp hành trình “chống giặc nội xâm” bằng chính trái tim trong sáng và đôi tay hành động.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá".

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết số 04-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 30/10/2016* về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

3. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Điều 3, khoản 1.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, 1996, t. 9, tr. 285.

5. Nguyễn Phú Trọng (2023), Phát biểu tại *Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm phòng chống tham nhũng*.

6. Hồ Chí Minh: (1965), *Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*, đăng Báo Nhân Dân ngày 15/10/1965; in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2011, tr. 509.

7. Vũ Đình Hoàng (2023), *Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và những vấn đề đặt ra với thanh niên*, Trang thông tin điện tử Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

# VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG TRONG CÔNG CUỘC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỤC

*Phan Gia Huy & Nguyễn Ngọc Lâm Anh & Huỳnh Lê Thanh Ngân<sup>308</sup>*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích tầm quan trọng về vai trò của truyền thông trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở nhận thức truyền thông là một giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin của người dân đối với các cơ quan quản lý nhà nước từ đó nâng cao chất lượng phục vụ của nền Hành chính nhà nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Bài viết tập trung làm rõ các hình thức và phương tiện truyền thông hiện đang phát huy hiệu quả trong việc phát hiện, phản ánh và giám sát các hành vi tham nhũng. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng phòng chống tham nhũng tiêu cực từ sớm, từ xa một cách chuyên nghiệp, độc lập và hiệu quả góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch và liêm chính.

**Từ khóa:** Công tác truyền thông, Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là yêu cầu cấp thiết. Đặc biệt, trong kỷ nguyên chuyển đổi số và minh bạch hóa, truyền thông ngày càng thể hiện vai trò là kênh phản biện xã hội, công cụ giám sát quyền lực và phương tiện thúc đẩy liêm chính trong hoạt động công vụ. Với chức năng thông tin, định hướng và phản ánh, truyền thông trở thành bộ phận không thể thiếu của hệ sinh thái quản trị quốc gia hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động truyền thông về phòng, chống tham nhũng vừa góp phần phát hiện, đấu tranh với các hành vi sai phạm, vừa nâng cao nhận thức xã hội, tạo áp lực dư luận và củng cố niềm tin của Nhân dân vào công lý và pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn tồn tại hạn chế như thiếu cơ chế phối hợp, năng lực còn yếu, chuẩn mực tiếp cận thông tin chưa thống nhất, đòi hỏi có nghiên cứu nghiêm túc và giải pháp hiệu quả để phát huy vai trò của truyền thông, hướng tới nền hành chính công khai, minh bạch và liêm chính.

**2. Cơ sở lý luận và yêu cầu thực tiễn về việc vận dụng vai trò của truyền thông trong phòng, chống tham nhũng**

---

<sup>308</sup> Sinh viên Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

## **2.1. Quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và vai trò của truyền thông**

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước xác định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, có ý nghĩa chiến lược trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, củng cố niềm tin Nhân dân. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Phòng, chống tham nhũng là công việc khó, phức tạp, lâu dài, nhưng phải kiên quyết, kiên trì làm cho bằng được”. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu “kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái... đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực” (1).

Trong bài viết đăng trên Báo Nhân Dân ngày 6/7/2024, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tiếp tục khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh phát triển toàn diện. Đồng thời, Tổng Bí thư cũng yêu cầu “đẩy nhanh điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, tránh kéo dài gây bức xúc dư luận” và đặc biệt nhấn mạnh nâng cao vai trò giám sát của Nhân dân, của báo chí, truyền thông trong công cuộc này.

Hơn nữa, trong Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm phòng, chống tham nhũng (2012–2022), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng... đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược... được cán bộ, đảng viên và Nhân dân đồng tình, ủng hộ...” (7). Và khẳng định: “Chưa bao giờ công tác... lại được thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ, quyết liệt, bài bản và hiệu quả như thời gian gần đây...” (7).

Trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đặt ngang hàng với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, với phương châm “ngăn chặn từ sớm, từ xa, từ cơ sở” (1). Truyền thông, đặc biệt là báo chí cách mạng, được xác định là một trong những kênh giám sát, phản biện xã hội hiệu quả, góp phần phát hiện sai phạm, thúc đẩy trách nhiệm giải trình, đồng thời là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân trong việc củng cố niềm tin chính trị và đạo đức công vụ.

Đặc biệt, giáo dục chính trị, tư tưởng được coi là nội dung cốt lõi trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Việc nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ Nhân dân cho đội ngũ cán bộ, công chức cần được tiến hành đồng bộ thông qua cả hình thức giáo dục truyền thống lẫn phương thức hiện đại. Trong đó, truyền

thông đóng vai trò then chốt trong việc phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, lan tỏa các giá trị đạo đức công vụ, biểu dương người tốt – việc tốt, từ đó góp phần nâng cao “sức đề kháng” trước những biểu hiện suy thoái, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Như vậy, có thể khẳng định: truyền thông không chỉ là phương tiện đưa thông tin đến công chúng, mà còn là công cụ quản trị xã hội, phương tiện giáo dục, giám sát và thúc đẩy hành vi tích cực. Trong điều kiện hiện nay, việc phát huy vai trò của truyền thông trong phòng, chống tham nhũng là yêu cầu cấp thiết, gắn liền với chủ trương xây dựng nền hành chính liêm chính, chuyên nghiệp, hiện đại và phục vụ Nhân dân.

## **2.2. Vai trò của truyền thông trong việc xây dựng mô hình quản lý công trong sạch, minh bạch và hiệu quả**

Trong xây dựng nền hành chính liêm chính, hiện đại, ngoài hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực bộ máy, cần bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát xã hội thực chất. Truyền thông, với vai trò cầu nối thông tin và kênh phản biện xã hội, giữ vị trí quan trọng trong kiến tạo mô hình quản lý công trong sạch, hiệu quả. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh phải “kết hợp giữa giám sát của cơ quan chức năng và giám sát của nhân dân, của báo chí, không để bất cứ ‘vùng cấm’, ‘ngoại lệ’ nào” (3). Tổng Bí thư Tô Lâm cũng khẳng định: “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là ‘hòn đá tảng’ góp phần xây dựng một xã hội văn minh, phát triển bền vững” (8).

*Thứ nhất*, truyền thông giúp nâng cao minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị công. Việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về hoạt động cơ quan hành chính, nhất là chính sách phòng, chống tham nhũng, giúp người dân hiểu quyền, nghĩa vụ và giám sát hiệu quả hơn. Báo chí, truyền thông số và dư luận trực tuyến tạo áp lực buộc cán bộ, tổ chức hành xử đúng pháp luật, tránh tiêu cực. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Tiết kiệm và chống lãng phí là hai trụ cột để đi tới thịnh vượng... và phải trở thành nếp sống, thành văn hóa hằng ngày của mỗi chúng ta” (8).

*Thứ hai*, truyền thông đóng vai trò hỗ trợ giám sát quyền lực, góp phần kiểm soát tình trạng lạm quyền, lạm quyền – những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tham nhũng. Theo Vũ Trọng Lâm (2024), internet và dư luận xã hội trực tuyến đã trở thành một hình thức giám sát mới của quần chúng, tận dụng tính mở, tính tức thời và sức lan tỏa để phát hiện, phản ánh và thúc đẩy xử lý kịp thời các hành vi sai phạm (3). Các hình thức như phản ánh qua báo chí, chia sẻ trên mạng xã hội, thư tố cáo qua cổng thông tin điện tử... không chỉ tạo ra các đầu mối điều tra, mà còn góp phần cảnh báo, răn đe, và củng cố nền tảng liêm chính trong quản lý công.



*Thứ ba*, truyền thông là nền tảng giáo dục công vụ và xây dựng văn hóa liêm chính trong bộ máy nhà nước. Thông qua việc tuyên truyền về các tấm gương cán bộ mẫu mực, các vụ việc tham nhũng bị xử lý nghiêm minh, truyền thông góp phần hình thành chuẩn mực đạo đức công vụ và khơi dậy tinh thần trách nhiệm, tự trọng nghề nghiệp trong đội ngũ cán bộ, công chức (3). Đồng thời, truyền thông định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật và thái độ chủ động đấu tranh của người dân trước các hành vi tiêu cực trong bộ máy công quyền.

*Thứ tư*, trong kỷ nguyên chuyển đổi số và mở rộng không gian mạng, truyền thông – đặc biệt là truyền thông kỹ thuật số – đã mở ra mô hình quản trị công mới dựa trên tương tác hai chiều. Người dân không còn là đối tượng thụ động tiếp nhận chính sách mà trở thành chủ thể đồng kiến tạo chính sách thông qua phản hồi, góp ý, giám sát công khai.<sup>3</sup> Điều này làm thay đổi cách thức tổ chức hoạt động quản lý công truyền thống, chuyển từ cơ chế “xin – cho” sang cơ chế “cùng làm, cùng chịu trách nhiệm” – vốn là tinh thần cốt lõi của mô hình hành chính công hiện đại.

Tuy nhiên, để truyền thông thực sự phát huy vai trò trong xây dựng mô hình quản lý công minh bạch, hiệu quả, cần có những điều kiện đảm bảo về thể chế pháp lý, đạo đức nghề báo, cơ chế phối hợp giữa cơ quan truyền thông và cơ quan nhà nước. Đồng thời, cần phát triển năng lực truyền thông chính sách của đội ngũ công chức, kiểm soát hiệu quả truyền thông độc hại, tin giả, và đảm bảo cân bằng giữa quyền tự do ngôn luận với yêu cầu ổn định, kỷ cương hành chính.

Như vậy, truyền thông không chỉ là phương tiện đưa tin, mà còn là một trụ cột trong việc kiến tạo mô hình quản lý công hiện đại, liêm chính và hướng tới phục vụ. Phát huy đúng vai trò này là điều kiện then chốt để hiện thực hóa mục tiêu “xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân” trong thời đại mới.

### **3. Thực trạng vai trò của truyền thông trong công tác phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam thời gian qua**

#### **3.1. Đánh giá thực trạng công tác truyền thông phòng, chống tham nhũng tại các cơ quan hành chính nhà nước**

Trong những năm gần đây, công tác phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam đã ghi nhận sự vào cuộc ngày càng mạnh mẽ của hệ thống truyền thông với nhiều hình thức đa dạng. Các kênh truyền thông đóng vai trò thiết yếu không chỉ trong việc truyền tải thông tin, mà còn trong giám sát quyền lực và xây dựng áp lực xã hội nhằm thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước. “Báo Điện tử Chính phủ

không chỉ đưa tin mà còn tham gia kiến tạo tư duy, hình thành nhận thức và tạo đồng thuận xã hội đối với các vấn đề lớn của đất nước.” (2).

Tùy theo tính chất, mục tiêu và đối tượng tiếp cận, các kênh truyền thông được vận dụng đa dạng, từ báo chí truyền thống đến nền tảng số, từ phát thanh – truyền hình đến các hình thức truyền thông đối thoại trực tiếp tại cơ sở.

*Thứ nhất*, báo chí chính thống – gồm báo in và báo điện tử – giữ vai trò chủ đạo trong truyền thông phòng, chống tham nhũng. Các cơ quan như Báo Nhân Dân, Báo Quân đội nhân dân, Báo Công an nhân dân... tích cực đưa tin về vụ việc tiêu cực, kết luận thanh tra, quá trình điều tra và xét xử các vụ án lớn. Theo Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, báo chí “không chỉ đưa tin mà còn tham gia kiến tạo tư duy, hình thành nhận thức và tạo đồng thuận xã hội đối với các vấn đề lớn của đất nước” (2). Các báo điện tử như VnExpress, Tuổi Trẻ Online, Thanh Niên cũng đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa tinh thần thượng tôn pháp luật và văn hóa liêm chính tới độc giả trẻ (2).

*Thứ hai*, truyền hình và phát thanh công cộng vẫn giữ vai trò định hướng dư luận mạnh mẽ. Các đài như VTV, VOV phổ biến chính sách, tuyên truyền biện pháp chống tham nhũng và phản ánh kết quả điều tra, xét xử. Theo Nghị định 47/2025/NĐ-CP và 46/2025/NĐ-CP, VTV và VOV có trách nhiệm “thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân...”

*Thứ ba*, cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước là kênh cung cấp thông tin chính thức, kịp thời, nhất là về kết quả thanh tra, xử lý vi phạm và các nghị quyết, kế hoạch phòng, chống tham nhũng. Theo Nghị định 109/2025/NĐ-CP, Cổng thông tin Thanh tra Chính phủ ([thanhtra.gov.vn](http://thanhtra.gov.vn)) có chức năng quản lý nhà nước về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên phạm vi cả nước.

*Thứ tư*, truyền thông số và mạng xã hội đã hình thành hệ sinh thái truyền thông mới, đóng vai trò giám sát xã hội hóa trong phòng, chống tham nhũng. Các báo điện tử và nền tảng mạng xã hội vừa thúc đẩy dư luận, vừa hỗ trợ báo chí phản ánh, giám sát và định hình chuẩn mực đạo đức công vụ. Dù tiềm ẩn rủi ro tin giả, truyền thông lệch hướng, các nền tảng như Facebook, Zalo, TikTok vẫn là không gian đối thoại công, nơi người dân phản ánh, tố cáo và đề xuất vấn đề liên quan đến tham nhũng.

*Cuối cùng*, Các hình thức truyền thông trực tiếp như hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và sinh hoạt chính trị – tư tưởng tại cơ sở tiếp tục được duy trì, là dịp quan

trọng để phổ biến pháp luật, tuyên truyền chủ trương, phản ánh kết quả xử lý vi phạm và khơi dậy tinh thần đấu tranh tự giác trong cán bộ, đảng viên, nhân dân. Các cuộc thi viết như “Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” (lần thứ Năm, năm 2025) cũng góp phần củng cố cơ chế “công khai – minh bạch – trách nhiệm”.

*Về vấn đề công khai*, minh bạch thông tin về các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là biểu hiện cụ thể của cam kết chính trị đối với công cuộc phòng, chống tham nhũng.

Theo Thanh tra Chính phủ, tính đến năm 2023, Điều 48 Nghị định 43/2023/NĐ-CP đã nói rõ “Kết luận thanh tra phải được công khai toàn văn, trừ những nội dung trong kết luận thanh tra thuộc bí mật nhà nước, bí mật ngân hàng, bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật không được công khai”. Căn cứ khoản 1 Điều 79 Luật Thanh tra 2022 quy định về việc công khai kết luận thanh tra: “Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký ban hành kết luận thanh tra, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm công khai kết luận thanh tra theo hình thức quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và một trong các hình thức quy định tại các điểm b, c và d khoản 3 Điều này” (6).

Một trong những ví dụ tiêu biểu thể hiện việc thực hiện nghiêm túc quy định về công khai kết luận thanh tra là vụ việc của Công ty Việt Á. Ngay sau khi vụ án được khởi tố, Thanh tra Chính phủ đã phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên ngành công bố công khai kết luận thanh tra toàn diện liên quan đến việc mua sắm kit test Covid-19. Toàn văn kết luận thanh tra được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ, nêu rõ sai phạm của các tổ chức, cá nhân tại Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND một số tỉnh, cùng trách nhiệm liên đới của nhiều lãnh đạo cấp cao.

Không chỉ dừng ở việc đăng tải văn bản, thông tin còn được công khai rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng như VTV1, Báo Nhân Dân,... nhằm bảo đảm người dân được tiếp cận thông tin một cách đầy đủ, minh bạch và kịp thời. Việc công khai này tạo ra áp lực xã hội mạnh mẽ, thúc đẩy nhanh quá trình điều tra, xử lý kỷ luật, đồng thời là minh chứng cho cam kết “không có vùng cấm” trong công cuộc phòng, chống tham nhũng.

*Tóm lại*, truyền thông hiện nay đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam thông qua việc phản ánh, giám sát và lan tỏa tinh thần minh bạch, trách nhiệm. Các kênh như báo chí, truyền hình, cổng thông tin điện tử và mạng xã hội đã góp phần công khai hóa thông tin và tạo áp lực dư luận tích cực. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn còn thiếu đồng bộ, chưa nhất quán giữa các cấp, trong khi

truyền thông số còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế công khai, tăng cường phối hợp và nâng cao năng lực truyền thông chính sách để đảm bảo hiệu quả thực chất trong công cuộc phòng, chống tham nhũng.

### **3.2. Những thành tựu và hạn chế của truyền thông trong công tác phòng, chống tham nhũng**

Không thể phủ nhận rằng, gần đây truyền thông Việt Nam đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng. Truyền thông không chỉ dừng lại ở vai trò tuyên truyền mà còn là diễn đàn trao đổi công khai thu hút sự tham gia phản biện của đại chúng nhằm tạo ra áp lực các cơ quan nhà nước vào cuộc điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng.

Một thành tựu nổi bật là phát hiện và lan tỏa thông tin về các vụ tham nhũng nghiêm trọng. Báo Nhân Dân, Báo Thanh Niên, VTV, VOV cùng nhiều nền tảng trực tuyến phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra, tổ tụng để cung cấp thông tin chính xác, liên tục về các vụ Việt Á, AIC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát... Việc đồng loạt đưa tin trên nhiều kênh tạo hiệu ứng truyền thông mạnh, buộc cơ quan chức năng đẩy nhanh điều tra, xét xử, tránh kéo dài hay bao che.

Ngoài ra, truyền thông còn đóng vai trò quan trọng trong giáo dục đạo đức công vụ và xây dựng văn hóa liêm chính. Thông qua các chương trình như Dân hỏi – Bộ trưởng trả lời, 60 phút mở – được phát sóng trên VTV1,... truyền thông đã định hướng dư luận xã hội theo hướng tích cực, biểu dương cán bộ tốt, phê phán hành vi sai trái, và từ đó nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức đấu tranh của người dân.

Song song với các kênh truyền thống, truyền thông số – đặc biệt mạng xã hội – trở thành công cụ phản ánh, giám sát xã hội hiệu quả. Nhiều hành vi tiêu cực tại cơ sở được người dân tố giác qua Facebook, Zalo, YouTube..., thu hút báo chí chính thống và khiến cơ quan chức năng vào cuộc xử lý. Điều này cho thấy sự chuyển dịch từ truyền thông một chiều sang tương tác đa chiều, nơi người dân vừa tiếp nhận thông tin vừa chủ động giám sát quyền lực.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, công tác truyền thông trong phòng, chống tham nhũng vẫn còn bộc lộ những hạn chế cả về thể chế, chuyên môn lẫn đạo đức nghề nghiệp.

*Trước hết*, việc thiếu chất lượng và chiều sâu của sản phẩm. Không ít bài viết dừng ở mức phản ánh hiện tượng, thiếu điều tra độc lập, thiếu phân tích nguyên nhân – hệ lụy – giải pháp. Tình trạng “đưa tin theo phong trào”, giật gân để thu hút lượt xem, thay vì xây

dựng luận điểm có chiều sâu, vẫn tồn tại, đặc biệt trên các trang thông tin điện tử tổng hợp.

*Thứ hai*, hiện tượng tự kiểm duyệt và né tránh đề tài nhạy cảm còn khá phổ biến ở một số địa phương và cơ quan báo chí cấp cơ sở. Tâm lý e ngại va chạm, sợ ảnh hưởng uy tín tổ chức, hoặc lo ngại hệ lụy cá nhân khiến nhiều vụ việc không được phản ánh đầy đủ hoặc bị đưa tin một chiều. Điều này làm suy giảm niềm tin của công chúng và làm mất đi vai trò giám sát quyền lực thực chất của truyền thông.

*Thứ ba*, sự thiếu phối hợp giữa cơ quan truyền thông và cơ quan hành chính – tư pháp khiến nhiều thông tin về xử lý tham nhũng bị chậm trễ hoặc không thống nhất. Trong nhiều trường hợp, nhà báo không được tiếp cận thông tin đầy đủ, dẫn đến đưa tin không chính xác, thiếu cơ sở pháp lý hoặc làm sai lệch bản chất vụ việc. Điều này gây khó khăn cho việc định hướng dư luận và đôi khi tạo ra khủng hoảng truyền thông không cần thiết.

*Cuối cùng*, truyền thông mạng xã hội tiềm ẩn nhiều rủi ro về đạo đức và kiểm soát thông tin. Bên cạnh các giá trị tích cực, không ít cá nhân, tổ chức lợi dụng không gian mạng để tung tin giả, xuyên tạc vụ việc tham nhũng nhằm phục vụ mục đích cá nhân hoặc lợi ích nhóm. Mặc dù Chính phủ đã có các quy định kiểm soát thông tin xấu độc (ví dụ Nghị định 53/2022/NĐ-CP), nhưng cơ chế phản ứng nhanh của truyền thông chính thống vẫn chưa theo kịp tốc độ lan truyền của mạng xã hội.

### **3.3. Phân tích tác động của truyền thông đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong phòng, chống tham nhũng**

Truyền thông không chỉ là phương tiện thông tin đơn thuần mà ngày càng trở thành một công cụ cấu thành hệ sinh thái quản trị công hiện đại. Trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, truyền thông tạo ra các tác động đa chiều, vừa trực tiếp, vừa gián tiếp đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Những tác động này thể hiện rõ qua bốn phương diện cơ bản: giám sát quyền lực, nâng cao trách nhiệm giải trình, định hình chuẩn mực đạo đức công vụ và thúc đẩy cải cách thể chế.

*Một là, truyền thông góp phần nâng cao áp lực công khai và trách nhiệm giải trình.* Sự tham gia mạnh mẽ của báo chí, truyền hình và mạng xã hội trong phản ánh sai phạm, công khai quá trình điều tra, xét xử các vụ án tham nhũng đã tạo áp lực xã hội rõ rệt đối với cơ quan công quyền. Khi thông tin được lan tỏa rộng rãi, các cơ quan hành chính buộc phải nâng cao tính chủ động, minh bạch, tăng cường giải trình trong xử lý. Cơ

chế “xã hội giám sát xã hội” giúp phá vỡ không gian khép kín của bộ máy hành chính, đồng thời thúc đẩy tốc độ phản hồi, hạn chế tình trạng trì hoãn hoặc né tránh trách nhiệm.

*Hai là, truyền thông góp phần kiểm soát tình trạng lạm quyền và lộng quyền.* Trong điều kiện các thiết chế kiểm tra – thanh tra nội bộ còn hạn chế, truyền thông trở thành một kênh giám sát quyền lực quan trọng mang tính xã hội hóa. Những sai phạm trong tuyển dụng công chức, đấu thầu, mua sắm công, phân bổ ngân sách... thường được phát hiện thông qua các phản ánh báo chí hoặc các cuộc điều tra độc lập của phóng viên điều tra. Đây là những đầu mối quý giá giúp các cơ quan kiểm tra vào cuộc kịp thời. Sự lan tỏa của thông tin trên mạng xã hội càng tăng thêm tính răn đe và ngăn ngừa các hành vi tiêu cực trong thực thi công vụ.

*Ba là, truyền thông định hình đạo đức công vụ và khơi dậy tinh thần phụng sự.* Các chiến dịch truyền thông, phóng sự chuyên đề, và chương trình truyền hình đã góp phần cổ vũ các giá trị liêm chính, biểu dương những tấm gương cán bộ “dám nghĩ, dám làm”, “không bị cám dỗ bởi lợi ích cá nhân”.

*Bốn là, truyền thông thúc đẩy cải cách thể chế và hoàn thiện chính sách.* Không ít vấn đề “nóng” được truyền thông phản ánh đã trở thành chất liệu thực tiễn cho việc xây dựng và sửa đổi chính sách. Ví dụ, sau các vụ việc sai phạm về đấu thầu thiết bị y tế, nhiều kiến nghị cải cách Luật Đấu thầu, Luật Giá đã được đặt ra trên nền tảng phân tích của các bài báo chuyên đề. Truyền thông lúc này không chỉ phản ánh mà còn đóng vai trò kiến tạo – tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định chính sách công, qua đó góp phần hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng.

*Vậy nên, truyền thông có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động của cơ quan hành chính trong phòng, chống tham nhũng.* Khi phát huy đúng cách, truyền thông không chỉ hỗ trợ mà còn kiểm soát quyền lực mềm, nâng cao hiệu quả hành chính công. Để đạt được điều này, cần khuôn khổ pháp lý rõ ràng, cơ chế phối hợp và chiến lược truyền thông chính sách chuyên nghiệp. Điều 4 Luật Thanh tra 2022 nêu nguyên tắc: “Bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra...” (6). Điều 5 Luật Thanh tra 2022 quy định: “Tạo điều kiện... khuyến khích, bảo vệ... tham gia phát hiện, phản ánh... hành vi vi phạm pháp luật” (6), làm cơ sở pháp lý để truyền thông giám sát xã hội, đảm bảo phòng, chống tham nhũng minh bạch và hiệu quả.

#### **4. Kết luận**

Tầm quan trọng của công tác truyền thông trong phòng, chống tham nhũng, chúng ta có thể khẳng định rằng báo chí, truyền thông không chỉ là một công cụ mà còn là một binh chủng, một vũ khí tư tưởng sắc bén của Đảng, đóng vai trò không thể thiếu trong cuộc chiến chống "giặc nội xâm" này tại Việt Nam.<sup>309</sup> Phải xem truyền thông là kênh tuyên truyền, giáo dục chủ lực: Báo chí có nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần hình thành và phát triển ý thức pháp luật trong nhân dân. Báo chí truyền tải thông tin qua nhiều kênh như xuất bản phẩm, phương tiện thông tin đại chúng, phim ảnh, các buổi tọa đàm, và giáo dục, đào tạo. Như vậy, công tác truyền thông là một phần không thể tách rời, thậm chí là mắt xích quan trọng trong cuộc chiến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định, "Đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã trở thành phong trào, thành xu thế không thể đảo ngược". Với vai trò then chốt của mình, báo chí, truyền thông sẽ tiếp tục đồng hành cùng Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm cho mọi hành vi tham nhũng, tiêu cực không còn chỗ ẩn nấp, hướng tới một xã hội công khai, minh bạch, liêm chính, góp phần xây dựng một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng

#### **Danh mục tài liệu tham khảo**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1 & 2)*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, *Báo Điện tử Chính phủ: Không chỉ đưa tin mà còn kiến tạo tư duy*
3. Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị sơ kết 1 năm hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh
4. Nguyễn Tấn Toàn, *Vai trò của báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
5. Đặng Kim Oanh, *Phát huy vai trò báo chí, truyền thông trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam*, Báo Nhân dân điện tử.
6. Quốc hội Việt Nam. (2022). *Luật Thanh tra số 11/2022/QH15*.
7. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm phòng chống tham nhũng*.

---

<sup>309</sup> Bài viết đăng trong sách "Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Một việc làm cần thiết, tất yếu; một xu thế không thể đảo ngược (Tập 2), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023, tr.229

8. Tô Lâm (2024), *Thực hành tiết kiệm*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 08-8-2025.



# ĐỀ XUẤT CÁC MÔ HÌNH VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH MỚI TRONG VIỆC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

*Phạm Minh Nguyên & Nguyễn Phương Uyên & Nguyễn Văn Đạt<sup>310</sup>*

**Tóm tắt:** Theo kết luận của Nghị quyết 60-NQ/TW năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã đưa ra chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước. Công tác sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã là một chủ trương cải cách quan trọng, nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí hành chính và tăng hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay hợp nhất các đơn vị chính quyền địa phương tạo ra những thách thức đáng kể trong quản lý ngân sách tiềm ẩn nhiều rủi ro mới về tham nhũng tiêu cực và lãng phí. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích cụ thể các rủi ro phát sinh từ việc sáp nhập đơn vị hành chính của Việt Nam và đề xuất một bộ giải pháp toàn diện, bao gồm cả mô hình tổ chức, cơ chế pháp lý và ứng dụng công nghệ, nhằm tăng cường công tác Phòng chống tham nhũng một cách hiệu quả và bền vững.

**Từ khóa:** Tinh gọn bộ máy nhà nước, Phòng chống Tham nhũng

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đất nước ngày càng phát triển, yêu cầu cải cách hành chính trong đó tổ chức lại hệ thống cơ quan nhà nước không chỉ mang tính hình thức về cơ cấu tổ chức, mà còn là một bước đi chiến lược để nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết kiệm ngân sách. Tuy nhiên, hiện nay hợp nhất các đơn vị chính quyền địa phương tạo ra những thách thức đáng kể trong quản lý ngân sách tiềm ẩn nhiều rủi ro mới về tham nhũng tiêu cực và lãng phí đó là việc thiếu một số quy định, cơ quan chưa kịp điều chỉnh theo cơ cấu bộ máy mới, tạo kẽ hở cho hành vi tham nhũng bởi khi cơ cấu thay đổi, các cơ chế kiểm tra, giám sát, thanh tra nội bộ cần thời gian để tổ chức lại, trong quá trình điều chuyển tài sản, ngân sách, dự án dễ dẫn tới lãng phí, thất thoát, thiếu minh bạch bởi trong giai đoạn chuyển tiếp rất khó để quy trách nhiệm khi có sai phạm. Bên cạnh đó trong quá trình sáp nhập, nhiều cán bộ, công chức làm phát sinh tâm lý “chạy chức, chạy quyền” hoặc lợi dụng vị trí hiện có để vun vén lợi ích cá nhân trước khi điều chuyển, xảy ra tình trạng báo cáo thành tích không trung thực, che giấu tồn tại. Như vậy, Công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong bối cảnh đất nước ta đang sáp nhập tinh gọn bộ máy nhà nước là một nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách đối với đất nước

---

<sup>310</sup> Sinh viên Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

## **2. Thực tiễn tác động của công tác sáp nhập, tinh gọn bộ máy nhà nước đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong cơ quan nhà nước hiện nay**

### **- Thứ nhất, tác động của công tác sáp nhập, tinh gọn bộ máy nhà nước**

Việc sáp nhập, tinh gọn bộ máy được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi ích rõ rệt. Việc giảm đầu mối sẽ giúp tinh gọn bộ máy, loại bỏ sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, từ đó giảm chi phí hành chính và nâng cao hiệu quả hoạt động. Quá trình này được xem là cơ hội để cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thay vì chỉ tuyển dụng và sử dụng tràn lan như trước đây.

Công cuộc phòng chống tham nhũng tiêu cực tại Việt Nam trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thể hiện rõ quyết tâm chính trị cao của toàn hệ thống. Theo báo cáo của Chính phủ, năm 2024 đã thanh tra, kiểm tra thu hồi 104.042 tỷ đồng và 40 ha đất sai phạm; chuyển 344 vụ có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra; khởi tố 4.732 vụ án với 10.430 bị can tham nhũng trong đó có 906 vụ án tham nhũng. Trong các vụ trọng điểm do Ban Chỉ đạo Trung ương điều tra, cơ quan chức năng thu hồi gần 19.000 tỷ đồng tài sản. Mặc dù tỷ lệ điều tra, xét xử tăng cao, nhưng chỉ số cảm nhận tham nhũng CPI 2024 của Việt Nam đạt 40/100 (xếp hạng 88/180) vẫn cho thấy còn nhiều lo ngại trong công tác phòng chống tham nhũng tiêu cực<sup>311</sup>

Thực tế triển khai phòng chống tham nhũng trong cơ cấu mô hình chính quyền địa phương mới gặp không ít khó khăn. Ở nhiều địa phương, thiếu nhân lực chuyên trách là bài toán nan giải tại một số tỉnh thành hợp nhất cho thấy không ít cơ quan phòng, chống tham nhũng hoặc thanh tra cấp địa phương đang quá tải hoặc chưa hoàn thiện tổ chức. Việc chuyển giao trụ sở, hồ sơ, hồ sơ vụ việc còn đình trệ do quy trình thẩm định giá và thiếu phối hợp giữa các ngành địa phương, làm chậm trễ công tác thanh tra, kiểm toán nội bộ. Một số địa phương đã kiến nghị cần phân cấp mạnh hơn trong quản lý tài sản và phân quyền xử lý hồ sơ ở cấp huyện còn tồn đọng tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa có sự thống nhất. Tình trạng phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ cũng làm giám sát bị phân tán, khó trao đổi thông tin. Cán bộ, công chức của các cơ quan mới được sáp nhập chưa đáp ứng ngay yêu cầu về năng lực trong quá trình thực hiện công vụ gây thất thoát ngân sách

---

<sup>311</sup> Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng. Link: [https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset\\_publisher/Content/hoi-nghe-truc-tuyen-toan-quoc-so-ket-05-nam-thuc-hien-luat-phong-chong-tham-nhung?6603880](https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/Content/hoi-nghe-truc-tuyen-toan-quoc-so-ket-05-nam-thuc-hien-luat-phong-chong-tham-nhung?6603880)

**- Thứ hai, tác động của công cuộc tinh giản biên chế nhân sự trong bộ máy nhà nước đến công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế không phải là một tư tưởng mới đây mà đã là quyết sách có cơ sở chính trị từ lâu. Ngay từ năm 2017, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Mục tiêu của nghị quyết là đến năm 2021 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong, giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015.

Tuy nhiên cùng với đó cán bộ cấp cơ sở sáp nhập phải kiêm nhiệm nhiều vị trí, thiếu cán bộ am hiểu chuyên môn khiến cơ chế giám sát chưa hiệu quả. Sáp nhập, tinh gọn bộ máy làm giảm số lượng đầu mối và vị trí lãnh đạo, quản lý. Thiếu các vị trí điều phối trung gian tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, từ đó làm gia tăng nguy cơ “chạy chức”, “chạy quyền” và “lợi ích nhóm”. Điều này kích thích các cá nhân hoặc nhóm lợi ích dùng mọi thủ đoạn để giành lấy hoặc bảo vệ vị trí của mình, dẫn đến các hành vi “chạy chức, chạy quyền”. Như vậy, một chính sách đúng đắn về mặt chủ trương lại có thể tạo ra các rủi ro tham nhũng mới trong quá trình thực thi nếu không có cơ chế kiểm soát chặt chẽ. Thực tế cho thấy việc đánh giá tác động toàn diện của chính sách này đang là một thách thức báo cáo Nghị quyết 190/2025/QH15 của Quốc hội đã chỉ ra chưa thể đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, con người và các thiết chế của địa phương. Khoảng cách này giữa mục tiêu chính sách và khả năng đánh giá thực tế trong ngắn hạn có thể tạo ra những rủi ro đáng kể. Khi một chính sách được đặt ra với kỳ vọng cao nhưng việc đánh giá lại chưa đủ cơ sở để có kết luận khách quan sẽ tạo ra áp lực về mặt thành tích. Áp lực này có thể thúc đẩy che giấu các vấn đề phát sinh làm cho việc theo dõi, kiểm tra và phòng chống tham nhũng, lãng phí trở nên khó khăn hơn. Khảo sát PAPI 2023 ghi nhận người dân đánh giá việc kiểm soát tham nhũng ở địa phương tăng từ 6,71 điểm lên 6,77 điểm so với các năm trước<sup>312</sup>, song tín nhiệm về sự minh bạch trong quá trình thực

---

<sup>312</sup> Chỉ số PAPI năm 2023 và những vấn đề quan tâm. Link: <https://vneconomy.vn/chi-so-papi-nam-2023-va-nhung-van-de-quan-tam.htm#:~:text=V%E1%BB%81%20%C3%BD%20ki%E1%BA%BFn%20%C4%91%C3%A1nh%20gi%C3%A1,6%2C77%20v%C3%A0o%20n%C4%83m%202023.&text=V%C3%A0%20x%E1%BA%BFp%20h%E1%BA%A1ng%20c%E1%BB%A7a%20ng%C6%B0%E1%BB%9Di,v%C3%A0%20nh%E1%BB%AFng%20n%C4%83m%20ti%E1%BA%BFp%20theo>.

thì chính sách vẫn chưa được tín nhiệm nhiều ý kiến vẫn hoài nghi về vấn đề “nói chưa đi đôi với làm” trong một bộ phận cán bộ vẫn phổ biến

### **- Thứ ba, hạn chế về các quy định Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018**

Hiện nay tính tới tháng 7 năm 2025 chưa có văn bản pháp luật nào thay thế Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 nên Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 vẫn còn hiệu lực. Luật Phòng, chống tham nhũng sửa đổi năm 2018 với nhiều quy định mới về kê khai, công khai tài sản thu nhập cán bộ. Song thực tế cho thấy tham nhũng ngày nay diễn biến phức tạp và tinh vi ví dụ hiện nay các đối tượng đã lợi dụng đồng tiền bitcoin (đồng tiền ảo), blockchain, AI để gian lận đấu thầu, rửa tiền,... đòi hỏi cần hoàn thiện về các điều khoản pháp lý. Hiện nay, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, không chỉ giới hạn ở khu vực công mà còn bao gồm cả khu vực ngoài nhà nước các quy định về kê khai tài sản, thu nhập cũng được siết chặt hơn, với việc mở rộng đối tượng kê khai, bổ sung các loại tài sản phải kê khai có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên và quy định 4 phương thức kê khai cụ thể. Tuy nhiên, các biện pháp phòng ngừa tham nhũng vẫn còn mang tính hình thức và chưa đạt hiệu quả cao mặc dù Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 đã quy định rõ về kê khai tài sản, thu nhập, việc thực thi trên thực tế tỷ lệ kê khai tài sản đúng thời hạn lại cực kỳ thấp. Nhiều vụ án tham nhũng lớn đã được đưa ra ánh sáng, với số tài sản bất minh lên đến hàng nghìn tỷ đồng, nhưng việc phát hiện kê khai không trung thực chỉ xảy ra khi có tố giác hoặc thông qua các vụ án, chứ không phải từ hệ thống kiểm soát tài sản một cách độc lập.

Ngoài ra, hệ thống pháp luật còn tồn tại những lỗ hổng và bất cập, đó là việc hiện nay Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tư pháp Quốc hội đã thẳng thắn chỉ ra sự mâu thuẫn, bất cập, không thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay. Sự thiếu rõ ràng này là một trong những yếu tố dẫn đến tình trạng cán bộ sợ trách nhiệm, dùn dẩy, né tránh, sợ sai không dám làm. Bên cạnh đó trong bối cảnh nhà nước tinh gọn đầu mỗi nhân sự mà chưa kịp xác lập cơ quan hành chính hỗ trợ tại chỗ sẽ làm cán bộ nắm vị trí trọng yếu mắc phải sai sót lớn gây ra lãng phí. Mặt khác, tinh gọn bộ máy sẽ làm cho một bộ phận cán bộ trở nên độc đoán, chuyên quyền đặc biệt là bộ phận cán bộ thâm niên, trong khi đó người dân hoặc doanh nghiệp sẽ chỉ tìm cách hối lộ để công việc được giải quyết nhanh chóng. Như vậy, tình trạng này không chỉ gây trì trệ trong hoạt động công vụ mà còn tạo ra kẽ hở cho tiêu cực, tham nhũng.

### **3. Khuyến nghị mô hình và cơ chế chính sách mới trong việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong các cơ quan nhà nước**

Hiện nay công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí vẫn đang diễn ra trong bối cảnh đất nước ta đang sáp nhập, tinh gọn bộ máy đòi hỏi Việt Nam cần theo đuổi chiến lược chống tham nhũng đa tầng. Trong phạm vi nghiên cứu nhóm tác giả xin đề xuất tổ chức mô hình quản lý ngân sách điện tử loại bỏ khâu trung gian và tăng tính minh bạch trong đó cần thiết lập hệ thống e-Government toàn diện bao gồm cổng dịch vụ công, chứng thực điện tử, hệ thống kết nối dữ liệu “X-Road”. Mô hình này giúp loại bỏ hối lộ thông qua thủ tục giấy tờ, đồng thời mức độ hài lòng, tin tưởng của dân nâng cao.

**Một là, Việt Nam cần hoàn thiện Hệ thống Chính phủ điện tử (e-Government to e-People)**

Ở Singapore, Chính phủ nước này đã phát triển cơ quan chống tham nhũng thành cơ quan chuyên trách, độc lập giữa các nhánh quyền lực. Trong đó Ủy ban Phòng chống tham nhũng (CPIB) là cơ quan trực thuộc Văn phòng Thủ tướng nhưng được giao nhiệm vụ đột phá trong công tác phòng chống tham nhũng. Mô hình này ưu điểm là tập trung chuyên môn với phương thức hoạt động của CPIB được hình thành nhằm thực hiện hệ thống báo cáo, điều tra và cải thiện môi trường quản trị, loại bỏ các hành vi tham nhũng. CPIB cung cấp ba nhóm dịch vụ: khiếu nại trực tuyến về tham nhũng (e-complaint), đặt lịch trực tuyến cho các chuyến tham quan học tập (e-booking for the learning journey), đặt lịch trực tuyến cho các buổi tuyên truyền giáo dục cộng đồng và nộp đơn trực tuyến xin gia hạn bảo lãnh (e-application for extension of bail bond) trong đó, dịch vụ khiếu nại trực tuyến là kênh gắn bó mật thiết nhất với công tác kiểm soát và bài trừ tham nhũng tại Singapore. Xét trong tình hình thực tiễn hiện nay Việt Nam cần xây dựng cơ sở vật chất nhằm phát triển của Chính phủ điện tử (e-Government), trên cơ sở nghiên cứu nhóm tác giả xin đề xuất 3 giai đoạn hình thành:

Giai đoạn 1: Từ 2025 đến 2026 Nhà nước cần hoàn thiện Dự án Hạ tầng Thông tin Quốc gia với mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia cho các lĩnh vực trọng yếu như tài chính, giáo dục, an ninh quốc gia và phúc lợi. Bên cạnh đó Chính phủ cũng triển khai Dự án Mạng Viễn thông tốc độ cao và Kế hoạch Tổng thể thúc đẩy Dịch vụ Thông tin, là những bước then chốt mở đường cho các dự án Chính phủ điện tử tiếp theo.

Giai đoạn 2: Từ 2026 đến 2027 Chính phủ tiếp tục nâng cấp hệ thống Dữ liệu Tài chính Mở (OFD) với mục tiêu là xóa bỏ rào cản giữa các bộ ngành để cung cấp dịch vụ điện tử liền mạch và giải pháp xuyên suốt trong đó tập trung vào quản lý ngân sách, chủ động hơn trong việc trao quyền cho người dân và lắng nghe ý kiến của họ trong quá trình ra quyết định, đồng thời có thể tùy chỉnh theo nhu cầu. Hệ thống OFD không cho phép

công dân trực tiếp báo cáo các vụ việc tham nhũng và gian lận về ngân sách, nhưng cho phép cán bộ tại các cơ quan chính quyền địa phương và trung ương đăng ký các báo cáo này. Báo cáo có thể thực hiện thông qua e-Government để vận hành ví dụ như các hành vi nộp cùng một đề xuất dự án cho nhiều chính quyền địa phương khác nhau và nhận trùng ngân sách; thổi phồng ngân sách, gian lận trong quá trình quyết toán, sử dụng thiết bị được tài trợ cho mục đích cá nhân,...

Giai đoạn 3: Từ 2027 đến 2028 cần xây dựng hệ thống National Data Platform (NDP) nền tảng dữ liệu tích hợp của chính phủ để tự động theo dõi mọi giao dịch tài chính và thông tin kê khai tài sản công. Hệ thống này phân tích các giao dịch ngân sách, ngân quỹ giữa các cơ quan nhằm phát hiện các giao dịch đáng ngờ. Tại Singapore nhờ phân tích AI chính phủ nước này đã tăng cường kiểm kê tính minh bạch ngân sách và phát hiện sớm các điểm bất ổn trong chi tiêu công.

Thiết lập Hệ thống NDP góp phần củng cố dân chủ hóa và tăng độ tin cậy của nền hành chính công bằng cách cho phép xử lý kiến nghị dân sự mà không cần khởi kiện. Nền tảng này bao gồm 3 mục tiêu:

- Thứ nhất, Giải quyết các vụ việc vi phạm quyền công dân và những bất tiện do hoạt động trái pháp luật, bất công.

- Thứ hai, Đề xuất cải thiện chính sách, hệ thống hành chính và phương thức vận hành của chính phủ.

- Thứ ba, Yêu cầu giải thích hoặc diễn giải về các vấn đề hành chính như luật, chế định và thủ tục thông qua biểu mẫu câu hỏi.

Ngoài ra, tại Singapore không chỉ có giải pháp kỹ thuật mà còn chú trọng hoàn thiện khung pháp lý nghiêm ngặt về xung đột lợi ích, minh bạch tài sản điều này tạo thuận lợi cho AI phân tích dữ liệu chống tham nhũng

#### **- Hai là, Chính phủ cần thành lập Hệ thống Quản lý Tài chính Nội bộ - dBrain**

Hiện nay chính phủ Hàn Quốc đã áp dụng hệ thống dBrain giúp định hướng hiệu quả, áp

dụng hợp lý chức năng quản lý trong toàn bộ quá trình quản lý tài chính, bao gồm: lập dự toán, thực hiện ngân sách, kế toán, quản lý hiệu quả, quyết toán và phát hiện gian lận. Hệ thống này được hình thành sau cuộc khủng hoảng tài chính và chương trình cứu trợ IMF cuối thập niên 1990, khi Chính phủ Hàn Quốc tiến hành cải cách cơ cấu khu vực tài chính, khu vực công và doanh nghiệp để giải quyết tham nhũng, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Mục tiêu của dBrain là thu thập thông tin tài chính chính xác, kịp thời và đáng tin cậy, đồng thời cung cấp công cụ quản lý phù hợp cho các quyết định chính sách, lập ngân sách, báo cáo và kiểm toán của tổ chức. Mô hình này tương tự FMIS do Ngân hàng Thế giới khuyến nghị. Hiện nay có hơn 65.000 công chức tài chính và kế toán tại các cơ quan công sử dụng dBrain. Hệ thống dBrain gồm 3 chức năng:

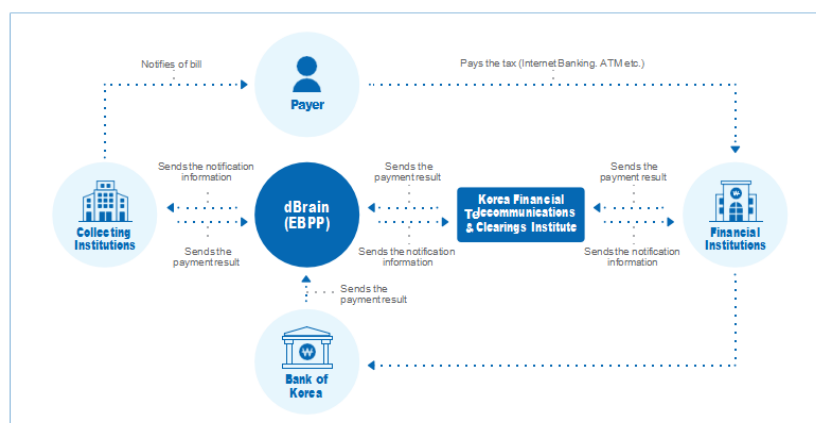
- Chức năng quản lý dự án theo thời gian thực giám sát toàn bộ quy trình của mọi hoạt động và giao dịch tài chính, cung cấp thông tin về tình trạng và tiến độ theo thời gian thực. Các cán bộ phụ trách tại từng cơ quan công (bao gồm Giám đốc tài chính, Trưởng Quản lý đơn vị ngân sách... phải thực hiện toàn bộ “vòng đời” của quy trình đăng ký, thực hiện và giải ngân, giám sát, quyết toán, kết thúc... bằng cách sử dụng dữ liệu tích hợp vào toàn diện.

- Chức năng quản lý tài chính theo thời gian thực phát triển như hệ thống “tất cả trong một” cho lập ngân sách từ trên xuống, quyết toán, quản lý quỹ, tài sản, hàng hóa công và nợ công. Hệ thống áp dụng kế toán kép và kế toán dồn tích để tính toán thông tin tài chính quốc gia mọi nghiệp vụ về thu – chi ngân sách đều được số hóa và xử lý tức thời, đồng thời kết nối rộng rãi với các hệ thống bên ngoài. Ví dụ như Ngân hàng thương mại có thể tra cứu thông tin thuế qua hệ thống Thanh toán Hóa đơn Điện tử (EBPP); Công dân có thể nộp thuế bất cứ lúc nào qua dữ liệu thời gian thực; kết quả thu được từ ngân hàng được ghi nhận vào hệ thống để đối chiếu; Việc chuyển khoản quyết định chi tiêu trong cơ quan của chính phủ phải được thực hiện qua hệ thống Chuyển tiền điện tử (EFT) và Thẻ Chi tiêu Công (Clean Card) được tích hợp vào EFT để ghi nhận trực tiếp mọi khoản chi của chính phủ, giảm thiểu việc sử dụng ngân sách công cho mục đích cá nhân.

- Chức năng vận hành tài chính định hướng hiệu quả và chiến lược tăng cường hiệu quả toàn hệ thống thông qua quy trình quản lý hiệu quả dự án, bao gồm: lựa chọn dự án, đặt mục tiêu hàng năm, lập báo cáo kết quả, tự đánh giá giữa kế hoạch và thực hiện ngân sách, và đánh giá sâu về kết quả. Bộ Tài chính cùng các bộ ngành liên quan có thể truy cập thông tin này theo thời gian thực trong giai đoạn lập và thẩm định ngân sách. Việc liên kết ngân sách với quản lý hiệu quả bảo đảm quản lý tài chính dựa trên kết quả, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tài chính công.

- Chức năng phân tích thống kê tài chính qua hệ thống tích hợp giúp dBrain tạo ra thông tin tổng hợp bằng cách kết nối với các hệ thống khác của chính phủ. Trên cơ sở nền tảng tích hợp này, dBrain hỗ trợ quyết định chính sách và tăng cường minh bạch hoạt

động của chính phủ thông qua các phân tích thống kê chuyên sâu về kết quả quá khứ, hiện tại và dự báo tương lai của các chính sách công và dịch vụ xã hội.



**Hình 1. Mô hình dBrain**

(Nguồn: UNDP SEOUL POLICY CENTRE)

Bên cạnh đó, Chính phủ cần hợp pháp hóa các phần mềm quản lý tài chính hiện đại như ERP, SAP hay Oracle NetSuite cho phép doanh nghiệp theo dõi chính xác từng đồng vốn ra vào, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu, đồng thời phát hiện kịp thời những giao dịch bất thường. Đặc biệt, công nghệ blockchain với tính năng bất biến của sổ cái phân tán đảm bảo mọi giao dịch đều được ghi nhận và lưu trữ một cách an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu và truy xuất nguồn gốc khi cần thiết.

**Ba là, áp dụng mô hình PETI là biện pháp then chốt để phòng ngừa tham nhũng**

Mục tiêu chính của hệ thống này là đảm bảo liêm chính của công chức bằng cách ngăn chặn việc làm giàu bất chính khi đang giữ chức vụ công. PETI cũng đóng vai trò là biện pháp can thiệp nhằm xử lý và ngăn ngừa xung đột lợi ích, đồng.

Chính phủ cần liên tục cải thiện chức năng của hệ thống khai báo tài sản điện tử để đạt được những mục tiêu thu thập phân loại thông tin, bao gồm: nguồn thu nhập, tài sản động (tiền mặt, tiền gửi, chứng khoán, trang sức, thẻ hội viên, v.v.) và bất động sản. Trong đó, hệ thống khai báo tài sản phải được xem là thông tin bắt buộc phải khai báo.

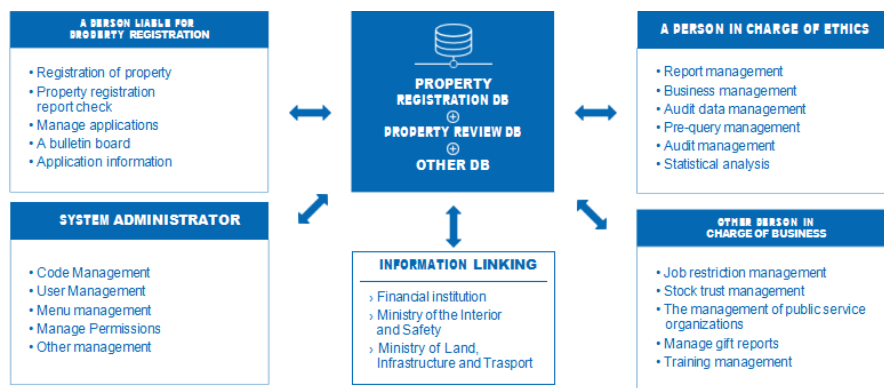
Luật Phòng chống tham nhũng 2018 cần sửa đổi bổ sung về khung cơ sở pháp lý đăng ký nhiều loại tài sản của công chức có trách nhiệm kê khai. Trong đó, công chức phải đăng ký tài sản trong vòng 2 tháng kể từ khi phát sinh nghĩa vụ kê khai do tuyển dụng, thăng chức, điều chuyển, bổ nhiệm lại hoặc nghỉ hưu, và phải cập nhật thông tin một lần mỗi tháng. Tại Hoa Kỳ hệ thống cơ quan phòng chống tham nhũng của Mỹ không



tập trung một cơ quan duy nhất mà phân tán cho nhiều cơ quan thi hành (Bộ Tư pháp, FBI, SEC, v.v.) và cơ quan thanh tra tiểu bang. Phương pháp chủ yếu là hình sự hóa hành vi tham nhũng và đẩy mạnh truy tố; đồng thời, chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự tăng cường truy cập dữ liệu công để nâng cao minh bạch. Ví dụ, Đạo luật DATA (2014) yêu cầu công khai dữ liệu chi tiêu liên bang, dẫn đến cổng thông tin **USAspending.gov** nơi bất cứ ai cũng có thể tìm kiếm và tải xuống thông tin ngân sách công. Trang **Data.gov** của chính phủ liên bang tổng hợp hàng chục nghìn bộ dữ liệu mở, giúp người dân và nhà báo dễ dàng tiếp cận thông tin, từ ngân sách đến hợp đồng mua sắm công. Ở cấp tiểu bang, các bang có thể xây dựng hệ thống của riêng mình ví dụ tại bang California phát triển cổng **Open FI\$Cal**, cho phép công chúng theo dõi chi tiêu tiểu bang theo từng chương mục và cơ quan<sup>313</sup>. Nhìn chung, hiện nay nước Mỹ tích hợp công nghệ dữ liệu mở và phân tích lớn để tăng cường giám sát. Hiện nay chính quyền địa phương chỉ còn 2 cấp nhóm tác giả xin đề xuất tăng quyền tự chủ cho đơn vị hành chính cấp xã trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Bộ phận phòng chống tham nhũng của từng cơ quan chịu trách nhiệm thông báo cách thức và thời hạn kê khai. Công chức phải xác thực danh tính bằng chứng thư số được cấp bởi cơ quan công tác, đồng thời điền giá trị thị trường hoặc số lượng của toàn bộ tài sản thuộc về mình và người thân trong 15 nhóm tài sản được quy định. Khi có thay đổi về giá trị hoặc số lượng trong từng nhóm, công chức phải nêu rõ lý do trong biểu mẫu chỉ định. Sau khi kê khai,

hệ thống sẽ tự động tạo báo cáo tổng hợp giá trị tài sản và so sánh với kỳ kê khai trước.



**Hình 2. Mô hình PETI**

<sup>313</sup> Improper Payments: Information on Agencies' Fiscal Year 2023 Estimates. Link: <https://www.gao.gov/products/gao-24-106927#:~:text=Improper%20payments%E2%80%94those%20that%20should%20not,made%20%24236%20billion%20in%20improper>

**(Nguồn: UNDP SEOUL POLICY CENTRE)**

Hiện nay Việt Nam chưa thành lập Ủy ban Đạo đức Công vụ (PSEC) nhằm thu thập và rà soát toàn bộ dữ liệu kê khai tài sản, đồng thời gửi thông báo tức thời tới những người chưa thực hiện kê khai, giúp giảm đáng kể khối lượng công việc. Đây là một khoảng trống pháp lý khá lớn trong bối cảnh nước ta đang sáp nhập bộ máy vì vậy cần thành lập hệ thống cơ quan mới giúp cán bộ thẩm tra tập trung vào các hồ sơ kê khai lần đầu hoặc có biến động giá trị lớn. PSEC giúp công khai bản kê khai tài sản của các quan chức cấp cao và sử dụng dữ liệu PETI để xuất bản báo cáo chính sách hằng năm. Điều này giúp công dân tiếp cận thông tin về tài sản của lãnh đạo cấp cao đương nhiệm và nắm bắt chính sách kê khai mới nhất người dân có thể xem chi tiết tình trạng và giá trị tiền gửi, bất động sản, ô tô, cổ phiếu, tài sản của vợ/chồng và con cái, cùng biến động tổng giá trị tài sản. Thông tin này được công bố trong vòng 1 tháng kể từ hạn kê khai thường niên qua đó khuyến khích các tổ chức xã hội dân sự, báo chí và công chúng tham gia giám sát ngoài ra người dân có thể tra cứu các tài liệu này tại Công báo điện tử chính phủ.

Bên cạnh đó, Luật Phòng chống tham nhũng 2018 cần thiết lập Văn phòng Trách nhiệm Giải trình của Chính phủ (GAO) đây sẽ là cơ quan kiểm toán độc lập, chịu trách nhiệm trước Quốc hội. GAO sẽ được duy trì bằng đường dây nóng đầu tư một kênh quan trọng cho phép công chúng báo cáo các nghi ngờ về gian lận, lãng phí, lạm dụng hoặc quản lý sai quỹ liên bang. Đáng chú ý, cung cấp ba tùy chọn cho người tố cáo: công khai danh tính (Standard), bảo mật (Confidential) và ẩn danh (Anonymous). Lựa chọn ẩn danh đảm bảo danh tính được giữ kín nhưng đồng nghĩa với việc người tố cáo sẽ không được liên hệ lại để cập nhật để giúp cơ quan chức năng không bị rẽ hướng điều tra.

**4. Kết luận:**

Cuộc chiến Phòng chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí tại Việt Nam là một quá trình lâu dài và đầy thách thức, nhưng cũng là một xu thế không thể đảo ngược. Bằng sự quyết tâm chính trị mạnh mẽ, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, tạo ra một bước chuyển mình rõ rệt. Tuy nhiên, để cuộc chiến này đi vào chiều sâu và mang lại hiệu quả bền vững, cần phải có một sự chuyển đổi chiến lược toàn diện. Các mô hình chống tham nhũng và lãng phí thành công trên thế giới như Singapore và Hàn Quốc đã cung cấp những bài học quý giá, nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng một hệ thống thể chế vững mạnh, minh bạch, và có sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Trong đó cần cải cách cơ chế kê khai tài sản, xây dựng hệ thống bảo vệ người tố cáo chuyên biệt, và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là những chính

sách chiến lược để bịt kín các lỗ hổng, tạo ra một nền tảng quản trị quốc gia trong sạch và vững mạnh.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Thái Anh (2023) Hành trình phát triển pháp luật bảo vệ người tố giác trong chống tham nhũng. Link: <https://daibieunhandan.vn/hanh-trinh-phat-trien-phap-luat-bao-ve-nguoi-to-giac-trong-chong-tham-nhung-10325181.html>
2. Nguyễn Thị Thanh Dung (2019) Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của Hàn Quốc. Link: <https://tcnn.vn/news/detail/43180/Kinh-nghiem-phong-chongtham-nhung-cua-Han-Quoc.html>
3. Đặng Văn Dũng (2025) Tiếp tục cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực - Nhân tố cốt lõi bảo đảm thành công trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Link: [https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhan-to-cot-loi-bao-dam-thanh-cong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc](https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-cuoc-dau-tranh-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-nhan-to-cot-loi-bao-dam-thanh-cong-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc)
4. Vũ Việt Hà (2025) Luận giải về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay. Link: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/15/luan-giai-ve-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-va-giai-phap-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-trong-giai-doan-hien-nay/>
5. Hoàng Nguyễn Phương Linh, Nguyễn Thị Hoàng Lan, Vũ Hoàng Lâm (2025) Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động phòng, chống tham nhũng ở khu vực tư tại Việt Nam. Link: <https://tapchicongthuong.vn/ung-dung-cong-nghe-so-trong-hoat-dong-phong--chong-tham-nhung-o-khu-vuc-tu-tai-viet-nam>
6. Vũ Thị Hoài Phương (2025) Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đáp ứng yêu cầu đổi mới, sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước hiện nay. Link: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/26/phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-dap-ung-yeu-cau-doi-moi-sap-xep-tinh-gon-bo-may-nha-nuoc-hien-nay/>
7. Võ Thị Phiến (2025) Bảo đảm công khai, minh bạch của chính quyền cấp xã trong cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức, bộ máy hiện nay. Link: <https://lyluanchinhtri.vn/bao-dam-cong-khai-minh-bach-cua-chinh-quyen-cap-xa-trong-cuoc-cach-mang-ve-sap-xep-to-chuc-bo-may-hien-nay-6931.html>

8. Văn Tất Thu (2025), Thực trạng, nguyên nhân tăng biên chế và các giải pháp tinh giản biên chế. Link: [https://tcnn.vn/news/detail/32338/Thuc\\_trang\\_nguyen\\_nhan\\_tang\\_bien\\_che\\_va\\_cac\\_giai\\_phap\\_tinh\\_gian\\_bienall.html](https://tcnn.vn/news/detail/32338/Thuc_trang_nguyen_nhan_tang_bien_che_va_cac_giai_phap_tinh_gian_bienall.html)

9. Anga Timilsina, Anne Juepner, Youngchan Kim Hye-Jin Park, Sujin Kim, Somi Cha (2024) Think piece on The Republic Of Korea's efforts in anti-corruption and good governance through digitalization. Link: <https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2025-01/undp-seoul-thinkpiece-rok-anti-corruption-good-governance-through-digitalization-2024.pdf>

10. Mohamad Sukarno, Mike Joy Rodriguez, Nursamsiyah Nursamsiyah (2024) E-Government Development on Control Corruption: A Lesson Learned from Singapore. Link: [https://www.researchgate.net/publication/385082964\\_E-Government\\_Development\\_on\\_Control\\_Corruption\\_A\\_Lesson\\_Learned\\_from\\_Singapore](https://www.researchgate.net/publication/385082964_E-Government_Development_on_Control_Corruption_A_Lesson_Learned_from_Singapore)

# **ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH TRA TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TIÊU CỰC HIỆN NAY**

**Trần Thanh Phú<sup>314</sup>**

**Tóm tắt:** Bài nghiên cứu phân tích vai trò, thực trạng và giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác thanh tra nhằm phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở Việt Nam. Thanh tra được xác định là công cụ then chốt để kiểm soát quyền lực, bảo đảm minh bạch, trong khi chuyển đổi số là đòn bẩy chiến lược giúp nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý sai phạm. Thực tiễn cho thấy, dù nhiều cơ quan đã ứng dụng hệ thống dữ liệu điện tử, phần mềm xử lý khiếu nại và báo cáo trực tuyến, quá trình này vẫn gặp rào cản lớn về hạ tầng công nghệ, nhân lực, kết nối dữ liệu và khung pháp lý. Bài viết đề xuất các giải pháp trọng tâm gồm hoàn thiện thể chế pháp luật chuyên biệt cho thanh tra số, đầu tư hạ tầng và công nghệ phân tích dữ liệu, phát triển nhân lực số, chuẩn hóa dữ liệu quốc gia và tăng cường hợp tác quốc tế. Ngoài việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, các giải pháp này còn góp phần thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững, đặc biệt là SDG 16 về thể chế minh bạch, SDG 9 về hạ tầng đổi mới và SDG 4 về giáo dục chất lượng, hướng tới xây dựng hệ thống thanh tra thông minh, liêm chính và hiện đại.

**Từ khóa:** Phòng, chống tham nhũng; Công tác Thanh tra; Kỷ nguyên số.

## **1. Đặt vấn đề**

Đẩy mạnh chuyển đổi số đối với công tác thanh tra trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là giải pháp mang tính đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ kỷ cương pháp luật. Trong hệ thống quản trị quốc gia, thanh tra đóng vai trò là “lá chắn thép” quan trọng ngăn ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực. Nếu trước đây, công tác thanh tra vận hành chủ yếu theo mô hình thủ công và quy trình truyền thống, thì hiện nay yêu cầu hiện đại hóa, tích hợp sâu các thành tựu công nghệ, đặc biệt là dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và blockchain... và chính những thành tựu ấy lại trở thành điều kiện tiên quyết để kiểm soát quyền lực, tăng cường minh bạch và giảm thiểu nguy cơ tham nhũng ngay từ gốc trong thời kỳ kỷ nguyên số.

---

<sup>314</sup> Sinh viên Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Thực tiễn giai đoạn 2021 - 2025 cho thấy, mặc dù Thanh tra Chính phủ đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình hành động về chuyển đổi số phục vụ phòng, chống tham nhũng, tiến trình này vẫn gặp không ít rào cản. Các báo cáo tổng kết chỉ rõ: hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ; dữ liệu nghiệp vụ còn phân tán, thiếu cơ chế liên thông; nhân lực chuyên trách công nghệ số vừa thiếu vừa hạn chế kỹ năng; phần mềm nghiệp vụ và cơ chế bảo mật thông tin chưa đạt chuẩn; nguồn lực tài chính chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Những hạn chế này trực tiếp làm giảm khả năng phát hiện sớm, xử lý kịp thời các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, và làm chậm quá trình xây dựng hệ sinh thái dữ liệu thanh tra thống nhất, minh bạch, cập nhật theo thời gian thực<sup>315</sup>.

Để khắc phục tình trạng trên, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính và ứng dụng AI vào giám sát, phân tích, dự báo rủi ro tham nhũng. Mục tiêu là đổi mới phương thức quản trị, điều hành, giảm tiếp xúc trực tiếp, triệt tiêu cơ hội nhũng nhiễu; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; đồng thời tối ưu hóa chi phí tuân thủ và nâng cao năng suất công vụ.

Trên cơ sở đó, đề tài “Đẩy mạnh chuyển đổi số đối với công tác thanh tra trong phòng, chống tham nhũng tiêu cực hiện nay” được xác định với các nhiệm vụ: (1) Làm rõ cơ sở lý luận và pháp luật về thanh tra trong môi trường số phục vụ phòng, chống tham nhũng; (2) Đánh giá thực trạng và các yếu tố tác động; (3) Nhận diện các “điểm nghẽn” và nguyên nhân; (4) Đề xuất giải pháp khả thi hướng tới mô hình thanh tra thông minh, tinh gọn tổ chức, tích hợp công nghệ, đồng bộ thể chế, tự động hóa nghiệp vụ góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Cơ sở lý luận về chuyển đổi số đối với công tác thanh tra trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực**

### **2.1. Khái niệm về công tác Thanh tra**

Theo quy định tại khoản 1, Điều 2 của Luật Thanh tra năm 2025 (Luật số 84/2025/QH15), thanh tra là hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ

---

<sup>315</sup> Trung tâm Thông tin, Thanh tra Chính phủ. (2025). *Hành trình chuyển đổi số trong cải cách hành chính của Thanh tra Chính phủ: thành tựu và định hướng tương lai*. Báo Thanh tra. <https://thanhtra.com.vn/xay-dung-nganh-5820F83CC/hanh-trinh-chuyen-doi-so-trong-cai-cach-hanh-chinh-cua-thanh-tra-chinh-phu-thanh-tuu-va-dinh-huong-tuong-lai-023989cd4.html>

quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Vậy công tác thanh tra có thể hiểu là hoạt động mang chức năng quản lý nhà nước, nhằm kiểm tra, đánh giá và xử lý hành vi liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hoạt động này được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ do pháp luật quy định và được chia thành hai hình thức cơ bản: thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

## **2.2. Khái niệm về tham nhũng và tiêu cực**

Theo Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, tham nhũng được định nghĩa là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng vị trí, quyền lực hoặc thẩm quyền được giao để vụ lợi, bao gồm việc mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc mang lại lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác một cách trái pháp luật. Người có chức vụ, quyền hạn được tiếp cận theo nghĩa rộng nghĩa là áp dụng đối với mọi cá nhân, dù hưởng lương hay không, được bổ nhiệm, bầu cử, tuyển dụng, ký hợp đồng hoặc theo bất kỳ hình thức nào khác, miễn là được giao thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong quá trình thực hiện. Nhóm đối tượng này bao gồm: (i) cán bộ, công chức, viên chức; (ii) sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; (iii) người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (iv) người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức; (v) các cá nhân khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ kèm theo quyền hạn nhất định.

Từ đó, có thể khái quát rằng tham nhũng là hành vi lạm dụng quyền lực, chức vụ hoặc thẩm quyền được giao nhằm mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác, trái với mục tiêu, chuẩn mực đạo đức và lợi ích chung của cộng đồng. Hành vi này có thể tồn tại dưới nhiều hình thức, xảy ra ở mọi cấp độ, từ khu vực công đến khu vực tư, gây suy yếu thể chế, làm giảm niềm tin xã hội và cản trở sự phát triển bền vững.

Liên quan đến khái niệm “tiêu cực”, theo Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW<sup>316</sup>, tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là những hành vi trái với Điều lệ, Cương lĩnh, nghị quyết, quy chế, quy định, chỉ thị, kết luận và các văn bản định hướng khác của

---

<sup>316</sup> Ban Chỉ đạo Trung ương. (2022). *Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực về một số nội dung về công tác phòng, chống tiêu cực*. Ban Nội chính Trung ương.

Đảng; trái pháp luật của Nhà nước; Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; đồng thời vi phạm các chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Các hành vi này không chỉ gây tổn hại đến uy tín của Đảng và Nhà nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, mà còn làm suy giảm niềm tin của nhân dân và cản trở tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, biểu hiện nghiêm trọng và điển hình nhất của tiêu cực là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đặc biệt là những người giữ vị trí lãnh đạo, quản lý ở các cấp trong hệ thống chính trị.

### **2.3. Khái niệm về chuyển đổi số**

Theo Mikalef và cộng sự (2022), chuyển đổi số là quá trình cải thiện và nâng cao năng lực tổ chức thông qua những thay đổi căn bản trong đặc tính hoạt động, dựa trên sự kết hợp giữa công nghệ thông tin, điện toán, truyền thông và kết nối. Verhoef và cộng sự (2021) phân biệt rõ ba khái niệm: Số hóa (digitization): chuyển dữ liệu từ dạng analog sang dạng số; Số hoá quy trình (digitalization): áp dụng công nghệ để cải tiến các hoạt động nghiệp vụ; Chuyển đổi số (digital transformation): tái cấu trúc toàn diện mô hình tổ chức trên nền tảng số, mang tính chiến lược và lâu dài.

McKinsey & Company (2024) cho rằng chuyển đổi số không chỉ dừng ở việc áp dụng công nghệ đơn lẻ, mà là tái cấu trúc toàn bộ tổ chức, triển khai công nghệ ở quy mô lớn và liên tục, coi công nghệ là năng lực vận hành cốt lõi.

Từ các cách tiếp cận này, tác giả nhận định: Chuyển đổi số là tiến trình tái cấu trúc toàn diện hệ thống tổ chức thông qua tích hợp sâu rộng công nghệ số vào mọi lĩnh vực vận hành, nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch, khả năng giám sát và năng lực dự báo. Đối với hoạt động thanh tra, chuyển đổi số đóng vai trò đòn bẩy chiến lược trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, giúp tối ưu hóa việc thu thập, phân tích và chia sẻ thông tin, từ đó phát hiện sớm hành vi vi phạm, giảm thiểu khoảng trống cho tham nhũng và nâng cao trách nhiệm giải trình.

### **2.4. Các yếu tố cốt lõi chuyển đổi số trong phòng, chống tham nhũng tiêu cực**

Để hiện thực hóa chuyển đổi số một cách bền vững và hiệu quả trong công tác thanh tra, đặc biệt nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực, bên cạnh lộ trình triển khai bài bản, cần tập trung xây dựng và phát triển các yếu tố trụ cột giữ vai trò quyết định trong việc hình thành năng lực chuyển đổi số toàn diện, bảo đảm tính minh bạch, liêm chính và kiểm soát quyền lực hiệu quả như:



*Thứ nhất, chiến lược số gắn với mục tiêu chống tham nhũng:* Chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực thanh tra phải xác định rõ mục tiêu xuyên suốt là nâng cao tính minh bạch, củng cố trách nhiệm giải trình và tăng cường khả năng kiểm soát quyền lực nhà nước. Văn hóa số trong cơ quan thanh tra cần được định hình dựa trên các giá trị cốt lõi của liêm chính, tuân thủ pháp luật và khuyến khích đổi mới sáng tạo, nhằm tạo ra môi trường “miễn dịch” trước tham nhũng và tiêu cực;

*Thứ hai, lấy người dân và xã hội làm trung tâm giám sát:* Các nền tảng số phục vụ thanh tra phải đảm bảo khả năng tiếp cận dễ dàng cho người dân và doanh nghiệp, cho phép họ gửi phản ánh, tra cứu kết quả và theo dõi tiến độ xử lý vụ việc. Việc này không chỉ tăng cường quyền giám sát của công chúng mà còn huy động được sức mạnh xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tạo áp lực minh bạch hóa quy trình và kết quả thanh tra;

*Thứ ba, quy trình số hóa minh bạch:* Toàn bộ quy trình từ tiếp nhận, xử lý đến báo cáo kết quả thanh tra cần được tự động hóa, có khả năng đo lường hiệu suất và công khai tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép. Điều này giúp giảm thiểu sự can thiệp chủ quan của con người, đồng thời chuẩn hóa các bước nghiệp vụ để ngăn chặn nguy cơ thao túng, bỏ lọt hoặc che giấu thông tin;

*Thứ tư, hạ tầng và công nghệ số bảo đảm an toàn dữ liệu:* Việc triển khai các công nghệ như hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu, blockchain để bảo vệ tính toàn vẹn của hồ sơ, cùng nền tảng cảnh báo sớm các vi phạm là điều kiện tiên quyết để đảm bảo an toàn thông tin và duy trì niềm tin của xã hội đối với cơ quan thanh tra;

*Thứ năm, quản lý và khai thác dữ liệu:* Dữ liệu thanh tra là tài sản chiến lược phục vụ nhận diện nguy cơ tham nhũng và tiêu cực. Cần thiết lập một khung quản trị dữ liệu chặt chẽ bao gồm các khâu thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ an toàn, phân tích chuyên sâu và chia sẻ có kiểm soát. Việc này cho phép dự báo xu hướng, phát hiện bất thường sớm và hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định chính xác, kịp thời, từ đó nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng ở cả cấp độ phòng ngừa và xử lý.

### **3. Thực trạng**

#### **3.1. Khái quát tình hình chung chuyển đổi số phục công tác thanh tra trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực**

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác thanh tra,

kiểm tra, đặc biệt ở lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, với mục tiêu tăng cường minh bạch, rút ngắn quy trình xử lý và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Báo cáo Chỉ số chuyển đổi số quốc gia năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông cho thấy lĩnh vực quản trị công tăng trưởng trung bình 12% so với năm 2022, nhiều cơ quan thanh tra đã triển khai hệ thống quản lý dữ liệu điện tử, phần mềm xử lý khiếu nại, tố cáo và nền tảng báo cáo trực tuyến; tuy nhiên, sự phát triển vẫn thiếu đồng đều, nhất là ở cấp huyện do hạn chế về hạ tầng và nhân lực<sup>317</sup>.

Báo cáo sơ kết 5 năm (2021-2025) về cải cách hành chính chỉ ra các hạn chế mang tính hệ thống, như quy định pháp luật hiện hành (Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Thanh tra, Luật Phòng, chống tham nhũng) chưa cho phép tiếp nhận hồ sơ trực tuyến hoặc thu phí, hệ thống thông tin ở cấp bộ và tỉnh chưa đồng bộ, nhân sự thiếu ổn định và chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn. Nguồn lực tài chính hạn chế tiếp tục là rào cản khiến một số nhiệm vụ chuyển đổi số bị gián đoạn hoặc chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng<sup>318</sup>.

Trong năm 2024, Thanh tra Chính phủ triển khai chuyển đổi số phục vụ công tác thanh tra nói chung và phòng, chống tham nhũng nói riêng trên năm phương diện: (i) Nhận thức số: hoàn thành học hỏi kinh nghiệm, đề xuất sáng kiến và kiểm tra việc sử dụng kênh “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo; (ii) Thẻ chế số: ban hành Quyết định số 267/QĐ-TTCP ngày 07/5/2024 về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của Trung tâm Thông tin; (iii) Hạ tầng số: một số nhiệm vụ không thực hiện được do thiếu kinh phí (như đầu tư hệ thống Wifi, mua sắm thiết bị kỹ thuật), các hạng mục duy tu và xây dựng chuyên mục trên Cổng thông tin dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2024; (iv) Nhân lực số: cử cán bộ tham gia đào tạo, chuẩn bị nâng cấp hệ thống báo cáo công tác thanh tra và phòng, chống tham nhũng, dự kiến hoàn thành cuối năm 2024; (v) An toàn thông tin mạng: hoàn thành phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn, gia hạn bản quyền tường lửa, nhưng chưa triển khai diễn tập ứng cứu sự cố và mua thiết bị tường lửa mới do vướng mắc về thời gian và kinh phí<sup>319</sup>.

---

<sup>317</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo Chỉ số chuyển đổi số quốc gia năm 2023*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

<sup>318</sup> Trung tâm Thông tin, Thanh tra Chính phủ. (2025). *Hành trình chuyển đổi số trong cải cách hành chính của Thanh tra Chính phủ: thành tựu và định hướng tương lai*. Báo Thanh tra.

<sup>319</sup> Thanh tra Chính phủ. (2024). *Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*.

Hiện Thanh tra Chính phủ chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống báo cáo công tác thanh tra và phòng, chống tham nhũng (hoàn thành năm 2020, vận hành từ tháng 6/2021) đang được nâng cấp để đáp ứng yêu cầu mới, đồng thời tiếp tục áp dụng thống nhất hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 theo tiêu chuẩn quốc gia.

### **3.2. Hạ tầng công nghệ phục vụ thanh tra phòng, chống tham nhũng**

Nhiều bộ, ngành và địa phương đã xây dựng công thông tin điện tử, hệ thống quản lý hồ sơ thanh tra và cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm hỗ trợ công tác phát hiện và xử lý tham nhũng. Tuy nhiên, mức độ kết nối, liên thông giữa các cơ quan như Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an và Bộ Tài chính vẫn còn hạn chế. Hiện tượng “dữ liệu cát cứ” khiến việc phân tích, đối chiếu và cảnh báo sớm các hành vi vi phạm gặp khó khăn. Theo Thanh tra Chính phủ (2023), chỉ khoảng 35% báo cáo kết quả thanh tra của các bộ, ngành được tích hợp vào nền tảng dữ liệu chung, trong khi phần còn lại vẫn tồn tại dưới dạng hồ sơ giấy hoặc file riêng lẻ, gây lãng phí thời gian và giảm hiệu quả phát hiện sớm dấu hiệu tham nhũng, lãng phí<sup>320</sup>.

### **3.3. Thể chế và chính sách về chuyển đổi số trong phòng, chống tham nhũng**

Dù đã có những văn bản định hướng quan trọng như Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019), Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) và Quyết định số 942/QĐ-TTg (2021), Việt Nam vẫn thiếu một khung pháp lý chuyên biệt cho thanh tra số trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng. Các quy định hiện hành chưa bao quát đầy đủ các yếu tố cốt lõi như chuẩn dữ liệu, bảo mật thông tin, cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành và trách nhiệm giải trình khi ứng dụng công nghệ. Điều này khiến nhiều địa phương lúng túng trong triển khai, dẫn đến hiệu quả thực tế chưa tương xứng với mục tiêu và tiềm năng.

### **3.4. Đánh giá chung**

Tổng thể, quá trình chuyển đổi số trong công tác thanh tra phục vụ phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam đã khởi đầu tích cực, góp phần nâng cao minh bạch, rút ngắn thời gian xử lý vụ việc và tăng hiệu quả giám sát. Tuy nhiên, những hạn chế về hạ tầng công nghệ, năng lực nhân lực và khung thể chế vẫn là rào cản lớn. Việc thiếu kết nối dữ liệu, trình độ công nghệ của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu và sự thiếu vắng khung pháp lý chuyên sâu đang cản trở tiến trình hiện đại hóa công tác thanh tra.

---

<sup>320</sup> Thanh tra Chính phủ. (2023). *Báo cáo kết quả công tác thanh tra năm 2023*. Hà Nội.

Do đó, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ trung ương tới địa phương, kết hợp đầu tư công nghệ, đào tạo nhân lực và hoàn thiện chính sách để xây dựng một hệ thống thanh tra số đủ mạnh, chủ động phòng ngừa và phát hiện tham nhũng, tiêu cực hiệu quả.

#### **4. Phương hướng và khuyến nghị**

##### **4.1. Quan điểm và mục tiêu định hướng**

Chuyển đổi số trong công tác thanh tra phục vụ phòng, chống tham nhũng và tiêu cực không chỉ là xu thế tất yếu của tiến trình cải cách hành chính, mà còn là công cụ chiến lược để nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng (2018), thanh tra là một trong những phương thức trọng yếu để kiểm soát quyền lực và đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy các phương thức truyền thống chưa đáp ứng yêu cầu phát hiện sớm, xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng có tính chất tinh vi, xuyên biên giới hoặc sử dụng công nghệ cao.

Chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, thể hiện trong Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) về chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) về Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Quyết định số 942/QĐ-TTg (2021) về Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đều xác định rõ vai trò của dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số trong quản lý nhà nước. Mục tiêu đến năm 2030 là hình thành hệ thống thanh tra số thông minh, kết nối liên thông dữ liệu giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố và xét xử, qua đó giảm thiểu “vùng trống, vùng tối” trong quản lý, hạn chế cơ hội tham nhũng và tiêu cực (World Bank, 2022).

##### **4.2. Phương hướng hoàn thiện chuyển đổi số trong công tác thanh tra để tăng cường minh bạch và ngăn ngừa tham nhũng**

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, pháp lý chuyên biệt cho chuyển đổi số trong phòng, chống tham nhũng tiêu cực.*

Cần ban hành nghị định hoặc thông tư liên tịch quy định cụ thể về chuẩn dữ liệu thanh tra, cơ chế liên thông, bảo mật và khai thác dữ liệu phục vụ phòng chống tham nhũng, bổ sung quy định về xử lý vi phạm liên quan đến gian lận dữ liệu, tiêu hủy thông tin điện tử và đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thu thập, phân tích, chia sẻ dữ liệu điều tra tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức. Kinh nghiệm của Singapore cho thấy, việc chuẩn hóa và mở dữ liệu công khai giúp giảm đáng kể tỷ lệ tham nhũng vặt (Transparency International, 2023).

*Thứ hai, đầu tư hạ tầng công nghệ và hệ thống phân tích dữ liệu chống tham nhũng tiêu cực.*

Hệ thống phần mềm thanh tra số cần được tích hợp chức năng phân tích dữ liệu giao dịch, phát hiện bất thường về tài sản, thu nhập, hoặc các dấu hiệu xung đột lợi ích. Cơ sở dữ liệu thanh tra phải kết nối với các nguồn dữ liệu khác như đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan, tài chính công và dữ liệu tổ giám sát từ người dân. Mô hình X-Road của Estonia cho phép các cơ quan chia sẻ dữ liệu tức thời và bảo đảm tính toàn vẹn, là giải pháp Việt Nam có thể áp dụng trong bối cảnh hiện nay (OECD, 2022).

*Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực số chuyên sâu về phòng, chống tham nhũng tiêu cực.*

Cán bộ thanh tra cần được trang bị kỹ năng điều tra số, khai thác dữ liệu lớn, sử dụng công cụ phân tích mạng lưới tài chính và kỹ năng bảo mật thông tin. Đồng thời, cần có cơ chế luân chuyển cán bộ, tránh để một cá nhân nắm quyền truy cập dữ liệu quá lâu, làm giảm nguy cơ cấu kết, bao che.

#### **4.3. Khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong phòng, chống tham nhũng tiêu cực**

*Một là, hoàn thiện khung pháp lý:* Ban hành văn bản quy phạm pháp luật riêng về chuyển đổi số trong thanh tra và phòng, chống tham nhũng tiêu cực, quy định rõ phạm vi, nguyên tắc, quy trình thu thập, xử lý và chia sẻ dữ liệu số.

*Hai là, chuẩn hóa dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng tiêu cực:* Giao Thanh tra Chính phủ chủ trì xây dựng Bộ tiêu chuẩn dữ liệu phòng, chống tham nhũng, bảo đảm tính thống nhất, liên thông và khả năng tích hợp với hệ thống dữ liệu của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Tài chính.

*Ba là, ưu tiên ngân sách cho công nghệ chống tham nhũng:* Tập trung đầu tư hạ tầng số, phần mềm phân tích giao dịch bất thường và hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tham nhũng.

*Bốn là, hợp tác quốc tế:* Thiết lập mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số phòng, chống tham nhũng tiêu cực hợp tác với các tổ chức quốc tế như UNDP, OECD, World Bank để tiếp nhận công nghệ và kinh nghiệm.

*Năm là, thí điểm mô hình Trung tâm phân tích dữ liệu phòng, chống tham nhũng tiêu cực:* Triển khai tại một số địa phương có hạ tầng tốt, đo lường hiệu quả qua các chỉ số như tỷ lệ vụ việc được phát hiện sớm, thời gian xử lý, mức độ hài lòng của người dân, rồi nhân rộng toàn quốc.

#### **4.4. Hàm ý chính sách đối với mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)**

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác thanh tra, đặc biệt là trong phòng, chống tham nhũng tiêu cực, không chỉ nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật mà còn đóng góp thiết thực vào việc hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) mà Việt Nam đã cam kết đến năm 2030.

*Thứ nhất*, việc triển khai thanh tra số đóng vai trò trực tiếp trong việc thực hiện SDG 16 - Hòa bình, Công lý và Thể chế vững mạnh. Chuyển đổi số giúp tăng cường tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình trong quản lý nhà nước; đồng thời, các công cụ phân tích dữ liệu và cảnh báo sớm tạo điều kiện phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí và tiêu cực. Điều này không chỉ góp phần xử lý vi phạm mà còn nâng cao hiệu quả phòng ngừa, giảm cơ hội phát sinh tham nhũng ngay từ giai đoạn đầu.

*Thứ hai*, quá trình hiện đại hóa hoạt động thanh tra thông qua công nghệ số góp phần thực hiện SDG 9 - Công nghiệp, Đổi mới và Hạ tầng. Việc xây dựng hạ tầng công nghệ đồng bộ, áp dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn vào nghiệp vụ thanh tra không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ công mà còn thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo trong khu vực công, tạo ra hệ sinh thái quản trị số hiệu quả và bền vững.

*Thứ ba*, phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ thanh tra cũng đồng nghĩa với việc thúc đẩy SDG 4 - Giáo dục có chất lượng. Hoạt động đào tạo kỹ năng số, phân tích dữ liệu, và ứng dụng công nghệ trong phòng, chống tham nhũng tạo điều kiện cho cán bộ học tập suốt đời, nâng cao năng lực chuyên môn và thích ứng linh hoạt với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ và môi trường pháp lý.

Từ đó có thể thấy, các hàm ý chính sách về chuyển đổi số trong thanh tra không thể tách rời khỏi chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Việc triển khai cần đảm bảo sự gắn kết giữa hiệu quả quản lý nhà nước, phòng ngừa tham nhũng với việc bảo vệ các giá trị nhân văn, thúc đẩy tiến bộ xã hội và củng cố niềm tin của người dân đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### **5. Kết luận**

Trong bối cảnh yêu cầu cải cách nền hành chính, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số trong công tác thanh tra, đặc biệt là ở lĩnh vực phòng, chống tham nhũng và tiêu cực, đã trở thành một nhiệm vụ chiến lược và cấp thiết. Việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo không chỉ giúp tăng cường năng lực phát hiện, xử lý sai phạm một cách nhanh chóng, chính xác, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa tham nhũng từ gốc,

thông qua việc nâng cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng một hệ thống thanh tra hiện đại, hiệu quả, đáp ứng kỳ vọng của xã hội và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Những phương hướng, khuyến nghị và hàm ý chính sách đã được đề xuất không chỉ hướng tới giải quyết các điểm nghẽn trong hạ tầng, thể chế, nhân lực và cơ chế phối hợp, mà còn đặt trọng tâm vào việc đảm bảo sự gắn kết với các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là SDG 16 về thể chế vững mạnh và chống tham nhũng hiệu quả. Sự thành công của quá trình này đòi hỏi sự cam kết chính trị mạnh mẽ, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước, cùng với sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Chỉ khi đó, chuyển đổi số mới thực sự trở thành công cụ đột phá, góp phần hình thành một nền quản trị liêm chính, minh bạch, vì sự phát triển bền vững của đất nước.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
2. Chính phủ. (2021). *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.*
3. Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
4. Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.*
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
6. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
7. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo Chỉ số chuyển đổi số quốc gia năm 2023.* Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
8. Thanh tra Chính phủ. (2023). *Báo cáo kết quả công tác thanh tra năm 2023.* Hà Nội.

9. Thanh tra Chính phủ. (2024). *Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025*.
10. Trung tâm Thông tin, Thanh tra Chính phủ. (2025). *Hành trình chuyển đổi số trong cải cách hành chính của Thanh tra Chính phủ: thành tựu và định hướng tương lai*. Báo Thanh tra. <https://thanhtra.com.vn/xay-dung-nganh-5820F83CC/hanh-trinh-chuyen-doi-so-trong-cai-cach-hanh-chinh-cua-thanh-tra-chinh-phu-thanh-tuu-va-dinh-huong-tuong-lai-023989cd4.html>
11. Trung tâm Thông tin, Thanh tra Chính phủ. (2025). *Hành trình chuyển đổi số trong cải cách hành chính của Thanh tra Chính phủ: thành tựu và định hướng tương lai*. Báo Thanh tra.
12. Nguyễn, H. H., & Đào, T. H. (2025). Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. *Quản Lý Nhà Nước*, 354, 54–58. <https://doi.org/10.59394/qlnn.354.2025.1225>
13. OECD. (2022). *Digital government and anti-corruption: Leveraging technology for transparency*. Organisation for Economic Co-operation and Development. <https://doi.org/10.1787/digital-gov-anti-corruption>
14. United Nations. (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. United Nations. <https://sdgs.un.org/2030agenda>
15. World Bank. (2021). *Digital governance for development: Using technology to combat corruption*. The World Bank Group. <https://doi.org/10.1596/digital-gov-anticorruption>



PHẦN 3

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ  
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG,  
TIÊU CỰC, LÃNG PHÍ VÀ BÀI HỌC  
CHO VIỆT NAM

# PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TỪ GÓC ĐỘ CHỐNG RỬA TIỀN: KINH NGHIỆM TỪ HOA KỲ, QUẦN ĐẢO CAYMAN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Hồ Bảo<sup>321</sup>

Huỳnh Dương Trí<sup>322</sup>

Võ Thị Thu Diễm<sup>323</sup>

**Tóm tắt:** Tham nhũng và rửa tiền có mối liên hệ chặt chẽ, tạo điều kiện cho quan chức che giấu tài sản bất hợp pháp, đặc biệt qua các thiên đường tài chính. Bài viết phân tích kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng từ góc độ chống rửa tiền tại Hoa Kỳ và Quần đảo Cayman, từ đó đề xuất giải pháp cho Việt Nam. Hoa Kỳ áp dụng khung pháp lý chống rửa tiền nghiêm ngặt, truy vết tài sản tham nhũng hiệu quả. Cayman cải cách minh bạch tài chính, giảm nguy cơ trở thành nơi trú ẩn cho tiền bẩn. Việt Nam cần hoàn thiện luật, tăng giám sát giao dịch quan chức, minh bạch sở hữu doanh nghiệp, và hợp tác quốc tế để thu hồi tài sản. Các giải pháp này giúp kiểm soát dòng tiền bất hợp pháp, ngăn tẩu tán tài sản tham nhũng, nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, hướng tới quản trị minh bạch và bền vững.

**Từ khóa:** tham nhũng, rửa tiền, minh bạch tài chính, thu hồi tài sản.

## ANTI-CORRUPTION FROM THE PERSPECTIVE OF ANTI-MONEY LAUNDERING: EXPERIENCES FROM THE UNITED STATES, THE CAYMAN ISLANDS, AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

**Abstract:** Corruption and money laundering are closely linked, enabling officials to conceal illicit assets, often through offshore financial havens. This article analyzes anti-corruption efforts from an anti-money laundering perspective in the United States and the Cayman Islands, offering recommendations for Vietnam. The U.S. employs a robust anti-money laundering framework to effectively trace corrupt assets. The Cayman Islands have reformed financial transparency, reducing their role as a safe haven for illicit funds. Vietnam should strengthen its legal framework, enhance monitoring of officials' transactions, promote corporate ownership transparency, and deepen international cooperation for asset recovery. These measures aim to control illicit financial flows,

<sup>321</sup> Thạc sĩ, Khoa Luật – Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh. Email: baoh@dhv.edu.vn

<sup>322</sup> Thạc sĩ, Khoa Luật – Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh. Email: [trihd@dhv.edu.vn](mailto:trihd@dhv.edu.vn). Số điện thoại: 0914062199

<sup>323</sup> Cử nhân, Khoa Luật – Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh. Email: diemvtt@dhv.edu.vn

*prevent asset dissipation, and improve anti-corruption effectiveness, fostering transparent and sustainable governance.*

**Keywords:** *corruption, money laundering, financial transparency, asset recovery.*

## 1. Đặt vấn đề

Tham nhũng và rửa tiền có mối quan hệ gắn bó mật thiết, tạo thành vòng xoáy tiêu cực đe dọa sự liên chính của hệ thống tài chính và pháp luật. Các quan chức tham nhũng thường tìm cách hợp pháp hóa hoặc tẩu tán tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là chuyển tài sản ra nước ngoài thông qua các kênh rửa tiền nhằm che giấu nguồn gốc phi pháp.<sup>324</sup> Thực tế cho thấy nhiều trường hợp quan chức lợi dụng lỗ hổng quản lý tài chính và các thiên đường thuế để nhanh chóng chuyển lượng lớn tiền tham nhũng ra nước ngoài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự tài chính và xã hội.<sup>325</sup> Ví dụ, nghiên cứu của FATF (2011) nhận định tiền tham nhũng thường được chuyển qua hệ thống ngân hàng quốc tế hoặc các công ty bình phong ở nước ngoài, gây khó khăn cho việc thu hồi tài sản và làm xói mòn niềm tin vào pháp luật (FATF, 2011). Tổ chức Minh bạch Quốc tế cũng chỉ ra rằng quốc gia có mức độ tham nhũng cao thường có rủi ro rửa tiền lớn, do tham nhũng làm suy yếu thể chế giám sát và thúc đẩy dòng tiền bất hợp pháp luân chuyển trong hệ thống kinh tế.<sup>326</sup>

Trước thực trạng đó, cộng đồng quốc tế đã nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp công tác phòng, chống tham nhũng với phòng, chống rửa tiền. Điều 14 Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng (UNCAC, 2003) yêu cầu các quốc gia thiết lập chế độ quản lý và giám sát tài chính chặt chẽ nhằm ngăn ngừa, phát hiện rửa tiền – bao gồm biện pháp nhận biết khách hàng, báo cáo giao dịch đáng ngờ, xác định chủ sở hữu hưởng lợi thực sự, kiểm soát chuyển tiền điện tử... phù hợp với các chuẩn mực quốc tế hiện hành (United Nations, 2003). Cùng với UNCAC, Lực lượng đặc nhiệm tài chính quốc tế (FATF) cũng ban hành 40 Khuyến nghị (cập nhật năm 2012) thiết lập các tiêu chuẩn toàn cầu về chống rửa tiền, nhấn mạnh minh bạch tài chính và truy nguyên tài sản bất hợp

---

<sup>324</sup> Yang, C. (2020). *On Construction of the Preventing Escape System of Anti-Corruption from Perspective of Anti-Money Laundering*. Pháp học tạp chí, 2020(8), 60–69. (Nghiên cứu thuộc Trung tâm Nghiên cứu G20 về truy bắt và thu hồi tài sản tham nhũng, Đại học Sư phạm Bắc Kinh).

<sup>325</sup> Leon Dawson. (2025). *Corruption and Money Laundering in Latin America and the Caribbean: A Tale of Two Indices*. <https://gfintegrity.org/corruption-and-money-laundering-in-latin-america-and-the-caribbean-a-tale-of-two-indices/>

<sup>326</sup> Tlđd 2

pháp (FATF, 2012). Những khuôn khổ này tạo nền móng cho cách tiếp cận mới: sử dụng công cụ phòng, chống rửa tiền như đòn bẩy để phòng, chống tham nhũng hiệu quả hơn.

Tại Việt Nam, chủ trương hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng đặt ra yêu cầu cấp bách phải kiểm soát chặt chẽ dòng tài sản có nguồn gốc tham nhũng, nhất là nguy cơ tẩu tán tài sản ra nước ngoài. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã bổ sung nhiều biện pháp phòng ngừa tham nhũng (như công khai, minh bạch tài sản, thu nhập; hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản) tuy nhiên vẫn còn khoảng trống trong việc phối hợp với cơ chế phòng, chống rửa tiền. Trong bối cảnh Việt Nam đã ban hành Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 (sửa đổi luật 2012) nhằm tiệm cận các chuẩn mực FATF và UNCAC, việc tích hợp hai lĩnh vực này càng trở nên khả thi.<sup>327</sup> Bài viết này tập trung phân tích kinh nghiệm Hoa Kỳ và Quần đảo Cayman trong kết hợp phòng chống tham nhũng với chống rửa tiền, từ đó đề xuất một số kiến nghị cho Việt Nam. Mục tiêu là cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam thông qua kiểm soát hoạt động rửa tiền và ngăn chặn việc chuyển tài sản tham nhũng ra nước ngoài bất hợp pháp.

## **2. Phòng, chống tham nhũng từ góc độ chống rửa tiền**

### **2.1. Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ**

Hoa Kỳ được coi là quốc gia có hệ thống pháp luật về chống rửa tiền (AML) phát triển sớm và toàn diện bậc nhất, qua đó gián tiếp hỗ trợ hiệu quả cho cuộc chiến chống tham nhũng. Ngay từ năm 1970, Mỹ đã ban hành Đạo luật Bảo mật Ngân hàng (BSA) – đạo luật nền tảng yêu cầu các định chế tài chính lưu trữ hồ sơ và báo cáo các giao dịch tiền tệ trên 10.000 USD, nhằm theo dõi nguồn gốc và luân chuyển của tiền.<sup>328</sup> Sau đó, một loạt đạo luật liên bang tiếp tục bổ sung tội danh rửa tiền và cơ chế thực thi, tiêu biểu như Đạo luật Kiểm soát Rửa tiền 1986 (xác định rửa tiền là tội hình sự liên bang và cho phép tịch thu tài sản trong vụ án rửa tiền) và Đạo luật Chống Lạm dụng Ma túy 1988 (mở rộng đối tượng báo cáo tài chính đến cả tổ chức phi ngân hàng như địa ốc, buôn bán ô tô...).<sup>329</sup> Hệ thống pháp luật AML của Mỹ liên tục được củng cố trong thập niên 1990 (thông qua các sửa đổi năm 1992, 1994, 1998) nhằm thắt chặt nghĩa vụ báo cáo giao dịch đáng ngờ,

---

<sup>327</sup> Vietnam: Anti-Money Laundering Law Takes Effect. <https://www.loc.gov/item/global-legal-monitor/2023-05-04/vietnam-anti-money-laundering-law-takes-effect/>

<sup>328</sup> History of Anti-Money Laundering Laws. <https://www.fincen.gov/history-anti-money-laundering-laws>

<sup>329</sup> Financial Crimes Enforcement Network. History of anti-money laundering laws. U.S. Department of the Treasury. Retrieved from <https://www.fincen.gov/history-anti-money-laundering-laws>

lưu giữ dữ liệu chuyển tiền, và đào tạo nâng cao năng lực cho cơ quan giám sát tài chính.<sup>330</sup>

Bước ngoặt quan trọng xảy ra sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, khi Quốc hội Mỹ thông qua Đạo luật Yêu nước (USA PATRIOT Act) 2001 với Chương III mang tên “Đạo luật Quốc tế về ngăn chặn rửa tiền và chống tài trợ khủng bố”. Luật PATRIOT 2001 đã sửa đổi sâu sắc BSA, đặt ra nhiều nghĩa vụ mới và mở rộng cho các tổ chức tài chính, nhằm tăng cường tính minh bạch của hoạt động tài chính – yếu tố then chốt để ngăn chặn cả rửa tiền lẫn tham nhũng. Cụ thể, luật cấm các ngân hàng Hoa Kỳ thiết lập hoặc duy trì quan hệ ngân hàng đại lý với “ngân hàng vỏ bọc” (shell bank) ở nước ngoài, đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp “đặc biệt” đối với những quốc gia, tổ chức tài chính hoặc giao dịch được coi là có rủi ro rửa tiền cao. Bộ trưởng Tài chính Mỹ được trao quyền áp dụng các biện pháp đặc biệt (theo Mục 311 PATRIOT Act), như yêu cầu tăng cường thẩm tra nguồn tiền, xác minh chủ sở hữu tài khoản, hoặc cấm các ngân hàng Mỹ giao dịch với định chế tài chính thuộc “quốc gia không hợp tác” về chống rửa tiền. Các tổ chức tài chính cũng phải thực hiện định danh khách hàng nâng cao (EDD) đối với tài khoản ngân hàng tư nhân của người nước ngoài có ảnh hưởng chính trị (PEP), bao gồm việc xác minh nguồn gốc tài sản và theo dõi chặt chẽ giao dịch của các PEP này.<sup>331</sup> Những quy định này trực tiếp nhắm tới việc ngăn chặn quan chức tham nhũng nước ngoài lợi dụng hệ thống ngân hàng Hoa Kỳ để rửa tiền, nhất là qua ngân hàng nước ngoài vô danh hoặc tài khoản ẩn danh.

Song song với việc hoàn thiện pháp luật, Hoa Kỳ cũng chú trọng thực thi và hợp tác quốc tế để truy quét tiền tham nhũng. Về nội địa, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã thành lập Đơn vị Thu hồi Tài sản do Tham nhũng (Kleptocracy Asset Recovery Initiative) nhằm điều tra và khởi tố các quan chức nước ngoài rửa tiền tại Hoa Kỳ bằng tài sản tham nhũng. Điển hình, Mỹ đã truy tố thành công nhiều vụ quan chức quốc tế tham nhũng rửa tiền mua bất động sản hoặc tài sản xa xỉ tại Mỹ, tịch thu hàng trăm triệu USD và hợp tác trả lại cho nước bị thiệt hại. Về hợp tác quốc tế, Mỹ là thành viên sáng lập Nhóm Egmont – mạng lưới các đơn vị tình báo tài chính (FIU) toàn cầu – và luôn tích cực trao đổi thông tin tình

---

<sup>330</sup> Tlđđ 1

báo tài chính với các nước.<sup>332</sup> Cơ quan Mạng lưới Chống tội phạm tài chính (FinCEN) của Mỹ thường xuyên ký kết các biên bản ghi nhớ với FIU các nước để chia sẻ dữ liệu giao dịch đáng ngờ, qua đó hỗ trợ điều tra các vụ tham nhũng xuyên quốc gia. Đặc biệt, nguyên tắc “quyền tài phán cánh tay nối dài” (long-arm jurisdiction) được tòa án liên bang Mỹ áp dụng triệt để: bất kỳ ngân hàng nước ngoài nào có giao dịch qua hệ thống ngân hàng Mỹ đều có thể bị yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ điều tra rửa tiền hoặc tham nhũng. Quy định này (hiện được mở rộng qua Đạo luật Chống rửa tiền AMLA 2020) buộc các ngân hàng toàn cầu phải hợp tác với giới chức Mỹ trong các vụ điều tra tài sản bất minh của quan chức tham nhũng, nếu không muốn bị loại khỏi hệ thống thanh toán bằng đồng USD.

Tóm lại, kinh nghiệm Hoa Kỳ cho thấy một khung pháp lý AML mạnh mẽ, minh bạch có thể trở thành công cụ hữu hiệu để phát hiện và ngăn chặn tham nhũng. Bằng cách yêu cầu các định chế tài chính “biết khách hàng” (KYC) và báo cáo các giao dịch đáng ngờ, Hoa Kỳ đã tạo ra tầng giám sát tài chính khiến quan chức tham nhũng khó ẩn giấu tiền bẩn. Việc đưa tội danh tham nhũng nước ngoài vào luật rửa tiền (Mục 315 PATRIOT Act đã liệt kê các tội tham nhũng nước ngoài là “tội phạm nguồn” của rửa tiền) giúp giới thực thi pháp luật Mỹ xử lý quan chức tham nhũng thông qua tội rửa tiền ngay cả khi họ phạm tội ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, Mỹ tận dụng sức mạnh tài chính của mình để gây sức ép quốc tế, buộc các thiên đường tài chính hợp tác và cải cách, góp phần thu hẹp không gian ẩn náu cho tài sản tham nhũng trên phạm vi toàn cầu.

## ***2.2. Kinh nghiệm từ Quần đảo Cayman***

Trái với Hoa Kỳ là một cường quốc tài chính, Quần đảo Cayman nổi tiếng là một trung tâm tài chính ngoài khơi (offshore financial center), từng bị xem là “thiên đường trốn thuế” và nơi ưa thích để cất giấu tiền tham nhũng. Tuy nhiên, thực tiễn tại Quần đảo Cayman cho thấy, một trung tâm tài chính dù quy mô nhỏ vẫn có thể xây dựng cơ chế quản lý hiệu quả để phòng, chống rửa tiền, qua đó hạn chế nguy cơ trở thành nơi cất giấu tài sản tham nhũng.. Trong vài thập niên qua, Cayman Islands đã xây dựng mô hình quản trị hai tầng: tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực và giám sát quốc tế, đồng thời ban hành khung pháp luật nội địa chặt chẽ phù hợp với đặc thù địa phương. Về tuân thủ quốc tế, Cayman cam kết thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn do Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng

và FATF đề ra. Mọi ngân hàng hoạt động tại Cayman (bao gồm chi nhánh ngân hàng nước ngoài) đều phải tuân thủ đồng thời luật Cayman và pháp luật quốc gia nơi đặt trụ sở chính. Đặc biệt, Cayman yêu cầu ngân hàng ngoại quốc khi lập chi nhánh hoặc công ty con tại đây phải được sự chấp thuận và giám sát bổ sung từ cơ quan quản lý ở nước mẹ, đảm bảo “không nơi nào bị thả lỏng” (Queree, 2019). Để tăng cường hợp tác, Cơ quan Tiền tệ Quần đảo Cayman (CIMA) – đóng vai trò FIU trung ương kiêm cơ quan giám sát AML – đã thiết lập quy trình đặc biệt để trao đổi thông tin với cơ quan giám sát nước ngoài của các ngân hàng có chi nhánh tại Cayman, giúp cung cấp kịp thời thông tin về hoạt động của các chi nhánh này cho nước mẹ. Trên bình diện đa phương, Cayman tích cực tham gia các đợt đánh giá đa phương của CFATF (Nhóm châu Mỹ-Caribbean về AML) và đã nhiều lần sửa đổi luật theo khuyến nghị để khắc phục thiếu sót. Nhờ nỗ lực đó, Cayman từng bị FATF đưa vào danh sách giám sát (“danh sách xám”) năm 2021 nhưng đã ra khỏi danh sách vào tháng 10/2023, phản ánh những cải thiện đáng kể trong hiệu quả cơ chế AML.<sup>333</sup>

Về pháp luật nội địa, Cayman xây dựng khung pháp lý AML toàn diện với tiêu chuẩn cao ngay trên chính lãnh thổ mình. Luật về sản phẩm tội phạm 2008 và Quy chế Chống rửa tiền 2017 (sửa đổi nhiều lần, mới nhất 2023) hình thành nền tảng pháp lý quy định rõ các tội danh rửa tiền và trách nhiệm tuân thủ của định chế tài chính cũng như ngành nghề phi tài chính có rủi ro (DNFBPs). CIMA được trao thẩm quyền rộng rãi để giám sát, thanh tra và điều tra mọi hoạt động ngân hàng và tài chính tại Cayman. Hằng năm, CIMA yêu cầu tất cả các ngân hàng phải nộp báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ về AML để cơ quan này thẩm định. CIMA có quyền yêu cầu bất kỳ ngân hàng hay tổ chức nào cung cấp hồ sơ, tài liệu để làm rõ thông tin giao dịch đáng ngờ, và có thể xử phạt nghiêm khắc nếu phát hiện vi phạm quy định chống rửa tiền (CIMA, 2021). Nhờ cơ chế thanh tra gắt gao, Cayman hiện được công nhận là một trong những thị trường tài chính ngoài khơi có tiêu chuẩn AML cao, khác xa hình ảnh lỏng lẻo trước đây.<sup>334</sup> Đáng chú ý, Cayman Islands đã chú trọng minh bạch hóa sở hữu công ty – yếu tố quan trọng để ngăn ngừa quan chức tham nhũng núp bóng doanh nghiệp hòng giấu tài sản. Từ năm 2017, Cayman thiết lập Hệ thống lưu trữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của các công ty

---

<sup>333</sup> Róisín Liddy-Murphy. (2024). *Cayman Islands Removal from the EU Anti-Money Laundering List*. <https://www.conyers.com/publications/view/cayman-islands-removal-from-the-eu-anti-money-laundering-list/>

<sup>334</sup> Matthew Queree. (2019). *Cayman Islands revised anti-money laundering regulation – One year on*. <https://www.aima.org/journal/aima-journal---edition-120/article/cayman-islands-revised-anti-money-laundering-regulation-one-year-on.html>

đăng ký tại đây và cho phép cơ quan thực thi pháp luật (cả trong và ngoài nước) tiếp cận khi cần thiết (BOTA, 2017). Đến cuối năm 2023, quốc đảo này ban hành Đạo luật Minh bạch về chủ sở hữu hưởng lợi 2023 (BOTA) nhằm tăng cường hơn nữa việc thu thập, cập nhật và chia sẻ dữ liệu về chủ sở hữu thực sự của các pháp nhân.<sup>335</sup> Những cải cách này giúp hạn chế tình trạng “công ty bình phong” vô danh – vốn là công cụ phổ biến để rửa tiền tham nhũng xuyên biên giới.<sup>336</sup> Kinh nghiệm của Cayman cho thấy ý chí chính trị mạnh mẽ và hợp tác quốc tế có thể biến một trung tâm tài chính từng bị hoài nghi thành điển hình về cân bằng giữa phát triển dịch vụ tài chính và tuân thủ chuẩn mực toàn cầu. Cayman đã chứng minh rằng việc “tự làm sạch” hệ thống tài chính không chỉ bảo vệ uy tín quốc gia mà còn góp phần bịt các lỗ hổng mà quan chức tham nhũng nước ngoài có thể lợi dụng để rửa tiền.<sup>337</sup> Bài học rút ra là: khuôn khổ pháp luật nghiêm minh, thực thi quyết liệt và minh bạch hóa tài chính sẽ thu hẹp “vùng an toàn” cho tài sản bất hợp pháp, buộc những kẻ tham nhũng phải lộ diện.

### 3. Một số kiến nghị cho Việt Nam

Từ những kinh nghiệm quốc tế trên, có thể thấy việc phòng, chống tham nhũng sẽ hiệu quả hơn nếu tận dụng triệt để góc độ phòng, chống rửa tiền. Đối chiếu với khung pháp lý và thực tiễn Việt Nam, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau nhằm hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng thông qua kiểm soát rửa tiền và ngăn ngừa tẩu tán tài sản:

*Một là*, hoàn thiện hành lang pháp lý, mở rộng tội phạm nguồn và xử lý hành vi “tự rửa tiền”: Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 của Việt Nam đã liệt kê các tội phạm nguồn của rửa tiền bao gồm tham nhũng, hối lộ (Điều 4.1 Luật 2022). Tuy nhiên, cần bảo đảm tất cả các hành vi tham nhũng (theo Luật PCTN 2018) đều có thể cấu thành tội rửa tiền nếu liên quan đến hợp pháp hóa tài sản do tham nhũng mà có. Đặc biệt, nên xem xét hình sự hóa hành vi “tự rửa tiền” – tức trường hợp chính người phạm tội tham nhũng thực hiện các thao tác rửa tiền, tài sản tham nhũng của mình. Hiện nay, pháp luật hình sự Việt Nam chưa có quy định rõ ràng về việc một người vừa bị truy tố tội tham nhũng, vừa bị truy tố tội rửa tiền với chính tài sản do mình tham nhũng (vì quan niệm truyền thống cho rằng hành vi rửa tiền đã “bao hàm” trong tội tham nhũng). Thực tiễn tại Trung Quốc cho thấy, lỗ hổng này có thể cản trở khả năng hợp tác quốc tế trong truy bắt tội phạm tham nhũng

---

<sup>335</sup> Róisín Liddy-Murphy. (2024). *The New Cayman Islands Beneficial Ownership Regime is Now in Force*. <https://www.conyers.com/publications/view/the-new-cayman-islands-beneficial-ownership-regime-is-now-in-force/>

<sup>336</sup> *Cayman Islands Beneficial Ownership Transparency Act: Implications for US CLOs*. <https://maples.com/knowledge/cayman-islands-beneficial-ownership-transparency-act-implications-for-us-clos>

<sup>337</sup> 39



bỏ trốn. Do đó, Việt Nam nên nghiên cứu bổ sung quy định để truy cứu độc lập tội rửa tiền đối với người phạm tội tham nhũng trong trường hợp họ thực hiện hành vi hợp pháp hóa tài sản do chính mình phạm tội mà có (tương tự hướng dẫn của UNCAC và thông lệ nhiều nước). Điều này tạo cơ sở pháp lý vững chắc hơn cho việc dẫn độ, tương trợ tư pháp với nước ngoài, bởi nhiều quốc gia sẵn sàng hợp tác về tội rửa tiền hơn là tội phạm chính trị.

*Hai là*, tăng cường giám sát giao dịch tài chính liên quan đến quan chức và mở rộng đối tượng báo cáo: Luật PCTN 2018 yêu cầu kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, nhưng việc giám sát biến động tài sản thực tế còn hạn chế. Cần kết nối cơ chế kê khai tài sản với hệ thống báo cáo giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực tài chính. Cụ thể, nên sửa đổi văn bản hướng dẫn Luật Phòng, chống rửa tiền để bổ sung quy định: các tổ chức tài chính phải áp dụng biện pháp nhận biết khách hàng nâng cao đối với các “người có ảnh hưởng chính trị trong nước” (domestic PEP), tức quan chức Việt Nam có chức vụ cao và người thân thích của họ. Hiện tại, Điều 17 Luật 2022 mới chỉ đề cập PEP nước ngoài và yêu cầu ngân hàng kiểm soát chặt nguồn tiền của khách hàng thuộc danh sách “cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị” do Ngân hàng Nhà nước công bố. Khoảng trống là chưa có quy định tương tự cho quan chức trong nước, trong khi nguy cơ tham nhũng nội địa là hiện hữu. Do đó, Việt Nam nên xem xét mở rộng định nghĩa PEP bao gồm cả đối tượng trong nước, phù hợp với Khuyến nghị FATF (FATF yêu cầu coi PEP nước ngoài là bắt buộc, khuyến khích áp dụng với PEP trong nước dựa trên rủi ro). Các ngân hàng, tổ chức tài chính cần được hướng dẫn cơ chế phát hiện và giám sát giao dịch của quan chức trong nước, ví dụ: thiết lập bộ tiêu chí để cờ báo những giao dịch bất thường liên quan đến quan chức (chuyển tiền lớn ra nước ngoài, mua tài sản giá trị cao không tương xứng thu nhập, v.v.). Khi phát hiện, phải báo cáo ngay cho Cơ quan phòng chống rửa tiền (FIU) để phân tích, chuyển thông tin cho Thanh tra Chính phủ hoặc cơ quan điều tra tham nhũng. Đồng thời, mở rộng đối tượng có nghĩa vụ báo cáo và tuân thủ AML sang các lĩnh vực nhạy cảm với tham nhũng. Luật 2022 đã bổ sung nhiều ngành nghề phi tài chính như bất động sản, sòng bạc, buôn bán vàng bạc đá quý vào diện báo cáo – đây là bước tiến tích cực. Tới đây, có thể xem xét đưa thêm một số lĩnh vực khác nếu có rủi ro, chẳng hạn trung gian tư vấn đầu tư định cư nước ngoài (các công ty làm dịch vụ “hộ chiếu vàng”), bởi quan chức tham nhũng có thể thông qua đó để chuyển tiền và lấy quốc tịch nước ngoài (Yang, 2020).

Ba là, xây dựng danh sách đen quốc gia/vùng lãnh thổ rủi ro và tăng cường kiểm soát giao dịch xuyên biên giới: Tham khảo kinh nghiệm Mỹ lập danh sách “Primary Money Laundering Concern” và khuyến nghị của OECD, Việt Nam có thể thiết lập một danh sách đen quốc gia/vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền và tham nhũng. Danh sách này dựa trên công bố của FATF về các nước không hợp tác hoặc bị giám sát đặc biệt, kết hợp đánh giá của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước về các “thiên đường trốn thuế” thường được quan chức tham nhũng lựa chọn để cất giấu tiền. Khi phát hiện giao dịch từ/đến các nước trong danh sách đen, ngân hàng phải áp dụng kiểm tra tăng cường (EDD): xác minh kỹ mục đích, nguồn gốc tiền; tạm hoãn giao dịch nếu nghi ngờ có liên quan đến tội phạm; báo cáo ngay cho FIU. Chẳng hạn, các chuyển tiền tới tài khoản ở các trung tâm tài chính ngoài khơi như British Virgin Islands, Panama, Cayman... nên tự động được đánh dấu để thẩm tra thêm. Bên cạnh đó, Việt Nam cần phát triển hệ thống cảnh báo sớm về luân chuyển vốn bất thường ra nước ngoài, đặc biệt dưới dạng hợp đồng xuất nhập khẩu không, chuyển giá, đầu tư “chui”. Như nghiên cứu tại Trung Quốc cho thấy, ký kết hợp đồng ngoại thương giả mạo giữa công ty trong nước và công ty offshore là thủ đoạn phổ biến để “rút ruột” tiền tham nhũng ra nước ngoài dưới vỏ bọc thanh toán thương mại hợp pháp. Để ngăn chặn, hải quan, ngân hàng và cơ quan thuế cần phối hợp chia sẻ dữ liệu xuất nhập khẩu, đối chiếu với dòng tiền ngoại hối. Những giao dịch xuất nhập khẩu trị giá lớn với công ty vỏ bọc tại thiên đường thuế, hoặc giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài lặp đi lặp lại dưới ngưỡng báo cáo (dấu hiệu chia nhỏ giao dịch) cần được hệ thống CNTT phát hiện và báo cáo tự động. Việc này đòi hỏi cơ chế chia sẻ thông tin liên ngành thông suốt (giữa NHNN Tổng cục Hải quan – Tổng cục Thuế – Bộ Công an). Hiện tượng các ngân hàng thương mại còn hoạt động rời rạc, chưa chia sẻ đủ thông tin cho nhau và cho cơ quan công quyền (tình trạng “data silo”) cần được khắc phục bằng các trung tâm thông tin tập trung và quy định pháp luật rõ ràng về trách nhiệm phối hợp.

Bốn là, minh bạch hóa sở hữu doanh nghiệp và tài sản, tăng cường truy vết tài sản quan chức: Một trong những phương thức phổ biến để quan chức tham nhũng che giấu tài sản là nhờ người thân hoặc lập công ty bình phong đứng tên tài sản. Vì vậy, Việt Nam cần đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin về chủ sở hữu thực sự (beneficial owner) của doanh nghiệp và tài sản. Luật Doanh nghiệp 2020 đã có bước đầu khi yêu cầu công ty cổ phần phi đại chúng phải thông báo thông tin người sở hữu từ 10% cổ phần trở lên, nhưng chưa đủ để xác định người kiểm soát thực sự. Cần xem xét thành lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, liên thông với cơ quan thuế và ngân hàng. Bài

học UNCAC và FATF khuyến cáo rằng các quốc gia phải có biện pháp buộc công ty và pháp nhân khác công khai thông tin về người kiểm soát, người hưởng lợi cuối cùng. Việt Nam cũng nên sửa đổi các quy định về kê khai tài sản của quan chức (Luật PCTN và văn bản hướng dẫn) theo hướng: không chỉ kê khai tài sản đứng tên mình, mà phải kê khai cả tài sản do vợ/chồng, con cái thành niên, hoặc doanh nghiệp thuộc sở hữu chi phối của mình nắm giữ. Đồng thời, kết hợp cơ chế xác minh tài sản với dữ liệu từ hệ thống chống rửa tiền: FIU và Cục Phòng chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ) có thể định kỳ đối chiếu danh sách quan chức diện kê khai với các báo cáo giao dịch đáng ngờ, báo cáo chuyển tiền quốc tế... nhằm phát hiện dấu hiệu bất thường về tài sản. Ví dụ, nếu một quan chức hoặc vợ/chồng họ có giao dịch chuyển hàng triệu USD ra nước ngoài nhưng không khai báo nguồn hợp pháp, cần tiến hành xác minh ngay. Luật PCTN 2018 (Điều 44, 45) đã cho phép xác minh tài sản khi có dấu hiệu kê khai không trung thực; do đó nên bổ sung “phát hiện qua kênh thông tin tình báo tài chính” là một căn cứ để mở cuộc xác minh. Thêm nữa, Việt Nam có thể học hỏi mô hình “lệnh giải trình tài sản” (Unexplained Wealth Order) của một số nước (Anh, Úc): theo đó, nếu quan chức hoặc người có liên hệ với quan chức sở hữu tài sản lớn bất thường mà không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp, tòa án có thể ra lệnh phong tỏa tài sản và tiến hành điều tra sâu.

*Năm là*, tăng cường hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng thông qua cơ chế AML: Tham nhũng lớn thường mang tính xuyên quốc gia, do đó Việt Nam cần chủ động hơn nữa trong các mạng lưới hợp tác chống rửa tiền để truy vết và thu hồi tài sản tham nhũng. Việt Nam đã là thành viên UNCAC và Nhóm châu Á – Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG), cần tận dụng các kênh này để đề nghị hỗ trợ truy tìm tài sản do quan chức tham nhũng tẩu tán ra nước ngoài. Điều 51-59 UNCAC đặt ra khuôn khổ hợp tác thu hồi tài sản, nhưng kết quả phụ thuộc vào năng lực chuẩn bị hồ sơ chứng cứ và tốc độ yêu cầu tương trợ của ta. Do đó, nên thiết lập đầu mối chuyên trách (có thể trong Cục Phòng chống rửa tiền thuộc NHNN hoặc Cục Phòng chống tham nhũng) để phối hợp với Bộ Công an và VKSND Tối cao về công tác thu hồi tài sản quốc tế. Đầu mối này sẽ trao đổi thường xuyên với mạng lưới FIU toàn cầu (Egmont), theo dõi các thông báo của FATF về những phương thức rửa tiền tham nhũng mới (ví dụ dùng tiền mã hóa gần đây), qua đó cập nhật kịp thời cho trong nước. Ngoài ra, Việt Nam nên xem xét ký thêm các hiệp định tương trợ tư pháp song phương tập trung vào tội phạm tài chính với những nước là điểm đến phổ biến của tiền tham nhũng (như Singapore, UAE...). Song song, đẩy mạnh vai trò của Interpol và hợp tác khu vực ASEAN trong việc phong tỏa tài khoản nghi liên

quan tham nhũng. Một khi khuôn khổ pháp luật trong nước cho phép phong tỏa khẩn cấp giao dịch đáng ngờ (tối đa 3 ngày theo Luật 2022), ta có thể thông qua Egmont gửi cảnh báo đến nước bạn để cùng đóng băng tài khoản, tránh tẩu tán tài sản trước khi có yêu cầu chính thức.

Sáu là, cần lưu ý rằng việc tích hợp chống rửa tiền vào chống tham nhũng đòi hỏi nguồn lực và năng lực chuyên môn cao. Cán bộ thực thi pháp luật (công an, kiểm sát, thanh tra) cần được đào tạo về phân tích dòng tiền, điều tra tài chính. Đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành thông suốt giữa Ngân hàng Nhà nước (FIU) với Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Kiểm tra Đảng, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Luật PCTN 2018 (Điều 89, 90) đã nêu nguyên tắc hợp tác quốc tế và phân công nhiệm vụ, nhưng trên thực tế cần cụ thể hóa quy chế trao đổi thông tin giữa các cơ quan trong nước trước, làm cơ sở để hợp tác hữu hiệu với nước ngoài. Ví dụ, khi FIU nhận báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan một quan chức cấp cao, cần có quy trình bảo mật nhưng chia sẻ kịp thời thông tin đó cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tham nhũng (Thanh tra hoặc Ủy ban Kiểm tra), tránh tình trạng “đèn đỏ tài chính” bật lên nhưng cơ quan chống tham nhũng không biết để hành động.

#### **4. Kết luận**

Phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh mới không thể tách rời việc kiểm soát hiệu quả các dòng tiền phi pháp. Tham nhũng là tội phạm nguồn tạo ra khoản lợi bất chính khổng lồ, và rửa tiền chính là phương tiện để những khoản tiền đó được cất giấu an toàn. Do vậy, việc lồng ghép các biện pháp phòng, chống rửa tiền vào công cuộc chống tham nhũng là một bước đi tất yếu, phù hợp với xu thế và chuẩn mực quốc tế. Kinh nghiệm Hoa Kỳ cho thấy khung pháp luật AML mạnh có thể giúp lật tẩy nhiều vụ tham nhũng lớn bằng cách lần theo dấu vết tiền. Trường hợp Cayman Islands chứng minh rằng ngay cả các “thiên đường tài chính” cũng có thể tự cải cách để không trở thành nơi trú ẩn cho tiền bẩn tham nhũng.

Đối với Việt Nam, việc hoàn thiện thể chế cần tập trung vào việc bịt kín các kẽ hở mà quan chức tham nhũng có thể lợi dụng để rửa tiền: từ lỗ hổng pháp lý về tội danh, sơ hở trong giám sát giao dịch, cho đến thiếu minh bạch về tài sản. Đồng thời, nâng cao năng lực thực thi và hợp tác quốc tế sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong phát hiện, ngăn chặn và thu hồi tài sản tham nhũng xuyên biên giới. Trong thời đại toàn cầu hóa tài chính, quan chức tham nhũng tận dụng triệt để sự thông thoáng của thị trường tài chính quốc tế để tẩu tán tài sản. Vì vậy, chúng ta phải gia cố “mạng lưới pháp luật” đến từng mắt lưới nhỏ,

giảm tối đa lỗ hổng và vùng trống trong quản lý tài chính; đồng thời mở rộng hợp tác với các nước và tổ chức quốc tế về chống rửa tiền, từ đó ngăn chặn hiệu quả hành vi rửa tiền xuyên biên giới của các đối tượng tham nhũng.

Tóm lại, phòng, chống tham nhũng từ góc độ chống rửa tiền không chỉ là khẩu hiệu mà phải được cụ thể hóa bằng những cải cách pháp luật đồng bộ và hành động quyết liệt. Đây là hướng đi chiến lược nhằm nâng cao tính hiệu quả và sức răn đe của công tác phòng chống tham nhũng ở Việt Nam, góp phần xây dựng một nền quản trị công minh bạch, liêm chính và phát triển bền vững.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Alexander, K. (2021). Closing the net on corruption: U.S. legal efforts to seize and recover proceeds of foreign official corruption. *Georgetown Journal of International Law*, 52(2), 749–804.
2. Chaikin, D., & Sharman, J. C. (2009). *Corruption and money laundering: A symbiotic relationship*. New York, NY: Palgrave Macmillan.
3. Financial Action Task Force. (2012). *International standards on combating money laundering and the financing of terrorism & proliferation – The FATF recommendations*. Paris, France: FATF/OECD.
4. Financial Crimes Enforcement Network. *History of anti-money laundering laws*. U.S. Department of the Treasury. Retrieved from <https://www.fincen.gov/history-anti-money-laundering-laws>
5. Government of the Cayman Islands. (2023). *Beneficial Ownership Transparency Act, 2023 (Law 54 of 2023)*. *Cayman Gazette No. 85 of 2023*.
6. Queree, M. (2019). Cayman Islands revised anti-money laundering regulation – One year on. *AIMA Journal*, 120, 16–19.
7. Umeda, S. (2023). Vietnam: Anti-money laundering law takes effect. *Global Legal Monitor*. Washington, DC: Law Library of Congress. Retrieved from <https://www.loc.gov/item/global-legal-monitor/2023-08-03/vietnam-anti-money-laundering-law-takes-effect/>
8. United Nations. (2003). *United Nations Convention Against Corruption*. New York, NY: UN General Assembly Resolution 58/4.
9. Van der Does de Willebois, E., Halter, E., Harrison, R., Park, J. W., & Sharman, J. C. (2011). *The puppet masters: How the corrupt use legal structures to hide stolen*

*assets and what to do about it*. Washington, DC: StAR Initiative (World Bank & UNODC).

10. Yang, C. (2020). On construction of the preventing escape system of anti-corruption from perspective of anti-money laundering. *Pháp học tạp chí*, 2020(8), 60–

# MẠNG XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh<sup>338</sup>

**Tóm tắt:** Trong kỷ nguyên số, mạng xã hội đã trở thành một công cụ phát huy tính hiệu quả trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Các nền tảng mạng xã hội giúp nâng cao nhận thức cộng đồng, hỗ trợ người dân tố cáo hành vi tham nhũng, tạo môi trường minh bạch và thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của cơ quan công quyền. Bài viết này phân tích lợi ích cũng như thách thức mạng xã hội mang lại trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, đồng thời đề cập đến việc ứng dụng mạng xã hội trong phòng, chống tham nhũng của một số nước để từ đó rút ra các kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam.

**Từ khóa:** mạng xã hội, phòng chống tham nhũng, tính minh bạch, lợi ích, thách thức

## 1. Đặt vấn đề

Nỗ lực phòng, chống tham nhũng là yếu tố then chốt, quyết định đến sự phát triển bền vững và công bằng xã hội của mọi quốc gia. Hậu quả của tham nhũng vô cùng nặng nề và đa chiều: nó làm thất thoát nguồn lực quốc gia, bóp méo môi trường cạnh tranh lành mạnh, và cản trở sự phát triển kinh tế bền vững. Về mặt xã hội, tham nhũng làm suy yếu hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước, gây mất ổn định xã hội, và đặc biệt làm xói mòn niềm tin của nhân dân vào nhà nước và hệ thống chính trị, đe dọa sự ổn định và phát triển đất nước. Do đó, đấu tranh chống tham nhũng đã trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với mọi quốc gia, đòi hỏi sự triển khai quyết liệt và hiệu quả.

Trong thời đại công nghệ phát triển, công tác phòng chống tham nhũng đạt được hiệu quả hơn khi huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng thông qua mạng xã hội. Dựa trên các nền tảng mạng xã hội, người dân có thể nhanh chóng chia sẻ thông tin, tập hợp sự ủng hộ và huy động hành động tập thể để vạch trần và phản đối các hành vi tham nhũng. Các chiến dịch trực tuyến, các cuộc thảo luận công khai trên mạng xã hội giúp mở rộng khả năng tham gia và cho phép cá nhân, nhóm người thể hiện quan điểm một cách công khai về các vấn đề tham nhũng. Mạng xã hội cũng là công cụ thiết yếu cho các nhà báo, nhà hoạt động chống tham nhũng và các tổ chức phi chính phủ trong việc lan truyền

---

<sup>338</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Tp. Hồ Chí Minh

thông tin, báo cáo các vụ việc tham nhũng, và gây áp lực lên chính phủ cũng như các cơ quan thực thi pháp luật để hành động minh bạch và có trách nhiệm. Do đó, mạng xã hội có tiềm năng lớn trong việc mở rộng không gian tham gia và gia tăng áp lực từ cộng đồng trong công cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay.

## **2. Lợi ích của mạng xã hội trong phòng, chống tham nhũng**

Mạng xã hội đã và đang đóng vai trò là một công cụ mạnh mẽ và đầy tiềm năng trong cuộc chiến chống tham nhũng. Vai trò này được thể hiện qua nhiều khía cạnh, từ việc lan truyền thông tin, huy động cộng đồng cho đến tạo áp lực xã hội lên các cá nhân và tổ chức tham nhũng.

*Mạng xã hội được xem là một trong những công cụ hiệu quả để truyền tải thông tin nhanh chóng, dễ tiếp cận hơn đối với công chúng.* Kurniawan và cộng sự (2021) cho rằng mạng xã hội có hiệu quả cao trong việc truyền tải thông tin đến công chúng. Các thông điệp được truyền tải bao gồm nội dung về giáo dục phòng chống tham nhũng, thực thi pháp luật, và tính liêm chính của cán bộ, quan chức. Những nội dung này không chỉ giúp nâng cao hiểu biết pháp lý của người dân, mà còn tạo ra một môi trường xã hội đề cao minh bạch và công bằng. Flew và Iosifidis (2020) cho rằng mạng xã hội đóng vai trò như một kênh truyền thông thay thế, mang lại không gian mới để phản biện các luồng ý kiến chính thống, đồng thời cho phép tổ chức các phong trào xã hội trên diện rộng. Trong bối cảnh này, mạng xã hội không chỉ là nơi chia sẻ thông tin mà còn là công cụ vận động tập thể, tạo điều kiện hình thành dư luận xã hội mạnh mẽ chống lại hành vi tham nhũng. Thông qua các hình thức truyền tải sinh động như video ngắn, infographic, livestream thảo luận, mạng xã hội giúp việc truyền thông về phòng, chống tham nhũng trở nên hấp dẫn và dễ tiếp nhận hơn đối với nhiều đối tượng công chúng khác nhau. Từ đó, mạng xã hội góp phần quan trọng vào việc hình thành ý thức phản kháng với tham nhũng trong cộng đồng và thúc đẩy các hành vi tích cực trong giám sát xã hội.

*Mạng xã hội góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy trách nhiệm xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.* Theo Prabowo và cộng sự (2018), mạng xã hội có tiềm năng to lớn trong việc giúp người dân hiểu rõ hơn về bản chất, hậu quả và biểu hiện của tham nhũng, từ đó thúc đẩy họ lên tiếng yêu cầu minh bạch hóa thông tin và hành động có trách nhiệm từ phía chính quyền. Việc công bố thông tin sai phạm và hành vi phi đạo đức của cán bộ, công chức thông qua các nền tảng trực tuyến đã trở thành một xu thế ngày càng phổ biến, góp phần nâng cao áp lực từ dư luận xã hội đối với bộ máy công quyền. Cùng quan điểm này, McGregor (2019) nhấn mạnh rằng phản ứng và bình



luận của người dân trên mạng xã hội không đơn thuần là biểu hiện cảm xúc cá nhân, mà còn là minh chứng cho mối quan tâm sâu sắc của cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến đạo đức công vụ. Đây cũng là tín hiệu cho thấy tiềm năng hình thành các hành động tập thể mang tính xây dựng, nhằm thúc đẩy tính minh bạch và liêm chính trong quản lý nhà nước.

*Mạng xã hội đóng vai trò như một công cụ thúc đẩy giám sát xã hội và gây áp lực dư luận mạnh mẽ trong phòng, chống tham nhũng.* Theo Yulianita và cộng sự (2020), mạng xã hội khuếch đại tác động của báo chí điều tra, gia tăng áp lực dư luận lên các quan chức và tổ chức tham nhũng, tạo ra không gian công cộng nơi người dân, các tổ chức xã hội dân sự và nhà báo có thể thảo luận, phối hợp các sáng kiến chống tham nhũng, khiến cho hành vi tham nhũng khó bị che giấu hơn. Các chiến dịch chống tham nhũng trên mạng xã hội thường lan truyền rất nhanh và thu hút sự quan tâm rộng rãi từ cộng đồng. Chính sức ép từ dư luận này góp phần hình thành một cơ chế giám sát xã hội không chính thức nhưng đầy sức mạnh, tạo áp lực buộc các tổ chức công quyền phải hành xử minh bạch và có trách nhiệm hơn.

Tang và cộng sự (2019) đã chỉ ra rằng việc sử dụng mạng xã hội có tác động đến việc giảm thiểu các vụ tham nhũng ở một số quốc gia, điều này chứng minh vai trò tích cực và hiệu quả của công cụ này. Mức độ phổ biến và ảnh hưởng ngày càng lớn của mạng xã hội có tác động kiểm soát mạnh mẽ đối với việc giám sát tham nhũng ở một quốc gia. Trong một số trường hợp, mạng xã hội đã trở thành chất xúc tác quan trọng dẫn đến siết chặt trách nhiệm giải trình trong bộ máy công quyền.

### **3. Thách thức của việc ứng dụng mạng xã hội trong phòng, chống tham nhũng**

Mặc dù mạng xã hội mang lại nhiều tiềm năng trong việc huy động công chúng tham gia vào phong trào chống tham nhũng, song việc ứng dụng nền tảng này vẫn còn gặp không ít trở ngại.

#### **3.1. Thông tin sai lệch và thiếu kiểm chứng**

Một trong những nguy cơ lớn là sự lan truyền nhanh chóng của thông tin sai lệch, chưa được xác minh. Trong môi trường mạng, bất kỳ cá nhân nào cũng có thể chia sẻ hoặc tạo ra nội dung mà không cần tuân thủ các tiêu chuẩn xác thực, điều này dẫn đến nguy cơ hình thành những nhận định sai lệch về các vụ việc tham nhũng. Tính ẩn danh trên mạng xã hội mặc dù có thể khuyến khích người dân lên tiếng nhưng đồng thời cũng tạo điều kiện cho hành vi bôi nhọ, vu khống hoặc thao túng dư luận. Khi những cáo buộc tham nhũng không có cơ sở được phát tán tràn lan, nó không chỉ làm tổn hại đến danh dự

cá nhân mà còn có thể làm xói mòn niềm tin của công chúng vào nỗ lực chống tham nhũng, đồng thời gây ra sự hoài nghi hoặc chia rẽ trong cộng đồng người ủng hộ.

### ***3.2. Thiếu chiều sâu và sự phiến diện trong phân tích***

Bên cạnh đó, nếu phụ thuộc quá mức vào mạng xã hội như một công cụ duy nhất trong công cuộc đấu tranh cũng có thể khiến phong trào chống tham nhũng rơi vào trạng thái phiến diện và thiếu chiều sâu chiến lược. Nội dung trên mạng xã hội thường bị rút gọn, đơn giản hóa hoặc thiên về cảm xúc, điều này không phù hợp với những phân tích phức tạp và đa chiều cần thiết cho việc hiểu và giải quyết tận gốc vấn đề tham nhũng. Một chiến dịch chống tham nhũng thành công cần có sự kết hợp của nhiều yếu tố, từ cơ chế pháp lý, thể chế, đến sự tham gia của các tổ chức chuyên nghiệp, chứ không chỉ dựa vào những thông tin được lan truyền trên mạng.

### ***3.3. Thiếu hành lang pháp lý và cơ chế kiểm soát hiệu quả***

Một trong những thách thức lớn hiện nay là việc quản lý nội dung trên mạng xã hội vẫn còn nhiều bất cập. Tính chất mở, phi tập trung và xuyên biên giới của các nền tảng mạng xã hội khiến việc kiểm duyệt, xử lý vi phạm gặp khó khăn. Nhiều nội dung sai lệch hoặc ác ý có thể lan truyền nhanh chóng mà không chịu sự kiểm soát hoặc bị xử lý chậm trễ. Đồng thời, việc xác định trách nhiệm pháp lý của các cá nhân, tổ chức phát tán thông tin sai sự thật cũng là một vấn đề phức tạp trong môi trường số. Hiện nay, việc các chính quyền giới hạn quyền truy cập, xóa nội dung, hoặc giám sát hoạt động trực tuyến có thể làm suy giảm không gian dân chủ trên không gian mạng, ngăn cản người dân tiếp cận thông tin minh bạch hoặc bày tỏ ý kiến phản biện.

### ***3.4. Nguy cơ thao túng thông tin và rủi ro cho người tố cáo***

Mạng xã hội cũng có thể trở thành phương tiện cho các thế lực chính trị, lợi ích nhóm sử dụng để thao túng nhận thức cộng đồng thông qua việc phát tán thông tin, định hướng, tuyên truyền một chiều hoặc bóp méo bản chất vụ việc. Những hình thức thao túng này có thể tạo ra dư luận sai lệch, làm lu mờ các nỗ lực phòng, chống tham nhũng thực, thậm chí tạo ra sự ngờ vực đối với những người hoặc tổ chức lên tiếng vạch trần hành vi sai phạm.

Ngoài ra, việc sử dụng mạng xã hội để phanh phui các vụ tham nhũng thường khiến người tố cáo phải đối mặt với nguy cơ bị trả thù, đe dọa hoặc thậm chí là bạo lực. Trong nhiều trường hợp, các cá nhân dũng cảm lên tiếng trên mạng xã hội lại trở thành mục tiêu tấn công từ những cá nhân hoặc nhóm lợi ích bị ảnh hưởng. Điều này làm giảm hiệu quả của mạng xã hội như một kênh tố cáo và giám sát.

#### **4. Kinh nghiệm sử dụng mạng xã hội trong phòng, chống tham nhũng của một số quốc gia trên thế giới**

Ở nhiều quốc gia, mạng xã hội đã được khai thác như một công cụ hiệu quả trong các chiến dịch phòng, chống tham nhũng nhờ khả năng lan truyền thông tin nhanh chóng, tạo không gian thảo luận và thúc đẩy sự tham gia của công dân.

Theo Tang và cộng sự (2018), tại Trung Quốc, tiềm năng sử dụng mạng xã hội như một công cụ vận động đã trở thành chủ đề được quan tâm từ đầu thế kỷ 21. Zhu và cộng sự (2019) chỉ ra rằng mạng xã hội không chỉ trở thành nền tảng chính để vận động chống tham nhũng, mà còn vượt xa cả hiệu quả ước tính từ cơ quan nhà nước. Chính phủ Trung Quốc cho rằng mạng xã hội với các đặc điểm: mở, minh bạch, phổ biến, kịp thời và lan truyền rộng rãi có thể bảo vệ quyền tham gia của công chúng trong chiến dịch phòng, chống tham nhũng. Ngoài ra, việc sử dụng mạng xã hội cũng được xem là một công cụ để kiểm soát và giám sát các hoạt động của bộ máy nhà nước, qua đó buộc các quan chức phải chịu sự giám sát nghiêm ngặt từ xã hội. Vì vậy, mạng xã hội được đánh giá là có tiềm năng để trở thành một công cụ vận động chống tham nhũng.

Hệ thống chính trị dân chủ và cởi mở của Indonesia được xem là có khả năng thúc đẩy việc hiện thực hóa các chiến dịch phòng, chống tham nhũng trong cộng đồng thông qua nhiều cộng đồng truyền thông trực tuyến. Suwana (2020) cho biết rằng sự tham gia của công chúng vào các phong trào hoặc chiến dịch trên mạng xã hội đã góp phần củng cố tinh thần hoạt động xã hội của cộng đồng nhằm phản ứng lại các hiện tượng xã hội đang diễn ra, như trong chiến dịch chống tham nhũng diễn ra năm 2015, khi người tham gia tích cực sử dụng các hashtag #SaveKPK và #AkuKPK để lan truyền thông điệp và thu hút sự chú ý của công chúng. Yusuf (2019) giải thích rằng việc triển khai chiến dịch chống tham nhũng trên mạng xã hội được kỳ vọng sẽ làm gia tăng phản ứng quan tâm của công chúng đối với tình trạng các vụ tham nhũng vẫn đang diễn ra ở Indonesia. Điều này có thể được quan sát qua phản hồi của người theo dõi trên các trang mạng xã hội của những người thực hiện chiến dịch.

Tại quốc gia Guatemala, theo nghiên cứu của Flores (2019), việc phổ biến hóa phong trào chống tham nhũng tại đây thông qua hashtag #RenunciaYa đã thu hút sự chú ý rộng rãi và nhanh chóng có đến 10.000 người dùng mạng xã hội tham gia vào chiến dịch này. Chiến dịch còn thu hút thêm sự tham gia của 15 tổ chức khác, qua đó làm cho phong trào chống tham nhũng trở nên mạnh mẽ hơn, dẫn đến các hành động tẩy chay và đình công của người dân đối với các doanh nghiệp không chịu tham gia phong trào.

Ở Nigeria, Ahmed và cộng sự (2019) nhấn mạnh rằng truyền thông độc lập ở Nigeria đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng về tham nhũng. Khi kết hợp với mạng xã hội, các chiến dịch truyền thông đã góp phần giảm tham nhũng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Young và cộng sự (2019) kết luận rằng công nghệ số và mạng xã hội đã thay đổi căn bản cách thức tổ chức phong trào và hành động tập thể, cho phép người dân tiếp cận thông tin, chia sẻ câu chuyện và gây áp lực lên chính quyền một cách hiệu quả hơn bao giờ hết.

### **5. Một số kinh nghiệm tham khảo cho Việt Nam**

Dựa trên những phân tích về lợi ích, thách thức của mạng xã hội, kinh nghiệm sử dụng mạng xã hội của một số quốc gia trong cuộc chiến chống tham nhũng, tác giả rút ra một số kinh nghiệm trong việc ứng dụng công cụ này tại Việt Nam.

*Một là*, hoàn thiện thể chế để nâng cao hiệu quả ứng dụng mạng xã hội trong phòng, chống tham nhũng. Để phát huy vai trò của mạng xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng, việc hoàn thiện thể chế và khung pháp lý là yêu cầu cấp thiết. Cần ban hành các quy định pháp luật rõ ràng, đồng bộ nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc thu thập, chia sẻ, khai thác và xử lý thông tin trên không gian mạng phục vụ cho việc phát hiện, ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực. Cần có chính sách khuyến khích người dân tố giác hành vi tham nhũng qua các kênh chính thống, đồng thời đảm bảo an toàn cho người tố cáo thông qua cơ chế bảo vệ danh tính và quyền lợi cá nhân. Bên cạnh đó, cần áp dụng các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi tung tin sai lệch, vu khống trên mạng xã hội, nhằm bảo vệ uy tín của cơ quan công quyền và giữ gìn không gian mạng an toàn, tích cực.

*Hai là*, tăng cường vai trò của các cơ quan chức năng trong quản lý thông tin trên mạng xã hội phục vụ phòng, chống tham nhũng. Các cơ quan chức năng, đặc biệt là cơ quan thanh tra, điều tra và phòng chống tham nhũng, cần chủ động theo dõi, thu thập và xử lý thông tin từ mạng xã hội. Việc thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh chính thức từ người dân trên các nền tảng mạng xã hội cần được thực hiện công khai, minh bạch, có sự quản lý hiệu quả. Các đơn vị chuyên trách cần được tăng cường để sàng lọc, phân tích và xác minh thông tin, kịp thời xử lý các tố cáo từ cộng đồng mạng, góp phần định hướng dư luận và hạn chế sự lan truyền của các thông tin không chính thống. Khi xuất hiện các vụ việc tiêu cực, tham nhũng thu hút sự chú ý của dư luận cần được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, cần có sự phân tích kỹ lưỡng, đánh giá toàn diện các thông tin được lan truyền trên mạng xã hội, xem xét thái độ và phản ứng của cộng

đồng mạng một cách thấu đáo nhằm nhận diện đúng bản chất sự việc, từ đó xử lý minh bạch, chính xác để củng cố niềm tin xã hội và nâng cao uy tín của cơ quan chức năng.

*Ba là*, thúc đẩy ứng dụng nền tảng số chuyên biệt trong tiếp nhận tố cáo tham nhũng. Xây dựng một nền tảng số chuyên biệt để tiếp nhận thông tin tố cáo, phản ánh hành vi tham nhũng từ người dân. Nền tảng này phải bảo đảm tính bảo mật, ẩn danh, đồng thời thiết lập cơ chế theo dõi minh bạch, rõ ràng về tiến độ và kết quả xử lý phản ánh. Khi người dân nhận thấy phản ánh của mình được tiếp nhận và xử lý nghiêm túc, niềm tin vào hệ thống chính trị, pháp lý sẽ được củng cố. Đây là một bước đi quan trọng để chuyển hóa sự tham gia tự phát, không chính thức trên mạng xã hội thành một cơ chế chính quy và hiệu quả hơn. Đây cũng là một bước đi cần thiết để chuyển hóa sự tham gia tự phát, không chính thức trên mạng xã hội thành một cơ chế chính quy và hiệu quả và có kiểm soát.

*Bốn là*, tăng cường minh bạch thông tin công thông qua mạng xã hội. Một trong những phương thức hiệu quả để phòng, chống tham nhũng là giảm thiểu cơ hội phát sinh hành vi tham nhũng ngay từ đầu là việc minh bạch hóa thông tin công. Những lĩnh vực như tài chính công, quy hoạch, đầu tư, đấu thầu, hay các quyết định hành chính cần được công bố công khai, kịp thời. Mạng xã hội có thể đóng vai trò là kênh truyền thông hữu hiệu để công bố các thông tin này tới người dân một cách nhanh chóng và rộng rãi. Điều này không chỉ góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền, mà còn tạo điều kiện để người dân và các tổ chức xã hội tham gia giám sát, phát hiện và phản ánh kịp thời các dấu hiệu sai phạm. Nhờ đó, một mắt xích giám sát xã hội ở quy mô lớn được hình thành, góp phần ngăn chặn tham nhũng ngay từ giai đoạn đầu của quá trình ra quyết định và thực thi chính sách.

## **6. Kết luận**

Thực tế đã chứng minh rằng mạng xã hội nếu được sử dụng đúng cách và có sự phối hợp giữa Nhà nước, các tổ chức xã hội và người dân có thể trở thành một công cụ mạnh mẽ trong phòng, chống tham nhũng. Mạng xã hội không chỉ giúp nâng cao nhận thức cộng đồng, mà còn tạo điều kiện để người dân tham gia trực tiếp vào việc giám sát và phản ánh các hành vi tiêu cực trong bộ máy công quyền. Khi mạng xã hội trở thành kênh giao tiếp hai chiều giữa người dân và chính quyền thì công cuộc phòng, chống tham nhũng sẽ có thêm động lực mạnh mẽ và hiệu quả hơn.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ahmed, K. A., Abdulbaqi, S. S., & Adisa, R. M. (2019). Anti-corruption

campaigns and Nigeria development: An appraisal of media roles. *Acta Universitatis Danubius Communicatio*, 13(2), 99-116

2. Flew, T., & Iosifidis, P. (2020). Populism, globalisation and social media. *International Communication Gazette*, 82(1), 7–25.

3. Flores, W. (2019). Youth-Led Anti-Corruption Movement in Post-Conflict Guatemala: “Weaving the Future”? *IDS Bulletin*, 50(3), 1–16.

4. Howard, P.N., & Hussain, M.M. (2013). *Democracy’s Fourth Wave? Digital Media and the Arab Spring*. Oxford University Press

5. Kurniawan, D., Nurmandi, A., Salahudin, Mutiarin, D., & Suswanta. (2021). Analysis of the Anti-corruption Movement Through Twitter Social Media: A Case Study of Indonesia. *International Conference on Advances in Digital Science*, 298–308.

6. McGregor, S. C. (2019). Social media as public opinion: How journalists use social media to represent public opinion. *Journalism*, 20(8), 1070–1086.

7. Prabowo, H. Y., Hamdani, R., & Sanusi, Z. M. (2018). The new face of people power: An exploratory study on the potential of social media for combating corruption in Indonesia. *Australasian Accounting, Business and Finance Journal*, 12(3), 19–20.

8. Suwana, F. (2020). What motivates digital activism? The case of the Save KPK movement in Indonesia. *Information Communication and Society*, 23(9), 1295–1310.

9. Tang, N., Ding, Z., & Xu, Y. (2018). Corruption and Anti-Corruption Research in China: A Critical Review of Chinese Top Journal Publications (1989–2017). *Chinese Public Administration Review*, 9(2), 79.

10. Tang, Z., Chen, L., Zhou, Z., Warkentin, M., & Gillenson, M. L. (2019). The effects of social media use on control of corruption and moderating role of cultural tightness-looseness. *Government Information Quarterly*, 36(4), 0–1.

11. Yulianita et al. (2020). *The Role of Social Media in Anti-Corruption Campaigns in Indonesia*.

12. Young, A., Selander, L., & Vaast, E. (2019). Digital organizing for social impact: Current insights and future research avenues on collective action, social movements, and digital technologies. *Information and Organization*, 29(3), 100257.

13. Yusuf, K. (2019). Kampanye Antikorupsi Melalui Media Sosial. *Conference On Communication and News Media ...*, 1, 186.

14. Zhu, J., Huang, H., & Zhang, D. (2019). “Big Tigers, Big Data”: Learning Social Reactions to China’s Anticorruption Campaign through Online Feedback. *Public*

*Administration Review*, 79(4), 500–513.

# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TIÊU CỰC TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

**TS. Đặng Thị Thu Phương<sup>339</sup> - Nguyễn Quang Bình<sup>340</sup>**

*Việt Nam đang đứng trước với một yêu cầu cấp thiết về tăng cường phòng, chống tham nhũng và tiêu cực hướng đến một nền hành chính nhà nước trong sạch, vững mạnh và phục vụ nhân dân. Trong đó việc ứng dụng các bài học và kinh nghiệm quốc tế đóng vai trò then chốt, không chỉ là nền tảng cho việc xây dựng cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả mà còn là yếu tố quan trọng bảo đảm tính liêm chính, minh bạch của bộ máy củng cố niềm tin của người dân vào nền hành chính nước nhà. Tuy nhiên, công tác phòng, chống tham nhũng và tiêu cực của nước ta đã và đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt trong việc hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực thực thi và phát huy vai trò của toàn xã hội. Bài viết phân tích một số kinh nghiệm của quốc tế cũng như đề xuất xây dựng một hệ thống phòng, chống tham nhũng hiện đại, hiệu quả và bền vững phù hợp với Việt Nam trong thời đại hiện nay.*

**Từ khóa:** Tham nhũng, phòng, chống tham nhũng; quản lý hành chính nhà nước.

## **1. Kinh nghiệm của Singapore**

Giai đoạn 1940–1950, tình trạng tham nhũng tại Singapore từng rất nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến bộ máy nhà nước và niềm tin của người dân vào chính quyền [5]. Để xoay chuyển tình thế, quốc gia này đã thực hiện một cuộc cải cách mạnh mẽ và lâu dài, không chỉ trên giấy tờ mà cả trong cách vận hành hệ thống công vụ. Tuy nhiên, năm 2024 theo báo cáo công bố của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, quốc gia này đạt 84/100 điểm tiếp tục nằm trong những nước có chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) cao nhất trên thế giới, cho thấy một nước có khả năng kiểm soát tham nhũng dẫn đầu toàn cầu, chỉ sau Đan Mạch và Phần Lan [12].

Singapore xây dựng một chiến lược toàn diện, đồng bộ, dựa trên ba trụ cột vững chắc: một hệ thống pháp luật nghiêm khắc, một cơ quan thực thi độc lập và một nền công vụ coi trọng sự liêm chính. Nhờ vậy, niềm tin của người dân đã được khôi phục, và bộ máy nhà nước dần trở nên minh bạch, hiệu quả hơn.

**Đơn vị: Thang điểm 100**

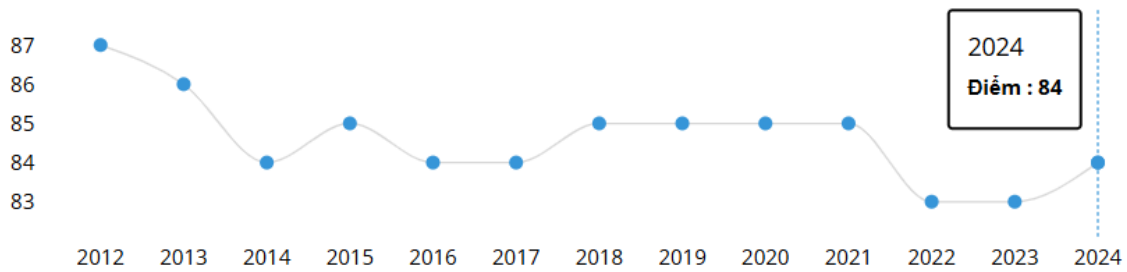
---

<sup>339</sup> Khoa Hành chính và Quản trị, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>340</sup> Lớp 2405QTVG, Khoa Hành chính và Quản trị, Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh



**Thay đổi điểm số 2012 - 2024**



**Biểu đồ 1: Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Singapore trên thế giới**

(Nguồn: Tổng hợp báo cáo CPI 2024 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế) [12].

Trụ cột đầu tiên trong chiến lược chống tham nhũng của Singapore là việc xây dựng một khuôn khổ pháp lý nghiêm ngặt, với mục tiêu ngăn chặn tham nhũng ngay từ gốc. Luật Phòng, chống tham nhũng (Prevention of Corruption Act), được ban hành từ ngày 17/6/1960, đã xác định rõ ràng những hành vi tham nhũng bị cấm, đồng thời mở rộng phạm vi áp dụng sang cả khu vực tư nhân. Điều đáng chú ý là luật này không chỉ đưa ra chế tài nghiêm khắc mà còn nhấn mạnh nguyên tắc công bằng – mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý nghiêm minh, bất kể người đó giữ chức vụ gì hay thuộc tầng lớp nào trong xã hội [5, tr.10]. Tinh thần “không có vùng cấm” đã được thể hiện một cách nhất quán ngay từ những văn bản đầu tiên.

Trụ cột thứ hai là bộ máy điều tra độc lập – trong đó nổi bật nhất là Cục Điều tra Thực hành Tham nhũng (CPIB), một cơ quan được thành lập từ năm 1952 và trực thuộc Chính phủ. Điểm đặc biệt của Singapore là pháp luật cho phép CPIB tiến hành điều tra bất kì ai, ngay cả người đó là người đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng. Trong trường hợp đó, Tổng thống sẽ trực tiếp chỉ định cơ quan này điều tra [5, tr.8–12]. Sự độc lập về tổ chức và quyền hạn rộng rãi giúp CPIB không bị can thiệp và có đủ sức mạnh để xử lý cả những vụ việc liên quan đến quan chức cấp cao – góp phần bảo đảm nguyên tắc pháp quyền được thực thi nghiêm túc trong toàn bộ hệ thống.

Singapore đặt việc xây dựng một nền công vụ liêm chính và chuyên nghiệp lên hàng đầu. Singapore rất chú trọng đến chính sách đãi ngộ cho công chức, với quan điểm: muốn chống được tham nhũng thì trước hết phải loại bỏ động cơ trục lợi. Do đó, mức lương của công chức tại đây được thiết kế khá cạnh tranh so với khu vực tư nhân. Bên

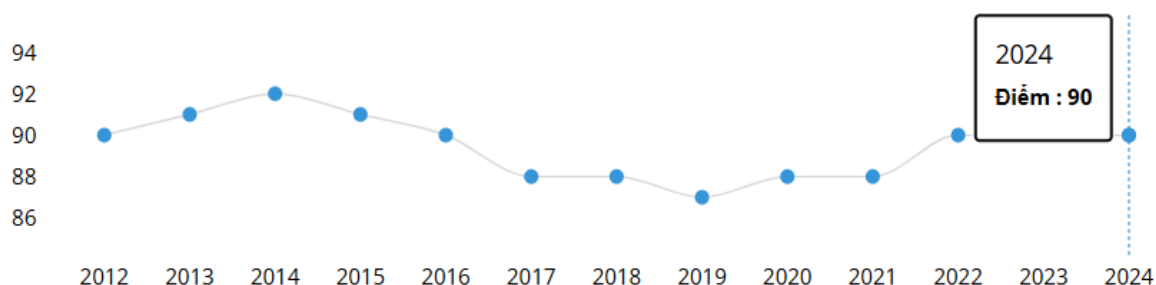
cạnh đó là hệ thống giám sát nội bộ chặt chẽ, quy định rõ trách nhiệm theo vị trí công tác, và thường xuyên thực hiện kiểm tra chéo. Singapore yêu cầu nghiêm khắc công chức giữ chức vụ quản lý bắt buộc phải kê khai và công khai tài sản cá nhân – một bước đi quan trọng nhằm tăng cường minh bạch và phòng ngừa xung đột lợi ích [5]. Singapore, việc phòng ngừa luôn phải đi trước, bên cạnh đó nước này đã xác định đạo đức công vụ chính là nền móng bền vững cho cuộc chiến chống tham nhũng và tiêu cực.

## 2. Kinh nghiệm của Đan Mạch

Đan Mạch liên tục dẫn đầu về chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) toàn cầu, đạt 90/100 là quốc gia xếp thứ nhất năm 2024. Thành công này không chỉ đến từ hệ thống pháp luật nghiêm minh mà còn dựa trên sự kết hợp độc đáo giữa truyền thống minh bạch, cởi mở với ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong quản trị công và phòng, chống tham nhũng.

*Đơn vị: Thang điểm 100*

**Thay đổi điểm số 2012 - 2024**



### **Biểu đồ 2: Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của Đan Mạch trên thế giới**

*(Nguồn: Tổng hợp báo cáo CPI 2024 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế) [12].*

Đan Mạch sở hữu một văn hóa liêm chính đã ăn sâu vào đời sống chính trị – xã hội. Trong nền văn hóa chính trị của quốc gia này, tính minh bạch và sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định chính sách không phải là khẩu hiệu mà là nguyên tắc được thực hành hằng ngày, hằng năm. Người dân có thể dễ dàng tiếp cận thông tin, giám sát hoạt động của chính phủ thông qua các kênh mở, dù không có quá nhiều luật chống tham nhũng, nhưng chính tinh thần “ghét tham nhũng” đã trở thành một giá trị văn hóa, một chuẩn mực đạo đức được xã hội tôn trọng và duy trì qua nhiều thế hệ [5, tr.33–34].

Theo đánh giá của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, đây là một trong những nền chính trị “trong sạch” không chỉ nhờ luật lệ mà còn vì lòng tự trọng và văn hóa hành xử của cả công chức lẫn công dân.

Quốc gia này nổi bật trong việc triển khai chiến lược số hóa nhằm nâng cao tính minh bạch và giảm cơ hội phát sinh tham nhũng. Hầu hết các dịch vụ công đều được số hóa – từ khai sinh, khai tử, kê khai thuế, đến tra cứu hồ sơ y tế – giúp giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân, từ đó hạn chế nguy cơ “bôi trơn” hay “xin – cho”. Ngoài ra, hệ thống định danh điện tử thống nhất cho phép các cơ quan nhà nước liên thông dữ liệu, giám sát giao dịch công hiệu quả hơn. Đặc biệt, ngân sách và chi tiêu công đều được công khai qua cổng dữ liệu quốc gia – nơi người dân và báo chí có thể theo dõi, chất vấn và phản biện [5, tr.35].

Tuy nhiên, dù không có một cơ quan đặc thù chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, Đan Mạch vẫn duy trì được một nền công vụ minh bạch và hiệu quả. Nước này chủ yếu tập trung xây dựng đội ngũ công chức có năng lực và đạo đức nghề nghiệp, thông qua các nguyên tắc như tuyển dụng dựa trên phẩm chất, trả lương hợp lý, giám sát chéo và xử lý nghiêm vi phạm [5, tr.35–36]. Đan Mạch là ví dụ tiêu biểu cho nhận định: “Nếu hệ thống hành chính thực sự minh bạch, công bằng và hiệu quả thì không nhất thiết phải thành lập tổ chức chuyên trách về chống tham nhũng.

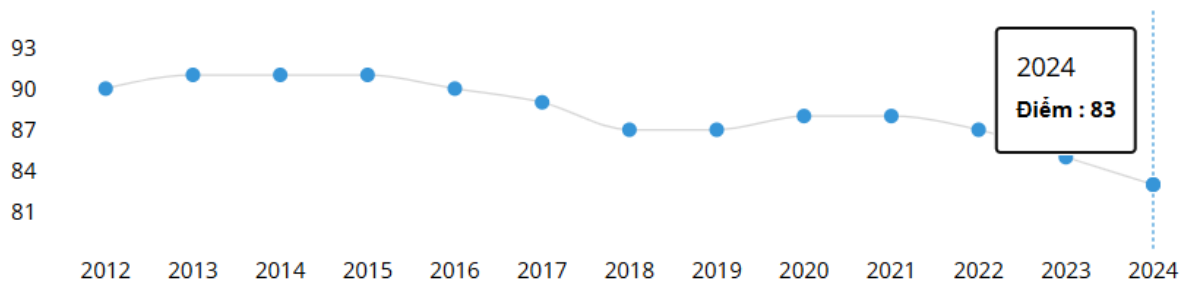
### **3. Kinh nghiệm của New Zealand**

New Zealand từ lâu đã được biết đến là một trong những quốc gia có mức độ liêm chính cao hàng đầu thế giới. Theo Báo cáo Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) năm 2024 do Tổ chức Minh bạch Quốc tế công bố, nước này đạt 83/100 điểm, đứng thứ tư toàn cầu – chỉ xếp sau Đan Mạch, Phần Lan và Singapore [12]. Những con số này không chỉ nói lên hiệu quả của các biện pháp kiểm soát quyền lực, mà còn phản ánh một nền văn hóa pháp quyền vững chắc, nơi mà hành vi liêm chính không còn là điều đặc biệt – nó đã trở thành chuẩn mực xã hội.

New Zealand đã xác định yếu tố quan trọng làm nên sự thành công lâu dài nằm ở khả năng thiết kế một hệ thống, chống tham nhũng chuyên trách, thống nhất và có tính thể chế cao. Nói cách khác, họ chống tham nhũng chỉ bằng khẩu hiệu, mà bằng một bộ máy rõ ràng, tập trung và nhất quán, mà còn là nơi mọi cơ chế đều vận hành theo nguyên tắc minh bạch và trách nhiệm giải trình.

***Đơn vị: Thang điểm 100***

### Thay đổi điểm số 2012 - 2024



### **Biểu đồ 3: Chỉ số cảm nhận tham nhũng (CPI) của New Zealand trên thế giới** (Nguồn: Tổng hợp báo cáo CPI 2024 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế) [12].

Một trong những điểm nhấn trong mô hình của New Zealand là việc thành lập Văn phòng Gian lận Nghiêm trọng (Serious Fraud Office – SFO) – cơ quan điều tra chuyên biệt về các hành vi gian lận và tham nhũng quy mô lớn, phức tạp, có yếu tố liên ngành hoặc tác động sâu đến hệ thống công quyền. Được thành lập năm 1990, SFO hoạt động với cơ chế độc lập, quyền hạn điều tra mở rộng, bao phủ cả khu vực công và tư. Việc trao toàn quyền điều tra các vụ án tham nhũng lớn cho một cơ quan duy nhất không chỉ giúp tránh phân mảnh trách nhiệm, mà còn nâng cao hiệu quả điều tra – xử lý, giảm thiểu rủi ro can thiệp hành chính, và khắc phục tình trạng “chồng chéo trong giám sát” vốn thường thấy ở nhiều nước đang phát triển [5, tr.69 – 75].

Không dừng lại ở tổ chức điều tra, hệ thống pháp luật của New Zealand cũng được xây dựng trên nền tảng minh bạch và trách nhiệm hình sự rõ ràng. Các quy định về tội phạm tham nhũng đặc biệt là các hành vi đưa và nhận hối lộ được áp dụng nghiêm minh không chỉ trong khu vực công mà còn mở rộng sang cả khu vực tư nhân. Điều này tạo ra một môi trường pháp lý không khoan nhượng với hành vi tham nhũng, trong đó các chuẩn mực ứng xử được xác lập rõ ràng và có khả năng răn đe trên thực tế [5, tr.70 -72].

Một điểm đáng chú ý là, tại New Zealand, thi hành pháp luật được xem là tuyến đầu trong phòng, chống tham nhũng. Vai trò của cảnh sát và SFO không chỉ dừng ở điều tra – truy tố, mà còn bao gồm cả chức năng cảnh báo, giáo dục xã hội và khôi phục lòng tin của người dân vào bộ máy công quyền. Nhờ sự minh bạch trong các quy trình tố tụng và công khai kết quả xử lý, New Zealand gần như không để tồn tại các “vùng xám”-

những khu vực mơ hồ pháp lý hoặc miễn trừ trách nhiệm vốn là môi trường thuận lợi cho tham nhũng nảy sinh [5, tr.69 – 75].

#### **4. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam về phòng chống tham nhũng**

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế pháp luật và thiết chế phòng, chống tham nhũng.*

Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật và các thiết chế phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là rút kinh nghiệm từ các quốc gia có chỉ số liêm chính cao như Singapore. Bài học quan trọng là phải thiết lập một cơ quan chống tham nhũng độc lập, có quyền điều tra rộng rãi và trực thuộc cấp cao nhất của Chính phủ, nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch và không bị can thiệp bởi lợi ích nhóm. Việc hoàn thiện pháp luật nên tập trung vào: quy định rõ ràng về tài sản, thu nhập bắt minh, bổ sung tiêu chí xác định nguồn gốc tài sản không rõ ràng để làm căn cứ xử lý. Đồng thời, cần đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu tài sản, thu nhập thống nhất và liên ngành. Áp dụng chế tài mạnh mẽ, không phân biệt chức vụ, thực thi nguyên tắc “không có vùng cấm”. Cần đánh giá hiệu lực, hiệu quả của các quy định hiện hành để tránh tình trạng “luật mạnh trên giấy” nhưng yếu trong thực tế. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm soát quyền lực trong hành chính, đặc biệt ở cấp xã và cấp tỉnh – nơi dễ phát sinh tiêu cực, thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát ngang cấp, liên thông giữa các cơ quan kiểm soát nội bộ. Ngoài ra, nên cân nhắc ban hành bộ quy tắc đạo đức công vụ bắt buộc, kèm theo cơ chế đánh giá liêm chính định kỳ và xử lý nghiêm vi phạm.

*Thứ hai, đẩy mạnh chuyển đổi số và minh bạch hóa hành chính.*

Đẩy mạnh chuyển đổi số và minh bạch hóa hành chính là giải pháp hữu hiệu trong phòng, chống tham nhũng, như kinh nghiệm từ Đan Mạch và New Zealand đã chỉ ra. Việc này giúp giảm thiểu sự can thiệp chủ quan của cán bộ, tăng cường tính minh bạch và khả năng giám sát xã hội. Từ thực tiễn này, Việt Nam có thể: số hóa toàn diện các quy trình hành chính công, nhất là ở các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao (cấp phép, thuế, đất đai, đấu thầu, mua sắm công). Cần thiết kế quy trình khép kín, giảm tối đa tiếp xúc trực tiếp giữa người dân/doanh nghiệp và cán bộ. Phát triển và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, tài sản, thuế) để tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, giám sát hiệu quả hơn các hoạt động có nguy cơ tiêu cực. Công khai, minh bạch toàn bộ thông tin về ngân sách, đầu tư công, tuyển dụng, thanh tra trên cổng dữ liệu mở của Chính phủ, dưới hình thức dễ tiếp cận. Xây dựng nền hành chính điện tử hướng đến hành chính số, nơi mọi hoạt động công quyền đều để lại dấu vết số, có thể truy vết và đánh giá trách nhiệm giải trình. Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để phát hiện sớm rủi ro tham nhũng,

bất thường trong chi tiêu ngân sách. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số không chỉ góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại mà còn tạo môi trường “khó tham nhũng” nhờ giám sát chặt chẽ và công khai hóa toàn diện, hướng đến nền công vụ liêm chính, chuyên nghiệp, hiệu quả.

*Thứ ba, xây dựng văn hóa liêm chính trong công vụ và toàn xã hội.*

Xây dựng văn hóa liêm chính trong công vụ và toàn xã hội là nền tảng bền vững cho cuộc chiến chống tham nhũng, như bài học từ Đan Mạch. Điều này giúp hình thành một hệ thống hành chính “miễn nhiễm” với tham nhũng. Để xây dựng văn hóa này tại Việt Nam, cần tập trung vào: nâng cao đạo đức công vụ và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu. Việc nêu gương phải đi đôi với cơ chế giám sát rõ ràng. Từng bước hình thành chuẩn mực “không khoan nhượng với tham nhũng” trong xã hội, biến việc bài trừ tham nhũng thành hành vi văn hóa. Cần tổ chức các chiến dịch truyền thông, giáo dục công dân (nhất là thế hệ trẻ) về giá trị liêm chính, minh bạch. Đưa nội dung phòng, chống tham nhũng, đạo đức công vụ vào chương trình đào tạo công chức, chú trọng rèn luyện thực hành tình huống. Khuyến khích và bảo vệ người tố cáo tham nhũng, xây dựng văn hóa “dám nói, dám làm” thông qua hành lang pháp lý rõ ràng, hiệu quả. Tăng cường vai trò của báo chí, truyền thông và xã hội dân sự trong giám sát hoạt động hành chính, tạo điều kiện để báo chí điều tra tham nhũng chuyên nghiệp, trung thực và an toàn. Xây dựng văn hóa liêm chính là quá trình lâu dài, kiên trì, đòi hỏi sự đồng bộ từ thể chế đến hành vi của cán bộ và cộng đồng.

*Thứ tư, kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ thực thi phòng, chống tham nhũng.*

Bài học từ New Zealand cho thấy, một nền hành chính trong sạch không nhất thiết phải có quá nhiều cơ quan chuyên biệt, mà cốt lõi là xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả, công khai và đội ngũ công chức liêm chính, chuyên nghiệp. Việt Nam có thể: rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan phòng, chống tham nhũng, đảm bảo rõ chức năng, tránh chồng chéo. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nội chính, thanh tra, kiểm toán, công an và viện kiểm sát. Nâng cao tính độc lập và năng lực chuyên môn của cơ quan kiểm tra, thanh tra nội bộ. Đổi mới tuyển dụng, đánh giá và sử dụng cán bộ theo hướng dựa trên năng lực, đạo đức công vụ, thay vì quan hệ cá nhân. Xây dựng hệ thống đánh giá kết quả công việc minh bạch, gắn với trách nhiệm giải trình. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng, đặc biệt ở cấp cơ sở, bao gồm kỹ năng nhận diện hành vi tham nhũng và bảo vệ người tố cáo. Ứng dụng công nghệ trong giám sát

công vụ (dữ liệu số, hệ thống cảnh báo sớm) để giảm thiểu cơ hội lạm quyền. Kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ là giải pháp căn bản để tăng sức đề kháng của hệ thống quản trị công trước tham nhũng.

*Thứ năm, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ.*

Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ là hai trụ cột nền tảng trong quản lý hành chính hiện đại. Kinh nghiệm từ Đan Mạch cho thấy sự minh bạch sâu rộng và khả năng người dân giám sát hiệu quả đã tạo nên một nền hành chính trong sạch, không khoan nhượng với tham nhũng. Để vận dụng Việt Nam cần mở rộng quyền tiếp cận thông tin cho người dân theo Luật Tiếp cận thông tin (2016), chủ động công khai thông tin hoạt động, từ quy trình hành chính đến các khoản chi ngân sách. Thực hiện cơ chế giải trình bắt buộc đối với cán bộ, công chức khi có yêu cầu từ người dân, báo chí. Phát triển các nền tảng số minh bạch hóa hoạt động công quyền (cổng thông tin điện tử hành chính công, bản đồ ngân sách) để giảm tiếp xúc trực tiếp và tăng cường giám sát. Tăng cường vai trò giám sát của xã hội, báo chí và các tổ chức xã hội dân sự. Xây dựng văn hóa “không bao che, không sợ hãi trách nhiệm” trong bộ máy công vụ, nơi giải trình trở thành thói quen và tiêu chuẩn đạo đức. Minh bạch và giải trình không chỉ giúp tăng niềm tin của người dân mà còn tạo môi trường công vụ “sạch sẽ”, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

*Thứ sáu, phát huy vai trò của xã hội và truyền thông trong phòng, chống tham nhũng.*

Phát huy vai trò của xã hội và truyền thông trong phòng, chống tham nhũng là bài học quan trọng từ Đan Mạch và New Zealand. Cơ chế xã hội giám sát hiệu quả, cùng với báo chí tự do, chuyên nghiệp, giúp truyền thông và người dân trở thành những “người gác cửa”, phản ánh tiêu cực và tạo áp lực buộc chính quyền minh bạch. Vận dụng vào Việt Nam, cần tăng cường bảo vệ và phát huy vai trò của báo chí điều tra, tạo điều kiện pháp lý và môi trường an toàn để họ phản ánh tiêu cực. Luật Báo chí nên được sửa đổi để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin và bảo vệ nhà báo. Phát triển các kênh phản ánh của người dân tiện lợi, hiệu quả và bảo mật (học tập Singapore), kèm theo cơ chế bảo vệ người tố giác tham nhũng rõ ràng. Khuyến khích và nâng cao nhận thức của người dân về quyền giám sát thông qua giáo dục. Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, đoàn thể, hiệp hội ngành nghề trong phản biện chính sách và giám sát công chức. Tận dụng mạng xã hội và công nghệ số để lan tỏa các giá trị liêm chính, tuyên truyền, đối thoại và phản hồi vấn đề

nóng một cách minh bạch, kịp thời, qua đó xây dựng văn hóa “không khoan nhượng với tham nhũng”.

**Kết luận:** Thực tiễn tại các quốc gia như Singapore, Đan Mạch và New Zealand đã khẳng định rằng, kiểm soát tham nhũng hiệu quả không thể dựa trên các biện pháp xử phạt riêng lẻ, mà phải được thiết kế như một hệ thống quản trị đồng bộ – nơi thể chế nghiêm minh, công nghệ quản lý hiện đại và văn hóa liêm chính đóng vai trò trung tâm. Việt Nam, dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong phòng, chống tham nhũng, vẫn đang đối mặt với những thách thức phức tạp về thể chế, thực thi và giám sát xã hội. Do đó, việc học hỏi các mô hình quốc tế cần được tiếp cận một cách có chọn lọc, nhằm phục vụ cho mục tiêu thiết kế một cấu trúc quản trị phù hợp với điều kiện chính trị – hành chính, văn hóa tổ chức và nguồn lực của Việt Nam. Trong đó, chuyển đổi số, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình phải trở thành các trụ cột cốt lõi. Phòng ngừa cần được đặt lên hàng đầu, thay vì chỉ tập trung vào xử lý hậu quả. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước, việc vận dụng các bài học quốc tế không chỉ mang ý nghĩa chiến lược mà còn là nền tảng để hình thành một nền công vụ chuyên nghiệp, liêm chính, có khả năng tự kiểm soát và thực sự phục vụ người dân. Đây không chỉ là một đòi hỏi kỹ thuật về quản trị, mà còn là một mục tiêu chính trị – hành chính của tiến trình hiện đại hóa nền công vụ Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

[1]. Ban Nội chính Trung ương (2020), *Nhận diện và đấu tranh với suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”*, Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

[2]. Báo Chính phủ (2024), “Phiên họp thứ 27 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”, truy cập từ: <https://baochinhphu.vn/phien-hop-thu-27-ban-chi-dao-trung-uong-ve-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-102241231164823806.htm>

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

[4]. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung và ThS. Nguyễn Thùy Dương (2020), “Phòng, chống tham nhũng vật trên thế giới và những kinh nghiệm gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 08 (408), tháng 4/2020. Truy cập từ: <https://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210543>



[5]. Hà Hồng Hà (2017), *Tham nhũng – Mưu mô và Trừng phạt*, Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Kiểm toán Nhà nước (2023), “Tham nhũng – Nhận dạng và các chế tài pháp lý”, truy cập từ: [https://www.sav.gov.vn/SMPT\\_Publishing\\_UC/TinTuc/PrintTL.aspx?idb=2&ItemID=1742&l=/noidung/tintuc/Lists/Nghiencuutraodoi](https://www.sav.gov.vn/SMPT_Publishing_UC/TinTuc/PrintTL.aspx?idb=2&ItemID=1742&l=/noidung/tintuc/Lists/Nghiencuutraodoi)

[7]. Nguyễn Văn Thạo (2021), “Đấu tranh phòng, chống tiêu cực trong khu vực công ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, số 957, tháng 7/2021.

[8]. Quốc hội (2018), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, số 36/2018/QH14, ngày 20 tháng 11 năm 2018.

[9]. Việt NamBiz (2023), “Những quốc gia tham nhũng nhất trên thế giới có điểm chung là gì?”, truy cập từ: <https://vietnambiz.vn/nhung-quoc-gia-tham-nhung-nhat-tren-the-gioi-co-diem-chung-la-gi-20232115313314.htm>

[10]. Ivanlevanlan (2024), “Sự thật về ‘Chỉ số Cảm nhận tham nhũng 2023 ở Việt Nam’!”, truy cập từ: <https://ivanlevanlan.wordpress.com/2024/03/02/su-that-ve-chi-so-cam-nhan-tham-nhung-2023-o-viet-nam/>

### **Tiếng Anh**

[11]. OECD (2020), *Public Integrity Handbook*, Paris: OECD Publishing.

[12]. Transparency International (2024), *Corruption Perceptions Index 2023*. Truy cập từ: <https://www.transparency.org/en/cpi/2024>

[13]. World Bank (2020), *Enhancing Government Effectiveness and Transparency*.

# KINH NGHIỆM NHẬT BẢN VỀ TỰ CHỦ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GẮN VỚI KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC: BÀI HỌC CHO VIỆT NAM TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

TS. Đặng Thanh Tuấn<sup>341</sup>

ThS. Bùi Thị Bình<sup>342</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích kinh nghiệm của Nhật Bản trong thực thi chính sách tự chủ chính quyền địa phương gắn với kiểm soát quyền lực, coi đây là một xu hướng tất yếu của cải cách thể chế nhằm phòng, chống tham nhũng. Qua nghiên cứu, có thể đúc kết bốn kinh nghiệm cốt lõi: (1) Trao quyền tự chủ rộng rãi cho chính quyền địa phương về lập pháp, ngân sách và tổ chức bộ máy; (2) Thiết lập cơ chế giám sát đa tầng, gồm giám sát của trung ương, nhân dân và các cơ quan, tổ chức độc lập; (3) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền địa phương; (4) Phát triển đội ngũ công chức địa phương liêm chính, chuyên nghiệp thông qua hệ thống đào tạo - bồi dưỡng bài bản. Thực tiễn Nhật Bản cho thấy, khi quyền tự chủ đi kèm với kiểm soát hiệu quả, chính quyền địa phương không chỉ nâng cao chất lượng quản trị mà còn giảm thiểu nguy cơ tham nhũng. Từ đó, bài viết đề xuất một số gợi mở cho Việt Nam trong cải cách mô hình chính quyền địa phương, hướng tới nền hành chính công khai, hiệu quả, liêm chính, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân và thúc đẩy phát triển bền vững.

**Từ khóa:** thực thi chính sách, chính quyền địa phương, phòng chống tham nhũng, Việt Nam, Nhật Bản

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản trị và phòng, chống tham nhũng, việc nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trở thành yêu cầu cấp thiết. Một trong những mô hình đáng chú ý là mô hình chính quyền địa phương của Nhật Bản, được xây dựng trên nền tảng “tự chủ thể chế” vững chắc, song hành cùng “kiểm soát quyền lực” chặt chẽ. Mô hình này không chỉ giúp chính quyền địa phương phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý mà còn thiết lập các cơ chế giám sát, minh bạch và trách nhiệm giải trình nhằm ngăn ngừa lạm quyền và tham nhũng.

Tại Nhật Bản, cơ sở pháp lý về quyền tự chủ của chính quyền địa phương được quy định rõ trong Hiến pháp (Điều 92 - 94) và Luật Tự chủ Địa phương, bảo đảm quyền

---

<sup>341</sup> Học viện Chính trị Khu vực II

<sup>342</sup> Phân hiệu học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

hạn, trách nhiệm và nguồn lực tài chính độc lập. Song song với đó là hệ thống kiểm soát quyền lực đa tầng, bao gồm kiểm toán độc lập, công khai ngân sách, quy định về xung đột lợi ích và cơ chế bảo vệ người tố cáo. Đặc biệt, Nhật Bản chú trọng xây dựng năng lực cho đội ngũ công chức thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu, bảo đảm tính chuyên nghiệp và liêm chính trong thực thi công vụ.

Những kinh nghiệm này mang ý nghĩa gợi mở quan trọng cho Việt Nam trong việc hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương theo hướng vừa trao quyền tự chủ thực chất, vừa tăng cường cơ chế giám sát và phòng ngừa tham nhũng. Việc vận dụng kinh nghiệm Nhật Bản không chỉ góp phần xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, mà còn củng cố niềm tin của nhân dân vào sự liêm chính và minh bạch của bộ máy nhà nước trong giai đoạn phát triển mới.

## **2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề**

Tự chủ chính quyền địa phương, xét về mặt lý luận, là biểu hiện của sự phân quyền trong quản trị nhà nước, cho phép chính quyền cấp dưới chủ động giải quyết các vấn đề của địa phương một cách hiệu quả, linh hoạt và phù hợp với đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương đó. Tuy nhiên, nếu thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực tương ứng, tự chủ có thể trở thành môi trường thuận lợi cho việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, dẫn đến tham nhũng. Do đó, nguyên tắc tự chủ phải luôn đi kèm với kiểm soát quyền lực. Từ góc độ thực tiễn, quá trình đổi mới chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay đang dần chuyển từ mô hình 3 cấp sang 2 cấp, từng bước tăng tính tự chủ cho địa phương trong quản lý tài chính, nhân sự, chính sách. Trong khi đó, các thiết chế kiểm soát hiện vẫn còn thiếu tính độc lập, giám sát xã hội chưa đủ mạnh, trách nhiệm giải trình còn hình thức. Đây chính là khoảng trống dễ phát sinh tiêu cực, đặc biệt trong quản lý đất đai, đầu tư công, đấu thầu, cán bộ...

## **3. Kinh nghiệm của Nhật Bản trong thực hiện tự chủ và kiểm soát quyền lực ở chính quyền địa phương**

### ***3.1. Khái quát chính quyền địa phương Nhật Bản***

Nhật Bản là một quốc gia có hệ thống hành chính phát triển, vận hành theo nguyên tắc hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Một trong những điểm đáng chú ý trong quản trị nhà nước của Nhật Bản là việc thiết kế mô hình tự chủ địa phương gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực nghiêm ngặt, nhằm hạn chế tối đa tình trạng lạm quyền, đặc biệt trong quản lý tài chính công và điều hành bộ máy địa phương.

Nhật Bản là quốc gia theo mô hình nhà nước đơn nhất (Việt Nam cũng theo mô hình này) nhưng có sự phân cấp hành chính cao và rõ ràng. Chính quyền địa phương được chia thành hai cấp:

- Cấp tỉnh (Prefectures): gồm 47 tỉnh, đứng đầu là Thống đốc (Governor), do dân bầu.

- Cấp cơ sở (Municipalities): gồm thành phố, thị trấn, làng xã, có Hội đồng và Thị trưởng do dân bầu.

Về chính sách tự chủ chính quyền địa phương tại Nhật Bản, bao gồm 2 khía cạnh: *Một là*, tự chủ về tổ chức: Người dân địa phương trực tiếp bầu ra hội đồng và người đứng đầu chính quyền; *Hai là*, tự chủ về hành chính - tài chính: Chính quyền địa phương có quyền lập kế hoạch, tổ chức và triển khai các chính sách công phù hợp đặc điểm vùng. Có quyền xây dựng ngân sách địa phương, huy động và quản lý một phần thuế (như thuế cư trú, thuế tài sản...).

### ***3.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản trong thực hiện tự chủ và kiểm soát quyền lực ở chính quyền địa phương***

Ở Nhật Bản, việc phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn giữa trung ương và chính quyền địa phương là một nội dung trọng tâm trong cải cách hành chính nhằm bảo đảm tính tự chủ đi đôi với kiểm soát quyền lực hiệu quả. Trước đây, trung ương can thiệp sâu vào hoạt động địa phương thông qua các chỉ thị hành chính, dẫn đến tình trạng chồng chéo nhiệm vụ, giảm tính chủ động của địa phương. Để khắc phục, Nhật Bản đã sửa đổi Luật Tự chủ địa phương<sup>343</sup> (Hán tự: 地方自治法, Local Autonomy Act) sửa đổi vào năm 1999), bãi bỏ chế độ giám sát hành chính bắt buộc và phân loại công việc thành hai nhóm: công vụ quốc gia và công vụ địa phương, từ đó xác lập rõ ràng ranh giới trách nhiệm. Đồng thời, chính phủ Nhật Bản bảo đảm nguyên tắc “nhiệm vụ đi đôi với tài chính” nhằm tránh tình trạng giao việc nhưng không cấp đủ nguồn lực. Bên cạnh đó, năng lực quản lý địa phương cũng được chú trọng thông qua đào tạo cán bộ và khuyến khích xây dựng chính sách phù hợp đặc thù vùng miền. Nhờ đó, mô hình phân cấp của Nhật Bản không chỉ nâng cao hiệu quả thực thi chính sách mà còn góp phần kiểm soát quyền lực chặt chẽ, minh bạch, trách nhiệm rõ ràng. Vào tháng 6/2024, Luật Tự chủ địa phương đã được sửa đổi (để bổ sung) quyền cho phép Chính phủ trung ương chỉ thị địa phương trong tình huống khẩn cấp như thiên tai lớn, dịch bệnh nghiêm trọng và các tình huống gây ảnh

---

<sup>343</sup> Luật này được ban hành và có hiệu lực cùng ngày ra đời Hiến pháp Nhật Bản, vào ngày 03/5/1947 và giữ vững nền tảng duy trì cho đến nay

hưởng nghiêm trọng đến an toàn công cộng. Khẳng định quyền can thiệp của trung ương trong tình huống khẩn cấp nhưng có điều kiện kiểm soát rõ ràng, bao gồm: quyết định Nội Các, báo cáo Quốc hội, kết nối với địa phương.

Thực hiện Luật Tự chủ địa phương sửa đổi đã đánh dấu bước chuyển lớn trong cải cách hành chính, tạo điều kiện để các chính quyền cấp tỉnh, thành phố tại Nhật được trao quyền rộng rãi về tổ chức bộ máy, quyết định ngân sách và quản lý dịch vụ công. Tuy nhiên, cùng với việc trao quyền, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo việc thực thi quyền lực không vượt quá khuôn khổ pháp luật và đạo đức công vụ. Nhật Bản duy trì hệ thống kiểm tra - giám sát nghiêm ngặt, bao gồm thanh tra nội bộ, kiểm toán độc lập và sự giám sát hiệu quả từ Hội đồng nhân dân địa phương. Đây chính là một trong những yếu tố nền tảng giúp Nhật Bản kiểm soát tham nhũng ở địa phương là cơ chế giám sát đa tầng và hiệu quả. HĐND ở các địa phương Nhật không chỉ là cơ quan đại diện mà còn đóng vai trò chủ chốt trong kiểm tra, phê duyệt ngân sách và giám sát hoạt động hành pháp (1).

Thêm vào đó, cơ quan kiểm toán địa phương có tính độc lập cao, thực hiện kiểm tra định kỳ, giúp phát hiện sớm sai phạm tài chính và đảm bảo tính minh bạch trong thu - chi công. Ngoài ra, các thể chế như các hội đồng công dân, tổ chức xã hội và phương tiện truyền thông cũng đóng vai trò không nhỏ trong việc tạo nên áp lực kiểm soát từ bên ngoài, khiến chính quyền địa phương phải hành xử cẩn trọng và minh bạch hơn trong điều hành.

Một điểm mạnh khác trong mô hình quản trị của Nhật Bản là việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền điện tử. Việc triển khai các nền tảng như e-Gov Portal và My Number System hay các hệ thống phản hồi ý kiến công dân đã làm thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa người dân và cơ quan công quyền, chuyển từ tương tác trực tiếp dễ phát sinh tiêu cực sang môi trường số, khách quan và minh bạch hơn. Người dân có thể tra cứu thông tin, nộp đơn, khiếu nại hoặc góp ý ngay trên các cổng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời theo dõi tiến độ xử lý một cách minh bạch. Nhờ vậy, nhiều nguy cơ phát sinh tham nhũng vặt trong giao dịch hành chính đã được hạn chế đáng kể (2).

Theo Báo cáo Chỉ số Kiểm soát tham nhũng của Ngân hàng Thế giới (Worldwide Governance Indicators, 2023), Nhật Bản thường xuyên nằm trong nhóm các quốc gia có mức độ kiểm soát tham nhũng cao nhất châu Á, phần lớn nhờ vào sự minh bạch và trách nhiệm giải trình ở cấp địa phương (4).

Không kém phần quan trọng, yếu tố mang tính “chìa khóa” trong kinh nghiệm của Nhật Bản là việc xây dựng văn hóa công vụ liêm chính và trách nhiệm cao. Đội ngũ công chức tại Nhật được tuyển chọn khắt khe, đào tạo chuyên sâu, đồng thời phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp rất nghiêm ngặt. Việc xử lý cán bộ vi phạm không chỉ dựa vào hệ thống pháp luật rõ ràng, mà còn được thực hiện công khai, không có vùng cấm, kể cả đối với những người giữ chức vụ cao. Tính liêm chính được coi là một tiêu chuẩn bắt buộc, chứ không chỉ là khuyến khích đạo đức nghề nghiệp. Đây là một yếu tố quan trọng làm nên tính hiệu lực và hiệu quả trong bộ máy chính quyền địa phương tại Nhật Bản, đồng thời tạo dựng niềm tin bền vững của người dân vào chính quyền (6).

#### **4. Kinh nghiệm cho Việt Nam trong phòng, chống tham nhũng thông qua cải cách chính quyền địa phương**

*Một là, thiết lập cơ chế tự chủ đi kèm kiểm soát quyền lực*

Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, tự chủ của chính quyền địa phương chỉ thực sự hiệu quả khi được đặt trong một khuôn khổ quản trị công chặt chẽ và đa tầng. Hiến pháp Nhật Bản (tại Điều 92-94) và Luật Tự chủ Địa phương không chỉ trao quyền quản lý, điều hành và quyết định ngân sách cho chính quyền địa phương, mà còn xác định rõ cơ chế giám sát từ bên trong và bên ngoài. Tại Việt Nam, quá trình phân cấp, phân quyền thời gian qua đã tạo điều kiện cho địa phương chủ động hơn, song ranh giới về thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cấp chính quyền chưa được phân định thật sự rõ ràng. Điều này dễ dẫn tới tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi” hoặc chông chéo trong giám sát.

Kinh nghiệm từ Nhật Bản đặt ra yêu cầu Việt Nam phải thiết lập một cơ chế tự chủ đi kèm kiểm soát quyền lực nghiêm ngặt. Tự chủ không đồng nghĩa với buông lỏng quản lý, mà phải được bảo đảm bởi hệ thống giám sát đa tầng, trong đó Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan thanh tra – kiểm tra và cộng đồng dân cư giữ vai trò then chốt. Sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội vào giám sát giúp tăng tính minh bạch, hạn chế nguy cơ tha hóa quyền lực, đặc biệt ở cấp cơ sở – nơi trực tiếp cung ứng dịch vụ công và dễ phát sinh tiêu cực.

*Hai là, minh bạch hóa hoạt động chính quyền địa phương*

Minh bạch là một trong những công cụ phòng, chống tham nhũng hữu hiệu nhất, được Nhật Bản áp dụng đồng bộ ở cả trung ương và địa phương. Các quy định pháp lý của Nhật yêu cầu công khai ngân sách, báo cáo tài chính, kết quả đấu thầu, và quy hoạch

phát triển địa phương; đồng thời bảo đảm người dân dễ dàng tiếp cận thông tin. Cơ chế này giúp báo chí, tổ chức xã hội và cử tri thực hiện vai trò giám sát thường xuyên (4).

Đối với Việt Nam, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về minh bạch hóa hoạt động chính quyền địa phương, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như quản lý ngân sách, tài sản công, quy hoạch - xây dựng, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ. Thông tin phải được công khai bằng những phương thức dễ tiếp cận, kịp thời và minh bạch về nội dung. Bên cạnh đó, cần áp dụng các công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả quản trị địa phương như Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) hay bảng xếp hạng minh bạch. Các chỉ số này vừa tạo động lực cải cách, vừa tạo áp lực dư luận buộc chính quyền địa phương nâng cao tính liêm chính trong hoạt động.

*Ba là, Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị địa phương*

Một điểm nổi bật trong kinh nghiệm của Nhật Bản là việc xây dựng nền hành chính điện tử liên thông từ trung ương đến địa phương. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình xử lý công việc mà còn giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ công quyền và người dân môi trường dễ phát sinh “tham nhũng vặt”. Các dịch vụ công trực tuyến, hệ thống phản ánh kiến nghị, và cơ sở dữ liệu dân cư được tích hợp và vận hành đồng bộ, qua đó tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Việt Nam có thể học tập mô hình này để đẩy mạnh xây dựng chính quyền số ở cấp địa phương. Trọng tâm cần hướng tới là tích hợp các dịch vụ công trực tuyến, triển khai hệ thống phản ánh kiến nghị của người dân, và xây dựng nền tảng giám sát xã hội qua mạng. Đồng thời, cần thiết lập cơ chế bảo vệ người tố cáo thông qua các kênh điện tử, bảo đảm tính an toàn và bảo mật thông tin. Điều này không chỉ khuyến khích công dân tham gia giám sát mà còn giúp phát hiện sớm và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

*Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức liêm chính, chuyên nghiệp*

Từ hiệu quả trong chính sách phòng, chống tham nhũng của Nhật Bản mang lại cho thấy phần nào phụ thuộc đáng kể vào phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ công chức. Nhật Bản đã xây dựng hệ thống đào tạo công chức địa phương<sup>344</sup>, theo đó chú trọng nguyên tắc liêm chính, tính trung lập chính trị và năng lực thực thi chính sách. Việc

---

<sup>344</sup> Nhật Bản đã hình thành **mạng lưới đào tạo cán bộ chính quyền địa phương** gồm các trung tâm chuyên môn (Local Autonomy College, JIAM, JAMP) kết hợp với tổ chức điều phối hợp tác quốc tế (CLAIR) và chương trình LGOTP, bảo đảm bồi dưỡng toàn diện từ kiến thức quản trị, pháp luật, đạo đức công vụ đến kỹ năng giao tiếp quốc tế.

đào tạo diễn ra thường xuyên, kết hợp với hệ thống đánh giá hiệu quả công việc minh bạch (6)

Tại Việt Nam, để tăng cường yếu tố con người trong phòng, chống tham nhũng, cần đẩy mạnh giáo dục liêm chính công vụ và kỷ luật hành chính. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đặc biệt là ở cấp cơ sở nơi mà “mối quan hệ thân quen” dễ ảnh hưởng đến thực thi pháp luật. Song song đó, phải phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả phòng, chống tham nhũng tại đơn vị mình phụ trách. Chỉ khi đội ngũ cán bộ công chức vừa “hồng” vừa “chuyên” thì những cải cách thể chế, cơ chế minh bạch hay ứng dụng công nghệ thông tin mới thực sự phát huy hiệu quả.

### **Kết nối kinh nghiệm và thực tiễn Việt Nam**

Qua nghiên cứu về những kinh nghiệm từ Nhật Bản, không thể sao chép nguyên xi, song mang lại những gợi mở quan trọng cho Việt Nam trong tiến trình cải cách chính quyền địa phương gắn với phòng, chống tham nhũng. Mô hình tự chủ đi đôi với kiểm soát quyền lực, minh bạch hóa hoạt động, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và xây dựng đội ngũ công chức liêm chính là bốn trụ cột có thể giúp Việt Nam thiết lập một mô hình chính quyền địa phương hiện đại, hiệu quả và trong sạch. Việc kết hợp các yếu tố này trong một chiến lược tổng thể, được bảo đảm bởi khung pháp lý đồng bộ và sự tham gia tích cực của xã hội, sẽ tạo nền tảng vững chắc cho việc phòng ngừa và đẩy lùi tham nhũng trong bối cảnh mới.

### **5. Kết luận và kiến nghị**

Việc thực hiện chính sách tự chủ chính quyền địa phương gắn với kiểm soát quyền lực là một xu thế tất yếu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện đại, hiệu lực và hiệu quả. Kinh nghiệm từ Nhật Bản cho thấy, tự chủ không đồng nghĩa với thả nổi, mà phải đặt trong khuôn khổ kiểm soát quyền lực hợp lý, khoa học và đồng bộ. Việt Nam trong thời gian tới cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, tăng cường thiết chế kiểm soát bên trong và bên ngoài chính quyền, thúc đẩy minh bạch hóa thông tin và đề cao trách nhiệm giải trình, từ đó từng bước xây dựng nền hành chính vững mạnh, ngăn ngừa tham nhũng ngay từ gốc. Đây không chỉ là yêu cầu của cải cách hành chính mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

### **Tài liệu tham khảo:**



- (1) Ministry of Internal Affairs and Communications (MIC). (2021). *Local Autonomy in Japan*. Tokyo: MIC.
- (2) OECD. (2021). *Public Integrity in Japan: Building a Culture of Integrity*. Paris: OECD Publishing.
- (3) World Bank. (2001). *Local Government Policy Initiatives in Japan* (Toshiya Kitayama, Ed.). Washington, DC: World Bank.
- (4) World Bank. (2023). *Worldwide Governance Indicators (WGI)*. Truy cập tại: <https://info.worldbank.org/governance/wgi/>
- (5) UNDP & CEPEW. (2022). *Báo cáo PAPI – Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam*. Hà Nội: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc.
- (6) Yoshinori ISHIKAWA. (2007). *Training of Japanese local government officials as a policy of human resource development*. Tokyo: Council of Local Authorities for International Relations (CLAIR).
- (7) Nguyễn Hữu Dũng. (2023). Tự chủ địa phương và kiểm soát quyền lực - Một số gợi mở từ kinh nghiệm Nhật Bản. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (3), 45–50.

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG TỔ CÁO THAM NHỮNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Thị Kim Chi*<sup>345</sup>

*TS. Phan Văn Thành*<sup>346</sup>

**Tóm tắt:** Tham nhũng là hành vi lạm dụng quyền lực để thu lợi bất chính, gây thiệt hại nghiêm trọng cho kinh tế – xã hội, làm suy giảm niềm tin của người dân. Dù Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong phòng chống tham nhũng, vấn đề này vẫn phức tạp, đòi hỏi giải pháp mới. Ứng dụng công nghệ số, gồm trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, điện toán đám mây... có thể tăng tính minh bạch, giám sát thời gian thực và phát hiện dấu hiệu bất thường, qua đó ngăn chặn tham nhũng từ sớm. Việc áp dụng phụ thuộc vào hạ tầng số, nhận thức – kỹ năng số của cán bộ và người dân, cùng khung pháp lý rõ ràng về bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Hà Lan sử dụng nền tảng Puleaks cho phép tố cáo ẩn danh, mã hóa dữ liệu và bảo vệ người tố cáo theo Luật Tố cáo. Singapore triển khai hệ thống e-Complaint của CPIB, ứng dụng AI và phân tích dữ liệu lớn, đồng thời có luật bảo vệ người tố cáo nghiêm ngặt. Bài viết phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia và đưa ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam về việc ứng dụng công nghệ số trong tố cáo tham nhũng.

**Từ khóa:** Ứng dụng, công nghệ số, tố cáo tham nhũng

## 1. Đặt vấn đề

Tham nhũng có thể được hiểu là một hình thức lạm dụng quyền lực nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân hoặc người khác, bao gồm việc tham ô, lừa đảo, yêu cầu hoặc nhận, giới thiệu, hứa hẹn hoặc tài trợ với bất kỳ hình thức bằng tiền hoặc lợi ích khác, cả trực tiếp lẫn gián tiếp, đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức công cộng, tổ chức tư nhân hoặc người có trách nhiệm, nhằm mục đích khiến họ hành động hoặc không hành động, từ đó dẫn đến việc thu lợi hoặc duy trì lợi ích kinh doanh không thích hợp và bất hợp pháp.

Ước tính cho thấy mỗi năm toàn cầu có đến một nghìn tỷ đô la Mỹ cho hối lộ. Tham nhũng làm tổn thất nền kinh tế toàn cầu 2.6 nghìn tỷ đô la Mỹ, tương đương với hơn 5% GDP toàn cầu. Tham nhũng làm suy yếu các chức năng cơ bản của công cộng, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân và tước đoạt quyền được hưởng dịch vụ và thực hiện quyền lợi của họ. Tham nhũng còn có thể làm nghèo các quốc gia, cản trở

---

<sup>345</sup> Trường Cao đẳng Vĩnh Long

<sup>346</sup> Đại học Y Dược TPHCM

tăng trưởng kinh tế và thậm chí ảnh hưởng đến cả các khu vực, cũng như tạo điều kiện cho tội phạm tổ chức, khủng bố và các hoạt động bất hợp pháp khác.

Phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Đảng ta, Nhà nước ta nói riêng và các Nhà nước trên thế giới nói chung. Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Đảng ta xác định: “tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành... gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước”[1]. Mặc dù các phương pháp truyền thống đã phát huy hiệu quả, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề tham nhũng chưa được giải quyết triệt để. Thực tế cho thấy rằng vẫn còn khó khăn trong việc kiểm soát và định hình một chiến lược đồng nhất để chống lại tham nhũng từ gốc rễ, đòi hỏi chúng ta phải có cách tiếp cận mới, đảm bảo tối ưu được các quy trình. Nhiều quốc gia đã có những bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ số để chống tham nhũng. Estonia đã phát triển một hệ thống chính phủ điện tử mạnh mẽ giúp giảm thiểu tham nhũng thông qua minh bạch và giám sát. Singapore sử dụng công nghệ để tăng cường giám sát và kiểm soát nội bộ trong các cơ quan công quyền. Ấn Độ đã triển khai các nền tảng trực tuyến để công khai hóa các giao dịch tài chính và giảm thiểu sự can thiệp của con người trong các quy trình công việc. Hàn Quốc đã sử dụng công nghệ thông tin để xây dựng một hệ thống quản lý dữ liệu minh bạch, giúp phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng. Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong công tác phòng chống tham nhũng, đặc biệt là thông qua các biện pháp hành chính và pháp lý. Tuy nhiên, tham nhũng vẫn là một vấn đề đáng lo ngại và phức tạp, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và lòng tin của người dân vào các cơ quan nhà nước. Các vụ việc tham nhũng lớn vẫn diễn ra, đòi hỏi phải có các giải pháp mới và hiệu quả hơn.

Công nghệ số có thể giúp tăng cường tính minh bạch bằng cách công khai các giao dịch và hoạt động của các cơ quan nhà nước, làm giảm cơ hội cho các hành vi tham nhũng. Các hệ thống quản lý và giám sát trực tuyến cho phép người dân và các tổ chức theo dõi quá trình ra quyết định của các cơ quan chính phủ một cách minh bạch hơn.

Nhu cầu nâng cao hiệu quả giám sát thông qua các công cụ giám sát thời gian thực và phân tích dữ liệu lớn là rất cần thiết. Những công nghệ này có thể giúp phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng và các dấu hiệu bất thường trong các giao dịch và quy trình công việc, giúp ngăn chặn tham nhũng ngay từ giai đoạn đầu.

## **2. Nội dung**

## **2.1. Khái niệm công nghệ số, ứng dụng công nghệ số trong phòng chống tham nhũng**

Công nghệ số là các công nghệ mới nổi từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đại diện cho bước phát triển cao hơn của công nghệ thông tin. Công nghệ số cho phép tính toán nhanh hơn, xử lý lượng dữ liệu lớn hơn và truyền tải dữ liệu với dung lượng lớn hơn, chi phí thấp hơn. Các công nghệ số nổi bật bao gồm trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và công nghệ chuỗi khối [2].

*Ứng dụng công nghệ số:* ứng dụng công nghệ số là việc áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, phòng chống tham nhũng và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của các hoạt động này. Ngoài ra, ứng dụng công nghệ số còn bao gồm việc số hóa quy trình tại các cơ quan nhà nước, giúp quá trình quản lý tài liệu và hồ sơ trở nên dễ dàng, bảo mật hơn, thường được gọi là “văn phòng không giấy”.

*Ứng dụng công nghệ số trong phòng chống tham nhũng:* ứng dụng công nghệ số trong phòng chống tham nhũng là việc sử dụng các công nghệ thông tin và truyền thông để tăng cường tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm trong quản lý, điều hành các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Thông qua các công cụ kỹ thuật số, như hệ thống báo cáo trực tuyến, quản lý dữ liệu điện tử, và các nền tảng giao dịch công khai, việc ứng dụng này giúp giảm thiểu các hành vi tham nhũng bằng cách theo dõi, giám sát chặt chẽ các hoạt động có nguy cơ cao và tạo điều kiện cho việc phát hiện, xử lý các hành vi sai phạm một cách nhanh chóng và minh bạch.

## **2.2. Yếu tố tác động đến ứng dụng công nghệ số trong phòng chống tham nhũng**

- *Mức độ số hóa của quốc gia:* Việc áp dụng công nghệ số trong phòng chống tham nhũng phụ thuộc lớn vào mức độ số hóa của quốc gia. Quốc gia có cơ sở hạ tầng kỹ thuật số mạnh mẽ sẽ hỗ trợ tốt hơn cho việc thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu. Sự sẵn có của cơ sở hạ tầng như băng thông rộng, kết nối internet ổn định và các thiết bị phần cứng cần thiết là yếu tố quyết định cho việc triển khai các giải pháp kỹ thuật số.

- *Nhận thức:* Nhận thức và kỹ năng số của người dân, cán bộ công chức và doanh nghiệp là yếu tố then chốt. Thiếu hiểu biết về cách thức hoạt động và lợi ích của các công nghệ số có thể dẫn đến sự do dự trong việc áp dụng chúng. Việc nâng cao nhận thức, giáo dục và đào tạo về kỹ năng số là cần thiết để tận dụng hiệu quả các công nghệ này. Các

công nghệ như blockchain và trí tuệ nhân tạo (AI) thường bị hiểu sai và gắn với các lỗ hổng tiềm ẩn, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức và giáo dục.

- *Chính sách pháp luật*: Chính sách pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc tạo khung pháp lý hỗ trợ cho việc ứng dụng công nghệ số. Các quốc gia cần có các luật và quy định rõ ràng về quyền truy cập thông tin, bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng. Việc thực thi các quy định này đòi hỏi nỗ lực từ chính phủ và các cơ quan thực thi pháp luật. Tuy nhiên, thiếu các định nghĩa rõ ràng và hiểu biết về các công nghệ mới, cùng với sự điều chỉnh quá mức, có thể cản trở sự phát triển và đổi mới.

### **2.3. Kinh nghiệm một số quốc gia về ứng dụng công nghệ số trong tố cáo tham nhũng**

#### **2.3.1. Mô hình của Hà Lan**

Hà Lan là một trong những quốc gia tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ số để hỗ trợ và bảo vệ người tố cáo tham nhũng. Bằng cách sử dụng các nền tảng kỹ thuật số, Hà Lan đã tạo ra một hệ thống hiệu quả và minh bạch để báo cáo các hành vi tham nhũng, giúp tăng cường tính chính trực và giảm thiểu rủi ro cho người tố cáo [3].

Một trong những trường hợp nổi bật của Hà Lan trong việc sử dụng công nghệ số để tố cáo tham nhũng là việc triển khai nền tảng tố cáo trực tuyến Pobleaks. Pobleaks là một trang web được thiết kế để cho phép người tố cáo gửi thông tin về các hành vi sai trái một cách ẩn danh. Nền tảng này mã hóa toàn bộ dữ liệu gửi đi, đảm bảo rằng danh tính của người tố cáo được bảo vệ tuyệt đối. Ngoài ra, các cơ quan chính phủ và tổ chức phi chính phủ ở Hà Lan cũng đã áp dụng các công nghệ như blockchain để đảm bảo tính minh bạch và không thể thay đổi của các báo cáo tố cáo.

Hà Lan có một khung pháp lý mạnh mẽ để bảo vệ người tố cáo. Luật Tố cáo (Whistleblower Protection Act) được ban hành để đảm bảo rằng người tố cáo không bị trả thù và được bảo vệ khỏi mọi hình thức đe dọa hoặc tổn thương. Luật này cũng quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, cũng như trách nhiệm của các cơ quan nhận báo cáo. Các nền tảng kỹ thuật số như Pobleaks hoạt động trong khuôn khổ pháp lý này, đảm bảo rằng mọi thông tin được báo cáo đều tuân thủ các quy định về bảo mật và bảo vệ dữ liệu.

Việc ứng dụng công nghệ số trong tố cáo tham nhũng đã mang lại nhiều kết quả tích cực cho Hà Lan. Đầu tiên, số lượng các báo cáo tham nhũng đã tăng lên đáng kể, cho thấy người dân tin tưởng vào hệ thống kỹ thuật số và cảm thấy an toàn khi báo cáo các hành vi sai trái.

Ngoài ra, việc sử dụng các nền tảng kỹ thuật số đã giúp giảm thiểu thời gian và chi phí xử lý các báo cáo tố cáo. Các cơ quan chức năng có thể tiếp nhận, phân tích và điều tra các báo cáo một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Cuối cùng, tính minh bạch và bảo mật của các nền tảng kỹ thuật số đã tạo ra một môi trường tin cậy, khuyến khích người dân tham gia vào quá trình đấu tranh chống tham nhũng. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tham nhũng mà còn nâng cao tính chính trực và minh bạch trong xã hội.

### ***2.3.2. Mô hình của Singapore***

Singapore, với danh tiếng là một trong những quốc gia ít tham nhũng nhất trên thế giới, đã áp dụng nhiều biện pháp công nghệ số để hỗ trợ và bảo vệ người tố cáo tham nhũng. Bằng việc sử dụng các công nghệ tiên tiến, Singapore đã tạo ra một hệ thống mạnh mẽ và hiệu quả để xử lý các báo cáo tham nhũng, đảm bảo tính minh bạch và bảo mật cao cho người tố cáo [4, 5].

Một trong những ứng dụng nổi bật nhất của Singapore trong việc sử dụng công nghệ số để tố cáo tham nhũng là nền tảng e-Complaint System của Cơ quan Điều tra Tham nhũng Singapore (Corrupt Practices Investigation Bureau - CPIB). Nền tảng này cho phép người dân gửi đơn tố cáo về các hành vi tham nhũng một cách dễ dàng và ẩn danh qua mạng.

Ngoài ra, Singapore cũng sử dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (big data) để phân tích các xu hướng và phát hiện các hành vi tham nhũng. Các hệ thống này giúp tự động hóa quá trình điều tra, nâng cao hiệu quả và độ chính xác trong việc phát hiện tham nhũng.

Singapore có một hệ thống pháp luật nghiêm ngặt để bảo vệ người tố cáo tham nhũng. Luật Chống Tham nhũng (Prevention of Corruption Act) và Luật Bảo vệ Nhân chứng (Witness Protection Act) đều có những điều khoản rõ ràng về việc bảo vệ người tố cáo khỏi bị trả đũa.

Các quy định này đảm bảo rằng thông tin của người tố cáo được bảo mật và họ không phải đối mặt với các hậu quả tiêu cực khi báo cáo hành vi tham nhũng. Hệ thống e-Complaint của CPIB hoạt động trong khuôn khổ các quy định pháp luật này, đảm bảo tính hợp pháp và bảo vệ quyền lợi của người tố cáo.

Việc ứng dụng công nghệ số trong tố cáo tham nhũng đã mang lại nhiều kết quả tích cực cho Singapore, số lượng báo cáo tham nhũng đã tăng lên, cho thấy người dân tin tưởng vào các hệ thống kỹ thuật số và sẵn sàng báo cáo các hành vi sai trái.

Các công nghệ như AI và phân tích dữ liệu lớn đã giúp CPIB phát hiện và điều tra các vụ tham nhũng một cách nhanh chóng và chính xác hơn. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu tham nhũng mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động của CPIB.

Hơn nữa, tính minh bạch và bảo mật cao của các nền tảng kỹ thuật số đã tạo ra một môi trường tin cậy, khuyến khích người dân tham gia vào quá trình đấu tranh chống tham nhũng. Kết quả là, Singapore đã duy trì được vị trí hàng đầu trên các bảng xếp hạng toàn cầu về minh bạch và chống tham nhũng.

#### **2.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về ứng dụng công nghệ số trong tố cáo tham nhũng**

*Một là, cho phép tố cáo nặc danh*

Việc cho phép tố cáo nặc danh là rất quan trọng để khuyến khích người dân tham gia tố cáo mà không sợ bị trả thù. Luật pháp Việt Nam đã quy định rõ ràng về quyền tố cáo và xử lý đơn thư tố cáo nặc danh, nhưng cần cải thiện hơn nữa để đảm bảo an toàn cho người tố cáo.

Hà Lan có hệ thống tố cáo trực tuyến cho phép người dân tố cáo nặc danh. Hệ thống này được quản lý bởi một tổ chức độc lập, đảm bảo rằng thông tin tố cáo được xử lý một cách nghiêm túc và bảo mật. Hà Lan cũng sử dụng công nghệ để theo dõi và phân tích các tố cáo, giúp phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng.

Singapore đã phát triển một hệ thống báo cáo nặc danh mạnh mẽ thông qua ứng dụng điện thoại và các trang web an toàn. Hệ thống này cho phép người dân gửi tố cáo mà không cần tiết lộ danh tính, đảm bảo an toàn cho người tố cáo và khuyến khích họ cung cấp thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.

*Hai là, mở rộng các kênh tiếp nhận tố cáo*

Mở rộng các kênh tiếp nhận tố cáo giúp người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng các phương tiện hiện đại để tố cáo các hành vi tham nhũng.

Hà Lan cung cấp nhiều kênh tố cáo khác nhau, bao gồm email, điện thoại, và các ứng dụng di động. Họ cũng có các trang web an toàn cho phép người dân nộp đơn tố cáo trực tuyến. Các cơ quan chức năng có thể truy cập và xử lý các tố cáo một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Singapore sử dụng các nền tảng trực tuyến và ứng dụng di động để nhận tố cáo. Các nền tảng này được thiết kế để bảo mật thông tin và bảo vệ người tố cáo. Singapore cũng có các trung tâm hỗ trợ trực tiếp để giúp người dân nộp đơn tố cáo một cách dễ dàng và an toàn.

*Ba là, bảo vệ người tố cáo trước các vụ kiện phiền nhiễu*

Bảo vệ người tố cáo là yếu tố quan trọng để khuyến khích người dân tham gia tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật.

Hà Lan có các quy định pháp luật bảo vệ người tố cáo khỏi các hành vi trả thù và các vụ kiện phiền nhiễu. Họ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ pháp lý và tâm lý cho người tố cáo, giúp họ vượt qua các khó khăn trong quá trình tố cáo. Hệ thống pháp luật của Hà Lan cũng giảm bớt gánh nặng pháp lý cho người tố cáo, đảm bảo rằng họ không phải chịu trách nhiệm nếu tố cáo của họ không được chứng minh là đúng .

Singapore có các quy định nghiêm ngặt để bảo vệ người tố cáo khỏi các hành vi trả thù. Họ cung cấp các biện pháp bảo vệ pháp lý và hỗ trợ cho người tố cáo, bao gồm bảo mật thông tin và hỗ trợ pháp lý. Singapore cũng giảm bớt trách nhiệm pháp lý cho người tố cáo, khuyến khích họ cung cấp thông tin mà không sợ bị trừng phạt nếu thông tin của họ không hoàn toàn chính xác.

### **3. Kết luận**

Tham nhũng là vấn đề toàn cầu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho kinh tế – xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước và kìm hãm sự phát triển bền vững. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ số đã mở ra những cơ hội mới, giúp nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong quản lý, điều hành, từ đó góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng một cách kịp thời.

Kinh nghiệm từ các quốc gia như Hà Lan và Singapore cho thấy, việc xây dựng hệ thống tố cáo trực tuyến bảo mật cao, cho phép tố cáo nặc danh, mở rộng đa dạng kênh tiếp nhận và đặc biệt là bảo vệ an toàn tuyệt đối cho người tố cáo là những yếu tố then chốt để khuyến khích sự tham gia của người dân. Song song đó, việc kết hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain... giúp phát hiện dấu hiệu bất thường, giảm thiểu sự can thiệp của con người và tăng cường độ chính xác trong xử lý vụ việc.

Đối với Việt Nam, việc học hỏi và vận dụng linh hoạt các mô hình này cần gắn liền với hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân, đồng thời đầu tư hạ tầng số đồng bộ, an toàn. Chỉ khi kết hợp đồng bộ giữa yếu tố công nghệ, pháp luật và con người, chúng ta mới có thể xây dựng được một cơ chế phòng, chống tham nhũng minh bạch, hiệu quả, góp phần củng cố niềm tin xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.



### **Tài liệu tham khảo**

1. Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/5/2012, Kết luận Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng.
2. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Mạnh Hùng (2023), “*Phát triển kinh tế số ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật.
3. “Wet Bescherming Klokkenluiders”: The Netherlands Implements the EU Whistleblowing Directive, <http://www.integrityline.com/expertise/blog/netherlands-eu-whistleblowing-directive/>, tham khảo ngày 3/8/2025.
4. CPIB Singapore (2023), “E-Complaint System”, Corrupt Practices Investigation Bureau, <https://www.cpi.gov.sg/e-complaint-system>, tham khảo ngày 3/8/2025.
5. Corrupt Practices Investigation Bureau (CPIB) (2023), “Management of Corruption Complaints”, CPIB Singapore, <https://www.cpi.gov.sg/about-corruption/prevention-and-education/management-of-corruption-complaints>, tham khảo ngày 3/8/2025.

## PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG Ở SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC - BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Thị Thu Hà*<sup>347</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích đa chiều và so sánh các mô hình mà Hàn Quốc và Singapore đã áp dụng trong phòng, chống tham nhũng từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, hướng tới xây dựng một nền hành chính minh bạch, liêm chính và vì dân. Trên cơ sở đó, rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị, từ đó đề xuất các nhóm giải pháp và hàm ý chính sách khả thi, phù hợp với bối cảnh thể chế chính trị và điều kiện kinh tế-xã hội đặc thù của Việt Nam nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PCTN, TC, LP trong quản lý hành chính nhà nước.

**Từ khóa:** Phòng chống tham nhũng, Singapore, Hàn Quốc, Việt Nam, kiểm soát tài sản, bảo vệ người tố cáo, văn hóa liêm chính

### MỞ ĐẦU

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí (PCTN, TC, LP) là một nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa sống còn đối với sự ổn định và phát triển của mọi quốc gia. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định đây là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, lâu dài, là nhiệm vụ trọng yếu, xuyên suốt trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được xem là "căn bệnh xã hội nguy hiểm", là "giặc nội xâm", không chỉ làm thất thoát tài sản, ngân sách của nhà nước, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, mà còn làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ.<sup>1</sup>

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, phòng, chống tham nhũng không chỉ là vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia mà còn là tiêu chí đánh giá năng lực quản trị quốc gia và mức độ minh bạch của nền kinh tế. Nhiều quốc gia đã triển khai các mô hình, cơ chế và biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng với những mức độ thành công khác nhau, trong đó Hàn Quốc và Singapore được xem là hai điển hình nổi bật ở châu Á.

Hàn Quốc từng phải đối mặt với những vấn đề tham nhũng nghiêm trọng trong giai đoạn phát triển nhanh chóng sau chiến tranh, nhưng đã có những cải cách mạnh mẽ về thể chế, pháp luật và văn hóa công vụ, từ đó cải thiện đáng kể xếp hạng minh bạch quốc tế.

---

<sup>347</sup> Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại TP. Hồ Chí Minh

Singapore, từ một quốc gia mới giành độc lập với nhiều bất ổn về kinh tế – xã hội, đã xây dựng được một bộ máy hành chính trong sạch, hiệu quả, gắn liền với các chuẩn mực liêm chính và cơ chế xử lý nghiêm minh, trở thành hình mẫu toàn cầu về phòng, chống tham nhũng.

Việt Nam đang trong giai đoạn đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong bối cảnh đó, công tác phòng, chống tham nhũng đã và đang được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, với nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp quyết liệt. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả thực thi và phát huy vai trò giám sát của xã hội. Việc nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của các quốc gia thành công như Hàn Quốc và Singapore sẽ cung cấp những bài học quý giá, góp phần đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

### **1. Phòng chống tham nhũng ở Singapore: Quyền lực tập trung và Sự nghiêm minh tuyệt đối (A Centralized Power and Zero-Tolerance Model)**

Thành công của Singapore trong việc chuyển mình từ một hòn đảo thuộc thế giới thứ ba với nạn tham nhũng tràn lan thành một trong những quốc gia trong sạch nhất thế giới là một câu chuyện kinh điển. Mô hình của Singapore được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa ý chí chính trị sắt đá, một cơ quan chống tham nhũng quyền lực và một khung pháp lý toàn diện.

#### **1.1. Các trụ cột chính**

**Ý chí chính trị kiên định:** Nền tảng của mọi thành công là quyết tâm chính trị không lay chuyển của giới lãnh đạo, khởi nguồn từ Thủ tướng Lý Quang Diệu. Ngay từ khi giành được quyền tự trị, chính phủ Singapore đã xác định rằng việc làm trong sạch bộ máy công quyền là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của quốc gia. Họ không chỉ nói mà đã hành động một cách quyết liệt để loại bỏ tham nhũng ra khỏi đời sống xã hội.<sup>6</sup>

**Khung pháp lý nghiêm khắc và toàn diện:** Vũ khí chính của Singapore là Đạo luật Phòng chống tham nhũng (Prevention of Corruption Act - PCA), được ban hành từ năm 1960 và liên tục được củng cố.<sup>7</sup> Điểm đặc biệt của PCA là định nghĩa về "gratification" (lợi ích, bổng lộc) được quy định rất rộng, bao gồm không chỉ tiền bạc, quà tặng, các khoản vay mà còn cả các lợi ích vô hình như "bất kỳ dịch vụ, sự ưu ái hay lợi thế nào khác".<sup>8</sup> Điều này giúp pháp luật có thể bao quát gần như mọi hình thức hối lộ tinh vi. Hơn nữa, PCA còn có hiệu lực ngoài lãnh thổ, cho phép truy tố công dân Singapore có hành vi tham nhũng ở nước ngoài như thể hành vi đó được thực hiện tại Singapore.<sup>9</sup>

**Cơ quan chống tham nhũng độc lập và quyền lực (CPIB):** Cục Điều tra các hành vi tham nhũng (Corrupt Practices Investigation Bureau - CPIB) là trái tim của hệ thống chống tham nhũng Singapore. Đây là một cơ quan độc lập, không thuộc lực lượng cảnh sát và chỉ báo cáo trực tiếp cho Văn phòng Thủ tướng.<sup>9</sup> Sự độc lập này đảm bảo CPIB có thể điều tra bất kỳ ai, bất kể chức vụ hay địa vị, mà không bị can thiệp chính trị. CPIB được trao những quyền hạn rất lớn, bao gồm quyền bắt giữ người bị tình nghi mà không cần lệnh của Viện kiểm sát, quyền khám xét, thu giữ bằng chứng, và quyền truy cập vào tài khoản ngân hàng, sổ sách tài chính của nghi phạm.<sup>6</sup>

**Chế độ đãi ngộ hợp lý đi đôi với chế tài nghiêm khắc:** Singapore thực hiện chính sách trả lương rất cao cho công chức, đặc biệt là các vị trí lãnh đạo, nhằm đảm bảo họ có một cuộc sống sung túc và giảm thiểu động cơ tìm kiếm lợi ích bất chính. Tuy nhiên, đi kèm với đó là những hình phạt cực kỳ nghiêm khắc cho hành vi tham nhũng, bao gồm phạt tù nặng, phạt tiền cao, tịch thu tài sản và mất hết mọi chế độ đãi ngộ. Thông điệp rất rõ ràng: cái giá phải trả cho tham nhũng là quá đắt.

## **1.2. Các cơ chế đặc thù đối với công tác phòng chống tham nhũng ở Singapore**

**Kiểm soát tài sản, thu nhập:** Singapore có hệ thống kê khai tài sản, thu nhập bắt buộc đối với công chức.<sup>10</sup> Tuy nhiên, một điểm khác biệt căn bản so với nhiều quốc gia khác là các bản kê khai này được thực hiện một cách bí mật. Chúng không được công khai cho công chúng mà được lưu giữ và chỉ do CPIB sử dụng cho mục đích điều tra khi có nghi ngờ về hành vi tham nhũng hoặc khi phát hiện một công chức có lối sống xa hoa, sở hữu tài sản không tương xứng với thu nhập.<sup>8</sup> Chính phủ Singapore cho rằng việc công khai tài sản có thể xâm phạm quyền riêng tư của công chức, dễ bị lợi dụng để bôi nhọ, tấn công chính trị và không thực sự cần thiết khi đã có một cơ quan giám sát đủ mạnh, liêm chính và hiệu quả như CPIB.<sup>11</sup>

**Bảo vệ người tố cáo:** Đạo luật PCA có các điều khoản bảo vệ danh tính của người cung cấp thông tin (informer). Tên và địa chỉ của họ được giữ bí mật tuyệt đối trong suốt quá trình tố tụng và không được tiết lộ tại tòa án, trừ những trường hợp đặc biệt khi tòa án cho rằng công lý không thể được thực thi nếu không tiết lộ danh tính người tố cáo.<sup>8</sup> Tuy nhiên, cần lưu ý rằng Singapore không có một đạo luật bảo vệ người tố cáo (Whistleblower Protection Act) riêng biệt và toàn diện như một số quốc gia khác. Cơ chế bảo vệ chủ yếu tập trung vào việc giữ bí mật danh tính thay vì một hệ thống các biện pháp bảo vệ toàn diện khỏi sự trả thù trong công việc hay các khía cạnh khác.<sup>12</sup>

**Vai trò của xã hội và truyền thông:** Mô hình chống tham nhũng của Singapore là một mô hình điển hình do nhà nước dẫn dắt từ trên xuống. Vai trò của các tổ chức xã hội

dân sự và truyền thông trong việc điều tra, phanh phui tham nhũng không thực sự nổi bật. Thay vào đó, sự tin tưởng của công chúng được xây dựng dựa trên kết quả thực tế, vào hiệu quả và sự trong sạch đã được chứng minh của bộ máy chính phủ, được củng cố bởi các hoạt động giáo dục và truyền thông của chính CPIB.<sup>13</sup>

Phân tích mô hình Singapore cho thấy một sự đánh đổi có ý thức giữa các giá trị. Họ đã ưu tiên tính hiệu quả trong điều tra và xử lý, sự ổn định của hệ thống công vụ lên trên tính minh bạch tuyệt đối theo kiểu đại chúng. Thay vì công khai tài sản của tất cả công chức để xã hội giám sát, họ trao quyền lực và sự tin tưởng gần như tuyệt đối cho một cơ quan chuyên trách là CPIB để thực hiện vai trò giám sát đó. Họ cho rằng việc công khai rộng rãi có thể dẫn đến các cuộc tấn công chính trị vô căn cứ, gây bất ổn và làm nản lòng những người tài muốn gia nhập khu vực công. Đây là một sự đánh đổi có tính toán: hy sinh một phần minh bạch với công chúng để đổi lấy hiệu quả thực thi tập trung, sự bảo vệ quyền riêng tư cho công chức và sự ổn định của hệ thống. Mô hình này có thể thành công trong bối cảnh đặc thù của Singapore – một quốc gia nhỏ với một hệ thống chính trị ổn định và một cơ quan chống tham nhũng được xây dựng với mức độ liêm chính và chuyên nghiệp rất cao.

## **2. Phòng chống tham nhũng ở Hàn Quốc: Cải cách dân chủ và Sự tham gia của xã hội (A Democratic Reform and Societal Participation Model)**

Nếu Singapore là ví dụ về một cuộc cách mạng chống tham nhũng từ trên xuống, thì Hàn Quốc lại là một điển hình của quá trình cải cách được thúc đẩy mạnh mẽ từ dưới lên, nơi áp lực của xã hội dân sự và công chúng đóng vai trò then chốt, buộc chính quyền phải thay đổi và hành động.

### **2.1. Các trụ cột chính**

**Cải cách từ áp lực xã hội:** Cuộc chiến chống tham nhũng ở Hàn Quốc gắn bó mật thiết với quá trình dân chủ hóa đất nước từ cuối những năm 1980. Các tổ chức xã hội dân sự (Civil Society Organizations - CSOs) mạnh mẽ và các phong trào công dân đã liên tục gây áp lực, giám sát và yêu cầu chính phủ phải minh bạch, có trách nhiệm giải trình. Các vụ bê bối tham nhũng lớn bị phanh phui đã châm ngòi cho sự phẫn nộ của công chúng, tạo ra động lực chính trị không thể đảo ngược cho các cuộc cải cách.<sup>13</sup>

**Cơ quan chống tham nhũng tích hợp (ACRC):** Để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, năm 2008, Hàn Quốc đã thành lập Ủy ban Chống tham nhũng và Quyền công dân (Anti-Corruption and Civil Rights Commission - ACRC) bằng cách hợp nhất ba cơ quan riêng rẽ: Thanh tra Quốc gia, Ủy ban Độc lập Chống tham nhũng và Ủy ban Khiếu nại Hành chính.<sup>15</sup> Mô hình "3 trong 1" này cho phép ACRC thực hiện các chức năng một

cách tích hợp: xây dựng chính sách chống tham nhũng, đánh giá rủi ro tham nhũng trong các văn bản pháp luật, xử lý khiếu nại của người dân đối với các cơ quan công quyền, và đặc biệt là thực thi các chương trình bảo vệ và khen thưởng người tố cáo.<sup>14</sup>

### **Các đạo luật mang tính bước ngoặt**

**(1). Đạo luật Ngăn chặn Gạ gẫm và Tham nhũng (Luật Kim Young-ran, 2016):** Đây là một đạo luật đột phá, có tác động sâu rộng đến văn hóa xã hội Hàn Quốc. Đạo luật này không chỉ trừng phạt hành vi hối lộ mà còn hình sự hóa cả hành vi "gạ gẫm không đúng đắn" (improper solicitation), ngay cả khi chưa có lợi ích vật chất nào được trao đổi.<sup>15</sup> Quan trọng hơn, nó đặt ra các giới hạn giá trị rất cụ thể và chặt chẽ đối với việc công chức nhận quà tặng, bữa ăn, được biết đến với quy tắc "3-5-10": không quá 30.000 won (khoảng 25 USD) cho một bữa ăn, 50.000 won (khoảng 41 USD) cho quà tặng, và 100.000 won (khoảng 83 USD) cho tiền mừng cưới hoặc phúng điếu.<sup>16</sup>

**(2). Đạo luật Đạo đức Công vụ (Public Service Ethics Act):** Đạo luật này thiết lập một hệ thống kê khai và công khai tài sản, thu nhập mạnh mẽ, là công cụ giám sát hữu hiệu của xã hội.<sup>17</sup>

**(3). Đạo luật Bảo vệ Người tố cáo vì lợi ích công (Act on the Protection of Public Interest Whistleblowers, 2011):** Cung cấp một trong những cơ chế bảo vệ người tố cáo toàn diện và mạnh mẽ nhất thế giới, áp dụng cho cả khu vực công và tư.<sup>17</sup>

**Vai trò của xã hội dân sự và truyền thông:** Các tổ chức như People's Solidarity for Participatory Democracy (PSPD) đóng vai trò then chốt. Họ không chỉ vận động hành lang để thông qua các đạo luật chống tham nhũng quan trọng (như Luật Kim Young-ran) mà còn tích cực giám sát chính phủ, theo dõi hoạt động của các nghị sĩ, phản phui các vụ việc tham nhũng và khởi kiện các vụ kiện vì lợi ích công.<sup>13</sup> Truyền thông tự do cũng góp phần quan trọng trong việc điều tra và đưa các vụ bê bối ra ánh sáng.

### **2.2. Các cơ chế đặc thù đối với công tác phòng chống tham nhũng ở Hàn Quốc**

**Kiểm soát tài sản, thu nhập:** Trái ngược với mô hình bí mật của Singapore, hệ thống kê khai tài sản của Hàn Quốc đề cao tính **công khai**. Theo Đạo luật Đạo đức Công vụ, tài sản của hơn 220.000 công chức từ cấp 4 (tương đương cấp Vụ) trở lên, cùng với tài sản của vợ/chồng và con cái, phải được kê khai hằng năm thông qua hệ thống điện tử PETI (Public Ethics and Transparency Initiative). Thông tin kê khai của các quan chức cấp cao (cấp 1 trở lên) sau đó được công khai trên công báo và các phương tiện truyền thông, cho phép công chúng, báo chí và các tổ chức xã hội giám sát chặt chẽ.<sup>19</sup> Cơ chế này tạo ra một áp lực liên chính rất lớn đối với các quan chức.

**Bảo vệ người tố cáo:** Hàn Quốc xây dựng một hệ thống bảo vệ người tố cáo được



xem là hình mẫu. Đạo luật Bảo vệ Người tố cáo vì lợi ích công không chỉ đảm bảo giữ bí mật tuyệt đối danh tính người báo cáo, mà còn nghiêm cấm mọi hình thức trả thù (như sa thải, giáng chức, điều chuyển công tác bất lợi) và có cơ chế phục hồi vị trí công việc cho người bị trả thù.<sup>17</sup> Điểm đặc biệt hấp dẫn là cơ chế khen thưởng tài chính rất hậu hĩnh. Người tố cáo có thể nhận được khoản thưởng lên tới 3 tỷ won (khoảng 3 triệu USD) nếu thông tin của họ giúp nhà nước thu hồi lại được tài sản, cùng với các khoản tiền cứu trợ để bù đắp các chi phí phát sinh (chi phí y tế, kiện tụng, mất thu nhập).<sup>18</sup> Điều này tạo động lực vật chất mạnh mẽ, khuyến khích người dân dũng cảm đứng ra tố cáo tiêu cực.

**Luật Kim Young-ran:** Đạo luật này là một công cụ sắc bén để chống lại "tham nhũng vặt" và phá vỡ "văn hóa quà biếu" vốn đã ăn sâu vào xã hội Hàn Quốc và nhiều nước châu Á khác. Bằng cách đặt ra các giới hạn bằng con số cụ thể, rõ ràng, nó đã tạo ra một ranh giới pháp lý không thể chối cãi cho các hành vi mà trước đây thường được biện minh là "thông lệ xã hội" hay "tình cảm". Điều này giúp thay đổi nhận thức và hành vi của cả công chức và người dân, góp phần làm trong sạch môi trường công vụ từ những việc nhỏ nhất.<sup>15</sup>

Thành công của Hàn Quốc cho thấy sức mạnh to lớn của sự kết hợp cộng hưởng giữa áp lực từ dưới lên và cải cách từ trên xuống. Nó không phải là một quá trình chỉ dựa vào ý chí của một vài nhà lãnh đạo, mà là kết quả của một cuộc đấu tranh xã hội bền bỉ. Các phong trào xã hội mạnh mẽ, được dẫn dắt bởi các CSO tâm huyết, đã tạo ra một áp lực chính trị không thể phớt lờ, buộc chính phủ phải lắng nghe và hành động.<sup>13</sup> Đáp lại, chính phủ đã thể chế hóa các yêu cầu của xã hội thành những đạo luật và cơ chế mạnh mẽ, có tính thực thi cao như ACRC, Luật Kim Young-ran, và hệ thống bảo vệ người tố cáo. Sự kết hợp giữa cơ chế giám sát xã hội rộng rãi (thông qua kê khai tài sản công khai, vai trò tích cực của CSOs và truyền thông) và các công cụ pháp lý sắc bén của nhà nước đã tạo thành một vòng lặp tích cực, giúp duy trì và thúc đẩy đà cải cách chống tham nhũng một cách bền vững.

### **3. Bài học kinh nghiệm và hàm ý chính sách cho Việt Nam**

Việc phân tích các mô hình quốc tế thành công không nhằm mục đích tìm kiếm một công thức áp đặt cho Việt Nam, bởi mỗi quốc gia có một bối cảnh lịch sử, văn hóa và thể chế chính trị riêng. Thay vào đó, mục tiêu là chất lọc những nguyên tắc phổ quát, những công cụ hiệu quả và những ý tưởng đột phá để từ đó đề xuất các hàm ý chính sách phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN, TC, LP tại Việt Nam.

**3.1. Về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi: Hướng tới một bộ máy tinh gọn, hiệu quả**

Kinh nghiệm từ tính độc lập, tập trung và quyền lực của CPIB (Singapore) cũng như mô hình tích hợp đa chức năng, hiệu quả của ACRC (Hàn Quốc) đều cho thấy tầm quan trọng của việc có một hoặc một số cơ quan đầu mối được trao đủ thẩm quyền, nguồn lực và hoạt động một cách chuyên nghiệp, không bị can thiệp. Đối chiếu với thực trạng tại Việt Nam, nơi còn tồn tại sự chồng chéo, phân tán trong chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, một số bài học và hàm ý chính sách có thể được rút ra.

Trước hết, cần phải giải quyết một cách căn cơ và triệt để tình trạng chồng chéo giữa hoạt động của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và hệ thống thanh tra chuyên ngành. Mặc dù Luật Thanh tra năm 2022 đã có những quy định về phối hợp xử lý chồng chéo, nhưng trên thực tế, vấn đề này vẫn gây ra nhiều phiền hà cho doanh nghiệp và các địa phương, làm lãng phí nguồn lực và giảm hiệu quả giám sát tổng thể.<sup>5</sup> Cần có một cơ chế pháp lý ở tầm cao hơn, có thể là một Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc một Nghị định của Chính phủ, để phân định một cách rạch ròi, minh bạch về phạm vi, đối tượng, nội dung và thẩm quyền giữa thanh tra và kiểm toán. Cơ chế này cần xác định rõ cơ quan nào chủ trì, cơ quan nào phối hợp đối với từng loại đối tượng, lĩnh vực cụ thể, tránh tình trạng một đơn vị phải tiếp nhiều đoàn trong một năm với cùng một nội dung.

Thứ hai, cần nghiên cứu tăng cường hơn nữa vai trò và thực quyền của Ban Chỉ đạo Trung ương và cấp tỉnh trong việc điều phối, giám sát và đôn đốc thực thi. Ban Chỉ đạo đã chứng tỏ vai trò hạt nhân lãnh đạo vô cùng hiệu quả trong việc chỉ đạo xử lý các đại án. Tuy nhiên, cần làm rõ và thể chế hóa mạnh mẽ hơn cơ chế để Ban Chỉ đạo có thể giám sát việc thực thi các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán một cách hữu hiệu hơn. Thực tế cho thấy nhiều kết luận, kiến nghị có giá trị của Thanh tra, Kiểm toán chưa được các đối tượng liên quan thực hiện nghiêm túc, hoặc thực hiện chậm trễ. Cần có cơ chế để Ban Chỉ đạo có thể yêu cầu, đôn đốc và áp đặt chế tài đối với các trường hợp chây ì, không thực hiện kết luận, kiến nghị, tránh tình trạng "kết luận rồi để đó".

Cuối cùng, việc **xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách PCTN** là yếu tố quyết định. Học hỏi mô hình tuyển chọn, đào tạo và đãi ngộ của Singapore, Việt Nam cần tập trung xây dựng một đội ngũ cán bộ làm công tác nội chính, thanh tra, kiểm toán, điều tra thực sự tinh nhuệ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, và đặc biệt là có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao. Những cán bộ này cần được trao đủ quyền hạn để thực thi nhiệm vụ, đồng thời phải có cơ chế bảo vệ họ và người thân khỏi sự trả thù, trù dập, cũng như có chế độ đãi ngộ tương xứng để họ yên tâm công tác và giữ gìn sự liêm chính.



### **3.2. Về tăng cường các biện pháp phòng ngừa: "Nhốt quyền lực vào trong lòng cơ chế"**

Phòng ngừa luôn là biện pháp căn cơ và hiệu quả nhất. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy các công cụ phòng ngừa hiệu quả nhất tập trung vào việc kiểm soát tài sản, thu nhập và quản lý xung đột lợi ích. Một trong những vấn đề gây tranh luận nhất hiện nay là nên công khai hay giữ bí mật các bản kê khai tài sản, thu nhập. Mô hình bí mật của Singapore và mô hình công khai của Hàn Quốc cho thấy sự tương phản rõ rệt. Singapore ưu tiên hiệu quả điều tra và bảo vệ quyền riêng tư của công chức, nhưng hy sinh sự giám sát của xã hội. Hàn Quốc ngược lại, đề cao giám sát xã hội nhưng đối mặt với nguy cơ thông tin bị lạm dụng cho các mục đích chính trị hoặc bôi nhọ cá nhân. Việt Nam có thể học hỏi từ cả hai mô hình này và xây dựng một lộ trình phù hợp.

Luật PCTN 2018 đã là một bước tiến lớn khi chuyển từ "kê khai" sang "kiểm soát" tài sản, thu nhập. Tuy nhiên, khâu yếu nhất trong thực thi vẫn là việc xác minh tính trung thực của bản kê khai và đặc biệt là xử lý đối với phần tài sản, thu nhập tăng thêm mà người kê khai không giải trình được một cách hợp lý về nguồn gốc.<sup>20</sup> Do đó, hàm ý chính sách cho Việt Nam có thể đi theo một lộ trình gồm hai giai đoạn:

**Giai đoạn 1 (Ngắn hạn và trung hạn):** Trước mắt, cần tập trung vào việc nâng cao năng lực và hiệu quả của các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đã được thành lập theo Luật PCTN 2018. Tăng đáng kể tỷ lệ xác minh ngẫu nhiên hằng năm từ mức hiện tại, đồng thời tập trung xác minh có trọng tâm, trọng điểm vào các vị trí công tác và các lĩnh vực nhạy cảm, có rủi ro tham nhũng cao (như quản lý đất đai, đầu tư công, mua sắm công, cấp phép dự án...). Cần sớm có cơ chế xử lý hình sự đối với hành vi làm giàu bất chính, khi đó việc không giải trình được nguồn gốc tài sản sẽ là một căn cứ quan trọng để các cơ quan chức năng tiến hành điều tra.

**Giai đoạn 2 (Dài hạn):** Sau khi đã củng cố vững chắc năng lực của các cơ quan chuyên trách và hoàn thiện cơ sở pháp lý về xử lý tài sản bất minh, có thể nghiên cứu thí điểm việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập đối với một số nhóm chức danh lãnh đạo, quản lý cấp cao nhất (ví dụ: Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và tương đương, Bí thư, Chủ tịch các tỉnh, thành phố). Việc công khai này, tương tự mô hình Hàn Quốc, sẽ tạo ra một kênh giám sát mạnh mẽ từ xã hội, báo chí và nhân dân. Tuy nhiên, việc này phải đi đôi với việc xây dựng một cơ chế pháp lý chặt chẽ để bảo vệ danh dự, uy tín của cán bộ trước các thông tin sai lệch, vu khống, và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng việc công khai để tấn công, hạ bệ cán bộ.

Bên cạnh đó, để giải quyết vấn nạn "tham nhũng vặt" và "tiêu cực" trong công vụ

hàng ngày, kinh nghiệm từ Luật Kim Young-ran của Hàn Quốc là vô cùng quý báu. Việt Nam cần nghiên cứu để thể chế hóa các quy định hiện hành về tặng quà, nhận quà thành những quy tắc chặt chẽ hơn, với các giới hạn về giá trị bằng con số cụ thể, rõ ràng và dễ áp dụng. Cần định nghĩa và cấm các hành vi "gạ gẫm, nhờ vả không chính đáng", vốn là những biểu hiện tinh vi của lợi dụng chức vụ, quyền hạn. Việc có một ranh giới pháp lý rõ ràng sẽ giúp cán bộ, công chức biết việc gì được làm, việc gì không, đồng thời tạo cơ sở để xử lý các vi phạm, góp phần làm trong sạch môi trường công vụ.

### **3.3. Về hoàn thiện cơ chế phát hiện và xử lý: Khuyến khích và bảo vệ "tai mắt" của nhân dân**

Tham nhũng là hành vi được che giấu tinh vi, do đó việc phát hiện nó phụ thuộc rất nhiều vào "tai mắt" của quần chúng nhân dân và những người trong cuộc. Kinh nghiệm từ các đạo luật bảo vệ người tố cáo toàn diện của Hàn Quốc cho thấy, khi người tố cáo được bảo vệ hiệu quả và được khen thưởng xứng đáng, họ sẽ mạnh dạn hơn trong việc đấu tranh với tiêu cực.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng và khuyến khích vai trò của nhân dân trong PCTN. Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực là một chủ trương đúng đắn.<sup>10</sup> Tuy nhiên, trên thực tế, người tố cáo vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, bị trả thù, trù dập dưới nhiều hình thức tinh vi, trong khi các biện pháp bảo vệ còn chưa đủ mạnh và thiếu cụ thể. Để khắc phục, cần có những giải pháp quyết liệt hơn.

Thứ nhất, cần **nâng cao hiệu quả thực thi và tiến tới luật hóa các quy định về bảo vệ người tố cáo**. Các quy định trong Chỉ thị 27 cần được cụ thể hóa thành các điều khoản có tính pháp lý cao hơn, có thể trong Luật Tố cáo (sửa đổi) hoặc nghiên cứu xây dựng một đạo luật riêng về bảo vệ người tố cáo như kinh nghiệm của Hàn Quốc. Đạo luật này cần quy định chi tiết các biện pháp bảo vệ, bao gồm: bảo vệ bí mật tuyệt đối về thông tin cá nhân; các biện pháp bảo vệ vị trí việc làm, chống lại mọi hình thức sa thải, giáng chức, gây khó khăn trong công việc; các biện pháp bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản cho người tố cáo và người thân của họ khi cần thiết.<sup>17</sup>

Thứ hai, cần **xây dựng cơ chế khen thưởng, bồi thường thực chất và hấp dẫn**. Học hỏi kinh nghiệm của Hàn Quốc cần có quy định rõ ràng về việc trích thưởng theo tỷ lệ phần trăm từ số tài sản tham nhũng thu hồi được cho người có công tố cáo. Đồng thời, cần có quỹ hỗ trợ để bồi thường những thiệt hại mà người tố cáo phải gánh chịu (như chi phí đi lại, chi phí pháp lý, tổn thất về thu nhập). Một cơ chế khen thưởng, bồi thường minh bạch và hậu hĩnh sẽ là động lực vật chất quan trọng, khuyến khích người dân tham

gia vào cuộc đấu tranh này.

Thứ ba, cần **thiết lập các kênh tố cáo ẩn danh, an toàn và tin cậy**. Bên cạnh các kênh truyền thống, cần phát triển và quảng bá rộng rãi các nền tảng công nghệ, các ứng dụng, cổng thông tin điện tử cho phép người dân gửi thông tin, bằng chứng tố cáo một cách ẩn danh, an toàn và bảo mật, tương tự như cổng eComplaint của Singapore.<sup>53</sup> Điều này sẽ giúp giảm bớt nỗi sợ bị lộ danh tính và bị trả thù, đặc biệt đối với những người tố cáo đang làm việc trong chính các cơ quan, tổ chức có tiêu cực.

### **3.4. Về phát huy vai trò của xã hội và xây dựng văn hóa liêm chính: Xây dựng "thành trì" từ trong nhận thức**

Cuộc chiến chống tham nhũng không thể thành công nếu chỉ dựa vào các cơ quan nhà nước. Kinh nghiệm của Hàn Quốc với vai trò nổi bật của các CSO<sup>13</sup> cho thấy sức mạnh to lớn của xã hội trong việc tạo ra một môi trường không dung túng cho tham nhũng. Đối với Việt Nam, cần có những cơ chế cụ thể và thực chất hơn để **phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và người dân**. Cần tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện hiệu quả chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức. Điều này bao gồm việc đảm bảo thực thi hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin, tạo điều kiện cho báo chí điều tra các vụ việc tiêu cực một cách an toàn và được pháp luật bảo vệ.

Song song với đó, cần **tiếp tục đẩy mạnh công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình** như một nguyên tắc quản trị cốt lõi. Mọi hoạt động sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, từ quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản đến mua sắm công, đều phải được công khai một cách tối đa, chi tiết và dễ tiếp cận trên các cổng thông tin điện tử. Khi mọi thông tin đều minh bạch, người dân và doanh nghiệp có thể giám sát, và các hành vi tham nhũng, lãng phí sẽ khó có đất sống.

Cuối cùng, một giải pháp mang tính gốc rễ và lâu dài là **xây dựng văn hóa liêm chính**. Cần đẩy mạnh công tác giáo dục về đạo đức công vụ, về sự liêm chính, về tinh thần phục vụ nhân dân trong toàn bộ hệ thống chính trị và trong toàn xã hội. Nội dung giáo dục về PCTN cần được đưa vào chương trình giảng dạy trong các cấp học một cách thiết thực, không hình thức. Mục tiêu là để "nói không với tham nhũng, tiêu cực, lãng phí" không chỉ là một khẩu hiệu, mà phải trở thành một chuẩn mực đạo đức, một giá trị văn hóa ăn sâu vào trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí là một hành trình đầy thử thách nhưng cũng là một yêu cầu tất yếu để đảm bảo sự phát triển bền vững và sự trường tồn của chế độ. Qua việc nghiên cứu sâu kinh nghiệm từ các mô hình thành công trên thế giới, bài tham luận đã rút ra những kết luận quan trọng. Không có một mô hình chống tham nhũng vạn năng nào có thể áp dụng cho mọi quốc gia. Mô hình Singapore cho thấy sức mạnh của ý chí chính trị và một cơ quan chuyên trách quyền lực; mô hình Hàn Quốc chứng minh vai trò không thể thiếu của xã hội dân sự và các đạo luật đột phá. Mỗi mô hình đều có những ưu điểm và hạn chế, phù hợp với bối cảnh chính trị - xã hội riêng. Đối với Việt Nam, cuộc chiến này mang những đặc thù riêng với việc đấu tranh đồng thời trên cả ba mặt trận: tham nhũng, tiêu cực và lãng phí, đòi hỏi một cách tiếp cận tổng thể, kết hợp hài hòa giữa các biện pháp của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Từ những phân tích đó, bài tham luận xin đề xuất một số nhóm kiến nghị chính sách mang tính chiến lược và đồng bộ:

**1. Về thể chế và thực thi:** Cần ưu tiên cải cách theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Phải có cơ chế pháp lý mạnh mẽ để phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, khắc phục triệt để sự chồng chéo giữa các cơ quan thanh tra, kiểm toán. Đồng thời, cần tiếp tục củng cố, tăng cường thực quyền cho Ban Chỉ đạo các cấp trong vai trò điều phối, đôn đốc, giám sát việc thực thi pháp luật và các kết luận sau thanh tra, kiểm toán. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách PCTN thực sự trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực, quyền hạn và được bảo vệ tương xứng là yếu tố then chốt.

**2. Về phòng ngừa:** Cần hoàn thiện các công cụ phòng ngừa mang tính nền tảng. Đối với cơ chế kiểm soát tài sản, thu nhập, cần thực hiện theo một lộ trình thận trọng nhưng quyết liệt: trước mắt, tập trung nâng cao năng lực xác minh và xử lý tài sản bất minh; về lâu dài, nghiên cứu thí điểm công khai bản kê khai đối với các chức danh lãnh đạo cao nhất để tăng cường giám sát xã hội. Đồng thời, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, cần thể chế hóa các quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về kiểm soát xung đột lợi ích và các hành vi "tham nhũng vặt" để làm trong sạch môi trường công vụ từ gốc.

**3. Về phát hiện và xử lý:** Cần tạo ra một cơ chế thực sự hiệu quả để khuyến khích và bảo vệ người dân tham gia phát hiện, tố cáo tham nhũng. Cần sớm luật hóa các quy định về bảo vệ người tố cáo một cách toàn diện, bao gồm bảo vệ bí mật, việc làm, an toàn và có cơ chế khen thưởng, bồi thường vật chất xứng đáng, hấp dẫn. Phát triển các kênh tố cáo ẩn danh, an toàn dựa trên nền tảng công nghệ là một giải pháp cấp thiết.

**4. Về văn hóa và xã hội:** Phải xây dựng một "thành tri" chống tham nhũng từ trong nhận thức và sự tham gia của toàn xã hội. Cần tiếp tục đẩy mạnh công khai, minh

bach, trách nhiệm giải trình trong mọi hoạt động của nhà nước. Tạo cơ chế thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và người dân thực hiện hiệu quả vai trò giám sát, phản biện. Đặc biệt, phải kiên trì, bền bỉ trong công tác giáo dục, để xây dựng văn hóa liêm chính trở thành một giá trị cốt lõi, một sức đề kháng tự nhiên của toàn xã hội trước tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Tóm lại, cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tại Việt Nam đang ở một giai đoạn mới, đòi hỏi sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa "xây" và "chống", giữa việc kiên quyết trừng trị những kẻ phạm tội và việc xây dựng các cơ chế phòng ngừa căn cơ, bền vững. Việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quốc tế, với một quyết tâm chính trị cao độ và sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân, chính là chìa khóa để đi đến thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến cam go này.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tham nhũng, tiêu cực - những hệ lụy và giải pháp phòng, chống, accessed August 13, 2025, <https://tapchiquptd.vn/vi/binh-luan-phe-phan/tham-nhung-tieu-cuc-nhung-he-luy-va-giai-phap-phong-chong/6137.html>

2. Luận giải về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn hiện nay, accessed August 13, 2025, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/15/luan-giai-ve-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-va-giai-phap-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-trong-giai-doan-hien-nay/>

3. Khái niệm về tham nhũng, tiêu cực và các hành vi tham nhũng, tiêu cực - - Thanh tra tỉnh Thanh Hóa, accessed August 13, 2025, <https://thanhtra.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2025-4-14/Khai-niem-ve-tham-nhung-tieu-cuc-va-cac-hanh-vi-thdwcrc.aspx>

4. Phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng - Trang TTĐT Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Bình, accessed August 13, 2025, <https://noichinh.quangbinh.gov.vn/3cms/phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-lang-phi-la-nhiem-vu-quan-trong-thuong-xuyen-trong-cong-tac-.htm>

5. OPEN-ENDED INTERGOVERNMENTAL WORKING GROUP ON THE PREVENTION OF CORRUPTION THEMATIC COMPILATION OF RELEVANT INFORMATION SUBMITTED - UNODC, accessed August 13, 2025, [https://www.unodc.org/documents/corruption/WG-Prevention/Art\\_8\\_Financial\\_disclosure\\_declaration\\_of\\_assets/Singapore.pdf](https://www.unodc.org/documents/corruption/WG-Prevention/Art_8_Financial_disclosure_declaration_of_assets/Singapore.pdf)

6. (PDF) Combating corruption in Singapore: a comparative analysis of two scandals, accessed August 13, 2025,

[https://www.researchgate.net/publication/346255809\\_Combating\\_corruption\\_in\\_Singapore\\_a\\_comparative\\_analysis\\_of\\_two\\_scandals](https://www.researchgate.net/publication/346255809_Combating_corruption_in_Singapore_a_comparative_analysis_of_two_scandals)

7. Technologies for Preventing, Detecting, and Combating Corruption - Asia-Pacific Economic Cooperation, accessed August 13, 2025, [https://www.apec.org/docs/default-source/publications/2025/6/225\\_psu\\_apec-anti-corruption-technologies-report.pdf?sfvrsn=3f591235\\_1](https://www.apec.org/docs/default-source/publications/2025/6/225_psu_apec-anti-corruption-technologies-report.pdf?sfvrsn=3f591235_1)

8. Corruption Situation In Singapore - Corrupt Practices Investigation Bureau, accessed August 13, 2025, <https://www.cpib.gov.sg/press-room/press-releases/corruption-situation-singapore/>

9. Fragility and Rule of Law in South Korea - The Borgen Project, accessed August 13, 2025, <https://borgenproject.org/fragility-and-rule-of-law-in-south-korea/>

10. Delegation of the Anti-Corruption and Civil Rights Commission of the Republic of Korea with a visit to the CBA - News, accessed August 13, 2025, <https://www.cba.gov.pl/en/news/38,Delegation-of-the-Anti-Corruption-and-Civil-Rights-Commission-of-the-Republic-of.html>

11. ACT ON THE PREVENTION OF CORRUPTION AND THE ESTABLISHMENT AND MANAGEMENT OF THE ANTI-CORRUPTION AND CIVIL RIGHTS COMMISSION, accessed August 13, 2025, [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_service/lawView.do?hseq=48545&lang=ENG](https://elaw.klri.re.kr/eng_service/lawView.do?hseq=48545&lang=ENG)

12. History & Visions | About ACRC : Anti-corruption ... - 국민권익위원회, accessed August 13, 2025, <https://www.acrc.go.kr/menu.es?mid=a20102000000>

13. The Kim Young-Ran Act and Criminal Corporate Liability, accessed August 13, 2025, <https://www.shinkim.com/attachment/209>

14. public interest whistleblower protection act - Statutes of the Republic of Korea, accessed August 13, 2025, [https://elaw.klri.re.kr/eng\\_mobile/viewer.do?hseq=69285&type=part&key=4](https://elaw.klri.re.kr/eng_mobile/viewer.do?hseq=69285&type=part&key=4)

15. Strengthening Whistleblower Protections (KR0065) - Open Government Partnership, accessed August 13, 2025, <https://www.opengovpartnership.org/members/republic-of-korea/commitments/KR0065/>

16. News & Notice Search, accessed August 13, 2025, [https://www.mpm.go.kr/board/board.do;jsessionid=VKvs99rvO3I-XiDd3kz9PBOb.node05?boardId=bbs\\_0000000000000078&mode=view&cntId=30&category=&pageIdx=1](https://www.mpm.go.kr/board/board.do;jsessionid=VKvs99rvO3I-XiDd3kz9PBOb.node05?boardId=bbs_0000000000000078&mode=view&cntId=30&category=&pageIdx=1)



17. Finland: Ombudsman institutions - United Nations and the Rule of Law, accessed August 13, 2025, <https://www.un.org/ruleoflaw/blog/portfolio-items/finland-ombudsman-institutions/>
18. State Prosecutor for Special Crime | Drupal - Anklagemyndigheden, accessed August 13, 2025, <https://anklagemyndigheden.dk/en/state-prosecutor-for-special-crime>
19. Anti-Corruption and Integrity Outlook 2024 – Country Notes: Finland | OECD, accessed August 13, 2025, [https://www.oecd.org/en/publications/anti-corruption-and-integrity-outlook-2024-country-notes\\_684a5510-en/finland\\_efb29cf6-en.html](https://www.oecd.org/en/publications/anti-corruption-and-integrity-outlook-2024-country-notes_684a5510-en/finland_efb29cf6-en.html)
20. Điểm mới của Luật phòng, chống tham nhũng 2018 liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập, accessed August 13, 2025, <https://tapchitoaan.vn/diem-moi-cua-luat-phong-chong-tham-nhung-2018-lien-quan-den-viec-kiem-soat-tai-san-thu-nhap>
21. Tọa đàm khoa học: “Thực tiễn thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và những vấn đề đặt ra” - Thanh tra chính phủ, accessed August 13, 2025, [https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset\\_publisher/Content/toa-am-khoa-hoc-thuc-tien-thuc-hien-luat-phong-chong-tham-nhung-nam-2018-va-nhung-van-e-at-ra-?6555073](https://thanhtra.gov.vn/xem-chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/Content/toa-am-khoa-hoc-thuc-tien-thuc-hien-luat-phong-chong-tham-nhung-nam-2018-va-nhung-van-e-at-ra-?6555073)

# PHÁT HUY VAI TRÒ NGƯỜI DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG – KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

*ThS. Nguyễn Minh Lý<sup>348</sup>*

**Tóm tắt :** *Tham nhũng là một trong những thách thức lớn nhất đối với hiệu lực – hiệu quả quản lý nhà nước, đối với quản trị quốc gia và phát triển bền vững. Phòng, chống tham nhũng do đó là nhiệm vụ trọng tâm được đặt ra ở nhiều nền công vụ trên toàn thế giới. Trong công cuộc đấu tranh này, người dân không chỉ là đối tượng chịu sự ảnh hưởng mà còn có thể phát huy vai trò như một chủ thể trung tâm. Tham luận tập trung phân tích kinh nghiệm phát huy vai trò người dân trong phòng, chống tham nhũng tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ, từ đó rút ra một số bài học có thể ứng dụng tại Việt Nam để góp phần vào việc đấu tranh hiệu quả phòng, chống tham nhũng.*

**Từ khóa:** *phòng, chống tham nhũng; vai trò người dân; kinh nghiệm quốc tế.*

## **1. Đặt vấn đề**

Tham nhũng từ lâu được xem là một trong những “căn bệnh”, “vấn nạn” nghiêm trọng của đời sống chính trị - xã hội của các quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đe dọa trực tiếp tới sự phát triển bền vững quốc gia. Ở góc độ quản trị công, tham nhũng khiến cản trở các nỗ lực các cải cách hành chính, đổi mới sáng tạo, trực tiếp tác động tiêu cực tới hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan công quyền.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá cùng sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ và sự vận hành nền công vụ hiện đại, phòng, chống tham nhũng không còn là nhiệm vụ đơn lẻ của Nhà nước, mà ngày càng đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực của toàn xã hội, trong đó đặc biệt phải đề cập vai trò quan trọng của người dân trong công cuộc quan trọng này. Thực tiễn cho thấy, khi người dân tham gia tích cực, hiệu quả kiểm soát tham nhũng được nâng cao rõ rệt, thông qua đó củng cố niềm tin của

---

<sup>348</sup> *Phân hiệu Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh*



người dân vào hoạt động của cơ quan công quyền, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

Trong phạm vi nghiên cứu, tham luận chủ yếu phân tích kinh nghiệm về phát huy vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ như Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), và Thụy Điển. Thông qua những kinh nghiệm được phân tích, tham luận đề xuất một số kiến nghị nhằm áp dụng những giải pháp phù hợp góp phần phát huy vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

## **2. Một số vấn đề khái quát**

### ***2.1. Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng***

Theo Ngân hàng Thế giới (1997), “tham nhũng” là sự lạm dụng quyền lực công để thu lợi tư [12].

Theo Từ điển tiếng Việt (2000), “tham nhũng” được hiểu là hành vi “lợi dụng quyền hành để nhũng nhiễu nhân dân và lấy của” [4, tr.910].

Trong khi đó, Liên hợp quốc (2003) không đưa ra một định nghĩa cụ thể khái quát về khái niệm “tham nhũng”, nhưng mô tả khái niệm này thông qua các hành vi như hối lộ, tham ô, lạm dụng chức vụ, làm giàu bất hợp pháp, rửa tiền,... trong Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng UNCAC năm 2003 [11].

Như vậy, một cách khái quát có thể hiểu tham nhũng như một hiện tượng lạm dụng quyền lực hoặc chức nhằm thu lợi ích riêng, biểu hiện qua các hành vi như tham ô, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ để chiếm đoạt tài sản;...

Tại Việt Nam, Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (2018), tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi (khoản 1 Điều 3). Văn bản quy phạm này cũng quy định về các hành vi tham nhũng cụ thể trong nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện và các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 [3].

Mặc dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau về tham nhũng, nhưng phần lớn các quan điểm đều đồng thuận về những tác hại của vấn nạn này, trong đó bao gồm sự tác động làm suy giảm niềm tin của người dân, xã hội đối với cơ quan công quyền; khiến kinh tế phát triển kinh tế; gia tăng bất bình đẳng; tác động tiêu cực đến văn hoá, đạo đức xã hội; đe dọa ổn định chính trị và an ninh quốc gia,...

Đối diện với những sự tác động tiêu cực này, việc phòng, chống tham nhũng rất được chú trọng tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ. Theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC 2003), phòng, chống tham nhũng có thể hiểu là tập hợp các biện pháp pháp lý, thể chế và xã hội nhằm ngăn ngừa, phát hiện, trừng trị và loại bỏ tham nhũng, đồng thời khuyến khích hợp tác quốc tế [11].

Phòng, chống tham nhũng có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan công quyền; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững; tăng cường công bằng xã hội; củng cố nền pháp quyền và đạo đức công vụ; đảm bảo ổn định chính trị và an ninh quốc gia. Ở nhiều quốc gia, phòng, chống tham nhũng không chỉ được xem là một hoạt động pháp lý đơn thuần, mà còn được xem là chính sách mang tính chiến lược quốc gia, là nền tảng để duy trì sự phát triển bền vững và ổn định lâu dài.

## ***2.2. Phát huy vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng***

Có nhiều chủ thể có thể tham gia và thể hiện vai trò quan trọng trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, trong đó có thể đến vai trò của đảng chính trị, của Nhà nước và các cơ quan công quyền, của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, báo chí – truyền thông;... đặc biệt phải kể đến vai trò hết sức quan trọng của người dân trong công cuộc quan trọng này.

Vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng có thể không giống nhau giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ, các giai đoạn, các cách tiếp cận,... tuy nhiên nhìn chung có thể được nhìn nhận thông qua một số điểm cơ bản sau:

- Vai trò là chủ thể giám sát quyền lực thông qua quyền bầu cử, quyền phản biện, tiếp cận thông tin và khiếu nại, tố cáo đối với những hành vi tham nhũng;
- Vai trò là nguồn cung cấp thông tin quan trọng để cơ quan chức năng có thể tiến hành hoạt động điều tra về hành vi tham nhũng;

- Vai trò trong xây dựng văn hoá liêm chính, môi trường minh bạch để tích cực phòng, chống tham nhũng ngay từ đầu;

- Vai trò là đối tác trong hợp tác quốc tế về phòng chống tham nhũng thông qua việc tham gia các mạng lưới, tổ chức, diễn đàn phòng, chống tham nhũng,...

Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, người dân đồng thời giữ vị trí như người giám sát, người kiến tạo, người thụ thưởng kết quả tích cực của công cuộc quan trọng này. Không có sự tham gia của người dân, mọi nỗ lực phòng, chống tham nhũng của các cơ quan chức năng sẽ thiếu cơ sở đảm bảo tính bền vững, hiệu quả. Đảm bảo và phát huy vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng do đó là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

### **3. Kinh nghiệm quốc tế về phát huy vai trò người dân trong phòng, chống tham nhũng**

Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết phân tích chủ yếu một số kinh nghiệm phát huy vai trò của người dân trong công cuộc phòng, chống tham nhũng tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ sau:

#### ***3.1. Kinh nghiệm của Singapore***

Singapore là một trong những quốc gia đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, được xem là một trong những quốc gia có tỷ lệ tham nhũng thấp nhất trên thế giới. Những giải pháp mang tính chất trụ cột để đảm bảo hiệu quả phòng, chống tham nhũng tại Singapore thường được đề cập bao gồm: nền tảng pháp lý vững chắc và toàn diện; sự vận hành của cơ quan chống tham nhũng độc lập và hoạt động hiệu quả; ý chí chính trị mạnh mẽ và văn hoá không khoan nhượng; nền công vụ liêm chính, chế độ đãi ngộ tương xứng và chế độ công vụ dựa trên năng lực;... [2].

Trong phát huy vai trò của người dân trong phòng, chống tham nhũng, một số kinh nghiệm cơ bản có thể tham khảo từ Singapore bao gồm:

*(i) Đảm bảo hiệu quả của hệ thống tố giác và đảm bảo cơ chế bảo vệ thông tin*

Singapore đặc biệt chú trọng vai trò của người dân trong việc phát hiện sai phạm và bảo vệ thông tin của người cung cấp thông tin sai phạm. Người dân có thể

báo cáo sai phạm bằng hình thức nêu tên hoặc ẩn danh, và đều được CPIB (Cục Điều tra tham nhũng, là một cơ quan độc lập thuộc Chính phủ Singapore, có nhiệm vụ điều tra và truy tố các hành vi tham nhũng trong cả khu vực công và tư nhân) xử lý nghiêm túc tất cả các báo cáo. Theo thống kê năm của CPIB năm 2023, khoảng 46% các báo cáo liên quan đến tham nhũng nhận được là báo cáo ẩn danh [13]. Các tố giác có nêu thông tin cá nhân được đảm bảo bảo mật tuyệt đối, giúp người dân yên tâm chia sẻ thông tin nhạy cảm mà không bị e ngại việc bị trả đũa bởi các đối tượng bị tố giác. Điều này giúp CPIB thường xuyên nhận được các thông tin tố giác có giá trị cao từ cộng đồng, tạo lập thêm một kênh để người dân có thể thể hiện vai trò trong công cuộc phòng, chống tham nhũng.

*(ii) Nâng cao nhận thức cộng đồng thông qua giáo dục và truyền thông*

CPIB không chỉ làm công tác điều tra mà còn tổ chức, phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các hoạt động hướng tới nâng cao ý thức liêm chính trong cộng đồng. Ở góc độ của mình, người dân chính là một phần quan trọng để đảm bảo hiệu quả của việc lan toả những giá trị tích cực về liêm chính, công khai, minh bạch,... - những giá trị nền tảng giúp công cuộc phòng, chống tham nhũng tại quốc gia này đạt được những giá trị ngày càng tích cực. Để phát huy nhận thức cộng đồng thông qua hoạt động giáo dục, các hoạt động được chú trọng triển khai bao gồm đưa chương trình học về phòng, chống tham nhũng vào nhà trường, tổ chức các chương trình sáng tạo, trò chơi, cuộc thi liên quan tới phòng, chống tham nhũng để người dân tham gia và thể hiện vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh này. [14]

*(iii) Vai trò đối tác đa dạng từ khu vực tư nhân và truyền thông*

Singapore đã thiết lập một mạng lưới đối tác gồm các doanh nghiệp và các tổ chức chuyên nghiệp thông qua “Anti-Corruption Partnership Network” (ACPN), giúp triển khai các biện pháp chống hối lộ, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, lan toả các tiêu chuẩn liêm chính trong môi trường tổ chức. Các cơ quan truyền thông đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kịp thời đưa hành vi sai phạm ra ánh sáng, phản ánh các phản hồi của người dân thông qua kênh này, kịp thời tạo nên áp lực xã hội cần thiết để thúc đẩy hiệu quả phòng, chống tham nhũng, đồng

thời tạo thêm một kênh để người dân có thể phát huy vai trò trong tổ giác hành vi tham nhũng. [14][15]

*(iv) Cam kết chính trị mạnh mẽ và đảm bảo niềm tin công chúng vào công cuộc phòng, chống tham nhũng*

Đảm bảo niềm tin của người dân, cộng đồng vào công cuộc phòng, chống tham nhũng chiếm một vai trò quan trọng trong việc phát huy vai trò của người dân trong công cuộc này tại Singapore. Singapore đã xây dựng nền tảng phòng chống tham nhũng với sự tập trung vào hệ thống thể chế pháp lý, cơ quan điều tra và truy tố hành vi tham nhũng độc lập CPIB, quy trình xử lý nghiêm khắc đối với hành vi tham nhũng,... thông qua đó tạo thành cam kết chính trị mạnh mẽ và đảm bảo niềm tin công chúng công cuộc lâu dài này. Thống kê kết quả khảo sát qua các năm cho thấy tỷ lệ người dân đánh giá tích cực nỗ lực kiểm soát chống tham nhũng tại Singapore luôn đạt giá trị rất tích cực, điển hình như tỷ lệ người dân đánh giá tích cực nỗ lực này vào năm 2022 lên đến 96% (theo báo cáo thường niên của CPIB) [16].

### ***3.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc***

Hàn Quốc từng đối mặt với nạn tham nhũng mang tính hệ thống, đặc biệt trong các thập niên 1970 – 1990, dẫn tới những tác động không mong muốn trong hoạt động quản trị của quốc gia này. Dù vậy, từ đầu thế kỷ 21, quốc gia này đã có những cải cách quan trọng, một trong những trọng tâm chính là huy động sự tham gia của người dân vào hoạt động phòng, chống tham nhũng với những giải pháp cụ thể.

Để phát huy vai trò của người dân trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, một số những giải pháp sau đã được triển khai tại Hàn Quốc:

*(i) Phát huy vai trò tham gia của người dân thông qua uỷ ban chống tham nhũng*

Được thành lập năm 2008, Uỷ ban Chống tham nhũng và Quyền công dân (ACRC – Anti – Corruption and Civil Rights Commission) có vai trò quan trọng đối với công cuộc phòng chống tham nhũng tại Hàn Quốc. Trong cơ chế vận hành, ACRC triển khai hệ thống cổng thông tin trực tuyến Clean Portal - một kênh quan

trọng để người dân phản ánh hành vi tham nhũng, những nhiễu của cán bộ công quyền thuận tiện, bao gồm cả phương thức ẩn danh. Báo cáo thường niên năm 2022 của ACRC cho thấy cơ quan này đã tiếp nhận đến hàng trăm nghìn lượt khiếu nại liên quan [5], thông qua đó góp phần phát hiện và xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan.

*(ii) Ban hành chuẩn mực liêm chính cụ thể, cung cấp công cụ để người dân thực hiện quyền tố giác*

Năm 2016, Hàn Quốc ban hành một đạo luật quan trọng với tiêu chí cụ thể giúp người dân có thể phát huy vai trò giám sát trong công cuộc phòng, chống tham nhũng (Luật “Kim Young-ran”, đang tiếp tục được xem xét sửa đổi, bổ sung), trong đó quy định chặt chẽ về hành vi, giá trị quà tặng, lợi ích mà công chức, nhà báo,... có thể nhận [8]. Các quy định này tạo nên cơ sở rõ ràng, cụ thể hơn để người dân có thể phát hiện và kịp thời tố giác các hành vi vi phạm.

*(iii) Thực hiện cơ chế bảo vệ người tố cáo*

Việc bảo vệ người tố cáo được thể chế hoá cụ thể thông qua Luật Bảo vệ người tố cáo (Whistleblower Protection Act) được ban hành năm 2011, giúp người dân có thể an tâm thực hiện việc tố giác mà không lo lắng về việc bị trả thù. Đây là một trong những cơ chế quan trọng thúc đẩy người dân thực hiện tốt hơn vai trò trong việc phòng, chống tham nhũng tại quốc gia này.

### ***3.3. Kinh nghiệm của Hồng Kông (Trung Quốc)***

Hồng Kông (Trung Quốc) cũng được xem là một trong những điểm sáng trong kiểm soát tham nhũng ở châu Á với sự thành lập, vận hành rất hiệu quả của Ủy ban Độc lập chống tham nhũng (ICAC – Independent Commission Against Corruption). Bên cạnh đó, vai trò hợp tác và giám sát của người dân rất được chú trọng trong công cuộc phòng, chống tham nhũng tại khu vực này.

Các nghiên cứu cho thấy, thành công của ICAC nói riêng, và của công cuộc phòng, chống tham nhũng tại Hồng Kông (Trung Quốc) nói chung là khá toàn diện, bài bản, bao gồm: điều tra tham nhũng; phòng ngừa tham nhũng và tuyên truyền, giáo dục và phòng, chống tham nhũng [1].

Trong các báo cáo được cập nhật thường xuyên, ICAC nhấn mạnh vai trò của người dân trong việc phát hiện, tố giác các hành vi tham nhũng (chẳng hạn, báo cáo thường niên năm 2023 cho thấy có khoảng 70% vụ việc tham nhũng được phát hiện từ tố cáo của công dân [7]). Số liệu thống kê này cho thấy vai trò quan trọng không thể thiếu của người dân trong việc phòng, chống tham nhũng tại khu vực này. Việc thiết lập các đường dây nóng 24/7, cơ chế tiếp nhận tố cáo ẩn danh, cam kết bảo vệ người phát hiện và cung cấp thông tin,... là những cơ chế được triển khai thực hiện tốt để đảm bảo sự tham gia của người dân vào công cuộc này.

### ***3.4. Kinh nghiệm của Thụy Điển***

Trong công cuộc phòng, chống tham nhũng, Thụy Điển đã triển khai phối hợp nhiều biện pháp giúp phát huy tối đa sự tham gia của người dân như một chủ thể tích cực. Trong đó, có thể kể đến các cơ chế, chính sách như sau:

#### ***(i) Thực hiện mạnh mẽ nguyên tắc minh bạch***

Thụy Điển được cho là một trong những quốc gia tiên phong thực hiện việc áp dụng Đạo luật Tự do thông tin (Freedom of the Press Act, 1766), cho phép công dân tiếp cận hồ sơ, tài liệu công của nhà nước [9]. Đây là cơ sở nền tảng quan trọng giúp người dân nắm bắt và giám sát hoạt động của chính quyền, từ đó tạo tiền đề cho việc phòng, chống tham nhũng ngay từ gốc.

#### ***(ii) Tăng cường độ tin cậy cao giữa nhà nước và công dân***

Thụy điển đặc biệt chú trọng xây dựng văn hoá chính trị - hành chính đề cao liêm chính, trong đó chú trọng tuyển chọn dựa trên năng lực để công chức thực hiện tốt nhất vị trí công việc. Đồng thời, việc tăng cường độ tin cậy cao giữa nhà nước và công dân cũng được chú trọng, giúp hạn chế hình thành “văn hoá quà tặng” hay “cơ chế xin – cho” – vốn là môi trường dễ phát sinh tham nhũng [10].

#### ***(iii) Phát huy vai trò của người dân trong giám sát đa chiều***

Bên cạnh quyền tiếp cận thông tin, người dân còn được tham gia trực tiếp vào cơ chế giám sát đa chiều cùng các trụ cột khác như Nghị viện, cơ quan kiểm toán và thanh tra,... thông qua hoạt động phản biện chính sách để tạo áp lực duy trì sự minh bạch [6].

#### **4. Khuyến nghị áp dụng các giải pháp để phát huy vai trò người dân trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam**

Qua phân tích kinh nghiệm quốc tế tham luận đề xuất một số khuyến nghị như sau nhằm tiếp tục phát huy vai trò người dân trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam:

*Thứ nhất*, tiếp tục tăng cường minh bạch và quyền tiếp cận thông tin của người dân, coi đây là tiền đề người dân có thể nắm được các quy định trong các lĩnh vực liên quan, tạo điều kiện để người dân tham gia phản biện, kiểm chứng những vấn đề chính sách chưa thực sự phù hợp, những hành vi vi phạm.

*Thứ hai*, đa dạng hoá kênh tiếp nhận phản ánh, tố giác hành vi tham nhũng thông qua các nền tảng trực tuyến, đường dây nóng, ứng dụng di động,... một cách nhanh chóng, thuận tiện; đồng thời đảm bảo bảo mật thông tin và đảm bảo an toàn cho người thực hiện việc tố giác.

*Thứ ba*, đẩy mạnh giáo dục văn hoá liêm chính, phòng chống tham nhũng trong cộng đồng thông qua hoạt động giáo dục ở nhà trường, gia đình, đoàn thể ở địa phương,...

*Thứ tư*, xây dựng cơ chế khuyến khích việc phản biện chính sách, trực tiếp giám sát và tố giác hành vi tham nhũng thông qua các phần thưởng có vai trò khích lệ đối với người dân.

*Thứ năm*, phát triển các trò chơi, app học tập, chiến dịch truyền thông,... để nâng cao sự quan tâm, kiến thức, kỹ năng phòng, chống tham nhũng của người dân, tạo điều kiện giúp người dân phát huy vai trò xây dựng văn hoá liêm chính trong cộng đồng.

*Thứ sáu*, phát huy các mô hình học tập kinh nghiệm phát huy vai trò người dân trong phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam trong bối cảnh mới.

#### **5. Kết luận**

Phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ chiến lược, gắn liền với sự minh bạch, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của cơ quan công quyền và niềm tin của xã hội. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy bên cạnh các trụ cột về thể chế pháp lý hay sự vào cuộc của các cơ quan chức năng thì một yếu tố không thể thiếu để đảm bảo



hiệu quả phòng, chống tham nhũng chính là phát huy vai trò của người dân trong công cuộc quan trọng này.

Trong phạm vi nghiên cứu, tham luận đã phân tích một số kinh nghiệm quốc tế trong việc phát huy vai trò người dân trong phòng, chống tham nhũng, đồng thời đề xuất một số khuyến nghị ban đầu nhằm góp phần tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của chủ thể quan trọng này. Dù vậy, các khuyến nghị chỉ mới dừng lại ở mức độ sơ lược ban đầu, cần tiếp tục có sự quan tâm, phân tích thêm kinh nghiệm và nghiên cứu, triển khai cụ thể hơn tại Việt Nam./.

### **Tài liệu tham khảo**

#### **Tài liệu Tiếng Việt**

1. Thái Hải (2021), “Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng từ Hồng Kông, Trung Quốc”, *Báo điện tử Thanh tra*, bài đăng ngày 21/9/2021.
2. Nguyễn Thị Hương (2025), “Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của Singapore và những gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Điện tử Cộng sản*, bài đăng ngày 13/8/2025.
3. Quốc hội (2018), Luật số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2028 – Luật Phòng, chống tham nhũng.
4. Viện Ngôn ngữ (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB. Đà Nẵng.
5. Anti-Corruption and Civil Rights Commission (ACRC). (2022). *Annual Report 2022*. Seoul: ACRC.
6. Council of Europe. (2019). \*GRECO Fourth Evaluation Round.
7. ICAC Hong Kong – Annual Reports.
8. OECD. (2020). *Anti-Corruption Reforms in Korea: Assessment and Recommendations*. Paris: OECD Publishing.
9. Swedish Parliament. (2018). *Freedom of the Press Act*. Stockholm: Sveriges Riksdag.
10. Transparency International. (2020). *National Integrity System Assessment – Sweden*. Berlin: TI.
11. United Nations (2003), United Nations Convention against Corruption.

12. World Bank (1997), Helping Countries Combat Corruption: The Role of the World Bank.
13. <https://www.cpip.gov.sg/press-room/press-releases/constant-vigilance-vital-to-the-fight-against-corruption/#:~:text=The%20corruption%20situation%20in%20Singapore,registered%20for%20investigation%20remained%20low.>
14. <https://en.sggp.org.vn/singapores-anti-corruption-advice-post14671.html>
15. <https://www.cpip.gov.sg/firm-enforcement-strong-partnerships-key-to-securing-a-corruption-free-singapore/>
16. <https://www.cpip.gov.sg/press-room/press-releases/280423-public-vigilance-critical-in-fighting-corruption/>